

SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG  
ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI



**SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG**



**Tập I**

**ANH HÙNG LỰC LƯỢNG  
VŨ TRANG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI**

**CHỦ BIÊN:**  
HUỠNH VĂN TỎI - NGUYỄN MINH HÙNG

**BIÊN SOẠN, BIÊN TẬP:**  
Huỳnh Văn Tỏi - Nguyễn Thị Thùy Trang

**THAM GIA BIÊN SOẠN:**  
Hà Thị Thanh Thúy, Đặng Thị Xuân Thắm, Phan Hoàng Oanh

**ẢNH:**  
Tư liệu, Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai,  
Bảo tàng Đồng Nai.

**BÌA:** Hồ Giáo

# Lời mở

Việt Nam ra ngõ gặp anh hùng. Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, sản sinh nhiều anh hùng trong chiến đấu chống quân xâm lược, dựng nước và giữ nước. Đến khi thực hiện cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xuất hiện nhiều tấm gương anh hùng trong chiến đấu, lao động vì độc lập, tự do, thống nhất, hòa bình cho đất nước. Đó là những anh hùng thời đại Hồ Chí Minh kết tinh phẩm chất tiêu biểu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Theo thể chế của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; anh hùng trong lao động được đánh giá, ghi danh là Anh hùng Lao động, anh hùng trong chiến đấu được tuyên dương là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (AHLVTND) là danh hiệu vinh dự cao quý của Nhà nước phong tặng hoặc truy tặng cho các cá nhân *“có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có đạo đức, phẩm chất cách mạng”* và những tập thể *“có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nội bộ đoàn kết tốt; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh”<sup>(1)</sup>*.

Từ năm 1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Hội Liên Việt chủ trương tổ chức Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua để khích lệ và tuyên dương những tấm gương tiêu biểu chiến đấu và lao động trong phong trào thi đua yêu nước. Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc Lần đầu tiên được tổ chức ngày 19/5/1952 tại Việt Bắc.

Đại hội đã nghe báo cáo và tuyên dương một số gương anh hùng tiêu biểu, thống nhất tên gọi 2 danh hiệu: Anh hùng chiến đấu và

---

(1) Quy định của Luật Thi đua Khen thưởng, ngày 26/11/2003 (Điều 60).

Anh hùng lao động. Tại Đại hội, Tổng Thư ký Đảng Lao động Việt Nam - Trường Chinh có bài phát biểu quan trọng “*Thi đua ái quốc với chủ nghĩa anh hùng mới*”. Nội dung bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh đã nêu rõ quan điểm, chủ trương của Đảng và vai trò, ý nghĩa của anh hùng chiến đấu và anh hùng lao động trong phong trào thi đua ái quốc với chủ nghĩa anh hùng cách mạng theo tư duy mới. Bài phát biểu giải thích cội nguồn và đặc điểm của người anh hùng mới: *Anh hùng mới chỉ có thể, không có gì là “siêu nhân” hết. Phong trào thi đua ái quốc là nguồn vô tận đẻ ra anh hùng mới và cán bộ tốt. Người anh hùng mới là người có lập trường giai cấp rất vững, luôn luôn phân biệt rõ ta và địch, bạn và thù, luôn luôn trung thành với nhân dân, vì quần chúng nhân dân mà hy sinh phấn đấu, có tinh thần phụ trách trước cơ quan lãnh đạo và trước quần chúng, không vì lợi ích của cá nhân mình mà quên lợi ích của đoàn thể, của nhân dân. Khi chiến đấu thì lấy tinh thần anh dũng mà tiêu diệt quân thù, khi sản xuất và công tác thì lấy tư cách của người lao động, người cán bộ, chủ nhân của nhà nước mà làm tròn nhiệm vụ. Đó là những đức tính của anh hùng mới, anh hùng tập thể, khác hẳn anh hùng của các thời đại cũ, anh hùng của giai cấp bóc lột hoặc các anh hùng cá nhân.*

Sau kỳ Đại hội lần thứ nhất, ngày 10/8/1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 107/SL tặng danh hiệu Anh hùng thi đua ái quốc cho 7 chiến sĩ thi đua (gồm 4 Anh hùng quân đội: Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, La Văn Cầu và Cù Chính Lan; và 3 Anh hùng lao động: Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh) và Sắc lệnh 108/SL tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhất cho 24 chiến sĩ thi đua.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, có thêm 2 lần tuyên dương Anh hùng quân đội, vào ngày 31/8/1955 và ngày 7/5/1956. Tính đến năm 1970, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn tổ chức thêm 3 kỳ Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc, đã phong tặng và truy tặng tổng cộng 289 cá nhân và 85 tập thể Anh hùng (gồm cả Anh hùng quân đội và Anh hùng lao động).

Ở miền Nam, Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam lần thứ nhất được tổ chức từ ngày 2 đến ngày 6/5/1965 với gần 150 chiến sĩ thi đua khắp nơi về dự. Tại Đại hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam quyết định tuyên dương 23 Anh hùng quân giải phóng, trong đó có 2 phụ nữ (Tạ Thị Kiều và Nguyễn Thị Út), và 4 Anh hùng là dân tộc ít người. Đại hội lần thứ hai diễn ra trong tháng 9 năm 1967, phong tặng danh hiệu Anh hùng quân giải phóng thêm 47 cá nhân.

Ngày 15/1/1970, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Pháp lệnh về các danh hiệu vinh dự nhà nước: Anh hùng lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Hai tháng sau đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư 34-TTg ngày 11/3/1970 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh. Theo đó, các danh hiệu vinh dự Nhà nước về anh hùng được pháp điển hóa; danh hiệu Anh hùng quân đội được chuyển thành danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ở miền Nam, hưởng theo Pháp lệnh 1970, tại Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam lần thứ ba tổ chức vào năm 1973, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cũng thay đổi danh hiệu Anh hùng quân giải phóng thành danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam.

Sau khi đất nước thống nhất, 2 danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ở miền Bắc và Anh hùng Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam ở miền Nam thống nhất thành một danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Theo Pháp lệnh 1970, các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Anh hùng lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét và quyết định theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ. Theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng 2003, Quyết định phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân do Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt

Nam ký theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ. Cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được cấp bằng và Huy hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tập thể được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được cấp bằng, Huy hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và cờ “Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

Việc phong tặng và truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trên cả nước, trong thời gian qua đã tạo ra động lực tinh thần, niềm tin, và lòng tự hào ở cán bộ và nhân dân khắp các lĩnh vực, các địa phương trong phong trào thi đua yêu nước; đã động viên, biểu dương và truyền lửa cho các thế hệ, các tầng lớp nhân dân học tập, noi theo, làm theo tấm gương của các cá nhân và tập thể anh hùng, làm cho phẩm chất anh hùng nở hoa trong đời sống. Anh hùng sẽ tiếp nối anh hùng.

Qua các đợt phong tặng và truy tặng, theo tổng hợp chưa thật đầy đủ, ở Đồng Nai đã có 73<sup>(2)</sup> tập thể và 31 cá nhân được đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Các cá nhân và tập thể anh hùng đều có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phẩm chất anh hùng của cá nhân và tập thể đã được uơm mầm, nở hoa, tỏa sáng trong đời sống kháng chiến chống xâm lược của Đảng bộ và quân dân Đồng Nai anh hùng. Các tập thể anh hùng LLVTND xuất hiện khắp ở các mặt trận: Trung ương, địa phương, bộ đội, du kích, đặc công, trinh sát, quân y, dân y, tình báo, giao thông, thông tin liên lạc, tù chính trị. Có những đơn vị hiện đã không còn phiên hiệu trong tổ chức nhưng thành tích anh hùng vẫn là sức mạnh tinh thần trong đời sống (Chi đội 10 Chiến khu Đ, Đại đội Lam Sơn, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Đặc công U1, Đội Trinh sát vũ trang Long Khánh và các đội du kích địa phương trong kháng chiến...). Có đơn vị đặc biệt toàn nữ (Đội cối Xuân Lộc, còn

---

(2) Tại thời điểm biên soạn tập sách có 1 xã (xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất) đang thẩm định hồ sơ đề nghị Chủ tịch Nước công nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



gọi là Đội nữ pháo binh huyện Xuân Lộc). Có tập thể được phong tặng đủ các danh hiệu cao quý của Nhà nước: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Xuân Lộc, thị xã Long Khánh). Các cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cũng vậy, rất nhiều anh hùng liệt sĩ, có liệt sĩ chưa qua tuổi 20 (Hồ Thị Hương, Lê A), có liệt sĩ anh hùng là người thuộc dân tộc ít người (Điều Cải), có anh hùng là tình báo lỗi lạc (Trần Văn Trung), có những anh hùng là chiến sĩ đặc công lừng danh (Nguyễn Tấn Vàng, Bùi Văn Hòa, Lê Bá Ước)... Mỗi người là một bông hoa có hương sắc riêng trong vườn hoa anh hùng lung linh nhiều màu sắc.

Tập sách *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai* này là tập I trong bộ sách *Sáng ngời chất ngọc anh hùng* được thực hiện theo chủ trương của Tỉnh ủy và chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai nhằm lưu giữ có hệ thống tư liệu về anh hùng lực lượng vũ trang ở Đồng Nai, làm tài liệu nghiên cứu, giáo dục văn hóa lịch sử cách mạng truyền đời, thiết thực chào mừng Biên Hòa - Đồng Nai 320 năm hình thành và phát triển.

Do mục đích chính trị xã hội phi lợi nhuận, Ban Biên soạn, biên tập xin được phép tra cứu, sử dụng (có điều chỉnh cho phù hợp) hệ thống tài liệu, hình ảnh của các cơ quan, đơn vị và cá nhân các tác giả đã công bố.

Mặc dù đã nhiều cố gắng, nhưng Ban Biên soạn, biên tập vẫn chưa tập hợp đầy đủ tài liệu về các tập thể và cá nhân anh hùng trong tập sách này, nhiều thông tin sai lệch chưa kiểm chứng được, chất lượng hình ảnh chưa cao, chưa phản ánh đầy đủ các giá trị anh hùng thực có của tập thể và cá nhân anh hùng. Kính mong các tập thể, cá nhân anh hùng cùng gia đình và người thân lượng thứ cho những thiếu sót không đáng có. Xin trân trọng ghi nhận ý kiến góp ý của người đọc để có dịp bổ sung, bổ khuyết, nâng cao chất lượng tập sách cho hoàn chỉnh.

**HUỖNH VĂN TỚI**



**PHẦN 1**

**TẬP THỂ ANH HÙNG  
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**





## Đội biệt động Thị xã Long Khánh

Thị xã Long Khánh có vị trí chiến lược hết sức quan trọng: nằm trên trục quốc lộ 1 cách Thành phố Hồ Chí Minh 80km đường bộ về phía Đông Bắc; Tây Bắc giáp với tỉnh Lâm Đồng lên Tây Nguyên; phía Nam thị xã giáp với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Do đó, từ năm 1965, địch từng bước tập trung xây dựng thị xã Long Khánh thành một cứ điểm quân sự quan trọng thuộc tuyến phòng thủ thứ 3 ở phía Đông Bắc Sài Gòn. Địch tập trung nhiều căn cứ, hậu cứ quân sự quan trọng, nhiều loại lực lượng: sư đoàn 18 bộ binh, thiết giáp, pháo binh, bảo an, dân vệ, tình báo, cảnh sát... để đánh phá cách mạng.

Đội biệt động thị xã Long Khánh<sup>(1)</sup> được thành lập năm 1965 gồm 4 đồng chí, có những lúc đơn vị được bổ sung lực lượng nhưng thường không quá 10 đồng chí. Đội có nhiệm vụ đánh địch trong nội ô, đánh các chỉ huy sở, kho tàng hậu cứ địch đi đôi với nhiệm vụ diệt ác phá kìm, đánh phá bình định, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân địa phương. Chiến đấu trong một địa bàn phức tạp, lực lượng của địch dày đặc với quân số đông, nhưng với quyết tâm cao nhất và cùng với tinh thần mưu trí, dũng cảm, đội đã kiên trì bám trụ, xây dựng cơ sở tạo địa bàn diệt địch với hiệu suất cao, hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân thị xã, được nhân dân tin yêu. Với phương

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

châm luôn sâu, tạo bất ngờ và phương thức đánh của biệt động đặc công, đội đã giành được nhiều thành tích xuất sắc.

Trong chiến công của Đội biệt động thị xã Long Khánh nổi bật là các trận:

Sau nhiều ngày điều nghiên, đêm 11/11/1967, đội biệt động gồm 6 đồng chí với vũ khí cá nhân, B40, vũ khí tự tạo đã bí mật tập kích vào trận địa pháo của địch ngay sát sân bay<sup>(2)</sup> với nhiều lớp rào phòng thủ dày đặc. Kết quả, đội đánh diệt 2 đại đội pháo binh, diệt 150 tên địch, phá hủy 2 dãy nhà lính.

Đặc biệt từ năm 1969-1971, địch tập trung càn quét đánh phá lực lượng cách mạng ác liệt bằng bom pháo, chất độc hóa học, biệt kích. Dù phải luôn thay đổi căn cứ, đội vẫn tổ chức nhiều trận đánh vào các cơ quan đầu não của địch trong nội ô, trong đó có trận đánh vào Bộ Chỉ huy liên quân Việt - Mỹ nằm phía Đông Nam thị xã. Bộ Chỉ huy liên quân Việt - Mỹ được bảo vệ chặt chẽ gồm nhiều lớp rào kẽm, gài mìn, hệ thống lô cốt kiên cố, đèn pha chiếu sáng, xung quanh là các căn cứ của sư đoàn 18 bộ binh, khu thiết giáp, an ninh quân đội... Đêm 19/11/1970, 6 chiến sĩ biệt động trang bị AK, B40, mìn định hướng ĐH10 dũng cảm khéo léo vượt qua các vòng rào, lô cốt gác, các căn cứ địch bao quanh, đột nhập và tiến công mãnh liệt vào Bộ Chỉ huy liên quân Việt - Mỹ. Các chiến sĩ diệt 13 sĩ quan (từ đại úy đến đại tá), làm bị thương 5 tên khác, phá hư 2 máy bay lên thẳng. Trận đánh thắng lợi đã làm đảo lộn kế hoạch hành quân của địch, buộc chúng phải đưa lực lượng từ ngoài vào trong để đối phó.

Đội biệt động thị xã Long Khánh còn tích cực đánh địch bên ngoài nhằm bẻ gãy âm mưu bình định của địch ở các ấp ven thị xã Long Khánh. Đêm 16/8/1972, đội chia làm 3 tổ chiến đấu tổ chức đánh đồn và diệt lính tiếp viện tại ấp Bảo Vinh A. 5 giờ sáng 17/8/1972, ta nã pháo vào đồn. Đến 7 giờ sáng, quân địch từ tiểu khu Long Khánh vào giải tỏa, lọt vào ổ phục kích bằng mìn gài của đội. Đội tiến công diệt 1 trung đội bảo an, tiêu hao 2 trung đội khác, làm 17 tên chết và 5 tên bị thương, bắt 1 tù binh, thu 2 súng và 1 máy thông tin.

Đêm 15/9/1972, Đội biệt động thị xã Long Khánh tổ chức đánh theo

---

(2) Sân bay Tiểu khu Long Khánh

phương thức đặc công vào đồn cầu Bốn Thước (bảo vệ đoạn đường sắt Long Khánh - Bảo Chánh) của địch, cách thị xã 4km về phía Tây Bắc, do 2 trung đội dân vệ đóng giữ. Sau khi bí mật vượt qua các chướng ngại vật, lúc 24 giờ đội bắt đầu tiến công địch bằng lựu đạn. Đặc biệt là trong trận đánh này, đội đã dùng vũ khí địch để đánh địch đạt hiệu quả cao, hủy diệt hoàn toàn đồn cầu Bốn Thước, diệt 2 trung đội dân vệ gồm 26 tên, làm bị thương 5 tên, thu 5 súng (có 1 đại liên), 2 máy thông tin và nhiều đồ dùng quân sự.

Trong chiến dịch Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh, đội góp phần lớn trong việc giải phóng các vùng ven thị xã, tạo địa bàn cho chủ lực tiến công, làm nhiệm vụ trinh sát, dẫn đường bộ đội đánh các cơ quan đầu não địch, giành thắng lợi.

Trong 10 năm chiến đấu liên tục, Đội biệt động thị xã Long Khánh luôn luôn chủ động tiến công địch và tiến công mãnh liệt, giành nhiều thắng lợi xuất sắc. Đội đã đánh 292 trận lớn, nhỏ, diệt và làm bị thương 4.491 tên địch, trong đó có 130 tên Mỹ, 145 sĩ quan các cấp, từ chuẩn úy đến đại tá, diệt 104 tên cảnh sát các loại, 18 tên tinh báo, 2 tên trưởng đồn, 6 tên bình định, 2 tên tề ấp ác ôn. Đội còn diệt gọn 1 đại đội pháo binh, 1 trung đội bảo an, 2 trung đội dân vệ, phá rã 3 đội phòng vệ dân sự; thu 24 súng các loại, 5 máy thông tin, 1 xe jeep, diệt 24 xe quân sự, phá hủy 1 khẩu pháo 175 ly, một máy ra đa, đốt 216 ngàn lít xăng, 1 nhà Bộ Chỉ huy sở liên quân Việt - Mỹ, 5 dãy nhà của khu pháo, 1 đầu máy xe lửa, bắn rơi 3 máy bay lên thẳng, bắn cháy 3 chiếc khác (có 1 chiếc L19), đánh sập 11 lô cốt, nhà ở lính, diệt một đồn, san bằng 5 đồn (4 đồn cấp trung đội).

Trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ, đội đã kết nạp 19 đảng viên, 25 đoàn viên; đào tạo 3 cán bộ đại đội, 14 cán bộ trung đội, 16 cán bộ tiểu đội, 4 cán bộ chính trị; xây dựng được một đội biệt động mật gồm 5 đồng chí. Đội đã được khen thưởng 12 Huân chương Kháng chiến (1 hạng Nhất, 2 hạng Nhì, 9 hạng Ba), 5 năm liền đạt danh hiệu Thành đồng Quyết thắng.

Ngày 3/6/1976, Đội biệt động thị xã Long Khánh được Nhà nước và Chính phủ tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Đội dân quân du kích xã Bình Lộc

Xã Bình Lộc, nay là ấp Bình Lộc, xã Xuân Bình, huyện Xuân Lộc. Bình Lộc cách thị xã Long Khánh 3km đường chim bay ở phía Đông Nam hợp cùng 2 ấp Bảo Vinh, Suối Chồn thành một vành đai án ngữ thị xã; phía Tây Nam là nông trường cao su; Đông và Đông Bắc giáp rừng và các vườn cây ăn trái.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, Bình Lộc là một trong những cửa khẩu hậu cần của Thị ủy Long Khánh và Huyện ủy Xuân Lộc; là địa bàn bám trụ và tiến công vào thị xã của lực lượng cách mạng. Xác định đây là địa bàn trọng yếu của ta nên địch cố ra sức đánh phá và đàn áp phong trào cách mạng ở Bình Lộc để bảo vệ các cơ quan đầu não của chúng trong thị xã.

Tại Bình Lộc, địch đóng 3 đồn, 2 bót do 1 đại đội bảo an, 2 trung đội dân vệ đóng giữ, ngoài ra còn có 1 đội phòng vệ dân sự và 1 bộ máy tề ấp. Địch bố trí mạng lưới tình báo, gián điệp tại Bình Lộc dày đặc để đánh phá cơ sở, phong trào cách mạng. Trong từng đợt, địch tăng cường thêm sư đoàn 18 bộ binh và lữ đoàn dù 199 của quân đội Mỹ.

Năm 1964, Đội dân quân du kích xã Bình Lộc<sup>(1)</sup> được thành lập gồm 4 đồng chí. Tuy thành lập muộn so với các nơi khác, nhưng đội dân quân du kích xã Bình Lộc hình thành vào thời điểm phong trào

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.



cách mạng lên cao sau chiến thắng Bình Giả. Đội tập trung vào nhiệm vụ diệt ác, phá kìm xây dựng cơ sở, đánh phá áp chiến lược với sự hỗ trợ của lực lượng tỉnh, huyện. Đến giữa năm 1965, hàng rào áp chiến lược tại Bình Lộc bị phá hoàn toàn, xã được giải phóng. Đội dân quân du kích xã Bình Lộc phát triển với lực lượng hơn 1 tiểu đội.

Năm 1966, địch mở rộng thị xã Long Khánh nên đã tổ chức càn quét, đánh phá Bình Lộc để lập vành đai trắng. Ngày 3/1/1967, địch dùng xe ủi, xe quân sự càn sâu vào xã xúc tạt dân địa phương đi, đồng thời đưa dân di cư từ miền Trung vào thay thế để làm mắt xích bám trụ của cán bộ và du kích. Tuy gặp khó khăn, toàn đội du kích vẫn thực hiện phương châm bám ấp, gần dân, vừa củng cố cơ sở vừa diệt ác phá kìm.

Đêm 5 rạng ngày 6/12/1968, Đội dân quân du kích xã Bình Lộc cùng bộ đội tỉnh (D445 tỉnh Bà Rịa - Long Khánh) tiến công bọn binh định tại xã, san bằng 2 đồn địch, diệt 75 tên, đánh bại âm mưu “bình định cấp tốc” của địch ở xã Bình Lộc.

Giai đoạn 1969-1971 là những năm khó khăn ác liệt nhất, nhưng đội đã xây dựng được cơ sở và du kích mật bên trong, vẫn kết hợp được lực lượng chiến đấu bên trong và bên ngoài, đánh địch có hiệu quả. Tháng 7-1969, 1 nữ du kích mật Bình Lộc với 1 quả mìn định hướng tự tạo ĐH.10 đã đánh diệt 25 tên địch, trong đó có 2 trung úy và 4 tên chiêu hồi. Ngày 24/8/1969, đội bẻ gãy 1 trận càn vào xã của lính sư đoàn 18, diệt 1 tiểu đội. Phong trào cách mạng phát triển mạnh làm bọn tề xã áp hoang mang, ban đêm đều trốn chạy vào thị xã.

Từ năm 1970, Đội dân quân du kích xã Bình Lộc còn mở rộng địa bàn hoạt động vào nội ô thị xã Long Khánh, cùng với đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã gây cho địch nhiều thiệt hại, diệt ác đung đối tượng, hỗ trợ phong trào đấu tranh của nhân dân thị xã, đập tan lời huênh hoang của địch rằng “thị xã Long Khánh là nơi an toàn”.

Đêm 25/4/1970, 3 du kích mật Bình Lộc với 2 quả lựu đạn đã đánh vào 1 quán ăn trong nội ô thị xã diệt 40 tên địch, trong đó có 2 đại úy, 3 tên binh định cùng bọn CIA Mỹ. Tháng 2/1971, bằng lối đánh biệt động, 3 du kích mật Bình Lộc dùng lựu đạn đánh diệt 47 sĩ quan Mỹ

tại rạp hát Đồng Tâm.

Trong chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, Đội dân quân du kích Bình Lộc đẩy mạnh hoạt động vũ trang diệt ác bên trong, đánh địch bên ngoài tạo điều kiện cho nhân dân đấu tranh với địch. Tháng 5/1972, đội diệt trưởng áp ác ôn tên Thơ ở địa điểm chỉ cách đồn giặc 200 mét, sự việc diễn ra giữa ban ngày khiến bọn ác ôn khác đều kinh sợ. Tên trưởng áp khác vừa vào thay thế cũng bị du kích diệt cùng 2 tên binh định khác. Cách mạng hoàn toàn làm chủ ở xã về đêm.

Tháng 9/1972, đội du kích kết hợp với cơ sở bên trong bao vây địch trong các đồn bót, vừa tập kích, phục kích vừa phát loa bình vận, kêu gọi địch ra hàng. Suốt 1 tháng, đội đã diệt 20 tên (có 1 thiếu tá), phá hủy 1 xe jeep, bức rút 1 đồn, 2 bót do 1 đại đội bảo an và 2 trung đội dân vệ đóng giữ. Lực lượng cách mạng đã giải phóng Bình Lộc trong 2 tháng.

Với tinh thần tự lực, lấy vũ khí địch diệt địch, du kích Bình Lộc dùng đầu đạn pháo 105 ly gắn ngòi nổ tự động để gài, đánh địch. Ngày 1/12/1972, địch đi càn phát hiện, chúng vừa cất dây nhắc trái lên thì nổ, 1 trung đội 12 tên bị diệt gọn.

Kiên quyết đánh địch chống càn quét, lấn chiếm, đêm 19/12/1972 sau nhiều ngày nghiên cứu, đội dùng H2O cải tiến với bộ phóng bằng cây và mồi điện nổ chậm, phóng vào đồn địch từ vị trí chỉ cách 80 mét, đánh sập 2 lô cốt mới xây, diệt 19 tên, hủy 1 cối 60 ly và 1 đại liên.

Sau Hiệp định Paris năm 1973, Đội dân quân du kích Bình Lộc vừa đánh địch lấn chiếm bên ngoài, vừa tổ chức diệt ác bên trong, bảo vệ được vùng giải phóng. Trong 6 tháng đầu năm 1973, đội đã 15 lần đánh địch, diệt và làm bị thương 81 tên, tiêu hao 1 đại đội bảo an số 812, 1 trung đội cảnh sát, diệt 2 nữ thám báo, bắt 1 tên gián điệp, thu nhiều vũ khí. Song song với nhiệm vụ tấn công địch, đội tích cực góp phần xây dựng vùng giải phóng ở xã vững chắc có từ 100 đến 200 gia đình, có trường học và tủ thuốc phục vụ, ổn định được sản xuất và đời sống nhân dân.

Tháng 2/1975, Thị ủy Long Khánh chủ trương gỡ đồn bót địch,

giải phóng các xã ven, tạo địa bàn cho lực lượng chủ lực tiến công vào thị xã. Đội du kích Bình Lộc kết hợp cơ sở bên trong tiến hành vây lấn địch trong đồn bót; tổ chức từng tốp dân cho “di tản ngược” từ trong rẫy ra, phao tin quân giải phóng chuẩn bị đánh đồn làm địch hoang mang; sử dụng máy cày của dân cho nổ máy, giả làm xe tăng hù dọa địch. Cuối tháng 3/1975, bọn bảo an, dân vệ ở Bình Lộc bỏ đồn, bót rút chạy vào thị xã Long Khánh.

Chỉ tính trong 3 năm (từ năm 1970 đến tháng 6/1973), đội dân quân du kích Bình Lộc đã tác chiến 150 trận diệt 930 tên địch các loại (trong đó có 99 lính và sĩ quan Mỹ, 30 sĩ quan quân đội Sài Gòn từ cấp úy đến cấp tá); diệt 32 tên tề xã, ấp, 34 tên cảnh sát, bình định; bắt sống 10 tên gián điệp, tình báo; phá hủy 17 xe quân sự, thu nhiều vũ khí đạn dược và đồ dùng quân sự; tháo gỡ 15 quả mìn, hàng trăm lựu đạn để đánh địch; vận động 40 thanh niên tòng quân, phát triển thêm nhiều đảng viên, đoàn viên.

Với thành tích đó, đội dân quân du kích xã Bình Lộc đã được tặng thưởng 17 Huân chương Chiến công cho tập thể và cá nhân (gồm 6 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 11 Huân chương Chiến công hạng Ba); 1 cờ Mười năm vẻ vang; 1 cờ luân lưu về phong trào du kích chiến tranh khá nhất năm 1972, 1 cờ Phạm Văn Cội; 13 Huy hiệu dũng sĩ các loại; 50 bằng khen, giấy khen; 1 chiến sĩ thi đua cấp quân khu.

Đáng chú ý, năm 1978 liệt sĩ Lê A, nguyên xã đội trưởng, đội trưởng Đội dân quân du kích Bình Lộc, đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Đặc biệt, tháng 6/1976, Đội dân quân du kích xã Bình Lộc vinh dự được trao tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Đội trinh sát vũ trang Thị xã Long Khánh

Do có vị trí đặc biệt, thị xã Long Khánh trở thành một trong những cứ điểm trọng yếu nhất thuộc phòng tuyến thứ 3 của địch ở phía Đông Bắc Sài Gòn. Chúng ưu tiên tập trung lực lượng chính trị và quân sự khá lớn nhằm bằng mọi giá giữ vững cửa ngõ yết hầu này. Về chính trị, địch tăng cường bộ máy đàn áp, quản lý hành chính với lực lượng mật vụ, cảnh sát, tập trung các tôn giáo, đảng phái phản động để kìm kẹp nhân dân, đánh phá cách mạng. Về quân sự, chúng bố trí lực lượng sư đoàn 18, thiết giáp, pháo binh, bảo an, dân vệ, tình báo tiểu khu, cảnh sát dã chiến ở khắp nội ngoại ô thị xã.

Đội trinh sát lực lượng vũ trang thị xã Long Khánh<sup>(1)</sup> được chính thức thành lập vào tháng 5/1968, sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân. Ban đầu đội chỉ có 2 đồng chí. Mặc dù lực lượng ít, thiếu kinh nghiệm hoạt động nhưng đội đã kiên trì bám đất, bám dân, tuyên truyền gây dựng cơ sở, lấy vũ khí địch để tự trang bị, táo bạo đột nhập vào thị xã và các ấp vùng ven chủ động đánh địch, diệt ác phá kìm, góp phần quan trọng đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị trong quần chúng.

Tháng 7/1970, sau khi bổ sung thêm được 1 đồng chí, đội đã tổ chức thắng lợi trận đánh tiêu diệt tên ác ôn tình báo khét tiếng quý

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

quyết Phan Thanh Hoa giữa ban ngày ở gần ấp chiến lược Bảo Vinh A. Ngày 12/10/1970, đội tổ chức tiêu diệt Nguyễn Văn Sơn, tên phản bội đã chỉ điểm và tham gia bắt bớ, đánh phá cách mạng gây nhiều tội ác, nợ máu đối với nhân dân. Thắng lợi của 2 trận đánh trên đã làm cho bọn địch chùn lại, quần chúng thêm tin tưởng và sẵn sàng giúp đỡ, tạo điều kiện cho đội hoạt động. Từ đây Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã có cơ sở bám trụ ở vùng ven để xây dựng bàn đạp, thọc sâu vào nội ô thị xã.

Từ tháng 11/1970, Đội tổ chức đánh sâu vào trong nội ô, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đêm 5/11/1970, 3 đồng chí của đội đã cải trang vượt qua vành đai thị xã, dùng tạc đạn và súng đánh sập quán bar Ly Ly diệt 11 tên địch gồm 2 đại úy Mỹ, 9 sĩ quan và ngục quyền cấp tỉnh của tỉnh Long Khánh<sup>(2)</sup>. Sau một ngày ém quân lại, đêm mừng 5 đội tổ chức rút ra khỏi thị xã trở về đơn vị. Trên đường rút do bị lọt vào ổ phục kích của địch, 2 đồng chí bị thương nặng đã tình nguyện ở lại chiến đấu tiêu diệt thêm 11 tên gồm 1 đại úy Mỹ, 10 tên lính bảo an và làm bị thương 10 tên bảo an khác.

Năm 1971, đội được bổ sung thêm tân binh và tiếp tục đẩy mạnh hoạt động. Đội đã bắt sống, tiêu diệt, làm bị thương nhiều tên tình báo CIA, ác ôn, bẻ gãy âm mưu bung ra lấn đất giành dân của địch. Địch buộc phải co lại, hoang mang lo sợ, không dám tự do đi lại, ruồng bỏ, càn quét như trước. Đội đẩy mạnh công tác binh vận, tuyên truyền kêu gọi, hù dọa địch, đẩy mạnh công tác phát động quần chúng, xây dựng cơ sở lộ và mật, hình thành một trận địa vững chắc chống tình báo, gián điệp và sẵn sàng đấu tranh với địch. Phong trào quần chúng lên mạnh. Đội vận động tổ chức thắng lợi cuộc biểu tình gồm 600 người phản đối địch bắn pháo bừa bãi vào rừng và rẫy của người dân.

Năm 1972, một bộ phận của đội đã anh dũng chiến đấu giành được thắng lợi trong việc giáng trả địch càn quét lấn chiếm ở khu vực Đông Nam thị xã. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, đội đã góp phần

---

(2) Tỉnh Long Khánh được chính quyền Sài Gòn thành lập năm 1957.

xúng đáng vào việc bao vây, tiến công và giải phóng hoàn toàn thị xã vào ngày 21/1/1975, diệt và bắt sống 151 tên địch.

Tính đến tháng 4/1975, Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã đánh 52 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến 681 tên địch (tiêu diệt 506 tên, làm bị thương 175 tên), trong đó hầu hết là bọn tình báo CIA, tình báo phượng hoàng, mật vụ, cảnh sát, thám báo, an ninh, quân đội, bảo an, bình định, bọn đội lột tôn giáo, đảng phái phản động, tề áp ác ôn, bọn chiêu hồi có nợ máu với cách mạng và nhân dân; phá hủy 3 khẩu pháo, 3 máy bay, 6 xe quân sự, 3 lô cốt, 5 toa và 2 đầu máy xe lửa; thu 7 xe gắn máy, xe đạp, 5 súng, 3 tạ đạn. Đội cũng tổ chức xây dựng được 26 cơ sở mật, trong đó có 10 cơ sở hoạt động trong hàng ngũ địch ở ty cảnh sát, chi cảnh sát, tề xã áp, đảng phái chính trị tôn giáo.

Ra đời chậm, lực lượng nhỏ, ít được đào tạo nghiệp vụ cũng như trang bị vũ khí, lại hoạt động trên một địa bàn phức tạp và xung yếu của địch, nhưng Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, từng bước trưởng thành. Với tinh thần cách mạng tiến công không quản gian khổ hy sinh, Đội đã chủ động tự trang bị huấn luyện, liên tục đánh địch giành được những thắng lợi quân sự có tác dụng to lớn, xây dựng được hệ thống cơ sở cách mạng sâu rộng, góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã lên cao.

Với những thành tích xuất sắc trên, Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã được khen thưởng: 2 Huân chương Chiến công hạng nhì; 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất; 8 bằng khen, giấy khen cấp tỉnh, huyện. Và năm 1976, đội được vinh dự đón nhận danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bảo Vinh đối với địch là một áp ven của thị xã Long Khánh, còn với cách mạng xã Bảo Vinh thuộc huyện Xuân Lộc.

Từ năm 1966, địch xây dựng thị xã Long Khánh thành một căn cứ quân sự với nhiều đồn bót, hậu cứ quan trọng. Xã Bảo Vinh được chuyển giao về thị xã Long Khánh do Thị ủy Long Khánh chỉ đạo để xây dựng địa bàn đứng chân cho các lực lượng vũ trang thị xã tiến công địch trong nội ô thị xã.

Thời điểm này, dân số Bảo Vinh khoảng 3 ngàn người, sống trong 3 ấp A, B, C gồm nhiều thành phần dân tộc Kinh, Hoa, Nùng, Chơ-ro, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số; người dân hầu hết đi làm rẫy. Dưới chế độ Sài Gòn do cuộc sống khổ cực, luôn bị áp bức bóc lột nên người dân Bảo Vinh có tinh thần đấu tranh cao.

Xã Bảo Vinh nằm trên trục đường nối liền với thị xã Long Khánh và căn cứ chiến đoàn 52 sư đoàn 18 của địch. Với cách mạng, Bảo Vinh là nơi đứng chân, cửa khẩu hậu cần của Thị ủy Long Khánh và Huyện ủy Xuân Lộc. Địch lấy Bảo Vinh làm vành đai bảo vệ thị xã, ngăn chặn lực lượng cách mạng, do đó tập trung lực lượng kim kẹp và đánh phá Bảo Vinh rất ác liệt. Thường xuyên, tại đây có 1 đại đội bảo an, 1 trung đội dân vệ, 1 đội dân vệ và 1 bộ máy tề ấp. Ngoài ra, trong từng đợt địch còn tăng cường quân chủ lực tiểu khu Long Khánh, sư đoàn 18, lữ đoàn dù 199

của quân đội Mỹ vào đây càn quét với mức độ bom pháo dữ dội nhằm đánh bật các lực lượng cách mạng ra khỏi địa bàn. Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Bảo Vinh luôn luôn ở thế tranh chấp mạnh giữa ta và địch, có lúc xã được giải phóng.

Sau chiến thắng Bình Giã vào năm 1964, phong trào cách mạng diễn ra khắp nơi trong tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Trong phong trào chung đó, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh<sup>(1)</sup> được thành lập gồm 5 đồng chí, làm nòng cốt trong đấu tranh vũ trang, xây dựng cơ sở, diệt ác phá kìm, phá ấp chiến lược, tạo địa bàn vững chân cho các lực lượng cách mạng tiến công vào thị xã Long Khánh cũng như cơ quan đầu não của địch ở tiểu khu Long Khánh.

Đi đôi với hoạt động diệt ác phá kìm, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh cũng phát động nhân dân phá ấp chiến lược. Đến cuối năm 1965, ấp chiến lược xã Bảo Vinh bị phá tan, Bảo Vinh được giải phóng, bọn tề ấp tan rã, bỏ chạy vào cả thị xã Long Khánh.

Năm 1966, lính Mỹ và lính sư đoàn 18 vào càn quét Bảo Vinh, lập lại bộ máy tề ấp, củng cố đồn bót, ủi phá vườn tược, cây ăn trái của nhân dân để lập vành đai trắng quanh thị xã Long Khánh. Do xây dựng được cơ sở ở bên trong, có chi bộ mật lãnh đạo, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh vẫn bám được ấp, dùng lối đánh sở trường của mình là phục kích, gài mìn và trái gậy cho địch nhiều thiệt hại. Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh còn xây dựng xây dựng được nhiều du kích mật bên trong để diệt ác phá kìm, làm bọn địch co cụm lại.

Trong đợt tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, Bảo Vinh là căn cứ xuất phát của lực lượng vũ trang tỉnh, huyện vào thị xã Long Khánh. Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh là lực lượng trinh sát và dẫn đường cho bộ đội. Nổi bật trong đợt này, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh kết hợp cơ sở cách mạng tiến

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.



công 3 mũi, vận động một trung đội bảo an ở đồn Bảo Vinh A mang súng trở về với nhân dân.

Sau năm 1968, địch chọn Bảo Vinh làm điểm tiến hành âm mưu bình định cấp tốc, xúc tát dân địa phương ở Bảo Vinh đi nơi khác, vừa đánh phá bằng bom pháo vừa kết hợp đánh biệt kích gài trái trong rừng, trong vườn cây để ngăn chặn ta từ xa. Được cơ sở và nhân dân tích cực giúp đỡ, đội nhiều lần bám áp kết hợp với Đội trinh sát vũ trang thị xã tổ chức đánh địch trên trục lộ giao thông, chống địch ủi phá địa hình, cổ vũ được phong trào đấu tranh của nhân dân. Đêm 22 rạng sáng 23/2/1969, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh cùng Đội biệt động thị xã Long Khánh tấn công địch tại đồn Bảo Vinh A, diệt 1 tên ác ôn trong áp, mở thể kim cho nhân dân đấu tranh bung ra sản xuất.

Mũi tiến công của Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh do chi bộ mật lãnh đạo đã liên tục đấu tranh, lúc tập trung, khi lẻ tẻ chống địch bắn pháo, giết người, càn phá vườn, rẫy... Nổi bật là trong cuộc chống bầu cử độc diễn ngày 3/10/1971, hơn 1 ngàn người dân xã Bảo Vinh đã tham gia biểu tình chống bầu cử tại thị xã Long Khánh, làm thất bại hoàn toàn cuộc bầu cử dân chủ giả hiệu của địch.

Trong chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh cùng nhân dân liên tục tấn công và nổi dậy. Tháng 4/1972, đội kết hợp đấu tranh binh vận của nhân dân đã bao bót, vây ép địch tại đồn Bảo Vinh A và B, buộc chúng phải co cụm vào đồn. Ngày 19/5/1972, đội cùng Đội biệt động thị xã dùng mìn phục kích địch trên đường từ Bảo Vinh A ra thị xã, diệt 27 tên bảo an, làm bị thương 5 tên khác, mở được thể kim cho nhân dân, mở được cửa khẩu hậu cần cho lực lượng cách mạng.

Vào đêm 26/10/1972, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh với 16 đồng chí cùng 4 chiến sĩ biệt động kết hợp đấu tranh binh vận bao vây, tấn công địch tại đồn Bảo Vinh A, do 1 đại đội bảo an và 1 trung đội dân vệ đóng giữ. Địch phản kích quyết liệt, nhưng

trước thế tiến công 3 mũi của ta, địch phải rút vào đồn cố thủ chờ tiếp viện. Trong hơn 1 tháng, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh nhiều lần tập kích địch ban đêm, diệt hàng chục tên địch, kiểm soát được xã. Địch còn trong đồn nhưng hoàn toàn bị cô lập.

Tháng 1/1973, thực hiện chủ trương “chôm lên chiếm lĩnh” giành quyền làm chủ trước khi Hiệp định Paris được ký kết, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh và Đội biệt động thị xã tổ chức tấn công địch ở đồn Bảo Vinh A. Trên 1 ngàn người dân với băng cờ, khẩu hiệu đã xuống đường hoan hô Hiệp định. Ta vây địch trong đồn suốt 5 ngày đêm, phá rã hoàn toàn bộ máy tề ngụy ở xã Bảo Vinh.

Với việc tấn công địch liên tục, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh kiên quyết chống địch lấn chiếm, vi phạm Hiệp định; kết hợp đánh phá bình định, diệt ác ôn, phá rã đội phòng vệ dân sự. Từ năm 1973 đến năm 1975, Bảo Vinh là xã diễn ra tranh chấp mạnh. Ban đêm địch co vào đồn, bọn tề áp trốn chạy vào thị xã Long Khánh.

Trong chiến dịch mùa khô 1974-1975, nhân dân Bảo Vinh đã đóng góp hàng trăm tấn gạo cho lực lượng cách mạng. Tháng 12/1974, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh có Đội biệt động hỗ trợ thị xã đã tiến hành bao vây đồn Bảo Vinh B liên tục trong 3 tháng.

Cuối tháng 3/1975, bằng lực lượng 3 mũi giáp công, đội du kích cùng nhân dân xã Bảo Vinh đã bứt rút địch ra khỏi các đồn Bảo Vinh A, B, Suối Chòn, san bằng đồn bót địch tại xã. Giải phóng xã Bảo Vinh, quân dân xã Bảo Vinh đã mở rộng địa bàn đứng chân cho chủ lực miền, quân khu, tỉnh mở chiến dịch Xuân Lộc giải phóng hoàn toàn thị xã Long Khánh.

Suốt 10 năm chiến đấu gian khổ và vẻ vang, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh đã vượt mọi khó khăn, đạt những thành tích: tác chiến trên 100 trận độc lập và phối hợp; loại khỏi vòng chiến đấu 1.066 tên địch; diệt gọn 1 trung đội bảo an, 1 trung đội dân

vệ; đánh rã 2 đội phòng vệ dân sự, 1 đội phòng vệ xung kích; phá hủy nhiều xe quân sự (có 2 xe tăng), thu nhiều đồ dùng quân sự; kết hợp binh vận kêu gọi 1 trung đội bảo an trở về với cách mạng; phát triển 12 đảng viên, 34 đoàn viên thanh niên...

Với những thành tích đó, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh được tặng thưởng: 4 Huân chương Chiến công hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến công hạng Ba; trong 3 năm 1969, 1970, 1971, đội được công nhận là đơn vị Quyết thắng, giữ cờ luân lưu Phạm Văn Cội. Đội còn nhận nhiều bằng khen, giấy khen, cho cá nhân và cho tập thể.

Ngày 6/11/1978, Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh vinh dự được trao tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đội du kích công nhân Cao su Bình Sơn

Bình Sơn<sup>(1)</sup> nằm trên khu đồi đất đỏ, là một sở cao su thuộc Công ty đồn điền Đất Đỏ của thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bình Sơn với địch là một ấp của xã Lộc An, quận Long Thành; với cách mạng xã Bình Sơn do Ban Cán sự Cao su Biên Hòa chỉ đạo. Hiện nay Bình Sơn là một xã thuộc huyện Long Thành.

Với diện tích 20 km<sup>2</sup> hầu hết trồng cao su, Bình Sơn nằm gọn trong khu tam giác giáp với 3 huyện: Châu Thành (thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay đã giải thể), Xuân Lộc, Long Thành, giữ trục lộ số 1, lộ 15 và lộ 2. Phía Bắc xã Bình Sơn giáp xã An Phước (An Lợi, Phước Nguyên) xã này có căn cứ Nước Trong của Mỹ và Thái Lan. Phía Nam xã Bình Sơn giáp lộ 15 (nay là quốc lộ 51). Phía Đông giáp căn cứ Suối Rằm của Mỹ. Phía Tây cách thị trấn Long Thành 10 km. Bình Sơn có đường 10 nối liền từ thị trấn Long Thành xuyên dọc xã đến lộ số 2 (nay là quốc lộ 56), đường 25 (nay là đường tỉnh 769) từ Bình Sơn giáp quốc lộ 1 đoạn ngã ba Dầu Giây.

Trong kháng chiến chống Mỹ, dân số Bình Sơn hơn 2 ngàn người. Hầu hết người dân là công nhân cao su, xuất thân là nông dân ở miền Trung, miền Bắc. Dưới chế độ áp bức của tư bản thực dân Pháp, đời

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

sống nhân dân Bình Sơn vô cùng tủi nhục và khổ cực. Đáng chú ý, nhân dân Bình Sơn sớm được tiếp xúc với lý tưởng của Đảng (chi bộ Đảng ở Bình Sơn thành lập năm 1944) do đó nhân dân có tinh thần cách mạng triệt để, tinh thần yêu nước và tin vào sự lãnh đạo Đảng.

Bình Sơn là địa bàn đứng chân của các lực lượng Khu miền Đông, tỉnh, huyện; căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa, phân khu 4; là cửa khẩu hậu cần của miền (đoàn 84), tỉnh; là bàn đạp để lực lượng cách mạng tấn công địch ở căn cứ Nước Trong. Do đó, Bình Sơn trở thành nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Thường xuyên, tại đây địch có 1 đại đội bảo an và bộ máy gồm tề ấp, cảnh sát, binh định và bọn tâm lý chiến. Từ năm 1966, ở Bình Sơn còn có 1 tiểu đoàn Mỹ, Thái Lan vào đóng chốt để đánh phá bên ngoài, hỗ trợ cho bọn tề ngụy binh định bên trong.

Trong kháng chiến, Bình Sơn luôn ở thế tranh chấp mạnh, phong trào nhiều lúc gặp khó khăn, nhưng nhân dân vẫn một lòng tin tưởng vào cách mạng. Nhiều lần xã được giải phóng. Phản ánh thế mạnh của cách mạng, bọn địch còn gọi phía làng công nhân ở là “Hà Nội”.

Sau khi Trung ương Đảng (khóa II) ra Nghị quyết 15, Đội vũ trang tuyên truyền Bình Sơn được thành lập gồm 5 đồng chí (2 nữ, 3 nam), là tiền thân của đội du kích công nhân cao su Bình Sơn sau này. Với vũ khí thô sơ, Đội vũ trang tuyên truyền Bình Sơn tiến hành tuyên truyền, kết hợp diệt bọn tề ngụy ác ôn trong ấp, hỗ trợ phong trào nổi dậy của nhân dân Bình Sơn, Kho Bạc, An Viễn....

Tháng 1/1961, Đội vũ trang tuyên truyền Bình Sơn cùng công nhân cao su nắm tình hình địch tại xã, đưa lực lượng vũ trang Khu<sup>(2)</sup> về tiến công diệt trung đội bảo an đóng ở Bình Sơn, dùng xe lửa của Sở cao su Bình Sơn đưa máy móc, nguyên liệu ra khu, lập công binh xưởng. Bọn tề ngụy rệu rã bỏ chạy.

Đầu năm 1962, do lực lượng phát triển và yêu cầu của cách mạng, đội vũ trang tuyên truyền Bình Sơn tách một bộ phận cho các sở

---

(2) Tiểu đoàn 800.

chung quanh. Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn chính thức ra đời gồm 7 đồng chí, lấy phiên hiệu B20, thường được gọi là đội “Võ Trang Giải Phóng Quân Thắng Lợi” (tên của 7 đồng chí ghép lại).

Trong giai đoạn chiến tranh đặc biệt, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn luôn luôn bám xã, bám dân, diệt ác, phá kim, hỗ trợ tích cực phong trào nhân dân chống và phá áp chiến lược.

Tháng 1/1965, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn cùng Đội vũ trang cao su 207 hóa trang thành công nhân, dùng xe của Sở cao su Bình Sơn vận động từ lô cao su 6-10 tập kích trung đội biệt kích A16 đóng tại sở vào giữa trưa, bắt sống 19 tên.

Cuối năm 1965, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn phối hợp cùng Đại đội 207 tập kích đánh diệt trung đội bảo an đóng tại xã do tên thượng sĩ Giai nổi tiếng ác ôn chỉ huy; đồng thời phát động nhân dân toàn xã nổi dậy dùng xe ủi của đồn điền bang phá toàn bộ áp chiến lược, giải phóng hoàn toàn xã Bình Sơn, mở rộng cửa khẩu hậu cần cho miền và khu.

Từ năm 1966, một bộ phận của lữ đoàn dù 199 của Mỹ vào đóng tại Bình Sơn. Chúng tiến hành càn quét, lập lại áp chiến lược bao quanh xã. Bên ngoài rừng, địch kết hợp bắn pháo, vừa rải chất độc hóa học vừa dùng xe cơ giới ủi phá cao su dọc đường 10 và rừng bìa lô cao su 9-10 để phá địa hình bám trụ của du kích, dùng xe tăng vận động ở bìa áp chiến lược chống du kích xâm nhập.

Dược chi bộ Đảng ủy Cao Su chỉ đạo, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn kết hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức thành lập Đội du kích thiếu niên Bình Sơn (đầu tiên có 33 đội viên). Bằng lòng dũng cảm, mưu trí, Đội du kích thiếu niên Bình Sơn đã nhiều lần dùng mìn đánh diệt lính Mỹ, diệt xe cơ giới Mỹ ngay trong áp, làm địch luôn bị động. Ngoài ra, Đội du kích thiếu niên còn làm nhiệm vụ giao liên, trinh sát cho cán bộ, du kích bên ngoài vào áp. Nhiều đội viên là dũng sĩ diệt Mỹ, diệt xe cơ giới.

Tháng 10/1967, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn cùng Đại đội 207 bẻ gãy trận càn của Mỹ vào căn cứ ở Kho Bạc, diệt gọn 3

tiêu đội lính Mỹ, bắn hạ 2 máy bay và 2 xe tăng. Song song đó, đội còn vào áp diệt ác, diệt bọn gián điệp, làm thất bại âm mưu bình định bên trong của địch.

Năm 1969, lính Thái Lan (đồng minh của Mỹ) vào thay chân lính Mỹ, chúng tăng cường đánh phá bên ngoài, xét hỏi gắt gao công nhân đi làm ngoài lô cao su, cho xe tăng đi sau xe công nhân để kiểm soát... Do xây dựng được cơ sở vững chắc bên trong, đội du kích công nhân cao su Bình Sơn vẫn vào được bên trong kết hợp cùng du kích mật vừa đánh diệt Thái Lan vừa đánh phá bình định. Trong 2 tháng 5 và 6/1969, đội đã đánh rã 2 đội bình định nông thôn ở Bình Sơn, hỗ trợ cho công nhân và người dân liên tục đấu tranh với chính quyền, quân đội Sài Gòn và bọn chủ đồn điền cao su.

Tháng 6/1970, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn cùng Đại đội 207 bẻ gãy trận càn của quân đội Thái Lan vào căn cứ, diệt 50 tên. Bên trong, Đội du kích thiếu niên Bình Sơn mưu tầm mìn, trái, nhiều lần đánh diệt lính Thái Lan và xe cơ giới của chúng, tạo điều kiện cho công nhân đấu tranh chống sự kìm kẹp của lính Thái Lan.

Nổi bật là từ sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn không mơ hồ trước âm mưu, thủ đoạn của địch và không ngừng tiến công vũ trang, đi đôi phát động nhân dân đấu tranh chính trị, binh vận, buộc địch co cụm trong đồn, bót. Địch liên tiếp điều hết đại đội bảo an này đến đại đội bảo an khác (như: đại đội bảo an 452, 351, 347, 319, 376...) từ Long Thành vào để kìm kẹp và đánh phá phong trào cách mạng Bình Sơn.

Đội du kích tạo thế chủ động chiến đấu bằng công sự, hố đinh, hầm chông để vây đánh địch, kết hợp cơ sở rải truyền đơn, phát loa, vận động nhân dân kéo lên đồn, bót đấu tranh (có cuộc trên 700 người tham gia) làm địch hoang mang phải hòa hoãn.

Bên cạnh đó, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn còn tổ chức diệt ác ngay trong ấp, nâng cao quyền làm chủ của nhân dân. Trong 6 tháng đầu năm 1974, du kích tập kích, phục kích địch 11 lần, diệt và làm bị thương 20 tên, phá hủy 2 xe GMC, tịch thu 2 xe dodge, ngăn

chặn được âm mưu địch phá ủi rừng của ta.

Từ ngày 16/3/1975, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn đã đào công sự bao quanh đồn, bót giặc, liên tục vận động trên 700 công nhân đấu tranh buộc địch bỏ tua gác phía ngoài đồn. Đại đội bảo an 376 co vào đồn. Đường 10 từ Bình Sơn ra Long Thành do du kích kiểm soát.

Vào 1 giờ sáng 28/4/1975, trước khí thế tiến công của các lực lượng cách mạng, địch càng hoang mang. Nắm thời cơ, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn cùng nhân dân tiếp tục bao vây đánh địch. Đại đội bảo an 376 rút chạy, ta bắt sống 26 tên (có 1 chuẩn úy) thu 25 súng, giải phóng hoàn toàn Bình Sơn.

Trong 15 năm chiến đấu, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn đã đánh diệt 189 tên (có 63 lính Mỹ và lính Thái Lan); bắn rơi 6 máy bay, 12 xe quân sự; thu 50 súng các loại, gỡ 1.274 mìn, trái các loại, thu 50 ngàn viên đạn, 4.615 kg thuốc nổ các loại; chế tạo 921 mìn chống xe tăng...

Đội đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì; 12 Bằng khen, 32 Giấy khen; nhiều đồng chí được công nhận là dũng sĩ diệt Mỹ, diệt Thái Lan, diệt xe cơ giới.

Ngày 6/11/1978, Đội du kích công nhân cao su Bình Sơn vinh dự phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đội dân quân du kích xã Tam An

*Tam An đi dễ khó về*

*Lính đi mất mạng, quan về mất lon*

Đó là 2 câu ca dao quen thuộc của sĩ quan và binh lính chế độ Sài Gòn đã từng đóng quân tại Tam An trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Xã Tam An thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, nằm giữa 2 đường số 12 và 21, địa bàn hầu hết là đồng lầy, sông rạch. Phía Bắc Tam An giáp xã Tam Phước nối liền với Tổng kho Long Bình của Mỹ; phía Tây giáp thị trấn Long Thành; phía Đông là lộ 15 (nay là quốc lộ 51) và Sở cao su Siph; phía Nam là đồng ruộng nối liền đến sông Đồng Nai. Dân số xã trên 4 ngàn người, sống bằng nghề làm lúa nước, trồng cây ăn trái... Nhân dân Tam An có truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng đã được xây đắp trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Tam An là địa bàn bám trụ chỉ đạo thường xuyên của Huyện ủy Long Thành, là nơi đứng chân của lực lượng tỉnh, quân khu và Đoàn 10 đặc công miền, lực lượng huyện Thủ Đức... để đánh phá giao thông thủy, bộ và kho tàng của địch ở Thành Tuy Hạ. Do đó, địch lấy Tam An làm điểm đánh phá ở huyện Long Thành để đẩy lực lượng cách mạng ra xa, bảo vệ đường giao thông và kho tàng của chúng. Địch thường xuyên bố trí tại xã 1 đại đội bảo an

(từ năm 1974 địch tăng cường 1 tiểu đoàn), 1 trung đội dân vệ đóng ở 2 bót 8 chốt; sát sông Đồng Nai có 3 chốt do 1 đại đội bảo an đóng giữ. Bộ máy kim kẹp có 8 cảnh sát, 4 bình định, tề xã ấp tổng cộng 71 tên, 1 đội phòng vệ dân sự 28 tên, 1 đội phòng vệ xung kích 6 tên; ngoài ra còn hơn 500 tên là đảng viên Đảng Dân chủ của địch.

Đầu năm 1960, Đội dân quân du kích xã Tam An<sup>(1)</sup> hình thành trong khí thế đồng khởi toàn huyện. Cuối năm 1960, đội tấn công bót dân vệ Tam An, phát động nhân dân nổi dậy giải phóng 2 ấp (trong 3 ấp của xã).

Từ năm 1963, địch dồn dân lập ấp chiến lược (dài 1km ngang từ 200-400 mét). Đội dân quân du kích xã Tam An vẫn kiên trì bám dân xây dựng cơ sở, vừa diệt bọn ác ôn bên trong vừa vận động nhân dân phá ấp chiến lược để mở đường ra ngoài sản xuất.

Những tháng cuối năm 1964, qua kinh nghiệm chiến đấu ở Phước An (thuộc huyện Nhơn Trạch), Đội dân quân du kích xã Tam An xây dựng các ụ chiến đấu ở Tam An để bao vây địch. Tháng 10/1964, du kích diệt chết 2 tên dân vệ ác ôn làm địch hoang mang, nhân dân phấn khởi, đồng thời phát động phong trào xây làng xã chiến đấu. 6 tháng đầu năm 1965, trong 6 ngày quân dân ta đào được 15 mét địa đạo, rào 4.250 mét rào chiến đấu, cắm 17 trụ sắt, giăng 21.250 mét kẽm gai, đào 39 hầm chông lớn (ngang từ 20-25 mét). Với thế chiến đấu này, du kích và nhân dân xã Tam An bẻ gãy các cuộc càn của địch vào xã, đồng thời tiến công địch giải phóng xã. Đến cuối năm 1965, đội du kích xã xây dựng thành 1 trung đội tổ chức được 1 đội du kích.

Đầu năm 1966, lũ đoàn dù 173 Mỹ càn vào xã hòng diệt đội du kích, dọn đường cho quân đồng minh Thái Lan vào đóng quân, hỗ trợ bọn nguy xây dựng lại bộ máy kim kẹp bên trong. Chúng dùng bom, pháo và xe cơ giới ủi phá rừng để phá địa bàn bám trụ

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

của lực lượng cách mạng.

Tuy gặp nhiều khó khăn, Đội dân quân du kích xã Tam An vẫn kiên trì bám đất, bám dân, nắm chắc địch, vừa đánh diệt bọn lính Mỹ, quân đội Sài Gòn, Thái Lan vừa xây dựng du kích mật bên trong làm nhiệm vụ diệt ác phá kìm.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, Đội dân quân du kích xã Tam An gồm 12 đồng chí đã tiến công địch trong ấp chiến lược, vận động nhân dân bao bót, bứt rút đồn bót giặc, giải phóng xã. Địch tăng cường 2 tiểu đoàn về phản kích, đội dựa vào ụ chiến đấu và hầm chông, bãi mìn bố trí sẵn đánh bật 7 đợt tấn công của địch, diệt 21 tên, trong đó có 2 cố vấn Mỹ.

Giai đoạn năm 1969-1971, địch dùng hàng đoàn máy bay lên thẳng dàn hàng ngang quạt để dò tìm hầm bí mật của ta. Đội dân quân du kích xã Tam An chỉ đạo du kích mật bên trong dùng vũ khí tự tạo tiến công địch, buộc chúng phải bị động đối phó để lực lượng trên về đánh tiêu diệt. Trong kế hoạch đánh phá bình định năm 1970, đội sử dụng nội tuyến đánh rã hoàn toàn 2 đội phòng vệ dân sự và xung kích của địch, cho đến ngày giải phóng chúng không lập lại được. Bên cạnh đó, đội còn tích cực tham gia phong trào bắn máy bay phá chiến thuật “quạt” của địch do huyện phát động, kết quả đã bắn rơi 2 máy bay bằng vũ khí cá nhân.

Tháng 2/1972, Đội dân quân du kích xã Tam An cùng bộ đội Huyện đánh bót Rẫy Thơm do 1 liên đội bảo an đóng giữ, làm chết và bị thương hơn 11 tên, đánh sập 1 nhà lính. Đồng thời đội còn kết hợp nhân dân dùng 3 mũi tiến công hù dọa làm địch hoang mang, rút quân đóng trên đường 21 về co cụm phòng thủ. Tháng 6/1972, đội dùng mìn tự tạo đánh diệt 1 trưởng ấp và 2 tên bình định ác ôn, làm rúng động bộ máy kìm kẹp của địch.

Vào đợt “chồm lên chiếm lĩnh” tháng 1/1973, đội cùng bộ đội huyện tiến hành đánh địch trong ấp, bám trụ 5 ngày đêm, diệt 41 tên, đánh lui nhiều đợt phản công của địch.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Đội dân quân du kích xã Tam An liên tục đánh địch phá tan âm mưu lấn chiếm vùng ta làm chủ trước đó. Tháng 2/1973, đội chặn đánh bọn bảo an lấn chiếm tại bến xuồng, diệt 3 tên. Từ tháng 4 đến tháng 8/1973, vừa chống lấn chiếm vừa đánh phá bình định, đội đã giải phóng 2 ấp, cùng nhân dân xây dựng ấp chiến đấu đánh bại các cuộc lấn chiếm của địch, diệt 14 tên.

Đầu năm 1974, đội du kích mật bên trong đánh diệt 9 tên tề xã ấp, phá lòng thế kìm của địch bên trong, hỗ trợ tích cực phong trào đấu tranh của nhân dân.

Trong chiến dịch mùa khô 1974-1975, Đội dân quân du kích xã Tam An tiến công cắt đứt hoàn toàn lộ 21. Đêm ngày 4 rạng sáng 5/1/1975, đội cùng tiểu đoàn 240 tỉnh Biên Hòa kết hợp với nhân dân đấu tranh 3 mũi bao vây địch tại bót Rẫy Thơm. Sáng ngày 5/1, địch buông súng đầu hàng, ta bắt sống 16 tên, thu 16 súng. Sau đó, đội còn bẻ gãy nhiều đợt phản kích của 2 tiểu đoàn bảo an xuống chi viện cho bọn tại chỗ. Bộ máy nguy tại xã tan rã, các đồn bót còn lại đều bị cô lập.

Ngày 27/4/1975, trước thế tiến công của cách mạng, bọn lính trong đồn bót xã hoang mang rút chạy. Đội cùng cơ sở kịp thời truy kích, diệt 3 tên, bắt sống 72 tên, thu 53 súng các loại, phát động nhân dân san bằng đồn bót, giải phóng hoàn toàn Tam An.

Hơn 10 năm chiến đấu, Đội dân quân du kích xã Tam An đã đánh 64 trận, diệt 177 tên lính Mỹ, Thái Lan, lính Sài Gòn, bắt sống 88 tên, diệt gọn 1 trung đội Mỹ với 32 tên, đánh rã 2 đội phòng vệ dân sự và phòng vệ xung kích, thu 60 súng các loại, bắn rơi 2 máy bay, bắn chìm 2 tàu bo bo, thu lượm 250 đầu đạn pháo. Cùng lực lượng huyện, tỉnh, đội dân quân du kích xã Tam An đã tác chiến 49 trận, diệt 218 tên, bắt sống 6 tên, có 3 tên Mỹ, diệt 2 đồn, 10 xe quân sự (trong đó có 5 xe tăng), thu 75 súng (trong đó có 1 súng cối, 1 đại liên). Trong công tác sản xuất từ năm 1972-1975, hàng năm đội sản xuất 80 gạ lúa, 50 kg

thịt, cá, hàng tấn rau màu các loại.

Đội đã được khen thưởng 4 Huân chương Chiến công, 3 Huân chương Chiến công cho cá nhân, 20 bằng khen, 40 giấy khen, 1 du kích là chiến sĩ thi đua cấp quân khu.

Ngày 6/11/1978, Đội dân quân du kích xã Tam An được phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc

Xã Hưng Lộc<sup>(1)</sup> (huyện Thống Nhất) cách thành phố Biên Hòa 30km về phía Đông Bắc. Nằm giữa hai trục quốc lộ 1 và 20, xã Hưng Lộc với diện tích hơn 10 km<sup>2</sup> như một vành cung án ngữ hai đoạn đường, giáp với Dầu Giây và xã Bàu Hàm 2.

Dân số ở xã hơn 10 ngàn người, hầu hết là dân di cư từ miền Bắc, miền Trung vào sinh sống trong 4 ấp: Hưng Nghĩa, Hưng Nhơn, Hưng Hiệp, Hưng Lộc. Từ năm 1974, địch lập thêm 2 ấp Hưng Bình, Hưng Long. Người dân sinh sống bằng nghề làm ruộng, rẫy, trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn trái.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xã Hưng Lộc, nhất là ấp Hưng Nghĩa, là địa bàn đứng chân quan trọng của lực lượng cách mạng tỉnh Biên Hòa, cũng như khu miền Đông, là một hành lang vận chuyển lương thực, vũ khí và đồ dùng quân sự của cách mạng về thành phố Biên Hòa và Sài Gòn. Do đó, địch tìm kẹp và đánh phá phong trào cách mạng tại đây rất ác liệt.

Cuối năm 1961, dưới sự chỉ đạo và tăng cường cán bộ của Ban cán sự Long Khánh, tại Hưng Lộc đã xây dựng một tổ công tác gồm 3 đồng chí làm nhiệm vụ tuyên truyền và xây dựng cơ sở cách

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

mạng trong xã.

Tháng 2/1962, lực lượng vũ trang của Ban cán sự tổ chức diệt 1 tên trưởng ấp ác ôn, đồng thời tấn công diệt một bót Hưng Nghĩa, rút được thanh niên đi tòng quân.

Tháng 4/1962, cơ sở xã phục vụ cho bộ đội tập kích địch ở ấp Hưng Nghĩa, bắt sống 16 tên dân vệ, thu 13 súng. Bọn tề ấp đều bỏ chạy, nhân dân bung ra phá tan ấp chiến lược Hưng Nghĩa (ngang 250m, dài 300m).

Từ năm 1966, lực lượng địch gồm: 1 đại đội bảo an, 1 đại đội khác đóng ở nhà ga xe lửa, 1 trung đội dân vệ, 1 phân chi khu cảnh sát do đại úy cảnh sát chỉ huy, 1 đội phòng vệ dân sự 50 tên. Ngoài ra ở ấp Hưng Bình, địch thiết lập một cụm pháo với 2 khẩu 105 và 106 ly. Trong từng đợt đánh phá, địch tăng cường các đơn vị của sư đoàn 18 bộ binh, lữ đoàn dù 119 Mỹ, sư đoàn 25 bộ binh Mỹ vào càn quét.

Do tình hình dân cư tại xã phức tạp nên việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương gặp nhiều khó khăn. Năm 1968, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc hình thành gồm 8 đồng chí.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, Hưng Lộc là nơi tập kết và chuyển quân của phân khu 4 để tiến công vào Sài Gòn. Năm 1968, địch biết Hưng Lộc là bàn đạp của cách mạng nên ra sức đánh phá với kế hoạch bình định cấp tốc, đưa hơn 100 tên bình định nông thôn vào xã vừa khủng bố vừa mị dân, phân loại dân để kim kẹp. Ngoài kết hợp với rải chất độc hóa học, địch còn cho hàng trăm xe tăng, xe ủi từ quốc lộ 1, quốc lộ 20 và đường 25 càn vào ủi phá địa hình bám trụ của ta. Việc đi lại của nhân dân bị địch kiểm soát nghiêm ngặt, căn cứ mất ổn định, phải luôn thay đổi địa điểm.

Tuy khó khăn nhưng Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc vẫn kiên trì bám trụ xây dựng cơ sở bên trong, tìm sơ hở của địch tổ chức đột áp lấy lương thực, phục kích đánh địch đi càn khủng bố nhân dân. Ngày 5/6/1969, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc kết

hợp bộ đội huyện Trảng Bom tiến công bọn bảo an, dân vệ trong ấp chiến lược Hưng Lộc, Hưng Thạnh, Hưng Nhơn, diệt 18 tên, làm bị thương 37 tên, thu 8 súng, làm chủ 2 ấp Hưng Thạnh, Hưng Nhơn, phát động hàng ngàn nhân dân nổi dậy phá hơn 2.500 mét kẽm gai, xé cờ ngụy, phá tan trụ sở tề xã.

Trong đánh phá kế hoạch bình định của địch, được cơ sở bên trong giúp đỡ, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc vượt qua các chốt của địch, diệt được 3 tên tề ác ôn trong ấp. Sau đó, đội tổ chức nhiều trận đánh diệt địch bằng cách đánh biệt động bí mật, bất ngờ diệt nhiều lính Mỹ và bọn ác ôn. Hoạt động vũ trang của đội du kích đã góp phần phá lỏng thế kìm kẹp bên trong xã của địch.

Trong công tác phối hợp với bộ đội chủ lực đánh chống càn bên ngoài, nhiều du kích dũng cảm bám trụ trong ấp dùng B40 diệt xe tăng địch. Tại Bàu Nếp, 1 du kích xã bí mật đột nhập vào sân bay dã chiến của Mỹ dùng lựu đạn diệt máy bay lên thẳng vừa hạ cánh. Đồng thời, đội còn vận động nhân dân nhiều lần đấu tranh đánh địch bắn pháo bừa bãi vào xóm ấp, chống ủi phá vườn cây...

Từ năm 1973-1975, tuy quân Mỹ đã rút hết nhưng bọn lính quân đội Sài Gòn ngoan cố, dùng mìn, lựu đạn gài nhiều nơi, kết hợp chiến lược tung biệt kích dày đặc trong rừng gây cho đội nhiều thiệt hại, khó khăn. Bên trong ấp, bọn tình báo, tâm lý chiến truy lùng đánh phá cơ sở cách mạng, dùng tiền bạc và các thủ đoạn tâm lý chiến khác để gây chia rẽ, nghi kỵ trong nhân dân.

Trước tình hình đó, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc phải phân tán từng tổ nhỏ, lấy ấp Hưng Nghĩa làm địa bàn bám trụ hoạt động, thường xuyên dùng mìn tự tạo đánh phá đoạn đường sắt đi qua xã để cắt đứt đường vận chuyển của địch.

Tháng 5/1974, 5 du kích hóa trang vận động tập kích một chốt địch đóng trên đồi cách quốc lộ 1 khoảng 70km, diệt 3 tên, thu 3 súng, 2 mìn clay-mo, sau đó rút về căn cứ an toàn.

Chuẩn bị vào đợt chiến dịch mùa khô 1974-1975, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc đã tích cực tham gia công tác dân công, góp



thành hoàn thành tuyến đường vận chuyển của cách mạng từ sông Đồng Nai qua Cây Gáo, Bàu Hàm, Hưng Nghĩa, đường 1, đường 10, Bình Sơn qua Phước Thái ra lộ 15 về Nhơn Trạch. Hưng Nghĩa được xây dựng thành kho trạm của lực lượng tỉnh, khu miền Đông phục vụ chiến dịch.

Từ ngày 5/1/1975 đến 16/1/1975, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc phối hợp cùng đại đội công binh Quân khu 7 tiến công khu trại địch lấn chiếm sau Hiệp định Paris ở Hưng Nghĩa, phục kích đánh xe trên đường 1, diệt 4 tên (có 3 sĩ quan từ đại úy đến trung tá), diệt 1 cụm quân địch trên đường 20, diệt và làm bị thương 32 tên, bắn cháy 2 xe quân sự.

Tháng 2/1975, đội lại tổ chức đánh 1 trung đội dân vệ di chuyển trên đường số 1 gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng, hỗ trợ mạnh đến phong trào quần chúng đang trong khí thế sôi sục cách mạng.

Từ ngày 8 đến 21/4/1975, chủ lực đánh chiếm đường số 1, đoạn từ Hưng Nghĩa đến ngã ba Dầu Giây, cắt đứt sự chi viện của địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên Xuân Lộc. Trong thời điểm này, hơn 300 người dân từ các nơi chạy về Hưng Lộc, đội du kích cùng nhân dân tổ chức giúp đỡ họ ổn định cuộc sống. Trong cơn hoảng loạn, địch tập trung bắn pháo ác liệt vào 2 ấp Hưng Lộc, Hưng Nghĩa. Đội cùng nhân dân vẫn bám trụ làm nhiệm vụ truy lùng bọn ác ôn, tham gia phá đường, đắp mô hỗ trợ cho chủ lực quân khu tiêu diệt địch trên 2 quốc lộ 1 và 20. Nổi bật, bằng 2 đầu đạn pháo 105 ly, du kích Hưng Lộc gài đánh diệt 2 xe tăng địch tại ấp Hưng Nghĩa.

Ngày 28/4/1975, kết hợp 3 mũi, đội du kích cùng nhân dân nổi dậy giải phóng hoàn toàn xã Hưng Lộc.

Trong quá trình chiến đấu, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc đã tác chiến 155 trận vừa độc lập vừa phối hợp với các đơn vị cấp trên; diệt và làm bị thương hơn 1 ngàn địch (có 11 Mỹ, 24 tên điệp, ác ôn, 10 sĩ quan quân đội Sài Gòn), bắt sống 55 tên; thu 100 súng các loại; phá hủy 1 máy bay lên thẳng, 3 xe tăng, 1 đầu máy xe lửa và 5 đoàn tàu quân sự của địch; đánh rã 2 đội phòng vệ dân sự; vận động 150 thanh niên thoát ly tham gia kháng chiến; giúp đỡ gạo,

## SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG

lượng thực cứu đói cho 100 gia đình; chữa bệnh cho 1.200 người; giúp đỡ cho 200 gia đình xây cất lại nhà cửa bị bom pháo địch tiêu diệt.

Đội cũng đã hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm đường dây giao liên, cửa khẩu hậu cần cho tỉnh, huyện trên địa bàn xã.

Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công, 10 bằng khen, giấy khen. 2 năm 1968-1970, đội đạt cờ luân lưu của tỉnh; năm 1974 đội đạt đơn vị danh hiệu Quyết tâm chiến thắng.

Ngày 6/11/1978, Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc được Nhà nước và Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đội dân quân du kích xã Phước An

Xã Phước An<sup>(1)</sup> thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trải dài theo trục đường số 19, xã Phước An nằm trong khu vực lòng chảo. Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, phía Bắc xã Phước An giáp chi khu Nhơn Trạch và kho đạn Thành Tuy Hạ; phía Nam giáp sông Lòng Tàu - đường thủy chiến lược từ Lòng Tàu về Sài Gòn; phía Đông giáp xã Phước Thọ cạp theo sông Thị Vải; phía Tây là khu đồng bào theo đạo Thiên Chúa di cư từ miền Bắc vào do địch bố trí.

Phước An là bàn đạp của cách mạng nhằm uy hiếp và tiến công địch ở Thành Tuy Hạ, ngăn chặn sự chuyển vận đường thủy của địch với Sài Gòn. Phước An có khu rừng sác thuận lợi cho ta trú, ém quân, là căn cứ địa cách mạng suốt 2 thời kỳ kháng chiến.

Diện tích xã Phước An khoảng 8km<sup>2</sup> gồm 4 ấp: Bà Bông, Bà Trường, Vũng Gấm, Quới Thạnh, mật độ dân số thưa thớt, chuyên nghề đánh lưới trên sông và làm củi. Nhân dân có truyền thống yêu nước, cách mạng, kiên cường chiến đấu suốt 9 năm chống Pháp.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Phước An là trọng điểm đánh phá, bình định của địch ở khu lòng chảo Nhơn Trạch.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

Từ năm 1960, địch xây dựng hệ thống đồn bót dọc đường 19 do một tổng đoàn dân vệ 50 tên đóng giữ. Từ năm 1962, địch tăng cường một trung đội bảo an; bên trong là bộ máy tề xã, ấp và cảnh sát trên 20 tên. Từ năm 1966, nhân dân Phước An còn phải đối đầu với quân Mỹ, quân đồng minh Thái Lan. Ngoài hàng rào ấp chiến lược, địch sử dụng chất độc hóa học hủy diệt rừng sác, dùng bom, pháo, xe cơ giới ủi phá địa hình, phá địa bàn bám trụ của lực lượng cách mạng, cho từng đoàn máy bay trực thăng từ 3-5 chiếc dàn hàng ngang quạt để phát hiện hầm bí mật của ta. Bên trong xã, ấp bọn cảnh sát, bình định, tâm lý chiến liên tục ruồng bỏ, tiến hành chiến tranh tâm lý gây chia rẽ, nghi kỵ trong nhân dân.

Năm 1960, Đội dân quân du kích xã Phước An hình thành làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở. Tháng 10/1960 kết hợp lực lượng huyện và cơ sở nội tuyến, đội tập kích tổng đoàn dân vệ tại chợ giữa ban ngày, thu 6 súng, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh chính trị binh vận, hù dọa làm địch hoang mang.

Liên tục trong năm 1961, Đội kết hợp vừa vũ trang tuyên truyền vừa diệt ác làm rệu rã bộ máy tề xã. Ngày 20/10/1961, đội tổ chức đào công sự, hầm hố vây lấn địch tại bót Gò Cát, đồng thời vận động hơn 300 nhân dân đấu tranh kêu gọi địch buông súng. Ngày 24/10/1961, địch hoang mang bỏ đồn rút chạy, ta bắt sống 4 tên, thu 7 súng, giải phóng hoàn toàn 2 ấp Bà Bông, Bà Trường.

Đầu năm 1962, Đội dân quân du kích xã Phước An nhiều lần phục kích đánh diệt bọn bảo an, dân vệ đi càn quét buộc nhân dân làm ấp chiến lược. Đồng thời, đội còn vận động nhân dân đấu tranh quyết liệt chống địch rào ấp, gom dân. Năm 1963, địch khoanh dân tại chỗ lập ấp chiến lược, xây dựng lại bót Gò Cát, tua ở chợ để yểm trợ việc lập lại bộ máy tề xã ấp. Đội dân quân du kích xã Phước An vẫn kiên trì bám sát địch, đánh địch đi tuần tiêu mở đường, diệt nhiều tên làm chúng co lại trong đồn.

Cuối năm 1963, đội làm nòng cốt phát động nhân dân nổi dậy phá hàng ngàn mét rào ấp chiến lược, xây dựng hầm chông, hố

đình đánh địch đi càn. Đầu năm 1964, ta lại giải phóng 2 ấp Bà Bông, Bà Trường sau khi địch tái chiếm, Đội dân quân du kích xã Phước An phát triển lên 1 trung đội, vận động hàng chục thanh niên thoát ly tham gia chiến đấu.

Tháng 5/1964, tại Phước An ta bắt đầu xây dựng ụ chiến đấu và địa đạo để đánh địch lấn chiếm. Trong 2 năm 1964-1965, du kích cùng nhân dân đóng góp trên 5 ngàn ngày công, xây dựng được 3 ụ chiến đấu liên hoàn nhau.

Tháng 9/1964, ụ chiến đấu đầu tiên hoàn thành tại ấp Bà Trường. Địch điều tiểu đoàn 4 lính thủy đánh bộ cùng 1 tiểu đoàn bảo an chia làm nhiều mũi càn vào để tiêu diệt ụ. Chỉ với 7 đồng chí, du kích Phước An đã bám trụ, bố trí chông, mìn bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch suốt nửa ngày. Địch rút lui mang theo 32 xác chết và bị thương, trong đó có 1 đại úy.

Thắng lợi của Đội dân quân du kích xã Phước An vừa hỗ trợ phong trào đấu tranh của nhân dân, vừa chứng tỏ ưu thế của chiến thuật ụ chiến đấu, như báo cáo của Bộ Chỉ huy Quân khu miền Đông năm 1964 đã đánh giá: "...Đội dân quân du kích xã Phước An (Biên Hòa) lực lượng kém hơn địch từ 20 đến 80 lần, vẫn cứ đánh và giành thắng lợi".

Ngày 1/7/1965, địch lại tổ chức cuộc càn quét quy mô lớn vào Phước An với 1.600 quân chủ lực của sư đoàn 18 và bảo an do các cố vấn Mỹ chỉ huy. Đội dân quân du kích xã Phước An chỉ có 14 đồng chí (có 2 y tá) đã bố trí trận địa chiến đấu mìn, chông quanh ụ chiến đấu, Đội bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch. Đến 15 giờ ngày 3/7/1965, địch rút lui. Ta diệt 67 tên, làm bị thương 30 tên (có 4 cố vấn Mỹ), bắn rơi 1 máy bay lên thẳng. Qua thắng lợi này hơn 10 đồng chí trong đội đã được kết nạp vào Đảng.

Phát huy thắng lợi này, ngày 9/7/1965, Đội dân quân du kích xã Phước An kết hợp với đấu tranh binh vận của nhân dân tiến hành vây địch ở bót Gò Cát. Ngày 10/7, đại đội bảo an đóng bót Gò Cát bỏ chạy, xã Phước An lại được giải phóng.

Tháng 3/1966, lữ đoàn dù của 199 của Mỹ càn vào Phước An với 40 xe tăng ủi phá khu lòng chảo nhằm tiêu diệt đội du kích và văn phòng Huyện ủy đóng tại đây. Dựa thế địa đạo, Đội dân quân du kích xã Phước An dũng cảm đánh trả địch quyết liệt diệt 63 tên Mỹ, bắn rơi 4 máy bay lên thẳng. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của đội du kích, khẳng định tinh thần chiến đấu kiên cường và sự trưởng thành của đội.

Từ năm 1967, quân đồng minh của Mỹ là Thái Lan thuộc sư đoàn Mãng Xà Vương, Hắc Báo thay nhau vào xây dựng căn cứ Nước Trong, từ đó bung ra đánh phá vùng Nhơn Trạch, Long Thành. Chúng đóng 3 cụm quân ở 3 ấp Bà Bông, Bà Trường, Vũng Gấm, kết hợp với việc rải chất độc hóa học hủy diệt rừng Sác, phá địa bàn bám trụ của du kích và đoàn 10 đặc công của miền.

Với sở trường đánh phục kích, gài trái, hầm chông, bố đĩnh, đội nhiều lần bẻ gãy các trận càn của quân Thái Lan, đánh diệt chúng, có trận diệt gọn một tiểu đội Thái Lan tại miễu Ông Tùng, hơn 20 tên lọt hầm chông, hố đĩnh, diệt 16 tên cán bộ bình đĩnh, thu 8 súng, đánh bại âm mưu “bình đĩnh cấp tốc”, “bình đĩnh đặc biệt” của chúng.

Từ năm 1969-1971, địch tăng cường và tập trung mọi phương tiện hủy diệt rừng giồng và rừng sác ở Phước An, gây cho lực lượng cách mạng rất nhiều khó khăn, thiếu đói. Đội du kích vẫn kiên trì bám trụ dùng bom pháo lép của địch tự tạo vũ khí đánh diệt 3 xe tăng, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng, diệt nhiều sinh lực bộ binh địch.

Trong 2 năm 1973-1974, phong trào đấu tranh của nhân dân ở Phước An phát triển rộng. Ngày 19/5/1974, Đội dân quân du kích xã Phước An hỗ trợ cho cơ sở tiến hành binh vận, đội phòng vệ dân sự ấp Vũng Gấm nổi dậy trừng trị tên trưởng ấp ác ôn, thu 8 súng, bắt 6 tên khác; tiếp theo đội 4 lần tập kích vào đồn dân vệ Vũng Gấm, diệt 4 tên, làm bị thương 12 tên khác, làm bọn tề ấp

xã khác lo sợ.

Trong khí thế cách mạng sôi nổi, tháng 3/1975, đội cùng nhân dân dùng 3 mũi giáp công bao vây kêu gọi bọn lính ở Vũng Gấm buông súng. Trong gần 2 tháng, đội bắn chết và bị thương 14 tên, phá hủy 1 cầu, 1 công trên đường 19, 4 xe gắn máy, thu 2 súng.

Cuối tháng 4/1975, đội làm nòng cốt phát động nhân dân trong xã nổi dậy phá rã tề ngụy, giải phóng hoàn toàn xã Phước An.

Trong 15 năm liên tục chiến đấu, Đội dân quân du kích xã Phước An đã đánh hàng trăm trận, diệt 282 tên địch, thu 54 súng các loại, bắn rơi 2 máy bay, hủy 3 xe tăng thu gom hàng trăm bom pháo lép tạo vũ khí đánh địch.

Đội dân quân du kích xã Phước An đã được khen thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 3 Huân chương Chiến công hạng Ba, nhiều bằng khen, giấy khen.

Ngày 6/11/1978, Đội dân quân du kích xã Phước An được Nhà nước và Chính phủ tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Đội dân quân du kích xã Phú Hội

Xã Phú Hội<sup>(1)</sup> thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, từ xa xưa đã nổi tiếng với những vườn cây ăn trái như chôm chôm, bưởi, sầu riêng xanh ngát. Xã chạy dài theo trục đường số 17. Về phía Đông, Phú Hội giáp rừng và xã Phước Thiện, phía Tây giáp xã Long Tân với đồng ruộng mênh mông, phía Nam giáp rừng, sông Đồng Môn, sông Lòng Tàu, rất thuận lợi cho giao thông ở phía Đông của xã.

Hầu hết người dân ở Phú Hội là dân địa phương sinh sống lâu đời với nghề làm vườn, nghề trồng lúa nước. Nhân dân có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường trong kháng chiến chống Pháp.

Đường 17 xuyên qua xã Phú Hội nối liền với kho đạn Thành Tuy Hạ. Địch dùng đường này để chuyển vũ khí về Quân đoàn III của chúng ở Biên Hòa, từ đó chi viện cho các tiểu khu quân sự ở chung quanh. Sông Đồng Môn và Lòng Tàu là đường thủy chiến lược nối liền với Vũng Tàu và Nhà Bè, Sài Gòn.

Với cách mạng, xã Phú Hội là địa bàn bám trụ của du kích xã, lực lượng vũ trang huyện, tỉnh Biên Hòa, Đoàn 10 đặc công miền để đánh địch và cắt đứt đường giao thông thủy, bộ của địch, tiến công các chi khu Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ cùng các cơ quan đầu não của địch ở Sài Gòn.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.



Vì thế, xã Phú Hội là xã tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Địch xây dựng tại đây 4 đồn, 3 chốt với trên 1 đại đội bảo an và dân vệ đóng giữ. Bộ máy kim kẹp có cảnh sát, bình định nông thôn và tề xã, ấp. Có lúc chúng còn tăng cường lính của sư đoàn 18 xuống càn quét, đánh phá. Từ năm 1966, quân dân xã Phú Hội còn phải đối đầu với quân viễn chinh Mỹ và quân Thái Lan, đồng minh của Mỹ.

Tháng 8/1960, xã Phú Hội được chọn làm điểm diệt ác đầu tiên để phát động phong trào kết hợp đấu tranh chính trị, vũ trang toàn huyện và Đội dân quân du kích xã Phú Hội được thành lập.

Mở đầu cho phong trào toàn huyện, Đội dân quân du kích xã Phú Hội đã tổ chức diệt tên trưởng ấp Phú Mỹ và phát động nhân dân toàn xã nổi trống, mõ, đốt đuốc uy hiếp địch. Ta làm chủ ấp ban đêm, huy động được hàng chục thanh niên tòng quân chiến đấu, phát triển được cơ sở và phong trào cách mạng xã.

Từ năm 1962, Đội dân quân du kích xã Phú Hội tập trung vào nhiệm vụ đánh địch càn quét bên ngoài, cùng lúc phát động nhân dân chống địch dồn dân lập ấp chiến lược. Cuộc đấu tranh kéo dài đến năm 1963, do không tát được dân nên địch phải khoanh dân tại chỗ, tiến hành xây dựng hàng rào ấp chiến lược nhằm đánh bật đội du kích.

Đội du kích xã vẫn kiên trì, từng lúc bám ấp, vừa phá ấp chiến lược vừa vận động nhân dân cùng phá. Bên trong, ban đêm nhân dân bí mật phá ấp, dùng lý lẽ đấu tranh chống địch không làm hại, vừa quyên tiền mua kèm gửi ra cho bộ đội du kích phá ấp.

Cuối năm 1964, Đội dân quân du kích xã Phú Hội làm nòng cốt cho phong trào ụ chiến đấu tại xã, phát triển thành địa đạo để bao vây cô lập địch trong đồn, bót. Đầu tiên, đội xây dựng ụ chiến đấu ở bìa rừng, sau đó phát triển rộng ra giáp xã Long Tân đánh diệt bọn bảo an đi càn quét phía ngoài có kết quả. Đầu năm 1965, kết hợp 2 lực lượng bên trong, bên ngoài kết hợp 3 mũi đấu tranh, Đội dân quân du kích xã Phú Hội và nhân dân phát động phong trào phá ấp chiến lược toàn xã, giải phóng hoàn toàn xã Phú Hội, tiến hành xây dựng

làng xã chiến đấu.

Ngày 3/3/1966, một bộ phận lữ đoàn dù 199 của Mỹ càn vào Phú Hội. Vận động theo địa đạo và dựa vào ụ chiến đấu, Đội dân quân du kích xã Phú Hội liên tục phản công và tiến công địch suốt 2 ngày đêm, bẻ gãy nhiều cuộc tiến công của địch, diệt 51 tên Mỹ. Phát huy thắng lợi, đội tiếp tục củng cố công sự vây lấn, bứt rút bộn bảo an tại đồn Phú Hội, tiếp tục giữ vững vùng giải phóng.

Từ năm 1967, địch dùng bom pháo hủy diệt rừng, kết hợp xe tăng, xe ủi ủi tàn phá địa bàn, tăng cường lực lượng hành quân liên tục phía ngoài, xây dựng lại ấp chiến lược, tăng cường bộn binh định đánh phá bên trong gây cho lực lượng xã nhiều khó khăn. Bằng tư tưởng tiến công, đội dân quân du kích xã Phú Hội đã đào hầm bí mật để trụ lại, tìm mọi cách vào ấp diệt ác, phá kìm, đánh bộn binh định bên trong.

Đầu tháng 7/1967, Đội tập kích đoàn binh định nông thôn tại xã, diệt 2 tên đồn trưởng và phó, bắt sống 8 tên, thu 15 súng các loại, 2 máy thông tin và nhiều tài liệu, đánh bại âm mưu bình định của địch. Ngày 19/7/1967, đội tổ chức phục kích đánh một tiểu đội Mỹ ngoài ấp, diệt 4 tên thu 4 súng, 2 máy thông tin PRC 25. 2 mặt trận đánh trong và ngoài này có tác dụng làm lỏng rã thế kìm của địch. Từ 16 giờ trở đi, bộn địch co cả vào đồn, không dám đi càn quét.

Từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, nhất là từ năm 1969 đến năm 1971, địch tập trung đánh phá khu Lòng chảo Nhơn Trạch rất quyết liệt, trong đó có xã Phú Hội. Có lúc trên không chúng tập trung từng đoàn máy bay lên thẳng dàn hàng ngang quạt để tìm hầm bí mật của ta. Dưới mặt đất, địch cho xe cơ giới ủi phá địa hình. Tuy gặp nhiều khó khăn, đội dân quân du kích xã Phú Hội vẫn kiên trì bám trụ hầm bí mật, dùng B40 và mìn tự tạo đánh diệt 10 xe tăng, xe ủi địch. Đồng thời, Đội chia làm nhiều tổ nhỏ bí mật vào ấp diệt ác làm bộn tê rúng động, tạo điều kiện cho nhân dân đấu tranh chống bắn pháo, đòi bồi thường thiệt hại, đòi về đất cũ sản xuất.

Trong chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, Đội dân quân du kích xã Phú Hội liên tục tiến công địch. Nổi bật trong 2 ngày 30 và 31/12/1972, 13 du kích kiên cường bám trụ bẻ gãy nhiều đợt phản kích của liên đội 32 bảo an, diệt 15 tên. Địch điên cuồng dùng máy bay đến ném bom bừa bãi vào xã, hủy diệt 132 nhà dân. Đội vẫn liên tục trụ bám giữ được thế làm chủ 2 ấp, đánh bại kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” của địch.

Tham gia chiến dịch mùa khô 1974-1975, đội dân quân du kích xã Phú Hội bí mật luồn sâu diệt bọn bình định, bọn tề xã ấp làm địch rất lo sợ. Theo tinh thần chỉ đạo của Huyện ủy Nhơn Trạch là “xã giải phóng xã, ấp giải phóng ấp”, tháng 4/1975 Đội dân quân du kích xã Phú Hội đã phát triển lên 35 đồng chí. Ngày 27/4/1975, đội du kích kết hợp 3 mũi tiến công địch ở bót dân vệ và trung tâm cộng đồng ở xã. Ngày 28/4/1975, phối hợp với mũi tiến công của chủ lực, Đội dân quân du kích xã Phú Hội phát triển đánh chiếm thêm 2 đồn, 4 chốt, 1 ụ ở ấp Đất Mới và ấp Phú Mỹ, cùng nhân dân truy lùng bọn tàn binh địch, diệt 10 tên ác ôn, 3 bảo an, bắt sống 12 tên, thu 13 súng các loại, nhiều đồ dùng quân sự, giải phóng hoàn toàn xã Phú Hội.

Trong 15 năm chiến đấu, Đội dân quân du kích xã Phú Hội đã tác chiến độc lập và phối hợp được 1.250 lần; loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên (có 200 Mỹ và Thái Lan); bắt sống 55 tên.

Đội đã được tặng thưởng 5 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì, 1 hạng Ba), 3 Huân chương Chiến công hạng Ba cho cá nhân, 3 bằng khen, 6 đồng chí đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, 1 đồng chí là Dũng sĩ diệt cơ giới Mỹ, 3 đồng chí là Chiến sĩ quyết thắng, 7 đồng chí là Chiến sĩ thi đua, 18 giấy khen cho cá nhân.

Ngày 6/11/1978, đội dân quân du kích xã Phú Hội vinh dự được Nhà nước và Chính phủ tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Đội dân quân du kích xã Thiện Tân

Xã Thiện Tân<sup>(1)</sup> là căn cứ huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa (cũ), chạy dài theo trục đường số 24 phía hữu ngạn sông Đồng Nai, phía Đông và Bắc giáp Chiến khu Đ, phía Tây Nam giáp sân bay quân sự chiến lược Biên Hòa của Mỹ.

Diện tích xã trên 10km<sup>2</sup>, dân số trên 2 ngàn người, là địa phương có truyền thống yêu nước đấu tranh cách mạng.

Thiện Tân là cửa ngõ ra vào Chiến khu Đ, một cửa khẩu hậu cần của lực lượng cách mạng, đồng thời làm bàn đạp tiến công địch ở sân bay Biên Hòa, Bộ Chỉ huy Quân đoàn 3 quân đội Sài Gòn. Do đó, địch tập trung đánh phá, càn quét Thiện Tân rất ác liệt để bảo vệ các cơ quan đầu não, các căn cứ, kho tàng quan trọng của chúng ở Biên Hòa.

Lực lượng địch thường xuyên có 1 đồn do 1 đại đội bảo an đóng giữ, 3 bót cấp trung đội ở Rạch Tôm, cầu Cây Khô, ấp Ông Hoàng do 3 trung đội bảo an đóng giữ, 1 tiểu đội cảnh sát, 1 đội binh định nông thôn cùng bộ máy tề xã, ấp ác ôn. Ngoài ra quân chủ lực sư đoàn 18 và lữ đoàn dù 173 của Mỹ thường xuyên về hoạt động để bảo vệ vòng ngoài sân bay Biên Hòa. Tại dốc Ông Hoàng, địch bố trí 1 cụm pháo có từ 9 đến 25 khẩu pháo để yểm trợ cho các cuộc hành

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

quân của chúng.

Tháng 1/1960, Đội dân quân du kích xã Thiện Tân được thành lập. Tháng 12/1960 và tháng 1-1961, địch mở 2 cuộc hành quân vào xã. Đội đã chặn đánh địch tại cầu Cây Khô, diệt hơn 1 tiểu đội bảo an, bẻ gãy mũi tiến quân của địch. Hai trận thắng đầu tiên của đội có tác động cổ vũ rất lớn đến phong trào cách mạng ở xã, 62 thanh niên ở xã đã tòng quân sau thắng lợi này.

Từ 1961-1965, khi Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt, tuy lực lượng không nhiều nhưng Đội dân quân du kích xã Thiện Tân luôn là lực lượng nòng cốt đi đầu trong việc đánh phá áp chiến lược của địch mở thế kìm cho nhân dân. Kết hợp với đấu tranh chính trị, binh vận của nhân dân, đội đã 2 lần bao bót, bứt rút bót Cây Khô, bót Rạch Tôm; phát động nhân dân bung ra phá áp chiến lược của địch. Nổi bật, đội du kích đã dũng cảm, mưu trí tiêu diệt tên đại úy tình báo Sáu Tầng tại cầu Cây Khô, tác động mạnh và cổ vũ phong trào cách mạng trong toàn huyện.

Từ năm 1966, đế quốc Mỹ mở rộng sân bay chiến lược Biên Hòa, chúng tập trung xe cơ giới ủi phá địa hình, tổ chức các cuộc càn quét quy mô lớn vào Thiện Tân nhằm đẩy các lực lượng cách mạng ra khỏi xã, tiêu diệt cơ sở cách mạng bên trong, tạo một vành đai an toàn cho sân bay và các căn cứ, kho tàng quân sự tại Biên Hòa.

Biết tin và dựa vào nhân dân, xây dựng cơ sở tình báo, hậu cần vững chắc bên trong, Đội dân quân du kích xã Thiện Tân vẫn luôn sâu vào áp diệt ác phá kìm; dùng bom, pháo lép của địch chế tạo vũ khí, đánh phá giao thông, diệt xe cơ giới, xe thiết giáp gây cho địch nhiều thiệt hại.

Song song với diệt ác phá kìm, đánh địch bên ngoài, cán bộ và du kích xã vẫn kiên trì bám trụ vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắn pháo vào xóm ấp, chống giết người bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

Ngày 6/6/1966, một đoàn xe địch gồm 3 chiếc thiết giáp M113 đi càn quét từ Đại An trở về theo lộ 24. Đến đoạn ấp số 7, chúng lọt vào

ồ phục kích của Đội dân quân du kích xã Thiện Tân. Bằng B40 và mìn tự tạo ĐH10, Đội dân quân du kích xã Thiện Tân đã diệt cả 3 xe và 16 tên địch thuộc sư đoàn 18 bộ binh.

Trong 2 năm 1966-1967, tuy quân Mỹ bung ra đánh phá bên ngoài, đội vẫn bí mật đột áp diệt ác làm bọn lính tại chỗ và tề nguy co lại không dám lòng sục ban đêm.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân năm 1968, Thiện Tân là địa bàn đứng chân của lực lượng huyện. Đội dân quân du kích xã Thiện Tân đã cùng bộ đội tiến công địch tại chi khu Công Thanh<sup>(2)</sup>, đồng thời tiến hành diệt ác, tuyên truyền vũ trang trong các ấp.

Sau năm 1968, địch phản kích phong trào ở Thiện Tân ác liệt. Bên ngoài chúng ném bom, bắn pháo, rải chất độc hóa học, cho xe cơ giới ủi rừng, tung biệt kích địch đánh phá nhiều nơi trong rừng. Từ ngoài căn cứ vào ấp chỉ 15 phút đường nhưng có lúc đội du kích đụng địch đến 4-5 lần. Tuy vậy, đội vẫn bí mật bám trụ, vừa diệt ác, vừa làm trinh sát cho bộ đội tỉnh, Đoàn 113 đặc công Miền đánh vào các mục tiêu sân bay Biên Hòa, kho đạn Bình Ý...

Đêm 12 rạng 13/8/1968, địch mở cuộc hành quân cấp tiểu đoàn gồm lính sư đoàn 18, biệt động quân với yểm trợ của 12 xe thiết giáp vào ấp số 7, là ấp cơ sở cách mạng. Trong khi đó, đoàn hậu cần của tỉnh Biên Hòa gần 150 đồng chí cán bộ đang triển khai công tác tải lương thực tại xã. Địch chia làm nhiều mũi bao vây xã. Ý đồ của chúng là dồn ta về hướng sông Đồng Nai để tiêu diệt. Vòng vây địch ngày càng siết chặt.

Lúc này, Đội dân quân du kích xã Thiện Tân chỉ có 5 đồng chí cùng với 5 bộ đội huyện đã dũng cảm đánh trả quyết liệt từ 3 giờ đến 4 giờ 30 sáng. Sau đó cả 10 đồng chí tập trung mở đường máu cho đoàn rút. Đến 5 giờ sáng, toàn lực lượng rút về căn cứ an toàn, đồng thời diệt 16 tên địch, trong đó có 4 cố vấn Mỹ, bắn cháy 2 xe tăng.

---

(2) Quận Công Thanh do chính quyền Sài Gòn thành lập năm 1963

Trong 3 năm 1969, 1970, 1971 là giai đoạn tình hình cách mạng gặp khó khăn nhất, Đội dân quân du kích xã Thiện Tân đã xây dựng được 10 hầm bí mật để bám trụ đánh địch. Nổi bật là tinh thần chủ động tiến công sử dụng vũ khí tự tạo đánh địch của đội đạt hiệu quả cao, trong đó có trận diệt 5 xe tăng và 2 tiểu đội Mỹ trên đường bảo vệ vành đai sân bay Biên Hòa.

Tháng 11/1970, một đại đội lính thuộc sư đoàn 18 cùng bọn bảo an tại chỗ mở 1 trận càn vào ấp Xóm Gò. Đội dân quân du kích xã Thiện Tân có 6 đồng chí cùng 2 bộ đội tinh dùng mìn đánh diệt và làm bị thương 20 tên, bẻ gãy trận càn của chúng. Cũng ngay trong đêm đó, du kích xã bí mật vào ấp 7, diệt 5 tên tề ác ôn, thu 3 súng.

Tháng 1/1973, đội tổ chức tiến công địch, phát động nhân dân ấp 7 nổi dậy giành quyền làm chủ, chiếm và kiểm soát ấp 1 ngày, đánh bật 6 đợt phản kích của một đại đội địch, diệt và làm bị thương 12 tên.

Trong chiến dịch mùa khô 1974-1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975, Đội du kích kết hợp quần chúng liên tục vừa nổi dậy vừa tấn công địch, kêu gọi chúng buông súng. Ngày 30/4/1975, đội cùng nhân dân chiếm đồn bót địch, giải phóng hoàn toàn xã Thiện Tân.

Từ năm 1961-1975, Đội dân quân du kích xã Thiện Tân đã tác chiến 130 trận lớn, nhỏ, diệt 1.950 tên lính quân đội Sài Gòn, 154 lính mỹ Mỹ, bắn cháy 7 xe tăng, xe thiết giáp, thu 105 súng các loại, thu 2 tấn mìn, đạn, rải 10.500 truyền đơn các loại, phát động 4.500 lượt nhân dân đấu tranh chính trị.

Từ năm 1961-1968, đội đã diệt 17 tên tề xã ấp, cảnh sát, tình báo ác ôn, đánh phá 20 lần cầu cống địch trên đường 24.

Đội đã được tặng thưởng: 5 Huân chương Chiến công hạng Ba, 10 bằng khen, 20 giấy khen.

Ngày 6/11/1978, Đội du kích xã Thiện Tân được Nhà nước và Chính phủ tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Đội phẫu thuật tiên phong (K20) miền Đông Nam Bộ

Đội phẫu thuật tiên phong miền Đông Nam Bộ (K20) là một đơn vị nhỏ, nhân viên phục vụ, phương tiện, dụng cụ, thuốc men thiếu lại thường xuyên hoạt động ở vùng sâu, bị địch liên tục càn quét, đánh phá. Nhưng cán bộ, y bác sĩ, nhân viên trong đội đã có quyết tâm cao, tự lực tự cường, dũng cảm bền bỉ chịu đựng gian khổ ác liệt đứng vững trên chiến trường vùng sâu bảo đảm tiếp nhận, cứu chữa thương binh.

Đội hết sức coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, y bác sĩ, điều dưỡng, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, có quan điểm phục vụ tốt. Cả đội đã thực hiện tốt khẩu hiệu “Tất cả vì thương binh, trước hết cho thương binh”. Tuy chỉ là một đội phẫu thuật nhưng K20 đã làm tốt nhiệm vụ của một bệnh viện trên một địa bàn vô cùng khó khăn, cứu chữa nhiều thương binh có vết thương hiểm nghèo.

Đội đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, được tặng danh hiệu Đơn vị Thành đồng Quyết thắng.

Ngày 10/2/1970, Đội phẫu thuật tiên phong miền Đông Nam Bộ (K20) được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Trại Quản lý và Cải tạo phạm nhân K4 Công an tỉnh Đồng Nai

Trại Quản lý và Cải tạo phạm nhân K4 Công an tỉnh Đồng Nai được thành lập từ tháng 6/1976. Nhiệm vụ chính trị của trại là quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân.

Số trại viên của trại lúc mới thành lập bao gồm phần lớn là bọn phản động, gián điệp, tình báo, cảnh sát... đã bị Mỹ và chế độ Sài Gòn nhồi nhét tư tưởng phản động (từ hơn 20 năm). Sau ngày giải phóng 30/4/1975, những đối tượng được đưa vào trại để học tập, cải tạo đều mang sẵn tư tưởng căm thù cách mạng sâu sắc nên rất ngoan cố, tìm mọi cách chống phá không chịu lao động cải tạo, thường tìm cách móc nối với bọn phản động bên ngoài tuyên truyền kích động lôi kéo, hăm dọa một số trại viên tiên bộ để tổ chức bạo loạn, cướp súng, giết cán bộ, phá trại. Đặc biệt là từ khi xảy ra chiến tranh biên giới ở Tây Nam và phía Bắc, đồng thời bọn Fulro gây ra một số vụ bạo loạn ở một số điểm trên địa bàn Tây Nguyên, những đối tượng này càng nẩy sinh hy vọng, chờ thời cơ nổi dậy.

Trước tình hình khó khăn và phức tạp ấy, cán bộ, chiến sĩ của đơn vị đã tìm mọi cách để thuyết phục các đối tượng học tập cải tạo. Cụ thể như: kết hợp giam giữ với công tác xét hỏi, kết hợp bản tự khai của trại viên với công tác xây dựng cơ sở nắm tình hình, kết hợp trực tiếp giáo dục với việc dùng gia đình, thân nhân tác động họ, kết hợp dùng bằng chứng phạm tội của những kẻ

chống đối với việc thường xuyên giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cho xem phim, sách báo, nghe đài, chơi thể dục thể thao, vận động sáng tác văn học, nghệ thuật, lao động sản xuất... Nhờ vậy, mọi biểu hiện phản động của những đối tượng cứng đầu, cố tình gây rối đều được cán bộ, chiến sĩ của trại phát hiện đấu tranh kịp thời, xử lý đích đáng.

Từ đó, các trại viên đều yên tâm cải tạo, nên đã có 50% số trại viên tiến bộ được tha trước niên hạn. Khi ra trại, 100% trại viên được phổ cập văn hóa cấp THCS và có nghề nghiệp như: mộc, rèn, nề, đan lát, may vá, điêu khắc, hội họa hoặc chăn nuôi, trồng trọt. Một ngàn trại viên sau khi được tha đã làm đơn xin ở lại làm công nhân cho trại. Hầu hết số trại viên được tha, đơn vị đều cử cán bộ đi liên hệ các cơ sở sản xuất của Nhà nước, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất để tiếp nhận họ vào làm việc. Thậm chí một số trại viên do khó khăn về kinh tế, đơn vị đã trích tiền tàu xe, trợ cấp tiền gạo, tặng một số tư liệu sản xuất để về nhà sinh cơ lập nghiệp, do đó không có trại viên nào tái phạm tội lỗi.

Đi đôi với giáo dục chính trị, trại đã tổ chức cho các trại viên tham gia sản xuất, dùng lao động để cải tạo. Trong sản xuất gặp rất nhiều khó khăn trở ngại bởi nơi đây vốn là khu gia binh cũ của quân đội Sài Gòn, nay biến thành trại giam, lại phải cải tạo khu vực để có được các khu giam, buồng giam, nơi ăn, ở, chơi thể thao, câu lạc bộ và các khu vực sản xuất cho từng loại tội phạm. Khu vực đất sản xuất phần lớn là rừng và đồi đá, thời tiết lại thất thường, tư liệu sản xuất, cây con, giống lại thiếu, nhất là vốn đầu tư của Nhà nước mỗi năm lại cắt giảm trên 2 triệu đồng; đặc biệt là lương thực, thực phẩm, quần áo, chăn màn, bát đũa, cuộc xêng để trang bị cho phạm nhân đều bị cắt giảm từ 70-80%.

Trước tình hình đó, đơn vị đã cử hàng chục cán bộ chiến sĩ đi học các ngành nghề tại các trường đại học chuyên nghiệp, học ở các xí nghiệp, hợp tác xã hoặc mời các chuyên gia về đơn vị để giảng bài, nói chuyện, trực tiếp huấn luyện... Bên cạnh đó, đơn vị

xin thêm đất đai, quy hoạch sản xuất, phá vỡ 130 héc-ta đất canh tác, lấy sản xuất nông nghiệp làm cơ sở cho việc phát triển thủ công nghiệp, công nghiệp.

Do đó từ năm 1978, dù mỗi năm chỉ được Nhà nước đầu tư trên 2 triệu đồng nhưng đơn vị đã làm ra tổng sản lượng bình quân 69 triệu đồng. Đưa đàn gia súc từ chỗ có hơn 30 con các loại đến năm 1985 trên 300 con bò, hàng trăm ngàn con gà, vịt, lợn... Ngoài ra còn khai thác và vận chuyển 73.200m<sup>3</sup> gỗ, xây dựng 18840m<sup>2</sup> nhà giam, nhà ở, nhà ăn, hội trường, câu lạc bộ, đào đắp 320.080m<sup>3</sup> đất đá để làm ao, nền nhà sản xuất, mỗi năm thu hoạch trên 10 ngàn tấn lương thực, mức ăn của trại viên từ 13kg/tháng tăng lên 19kg/tháng và từ 2 bữa ăn lên 3 bữa ăn/ngày, từ 1kg thịt lên 2kg thịt, 4 kg cá, rau xanh/tháng; cung cấp hàng vạn bộ quần áo, chăn màn, áo mưa, hàng vạn dụng cụ sản xuất; hàng năm các ngày lễ, tết hoặc các trại viên ốm đau, lao động tích cực còn được tăng khẩu phần ăn, thưởng vật chất và mỗi năm còn có lương thực dự phòng cho 6 tháng năm sau.

Đặc biệt xuất sắc là tập thể cán bộ, chiến sĩ của trại đã cảm hóa, giáo dục phạm nhân, mạnh dạn phát huy khả năng và sức lao động của trại viên, đã xây dựng được 1 khu thắng cảnh du lịch gồm 6 hồ nuôi cá, 4 nhà 2 tầng trên hồ nước bằng gỗ quý được trang trí rất mỹ thuật, đầy đủ tiện nghi và hệ thống vườn hoa, cây cảnh, chuồng chim, chuồng thú... được các đoàn khách trong nước và quốc tế đến tham quan khen ngợi.

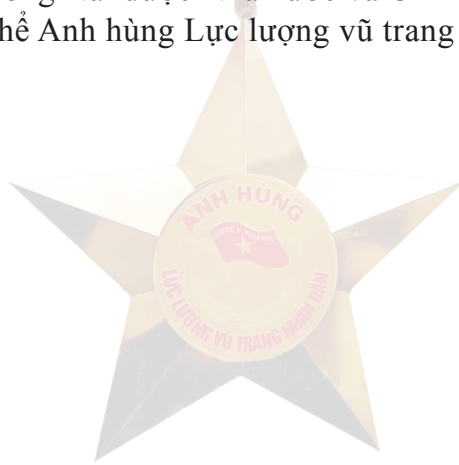
Là nơi giam giữ tập trung nên mỗi phạm nhân khi đến trại đều mang nhiều căn bệnh khác nhau, trong đó có các bệnh mãn tính, hiểm nghèo. Trước khó khăn chung về thuốc chữa bệnh, nhất là thuốc kháng sinh ngày càng bị cắt giảm, đơn vị đã biết khai thác khả năng kỹ thuật đông y của trại viên, tổ chức trồng được nhiều loại cây dược liệu, tự sản xuất 1 triệu viên thuốc các loại, 125kg thuốc bột, 86.134 lít thuốc nước, tổ chức khám và điều trị tại chỗ cho 134.479 lượt phạm nhân khỏi bệnh, không để phạm nhân chết

vì bệnh tật.

Về xây dựng lực lượng, lúc mới thành lập trại chỉ có 2 đảng viên, 38 cán bộ chiến sĩ mới tuyển, đến năm 1985 đã có 73 đồng chí, có 1 Chi bộ Đảng và 4 Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Do làm tốt công tác chính trị tư tưởng nên cán bộ chiến sĩ đoàn kết một lòng, yên tâm công tác, không có cán bộ chiến sĩ nào sai phạm kỷ luật. Trại được công nhận là Đơn vị Quyết thắng 3 năm liền 1982-1983, được tặng nhiều bằng khen của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh và Ban Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai.

Đặc biệt, năm 1985<sup>(2)</sup>, Trại Quản lý và Cải tạo phạm nhân K4 Công an tỉnh Đồng Nai được Nhà nước và Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



---

(2) Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1998.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Long Khánh

Thị xã Long Khánh<sup>(1)</sup> chính thức thành lập theo Quyết định số 97/2003/NĐ - CP ngày 21/8/2003 của Chính phủ trên cơ sở huyện Long Khánh (đã chuyển giao một số xã để thành lập 2 huyện mới Cẩm Mỹ và Thống Nhất). Thị xã Long Khánh cách thành phố Biên Hòa trên 40km, phía Bắc giáp huyện Định Quán, phía Nam giáp huyện Cẩm Mỹ, phía Đông giáp huyện Xuân Lộc, phía Tây giáp huyện Thống Nhất.

Thị xã hiện có 15 đơn vị hành chính gồm 6 phường: Xuân Bình, Xuân An, Xuân Hòa, Xuân Trung, Xuân Thanh, Phú Bình và 9 xã: Bà Hàm, Bảo Vinh, Bảo Quang, Suối Tre, Xuân Lập, Bà Sen, Xuân Tân, Hàng Gòn, Bình Lộc.

Trước năm 2003, Long Khánh có những thay đổi về đơn vị, địa giới hành chính. Ngày 24/7/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định 131-BNV/HC/NĐ thành lập tỉnh Long Khánh gồm 2 quận: Xuân Lộc (có 1 tổng Bình Lâm Thượng) và Định Quán (gồm 2 tổng Bình Tuy và Tà Lài). Trong khi đó, đối với chính quyền cách mạng, sau tháng 8/1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, địa bàn Long Khánh thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa. Trong kháng chiến chống Mỹ, địa bàn Long Khánh thuộc tỉnh Long Khánh (1954-1966); từ năm 1966-1971 thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa - Long

(1) Nguồn: Theo tư liệu của Lịch sử Đảng bộ thị xã Long Khánh.

Khánh; từ năm 1971-1973 thuộc huyện Xuân Lộc, phân khu Bà Rịa; từ năm 1973-1975 thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Long Khánh vẫn là địa bàn thuộc huyện Xuân Lộc. Năm 1991, huyện Long Khánh được thành lập (trên cơ sở tách huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Xuân Lộc và huyện Long Khánh) và đến năm 2003 thì Long Khánh là thị xã.

Thị xã Long Khánh có vị trí quan trọng cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Đường quốc lộ 1 đi qua thị xã là con đường huyết mạch nối liền ra miền Trung, miền Bắc, Long Khánh cũng là cửa ngõ án ngữ phía Đông Nam để vào thành phố Biên Hòa và Sài Gòn. Liên tỉnh lộ 2 (nay là quốc lộ 56) từ thị xã Long Khánh qua huyện Cẩm Mỹ nối liền với thị xã Bà Rịa xuống vùng ven biển Vũng Tàu. Tuyến đường sắt Bắc - Nam đi ngang qua thị xã Long Khánh. Chính vì thế, trong 2 cuộc kháng chiến, đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, chính quyền Sài Gòn chú trọng xây dựng Long Khánh thành tuyến phòng thủ vững chắc để bảo vệ trung tâm đầu não Sài Gòn.

Với đặc điểm là vùng đất đỏ phi nhiêu, màu mỡ, ngay từ đầu thế kỷ XX giới tư bản thực dân Pháp đã triệt để thực hiện chính sách khai thác thuộc địa ở Long Khánh, cướp khu vực đất đỏ vốn là nơi sinh sống lâu đời của các dân tộc thiểu số bản địa để trồng và khai thác cao su, bóc lột tài nguyên thiên nhiên lẫn sức lao động của người dân.

Đến năm 1925, trên địa bàn Long Khánh đã có các công ty trồng và khai thác cao su là: Công ty Đồn điền An Lộc, Đồn điền Cam Tiêm, Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty Đồn điền Suzannah, Công ty Đồn điền Xuân Lộc, với tổng diện tích cao su là 7.331 héc-ta. Hầu hết các công ty cao su đều mộ dân từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm phu như: Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị... Việc mộ phu khai thác cao su ở khu vực Long Khánh đã làm tăng số nhân khẩu ngụ cư trên địa bàn. Chính sách khai thác cao su của tư bản thực dân Pháp ở vùng đất đỏ Long Khánh làm xuất hiện đội ngũ công nhân cao su,

nhưng đây là tầng lớp lao động cực nhọc và có đời sống vô cùng tối tăm. Mỗi ngày, phu cạo mũ phải làm việc không dưới 12 giờ đồng hồ, bị bớt xén khẩu phần ăn, ở trong điều kiện chật hẹp, tồi tàn và ẩm thấp mất vệ sinh, bệnh đau không được chữa trị, lại thường xuyên bị đòn roi của cai, xu, sếp.

Bị áp bức đến cùng cực, công nhân đồn điền cao su ở Long Khánh đã vùng lên đấu tranh để tự bảo vệ quyền sống của mình. Trong đó, cuộc đấu tranh của công nhân Đồn điền Cam Tiêm năm 1926 gây tiếng vang lớn. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu do chưa giác ngộ giai cấp, chưa ý thức rõ về đoàn kết giai cấp, thiếu tính tập thể, những cuộc đấu tranh của công nhân thường mang tính tự phát.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, đói rét, bệnh tật đã đưa người nông dân ở Xuân Lộc - Long Khánh đến chỗ chết dần, chết mòn. Nhiều trận dịch tả đã làm chết hàng trăm người. Nhiều buôn, sóc của đồng bào dân tộc Chơ-ro, S'tiêng, sau trận dịch đã trở nên hoang tàn, xơ xác không còn sót lại một bóng người. Đồng bào dân tộc Chơ-ro cũng vùng lên chống lại chính sách cướp đất lập đồn điền của tư bản thực dân Pháp. Cũng giống như cuộc đấu tranh của công nhân cao su, đây chỉ là những phản kháng mang tính tự phát.

Cuối năm 1929, đầu năm 1930, các cơ sở cách mạng bắt đầu xuất hiện trong các đồn điền cao su ở Xuân Lộc - Long Khánh. Các tổ chức bí mật của Đảng được thành lập dưới các tên gọi: Xích vệ đội, Công hội đỏ, Nông hội đỏ... Các đồng chí đảng viên còn tổ chức ra các hội, đoàn công khai như: Hội tương tế, đội văn nghệ, đội thể dục - thể thao... để tập hợp giác ngộ cách mạng cho quần chúng công nhân và nông nhân lao động.

Sau khi Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Biên Hòa ra đời ở Tân Triều<sup>(2)</sup>, phong trào cách mạng ở Xuân Lộc, đặc biệt khu thị trấn (tức thị xã Long Khánh ngày nay) được nhen nhóm. Bước đầu, Đảng có những hành động tích cực, các đảng viên nòng cốt (hạt giống cách

---

(2) Nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu.

mạng) đã đi sâu vào các làng công nhân, các buôn, sóc... của đồng bào dân tộc, các thợ thuyền và một số công chức, trí thức tiến bộ, gặp gỡ bà con để tuyên truyền giác ngộ cách mạng, lôi cuốn công nhân nhất là tầng lớp thanh niên vào các tổ chức hoạt động cách mạng. Thông qua phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su trong các đồn điền, các đồng chí đã lựa chọn ra những công nhân ưu tú kết nạp vào Đảng. Đến cuối năm 1937, có 3 chi bộ được xây dựng trong các đồn điền cao su Láng Lớn, Cam Tiêm, Hàng Gòn.

Giữa năm 1936, Ủy ban hành động của quận Xuân Lộc được thành lập tại thị trấn Xuân Lộc<sup>(3)</sup>, tổ chức được một hiệu sách ngay trung tâm thị trấn Xuân Lộc để đem sách báo tiến bộ đến mọi tầng lớp nhân dân trong quận, góp phần đắc lực vào việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, nhất là đội ngũ công nhân trong các đồn điền cao su. Tờ báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận của Đảng lúc bấy giờ được nhân dân Xuân Lộc - Long Khánh chuyển tay nhau đọc.

Tháng 2/1937, 15 đồng chí đảng viên của các xã trong thị trấn và đồn điền cao su ở địa phương đã tổ chức hội nghị thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của quận Xuân Lộc tại Bàu Trâm<sup>(4)</sup>. Sau hội nghị thành lập Chi bộ Đảng ở thị trấn Xuân Lộc, có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, phong trào cách mạng của nhân dân địa phương ngày càng đẩy lên sôi nổi, rộng khắp. Các cuộc đấu tranh của công nhân cao su nổ ra liên tục và ngày càng mạnh mẽ, không chỉ diễn ra trong phạm vi một đồn điền mà có sự liên kết diễn ra cùng một lúc của nhiều đồn điền với quy mô ngày càng lớn. Không chỉ vậy, các cơ sở cách mạng còn tổ chức cho công nhân bí mật trừng trị những tên chủ Tây khét tiếng gian ác. Qua những cuộc đấu tranh, công nhân cao su ngày càng đoàn kết, ý thức giác ngộ và quyền lợi giai cấp ngày càng được nâng lên, tính chất các cuộc đấu tranh ngày thêm quyết liệt. Trình độ tổ chức đấu tranh cũng ngày được nâng cao. Qua đấu tranh, đội

---

(3) Khu vực chợ cũ thị xã Long Khánh ngày nay.

(4) Nay là phường Thanh Xuân, thị xã Long Khánh.



ngũ quân chúng công nhân giác ngộ cách mạng ngày càng đông đảo. Liên minh công nông bắt đầu được hình thành. Lực lượng cách mạng lớn dần lên tạo cơ sở vững chắc cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945, trong các đồn điền cao su, bọn chủ sở một số bị Nhật bắt, một số trốn chạy về Sài Gòn, bọn cai, xu ác ôn cũng không còn đất sống phải bỏ trốn. Bộ máy cai trị của Nhật trong một thời gian ngắn chưa thể triển khai về được hết các đồn điền cao su. Lợi dụng tình hình này, một số đồng chí đảng viên mật trong các đồn điền cao su đã vận động công nhân tự đứng ra quản lý đồn điền, phát hoang trồng lương thực giải quyết cái ăn; tuyển chọn những thanh niên nòng cốt, khỏe mạnh trong công nhân và nông dân các xã vùng ven thị trấn thành lập các đội tự vệ, lực lượng xung kích, nhanh chóng xây dựng các tổ chức đoàn thể cách mạng. Phong trào cách mạng của công nhân ở các đồn điền cao su ngày càng phát triển, liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng ở thị trấn Xuân Lộc và các xã vùng nông thôn, hình thành thế liên kết hỗ trợ nhau áp đảo hệ thống chính quyền tay sai của Nhật ở địa phương.

Tháng 5/1945, dưới sự lãnh đạo của các đảng viên và cán bộ cách mạng, tổ chức Thanh niên Tiên phong được xây dựng hầu hết ở các xã, vùng nông thôn trong quận và các đồn điền cao su, thu hút hàng ngàn công nhân, nông dân, trí thức tham gia.

Ngày 28/8/1945, nhân dân Xuân Lộc - Long Khánh nổi dậy khởi nghĩa cướp chính quyền. Lực lượng Thanh niên tiên phong quận Xuân Lộc được một số mã tà làm nội ứng đã bao vây đồn bảo an - một vị trí trọng yếu của chính quyền Nhật ở Xuân Lộc, nhanh chóng hạ đồn tịch thu 26 khẩu súng các loại. Một đội dân binh tiến thẳng vào dinh Quận trưởng Lê Thành Tường, nhận bàn giao toàn bộ hồ sơ, ấn mộc. Chính quyền tay sai của phát xít Nhật ở Xuân Lộc bị giải tán. Trước khí thế sôi sục, áp đảo của lực lượng cách mạng, toàn bộ chính quyền của quân địch từ thị trấn Xuân Lộc đến nông thôn đều lo sợ, hoang mang, tự tan rã nhanh chóng. Chi trong buổi sáng ngày

28/8/1945, nhân dân đã hoàn toàn làm chủ tất cả các cơ quan, công sở ở trung tâm quận lỵ Xuân Lộc. Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Xuân Lộc được thành lập. Dựa theo chương trình hoạt động của Mặt trận Việt Minh, chính quyền cách mạng tuyên bố triệt phá toàn bộ hệ thống chính quyền cũ; thực hiện quyền bình đẳng các dân tộc, bình đẳng nam nữ; bãi bỏ các chính sách sưu thuế trước đây; tịch thu tài sản của tư bản thực dân Pháp, tịch thu tất cả mọi cơ sở của chế độ cũ để phục vụ lợi ích của nhân dân; tổ chức lực lượng vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng, ổn định đời sống nhân dân. Tại các đồn điền: An Lộc, Hàng Gòn, Bình Lộc, Cẩm Mỹ... các cơ sở cách mạng nhanh chóng lãnh đạo công nhân thành lập các Ủy ban tự quản để tạm thời lãnh đạo, điều hành các đồn điền.

Khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, ở Long Khánh, các đội Quốc gia tự vệ cuộc, dân quân tự vệ, công nhân chiến đấu hình thành trong Cách mạng tháng Tám nhanh chóng được củng cố và không ngừng được bổ sung, tăng cường thêm.

Ngày 30/10/1945, một tiểu đoàn quân Pháp có xe tăng, đại bác tiến đánh dọc theo quốc lộ 1 về Long Khánh. Công nhân các đồn điền cao su: Tân Lập, Suối Tre, Bình Lộc, Cấp Rang... đã chặt cây, dựng vật cản, phục kích chặn đánh địch trên các tuyến giao thông. Lực lượng cách mạng tự vệ chiến đấu ở Long Khánh kết hợp với đơn vị Vệ quốc đoàn do đồng chí Dương Văn Hiền chỉ huy chặn đánh địch tại Núi Tung, Núi Thị. Trong trận đánh này, quân dân Long Khánh gây thiệt hại nặng nề cho địch, khiến chúng phải rút về Trảng Bom. Hàng trăm công nhân chiến đấu đã hy sinh anh dũng. Ở khu vực thị trấn và Đồn điền Bình Lộc, lực lượng cách mạng chống giặc kiên cường. Dù bị tổn thất nặng, song ta đã buộc quân Pháp rút lui, không thực hiện được ý đồ đánh chiếm thị trấn.

Cuối tháng 1/1946, quân Pháp tổ chức những trận đánh quy mô lớn mở rộng lấn chiếm các địa phương phía Bắc của tỉnh Biên Hòa. Sau nhiều lần thăm dò, ngày 26/1/1946, hơn 1.000 quân Pháp trang bị vũ khí hiện đại, được sự hỗ trợ của thiết giáp, cơ giới theo hai

hướng quốc lộ 20 và liên tỉnh lộ 2 (từ Bà Rịa lên) đánh chiếm Xuân Lộc - Long Khánh và các đồn điền cao su. Ngay sau khi các phòng tuyến của lực lượng cách mạng bao vây quân Pháp tại Sài Gòn - Chợ Lớn bị vỡ, Xuân Lộc - Long Khánh là nơi nhiều lực lượng vũ trang của miền Đông Nam Bộ, lực lượng vũ trang Nam Tiến rút về đứng chân. Vì vậy, cuối tháng 1/1946, khi quân Pháp tấn công với quy mô lớn vào Long Khánh, chúng đã vấp phải sự đánh trả quyết liệt của quân dân Xuân Lộc cùng các lực lượng vũ trang đang đóng quân tại đây. Trên các tuyến giao thông ở quốc lộ I, liên tỉnh lộ 2 và các khu thị trấn, căn cứ Bàu Sầm, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh phục kích, lập chướng ngại vật ngăn chặn bước tiến của quân địch. Các đơn vị vũ trang cách mạng, dân quân tự vệ chiến đấu quyết liệt, nhưng do vũ khí thô sơ đã không ngăn được quân Pháp với hỏa lực mạnh đã chọc thủng phòng tuyến của ta sau một ngày tấn công. Các đơn vị vũ trang phải tổ chức rút lui để bảo toàn lực lượng. Lực lượng vũ trang huyện trước tình thế nguy cấp rút về vùng Thợ Vực, sông La Ngà. Quân Pháp đánh chiếm toàn bộ Xuân Lộc và các đồn điền cao su.

Đầu tháng 3/1946, một số đồng chí trong Ủy ban huyện, lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc về trụ lại khu vực Rừng Lá. Thời gian này, trên địa bàn Long Khánh các cơ sở bị đứt liên lạc, phong trào cách mạng lâm vào tình thế khó khăn. Thực hiện lời kêu gọi tiêu thổ kháng chiến của Mặt trận Việt Minh, nhân dân, công nhân cao su Xuân Lộc - Long Khánh thực hiện vườn không nhà trống, chuyển thiết bị, máy móc tài sản ra khu kháng chiến, đốt cháy các cơ sở, kho tàng của chủ sở quyết không cho giặc sử dụng; thoát ly vào chiến khu và vùng căn cứ cách mạng sinh sống. Số công nhân ở lại các đồn điền chưa đến 50% tổng số công nhân hiện có sau Cách mạng tháng Tám.

Đánh chiếm được Xuân Lộc, thực dân Pháp xây dựng ngay chính quyền tay sai, đưa một lực lượng lớn quân đội về đóng giữ khu vực trung tâm Long Khánh, lập chi khu quân sự, sở chỉ huy đặt tại Suối Tre. Tại đây, địch bố trí thường trực một tiểu đoàn Lê Dương (lính Pháp và lính châu Phi), một đơn vị tinh báo. Bên cạnh các đồn bót

chính ở thị trấn Xuân Lộc và Suối Tre, chúng triển khai nhiều đồn bót trên các trục lộ giao thông, các khu vực xung yếu. Mỗi đồn đều có một trung đội đóng giữ, hỗ trợ bọn tư bản trong việc đàn áp công nhân và khai thác cao su. Chính quyền tay sai của Pháp ở Long Khánh ra sức xây dựng bộ máy tề nguỵ, tổ chức mạng lưới chỉ điểm, mật báo ác ôn kìm kẹp nhân dân. Tại thị trấn, địch xây dựng thêm một trung đội nguỵ binh để bảo vệ bộ máy chính quyền tay sai, lùng bắt các cán bộ, đảng viên, người yêu nước, không cần xét xử.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy cử đoàn cán bộ về Long Khánh xây dựng cơ sở Đảng để tiến đến thành lập Quận ủy. Lúc bấy giờ, một số đảng viên ở Long Khánh đã về đứng chân hoạt động tại Rừng Lá. Đoàn cán bộ của Tỉnh ủy nhanh chóng bắt liên lạc với các đảng viên, cơ sở cách mạng tại địa phương để gây dựng lại phong trào đấu tranh. Liên đoàn Cao su Nam Bộ cũng cử cán bộ về Xuân Lộc - Long Khánh hoạt động và gây dựng phong trào kháng chiến trong công nhân cao su.

Nhờ vậy, phong trào đấu tranh ở Long Khánh tiến lên một bước mới. Ở các xã vùng ven thị trấn Xuân Lộc, cơ sở cách mạng nhanh chóng được móc nối, hình thành một hệ thống Công đoàn bí mật trong các sở cao su, không chỉ bó hẹp trong công nhân mà mở rộng ra với các nhóm du kích, tự vệ trên địa bàn Long Khánh. Đến cuối tháng 8/1946, các sở cao su như: Hàng Gòn, Bình Lộc, An Lộc... đều có những cơ sở cách mạng bám trụ và chỉ đạo trực tiếp phong trào công nhân. Nhiều công nhân ưu tú được phát triển thành những cán bộ nòng cốt tạo điều kiện thuận lợi tại chỗ cho phong trào đấu tranh.

Cuối năm 1946, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Chi đội 10, các quận quân sự chuyển thành các Ban công tác liên thôn, đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Chi đội 10 và lãnh đạo huyện Xuân Lộc. Quốc vệ đội của huyện (lực lượng công an vũ trang) cũng được thành lập. Để hỗ trợ phong trào kháng chiến ở Xuân Lộc, Chi đội 10 phân công Đại đội B với 2 trung đội: Trung đội 4 và Trung đội 6 hoạt

động tại đây. Lực lượng cán bộ, chiến sĩ 2 trung đội này phân lớn là công nhân các sở cao su ở khu vực Xuân Lộc - Long Khánh thoát ly kháng chiến. Tháng 10/1946, phong trào đấu tranh của nhân dân Xuân Lộc - Long Khánh phát triển mạnh. Cơ sở cách mạng tại các xã vận động nhân dân đồng loạt nổi dậy xóa bỏ các ban tề, tước vũ khí lính làng, lập lại chính quyền cách mạng ở 3 xã: Tân Lập, Bình Hòa, Bình Lộc. Mỗi xã ta thu được 12 súng các loại và thành lập các đội du kích. Vùng giải phóng ở Xuân Lộc được mở rộng, căn cứ huyện Xuân Lộc được thành lập tại khu vực núi Chứa Chan. Hệ thống các tổ chức chính quyền, đoàn thể ở Xuân Lộc được củng cố và phát triển. Các đơn vị lực lượng vũ trang địa phương và cả đơn vị cấp trên đóng trên địa bàn Xuân Lộc ngày càng được kiện toàn, trưởng thành. Đến đầu năm 1947, phong trào kháng chiến ở Xuân Lộc - Long Khánh được phục hồi và phát triển. Các cuộc đấu tranh của quân dân Xuân Lộc - Long Khánh diễn ra sôi nổi và bằng nhiều hình thức đa dạng: đấu tranh chính trị, đòi cải thiện dân sinh, đấu tranh phá hoại kinh tế địch, đấu tranh vũ trang.

Tháng 6/1947, Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Đảng bộ Xuân Lộc gồm 7 Chi bộ Đảng: Chi bộ cơ quan hành chính huyện, Chi bộ Mặt trận, Chi bộ Công an, Chi bộ Nghiệp đoàn cao su của huyện Xuân Lộc và Chi bộ các xã: Báo Chánh, Rừng Lá, Bình Hòa. Từ đây, Đảng bộ huyện Xuân Lộc hoàn chỉnh hệ thống tổ chức từ huyện đến xã, sở và các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo thống nhất cuộc kháng chiến của nhân dân địa phương. Huyện ủy chỉ đạo các chi bộ phải bám sát quần chúng, thông qua hoạt động kháng chiến, nòng cốt là các đoàn thể để phát hiện và bồi dưỡng phát triển đảng viên, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện. Tại các đồn điền cao su, các tổ chức Công đoàn cơ sở được hình thành và hoạt động hiệu quả. Đồn điền An Lộc, Bình Lộc là 2 nơi tổ chức Công đoàn phát triển mạnh, thu hút nhiều công nhân tham gia.

Cùng với phong trào kháng chiến toàn quốc, phong trào đấu tranh vũ trang của quân dân khu vực Xuân Lộc năm 1947 diễn ra quyết liệt. Ngày 10/1, một bán đội vũ trang huyện được cơ sở mật tại Suối

Tre dẫn đường đột nhập cơ sở An Lộc diệt 2 tên chủ người Pháp cực kỳ tàn bạo với công nhân. Vùng Bình Lộc là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Tại đây, ta xây dựng căn cứ Định Quang, đồng thời là địa bàn đứng chân hoạt động của tổ chức, đoàn thể kháng chiến huyện và lực lượng vũ trang đại đội B (gồm trung đội 4 và trung đội 6) của Chi đội 10. Quân Pháp thường tổ chức các cuộc càn đánh phá căn cứ nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, bảo vệ các đồn điền cao su phụ cận và cắt đứt tuyến liên lạc giữa Xuân Lộc - Long Khánh với Chiến khu Đ. Thời gian này, tại sở cao su Bình Lộc, các cơ sở cách mạng bám trụ hoạt động rất hiệu quả.

Từ tháng 4/1947, quân dân Long Khánh hỗ trợ lực lượng vũ trang tỉnh tổ chức nhiều trận đánh giao thông đường sắt trên tuyến Bắc - Nam đoạn đi qua địa bàn. Đây là một trong những tuyến giao thông huyết mạch, thực dân Pháp sử dụng trong việc vận chuyển điều binh, lương thực, sản phẩm mủ cao su từ Xuân Lộc - Long Khánh về Sài Gòn đồng thời đưa lương thực, nhu yếu phẩm, vũ khí chi viện cho các tỉnh Đông Nam Bộ và miền Trung. Điển hình là các trận Bảo Chánh 1, Trảng Táo, Bảo Chánh 2, không chỉ tiêu hao sinh lực địch mà còn thu về một số lượng đáng kể vũ khí, đạn dược. Cùng với hoạt động vũ trang đánh địch, phong trào đấu tranh chính trị, đòi cải thiện dân sinh ở Xuân Lộc, đặc biệt ở các đồn điền diễn ra quyết liệt với nhiều hình thức.

Tháng 12/1947, các Ban Công tác liên thôn trước đây hợp nhất tổ chức thành Huyện đội dân quân chịu sự lãnh đạo của Huyện ủy và là thành viên trong Ủy ban Kháng chiến. Tại các xã thành lập xã đội dân quân, đội du kích. Ở các đồn điền cao su, huyện thành lập đội vũ trang tuyên truyền và du kích công nhân. Với việc hình thành Huyện đội, xã đội, du kích, hoạt động của lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc phát huy được sức mạnh chiến đấu, phát động được toàn diện khả năng tham gia kháng chiến của quần chúng công nhân. Đảng bộ huyện Xuân Lộc đã lãnh đạo phát huy được sức mạnh của nhân dân địa phương, đưa phong trào kháng chiến phát triển mạnh. Hầu hết các cơ quan, các xã vùng ven đều thành lập được các chi bộ Đảng

(mỗi chi bộ có từ 3-10 đảng viên). Lực lượng vũ trang của huyện ngày càng trưởng thành và thu được nhiều thắng lợi lớn trong các trận đánh giao thông trên địa bàn.

Tại Xuân Lộc và vùng liên tỉnh lộ 2 (Xuân Lộc- Bà Rịa) quân Pháp xây dựng nhiều tháp canh theo chiến thuật De La Tour song song với việc tập trung lực lượng càn quét để triệt phá nguồn lương thực của kháng chiến, cắt đứt sự tiếp tế của quần chúng với căn cứ cách mạng. Để đánh vào nguồn tiếp tế của cách mạng, quân Pháp mở nhiều cuộc ruồng bố, càn quét phá hoại kinh tế của nhân dân. Nhiều trận càn của địch kéo dài hàng tuần với nhiều trung đoàn lính. Bọn lính dàn hàng ngang trên các cánh đồng lúa, hoa màu thẳng tay đập, phá, nhổ sạch và đốt bỏ... gây cho ta nhiều khó khăn về lương thực. Quyết tâm không để lương thực, hoa màu rơi vào tay giặc hoặc bị chúng phá hoại, Huyện ủy Xuân Lộc tổ chức các hội gặt tập đoàn, huy động cả lực lượng quân, dân, chính tập trung cùng đi gặt, thu hoa màu. Lúa chín tới đâu thì gặt ngay rồi cất giấu. Nhờ vậy, quân dân Long Khánh có đủ lương thực phục vụ nhu cầu cấp thiết hàng ngày và cho các trận đánh lớn. Mặt trận bảo vệ mùa màng, lương thực ở Xuân Lộc - Long Khánh cũng là một chiến trường cam go, ác liệt. Trên các cánh đồng: Bình Lộc, Cây Da, Bảo Vinh, nhiều chiến sĩ đã ngã xuống khi bảo vệ cho nhân dân thu hoạch lúa an toàn.

Cùng với cả nước kháng chiến, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu về việc tăng cường sự thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền, về tổ chức xây dựng lực lượng, phát triển các đoàn thể cứu quốc, thu hút và phát huy được sức mạnh của toàn dân.

Những tháng đầu năm 1948, Huyện ủy, Huyện đội Xuân Lộc và Liên đoàn Cao su huyện Xuân Lộc thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy giao chuẩn bị công tác hậu cần cho trận đánh giao thông lớn. Tại địa phương, tổ chức Đảng và chính quyền, đoàn thể phát động nhân dân, công nhân góp lương thực. Cán bộ Mặt trận Việt Minh huyện, các đoàn thể cứu quốc kết hợp Liên đoàn cao su vận động trong các đồn

điền để thu mua lương thực. Ngày 1/3/1948, sau thời gian dài chuẩn bị, các lực lượng vũ trang Xuân Lộc - Long Khánh theo chỉ đạo của Huyện ủy, phối hợp Chi đội 10 đánh trận La Ngà, phục kích tấn công đoàn xe quân sự Pháp trên quốc lộ 20 từ km104 đến 113. Kết quả, ta phá hủy 59 xe quân sự, diệt 150 tên lính Lê dương, 25 sĩ quan Pháp. Trong số này có Đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê dương 13 và Đại tá Patruit, Phó tham mưu trưởng thứ nhất lực lượng Liên hiệp Pháp ở Nam Đông Dương, bắt sống Trung úy Joeffrey, chỉ huy đại đội hộ tống và nhiều tù binh khác, thu được nhiều chiến lợi phẩm. Trận đánh đã gây được tiếng vang lớn cả về quân sự lẫn chính trị và được Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì.

Sau trận La Ngà, thực dân Pháp mở nhiều cuộc càn quét vào các căn cứ Xuân Lộc - Long Khánh nhằm tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Nhiều đồn điền cao su ở Xuân Lộc biến thành trại lính. Quân Pháp dùng kẽm gai rào làng, lập các tua, chốt gác bao vây các bìa lô cao su, kiểm soát gắt gao mọi sự liên lạc giữa công nhân với kháng chiến. Nhiều đồn điền cao su ở Xuân Lộc biến thành trại lính. Quân Pháp dùng kẽm gai rào làng, lập các tua, chốt gác bao vây các bìa lô cao su, kiểm soát gắt gao mọi sự liên lạc giữa công nhân với kháng chiến. Bên cạnh lực lượng tình báo Pháp đóng tại Suối Tre trực tiếp chỉ huy ruồng bỏ bắt bớ cán bộ, chiến sĩ cách mạng, bọn thám báo, chỉ điểm tay sai hoạt động tích cực gây nhiều tổn thất cho phong trào cách mạng tại địa phương. Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng bị giặc bắt, sát hại. Nhiều cơ quan, tổ chức của huyện Xuân Lộc lần lượt chuyển đến các vùng khác trong và ngoài tỉnh đứng chân để bảo toàn lực lượng trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù. Trên chiến trường Xuân Lộc - Long Khánh chỉ còn Đại đội La Nha và đơn vị công an vũ trang cùng một số ít cán bộ Công đoàn bám trụ, nhưng phải luôn di chuyển và liên tục chống càn, lực lượng bị tiêu hao.

Trong tình hình đó, Huyện ủy Xuân Lộc thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy với chiến lược: đánh mạnh vào hậu phương địch, gây cơ sở địch hậu, bóp hẹp vùng kiểm soát của chúng; phá hoại trọng tâm



kinh tế địch (cao su), cắt đường giao thông địch; mở rộng khu giải phóng, kiến thiết căn cứ địa, dự trữ mùa màng của ta; tích cực phòng địch, tiến hành địch nguy vận, mở rộng công tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Huyện ủy Xuân Lộc cũng chủ trương vận động một số đồng bào tại địa bàn Xuân Lộc về sinh sống tại các căn cứ để giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời bảo vệ cho dân. Đội ngũ công nhân Xuân Lộc - Long Khánh trong gian khổ, khó khăn vẫn bằng nhiều hình thức ủng hộ kháng chiến.

Từ năm 1948-1950 là một giai đoạn đầy thử thách ác liệt đối với nhân dân Xuân Lộc - Long Khánh. Trước sự tấn công, khủng bố tàn bạo của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh cách mạng địa phương gặp nhiều khó khăn do Huyện ủy chuyển về căn cứ Xuyên Phước Cơ, không lãnh đạo trực tiếp phong trào quần chúng. Thế nhưng, trong thử thách gian khổ đó, quân và dân Xuân Lộc - Long Khánh vẫn một lòng hướng về Đảng, về cách mạng. Lực lượng vũ trang thực hiện nhiều trận đánh tiêu diệt sinh lực địch, phá và bắt một số gián điệp do địch cài cắm.

Từ năm 1951, Tỉnh ủy Thủ Biên (sáp nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một) xác định Xuân Lộc - Long Khánh là vùng địch tạm chiếm, từ đó chỉ đạo đội vũ trang tuyên truyền của huyện cần thực hiện 3 nhiệm vụ chính: vận động quần chúng (dân vận), vận động binh lính địch (binh vận), đẩy mạnh chiến tranh du kích. Trong đó, lấy công tác dân vận làm gốc. Chủ trương và phương châm thực hiện công tác này đã mở một hướng hoạt động và chiến đấu hiệu quả cho Đảng bộ huyện Xuân Lộc. Trong quá trình trở lại bám địa bàn, bám dân để hoạt động, đội vũ trang tuyên truyền đã phải vượt qua rất nhiều khó khăn gian khổ. Trước sự kiểm soát, bố phòng gắt gao của địch, cán bộ, chiến sĩ của đội phải len lỏi, nằm rình, chịu đói rét, để tiếp cận quần chúng nhân dân. Có những thời gian, từng đội viên phải đào củ mài, củ chụp ăn thay cơm; chỗ ở trong rừng phải di chuyển liên tục. Sau một thời gian, các tổ đã dần dần bắt được liên lạc với các cơ sở và trụ lại hoạt động trong các đồn điền. Mặc dù bị địch ruồng bỏ gắt gao nhưng đường dây vận chuyển tiếp tế từ các đồn điền cao su ở

Xuân Lộc - Long Khánh vẫn được duy trì tới các căn cứ cách mạng. Quân dân Xuân Lộc đã góp phần quan trọng trong việc kiến thiết nền kinh tế kháng chiến do Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trương tại các vùng căn cứ. Cuối năm 1951, phong trào đấu tranh cách mạng của quân dân Xuân Lộc - Long Khánh nhanh chóng được phục hồi và phát triển lại. Tại các địa bàn, nhiều chi bộ Đảng được hình thành, mạng lưới cơ sở được tổ chức lại.

Tiêu biểu cho sự phối hợp chặt chẽ và tiến công địch thắng lợi trong năm 1951 là trận đánh yếu khu Trảng Bom ngày 20/7/1951, trong đó có sự tham gia của Đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc. Hơn 50 tên lính Lê dương chết tại trận, số còn lại chạy tán loạn vào rừng; cán bộ, chiến sĩ, lực lượng công nhân cao su chở toàn bộ máy móc, 10 khẩu đại liên, 50 súng trung liên, hàng trăm súng trường đủ loại và hàng tấn đạn dược về Chiến khu Đ. Chiến thắng Trảng Bom đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào kháng chiến ở Biên Hòa - Bà Rịa, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh ở các đồn điền.

Đến năm 1953, trên địa bàn Xuân Lộc - Long Khánh, thế và lực của cách mạng ngày càng được củng cố, tăng cường. Từ vùng bị tạm chiếm, nhiều xã ở Xuân Lộc - Long Khánh chuyển lên thành vùng du kích dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ huyện. Lực lượng vũ trang huyện và du kích chiến đấu các đồn điền ở Xuân Lộc - Long Khánh liên tục đột kích tuyên truyền và tấn công địch, nhiều đồn bót, tháp canh binh lính địch bỏ gác.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Quân dân Xuân Lộc - Long Khánh cũng đẩy mạnh tiến công địch, mở thêm vùng làm chủ cho đến ngày 20/7/1954, Hiệp định Geneve về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Chín năm trường kỳ kháng chiến thực dân Pháp là chặng đường đấu tranh đầy thử thách gian khổ nhưng cũng rất hào hùng của quân dân Xuân Lộc - Long Khánh. Với lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần bất khuất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân địa phương đã đứng lên

chống lại kẻ thù xâm lược với lòng quyết tâm cao độ. Với vũ khí thô sơ: giáo, mác, gậy tầm vông... nhân dân đã vượt qua bao khó khăn để đương đầu với quân đội nhà nghề Pháp được trang bị vũ khí hiện đại. Mặc dù có những giai đoạn lâm vào tình thế vô cùng khó khăn, ác liệt nhưng quân dân Xuân Lộc - Long Khánh vẫn một lòng trung kiên với Đảng, hướng về cách mạng để cùng nhau góp phần trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Hiệp định Genève, sau khi ta bàn giao địa bàn Xuân Lộc - Long Khánh, địch nhanh chóng thực hiện việc thiết lập bộ máy chính quyền. Là địa phương có phong trào đấu tranh phát triển mạnh trong thời kỳ chống Pháp, ngay từ tháng 9/1945, công nhân các sở cao su Xuân Lộc - Long Khánh đồng loạt bãi công đòi quyền lợi. Xứ ủy Nam Bộ sau khi thành lập lại, Tỉnh ủy Biên Hòa (tỉnh Thủ Biên lại tách thành 2 tỉnh biên Hòa và Thủ Dầu Một) đều cử một số cán bộ về hoạt động ở khu vực các đồn điền cao su ở Xuân Lộc - Long Khánh với nhiệm vụ xâm nhập, móc nối lại những đảng viên các cơ sở cũ bên trong để tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ công nhân và lãnh đạo phong trào đấu tranh. Các mục tiêu đấu tranh là nhằm đòi quyền lợi dân sinh dân chủ, cải thiện đời sống cho công nhân, đòi thi hành hiệp định, đòi tự do lập nghiệp đoàn, chống khủng bố... Đến cuối năm 1954, Ban cán sự huyện Xuân Lộc được thành lập. Một số các đồn điền cao su như An Lộc, Bình Lộc... đều xây dựng các chi bộ Đảng. Tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lúc này khoảng trên 40 đồng chí. Chủ trương trong giai đoạn này là: Củng cố và kiện toàn tổ chức, xây dựng mạng lưới cơ sở ở thị trấn, tập hợp tất cả các đồng chí cán bộ kháng chiến 9 năm làm nòng cốt, tổ chức nhân dân, công nhân cao su đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Genève, đấu tranh bảo vệ quyền lợi của quần chúng. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, chi bộ Đảng, phong trào cách mạng ở thị trấn Xuân Lộc được nhen nhóm và bước đầu có những hoạt động tích cực.

Đầu năm 1955, với mục đích ngăn chặn phong trào công nhân và ảnh hưởng “xu hướng cộng sản” ở Xuân Lộc - Long Khánh, địch xây dựng hầu hết bộ máy chính quyền ở các đồn điền trước đây với mục

địch vừa kiểm soát hoạt động của giới đồn điền Pháp vừa theo dõi phong trào đấu tranh của công nhân. Hệ thống đồn bót xung quanh khu công nhân tập trung được xây dựng. Chúng tổ chức nhiều đơn vị mật vụ, cảnh sát chuyên theo dõi, bắt bớ cán bộ cách mạng và những người yêu nước, chống đối. Huyện ủy Xuân Lộc đã đề ra một số vấn đề cần làm để giữ gìn lực lượng cách mạng, chủ trương bố trí cán bộ, đảng viên vào trong dân, lãnh đạo đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho quần chúng. Trên cơ sở lãnh đạo của Huyện ủy và được tăng cường cán bộ của Ban Công vận Xứ ủy Nam Bộ, phong trào cách mạng ở Xuân Lộc có điều kiện để phát triển. Quần chúng, công nhân dưới sự lãnh đạo của cán bộ, đảng viên hăng hái tham gia các cuộc đấu tranh chống chính quyền ngụy, đòi thi hành Hiệp định đình chiến, đòi quyền lợi dân sinh.

Từ năm 1955 đến năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức khủng bố phong trào cách mạng miền Nam một cách tàn bạo với “quốc sách” tổ cộng, diệt cộng. Địch điều về Xuân Lộc nhiều tiểu đoàn quân đội phối hợp cùng cảnh sát, dân vệ, tề ngụy địa phương lùng sục bắt bớ và gây nên bao cảnh thương tâm đối với quần chúng nhân dân. Các khu căn cứ của ta thường xuyên bị càn quét và cài bọn mật vụ theo dõi. Ở các sở cao su, chúng đưa những tên chỉ điểm trà trộn vào nghiệp đoàn công nhân để nắm những cơ sở cách mạng và đường dây liên lạc với cán bộ, đảng viên.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Biên Hòa đề ra chủ trương “điều lắng”: chuyển vùng những cán bộ bị địch phát hiện không còn giữ được thế hợp pháp trong dân. Chủ trương này đáp ứng nhiệm vụ của giai đoạn đấu tranh chính trị: cán bộ, đảng viên hòa nhập được vào dân, sống sát dân, vừa được dân che chở, bảo vệ, lại vừa lãnh đạo quần chúng đấu tranh bảo vệ quyền lợi. Tuy đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng nhưng phong trào cách mạng ở một số địa bàn huyện Xuân Lộc chịu nhiều tổn thất nghiêm trọng trước các thủ đoạn đánh phá tàn bạo của địch. Hàng loạt các cơ sở cách mạng bị triệt phá, nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt giam; một số khác phải đi lánh nơi khác

tránh sự lung bố của kẻ thù. Đây cũng là tình hình chung của phong trào cách mạng miền Nam lúc bấy giờ.

Tháng 4/1957, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Long Khánh gồm 2 quận: Xuân Lộc, Định Quán. Thị trấn Xuân Lộc là tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh. Tại Long Khánh, địch mở hàng loạt các cuộc tẩy thanh, càn quét vào nương rẫy, căn cứ để truy lùng cán bộ, đảng viên cách mạng, những người kháng chiến. Đường dây liên lạc giữa cơ sở cách mạng tại địa phương với căn cứ bị gián đoạn. Tổ chức mạng lưới cơ sở cách mạng từ huyện đến xã ở địa bàn Long Khánh bị xóa trắng. Mặc dù phong trào bị chững lại nhưng quần chúng lao động, công nhân đồn điền vẫn tham gia hưởng ứng các cuộc đấu tranh chính trị được phát động ở miền Đông Nam Bộ. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của hàng ngàn người ở các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh biểu tình, phản đối chế độ hà khắc và đầu độc hơn 1.000 chiến sĩ, cán bộ, người yêu nước của ta ở nhà tù Phú Lợi vào tháng 12/1958.

Trong giai đoạn 1956-1959, sự đánh phá khốc liệt của Mỹ - Diệm ở Long Khánh đã gây nên những tổn thất nặng nề cho phong trào cách mạng tại địa phương. Các chi bộ Đảng ở Long Khánh đều bị phá rã. Thế nhưng, sự tàn bạo của kẻ thù vẫn không ngăn cản được lòng yêu nước của người dân Long Khánh, mà trái lại càng thêm nung nấu ý chí căm thù bọn đế quốc và tay sai bán nước. Dưới sự chỉ đạo kịp thời của Liên Tỉnh ủy miền Đông và Tỉnh ủy Biên Hòa, những thiếu sót trong hoạt động của phong trào cách mạng Long Khánh dần được khắc phục.

Liên Tỉnh ủy miền Đông bố trí lại chiến trường, chuyển địa bàn Long Khánh về tỉnh Bà Rịa chỉ đạo, khôi phục cơ sở, chuẩn bị cho phong trào đấu tranh trong tình hình mới. Cán bộ của Tỉnh ủy Bà Rịa đã móc liên lạc được với một số đảng viên, cơ sở cách mạng trong các đồn điền. Sau một thời gian hoạt động, một tổ Đảng tại đây được xây dựng gồm 3 đồng chí và một đội tự vệ mật có 8 người, từ đó bùng nổ ra hoạt động, tiếp tục xây dựng các cơ sở khác ở lộ 2 và

các vùng phụ cận, vận động được nhiều thanh niên tham gia vào đội vũ trang. Hai huyện của Long Khánh là Xuân Lộc và Định Quán đều xây dựng được Đội vũ trang tuyên truyền, đặt căn cứ ở Rừng Lá. Ở Long Khánh sau một thời gian đấu tranh chính trị cũng đã hình thành được Đội vũ trang tuyên truyền.

Tháng 7/1960, Ban Cán sự Long Khánh được thành lập. Đến cuối năm 1960, phong trào cách mạng ở Long Khánh đã vượt qua những thử thách, khó khăn và nhanh chóng phát triển. Từ một vùng gần như bị xoá trắng, phong trào cách mạng địa phương từng bước được khôi phục, đặc biệt đã hình thành được Đội vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ cho phong trào nổi dậy diệt ác phá kìm của quần chúng, nhân dân.

Thời điểm này trên chiến trường Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, địch bố trí lại lực lượng, tổ chức biệt khu Phước Biên thuộc vùng III chiến thuật. Biên Hòa - Long Khánh là cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, với hệ thống giao thông chiến lược, những căn cứ quân sự lớn, được địch xác định nằm trong vùng ưu tiên bình định. Địch ráo riết tập trung dồn dân lập ấp chiến lược ở Long Khánh để dễ bề kiểm soát dân, cô lập và cắt đứt nguồn tiếp tế cho cách mạng. Địch liên tục mở những cuộc hành quân càn quét, đốt phá nhà dân, cưỡng ép quần chúng vào các khu tập trung. Tại các sở cao su, địch buộc chủ sở phải gom công nhân về trung tâm đồn điền hoặc khu vực ấp chiến lược; không được đóng thuế, ủng hộ tiền bạc, gạo thóc cho cách mạng. Một số đồn điền như: Cẩm Mỹ, An Lộc, địch tổ chức thành các yếu khu quân sự. Đời sống của công nhân nói chung và các tầng lớp nhân dân sống trong các ấp chiến lược bị địch khống chế kìm kẹp gắt gao. Tại thị xã Long Khánh, chính quyền địch hình thành một vành đai kiểm soát dài gần 10km bao quanh với hàng chục bót, tháp canh. Bên trong thị xã, ngoài các đồn bót kiên cố, chúng xây thêm nhiều lô cốt lớn, nhỏ. Các cửa ngõ ra vào thị xã đều bị rào chắn bằng kẽm gai, mở đóng theo quy định. Đồng thời, chúng tung biệt kích, thám báo lẫn vào trong các ấp, khu dân cư hoạt động, đánh phá vùng ven thị xã gần các căn cứ du kích như Bảo Vinh, Bình Lộc.

Lấy nhiệm vụ chống phá kế hoạch xây dựng áp chiến lược làm trọng tâm, căn cứ vào thực tiễn địa phương, Ban Cán sự tỉnh Long Khánh đề ra nhiệm vụ trước mắt: mở rộng địa bàn đứng chân, phát triển lực lượng vũ trang, cơ sở cách mạng, phát động nhân dân đấu tranh dân sinh dân chủ, diệt ác phá kìm, mở vùng làm chủ. Ban Cán sự tỉnh nhanh chóng bắt tay vào công việc kiện toàn cơ cấu tổ chức để thúc đẩy và hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Cán bộ, đảng viên được phân công bám từng địa bàn xã, bám chắc vào dân tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, chống địch gom dân, vận động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang và tổ chức những cơ sở nòng cốt trong dân để đấu tranh. Đồng thời, lực lượng vũ trang của tỉnh Long Khánh được thành lập gồm một trung đội. Bên cạnh đó, lực lượng du kích, các đội vũ trang tuyên truyền các huyện: Xuân Lộc, Định Quán, vùng Cao Su từng bước được xây dựng. Ở các đồn điền Hàng Gòn, Ông Quế và những ấp ven thị trấn, nhiều cơ sở đã được chấp nối liên lạc, tạo điều kiện cho các đơn vị vũ trang hoạt động sâu và có hiệu quả. Tuyên hành lang liên lạc của ta từ Chiến khu Đ qua Long Khánh xuống Bà Rịa được nối thông, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh cách mạng vùng nông thôn, đồn điền cao su phát triển.

Hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phá áp chiến lược, trong năm 1962, đội vũ trang tuyên truyền Long Khánh đã tổ chức nhiều trận đánh táo bạo, dũng cảm, thu nhiều thắng lợi, gây tiếng vang lớn và có tác dụng hỗ trợ cho quần chúng, công nhân đấu tranh. Ngày 27/2, một bộ phận của Tiểu đoàn 800 (bộ đội Quân khu 7) phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh đánh địch đóng dã ngoại tại địa điểm Tà Lú (núi Mây Tàu), thu 43 súng. Tháng 3/1962, Tiểu đoàn 800 đánh dinh điền Bình Phú, diệt 1 trung đội địch, thu 27 súng.

Đến cuối năm 1962, mặc dù phong trào cách mạng ở Long Khánh có bước phát triển nhưng chưa đồng bộ. Áp chiến lược của địch bị ta phá đi, phá lại nhiều lần nhưng chưa phá dứt điểm. Trên địa bàn Long Khánh, địch đã xây dựng được 43 áp chiến lược. Với hệ thống

áp chiến lược dày đặc và việc củng cố các ban tề ngụy xuống từng xã, ấp, đồn điền; tổ chức các đoàn thể tay sai... địch đã hình thành một thế kìm kẹp gắt gao đối với quần chúng nhân dân Long Khánh. Thế nhưng nhân dân Long Khánh vẫn một lòng hướng về cách mạng. Phong trào góp tiền, góp gạo ủng hộ kháng chiến vẫn được phát động ngầm trong áp chiến lược ở Long Khánh và các xã vùng ven dưới nhiều hình thức. Mỗi hạt gạo, viên thuốc, hàng tiếp tế... đều thấm đượm ân tình của nhân dân, công nhân Long Khánh đối với cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

Ban Cán sự tỉnh Long Khánh xác định chống phá áp chiến lược, đánh bại chương trình bình định nông thôn của địch là công tác cấp bách, đồng thời là nhiệm vụ lâu dài của quân dân địa phương, cần phải kết hợp vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng, kết hợp 2 lực lượng bên trong và ngoài ấp để đánh bại địch. Để phát triển phong trào đấu tranh lên bước mới, thực hiện chủ trương của cấp trên, Ban Cán sự tỉnh Long Khánh chỉ đạo: kết hợp 3 mũi: quân sự, chính trị, binh vận để phá hồng, phá rã, phá banh áp chiến lược; đẩy mạnh diệt ác phá kìm đánh bại âm mưu bình định nông thôn của địch; ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển Đảng và cơ sở quần chúng cách mạng. Một điều kiện thuận lợi cho phong trào địa phương là Ban Công vận Khu ủy miền Đông đã cử một đoàn cán bộ gồm 50 đồng chí tăng cường cho các đồn điền cao su ở Long Khánh. Đến giữa năm 1963, hầu hết các địa bàn ở Long Khánh từ nội ô thị xã đến các vùng ven, đồn điền cao su ta đều xây dựng được các cơ sở, phát triển đảng viên, đoàn viên. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ ở Long Khánh được bổ sung và ngày càng lớn mạnh. Mạng lưới cơ sở cách mạng phát triển rộng khắp. Tất cả các ấp ở nội ô thị xã đều tổ chức được những cơ sở trung kiên với nhiều vỏ bọc.

Nhờ vào chủ trương đúng đắn kịp thời, có sự chỉ đạo xuyên suốt tập trung, năm 1963, mặc dù địch kiểm soát gắt gao, phong trào đấu tranh vũ trang của quân dân Long Khánh vẫn diễn ra sôi động. Tháng 4/1963, lực lượng vũ trang Long Khánh tấn công áp chiến lược Hung Nghĩa, bắt sống 13 tên tề ấp, 2 lính nghĩa quân, thu 13 súng các loại.



Từ thắng lợi và kinh nghiệm trong trận đánh này, ta nhanh chóng tổ chức phá hàng loạt ấp chiến lược khác như: Bảo Vinh C, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Tân Phong, Bàu Sao, Bàu Sen... Cuối năm 1963, hầu hết ở các ấp chiến lược bộ máy kìm kẹp của địch mất hết tác dụng. Ban Cán sự tỉnh Long Khánh nhanh chóng bắt tay vào việc củng cố hệ thống tổ chức và chỉ đạo phong trào đấu tranh. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng ở Long Khánh kiên cường bền bỉ, duy trì, đẩy mạnh các hình thức đấu tranh theo phương châm hai chân, ba mũi, sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đánh địch bằng ba mũi giáp công: chính trị - quân sự - binh vận, tấn công địch trong tình hình mới với thế và lực phát triển mạnh nhưng không kém phần ác liệt, gay go.

Đầu năm 1964, tại Long Khánh, chính quyền Sài Gòn nhiều lần cải tổ bộ máy hành chính, lập thêm đồn bót, lực lượng lính tăng lên 48 trung đội dân vệ, 3 đại đội bảo an và một đại đội biệt kích.

Về phía ta, Ban cán sự tỉnh Long Khánh được kiện toàn. Dọc lộ 1 vùng cao su B, ta xây dựng được các đội công tác ở các phân sở đồn điền, trong đó Đồn điền An Lộc đã thành lập đội vũ trang tuyên truyền, từng bước trưởng thành, lớn mạnh, góp phần vào việc xây dựng, phát triển lực lượng tại địa phương và của huyện. Nhiều thanh niên công nhân ở An Lộc gia nhập vào du kích, bộ đội của huyện. Những đội tự vệ mật được thành lập ở các ấp chiến lược từ trung tâm, Cấp Rang, Suối Tre đến Núi Tung, Núi Đỏ. Đây là lực lượng quan trọng của ta trong vòng vây ấp chiến lược và hoạt động đạt hiệu quả: vừa nắm tình hình địch, vừa sẵn sàng phối hợp với lực lượng từ ngoài về đánh đồn, ấp. Chi bộ Đảng bộ ở thị xã được thành lập nhằm tập trung xây dựng lực lượng cả bên trong lẫn bên ngoài. Thông qua số cơ sở nòng cốt từ trước, ta vận động rút tân binh, xây dựng mạng lưới cơ sở theo lối xâu chuỗi ngăn cách. Bước đầu, ta hình thành được một số tổ chuyên trách: phụ nữ, nông hội, thanh niên ở nhiều ấp trong thị xã. Đội vũ trang tuyên truyền Long Khánh cũng ra đời trong thời điểm này.

Năm 1964 đánh dấu bước trưởng thành mạnh mẽ của lực lượng vũ trang Long Khánh. Ta mở nhiều trận đánh táo bạo vào hệ thống chính quyền ngụy, đột kích vào ấp chiến lược hỗ trợ quân chúng công nhân phá banh, phá rã thể kim kẹp của địch. Ngày 4/1/1964, đội vũ trang tuyên truyền Long Khánh tổ chức tấn công vào trụ sở Hội đồng xã Xuân Lộc, nơi có một trung đội dân vệ canh phòng chặt chẽ, ngoài ra còn có các lực lượng an ninh, cảnh sát hoạt động tuần tra ngày đêm trong thị xã sẵn sàng tiếp ứng. Ta bắt gọn một tiểu đội lính giữ đồn, thu 41 súng và 2 máy truyền tin.

Những tháng cuối năm 1964, quân dân Long Khánh tích cực chuẩn bị cho công tác hậu cần chiến dịch lộ 2 (còn gọi là chiến dịch Bình Giã). Đảng bộ, quân dân Long Khánh làm hết sức mình để bảo đảm cho công tác dân công, vận tải vũ khí, đạn dược, cung cấp lương thực góp phần cùng hậu cần Miền phục vụ cho các đơn vị tham gia. Thắng lợi to lớn của chiến dịch Bình Giã có sự đóng góp rất lớn của đội ngũ công nhân trên địa bàn Long Khánh trong việc đảm bảo lương thực, dân công, giải quyết vận tải, hậu phương. Phát triển thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, quân và dân Long Khánh với sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực Miền đã nổi dậy tấn công địch, phá tan các ấp chiến lược ngay sát thị xã Long Khánh và các khu vực trọng điểm binh định của địch ở Bảo Vinh, Bình Lộc... tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân bung ra sản xuất, làm ăn. Năm 1965, dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Cao Su, công nhân vùng dậy phá thể kim kẹp, giải phóng một phần Đồn điền Bình Lộc, Đồn điền Ông Quế, An Lộc, Dầu Giây... nâng lên thế tranh chấp mạnh giữa ta và địch.

Từ ngày 7/5/1965, Trung đoàn 4 (bộ đội chủ lực Quân khu) với sự phối hợp của quân dân Long Khánh đã liên tiếp đánh địch và giành thắng lợi lớn ở chi khu Định Quán, cắt đứt hoàn toàn và làm chủ quốc lộ 20, địch phải dùng máy bay quân sự để tiếp tế từ Sài Gòn lên Đà Lạt. Địch đưa lực lượng từ Long Khánh lên ứng cứu giành lại con đường chiến lược quan trọng này. Trung đoàn 4 phục kích diệt địch trên đoạn cây số 109 - 110 trên quốc lộ 20 gần cầu La Ngà. Ngày 15/5/1965, toàn bộ quân cứu viện của địch lọt vào trận địa La Ngà,

cả tiểu đoàn biệt động quân và một đại đội bảo an bị ta tiêu diệt, 26 xe tăng, xe quân sự bị bắn cháy. Ta tịch thu hơn 100 súng các loại. Chiến sĩ ta gọi đây là chiến thắng “La Ngà 2”. Ngày 2/6/1965, Trung đoàn 4 phối hợp với công binh phục kích đoàn xe lửa quân sự trên đoạn Gia Huynh - Trảng Táo, diệt và làm bị thương hơn 1 trung đội địch, thu 50 súng, phá hủy hệ thống đầu máy, toa tàu và đường ray, gây cho địch tổn thất nặng, tuyến giao thông đường sắt Xuân Lộc - Phan Thiết bị cắt đứt. Đêm 8 rạng ngày 9/6/1965, Trung đoàn 4, bộ đội địa phương huyện Xuân Lộc tiếp tục tập kích vào yếu khu quân sự và trung tâm huấn luyện của địch ở Gia Ray, tiêu diệt 3 đại đội hạ sĩ quan nguy, một đại đội bảo an và một trung đội dân vệ; tịch thu 150 súng các loại, 5 tấn đạn dược, 3 toa xe chở hàng quân sự, chiếm lĩnh hoàn toàn yếu khu quân sự và trung tâm huấn luyện của địch, giải phóng hơn 7.000 dân.

Cùng với các mũi tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội và du kích các huyện Xuân Lộc, Định Quán liên tiếp tấn công địch khắp nơi, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giải phóng các xã nằm trên trục lộ số 1 từ Gia Ray cho đến Rừng Lá. Các ấp Trà Tân 1, Trà Tân 2, 3 (lộ 3) cũng hoàn toàn được giải phóng. Tiếp đó, các xã Bảo Chánh, Bảo Bình, Suối Cát... cũng được giải phóng. Ta hoàn toàn làm chủ trục lộ 1 từ Suối Cát đến Rừng Lá, Đá Mài (dài hơn 80km), mở rộng vùng căn cứ ở Nam, Bắc lộ 1 và Đông Tây lộ 2, xây dựng cửa khẩu hậu cần, thu mua lương thực phục vụ cách mạng. Phối hợp với thắng lợi vũ trang đang diễn ra sôi nổi, từ giữa năm 1965, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân, công nhân Long Khánh diễn ra sôi nổi làm bọn lính nguy hoang mang.

Ngày 5/5/1965, Lữ đoàn 173 Mỹ đổ bộ vào Vũng Tàu, sau đó triển khai quân trên địa bàn Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh. Ở Long Khánh, Mỹ đưa Tiểu đoàn pháo binh 33 về đóng quân tại căn cứ Hoàng Diệu, xây dựng căn cứ Trung đoàn kỵ binh thiết giáp cơ động số 11 tại Suối Râm (lộ 2) đồng thời là căn cứ xuất phát của Lữ đoàn 173 Mỹ khi hoạt động ở Xuân Lộc, Long Khánh. Địch cũng xây dựng Sở chỉ huy khu chiến thuật 33 tại thị xã Long Khánh, xây dựng

sân bay, làm đường thông suốt từ sân bay thị xã đến Suối Râm. Mục tiêu của Mỹ là xây dựng thị xã Long Khánh thành một đô thị, căn cứ quân sự lớn. Lực lượng quân nguy ở Long Khánh trước đã có Sư đoàn 10, 13 đại đội bảo an, 48 trung đội dân vệ địa phương, nay thêm lực lượng sĩ quan chỉ huy tham mưu, nhân viên CIA và quân Mỹ dày đặc. Các tổ chức tình báo của địch tăng cường hoạt động, xây dựng cơ sở.

Quân dân Long Khánh cùng với quân dân toàn miền Nam đứng trước một thử thách mới: đối đầu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ và các loại quân đồng minh của Mỹ. Ban Chấp hành Tỉnh ủy Long Khánh chỉ đạo tích cực chuẩn bị địa bàn, tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, chính trị sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu. Tỉnh ủy cũng xác định thị xã Long Khánh có vai trò, tính chất quan trọng. Hoạt động cách mạng trong thị xã có tác dụng quan trọng không chỉ với vùng nông thôn và vùng đồn điền, mà còn có ý nghĩa đối với sự phối hợp trong khu vực tam giác Biên Hòa - Sài Gòn - Bà Rịa, Vũng Tàu. Tỉnh ủy chỉ đạo phải coi trọng việc xây dựng các cơ sở mật, tự vệ mật, đảng viên mật cùng lực lượng vũ trang bí mật trong thị xã, đẩy phong trào cách mạng bên trong nội ô phát triển.

Tháng 8/1965, đội biệt động thị xã thành lập tại Rừng Tre thuộc vùng ven thị xã. Trên chiến trường của tỉnh còn có sự hỗ trợ đặc lực của các lực lượng vũ trang Quân khu miền Đông (Trung đoàn 4) và một bộ phận quân chủ lực Miền, Sư đoàn 9. Ngày 23/11/1965, Sư đoàn 5, sư đoàn chủ lực thứ 2 của Miền được thành lập gồm 2 trung đoàn (Trung đoàn 4 và Trung đoàn 5) đứng chân hoạt động trên địa bàn Bà Rịa - Long Khánh vừa tiêu diệt sinh lực địch vừa hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích ở địa phương. Cùng với sự phát triển qui mô ngày càng lớn về tổ chức của bộ đội chủ lực Miền, Quân khu trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, Tỉnh đội Long Khánh cũng đã xây dựng được một đại đội bộ đội tập trung, trang bị vũ khí đầy đủ với hỏa lực chiến đấu tốt. Trình độ kỹ thuật, chiến thuật, tác chiến ngày càng được nâng cao. Lực lượng du kích các xã, đồn điền cao su đều phát triển, du kích mật và tự vệ mật có ít nhất là 1 bán đội du

kích hoặc 1 tổ.

Căn cứ của tỉnh Long Khánh được xây dựng ở khu vực Rừng Lá. Căn cứ huyện Xuân Lộc ở khu vực Mây Tàu, Sông Ray. Cùng với các đơn vị chủ lực Miền, Quân khu, Tỉnh ủy, Huyện ủy, Đoàn hậu cần 84 cũng về đứng chân hoạt động trên địa bàn Long Khánh. Nhiều xã, đồn điền cao su ở khu vực Long Khánh trên tuyến lộ 2 được tổ chức thành cửa khẩu hậu cần của Đoàn 84 như: Bình Lộc, Bảo Vinh, Cẩm Mỹ, Cẩm Đường... Tỉnh ủy đã mở nhiều lớp huấn luyện chính trị cho các chi ủy, các bộ cơ sở nhằm quán triệt tình hình mới, khẳng định quyết tâm đánh Mỹ.

Tháng 10/1965, đội tự vệ mật công nhân Sở cao su Hàng Gòn dùng 2 lựu đạn diệt 2 quan thiết giáp Mỹ cùng một số sĩ quan Mỹ, quân đội Sài Gòn trong lần đầu tiên chúng đi nghiên cứu địa hình để đổ quân. Tháng 11/1965, bộ phận tiền trạm quân viễn chinh Mỹ cùng đội thông tin với nhiều xe bọc thép và phương tiện máy móc hiện đại đã bị đội biệt động thị xã Long Khánh bất ngờ tập kích bằng mìn ngay tại tiểu khu Long Khánh, 60 lính Mỹ bị chết và bị thương, 4 xe thiết giáp và máy móc thông tin bị phá hủy. Chỉ trong vòng 2 tháng cuối năm 1965, đội biệt động thị xã đã đánh 6 trận, làm chết và bị thương 120 tên địch hầu hết là quân Mỹ.

Việc tổ chức đánh địch ở thị xã Long Khánh kết hợp với các hoạt động vũ trang chính trị trên địa bàn huyện Xuân Lộc không chỉ thể hiện quyết tâm đánh Mỹ, mà còn góp phần mở thông con đường tiếp tế từ Trung ương vào cửa biển Lộc An (Long Đất) về tới Chiến khu Đ, các xã Bàu Hàm và Bảo Bình ở Xuân Lộc trở thành cửa khẩu hậu cần trọng yếu tiếp tế lương thực, cho cả tỉnh và Quân khu.

Đầu tháng 4/1966, Mỹ đổ Lữ đoàn 199 bộ binh đóng chốt đã ngoại dọc liên tỉnh lộ 2 nối Bà Rịa với Long Khánh, tung những toán biệt kích thám báo thăm dò khu vực Ngãi Giao - Tâm Bó và tiến sâu vào căn cứ của ta ở phía bắc Bình Giã. Mục tiêu của địch là tìm diệt cơ quan và lực lượng của ta, đánh phá kho tàng của Đoàn hậu cần 84 của Miền. Ngày 8 và 9/4/1966, máy bay Mỹ ném bom, bắn phá ác

liệt vào khu vực Chòi Đồng, Suối Cả và khu vực bắc Núi Le, đồng thời cho 1 tiểu đoàn càn quét vào Tầm Bó, căn cứ đứng chân của Trung đoàn 4 (Sư đoàn 5). Cũng trên địa bàn này, ngày 6/5/1966, Lữ đoàn 2 thuộc Sư đoàn 1 Mỹ cùng 1 tiểu đoàn Úc, đại đội pháo Tân Tây Lan mở cuộc hành quân vào vùng giải phóng ở lộ 2, vào Long Phước căn cứ của Tỉnh ủy Bà Rịa. Giữa năm 1966, quân Mỹ, quân chư hầu và nguy quân triển khai tìm diệt, đánh phá, càn quét lần chiếm ở lộ 1. Sư đoàn 10 đánh chiếm ngã ba Ông Đồn. Lữ dù 173 Mỹ có Trung đoàn kỵ binh 11 thiết giáp hỗ trợ tiến hành càn quét khu vực Xà Bang, Cẩm Mỹ, Rừng Quít, Bảo Bình, Bảo Liệt. Máy bay phản lực cường kích liên tục ném bom bắn phá, các trận địa pháo 155 ly, 105 ly từ Suối Râm, thị xã, ngã ba Tân Phong bắn cấp tập vào các trọng điểm bình định lần chiếm và căn cứ của ta.

Từ đặc điểm của chiến trường, Tỉnh ủy Long Khánh đã quán triệt quyết tâm của Trung ương Đảng, Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, nhanh chóng triển khai lực lượng, phối hợp với các chiến trường trọng điểm. Tỉnh ủy Long Khánh xác định nhiệm vụ trọng tâm của các Đảng bộ là: quán triệt quyết tâm đánh Mỹ trong toàn quân, toàn dân, xây dựng thực lực cách mạng nhất là lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc các căn cứ, phát triển du kích chiến tranh, đặc biệt tăng cường đánh phá vào các kho tàng dự trữ của địch diệt phương tiện chiến tranh và sinh lực cao cấp của chúng. Bám địa bàn, kết hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh ba mũi: vũ trang, chính trị, binh vận, đấu tranh chống gom dân lập ấp chiến lược, chống bắn pháo, chống bắt lính, kìm kẹp quần chúng, bảo vệ quyền lợi nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Thực hiện nhiệm vụ này, các lực lượng vũ trang, chính trị Long Khánh đã phối hợp với các lực lượng bộ đội chủ lực Quân khu và Miền bước vào đợt chiến đấu mới đầy gay go thử thách và giành được nhiều thắng lợi. Trên chiến trường Long Khánh, bộ đội chủ lực Miền (2 trung đoàn 4 và 5 thuộc Sư đoàn 5), bộ đội địa phương và du kích phải đối đầu với một lực lượng đông gấp nhiều lần. Ngày

11/4/1966, qua nhiều lần nghiên cứu, Trung đoàn 4 đã tập kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn quân Mỹ thuộc Lữ đoàn 199, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên, thu 40 súng các loại tại căn cứ Rừng Quýt (suối Tầm Bó). Ngày 18/6/1966, Trung đoàn 5 đã chặn đánh tiêu diệt Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 quân đội Sài Gòn (có Trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ yểm trợ), bắn cháy 16 xe cơ giới trong đó có 6 xe thiết giáp M113, thu 8 súng các loại tại ngã ba Ông Đồn, Xuân Lộc. Ngày 16/11/1966, đội đặc công huyện Xuân Lộc do đồng chí Chín Phiên chỉ huy cùng du kích cao su Hàng Gòn đưa tiểu đoàn pháo của Sư đoàn 5 bộ binh pháo kích hậu cứ của Trung đoàn kỵ binh thiết giáp 11 Mỹ ở Suối Râm, phá hủy nhiều xe quân sự (xe vận tải và thiết giáp), loại 150 tên Mỹ, làm tê liệt Trung đoàn thiết giáp số 11 Mỹ trong một thời gian.

Các đội du kích cao su Cẩm Mỹ, Đội du kích đồn điền cao su Ông Quế, đội vũ trang tuyên truyền Đồn điền cao su Bình Lộc cũng tổ chức nhiều trận đánh địch ở cơ sở. Tại một số sở cao su, phong trào đấu tranh kết hợp với quân chủ lực cũng đã diễn ra quyết liệt và giành được nhiều thắng lợi. Đội biệt động thị xã Long Khánh đã diệt bọn cảnh sát dã chiến, tập kích vào Tòa hành chính ngụy, tập kích vào cơ quan tình báo CIA Mỹ (khu 33 chiến thuật), đánh vào xe địch trong lúc chúng tập trung đi càn quét. Trong năm 1966, đội biệt động thị xã đã đánh 7 trận lớn vào quân Mỹ, quân ngụy, loại 180 tên địch khỏi vòng chiến đấu. Lực lượng An ninh Long Khánh cũng kịp thời phát hiện, đối phó, xử lý bọn gián điệp địch do địch cài cắm, đồng thời trinh sát, xác minh lần lượt bóc gỡ lưới tình báo của bọn an ninh quân đội Long Khánh trong hàng ngũ của ta.

Cuối năm 1966, cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất của Mỹ về cơ bản đã thất bại. Quân dân Long Khánh nói riêng và quân dân miền Đông Nam Bộ nói chung vẫn giữ thế tiến công và quyền chủ động trên chiến trường. Đế quốc Mỹ mở tiếp cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 (1966- 1967), không chỉ tập trung quân càn quét các vùng căn cứ cách mạng, dùng hóa chất khai hoang hủy diệt cây trái, ruộng vườn, phá toàn bộ địa hình, gây khó khăn cho

lực lượng cách mạng, mà ở vùng nông thôn chúng còn tăng cường ủi phá địa hình, càn quét gom dân lập ấp chiến lược, xây dựng đồn bót, bảo vệ giao thông, củng cố bộ máy tề nguỵ ở cơ sở. Vùng đô thị, thị xã, thị trấn, địch tăng cường bộ máy cảnh sát, công an, mật thám, chỉ điểm theo dõi nhân dân, tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng.

Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh chỉ đạo củng cố các huyện ủy, các lực lượng vũ trang. Thị ủy Long Khánh chủ trương quyết tâm bám trụ địa bàn, nhất là những địa bàn trọng điểm, bám dân, nhanh chóng khôi phục lại các cơ sở mật, củng cố đội biệt động thị xã, các đội du kích tự vệ mật làm cơ sở cho đánh phá bình định. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang, giữ vững căn cứ, từng bước khôi phục vùng giải phóng và thế làm chủ các xã ấp. Thực hiện chỉ đạo của Thị ủy, đội biệt động thị xã đã liên tục tổ chức đánh địch để hỗ trợ phong trào chống phá bình định. Tháng 1/1976, đội biệt động thị xã tập kích vào cơ quan cố vấn Mỹ, loại hơn 20 tên Mỹ, trong đó có 15 sĩ quan. Tháng 4/1967, đội biệt động đánh vào căn cứ thiết giáp nguỵ, diệt 72 tên; đánh vào hậu cứ Trung đoàn 43, Sư 18, diệt 53 tên, bắn rơi 1 máy bay L19. Tháng 8/1967, một tổ biệt động gồm 3 đồng chí đánh vào căn cứ Chiến đoàn 43, Sư đoàn 18. Ngày 11/11/1967, 6 đồng chí biệt động lại dùng ĐH 10 đánh 2 đại đội pháo địch ở sân bay Long Khánh.

Trong năm 1967, đội biệt động thị xã Long Khánh đã đánh 14 trận, diệt và làm bị thương 650 tên địch. Đến cuối năm 1967, đội đã phát triển với 23 đồng chí. Đội biệt động, với tinh thần gan dạ, dũng cảm, thông minh, kỹ chiến thuật điêu luyện, tác chiến hiệu quả gắn liền với công tác xây dựng cơ sở mật trong nội ô thị xã của Thị ủy Long Khánh góp phần cho phong trào cách mạng địa phương phát triển. Nhân dân thị xã Long Khánh và các vùng ven lộ 1, lộ 2, lộ 3 được cơ sở Đảng lãnh đạo, cũng tổ chức được nhiều đợt đấu tranh chính trị chống Mỹ. Phối hợp với quân dân Xuân Lộc, bộ đội Sư đoàn 5 Miền trong những tháng giữa năm 1976 cũng liên tục tổ chức đánh địch ở Gia Ray, Trảng Táo, Bến Nôm, Định Quán, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Hầu hết các chiến đoàn của Sư đoàn 10 quân đội



Sài Gòn đều bị thương vong lớn.

Đầu năm 1968, quyết định tổng tiến công và nổi dậy được phổ biến đến cán bộ phụ trách địa phương Long Khánh, thị xã và đơn vị. Công tác chuẩn bị hết sức khẩn trương. Cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở Bà Rịa - Long Khánh diễn ra chậm hơn 1 ngày so với mặt trận Sài Gòn, Biên Hòa. Tại thị xã Long Khánh, trước giờ G, pháo binh địch từ căn cứ Sư 18 bắn vào điểm tập kết của Ban chỉ huy mặt trận ở Bảo Vinh A. Rạng sáng 1/2/1968 (mùng 2 Tết Mậu Thân), cuộc tổng tiến công vào thị xã Long Khánh bắt đầu. Tiểu đoàn 440 và đội biệt động thị xã tiến công vào 3 mục tiêu: khu 33 chiến thuật, trụ sở CIA Mỹ, Tòa hành chính tỉnh Long Khánh. Nhân dân thị xã Long Khánh đã xuống đường, tiếp lương tải đạn, cùng bộ đội chiến đấu.

Sáng 2/2/1968, quân Mỹ đưa hơn 100 xe tăng từ căn cứ Suối Râm theo lộ 2 xuống phản kích giải tỏa thị xã Long Khánh. Bộ đội ta lực lượng ít hơn nhưng đã kiên quyết đào công sự bám trụ đánh phản kích suốt một ngày trong nội ô thị xã, bắn cháy 12 xe tăng, diệt 70 tên. Đến 4 giờ sáng ngày 3/2/1968, Ban Chỉ huy cho lực lượng rút khỏi thị xã Long Khánh để bảo toàn lực lượng. Trong vòng vây của địch, các đơn vị phải phân tán từng tổ, vừa chiến đấu vừa tìm đường ra. Tại mặt trận thị xã Long Khánh, ta hy sinh 28 đồng chí, 40 đồng chí bị thương, 9 đồng chí bị địch bắt và mất tích.

Tại các sở cao su, đêm 1 rạng sáng 2/2/1968 (mùng 2 rạng mùng 3 Tết Mậu Thân), đồng loạt cùng thị xã, bộ đội và du kích cao su kết hợp với tự vệ mật, có cơ sở binh vận trong bảo an, dân vệ đã tiến công và nổi dậy chiếm các sở cao su. Kết hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài, ngay đêm đầu, ta đã chiếm các sở cao su Ông Quế, Hàng Gòn, Suối Tre, An Lộc, Bình Lộc... làm chủ các sở, bao vây các đồn bót lớn, phát loa hiệu triệu đồng bào, vận động binh lính địch. Tại Suối Tre, du kích An Lộc cùng với công nhân nổi dậy làm chủ ấp Suối Tre suốt 3 ngày đêm liền. Tại Bình Lộc, lực lượng vũ trang đồn điền đã tiến công đồn Bình Lộc. Cuộc tiến công và nổi dậy ở đồn

điền Bình Lộc đã diễn ra vô cùng gay go ác liệt từ mùng 5 đến mùng 10 Tết Mậu Thân với 3 đợt tiến công địch. Mặc dù không tiêu diệt được đồn địch nhưng khí thế tiến công và nổi dậy của du kích, công nhân địa phương đã làm cho tinh thần địch hết sức hoang mang.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân dân Xuân Lộc, Long Khánh đã chia lửa cùng với các chiến trường, góp phần cùng quân dân toàn miền Nam gây cho địch những tổn thất nặng nề, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Với những thắng lợi to lớn trên tất cả các mặt, năm 1968, thị xã Long Khánh được Miền tuyên dương và công nhận là 1 thị xã có phong trào đô thị khá nhất của các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Sau năm 1968, địa bàn đứng chân của Thị ủy, các lực lượng vũ trang thị xã Long Khánh luôn bất ổn định, phải thường xuyên di chuyển, gặp nhiều trở ngại trong chỉ đạo chiến đấu. Lực lượng vũ trang thường xuyên thiếu lương thực, phải ăn lá rừng, củ rừng, bắp, chuối, đậu xanh, đậu nành... Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh chủ trương động viên các cơ quan, các đơn vị, lực lượng vũ trang kiên cường bám trụ, chống càn, diệt địch.

Tháng 2/1969, đội biệt động thị xã Long Khánh 3 lần đột kích ấp Tân Phú trong nội ô thị xã, đánh rã bọn tề ấp và phòng vệ dân sự, thu 31 súng. Tháng 3/1969, đồng chí Lê A, đội du kích Bình Lộc đã ném 2 tạc đạn vào bọn sĩ quan nguy ở quán Ngọc Hương trong thị xã Long Khánh, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 40 tên địch. Đêm 19/5/1969, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã phối hợp với Sư 5 Miền tấn công đồn Hoàng Diệu, phá hỏng các khẩu pháo lớn, gây thiệt hại nặng phương tiện chiến đấu của địch.

Cùng lúc đó, trên hướng lộ 1 và lộ 2, lực lượng chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương huyện Xuân Lộc, Định Quán hoạt động mạnh, căng kéo địch ra khỏi thị xã Long Khánh. Kết hợp với những đòn tấn công của chủ lực, Thị ủy Long Khánh chỉ đạo đẩy mạnh kết hợp ba mũi tấn công phá banh, phá lỏng, phá rã bộ máy kìm kẹp của địch trên địa bàn, bộ đội địa phương huyện phối hợp với du kích

các xã: Bảo Chánh, Suối Cát, Tân Phong, Bảo Vinh, Bảo Bình, Cẩm Mỹ... ban đêm đột nhập ấp, phát động nhân dân diệt ác, tiến công phá banh hàng rào ấp chiến lược, bức rút 1 đại đội bảo an, giải tán nhiều toán phòng vệ dân sự. Đặc biệt nổi lên tinh thần chiến đấu kiên cường của đội du kích Bình Lộc. Đội du kích Bình Lộc với những thành tích chống càn, đánh địch đã trở thành đơn vị tiêu biểu trong phong trào diệt ác, phá kìm do Khu ủy miền Đông Nam Bộ phát động.

Đầu năm 1970, địch lại liên tục mở các cuộc càn quét để thực hiện bình định cấp tốc nhằm đánh bật lực lượng ta ra vùng thị xã Long Khánh. Hướng bắc lộ 1, từ Xuân Lộc đến Mây Tàu là đường rút quân của lính Mỹ, chúng sử dụng phi pháo đánh phá dữ dội, đồng thời tiến hành chiến tranh tâm lý chiêu hồi, chiêu hàng. Tại các xã, ấp, địch ráo riết tổ chức lại lực lượng phòng vệ dân sự và phòng vệ xung kích.

Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định mở cuộc tấn công Xuân Hè 1970 nhằm mở rộng vùng nông thôn, khôi phục vùng giải phóng như thời kỳ trước Mậu Thân, làm thay đổi diện mạo chiến trường, tạo thời cơ tiến lên giành thắng lợi cao nhất. Nhiệm vụ chủ yếu của tỉnh Bà Rịa- Long Khánh là: kết hợp chặt chẽ du kích và lực lượng chủ lực bên ngoài diệt đúng đối tượng, đánh bình định và yểm trợ bình định phá rã các bộ máy kìm kẹp, đi đôi đẩy mạnh phong trào quần chúng phá rã các hình thức kìm kẹp và xé rào bung ra sản xuất. Bộ Tư lệnh T7 đã triệu tập hội nghị ở Rừng Lá và quyết định mở chiến dịch Châu Đức trên địa bàn Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa mà trọng điểm là Long Khánh. Mục tiêu của chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, củng cố theo đúng trên địa bàn đông bắc Sài Gòn, hỗ trợ đặc lực cho các lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh du kích chiến tranh phá lỏng, phá rã bộ máy kìm kẹp của địch ở một số xã ấp vùng nông thôn chiến lược. Bộ đội chủ lực của T7 gồm Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 và Tiểu đoàn 6 đặc công, phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc, Cao Su, đánh địch trên 2 hướng chính là quốc lộ 1 và liên tỉnh lộ 2.

Vượt qua mọi khó khăn gian khổ, Đảng bộ, quân và dân thị xã

Long Khánh hoạt động tích cực phối hợp cùng các lực lượng vũ trang Quân khu, hoàn thành thắng lợi chiến dịch Châu Đức (từ ngày 26/3 đến tháng 7/1970), ngăn chặn có hiệu quả kế hoạch bình định phát triển của địch trên địa bàn Long Khánh, đã giải phóng được 2 ấp: Bình Lộc, Suối Tre. Điểm nổi bật trong chiến dịch Châu Đức trên chiến trường Long Khánh là lực lượng chủ lực T7 đã hỗ trợ có hiệu quả cho bộ đội, du kích địa phương diệt ác ôn, phá rã nhiều bộ máy kìm kẹp của địch, xây dựng được một số cơ sở cách mạng trong vùng kiểm soát của chúng. Đảng bộ, quân và dân thị xã Long Khánh đã được Bộ Tư lệnh Miền đánh giá cao, được Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh khen ngợi, đó là nguồn động viên lớn để cho Đảng bộ, quân dân thị xã tạo thế và lực mới, không ngừng tiến công địch trong mùa mưa năm 1970.

Trong năm 1971, Phân khu ủy phân khu Bà Rịa đề ra nhiệm vụ tập trung là: củng cố phát triển lực lượng, kết hợp chặt chẽ ba thứ quân, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận để đánh phá bình định, nhằm phá lỏng, phá rã thế kìm kẹp của địch ở nông thôn; mở rộng vùng làm chủ, nâng thế tranh chấp, mở hành lang căn cứ, tạo thế bám trụ vùng ven các thị xã, thị trấn, hỗ trợ cho quần chúng đẩy mạnh đấu tranh.

Thực hiện chủ trương của Phân khu ủy, Bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa tập trung Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33, tiểu đoàn 6 công binh kết hợp với bộ đội địa phương mở đợt hoạt động vũ trang trên tuyến lộ 2 và quốc lộ 20 nhằm củng cố, mở rộng địa bàn đứng chân, giữ vững tuyến hành lang chiến lược Bà Rịa - Long Khánh về Chiến khu Đ. Phân khu ủy và Bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa thành lập Đoàn hậu cần 500 để phối hợp cùng Đoàn hậu cần Miền 814 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, hàng chiến lược từ Nam đường Hồ Chí Minh về phục vụ chiến dịch, chiến đấu.

Mở đầu cho đợt hoạt động, đêm 15/6/1971, Đội biệt động thị xã Long Khánh gồm 10 chiến sĩ bất ngờ tấn công bằng B40, thủ pháo vào tiểu khu 33 tình báo nguy đóng trên đường Hùng Vương, thị xã

Long Khánh. Trận đánh táo bạo, bất ngờ diễn ra trong 40 phút (từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút), ta diệt và làm bị thương 33 tên, bắn sập 1 lô cốt và 3 dãy nhà. Trận đánh đúng đối tượng là cơ quan chỉ huy bình định của địch đã gây tiếng vang lớn. Trong lúc đó, Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 kết hợp cùng với bộ đội huyện Cao Su tấn công hầu hết đồn bót, trụ sở cảnh sát của địch dọc lộ 2 như: Hàng Gòn, Ông Quế, Cẩm Mỹ... giải tán 7 đội phòng vệ dân sự của địch. Đến tháng 7/1971, ở thị xã Long Khánh, ta đã giành quyền làm chủ (có mức độ) ở nhiều ấp như: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Tân Thủy, Bình Lộc. Tính cả huyện Xuân Lộc - Định Quán và thị xã Long Khánh, ta nâng thế tranh chấp lên 16 ấp với 14.708 dân.

Đầu năm 1972, Bộ Tư lệnh phân khu Bà Rịa mở đợt cao điểm 15 ngày, lấy địa bàn huyện Xuyên Mộc - Long Đất làm điểm, vùng Xuân Lộc, Cao Su là diện 1, vùng thị xã Long Khánh là diện 2.

Phục vụ cho đợt, Đoàn hậu cần 500 của phân khu đã tiếp nhận và chuẩn bị hàng ngàn tấn vũ khí, lương thực trên các khu vực căn cứ lộ 1, lộ 20 để đáp ứng yêu cầu chiến đấu của lực lượng. Các cơ sở cách mạng tại thị xã Long Khánh đã thu mua nhiều hàng hóa, chuyển tải lương thực cho địa phương.

Cuối tháng 1/1972, Bộ Tư lệnh phân khu Bà Rịa đưa Trung đoàn 33 đứng chân hoạt động ở khu vực Xuân Lộc. Nhiệm vụ của đơn vị là kết hợp chặt chẽ với bộ đội huyện, du kích các xã, áp đánh tiêu diệt địch, hỗ trợ cho vùng trọng điểm của phân khu. Liên tục từ 28/1 đến 17/2/1972, Trung đoàn 33 của phân khu hoạt động trên một tuyến rộng từ Cẩm Mỹ (lộ 2) lên Túc Trưng, Định Quán (lộ 20), Trung đoàn đã tấn công nhiều đồn bót, chi yếu khu, căn cứ Chiến đoàn 48, Chiến đoàn 52 Sư 18 ở Long Khánh. Trong đợt, đơn vị đánh thiệt hại 5 đại đội, 4 trung đội. Chiến đoàn 48, Chiến đoàn 52 quân đội Sài Gòn lúng túng, bị động đối phó. Bộ đội K8, K9 huyện Xuân Lộc - Định Quán cùng với biệt động, du kích các xã tấn công vào các trụ sở tề xã, các tua bót, phá rã nhiều bộ máy tay sai địch ở Bình Phú, Bình Lộc, Bảo Bình, Gia Kiệm, Túc Trưng, Cây số 116, 125.

Những thắng lợi to lớn, liên tiếp của quân và dân Xuân Lộc, thị xã Long Khánh trong chiến dịch Nguyễn Huệ đã phá tan âm mưu bình định lấn chiếm vùng giải phóng của địch. Các ấp ven thị xã Long Khánh và 6 xã lộ 1 (huyện Xuân Lộc) trở thành ấp tranh chấp mạnh.

Sau Hiệp định Paris 1973, tại thị xã Long Khánh, địch tập trung các lực lượng chủ lực kết hợp với bảo an, dân vệ mở các đợt tấn công lấn chiếm đồng loạt các vùng làm chủ của ta. Ngoài Sư đoàn 18 quân đội Sài Gòn và các lực lượng yểm trợ Quân đoàn 3, địch bố trí lực lượng: Tiểu đoàn 324 bảo an đóng quanh thị xã Long Khánh, Đại đội cơ động 22 đóng ở Ông Quế. Chi khu Xuân Lộc có Liên đội 3.23 (gồm bốn đại đội: 642, 285, 415, 971) đóng từ Bàu Cá đến Căn cứ 4; Liên đội 3/19 đóng ở Gia Ray. Chi khu Kiêm Tân có Liên đội 3/84 đóng tại Chi khu. Chu khu Định Quán có Liên đội 3/60 (gồm 6 đại đội: 412, 377, 219, 621, 318, 927) đóng tại chi khu.

Địch tập trung sư đoàn 18 (Chiến đoàn 43 ở lộ 1), Trung đoàn 22 thiết giáp ở lộ 20 và một bộ phận của Thiết đoàn 5 kết hợp phi pháo cùng lực lượng bảo an dân vệ ở tiểu khu Long Khánh tập trung lấn chiếm các vùng xung yếu do ta làm chủ, giữ các trục lộ giao thông quan trọng như lộ 1, lộ 20, lộ 2, lộ 3, hỗ trợ cho bọn ngụy quyền cơ sở đẩy mạnh công tác bình định. Cùng với lấn chiếm, địch thực hiện ủi phá rừng và di dân.

Thị ủy Long Khánh chủ trương: dựa vào pháp lý của Hiệp định, nắm vững chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, bằng mọi biện pháp tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris nhưng không mơ hồ ảo tưởng, kiên quyết trừng trị địch vi phạm hiệp định, lấn chiếm vùng giải phóng. Kết hợp ba mũi giáp công, ba lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, trên cơ sở pháp lý của hiệp định, buộc địch phải thi hành. Lực lượng vũ trang hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị, sẵn sàng giáng trả địch những đòn quyết định, giữ vững vùng giải phóng.

Trên lộ 2, khu vực gắn liền với thị xã Long Khánh, Bộ Tư lệnh

Quân khu 7 đã điều 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 4, đại bộ phận Trung đoàn 33 về tăng cường cho 2 huyện Xuân Lộc, Châu Đức để giữ vùng giải phóng. Tinh đội Bà Rịa - Long Khánh cũng đưa 2 tiểu đoàn 445 và 500 về tiếp ứng. Du kích các xã dọc lộ 2 đã đắp mô, gài trái trên đường chặn giao thông địch. Các trận đánh đã diễn ra hết sức ác liệt. Các lực lượng vũ trang đã thực hiện tổng cộng 227 trận đánh lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 952 tên, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 3 Chiến đoàn 48 và nhiều đại đội, trung đội bảo an địch; phá huỷ 25 xe bọc thép, xe tăng; bắn rơi 8 máy bay.

Tháng 3/1974, Bộ Tư lệnh Quân khu phối hợp với lực lượng vũ trang Bà Rịa - Long Khánh mở chiến dịch lộ 2, thực hiện mở mang mở vùng, thu hồi vùng giải phóng, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy diệt ác ôn. Để phối hợp với chiến dịch lộ 2, Tinh đội Bà Rịa - Long Khánh chỉ đạo các lực lượng vũ trang thị xã Long Khánh đẩy mạnh hoạt động đánh phá bình định, phá kim diệt ác ở các xã để thu hút địch. Đêm 27/3/1974, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đồng loạt tiến công vào nhiều mục tiêu trong thị xã, diệt 22 sĩ quan cảnh sát, 1 trưởng ấp ác ôn, đồng thời các đồng chí cán bộ binh vận đã tuyên truyền thuyết phục nhiều binh sĩ ngụy từ lộ 2 chạy về Long Khánh, giác ngộ, đưa tin tức, làm nội ứng cho ta, đồng thời vận động được 110 lính ngụy đào, rã ngũ. Mùa khô 1973-1974 và mùa mưa 1974, trên chiến trường Xuân Lộc và Long Khánh, ta tiến công địch liên tục giành lại thế chủ động chiến trường; phát triển được thế đứng chân trên các địa bàn trọng yếu, nổi thông hành lang từ Chiến khu Đ xuống Long Khánh - Bà Rịa; tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá rã bộ máy địch trên các vùng tranh chấp.

Đêm 10 rạng 11/12/1974, Thường vụ Huyện ủy Xuân Lộc trực tiếp chỉ đạo du kích và nhân dân Bảo Chánh, bộ đội K8, tiểu đội nữ súng cối bằng 3 mũi, huy động cả gia đình binh sĩ phát loa, bao vây, tấn công bức rút đồn Bảo Chánh. Trung đội bảo an đồn bảo Chánh đã ra hàng. Ta thu toàn bộ vũ khí trang bị, trong đó có 120 quả đạn cối 60 ly. Bảo Chánh là xã đầu tiên trong tỉnh, trong Quân khu sử dụng lực lượng 3 mũi tấn công bức hàng đồn địch, mở đầu cho phong trào

địa phương tự lực tự cường giải phóng xã ấp.

19 giờ tối ngày 29/1/1975, Đội biệt động thị xã Long Khánh gồm tổ trưởng Hồ Thị Hương (bí số H5) và trinh sát Phùng Thị Thận (bí số C8T) tổ chức đánh địch tại quán Song Nga. Sau khi đặt mìn và định thoát ra ngoài, tổ trưởng Hồ Thị Hương bất ngờ nhận thấy bọn cảnh sát đặc biệt và bọn an ninh quân đội rời quán trong lúc một số gia đình thường dân lại vào quán. Sợ ảnh hưởng đến thường dân vô tội, tổ trưởng Hồ Thị Hương quyết định quay vào vô hiệu hóa quả mìn, nhưng mìn nổ làm chị hy sinh, trinh sát Phùng Thị Thận bị thương nặng nhưng những người dân khác vẫn bình yên.

Ngày 17/3/1975, giai đoạn 2 của chiến dịch lộ 3 bắt đầu. Ta đồng loạt đánh chiếm ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan, diệt toàn bộ địch ở Đồi 52. Ngày 18/3/1975, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 33 đã làm chủ yếu khu quân sự Gia Ray, giải phóng ấp Gia Ray và cắt đứt lộ 3. Đại đội K8 Xuân Lộc và Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 4 cùng lực lượng du kích tiến công địch ở các ấp: Suối Cát, Lều Xanh, Mai Thọ Bích, Bình Phú... đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn bảo an số 332 và 324 lên ứng cứu, cắt đứt đoạn quốc lộ 1 dài trên 5 km. Đêm 20 rạng 21/3/1975, ta đồng loạt tiến công quét sạch địch, giải phóng ngã ba Ông Đồn và núi Chứa Chan. Sau 4 ngày đêm chiến đấu (từ 17 đến 21/3), ta giải phóng tỉnh lộ 3 từ Trà Tân đến ngã ba Ông Đồn, đến Căn cứ 5 giáp Bình Thuận, làm chủ các xã ấp trên quốc lộ 1. Trên lộ số 2, ngày 21/3/1975, Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa - Long Khánh cùng lực lượng huyện Cao Su, du kích tiến công ba mũi giải phóng các xã: Ông Quế, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, đưa lực lượng áp sát vào phía Nam thị xã Long Khánh.

Ngày 30/3/1975, các ấp Bình Lộc, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn hoàn toàn giải phóng. Cửa ngõ phía Bắc thị xã Long Khánh đã mở; tạo địa bàn đứng chân, triển khai để quân đoàn 4 tiến công vào thị xã Long Khánh. Để chuẩn bị cho chiến dịch Xuân Lộc, ở tuyến sau, các chiến sĩ kinh tài và cán bộ phong trào ở Xuân Lộc đã ngày đêm vận động đồng bào ủng hộ lương thực, thuốc men cho cách



mạng. Riêng tại vùng ven thị xã Long Khánh, đến đầu năm 1975, thị uỷ và nhân dân đã chuẩn bị sẵn 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000kg bột ngọt và hàng chục triệu đồng.

Địch quyết tâm giữ cho được Xuân Lộc - Long Khánh. Đến đầu tháng 4/1975, quân nguy ở Long Khánh có Sư đoàn 18 gồm 3 chiến đoàn: Chiến đoàn 43 và 48 đóng tại hậu cứ hướng đông thị xã Long Khánh, Chiến đoàn 52 đóng ở Kiệm Tân (lộ 20). Trung đoàn thiết giáp số 5 có trên 100 xe tăng và thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội biệt lập trực thuộc tiểu khu Long Khánh, cùng các lực lượng cảnh sát và bộ máy kim kẹp khác chốt giữ nhiều điểm quan trọng trong thị xã.

Đúng 5 giờ 45 phút sáng ngày 9/4/1975, pháo chiến dịch 130 ly của bắn cấp tập vào các tuyến phòng thủ trong thị xã Long Khánh, mở màn chiến dịch Xuân Lộc. Xe tăng, bộ binh ở các hướng đồng loạt tiến công. Mũi hướng bắc được các chiến sĩ biệt động và trinh sát vũ trang Long Khánh dẫn đường, sư đoàn 1 (Sư 341) đánh chiếm các mục tiêu ở Trung tâm thị xã. Tiếp đó, vào sáng 10/4 ta phát triển chiếm được căn cứ biệt động quân và phía tây sân bay thị xã, phía tây hậu cứ Chiến đoàn 43 Sư 18 nguy.

Hướng Đông thị xã, do địa hình trống trải, Trung đoàn 12 Sư đoàn 7 gặp sự chống trả dữ dội của xe tăng địch, nhiều xe tăng bị bắn cháy, nhiều đồng chí hy sinh trước khi vào được thị xã Long Khánh. Đơn vị chỉ điểm được một phần hậu cứ Trung đoàn 43 nguy. Ngày 10/4, Bộ Tư lệnh chiến dịch phải tăng cường một bộ phận Trung đoàn 14 Sư đoàn 7 trên hướng này, đánh chiếm được phía đông hậu cứ Chiến đoàn 52 quân đội Sài Gòn, đột phá vào hậu cứ Sư 18 và Chiến đoàn 7 không phát triển được vì bị thương vong (trên 300 đồng chí).

Hướng Tây thị xã, Trung đoàn 4 Sư đoàn 6 cùng du kích địa phương tấn công chiếm ấp Trần Hưng Đạo, chặn viện binh địch tại đèo Mẹ Bồng Con. Trung đoàn 33 đánh chiếm được ngã ba Dầu Giây và thực hiện chốt chặn ở Hưng Lộc. Sư đoàn 6 tổ chức trận địa đánh

bật nhiều đợt phản kích của địch tại ngã ba Dầu Giây, hoàn thành nhiệm vụ được phân công, giải phóng một đoạn quốc lộ 1 trên 10km.

Hướng Nam thị xã, Tiểu đoàn 445, bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa - Long Khánh kết hợp Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 209 sư đoàn 7 đánh chặn và tiêu hao nặng hai tiểu đoàn bảo an 348 và 234 từ Suối Cát về giải tỏa thị xã, bắt nhiều tù binh, giải phóng ấp Bảo Toàn. Một bộ phận Trung đoàn 209 chiếm và bám trụ được ở nam sân bay thị xã.

Sau một ngày đồng loạt tiến công từ các hướng, địch bị thiệt hại nặng nề. Hệ thống bố phòng ở thị xã Long Khánh bị phá vỡ. Cờ giải phóng tung bay trên các toà nhà: dinh Tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, Ty cảnh sát, trụ sở tình báo CIA. Hậu cứ Sư đoàn 18 bị chọc thủng một mảng.

Địch phát hiện ra ý đồ chiến thuật của ta, chúng lập tức điều chỉnh lực lượng trong thị xã, điều Tiểu đoàn 1 Chiến đoàn 48 từ Tân Phong về tiếp ứng cho thị xã. Tiểu đoàn 3 Chiến đoàn 48 ngừng giải tỏa lộ 1 về chốt tại Tân Phong. Chiến đoàn 52 từ Túc Trưng về Kiệm Tân. Tiểu đoàn 2 Chiến đoàn 52 về tăng cường cho thị xã. Tiểu đoàn 1 Chiến đoàn 52 giải tỏa ấp Trần Hưng Đạo. Các tiểu đoàn bảo an được chấn chỉnh, tăng cường phòng thủ hướng đông thị xã. Phi pháo địch tăng cường đánh phá khốc liệt vào hậu phương ta ở mũi tiến công hướng đông. Cùng với việc chấn chỉnh, điều động lực lượng cố thủ và giải tỏa thị xã, Quân đoàn III ngưng toàn bộ lực lượng tăng cường cho Long Khánh. Chiến sự xảy ra vô cùng quyết liệt ở trung tâm thị xã. Địch giãn bộ binh ra và dùng phi pháo oanh kích huỷ diệt các mục tiêu ta đã chiếm được. Các loại máy bay: AD6, A7, F5A liên tục ném bom, bắn hỏa tiễn, dùng máy bay vận tải C130 rải bom tọa độ.

Hàng trăm thanh niên thị xã tình nguyện ở lại tham gia chiến đấu. Đội biệt động mật trong thị xã tổ chức nhiều đội thanh niên xung kích, thanh niên cờ đỏ... phục vụ chiến đấu bất chấp bom đạn của địch.

Ngày 11/4, Quân đoàn III quân đội Sài Gòn tăng viện cho Xuân Lộc 1 chiến đoàn bộ binh (Chiến đoàn 8 Sư 5 từ Lai Khê về Bàu

Cá) và Lữ đoàn kỵ binh số 3 gồm 3 thiết đoàn, nhưng lực lượng này bị Sư đoàn 6 chặn đứng tại Hưng Lộc. Ngày 12/4, ở hướng Tây, Sư đoàn 6 cùng lực lượng du kích Dầu Giây, Trần Hưng Đạo tấn công Tiểu đoàn 1 Chiến đoàn 52, diệt 2 đại đội, đánh thiệt hại nặng chi đoàn xe bọc thép tại ngã ba Dầu Giây, ta làm chủ hoàn toàn ngã ba Dầu Giây và đánh bật hầu hết các đợt phản kích từ hướng Nam lên chi viện cho thị xã.

Hướng Đông và Bắc thị xã Long Khánh, chiến sự xảy ra ngày càng quyết liệt. Địch tăng cường phi pháo oanh tạc các mục tiêu ta đã chiếm và đánh vào phía sau đội hình tiến công của ta với trên 70 khẩu pháo và 50 phi vụ oanh kích. Đặc biệt, lúc 14 giờ ngày 12-4, trước tình hình khẩn cấp, địch đã ném 2 quả bom CBU xuống cách thị xã 800 mét về hướng Bắc. Đây là loại bom hơi ngạt lần đầu tiên địch sử dụng đã làm cho hàng trăm chiến sĩ, đồng bào ta bị thương vong. Thương vong mũi hướng Bắc của ta lên đến 1.100 người trong ngày. Chiều 12/4, hàng trăm lần máy bay lên thẳng đổ Lữ đoàn 1 dù xuống Nam ngã ba Tân Phong.

Trước tình huống khó khăn, đồng chí Trần Văn Trà (Tu lệnh Miền), trực tiếp xuống Xuân Lộc nắm tình hình. Sau khi nghiên cứu, đồng chí chỉ đạo thay đổi phương án tác chiến: Tạm thời rút lực lượng chủ lực khỏi trung tâm thị xã để củng cố; sử dụng lực lượng dự bị mạnh bất ngờ tiến công địch tiêu diệt Chiến đoàn 52 Sư 18 tại Kiệm Tân và Dầu Giây, chiếm cao điểm Núi Thị, cô lập thị xã Long Khánh với Biên Hòa. Bị cô lập, địch sẽ hoang mang, ta có điều kiện tung lực lượng đánh địch bật khỏi thị xã. Đêm 12/4, thực hiện phương án tác chiến mới của Bộ Tư lệnh chiến dịch, Sư 7, Sư đoàn 1 mỗi đơn vị chỉ để lại 1 tiểu đoàn chốt giữ các mục tiêu đã chiếm được, khẩn trương củng cố trận địa và bàn giao toàn bộ cho lực lượng vũ trang Xuân Lộc, cơ động chuyển thể trận.

3 giờ sáng 13/4, toàn bộ lực lượng chủ lực Quân đoàn 4 rút ra ngoài thị xã. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang địa phương Xuân Lộc, thị xã Long Khánh càng nặng nề, ác liệt hơn, tiếp tục bám trụ địa bàn

làm nhiệm vụ chiến đấu trong thị xã Long Khánh. Hướng Nam thị xã, ngay khi Lữ đoàn 2 dù của ngụy đổ xuống sân bay Long Khánh, những loạt pháo kích của đội nữ pháo binh Xuân Lộc đã cấp tập nã vào đội hình địch, diệt nhiều tên.

Liên tiếp từ ngày 9 đến 13/4, trên hướng Nam ngoại vi thị xã, tiểu đoàn 445, Đại đội 41 và K8 Xuân Lộc chốt giữ khu vực xã Bảo Hòa, Bảo Toàn, đẩy lùi các đợt phản kích của địch, tiến công ở cầu Gia Liêu, Bảo Thị, bắt sống 117 tù binh, thu nhiều vũ khí, quân dụng của địch. Sau đó, ta đặt 1 khẩu cối 82 ly và 1 khẩu 12,7 ly trên đỉnh núi con Rắn, không chế địch trong căn cứ Suối Râm.

Sau nhiều lần bị chặn đánh, Lữ đoàn 2 dù ngụy đến được đông nam cầu Gia Liêu, nhưng bị ta chặn không liên lạc được với Sư 18. Tại đây, các chiến sĩ Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 209 Sư đoàn 7, bị 2 tiểu đoàn dù bao vây chặt, nhiều ngày liền chiến sự xảy ra vô cùng ác liệt, gian khổ, đói khát... nhưng các đồng chí đã kiên cường bám trụ, mỗi ngày đánh bật hàng chục lượt phản kích của địch, giữ thế chia cắt giữa Lữ đoàn 2 dù với hậu cứ Sư 18.

Thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt Chiến đoàn 52 Sư 18, trong ngày 13 và 14/4, Trung đoàn 33 diệt gọn 1 tiểu đoàn của Chiến đoàn 52 và 1 chi đoàn xe thiết giáp tại ngã ba Dầu Giây, chiếm Núi Thị. Ngày 14/4, Trung đoàn 4 kết hợp bộ đội, du kích địa phương diệt gọn hai tiểu đoàn của Chiến đoàn 52, một tiểu đoàn pháo binh, một chi đoàn xe bọc thép, thu 12 khẩu pháo, bắt hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Chiến đoàn 52 Sư 18 của địch hoàn toàn bị tan rã, tàn quân tháo chạy về Biên Hòa. Ta giải phóng hoàn toàn quốc lộ 20, đồng thời cắt đứt quốc lộ 1 từ Trảng Bom, địch ở thị xã Long Khánh hoàn toàn bị cô lập với Biên Hòa.

Ngày 16/4, Bộ Tư lệnh Quân đoàn III quân đội Sài Gòn vội vã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương đứng chân ở Trảng Bom trực tiếp tổ chức phản kích lực lượng ta đang bao vây thị xã, nhưng tất cả các mũi phản kích của chúng đều bị đẩy lui. Sư đoàn 6 cùng với Trung đoàn độc lập 95b, bộ đội huyện Thống Nhất, du kích xã Hưng Lộc

xây dựng trận địa dọc lộ 1, đẩy lùi các đợt phản kích của Chiến đoàn 8 Sư 5 quân đội Sài Gòn và Thiết đoàn 315, bắn cháy hàng chục xe tăng, diệt 2 tiểu đoàn, thu gần 100 súng các loại, tiếp tục siết chặt vòng vây ở thị xã.

Ngày 16/4, tự vệ, du kích phối hợp với công nhân nổi dậy giải phóng Sở cao su Bình Lộc. Ngày 19-4, ta giải phóng ấp Suối Tre. Ngày 20/4, ta giải phóng Cấp Rang và An Lộc.

10 giờ đêm 20/4/1975, địch rút chạy khỏi thị xã Long Khánh theo hướng liên tỉnh lộ số 2, qua cửa chữ S. Hai chiếc xe GMC bị cháy. Ta bắt sống trên 100 tù binh. Sau đó một tiếng, 1 đoàn xe khác lại chạy qua đoạn đường phục kích của ta, bị Tiểu đoàn 445 chặn đánh ở đoạn Sở cao su Quang Minh. Địch hình địch bị ùn lại, nhiều xe húc vào nhau. Các chiến sĩ Đại đội 41 xung phong ra bắt sống hàng trăm tù binh, trong đó có Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh.

1 giờ sáng ngày 21/4/1975, quân ta vào tiếp quản thị xã Long Khánh. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc bị đập tan, cửa ngõ tiến vào Sài Gòn của đại quân ta được mở. Thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng, góp phần đưa quân chủ lực của ta tiến về giải phóng Biên Hòa, Sài Gòn và kết thúc bằng thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh ngày 30/4/1975.

Trong chiến dịch Xuân Lộc, ta tiêu diệt 2.056 tên, bắt sống 2.731 tên, tiêu diệt Chiến đoàn 52, đánh thiệt hại nặng Sư 18 và Lữ đoàn dù số 1, phá hủy 48 xe quân sự và 1.500 súng (có 14 khẩu pháo). Chiến thắng Xuân Lộc đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng Ba.

Sau ngày đất nước thống nhất, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Long Khánh đã được phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 385KT/CTN do Chủ tịch nước Lê Đức Anh ký ngày 20/10/1994.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Biên Hòa

Biên Hòa<sup>(1)</sup> là thành phố công nghiệp và là tỉnh lỵ của tỉnh Đồng Nai, nằm ở khu vực Đông Nam Bộ, Việt Nam. Thành phố Biên Hòa là đô thị loại I (từ 1/1/2016), là đầu mối giao thông quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có dòng sông Đồng Nai chảy qua, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 30km, cách thành phố Vũng Tàu 90km. Biên Hòa là thành phố trực thuộc tỉnh có dân số đông nhất cả nước tương đương với 2 thành phố trực thuộc Trung ương là Đà Nẵng và Cần Thơ.

Thành phố Biên Hòa nằm ở phía Tây tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp huyện Vĩnh Cửu, phía Nam giáp huyện Long Thành, phía Đông giáp huyện Trảng Bom, phía Tây giáp thị xã Tân Uyên, thị xã Dĩ An tỉnh Bình Dương và quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Với những di chỉ khảo cổ học đã được phát hiện, khai quật ở Bình Đa vào năm 1979, Gò Me (phường Thống Nhất vào năm 1982),... các nhà khảo cổ bước đầu xác định thành phố Biên Hòa đã từng là điểm quần cư của người Đồng Nai xưa ở vào thời đại đồ đá mới chuyển sang thời đại đồ đồng cách nay từ 2.500 đến 3.000 năm.

Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục* do nhà sử học Lê Quý Đôn viết vào thế kỷ 18 đã ghi rõ: “Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai từ cửa biển

---

(1) Nguồn: Lịch sử Đảng bộ thành phố Biên Hòa và Wikipedia.

Cần Giờ, Soài Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào là rừng rậm hàng ngàn dặm...”. Thế kỷ 16, 17, đã có lưu dân Việt từ Đàng Ngoài đã vào đây sinh sống.

Năm 1679, Trần Thắng Tài (tức Trần Thượng Xuyên) một lần di thần nhà Minh (Trung Quốc), sau khi thất bại trong mưu đồ “bài Mãn phục Minh” đã đưa 3.000 bộ tướng và gia đình theo đường biển xuôi về phương Nam. Nhóm người hoa này đã được chúa Nguyễn Phúc Tần cho phép định cư ở xứ Đồng Nai. Họ vào cù lao Phố cùng với người Việt đã sinh sống ở đây từ trước, chung tay khai phá, xây dựng nên làng xóm, biến nơi đây thành một phố cảng sầm uất, trên bến dưới thuyền, tàu bè trong và ngoài nước đến trao đổi hàng hoá, mua bán tấp nập. Trong gần một nửa thế kỷ, cù lao Phố là một thương cảng, một đầu mối giao lưu hàng hoá quan trọng bậc nhất ở xứ Đàng Trong. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi: “... Phố xá được kiến thiết, mái ngói tường vôi, lầu cao quá đôi tầng dọc theo bờ sông liên lạc dài 5 dặm, chia và vạch làm 3 đường phố; phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang lót đá ong, đường nhỏ lót gạch xanh; đường rộng bằng phẳng, kẻ buôn tụ tập, ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đến đậu, có những xà lan, ấy là chỗ đại đô hội, những nhà buôn bán to, duy ở đây là nhiều hơn”.

Năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong. Ông lập bản doanh tại Cù lao Phố và tiến hành việc tổ chức bộ máy hành chính, phân định làng, xã, lập sổ đinh,... chính thức đưa xứ Đàng Trong vào bản đồ nước Đại Việt. Đông đảo người Việt từ Ngũ Quảng (tức 5 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức - tức Thừa Thiên Huế), nhiều người có tài, vật lực được kêu gọi vào vùng đất mới khai khẩn, sinh sống. Đây là đợt di dân có tổ chức đầu tiên quy mô lớn từ các tỉnh trên vào khai phá và xây dựng cuộc sống, định cư trên đất Đồng Nai. Xứ Đồng Nai được lập thành phủ Gia Định gồm hai huyện Tân Bình (nay là Sài Gòn) và huyện Phước Long (nay là Biên Hòa - Đồng Nai). Về quân sự, Nguyễn Hữu Cảnh lập hai dinh: Dinh Trấn Biên ở huyện Phước Long và Dinh Phiên

Trần ở huyện Tân Bình. Các chúa Nguyễn đã ban hành chính sách khẩn hoang rộng rãi, tạo điều kiện để nhân dân từ các nơi vào vùng đất mới khai phá, góp phần làm vùng đất này càng phát triển.

Năm 1788, Nguyễn Ánh chia đất Gia Định làm 4 trấn gồm: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Dinh. Năm 1808, Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long nâng lên thành phủ Phước Long gồm 4 tổng: Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An. Thành phố Biên Hoà bây giờ là một phần của tổng Phước Chánh - trung tâm của trấn Biên Hòa.

Trước khi bị thực dân Pháp đô hộ, Biên Hòa là trung tâm của toàn bộ miền Nam với tên gọi Trấn Biên. Năm 1808, dinh Trấn Biên đổi tên thành Trấn Biên Hòa. Năm 1832, Trấn Biên Hòa được đổi thành tỉnh Biên Hòa.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền nhân dân tại Biên Hòa được xây dựng từ tỉnh đến cơ sở, đồng loạt thay thế bộ máy cai trị do thực dân Pháp để lại. Khi ấy các cơ quan lãnh đạo tỉnh Biên Hòa và quận Châu Thành vẫn đặt tại xã Bình Trước (trung tâm tỉnh lỵ). Thực dân Pháp chiếm Biên Hòa (25/10/1945), chúng giữ nguyên tổ chức hành chính, xã Bình Trước gồm có 5 khu, 8 ấp.

Trong kháng chiến chống Pháp, giữa năm 1948, nội ô tỉnh Biên Hòa là nơi tập trung nhiều cơ quan, đơn vị chỉ huy đầu sỏ cùng rất nhiều kho tàng của địch, cần bố trí lại địa bàn chiến đấu thích hợp để phát huy khả năng tác chiến của lực lượng tại chỗ. Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh Biên Hòa chủ trương cho tách khu vực nội ô tỉnh lỵ, thuộc quận Châu Thành (tức xã Bình Trước và một số ấp, xã lân cận) để thành lập thị xã Biên Hòa - tương đương cấp huyện, và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh. Các xã còn lại thuộc huyện Vĩnh Cửu. Tháng 5/1951, khi tỉnh Thủ Biên thành lập, thị xã Biên Hòa được tỉnh giao thêm một số xã thuộc huyện Vĩnh Cửu để làm bàn đạp đứng chân hoạt động như Tam Hiệp, Hiệp Hòa, Tân Thành... cho đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (tháng 7/1954).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, năm 1957, chính quyền



Sài Gòn tổ chức tỉnh Biên Hòa gồm có 4 quận: Châu Thành, Long Thành, Tân Uyên, Dĩ An, có 11 tổng, gần giống tổ chức trước đó của thực dân Pháp.

Năm 1963, chính quyền Sài Gòn lập quận Công Thành (gồm các xã thuộc quận Châu Thành và Tân Uyên). Ngày 22/3/1963, tổ chức quận Châu Thành thành quận Đức Tu gồm các xã: Bình Trước, Tam Hiệp, Bùi Tiêng (Tân Mai), Hiệp Hòa, Tân Vạn, Bửu Long, Tân Hạnh, Tân Ba, Long Bình và giữ đến tháng 4/1975.

Đối với cách mạng, từ 1954-1975, thị xã Biên Hòa là một đơn vị chiến trường tương đương huyện. Tháng 9/1965, thị xã Biên Hòa được Trung ương Cục tổ chức lại thành đơn vị ngang cấp tỉnh lấy phiên hiệu là U1 (U một) bao gồm địa bàn thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Đến tháng 10/1967, chuẩn bị cho cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, U1 được giao thêm huyện Trảng Bom (nay là huyện Thống Nhất và huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

Từ tháng 5/1971 đến tháng 8/1972, thị xã Biên Hòa trực thuộc phân khu 5 (phân khu Thủ Biên). Tháng 8/1972, Khu ủy miền Đông được lập lại, các phân khu giải thể để lập lại các tỉnh. Thị xã Biên Hòa là một đơn vị trực thuộc tỉnh Biên Hòa.

Đến tháng 6/1973, do tính chất quan trọng của vùng đô thị, Trung ương Cục miền Nam quyết định tách tỉnh Biên Hòa thành hai địa bàn chiến lược: Biên Hòa đô thị (gồm thị xã Biên Hòa và một số vùng phụ cận); các huyện còn lại trong tỉnh thuộc Biên Hòa nông thôn. Cũng từ đó, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành thành phố Biên Hòa cho đến ngày nay.

Tháng 1/1976, thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở một phần của tỉnh Biên Hòa xưa, tỉnh lỵ đặt tại thành phố Biên Hòa (đô thị loại 3), trực thuộc tỉnh Đồng Nai, gồm 11 phường: An Bình, Hòa Bình, Quang Vinh, Quyết Thắng, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tân Mai, Tân Tiến, Thanh Bình, Thống Nhất, Trung Dũng và 9 xã: Bửu Hòa, Bửu Long, Hiệp Hòa, Hóa An, Long Bình Tân, Tân Hạnh, Tân Phong, Tân Thành, Tân Vạn. Ngày 23/10/1978, chuyển 2 xã Hố Nai 1 và Hố Nai 2 thuộc

huyện Thống Nhất về thành phố Biên Hòa quản lý và đổi thành 2 phường, giữ nguyên tên (Hố Nai 1 và Hố Nai 2). Ngày 17/1/1984, chia phường Hố Nai 2 thành 2 phường: Tân Biên và Tân Hòa; hợp nhất 2 xã: Bửu Long và Tân Thành thành xã Tân Bửu; chuyển 2 xã Tân Phong và Tân Vạn thành 2 phường. Ngày 28/12/1984, chuyển xã Bửu Hòa thành phường Bửu Hòa. Ngày 8/6/1988, chia phường Tam Hòa thành 2 phường: Tam Hòa và Bình Đa. Ngày 10/5/1993, thành phố Biên Hòa được công nhận là đô thị loại 2. Ngày 29/8/1994, chuyển xã Tân Bửu thành phường Bửu Long; chuyển xã Long Bình Tân thành phường Long Bình Tân; chia phường Tam Hòa thành 2 phường: Tam Hòa và Long Bình; thành lập phường Tân Hiệp trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của các phường Tam Hòa, Tam Hiệp và Tân Tiến; chia phường Tân Phong thành 2 phường: Tân Phong và Trảng Dài. Năm 1996, đổi tên phường Hố Nai 1 thành phường Hố Nai.

Ngày 5/2/2010, thành phố Biên Hòa mở rộng địa giới hành chính và sáp nhập 4 xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước từ huyện Long Thành. Ngày 30/12/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2488/QĐ-TTg công nhận Biên Hòa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Như vậy tính đến thời điểm này, Biên Hòa là một trong 3 đô thị loại I ở khu vực Đông Nam Bộ, cùng với thành phố Vũng Tàu và Thủ Dầu Một.

Hiện nay, thành phố Biên Hòa có 30 đơn vị hành chính trực thuộc, trong đó gồm có 23 phường: An Bình, Bình Đa, Bửu Hòa, Bửu Long, Hòa Bình, Hố Nai, Long Bình, Long Bình Tân, Quang Vinh, Quyết Thắng, Tam Hòa, Tam Hiệp, Tân Biên, Tân Hòa, Tân Hiệp, Tân Mai, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Thanh Bình, Thống Nhất, Trảng Dài, Trung Dũng và 7 xã: An Hòa, Hóa An, Hiệp Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Tân Hạnh.

Theo Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 14/1/2015, của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai, đến năm 2020, thành lập thêm 4 phường thuộc thành phố Biên Hòa, gồm 4 phường: Long Tân (tách ra từ

phường Long Bình), Tân Long (sáp nhập một phần các phường Long Bình Tân, An Bình và Bình Đa), Bàu Hang (tách ra từ phường Tân Phong) và Hồ Cạn (tách ra từ phường Trảng Dài). Ngày 24/8/2018, Thường trực HĐND thành phố Biên Hòa tổ chức kỳ họp thứ 9 để thông qua các tờ trình về “Đề án thành lập thêm các phường trên địa bàn thành phố đến năm 2020”. Theo đó, sẽ thành lập 6 phường, trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, diện tích và dân số của 6 xã: An Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Phước Tân, Tam Phước và Tân Hạnh. Đề án của thành phố Biên Hòa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Vậy thành phố Biên Hòa trong tương lai có tất cả 34 đơn vị hành chính gồm 33 phường, 1 xã.

Thời điểm 2017, dân số thành phố Biên Hòa có 1.250.000 người, nguồn gốc từ tứ xứ; trong đó, dân tộc thiểu số có 2.648 hộ với 11.946 người chiếm tỷ lệ 1.09% gồm 19 dân tộc: Hoa, Tày, Khmer, Dao, Thái, Mường, Nùng, Chơ-ro, Giarai, H'Mông, Mạ, Thổ, Sán Chay, Sán Riu, S'Tiêng, Chăm, Êđê, Giáy, Cơh.

Đặc điểm dân cư thành phố Biên Hòa đa dạng là do đông đảo người dân từ mọi miền của đất nước di cư đến đây sinh sống lao động và làm việc. Về thành phần tôn giáo, bao gồm Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, Hồi giáo... Phần đông tín đồ Công giáo sống tập trung đông ở các khu vực Đông và Đông Bắc thành phố tạo nên nét đặc trưng tôn giáo nơi đây. Biên Hòa có tiềm năng to lớn về phát triển kinh tế với nền đất lý tưởng, khí hậu thuận lợi cho việc xây dựng phát triển công nghiệp, có nguồn tài nguyên khoáng sản với trữ lượng khai thác đáng kể, nhất là tài nguyên khoáng sản về vật liệu xây dựng, thuận lợi về nguồn cung cấp điện, có nguồn nước dồi dào đủ cung cấp nhu cầu sản xuất và sinh hoạt (sông Đồng Nai), ngoài ra nguồn nhân lực với trình độ cao đã tăng cường nguồn lực con người cho yêu cầu phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Về cơ cấu kinh tế, năm 2017 công nghiệp - xây dựng chiếm 64,08%; dịch vụ chiếm 35,84% và nông lâm nghiệp chiếm 0,08%.

Tính đến năm 2018, GDP/đầu người khoảng 4.500 USD. Thành phố Biên Hòa cũng là trung tâm công nghiệp quan trọng của cả nước. Biên Hòa có thế mạnh về công nghiệp và cũng là nơi đi tiên phong trong lĩnh vực công nghiệp đầu tiên của cả nước với việc hình thành sớm Khu kỹ nghệ Biên Hòa thời chế độ Sài Gòn, (năm 1963)<sup>(2)</sup>, sau giải phòng miền Nam 1975 phát triển thành Khu Công nghiệp Biên Hòa 1.

Trên địa bàn thành phố Biên Hòa hiện có 7 khu công nghiệp: Khu công nghiệp Biên Hòa 1/Bien Hoa I Industrial Zone 335 hécta, Khu công nghiệp Biên Hòa 2/Bien Hoa II Industrial Zone: 365 hécta, Khu công nghiệp Amata/Amata industrial park 674 hécta, Khu công nghiệp Loteco/The Long Binh Industrial Zone Development: 100 hécta, Khu công nghiệp Agtex Long Binh/Agtex Long Binh Industrial Park - AGTEX 28: 43 hécta, Khu công nghiệp Tam Phước/Tam Phuoc Industrial Park: 323 hécta. Bên cạnh ngành công nghiệp hiện đại, hiện thành phố đã quy hoạch và đang thực hiện nhiều cụm công nghiệp truyền thống, thủ công mỹ nghệ như: Cụm công nghiệp Gốm sứ Tân Hạnh: 32 hécta, Cụm công nghiệp Dốc 47 97 hécta, Cụm công nghiệp chế biến gỗ Tân Hòa: 39 hécta, Vùng thủ công mỹ nghệ đá Bửu Long, Vùng sản xuất gốm Tân Vạn, Bửu Long, Hiệp Hòa, Vùng sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất gồm Tân Hòa, Tân Biên.

Dịch vụ tài chính ngân hàng cũng là thế mạnh do nhu cầu của phát triển công nghiệp. Hằng năm tỷ trọng dịch vụ tài chính được nâng dần và thay thế cho công nghiệp, bước khởi đầu cho một thành phố phát triển của khu vực. Biên Hòa có hơn 39 hệ thống ngân hàng của các ngân hàng trong nước, đủ dạng loại, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, với hơn 51 chi nhánh (CN), 92 phòng giao dịch (PGD), 27 quỹ tiết kiệm (QTK), trên 300 máy ATM.

---

(2) Ngày 21/5/1963, chính quyền Sài Gòn ký sắc lệnh 49-KT thành lập Khu kỹ nghệ Biên Hòa do Công ty quốc gia khuyếch trương các khu kỹ nghệ (Sonadezi) quy hoạch.

Ngành thương mại cũng là điểm sáng trong phát triển kinh tế, với hệ thống Trung tâm thương mại, siêu thị lớn của Big C, Mega Market, Co.op Mart, Lotte, Vincom Plaza... cùng một số hệ thống siêu thị điện máy, nội thất lớn, cửa hàng điện tử, điện thoại máy tính có uy tín cũng có mặt tại đây. Ngoài ra, các chợ truyền thống cũng là nét đặc trưng nơi đây, nhiều chợ khá nổi tiếng như chợ Biên Hòa, chợ Tân Hiệp, chợ Long Bình...

Nền nông nghiệp hiện đại theo sự phát triển đô thị, với việc cung cấp rau xanh, sạch quy mô lớn cho thị trường thành phố Biên Hòa và lân cận. Hệ thống rừng phòng hộ tại thành phố 1 triệu dân này đang được chú trọng phát triển và bảo vệ vì đây là “lá phổi xanh” nằm rải rác ở phường Tân Biên và xã Phước Tân. Về thủy sản, thành phố cũng còn một vài phường xã ven sông có bè cá.

Biên Hòa là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước và là cửa ngõ quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thực tế, thành phố Biên Hòa đang là đầu mối giao thông rất quan trọng của cả nước, thuận tiện về giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy, có sân bay quân sự quan trọng (Sân bay Biên Hòa), tương lai gần tiếp cận Sân bay Quốc tế Long Thành. Ga đường sắt Biên Hòa là nhà ga truyền thống, điểm nhấn nổi tuyến đường sắt thống nhất Bắc - Nam. Trong quy hoạch vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh, Chính phủ chú trọng đến sự phát triển, kết nối đô thị Biên Hòa với các đô thị trong vùng, trọng điểm là kết nối với thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều dự án giao thông quan trọng đang dần được thực hiện.

Do là trung tâm của tỉnh và gần Thành phố Hồ Chí Minh, nên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của Đồng Nai hầu như đều nằm ở Biên Hòa (Đại học Đồng Nai, Đại học Lạc Hồng, Đại học Công nghệ Đồng Nai, Đại học Nguyễn Huệ; Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai, Cao đẳng Y tế Đồng Nai, Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai, Cao đẳng Công nghệ và quản trị Sonadezi, Cao đẳng nghề Số 8...).

Thành phố Biên Hòa có rất nhiều trường phổ thông, dân lập các cấp chất lượng cao, đầu ngành của tỉnh (Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh, Trường THPT Ngô Quyền, Trường THPT dân lập Lê Quý Đôn, Trường Tiểu học Nguyễn Du, Trường THCS Trần Hưng Đạo, Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm...).

Thành phố có 30 trạm y tế của 30 phường xã được xây dựng và trang bị khá hiện đại phục vụ nhân dân tại các phường xã trong thành phố và Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa với hơn 800 giường bệnh. Bên cạnh đó, một số bệnh viện lớn của nhà nước đã hình thành và phát triển như: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai 1400 giường, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất 1000 giường, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai 850 giường, Bệnh viện Đa khoa Biên Hòa 100 giường, Bệnh viện Y dược cổ truyền Đồng Nai 150 giường, Bệnh viện Da liễu Đồng Nai 100 giường, Bệnh viện phổi Đồng Nai 150 giường, Bệnh viện Đa khoa 7B 600 giường, Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 1.200 giường

Ngoài ra, có nhiều bệnh viện ngoài công lập đã hình thành và đang ngày càng phát triển. Trung tâm phòng dịch và hệ thống phòng bệnh trên địa bàn thành phố cũng được đầu tư đáp ứng yêu cầu phòng bệnh trên địa bàn tỉnh.

Thành phố Biên Hòa có nhiều di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh: Chùa Ông, Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác, Chùa Long Thiền, Đình Bình Quan, Đình Bình Quới, Chợ Biên Hòa, Đình Tân Lân, Chùa Bửu Phong, khu Danh thắng Bửu Long, Thành kèn Biên Hòa, Đền Hùng Vương phường Bình Đa...

Với thực tế và tiềm năng, thành phố Biên Hòa đang được định hướng phát triển là đô thị trung tâm của các đô thị tương lai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đồng thời là đô thị vệ tinh của Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Biên Hòa đã và đang phát triển trên cơ sở truyền thống đấu tranh cách mạng trong kháng chiến chống quân xâm lược, cùng cả nước giành lấy độc lập, tự do, hoàn bình, thống nhất cho dân tộc. Nhân dân Biên Hòa có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm.

Trước khi có cách mạng, khi thực dân Pháp chiếm Biên Hòa, triều đình Nguyễn đầu hàng nhân dân Biên Hòa hưởng ứng cờ khởi nghĩa của Trương Định. Đầu thế kỷ XX, xuất hiện nhiều phong trào hội kín chống Pháp, trong đó có hội kín do Đoàn Văn Cự chỉ huy, kiên cường đánh pháp, cùng 16 nghĩa sĩ hy sinh 1905; hội kín Trại Lâm Trung của những người yêu nước, năm 1916, vũ trang, giải phóng tù nhân, 9 người bị xử tử ở Dốc Sỏi... Phong trào của sĩ phu yêu nước khởi nghĩa vũ trang đến đầu thế kỷ XX thất bại do thiếu chính đảng lãnh đạo. Phong trào đấu tranh của công nhân bắt đầu.

Phong trào công nhân đấu tranh ở Biên Hòa bắt đầu từ đầu thế kỷ XX. Nhân tố cách mạng ở Biên Hòa khởi động từ khi xuất hiện bộ phận công nhân các tuyến đường bộ, đường sắt, bắc qua các sông rạch trên tuyến sông Đồng Nai, Nhà máy cưa xẻ gỗ do Blondel xây dựng ở làng Tân Mai năm 1898, Công ty Biên Hòa kỹ nghệ lâm sản (BIF) 1907... Phong trào công nhân Biên Hòa nhen được ngọn lửa đấu tranh chống áp bức bóc lột của phong kiến, thực dân nhưng do tự phát nên chưa thành công. Đến khi có lý tưởng cách mạng do Đảng Cộng sản khởi xướng, truyền thống đấu tranh cả nước nói chung, ở Biên Hòa nói riêng mới có sức mạnh giải phóng dân tộc, giành độc lập. Từ năm 1929, một số hạt nhân cách mạng (các đồng chí Ngô Gia Tự, Châu Văn Liêm, Nguyễn Xuân Cừ, Nguyễn Đức Văn, Trần Thị Đây, Lê Quang Sung)... bí mật về hoạt động, tổ chức mạng lưới cơ sở Đảng ở Biên Hòa. Ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng (thuộc tỉnh Biên Hòa) tác động trực tiếp đến trung tâm Biên Hòa. Ở thị xã Biên Hòa, trong cao trào cách mạng chung của cả nước, nhiều thanh niên trí thức tiên bộ đã nhanh chóng tiếp thu tư tưởng mới, ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Một số sớm giác ngộ đã đứng vào hàng ngũ của Đảng, làm người chiến sĩ tiên phong đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc như các đồng chí: Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước), Lưu Văn Việt (Tư Chà), Phạm Văn Khoai, Quách Tỷ, Quách Sanh, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Thuận.

Nhiều cơ sở cách mạng do Đảng lãnh đạo dần được xây dựng.

Đặc biệt, ở 2 cơ sở công nghiệp là Nhà máy cửa BIF và Đền pô xe lửa Dĩ An, mạng lưới cơ sở Đảng và phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân phát triển mạnh, các đồng chí Châu Văn Liêm, Phạm Hữu Lầu, Nguyễn Trọng Nhã được Đảng bố trí vào làm công nhân ở đây để xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, lãnh đạo công nhân đấu tranh. Tại nhà máy cửa BIF, tổ chức Công hội đỏ được thành lập, kết nạp được hàng chục công nhân cốt cán. Các đồng chí Nguyễn Trọng Nhã, Nguyễn Văn Hợp (quê Nghệ Tĩnh, thư ký hãng cửa)... bằng nhiều hình thức đã bí mật tuyên truyền giác ngộ cho anh em công nhân nhà máy cũng như một số thanh niên lao động, nông dân ở các xóm ấp lân cận như Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị...

Nhiều hoạt động cách mạng do cơ sở Đảng lãnh đạo thực hiện: Rải truyền đơn ở Tân Mai đêm 28/4/1930; đình công của toàn bộ công nhân hãng cửa BIF và Đền pô xe lửa Dĩ An nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930, tiếp tục tổ chức một số cuộc đình công rải truyền đơn ở nhà máy cửa BIF từ tháng 5 đến tháng 9/1930, đêm 2/7/1930 rải truyền đơn và treo cờ đỏ búa liềm trên tháp nước BIF để chào mừng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam... Năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa thành lập.

Từ năm 1935, Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên thành lập ở Bình Phước - Tân Triều khởi đầu vai trò lãnh đạo của Đảng ở Biên Hòa. Năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa thành lập. Từ đó, lòng dân Biên Hòa giác ngộ cách mạng, theo Đảng, một lòng đấu tranh dưới ngọn cờ của Đảng. Ngày 27/8/1945, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhân dân Biên Hòa đã đứng lên giành chính quyền thành công.

Trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng, trải qua hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân thành phố Biên Hòa tuy sống trong vùng địch kiểm soát, bị kìm kẹp nặng, vẫn một lòng hướng về cách mạng. Từ trong nội thành, nhân dân thành phố đã vận động quyên góp nhiều lương thực, thuốc men, hàng hóa cần thiết để chuyển ra các căn cứ kháng chiến Bình Đa, Hố Cạn, chiến khu Đ cho lực lượng kháng chiến. Bên trong nội ô, nhiều cơ sở cách mạng



đã theo dõi nắm tình hình địch, phục vụ cho lực lượng vũ trang giải phóng đánh vào các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự của địch. Trận tiến công tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2/1/1946, là trận đầu tiên ta tập kích vào một tỉnh lỵ ở miền Đông Nam Bộ. Trận La Ngà (1/3/1948), cơ sở quân báo trong thị xã cung cấp nhiều tin tức về địch, góp phần làm nên thắng lợi.

Trong thời kỳ chống Mỹ, quân dân thành phố Biên Hòa đã làm nên những dấu son trong lịch sử với những sự kiện tiêu biểu: Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (2/12/1956); trận diệt Mỹ đầu tiên ở Nhà Xanh (7/7/1959); trận pháo kích đầu tiên vào sân bay quân sự của địch ở Biên Hòa (31/10.1964); xây dựng “vành đai đánh Mỹ” để bám trụ và liên tục tiến công các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự như: Sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình (từ 1965-1975); thực hiện hai cuộc tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Xuân Kỷ Dậu 1969, và cuối cùng tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng thành phố, giải phóng miền Nam, cùng cả nước giành thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước.

Thành tích của Đảng bộ và quân dân Biên Hòa đã được Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số: 368/KT-CTN ngày 22/12/1994.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hiệp Hòa

Xã Hiệp Hòa<sup>(1)</sup> thuộc thành phố Biên Hòa còn gọi là Cù lao Phố, bốn bề sông nước vây quanh, cách trụ sở UBND thành phố Biên Hòa khoảng 2km theo đường chim bay.

Xã Hiệp Hòa rộng khoảng 6,6km<sup>2</sup> có tuyến đường sắt Bắc - Nam và băng qua mỏm phía Tây cù lao bởi 2 cầu Rạch Cát và cầu Ghềnh xây năm 1903 - nối đôi bờ sông Đồng Nai.

Năm 1859, Pháp đánh hạ thành Gia Định. Năm 1861, giặc tung bộ binh và thủy quân đánh lên Biên Hòa. Cù lao Phố nằm trên đường tiến quân của giặc nên trở thành điểm tựa chống giặc, cản trở làm chậm bước tiến quân của chúng. Sau nhiều ngày quyết chiến, liên quân Pháp - Tây Ban Nha mới chiếm được thành Biên Hòa. Năm 1879, Cù lao Phố từ 13 thôn được gom lại thành 3 làng: Nhứt Hòa, Nhị Hòa và Tam Hòa. Rồi đến năm 1928, 3 làng trên lại sáp nhập lại thành 1 làng có tên là Hiệp Hòa.

Trong 2 thời kỳ kháng chiến, một số người ở Hiệp Hòa đi thoát ly kháng chiến, một số tạm lánh đi nơi khác, nhưng cũng có nhiều người nơi khác đổ về vùng đến hoạt động hoặc tránh khỏi lửa chiến tranh đến đây làm ăn sinh sống. Tỷ lệ gia tăng cơ giới ở đây vào loại cao so nhiều địa phương khác.

---

(1) Nguồn: Báo tàng Đồng Nai, Lịch sử và văn hóa Cù lao Phố, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1997; Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Biên Hòa, Lịch sử Đảng bộ thành phố Biên Hòa, Nhà xuất bản Đồng Nai, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai, 1999.

Dưới ách đô hộ của thực dân - phong kiến, cũng như bao người dân các địa phương khác, người dân Hiệp Hòa phải chịu nỗi áp bức, bóc lột khi phải đóng tiền thuế đình và sưu dịch hà khắc. Mùa khô năm 1941 do bị ức hiếp, ông Ray rình chém Hương giáo Việt lúc sáng sớm ở Bình Tự, khi hắn đi xe đạp ngang qua.

Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ. Tại xã Hiệp Hòa, phong trào thanh niên nam nữ tham gia dân quân du kích diễn ra sôi nổi, nhất là tại các ấp Bình Hòa, Bình Quới, Bình Xương, Bình Kích. Mỗi ấp đều xây dựng được một tiểu đội dân quân tự vệ vừa tập luyện quân sự, vừa tuần tra bảo vệ xóm làng, vừa là lực lượng phát động các phong trào Tiêu thổ kháng chiến, tuần lễ vàng, tuần lễ bạc, phong trào xóa mù chữ, bình dân học vụ... Suốt đêm 24/8/1945, xã Hiệp Hòa do lực lượng cách mạng làm chủ.

Những ngày cuối tháng 10/1945, mấy ngày trước khi giặc Pháp lên Biên Hòa, Ủy ban Việt Minh quận rút về ấp Long Quới, xã Hiệp Hòa.

Sáng 25/10/1945, thực dân Pháp theo sau đoàn xe cơ giới của quân đồng minh Anh - Ấn, theo đường quốc lộ 1 vượt cầu Ghềnh, cầu Rạch Cát đánh chiếm thị xã Biên Hòa. Đội tự vệ xã Hiệp Hòa phục kích gần đường ray (quãng chùa Đại Giác) nổ súng vào đoàn xe thiết giáp đang tiến qua cầu Ghềnh. Địch dùng đại liên gắn trên xe thiết giáp bắn trả, buộc tự vệ phải rút lui. Thực dân Pháp chiếm thị xã Biên Hòa trong không khí vắng lặng, phần đông nhân dân tản cư ra ngoại ô để “chạy giặc”.

Cuối tháng 12/1945, Khu bộ khu 7 quyết định tổ chức trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Dân quân tự vệ xã Hiệp Hòa phối hợp làm nhiệm vụ giao liên, dẫn đường cho bộ đội tiến vào thị xã.

Ngày 25/1/1946 (nhằm ngày 23 tháng Chạp năm Ất Dậu), thực dân Pháp mở cuộc càn vào cù lao Hiệp Hòa. Tên đội Thịnh ở ấp Thành Hưng, làm tay sai từ ngày đầu Pháp trở lại) dẫn giặc Pháp luôn vào từng ấp xóm, bắt đi gần 100 đàn ông trong xã đưa về giam giữ ở khám đường Biên Hòa. Những người bị tình nghi Việt Minh

đều bị chúng đốt nhà. Chi bộ xã, Ủy ban và du kích xã Hiệp Hòa phải vượt sông Đổng Nai về đứng chân ở Bình Đa, An Hảo, Bến đò Kho (xã Tam Hiệp).

Ngày 19/12/1946, Trung ương Đảng đã ra chỉ thị Toàn quốc kháng chiến, nhân dân xã Hiệp Hòa được huy động phá đường quốc lộ. Công tác phá hoại diễn ra hết sức quyết liệt: Đêm ta phá, ngày địch sửa, ta lại phá... Vừa phá, vừa phải núp pháo địch từ bót Cây Đào, nhà máy cura BIF bắn xuống. Không ít cán bộ, nhân dân đã hy sinh trên mặt trận phá hoại này. Cơ sở mật bên trong luôn tìm cách và tạo thời cơ để lực lượng bên ngoài vào diệt địch.

Cuối năm 1947, xã Hiệp Hòa xây dựng được một tiểu đội du kích thoát ly và từ một tiểu đội đến một trung đội dân quân tự vệ làm nhiệm vụ diệt tề, trừ gian, bảo vệ nhân dân, trinh sát phối hợp các lực lượng vũ trang tỉnh quận, biệt động... đánh địch. Du kích xã cũng là nòng cốt trong phong trào phá hoại đường sá, cầu cống của địch ở địa phương.

Tháng 7/1948, quận Châu Thành được đổi tên thành huyện Vĩnh Cửu. Xã Hiệp Hòa lúc này thuộc huyện Vĩnh Cửu.

Từ cuối năm 1948, đầu năm 1949, tại xã Hiệp Hòa, bà Năm Hơn - cơ sở của cách mạng, có em rể là đội Diên coi một trung đội Treize deux ở gần trạm bơm máy cura đã được tuyên truyền giáo dục. Mỗi lần dẫn lính đi ruồng bố ở cù lao, anh Diên đều thông báo cho cơ sở ta biết trước. Bọn lính càn, bố bắt dân cù lao, anh đều thả ra. Sau này, do có kẻ xấu chỉ điểm, anh Diên bị địch điều về Bến Tre. Tại bót Thành Hưng, Chi bộ Hiệp Hòa xây dựng được 2 nội tuyến là anh Hai Lô và Ba Chắc.

Năm 1950, không triệt phá được chiến khu Bình Đa, địch chuyển sang đánh phá ác liệt các vùng ven thị xã, trong đó có Hiệp Hòa khiến bộ máy kháng chiến của xã phải phân tán, ly hương không bám lại được trong dân.

Tháng 5/1951, thành lập tỉnh Thủ Biên. Xã Hiệp Hòa lúc này thuộc thị xã Biên Hòa.

Ngày 6/3/1953, Hội nghị Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức tại chiến khu Đ có nêu chủ trương vũ trang tuyên truyền khôi phục cơ sở ở Hiệp Hòa, nối thông liên lạc với các xã hữu ngạn sông Đồng Nai của Đoàn 3.

Đêm 19/5/1953, tụy địch phòng thủ kiểm soát chặt các đường ra vào thị xã, 7 chiến sĩ biệt động từ Bình Đa qua sông Đồng Nai về ém quân ở Hiệp Hòa (vườn chùa Đại Phước). Cơ sở mật ấp Lân Thị đã dẫn đường để đội biệt động vượt rào thép gai, đặt mìn FT vào các bồn xăng. Do kỹ thuật mìn không nổ, trời lại gần sáng, 7 chiến sĩ biệt động đã hoá trang lính quân đội Sài Gòn đi tuần về, bất ngờ nổ súng diệt tên lính gác cổng, mở cửa cho tổ xung kích dùng bộc phá đánh thẳng vào kho xăng. 2 triệu lít xăng của địch bị đốt cháy.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ngày 20/7/1954, thực dân Pháp phải chấp nhận ký Hiệp định Genève kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình trên toàn cõi Đông Dương, tôn trọng độc lập và chủ quyền của Việt Nam.

Năm 1954, xã Hiệp Hòa tổ chức được chi bộ Đảng từ 10 đến 20 đảng viên, có mạng lưới cơ sở rộng khắp các ấp, xây dựng được nhiều lõi chính trị “thanh khiết”, là địa bàn bám trụ hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Thị ủy và Huyện ủy Vĩnh Cửu trong nhiều năm liền. Thực hiện chủ trương của Đảng, hầu hết cán bộ, đảng viên đều bám cơ sở sinh sống hợp pháp trong dân. Các tổ chức đoàn thể trong kháng chiến chống Pháp trước đây đều giải thể, chỉ còn lại tổ chức bí mật là Đoàn Thanh niên Lao động (gọi tắt là Đoàn Thanh lao) vẫn duy trì và phát triển. Các tổ chức biến tướng của quần chúng như: các hội ái hữu, các nghiệp đoàn, hội cày, hội cấy, hội nhà vàng, hội đá banh, hội chùa, hội miếu... được thành lập, hoạt động công khai nhằm tập hợp và giáo dục quần chúng, phát triển thực lực cách mạng, thay cho các đoàn thể trước đây.

Tết Ất Mùi năm 1955, Tết hoà bình đầu tiên, nhiều hình thức vui chơi như múa lân, đua thuyền, lễ đình, lễ miếu được tổ chức khắp các xã, ấp. Đặc biệt cuộc diễu hành rước cộ đèn mừng Tết hoà bình

của đồng bào Cù lao Phố thực sự trở thành một cuộc biểu dương lực lượng to lớn, thu hút hàng ngàn quần chúng nhân dân trong xã và các ấp lân cận tham gia. Sự kiện này tác động mạnh mẽ tư tưởng, tình cảm của bà con, khơi gợi tinh thần yêu cầu và lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Một bước trong âm mưu phá hoại Hiệp định Genève, ngày 4/3/1956, Mỹ và chế độ Sài Gòn đơn phương tổ chức bầu cử quốc hội bù nhìn. Tại xã Hiệp Hòa, nhân dân đấu tranh quyết liệt, bằng những lời lẽ đanh thép, các má, các chị đã chất vấn, vạch mặt chính quyền Sài Gòn tay sai, đòi địch phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử giữa hai miền.

Cuối năm 1956, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng đánh phá cách mạng, ban hành quốc sách “tố Cộng, diệt Cộng” trên toàn miền Nam. Xã Hiệp Hòa là khu vực bám trụ, nơi đặt các cơ quan đầu não cách mạng, đồng chí lãnh đạo của Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa. Dù địch khủng bố hết sức ác liệt nhưng các gia đình cơ sở ở ấp Đá Hàn, xã Hiệp Hòa như nhà anh Sơn, chị Bảy Lớn, Bảy Nhỏ, chị Hai... vẫn đào hầm bí mật che giấu, nuôi dưỡng cán bộ bám trụ hoạt động. Những lổm cấn cứ giữa lòng nhân dân ở Hiệp Hòa vẫn luôn tồn tại, biểu hiện mỗi gắn bó keo sơn, nghĩa tình của quần chúng nhân dân đối với Đảng, với cách mạng.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện chủ trương điều lắng do công tác chuẩn bị có phần sơ hở, thiếu sót, nên không ít cán bộ, đảng viên bị gián điệp, chỉ điểm phát hiện bắt bớ, chém giết, tù đày. Đầu năm 1955, các đồng chí ở chi bộ xã Hiệp Hòa tổ chức diệt 2 tên gián điệp của ty công an Biên Hòa đưa về xã để theo dõi tình hình, truy lùng cán bộ đảng viên.

Sau chiến dịch Trương Tấn Bửu từ ngày 24/4/1957 đến ngày 20/11/1958, địch mở chiến dịch Nguyễn Trãi tiếp tục bắt giết, bắt bớ, giam cầm hàng ngàn cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước. Tuy vậy, hàng chục gia đình ở xã Hiệp Hòa vẫn là cơ sở kiên trung của Đảng, là địa bàn bám trụ hoạt động của các đồng chí trong Tỉnh

ủy, Thị ủy Biên Hòa và Huyện ủy Vĩnh Cửu. Hàng trăm người má, người chị ngày đêm tận tụy với công tác cách mạng, đấu tranh gian khổ với kẻ thù để bảo vệ, nuôi dưỡng cán bộ, đảng viên, những người con ruột thịt của mình. Đặc biệt là các thiếu niên như: Tăng Kim Phận, Nguyễn Thị Phụng, Lê Văn Lộc (Tám Quang) và hàng chục thiếu niên khác ở xã Hiệp Hòa đã góp một phần không nhỏ công tác nuôi giấu cán bộ, tiếp tế, giao liên. Các vị sư sãi ở chùa Đại Giác đã giúp đỡ cán bộ xây hầm bí mật ngay trong khu lăng mộ của chùa để bám trụ hoạt động. Những tấm lòng son sắt kiên trung đó của nhân dân thị xã Biên Hòa đã giúp cán bộ, đảng viên giữ vững ý chí cách mạng, vượt quan bao thử thách hiểm nguy, tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh quyết liệt với kẻ thù.

Khoảng thời gian 1957-1958, thực lực cách mạng trong toàn tỉnh bị tổn thất nặng nề. Trong tình hình khó khăn phức tạp như vậy, việc ổn định tư tưởng, tạo dựng lại niềm tin trong quần chúng nhân dân là một vấn đề sống còn của cách mạng. Với quyết tâm cách mạng, tin tưởng tấm lòng sắt son của dân đối với Đảng, các đồng chí đã vượt qua những cam go, thử thách, từng bước gây dựng lại cơ sở, khôi phục phong trào. Đồng chí Nguyễn Đông Châu (Ba Cù) từ xã Hiệp Hòa bị địch đánh trái phải chạy qua Tân Vạn và sau đó đào hầm bí mật bám trụ ở khu vực Bàu Sáu, xã Hóa An. Hằng đêm bắt chấp địch phục kích ruộng bỏ, đồng chí vẫn tìm mọi cách luồn lách đến những gia đình cơ sở để móc nối trở lại, kiên trì thuyết phục, giáo dục bà con. Trước hành động kiên trung của đồng chí, quần chúng cơ sở đã lấy lại được niềm tin và tiếp tục nhận công tác cách mạng, nuôi giấu cán bộ hoạt động trong một thời gian dài.

Tháng 9/1960, tỉnh Thủ Biên được thành lập, xã Hiệp Hòa chuyển giao về thị xã Biên Hòa.

Tại Biên Hòa từ tháng 1/1962, Mỹ và chế độ Sài Gòn bắt đầu tiến hành triển khai thí điểm kế hoạch “bình định” lập “ấp chiến lược”. Tháng 5/1962, địch thực hiện đồng loạt trên địa bàn tỉnh, trong đó lấy xã Hiệp Hòa làm thí điểm thực hiện “quốc sách áp chiến lược”,

dự định biến xã này thành “xã kiêu mẫu”. Xã Hiệp Hòa lúc này nằm giữa vành đai dày đặc đồn bót lớn nhỏ của địch như: trại binh Trần Quốc Toàn, tinh đoàn bảo an, ty cảnh sát Biên Hòa... ngay giữa lòng bót Thành Hưng luôn có một trung đội lính địch chốt đóng. Chúng bỏ tiền kéo điện về, đưa các chuyên viên chăn nuôi và trồng trọt xuống, đầu tư vốn, giống, phân bón, máy móc... để phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân hồng mua chuộc lôi kéo bà con theo chúng.

Để thực hiện kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược, bọn tề xã quy định mỗi người dân phải đào một khúc hào dài 2m, gia đình nào cũng phải nộp chông tre, cọc rào, dây kẽm. Các trưởng ấp, trưởng khóm được phân công đôn đốc chịu trách nhiệm từng khu vực nhất định.

Các cơ sở mật ở xã Hiệp Hòa đã vận động nhân dân tìm mọi cách chống lại. Nhiều gia đình viện cớ do làm ăn, đau yếu, không đi làm. Số người bị thúc ép ra hiện trường thì làm qua loa, chiếu lệ. Con hào đào nham nhở suốt nhiều tháng không thành. Số chông tre, cọc rào gom lại cũng theo thời gian mục nát, thất thoát. Kế hoạch rào ấp chiến lược của địch bị bỏ dở, nhất là từ sau khi Diệm - Nhu bị giết (tháng 11/1963).

Xã Hiệp Hòa, một trong những chiếc nôi cách mạng của thị xã Biên Hòa từ cuối năm 1961 đến đầu năm 1962, đã có hơn chục người là đảng viên và cơ sở ra tù như: Bảy Hoa, Bảy Bê, Năm Cánh, Tám Bông, Tám Quang, Ba Tron, Chín Hùng, Ba Bảo, Năm Quắc, Ba Thụ, Tư Kiệt, Ba Rê... nhiều người trong số đó tiếp tục hoạt động và là những cán bộ, cơ sở cốt cán của thị xã sau này.

Ở những nơi mà địch “đánh hơi” được có cán bộ ta bám trụ hoạt động, chúng tăng cường bọn chỉ điểm mật thám tổ chức mạng lưới điệp báo ngầm để đánh phá phong trào cách mạng. Cơ sở mật sau nhiều ngày tháng theo dõi, nắm tình hình đã bí mật tổ chức diệt tên Buông - mật thám ở xã Hiệp Hòa.

Cùng với mũi đầu tranh vũ trang, trong phong trào đấu tranh chính trị, Chi bộ xã Hiệp Hòa còn vận động nhân dân làm đơn kiến nghị,



thu thập hơn 100 chữ ký gửi chính quyền Sài Gòn các cấp quận, tỉnh phản đối việc cai tống Cấm chiếm đất của nhân dân để lập “trại canh nông”. Trước sự kiên trì, đoàn kết đấu tranh của bà con, kế hoạch chiếm đất của chúng bị thất bại.

Thất bại trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ tiếp tục leo thang thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ. Để đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ kháng chiến, Tỉnh ủy tổ chức 4 cánh công tác. Trong đó, cánh CZ2 do đồng chí Năm Thắng phụ trách, lấy Khánh Vân (Tân Uyên) làm bàn đạp tiến vào các xã ngoại ô thị xã như: Bửu Long, Tân Thành, Hiệp Hòa và các khu phố 1, 4, 5. Năm 1964, đồng chí Đặng Văn Tron xây dựng cơ sở ở Hiệp Hòa. Hàng chục hầm bí mật được xây dựng trong nhà, ngoài vườn các cơ sở mật ở ấp Bình Quang của xã tạo điều kiện cho các đồng chí bám trụ xây dựng thực lực và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống khủng bố đòi quyền lợi thiết thân. Tiếp đó, Đoàn Thanh niên thị xã bố trí các đồng chí Nguyễn Thanh Tuyền (Năm Tuyền), Lê Văn Lộc (tức Tám Quang) về bám trụ ở Hiệp Hòa tạo bàn đạp xây dựng cơ sở trong giới thanh niên và học sinh mà điểm là Trường Trung học Ngô Quyền.

Trong chiến lược mùa khô lần thứ hai 1966-1967, Tỉnh ủy bố trí đồng chí Mười Bụng và nữ đồng chí Quý vào khu vực Hiệp Hòa, xây dựng được lõm chính trị liên hoàn gồm 40 gia đình ở các khóm Bình Kính, Thành Hưng, Tân Mỹ, Bình Tự, Bình Hòa, Long Quới, Bình Quang, Hòa Quới, Bình Xương với nhiều hầm bí mật, trong đó nhà má Lê Thị Sao có 8 hầm.

Chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, các đồng chí cấp ủy của xã Hiệp Hòa và nhiều cán bộ đều vào trong nội ô củng cố các cơ sở, truyền đạt nhiệm vụ chuẩn bị vào đợt, bố trí đoàn viên xung kích làm nhiệm vụ dẫn đường trinh sát cho quân chủ lực, chuẩn bị lương thực, vũ khí... Việc vận chuyển vũ khí đạn dược từ căn cứ bàn đạp Hưng Nghĩa vào nội ô được tiến hành khẩn trương. Chị Nguyễn Thị Hai (vợ anh Bảy Huệ) và chị Sáu Nhỏ

(Hương) vận chuyển được 4 đợt vũ khí, truyền đơn, khẩu hiệu vào phường An Bình, xã Hiệp Hòa. Các chuyến hàng phải tổ chức nghi trang nhiều cách để qua mắt địch như giấu trong các cần xé chở trái cây, trong các bao than củi... Đến tối 30/1/1968, vũ khí cất giấu dưới các hầm bí mật được chuyển lên lau chùi, phân phát cho đội vũ trang tuyên truyền, đội biệt động và tự vệ mật để chờ lệnh xuất phát. Giờ G ngày N thống nhất toàn Miền theo quy định mật của Bộ Chỉ huy Miền vào đêm 30 Tết Mậu Thân 1968. Tại xã Hiệp Hòa và các vùng ngoại ô khác, các cơ sở mật đã treo cờ Mặt trận, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân nhưng không phát động được quần chúng nổi dậy.

Trong đợt tiến công và nổi dậy đợt 2 Xuân Mậu Thân, vào tháng 4/1968, đồng chí Châu Văn Hoàng (Bảy Hoàng) - Trưởng Ban Giao liên công khai bố trí bà Bảy Ghe - giao liên công khai đưa đồng chí Năm Hoa vào thị xã, về bám trụ tại nhà má Đặng Thị Thơ ở xã Hiệp Hòa. Từ Hiệp Hòa, Bình Đa, đồng chí Năm Hoa triển khai nhiệm vụ của U ủy cho các chi bộ mật bên trong và ven thị xã.

Năm 1969, Đội biệt động thị xã sau khi hoàn thành một số công tác cũng đã vượt sông về bám trụ tại Cù lao Hiệp Hòa.

Cuối năm 1968 đến năm 1970, địch tăng cường bọn cán bộ bình định nông thôn, tình báo, thiên nga, phượng hoàng,... để theo dõi, rình mò, đánh phá cơ sở cách mạng ở xã Hiệp Hòa; sục sạo, xăm hầm bí mật tìm nơi ẩn của cán bộ ta; đẩy mạnh “quân sự hóa nhân dân” bằng tổ chức phòng vệ dân sự.

Thường vụ U1 giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tổ chức cho đội biệt động vào bám trụ xã Hiệp Hòa. Cùng với Chi bộ xã Hiệp Hòa, đồng chí Đặng Văn Tron (Mười Bụng) trực tiếp giáo dục, xây dựng được 40 gia đình ở ấp Bình Quang, đào được 40 hầm bí mật trong nhà, ngoài vườn, ngoài ranh tre... cho đội biệt động vào ở. Trong tình hình khó khăn, địch ruồng càn, lùng sục, đồng bào ấp Bình Quang vẫn đào hầm bí mật cho bộ đội, cán bộ vào bám trụ, thể hiện tấm lòng yêu nước nồng nàn, giác ngộ cách mạng rất cao. Đội biệt động được trang bị mạnh (AK, B40, B41, lựu đạn) đủ sức khi có lệnh là đánh

được ngay. Thường vụ U1 bố trí một đài vô tuyến điện do đồng chí Hiệp phụ trách, cơ yếu do đồng chí Sinh phụ trách, ở chung khu vực với biệt động, hàng ngày báo cáo tình hình nội thành về đề Thường vụ U1 kịp chỉ đạo. Ban ngày đội biệt động trú ẩn ở hầm, tối lên hoạt động vũ trang tuyên truyền diệt ác, trấn áp bọn phản cách mạng.

Sau Xuân Kỷ Dậu 1969, tên Tô Hoàng Thắng đội phó đội biệt động đầu hàng giặc vào ngày 20/4/1969, dẫn đường cho tiểu đoàn biệt động quân, bảo an, cảnh sát, dân vệ đánh vào Cù lao Phố. Lực lượng biệt động đánh trả quyết liệt, bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch suốt 1 ngày, diệt nhiều địch, nhưng bị thương vong khá nặng. Đồng chí Hiệp phụ trách đài vô tuyến điện, đồng chí Sinh cơ yếu cũng tham gia đánh địch quyết liệt đến viên đạn cuối cùng, phá hủy đài vô tuyến điện, đốt tài liệu và hy sinh anh dũng. Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Vân, Tỉnh ủy viên cùng ở chung hầm với biệt động, cùng tham gia đánh địch và hy sinh. Số cán bộ, chiến sĩ ở hầm khác lợi dụng sơ hở của địch thoát khỏi vòng vây của địch. Sau đó, địch bắt những bà con nhà có hầm bí mật tra tấn, đánh đập dã man, tù đày, nhưng tất cả đều giữ lòng yêu nước, không khuất phục kẻ thù, không khai báo gì cho địch.

Sau vụ đánh vào Hiệp Hòa, địch tăng cường ruồng rập, đánh phá vào các ấp ven xã Bình Trước. Chúng sử dụng bọn đầu hàng làm chỉ điểm, nhìn mặt cán bộ và số cơ sở của ta bị chúng bắt; tăng cường bọn tình báo, công an chìm theo dõi tìm kiếm cơ sở tại chỗ của ta.

Đến cuối năm 1969, lực lượng cách mạng ở Hiệp Hòa từng bước khôi phục lại. Thường vụ U ủy chỉ đạo chi bộ xã Hiệp Hòa và các đảng viên đơn tuyến phát huy tính chủ động xây dựng và phát triển cơ sở mật, dựa vào quần chúng, lãnh đạo quần chúng chống địch bắt lính, chống khủng bố, chống vợ vét hàng ngày, qua đó xây dựng cơ sở.

Ngày 19/5/1970, đồng chí Ba Tùng và Ba Quyết về bám trụ ở Hiệp Hòa. Từ Bình Đa, các đồng chí qua sông và bị bọn địch gác ở xóm Bình Xương của xã Hiệp Hòa phát hiện. 18 giờ cùng ngày, địch

tổ chức hành quân vào Cù lao Hiệp Hòa, lục soát khai được hầm bí mật, bắt đồng chí Ba Quyết. Cơ sở mật đã thông báo cho đồng chí Ba Tùng và đề nghị chuyển chỗ. Đến 23 giờ, bị địch tra tấn, Ba Quyết dẫn lính về khai hầm bí mật ở Hiệp Hòa, lấy được vũ khí cất giấu và nhiều truyền đơn.

Năm 1971, phong trào nhân dân chống bầu cử tổng thống chính quyền Sài Gòn diễn ra khá rộng. Các cơ sở mật ở Hiệp Hòa... hàng ngày gợi ý quần chúng bàn bạc vạch mặt, công khai lên án Nguyễn Văn Thiệu.

Năm 1972, nữ đảng viên Ba Xuân và ba chồng của đồng chí là cơ sở cách mạng ở Bình Chuẩn, do bị lộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một giới thiệu với Thị ủy Biên Hòa về ấp Bình Tự, Bình Xương thuộc xã Hiệp Hòa. Hai đồng chí đã xây dựng ấp Bình Xương thành lổm chính trị cách mạng; tổ chức được tổ quần chúng, nắm được đội phòng vệ dân sự, đưa được người của ta (anh Út) vào làm đội trưởng. Ban đêm đội phòng vệ dân sự đi canh gác, nhưng nội dung cơ sở ta lái vào việc bàn thời sự, giác ngộ chính trị, căm thù chế độ Sài Gòn và canh gác bảo vệ dân.

Năm 1973, xã Hiệp Hòa xây dựng được các chi bộ mật, tổ Đảng hoặc đảng viên hoạt động đơn tuyến. Lúc này, xã Hiệp Hòa có 3 lổm: ấp Bình Xương có 10 gia đình; ấp Bình Quang có 20 gia đình; ấp Đá Hàn có 10 gia đình.

Năm 1974, phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống càn quét... ở Hiệp Hòa diễn ra sôi nổi và liên tục. Ở xã Hiệp Hòa, địch chủ trương thành lập một trung đội nữ phòng vệ dân sự. Cơ sở ta hướng dẫn 3 chị em đang bị chúng cưỡng ép ghi tên vào tổ chức này cùng vận động các chị em khác nhất định không đi canh gác, kéo lên đấu tranh với bọn tề xã, phản đối chủ trương độc ác của chúng. Nhân dân Hiệp Hòa đoàn kết, tìm mọi cách bảo vệ thanh niên trốn lính và lính trốn. Bà con bàn bạc quyết tâm không cho địch bắt thanh niên đi lính để chết trận oan uổng. Trong tháng 4 và 5/1974, địch tổ chức 3 lần vây ráp nhưng chúng không bắt được một thanh niên nào. Phong trào

thanh niên trốn lính không để địch bắt lính được tổ chức canh gác, thông báo rất kịp thời. Trong đấu tranh chống bắt lính, ta biết tranh thủ binh sĩ địch đồng tình, làm hạn chế mức vây, ráp xã, ấp.

Trước tình hình quân đội Sài Gòn suy sụp nhanh chóng, chiều 31/3/1975, tại thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và quyết định tập trung toàn lực lượng để “giải phóng miền Nam trước mùa mưa”. Sáng 10/4/1975, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy làm việc với đồng chí Lê Thị Nãi, Thường vụ Thành ủy, Phạm Văn Tốt cán bộ Thành ủy tại nhà chị Tư Huyền (vợ đồng chí Chín Tỏ) tại Cù lao Phố để phổ biến Nghị quyết và giao nhiệm vụ xây dựng các Ủy ban khởi nghĩa xã.

Ở phía Đông thành phố, đêm 27/4, tiểu đoàn pháo đặc công 174 và 1 đại đội của Đoàn đặc công 113 bí mật đánh chiếm cầu Hang, cầu Ghềnh, cầu Mới, cắt đứt lộ 1, bảo vệ các cây cầu cho bộ đội chủ lực tiến quân về Sài Gòn.

Ngày 28/4, tại cầu Ghềnh và cầu Mới (Hóa An), đại đội 7 (tiểu đoàn 175) cùng một bộ phận của tiểu đoàn 3 đặc công chiến đấu kiên cường. Các đồng chí đã giành đi giật lại với địch suốt cả ngày ở 2 cầu này. Địch dùng trực thăng, giang thuyền, bộ binh phản kích rất ác liệt. Đại đội 7 chiếm được lô cốt ở cầu Ghềnh, treo cờ, bảo vệ cầu không cho địch phá sập.

Từ ngày 28 và 29/4/1975, lực lượng biệt động, Ban An ninh, Ban Công vận thành phố và các ngành được phân công từ hướng này phát triển vào chiếm Hiệp Hòa và một số khu vực khác. Đến 10 giờ sáng 30/4/1975, lực lượng bên trong nội ô, ngoại ô thành phố Biên Hòa đã giành được toàn bộ chính quyền của địch.

Với những thành tích trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hiệp Hòa đã vinh dự được phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1994.

## Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đồng Nai

Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đồng Nai<sup>(1)</sup> thành lập tháng 2/1976, với chức năng tham mưu cho Ban giám đốc Công an tỉnh đề ra chủ trương, kế hoạch, đồng thời tổ chức thực hiện và chỉ đạo lực lượng cảnh sát hình sự toàn tỉnh tiến hành các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm hình sự, bài trừ tệ nạn xã hội, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, thời gian qua, đơn vị đã lập được những chiến công xuất sắc.

Về công tác tham mưu, hướng dẫn và phòng ngừa tội phạm, Phòng Cảnh sát hình sự đã đề xuất kế hoạch đấu tranh, truy quét bọn tội phạm trộm cắp, cướp có vũ trang, hoạt động trên tuyến đường sông và vùng giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh, Sông Bé (cũ) và các tỉnh khác như Bình Thuận, Lâm Đồng, đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (cũ)...; lập hồ sơ theo dõi 17.218 đối tượng hình sự, phát hiện 815 nhóm đối tượng hình sự lớn nhỏ, trong đó, xử lý trước pháp luật 246 đối tượng, lập hồ sơ đưa đi cải tạo 459 đối tượng, cưỡng bức lao công 412 đối tượng; tập trung làm chuyển hóa cơ bản tình hình ở các địa điểm phức tạp về hình sự như bến xe khách, công viên, ngã ba Dốc Sỏi... Đặc biệt, đơn vị rất chú trọng đến công tác quản lý chặt

---

(1) Nguồn: Bộ Công an, Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Những đơn vị cá nhân anh hùng công an nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.

chẽ các đối tượng nhiều lần tái phạm, số đối tượng hoạt động chuyên nghiệp và các ổ nhóm lớn.

Về đấu tranh trấn áp tội phạm, đơn vị đã điều tra làm rõ 15.573 vụ án hình sự, bắt 21.232 đối tượng, trong đó có 17.486 đối tượng bắt trong các vụ án lớn, triệt phá 86 băng cướp, 27 băng cướp giật, 658 băng trộm, thu hồi 23 súng, 14 lựu đạn, 148 xe máy, 200 lượng vàng và nhiều tài sản khác. Điển hình là các vụ triệt phá vụ cướp giả trang công an dùng 2 súng ngắn, 3 lựu đạn khống chế nạn nhân cướp nhiều tài sản có giá trị. Sau 1 tháng điều tra, mai phục ở nhiều địa bàn phức tạp, các chiến sĩ cảnh sát hình sự đã bắt gọn băng cướp 17 đối tượng, làm rõ 16 vụ cướp do chúng gây ra.

Cuối năm 1985 đến đầu năm 1988, trên quốc lộ 51 thuộc các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé và Thành phố Hồ Chí Minh liên tiếp xảy ra các vụ cướp có vũ trang, các đối tượng rất manh động sẵn sàng nổ súng vào bất kỳ ai dám chống cự lại. Sau nhiều tháng bí mật mai phục, đơn vị đã bắt gọn băng cướp “Bông hồng trắng” gồm 5 đối tượng thu 3 súng, 3 xe máy và nhiều tang vật khác...

Tháng 11/1992, nhóm cướp 4 đối tượng dùng súng khống chế cướp toàn bộ số vàng của tiệm vàng Kim Mai và tiếp đó là tiệm vàng Kim Kha thuộc thành phố Biên Hòa, cướp đi 50 lượng vàng, 1 ngàn USD, 100 ngàn đồng; khi chủ nhà hô hoán chống cự, đã bị chúng bắn trọng thương. Chỉ trong vòng 30 tiếng đồng hồ, các chiến sĩ cảnh sát hình sự đã phát hiện bắt giữ 4 tên cướp thu 2 súng ngắn, 10 viên đạn...

Tháng 7/1994, sau 14 ngày đêm điều tra khẩn trương và phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh Sông Bé, Tây Ninh, Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh... đơn vị đã bắt gọn toàn cướp 5 tên do Nguyễn Quốc Đạt cầm đầu dùng súng khống chế cướp xe du lịch của một số cơ quan như Công ty Vinataxi, Bệnh viện đa khoa Quy Nhơn... thu hồi 4 xe ô tô du lịch và nhiều tài sản trị giá 2 tỷ đồng. Ngoài ra, đơn vị còn làm rõ 4 vụ cướp xe ô tô do băng cướp cực kỳ nguy hiểm của tên Nguyễn Mạnh Tiến - nguyên là cảnh sát hình sự Cần Thơ bị sa thải cầm đầu.

Từ năm 1986 đến năm 1995, Phòng Cảnh sát hình sự đã triệt phá hàng trăm ổ chứa, ổ tệ nạn hoạt động quy mô lớn, bắt 1.018 gái mại dâm, lập hồ sơ di cường bức lao động, chữa bệnh, học nghề... cũng như bắt gọn đường dây ghi số đề lớn ở huyện Long Thành, thu được 100 triệu đồng; giải quyết triệt để một số tụ điểm mại dâm lớn, phối hợp Công an Thành phố Hồ Chí Minh phá đường dây chuyên hoạt động bán dâm với người nước ngoài, triệt phá 3 đường dây buôn thuốc phiện... Tình hình trật tự an toàn xã hội của tỉnh đã có nhiều biến chuyển, nhiều mặt khá ổn định, đóng góp quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế ở một tỉnh công nghiệp.

Về công tác xây dựng lực lượng, đơn vị thường xuyên chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trình độ nghiệp vụ cho cán bộ chiến sĩ. Nội bộ đơn vị luôn đoàn kết thống nhất, được xếp loại chi bộ trong sạch vững mạnh, 9 năm liền đạt danh hiệu đơn vị Quyết thắng.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 2 bằng khen của Chính phủ, 2 bằng khen của Bộ, 8 năm liền nhận cờ luân lưu của Bộ và UBND tỉnh, 3 bằng khen của Trung ương Đoàn.

Đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 3/8/1995.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Hữu

Xã Phú Hữu<sup>(1)</sup> thuộc huyện Nhơn Trạch, nằm sát đoạn cuối của sông Đồng Nai, cách ngoại ô Thành phố Hồ Chí Minh một dòng sông. Do vị trí nằm cạnh kho bom Thành Tuy Hạ nên cả 2 thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ, xã Phú Hữu chịu chà xát nặng nề.

Diện tích của xã Phú Hữu khoảng 2.352 hécta, hầu hết là ruộng lúa nước. Dân số xã khoảng 13.200 người. Xã có phong trào cách mạng từ rất sớm. Đầu năm 1946 xã đã thành lập được chi bộ. Thời chống Pháp, địa bàn xã là cơ sở đóng quân của bộ đội Bình Xuyên. Thời chống Mỹ, địa bàn xã là cơ sở của Đoàn 10, bộ đội Nhà Bè, Thủ Đức.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân xã Phú Hữu đã tích cực đóng góp cho cách mạng về sức người lẫn sức của, về vật chất lẫn tinh thần. Cụ thể, toàn xã có 296 gia đình là cơ sở cách mạng. Đặc biệt gia đình má Hai ở Cầu Kê đã nuôi Đại đội 5 thuộc Đoàn 10 trong suốt 3 năm liền. Toàn xã có 250 mẹ tham gia hội mẹ chiến sĩ. Đồng bào trong xã Phú Hữu đã đóng góp được 6.500 tấn lúa để nuôi bộ đội cán bộ, mua 2,5 triệu đồng công trái phiếu. Toàn xã có 750 thanh niên lên đường nhập ngũ. Gần 300 thanh niên nam nữ tham gia lực lượng du kích địa phương.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo, Huyện ủy Nhơn Trạch.

Suốt 2 thời kỳ kháng chiến đồng bào, du kích địa phương đã kết hợp với bộ đội của trên tham gia đánh 537 trận diệt 1.068 tên địch trong đó có 136 tên lính Mỹ, diệt 36 tên ác ôn, thu 1.076 súng các loại, bắn chìm 1 tàu quân sự và 4 xuồng máy, bắn rơi 3 máy bay phá hủy 7 xe quân sự.

Trong công tác binh vận, có 43 lính đem súng về hàng cách mạng. Đồng bào trong xã Phú Hữu còn tổ chức gần 100 cuộc đấu tranh chính trị, tham gia 10 ngàn ngày công phục vụ cho chiến đấu.

Với những thành tích trong chiến đấu trong 2 thời kỳ kháng chiến, toàn xã Phú Hữu được cấp trên khen thưởng 42 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, 63 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, 78 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba, 17 Huân chương Chiến thắng, 68 Huân chương Chiến công, 35 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang.

Từ ngày hòa bình lập lại, đồng bào toàn xã đã tham gia lao động xây dựng cuộc sống mới trong các tập đoàn sản xuất.

Năm 1994, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Phú Hữu được Nhà nước phong tặng danh hiệu Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Công an thành phố Biên Hòa

Công an thành phố Biên Hòa<sup>(1)</sup> được thành lập từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975. Quân số hiện nay (đến năm 1995-NV) của đơn vị có 230 cán bộ, chiến sĩ được bố trí công tác tại 26 phường, xã, 8 ban, đội nghiệp vụ với 338 sĩ quan, 99,7% có trình độ nghiệp vụ đại học và trung học.

Từ năm 1986 đến nay, cán bộ chiến sĩ Công an thành phố Biên Hòa đã nỗ lực phấn đấu lập được nhiều thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đóng góp vào giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn thành phố.

Về công tác giữ gìn an ninh chính trị, đơn vị đã chủ động phối hợp lực lượng quân đội xây dựng thể trận an ninh quốc phòng, xây dựng phương án phòng chống biểu tình gây rối, đập tắt bạo loạn lật đổ, hằng năm có bổ sung hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, bố trí lực lượng an ninh ở các phường, xã theo tuyến và địa bàn trọng điểm, chủ động xây dựng chuyên đề quản lý Việt kiều và người nước ngoài. Tăng cường công tác nắm tình hình hoạt động của các liên doanh hợp tác đầu tư, viện trợ nhân đạo, tham quan du lịch nên đã kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý 8 đối tượng nhập cảnh trái phép, ngăn chặn 450 trường hợp xuất cảnh trái phép; nhập hồ sơ quản lý trên 9 ngàn người gốc

---

(1) Nguồn: Bộ Công an, Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Những đơn vị cá nhân anh hùng công an nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.

Biên Hòa hiện nay định cư ở nước ngoài; quản lý tạm trú 3.225 lượt người nước ngoài và Việt kiều nhập cảnh... Qua đó, phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả 8 đầu mối hoạt động móc nối của gián điệp liên quan đến an ninh quốc gia, đề xuất đưa vào kiểm tra nghiệp vụ những đối tượng này.

Đối với chức năng tham mưu, Công an thành phố Biên Hòa đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền có phương án bảo vệ an ninh kinh tế, chống nội gián, bảo đảm sản xuất kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước. Đồng thời đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực nội bộ, phối hợp với các ngành làm trong sạch nội bộ; giúp các công ty củng cố đội ngũ bảo vệ chuyên trách và hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng này. Do vậy, đã phát hiện và xử lý 47 vụ, bắt 55 tên xâm phạm các công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia. Đặc biệt lực lượng Công an thành phố Biên Hòa đã bảo vệ an toàn Đại hội Đảng các cấp và bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND, đề xuất thanh loại 88 người không đủ tiêu chuẩn ứng cử vào đại biểu HĐND các cấp.

Qua công tác tàng thư hồ sơ, Công an thành phố đã làm rất tốt công tác quản lý đối tượng là quân đội, công chức của chế độ Sài Gòn, các đối tượng tham gia các tổ chức phản động. Qua đó, làm rõ và xử lý 21 tên kích động đa nguyên đa đảng, truyền truyền chống đối chính quyền, vô hiệu hóa 20 đối tượng có liên quan đến các tổ chức phản động lưu vong ở nước ngoài, như các tổ chức: “Tân dân chủ”, “Liên minh hoàng gia Đại Việt”, “Mặt trận Việt Nam tự do”, “Đại đặc xá quốc tế”; đề xuất xử lý 96 vụ hoạt động tôn giáo trái phép, thu hồi 4 ngàn đầu sách và 2 ngàn kg tài liệu có nội dung phản động...; ngăn chặn kịp thời âm mưu chống phá của các lực lượng phản động đội lột tôn giáo. Điển hình như: vụ phát hiện lập hồ sơ vạch mặt 97 đối tượng liên quan đến tổ chức phản động tại Dòng Dòng công cứu chuộc (năm 1987); ngăn chặn kịp thời số linh mục, tu sĩ cực đoan lợi dụng việc Vatican phong thánh để kích động gây rối an ninh trật tự và đòi ưu sách với chính

quyền ở các vùng Công giáo (năm 1988); ngăn chặn giải quyết vụ linh mục Tước, linh mục Thái, chức sắc và một số người trong ban hành giáo xứ Thái Hiệp, xứ Bùi Hưng tổ chức trên 100 giáo dân gây rối trật tự công cộng.

Ngoài ra, công an thành phố còn phối hợp với các ngành giải quyết cơ bản những điểm nóng bức xúc về tranh chấp và mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, trong đó có 86 vụ mâu thuẫn tranh chấp đất đai không để phát triển thành điểm nóng phức tạp.

Về công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội, Công an thành phố Biên Hòa đề xuất với Thành ủy Biên Hòa thành lập Ban Chỉ đạo chống tham nhũng và tiêu cực nội bộ, qua đấu tranh đã xử lý 409 vụ, thu hồi tài sản nhà nước trị giá hàng chục tỷ đồng; đề xuất chủ trương và mở đợt tấn công truy quét tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, chuyên hóa được nhiều địa bàn phức tạp; đấu tranh làm rõ 5.260 vụ, bắt xử lý 6.128 tên, trong đó có 195 vụ trọng án, triệt phá 155 băng ổ nhóm lưu manh chuyên nghiệp; bóc gỡ 233 vụ mại dâm, ma túy, cờ bạc. Bên cạnh đó, đơn vị còn vận động được 258 đối tượng ra tự thú, lập hồ sơ đi tập trung cải tạo 899 đối tượng. Cán bộ, chiến sĩ trong toàn đơn vị đã không quản ngày đêm bám sát địa bàn, dũng cảm mưu trí cương quyết tấn công tội phạm, bảo vệ an toàn lực lượng và cuộc sống của nhân dân.

Trong phong trào phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đơn vị đã phát động được 3.021 đợt gồm 1.414.000 lượt người tham gia. Qua đó, quần chúng cung cấp 9.500 nguồn tin có giá trị, giúp đơn vị chủ động đấu tranh có hiệu quả với những hành vi phạm tội. Quần chúng cũng trực tiếp truy bắt giao công an xử lý 989 đối tượng phạm pháp, thu tài sản trị giá 1 tỷ đồng, thu gom giao nộp 228 khẩu súng và 2.032 quả lựu đạn.

Lực lượng công an đã tích cực phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động giúp đỡ 3.259 gia đình chính sách, hộ nghèo với tổng trị giá 1,5 tỷ đồng. Tổ chức hàng ngàn lớp học tình thương, giúp trên 600 người nghèo thất học thoát khỏi nạn mù chữ, đề

xuất giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn đối tượng...

Qua phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đã xuất hiện nhiều mô hình tiên tiến, được Bộ Nội vụ và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đánh giá cao, phổ biến nhân rộng trong toàn quốc. Đó là phường Quyết Thắng với phong trào vận động toàn dân tham gia quản lý, giáo dục người làm lỗi; phường Tân Hòa với công tác vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự tại vùng đạo giáo.

Về xây dựng lực lượng, trong những năm qua đơn vị 6 năm liền (1989-1994) đạt danh hiệu đơn vị Quyết Thắng, là lá cờ đầu trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc khối huyện thị thành, nhiều năm liền là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. 38 lượt đơn vị, cá nhân được Bộ Nội vụ, UBND tỉnh tặng bằng khen.

Đơn vị được phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân ngày 3/8/1995<sup>(2)</sup>.



---

(2) Có tài liệu khác ghi: 1985.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Nhơn Trạch

Huyện Nhơn Trạch<sup>(1)</sup> nằm phía Đông Nam tỉnh Đồng Nai, huyện có 12 xã với diện tích 39.947 héc-ta, dân số là 104.487 người, hầu hết là người Kinh (chiếm 99%).

Bao quanh phía Nam và Tây của huyện là hệ thống sông ngòi chằng chịt, theo kênh mương chạy dẫn vào đất liền tạo nên hệ thống giao thông đường thủy rất thuận lợi. Phía Bắc và Đông của huyện có tỉnh lộ 17, tỉnh lộ 25 và tỉnh lộ 19 nối thành đường tròn khép kín đi qua 10 xã, ôm trọn khu Lòng chảo, nối liền quốc lộ 51 nên giao thông đường bộ rất thuận lợi.

Huyện Nhơn Trạch được chọn để xây dựng căn cứ địa cách mạng vì có những đặc điểm sau:

Huyện tiếp giáp với Rừng Sác, bằng đường thủy, dễ dàng thông qua Quảng Xuyên - Cần Giò và ra biển cả. Rừng Sác là vị trí quan trọng về mặt quân sự của miền Đông Nam Bộ, ôm gọn sông Lòng Tàu, là “cuồng hòng” về đường thủy từ Sài Gòn ra khỏi hải phận quốc tế; là cửa ngõ của chiến khu Rừng Sác, là bàn đạp để tấn công kho xăng Nhà Bè của địch, cũng như đánh phá tàu địch từ biển vào.

Huyện Nhơn Trạch lại có khu Lòng chảo rộng 110 km<sup>2</sup>, là rừng Giồng với cây cối rậm rạp, chằng chịt, lợi thế cho việc đóng quân

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nhơn Trạch.

và thực hiện chiến tranh du kích. Nhơn Trạch lại áp sát Sài Gòn - cơ quan đầu não của địch cả 2 thời kỳ, là cửa ngõ đi vào Sài Gòn từ phía Đông Nam và trở thành bàn đạp cho lực lượng đặc công đánh vào sào huyệt địch. Nhiều xã trong huyện có đồi, gò cao, cây rừng bao phủ, thuận lợi cho việc phục kích theo dõi địch từ trên cao.

Đồng bào Nhơn Trạch hầu hết là dân thuần nông, vốn có truyền thống yêu nước. Từ thời Cần Vương, có nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, Trương Công Định về đóng ở rừng sác và được đồng bào giúp đỡ, bao bọc. Thời kỳ Pháp đô hộ, có phong trào Thiên Địa Hội hoạt động chống Tây và đã chọn Nhơn Trạch là nơi đóng quân. Được sự giúp đỡ, che chở và tham gia của người dân, Thiên Địa Hội đã tổ chức nổi dậy phá khám Sài Gòn vào năm 1916, diệt tên Tri phủ Trần Bá Hựu ở quận Long Thành diệt một số Tây Đuan, Tây Sở, cường hào, ác bá.

Thời kỳ tiền khởi nghĩa, huyện Nhơn Trạch sớm nhận ánh sáng của phong trào cách mạng; từ năm 1937, Xứ ủy Nam kỳ đã cử đảng viên về xây dựng cơ sở. Đến năm 1939 đã có những cơ sở Đảng ở xã Long Thọ, Phước An, Hiệp Phước. Từ chỗ thành lập các nghiệp đoàn, huyện tiến tới xây dựng phong trào Thanh niên Tiền Phong và thành lập Mặt trận Việt Minh - lực lượng nòng cốt cho ngày Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền 25/8/1945.

Về phía địch, từ năm 1939 giặc Pháp đã xây dựng kho bom Thành Tuy Hạ lớn nhất miền Nam, lập cầu cảng Tuy Hạ để tàu lớn ra vào. Từ năm 1955, Mỹ đưa Nhơn Trạch lên thành Yếu khu Tuy Hạ tăng lượng bom đạn gấp nhiều lần so với thời Pháp, xây sân bay dã chiến, bãi pháo 105 ly, quyết tâm đàn áp bằng được phong trào cách mạng Nhơn Trạch.

Mặc dầu vậy, trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đồng bào Nhơn Trạch vẫn giữ vững là căn cứ địa cách mạng suốt 30 năm, bảo vệ cơ sở Đảng an toàn giữ vững vị trí là bàn đạp để lực lượng cách mạng tấn công Sài Gòn, cơ quan đầu não của địch. Phong trào cách mạng ở Nhơn Trạch thực hiện phương châm Đảng với dân là



một, tổ chức chiến tranh toàn dân, toàn diện, đảm bảo đoàn kết toàn dân đánh bại cả Pháp và Mỹ cùng bọn lính chư hầu. Nhơn Trạch cũng là địa phương đóng góp lương thực - thực phẩm nhiều nhất tỉnh, tổ chức những trận đánh thắng lớn, làm phấn khởi lòng dân, làm cho địch hoang mang, góp phần chiến thắng trong cả nước. Cụ thể:

Giai đoạn năm 1945-1954, trong 9 năm kháng chiến chống Pháp quân dân Nhơn Trạch đánh trên 5.870 trận lớn nhỏ; diệt 1.076 tên địch (trong đó có 427 tên lính Pháp), diệt 103 tên ác ôn, phá hủy 13 xe quân sự (trong đó có 5 xe tăng), bắn chìm 2 tàu quân sự, 48 ghe thuyền máy; thu 1.504 khẩu súng các loại (trong đó có 1 đại liên, 37 trung tiểu liên, 34 khẩu col) và hàng ngàn tấn đạn, lựu đạn. Đồng bào Nhơn Trạch đóng góp hàng chục ngàn ngày công, tham gia phục vụ chiến trường như: chặt tre làm cọc, cắm kín cánh đồng Lớn, góp phần phá tan cuộc nhảy dù của giặc Pháp; đắp đập ngăn sông, phá cầu cống, ngăn tàu bè của địch trên đường sông; phá đường, đào hào làm hầm chông, đắp ụ ngăn xe cơ giới và góp phần chống càn; tham gia dân công hỏa tuyến phục vụ các chiến dịch, vận chuyển vũ khí, lương thực, đào hầm nuôi lực lượng quân đội chính quy. Huyện có 2.986 thanh niên tòng quân, bổ sung lực lượng quân đội chính quy, có 4.635 thanh niên, phụ nữ tham gia lực lượng du kích địa phương. Toàn huyện có 134 cán bộ, chiến sĩ tập kết ra Bắc, 1.452 gia đình là cơ sở tin cậy của cách mạng.

Về của, đồng bào góp 283 chỉ vàng, 15 tấn đồng và sắt chủ yếu là mâm, nồi, chậu, lư hương, chân đèn bằng đồng; ủng hộ 414 căn nhà để cơ quan có chỗ làm việc; ủng hộ 154 ghe thuyền, 158 xe bò và 12 cặp bò kéo để làm phương tiện chuyển vận, số lúa gạo ủng hộ cách mạng hàng chục ngàn tấn. Trong 9 năm kháng chiến, đồng bào đóng góp đầy đủ thuế nông nghiệp với số lượng hơn 120 ngàn giạ lúa. Phong trào Ủ gạo nuôi quân có 1.250 gia đình thực hiện đóng góp 1 kg gạo/tháng/hộ, tổng số gạo đã thu được 105 tấn.

Một số thành tích, trận đánh điển hình:

Ngày 27/10/1945, quân dân huyện Nhơn Trạch diệt 1 tiểu đội lính Nhật khi chúng càn vào xã Hiệp Phước.

Tháng 3/1946, lực lượng du kích xã Long Thọ bao vây, diệt tiếp viện, bức rút đồn Long Thọ. Cũng thời gian này, lực lượng du kích xã Phước An bao vây, đánh phá, buộc địch phải rút khỏi đồn Gò Cát.

Giai đoạn 1945-1946, lực lượng du kích của huyện đã đánh trên 200 trận, diệt 27 tên giặc Pháp, 153 ngụy quân, 9 tên ác ôn, 2 tên chỉ điểm, phá 2 đồn lớn, 13 chốt dân vệ, phá hủy 2 xe quân sự, thu 37 súng các loại, nhiều đạn và lựu đạn.

Từ cuối năm 1947-1954, địch phải co cụm lại, phòng thủ và bị đánh khắp nơi trên toàn huyện. Riêng đồng chí Nguyễn Kim Huy, du kích xã Long Tân, một mình đánh 67 trận, diệt 67 tên địch, bằng chiến thuật “bắn sể” nổi tiếng.

Năm 1947, lực lượng du kích liên thôn 12 qua công tác binh vận đã đánh úp đồn Phú Hội, bắt sống toàn bộ trung đội địch thu 27 súng các loại, nhiều đạn và lựu đạn. Năm 1948, du kích xã Phú Hữu phục kích chống càn, bẻ gãy cuộc càn, bắn chìm 2 ghe máy, 1 xuồng máy, diệt 23 tên giặc, thu 17 súng các loại; năm 1949, phá rã 4 hội đồng tề, bắt giáo dục 18 tên, diệt 6 tên ác ôn. Năm 1953, du kích xã Đại Phước phá chốt dân vệ tại tua Bến Ngự, diệt 3 tên, bắt sống 15 tên, thu 2 súng các loại.

Trận cầu Lò Rèn nổi tiếng trong toàn tỉnh diễn ra vào năm 1947, du kích địa phương phối hợp với lực lượng Bình Xuyên (Chi đội 3, Chi đội 4) và bộ đội Mai Văn Vĩnh phục kích tại cầu Lò Rèn thuộc xã Long Thọ, tiêu diệt gọn 1 đại đội Âu Phi khi bọn chúng càn về hướng xã Phước An, thu toàn bộ vũ khí, trong đó 3 khẩu trung liên và 1 súng cối 60 ly.

Trận đánh tại ngã ba Long Điền trong năm 1948 làm địch khiếp sợ, đồng bào trong huyện phấn khởi. Khi được tin giặc Pháp dùng 18 ghe thuyền máy chở gần 200 quân càn vào khu Long Điền, bộ đội địa phương, du kích liên thôn 12 cùng với C.2775 chủ lực Miền

phục kích, đón đánh phá tan cuộc càn, bắn chìm 12 ghe, diệt 36 tên, thu 32 súng các loại, trong đó có 2 khẩu trung liên.

Từ năm 1954-1975, trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ quân dân Nhơn Trạch đánh 7.560 trận lớn nhỏ, diệt 2.405 tên địch, trong đó có 423 tên lính Mỹ và Thái Lan, loại khỏi vòng chiến đấu 5.860 tên địch; phá hủy 96 xe quân sự, trong đó có 48 xe tăng, bắn chìm 13 tàu chiến, 64 ghe thuyền máy, bắn rơi 34 máy bay các loại, phá hủy 1.090 ngàn tấn bom đạn, thu hàng chục ngàn tấn vũ khí.

Về sức người, trong kháng chiến chống Mỹ, đồng bào Nhơn Trạch đóng góp hàng trăm ngàn ngày công phục vụ cho cách mạng như: đào địa đạo, giao thông hào, hầm chông, ô ụ chiến đấu, làm nhiệm vụ dân công hỏa tuyến vận chuyển vũ khí, lương thực - thực phẩm, cáng thương... phá ấp chiến lược, phá đường, cầu cống, ngăn sông. Toàn huyện có 3.520 thanh niên tòng quân nhập ngũ, xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam, 6.147 thanh niên - phụ nữ tham gia lực lượng chiến đấu ở địa phương, 1.825 gia đình đào hầm, nuôi giấu cán bộ.

Về sức của, đồng bào đóng góp hàng trăm ngàn tấn lương thực - thực phẩm để cung cấp cho bộ đội địa phương và bộ đội của trên về, mua hàng chục triệu đồng tiền công trái phiếu ủng hộ cách mạng.

Về công tác đấu tranh chính trị, trải qua thời kỳ chống Mỹ, đồng bào Nhơn Trạch tổ chức trên 400 lần đấu tranh với nhiều hình thức: tố cáo địch vi phạm Hiệp định về đình chiến; bắt phu, bắt lính, tố cáo địch giết hại dân thường, phá hoại hoa màu, tài sản, tố cáo âm mưu đồn dân lập ấp chiến lược, làm vành đai trắng, rải chất độc hóa học...

Những cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu trong giai đoạn này như:

Năm 1963: Địch rải chất độc hóa học, phá hủy trên 2 ngàn héc-ta ruộng lúa, hoa màu. Đồng bào đã làm kiến nghị, chụp hình để có tang chứng rồi lên Biên Hòa - Sài Gòn đấu tranh, đòi địch phải bồi

thường thiệt hại. Mỗi đoàn gần 200 người.

Năm 1964, địch ném bom giết hại 536 thường dân ở ngã ba Giồng Sấn<sup>(2)</sup>, hàng ngàn đồng bào đã kéo nhau lên Sài Gòn đấu tranh, tố cáo tội ác của địch đồng thời mời phóng viên chứng kiến, viết bài đăng báo. Ngày mở cửa mã của những nạn nhân xấu số bị địch giết hại, hàng chục ngàn đồng bào kéo về Giồng Sấn - nơi xảy ra thảm họa nhằm tố cáo tội ác kẻ thù, để tang những người bị giết hại.

Năm 1968, địch quyết tâm gom dân Xóm Hố (xã Phú Hội) vào áp chiến lược. Đồng bào kéo về quận lỵ đấu tranh; cử một đoàn về Sài Gòn gặp Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Cao Kỳ. Cuối cùng địch phải chấp nhận yêu cầu, không dám gom dân.

Cũng trong năm 1968, địch pháo kích làm chết 1 cụ già và 1 em nhỏ ở Phú Hội. Trên 200 người dân đã khiêng xác nạn nhân lên quận đấu tranh. Địch phải xin lỗi, bồi thường nhân mạng, tổ chức làm tang ma chôn cất. Đồng bào đi đưa ma rất đông để tố cáo tội ác kẻ thù.

Về công tác binh vận, huyện cài người vào làm nội ứng phá 2 đồn, 8 bót, 5 tua và 24 chốt phòng vệ dân sự. Qua công tác này đã phá rã 104 áp chiến lược và làm cho 1.642 tên lính ngụy bỏ súng với gia đình, một số đi theo cách mạng. Điển hình như ngày 01/11/1963, khi tướng lĩnh địch làm đảo chính giết Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm, tinh thần binh lính địch hoang mang. Qua công tác binh vận, tại Nhơn Trạch có 364 lính quân đội Sài Gòn bỏ súng trốn về gia đình. Năm 1975, khi được tin lực lượng cách mạng giải phóng Phước Long, Huế - Đà Nẵng, qua công tác binh vận, 760 lính quân đội Sài Gòn bỏ trốn về gia đình, một số xin theo cách mạng.

Một số thành tích, trận đánh điển hình trong kháng chiến chống Mỹ:

---

(2) Thuộc xã Phú Đông.

Giai đoạn từ 1954-1959, địch khủng bố đẫm máu, bắt bớ trả thù những người kháng chiến cũ. Đồng bào Nhơn Trạch đã tổ chức hơn 100 cuộc đấu tranh để đưa kiến nghị đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đấu tranh đòi chồng con bị địch bắt giam cầm, lợi dụng địch tổ chức “Tổ cộng” để tố cáo vạch mặt kẻ thù đã vi phạm Hiệp định Genève, tổ chức phá cuộc trưng cầu dân ý của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Tại xã Phú Hội, lực lượng Bình Xuyên rút về rừng Sác, Huyện ủy chỉ đạo dùng lực lượng Bình Xuyên để phá địch. Tháng 7/1955, địa phương sử dụng lực lượng Bình Xuyên bao vây lấy đồn Phước Thọ, bắt sống toàn bộ số dân vệ và vũ khí. Tại Phước Khánh, diệt tên Lạc, tên Thái là 2 tên cảnh sát ác ôn, thu 2 súng. Ngày 23/10/1955, từ Rạch Bảy đã bắn 10 trái cối 61 về khu vực bầu cử của chính quyền Ngô Đình Diệm tại Phước Lý; đồng bào lấy lý do không an toàn, không đến nơi bỏ phiếu. Tại Vĩnh Thanh, sau khi liên lạc được với người của ta cài vào trong đoàn di cư, đã vận động bà con đấu tranh đòi trở về miền Bắc. Tại Long Tân, một đội du kích lấy danh nghĩa Bình Xuyên diệt tên đại úy Cao Đài liên minh Lê Thành Kham.

Ngày Quốc khánh của Diệm bị pháo kích (cối 61) của ta đặt tại Long Thọ bắn về chi khu, diệt 2 lính, bị thương 5 tên, gây rối loạn. Khi lực lượng Bình Xuyên ở khu rừng sác bị quân đội của Ngô Đình Diệm tấn công, tan rã, huyện kịp thời vận động được một số chiến sĩ trở về với cách mạng, thu được 2 máy thông tin lớn, 4 khẩu cối 61, hàng chục tấn vũ khí.

Điểm hay của Nhơn Trạch là Huyện ủy đã phối hợp cùng Tỉnh ủy, Ban binh vận Xứ vận động tiểu đoàn 3 Bình Xuyên do Võ Văn Môn “ly khai” chế độ Ngô Đình Diệm, kéo về Rừng Sác đến Chiến khu Đ và sau đó chuyển hóa thành lực lượng võ trang giải phóng.

Ở giai đoạn này, quân dân Nhơn Trạch đã vô hiệu hóa toàn bộ âm mưu của địch khi chúng xây dựng chế độ độc tài trên mảnh đất Nhơn Trạch; người dân Nhơn Trạch dù trong hoàn cảnh khó khăn

vẫn giữ được tấm lòng son sắt với Đảng, với cách mạng.

Giai đoạn 1960-1964, mở đầu phong trào Đồng Khởi, dân và quân Nhơn Trạch đã diệt 19 tên ác ôn ở các xã, điển hình là diệt tên Mười Hiếm tại Phước An, phá rã 6 hội đồng tề, bắt giam giáo dục trên 30 đối tượng. Sau đợt truy quét, bọn ác ôn tối không dám về xã, bọn tề xã sợ hãi bỏ trốn về Biên Hòa, Sài Gòn. Tại Phước Khánh, 23 dân vệ đã mang súng ra đầu thú, tự nguyện tham gia lực lượng cách mạng. Nhiều tên ngụy quyền bắn tin ra xin cách mạng tha chết, cần gì thì giúp ngay. Năm 1961, dựa vào hệ thống địa đạo, du kích Phước An đánh tan cuộc càn của địch, diệt 2 xe tăng, bắn rơi một trực thăng, diệt 21 tên. Tại Long Thọ, thông qua công tác binh vận, huyện cài người làm nội ứng phối hợp du kích Long Thọ đã phá đồn Long Thọ, diệt gọn trung đội dân vệ thu toàn bộ vũ khí. Tại Phước An, để phá âm mưu xây dựng khu trù mật Hang Nai của địch, huyện chỉ đạo phải phá băng được đồn Gò Cát, tiến tới bao vây khu trù mật, bắn tỉa diệt lính bảo vệ, tổ chức quần chúng giữ đất không cho khai phá, vận động những người đến bỏ về. Kết quả, địch thất bại trong âm mưu này.

Năm 1963, du kích Phước An kết hợp với lực lượng C.240 (tỉnh Biên Hòa) chặn đánh một đại đội lính bảo an, diệt 45 tên, bị thương 15 tên; thu 16 súng, 1 col, 1 khẩu M.79. Trong năm 1963-1964, quân dân Nhơn Trạch phá rã 104 ấp chiến lược. Ở xã Phước Thiện, địch phải làm đi làm lại ấp chiến lược tới 7 lần, xã Phú Hội tới 5 lần, xã Phú Hữu - Đại Phước làm tới 8 lần. Không xã nào trong huyện, ấp chiến lược mà địch xây dựng tồn tại được 1 tháng.

Năm 1964, du kích Long Thọ kết hợp với C.240 chặn đánh bọn dân vệ tại khu Miếu Mặt trăng diệt 27 tên thu 27 súng nhiều đạn và lựu đạn. Năm 1965, du kích xã Long Tân kết hợp C.240 chặn đánh bọn bảo an đi mở đường, diệt 23 tên, đốt 2 xe quân sự và thu 24 súng. Trong giai đoạn này, quân dân Nhơn Trạch phá tan âm mưu xây dựng ấp chiến lược, xây dựng khu trù mật Hang Nai của địch, xây dựng vững chắc khu an toàn Phước An, mở rộng vùng tự do,

xây dựng được nhiều “Lõm chính trị”, dồn địch vào thế bị động.

Giai đoạn 1965-1968, địch tiến hành chiến tranh cục bộ, quân viễn chinh, lính chư hầu ồ ạt đổ vào chiến trường Nhơn Trạch, tăng cường hỏa lực đánh phá phong trào cách mạng. Năm 1966, lực lượng C240 cùng du kích liên xã phá tan cuộc càn của Lữ đoàn dù 173 của Mỹ tại khu Lòng chảo, diệt tại trận 56 tên, đốt phá 3 xe quân sự, bắn rơi một máy bay lên thẳng. Ngày 27/1/1966 du kích liên xã, lực lượng C240 kết hợp với D.240 phá cuộc càn của Lữ đoàn 119 Thủy quân lục chiến Mỹ tại khu Hang Nai. Trận đánh kéo dài 7 ngày đêm, ta diệt 103 tên giặc, đốt phá 3 xe quân sự, bắn cháy 2 máy bay lên thẳng.

Năm 1967, du kích liên xã đã tấn công phá ấp Tân Sinh, Bến Sắn (xã Phước Thiện) khi địch vừa khánh thành. Ta diệt tại chỗ vợ chồng tên Quận trưởng Lê Kim Trọng và 1 cố vấn Mỹ, bắt sống 27 tên dân vệ thu toàn bộ vũ khí. Tháng 2/1967, du kích xã Phước Khánh phục kích, dựa vào ụ chiến đấu giao thông hào, đẩy lùi một cuộc càn của lính Mỹ, bắn chìm 2 ghe, diệt 13 tên.

Cũng trong năm 1967 du kích địa phương, bộ đội huyện cùng C240 của tỉnh và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 4 của Khu miền Đông<sup>(3)</sup> 800 của Miền phá tan cuộc càn của địch gồm 2 sư đoàn, kéo dài 11 ngày đêm, diệt 167 tên giặc, đốt phá 5 xe quân sự, bắn cháy 6 máy bay lên thẳng. Trận đánh diễn ra ngay trên địa đạo Phước An.

Năm 1968, du kích xã Phú Hữu kết hợp với Đoàn 10 đặc công Rừng Sác phá tan cuộc càn của lính Mỹ, bắn cháy 1 máy bay lên thẳng, bắn chìm 2 tàu bo bo diệt 7 lính Mỹ, bị thương 36 tên. Năm 1968, du kích xã Phước Khánh cùng lực lượng Đoàn 10 phá tan cuộc càn, bắn cháy 2 máy bay, 1 thuyền máy, diệt 38 tên địch, trong đó có 19 lính Mỹ. Tại Long Thọ, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 4 C240<sup>(4)</sup> 800 của Miền, D.240 của tỉnh cùng bộ đội, du kích địa phương

---

(3) Năm 1965, Tiểu đoàn 800 chuyển thành Tiểu đoàn 1, nòng cốt xây dựng Trung đoàn 4.

(4) D240 đến năm 1972 mới thành tiểu đoàn

đánh bót Vườn điều, tiêu diệt 105 tên giặc Thái, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Tuy nhiên trước đó, vào tháng 12/1967, ta thất bại hoàn toàn tại chốt Vườn điều. Hàng trăm bộ đội hy sinh sau này mới tìm được hài cốt.

Tổng kết trong giai đoạn này, quân dân Nhơn Trạch đối đầu với quân viễn chinh Mỹ và đã đánh thắng kẻ địch, bảo vệ chiến khu Phước An, giữ vững địa bàn huyện Nhơn Trạch là cơ sở, căn cứ địa cách mạng, góp phần chiến thắng vào cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968.

Giai đoạn 1969-1975 là thời kỳ căng thẳng nhất, địch dùng hơn 40 xe ủi, hàng trăm xe tăng, ủi trắng khu Lòng chảo. Trên không, địch dùng máy bay ném bom bắn phá. Dưới sông, hàng trăm tàu địch vây hãm. Quân dân Nhơn Trạch hạ quyết tâm: “Một tác không đi, một li không rời” quyết bám trụ đánh địch.

Ngày 8/5/1969, du kích xã Phú Hữu do đồng chí Nguyễn Quyết Chiến (Sáu Chiến) chỉ huy dùng lối đánh giặc công, diệt gọn Trung đội lính Mỹ đóng dã ngoại tại Vàm Ông Mai, thu 1 khẩu đại liên và 10 súng AR15. Tháng 12/1969, đồng chí Sáu Chiến lại cùng du kích xã Phú Hữu, diệt gọn trung đội lính Mỹ đóng tại Giồng Ông Đông, thu 2 khẩu trung liên và 1 hòm đạn. Tại xã Long Thọ, Anh hùng bắn sẻ Nguyễn Văn Vân là du kích xã từ năm 1965-1972 đã diệt 101 tên địch. Năm 1969, đồng chí Nguyễn Văn Thơi, du kích xã Phú Hữu dùng súng AK bắn rơi 1 máy bay Mỹ OH6.

Năm 1969, C240 của huyện được tăng cường hỏa lực, 1 khẩu DKZ 75 và 1 khẩu 12 li 7, diệt bót nhà mò Phú Mỹ, diệt 1 trung đội dân vệ, bắt sống 7 tên thu toàn bộ vũ khí.

Tháng 10/1969, du kích xã Phước Thiện phục kích, diệt gọn đội bình định áo đen gồm 8 tên, hóa trang bắn vào xe GMC bảo an, diệt tên đại úy thu 8 súng, 1 máy PR 25 và 1 máy chữ.

Ngày 14/4/1972, đội đặc công Miền cùng đội đặc công Nhơn Trạch đột nhập kho bom Thành Tuy Hạ phá hủy 75 ngàn tấn bom đạn, diệt 15 tên, bị thương 25 tên. Ngày 13/8/1972 tiếp tục đánh



kho bom Thành Tuy Hạ lần thứ 2 phá hủy 10.578 tấn bom đạn, đánh chìm 1 tàu, diệt 22 tên, bị thương 42 tên. Ngày 12/11/1972 tiếp tục đánh kho bom Thành Tuy Hạ lần thứ 3, bom nổ, lửa cháy 2 ngày đêm, phá hủy 50 ngàn tấn bom đạn. Ngày 13/12/1972, tiếp tục đánh kho bom Thành Tuy Hạ lần thứ tư, làm 80% khu kho bom bị phá hủy, 60% số bom đạn bị phá. Đây là chiến công lớn, đánh trúng “dạ dày” của địch.

Năm 1971, du kích địa phương cùng với trung đoàn 4 chống càn, diệt 2 đại đội bảo an, bắt sống tên Đại úy Tùng thu toàn bộ vũ khí và 2 máy thông tin PRC.25. Năm 1973, Đặc công Đoàn 10 cùng với đặc công huyện, từ Phước Khánh đã bí mật đột nhập kho xăng Nhà Bè, đốt cháy 85% số lượng xăng dầu, ngọn lửa cháy suốt 2 ngày đêm.

Từ năm 1968-1974, Đoàn 10 cùng lực lượng địa phương đã 28 lần đánh tàu giặc trên sông Sài Gòn và sông Lòng Tàu, đánh chìm 3 tàu chiến lớn của Mỹ gồm: chiếc HOSSIS trọng tải 10 ngàn tấn, chiếc EFFLO trọng tải 10 ngàn tấn, chiếc TOURIST ANAVAUS trọng tải 12 ngàn tấn.

Năm 1975, huyện Nhơn Trạch được chọn là một trong những hướng tiến về Sài Gòn, đồng bào phục vụ sư đoàn 325 (Quân đoàn 2) về lương thực - thực phẩm, giúp 100 ghe thuyền để đưa bộ đội qua sông Long Tàu; cùng bộ đội đưa pháo 130 ly lên đồi Bình Phú - Bình Tuy để bắn về Sài Gòn, không chế sân bay Tân Sơn Nhất góp phần vào chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tổng kết giai đoạn này: quân dân Nhơn Trạch đánh bại hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giữ vững là căn cứ địa cách mạng là bàn đạp để tấn công Sài Gòn, cơ quan đầu não của địch.

Giai đoạn 1975-1995, nét nổi bật trong 20 năm xây dựng và sản xuất của huyện là: đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, các ngành phát triển đều, đắp đường ra xã Phước Khánh, ngọt hóa đập Ông Kèo, đưa điện vào vùng sâu, vùng xa. Nâng cấp giao thông thủy bộ, xây cầu mới trên lộ 17, khai hoang 5 ngàn hécta, phục hóa

2.400 hécta, phát triển 500 hécta ao hồ để nuôi tôm, cá xuất khẩu...

Về khen thưởng, qua 2 thời kỳ kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ, quân dân Nhơn Trạch được Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam và Hội đồng Chính phủ tặng thưởng nhiều huân huy chương các loại, gồm: 302 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất; 334 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, 431 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba, 131 Huân chương Chiến thắng; 333 Huân chương Chiến công; 309 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang cùng nhiều bằng khen của tỉnh và quân khu.

Năm 1996, quân và dân huyện Nhơn Trạch được trao tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Quán

Định Quán<sup>(1)</sup> là một huyện miền núi nằm dọc theo tuyến quốc lộ 20, cách xa trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 80km và thành phố Hồ Chí Minh khoảng 110km, ở phía Bắc tỉnh Đồng Nai. Diện tích tự nhiên của huyện là 976,32 km<sup>2</sup> với dân số 194.340 người<sup>(2)</sup>. Phía Bắc và Đông Bắc giáp với huyện Tân Phú. Phía Nam giáp huyện Thống Nhất, thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc. Phía Đông giáp huyện Đức Linh (tỉnh Bình Thuận). Phía Tây giáp huyện Vĩnh Cửu và hồ Trị An. Huyện có con sông La Ngà là phụ lưu của sông Đồng Nai (phía tả ngạn) chảy qua, có hồ nước nhân tạo là hồ Trị An với 32.000 hécta nối với các huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Thống Nhất. Định Quán có địa hình gò đồi là chính, đất đỏ bazan phù hợp với nhiều loại cây lương thực, cây công nghiệp như: cà phê, hồ tiêu, mía, bắp, thuốc lá.

Có nhiều tài liệu ghi khác nhau về địa danh và lịch sử hành chính Định Quán, phổ biến là Định Quán bắt đầu được sử sách định danh từ 1836. Theo địa bạ triều Nguyễn, Định Quán là một thôn của tổng Bình Tuy, huyện Phước Bình, tỉnh Biên Hòa. Đến năm 1845 Định Quán vẫn thuộc tổng Bình Tuy huyện Phước Bình. Bản đồ ATLAS năm 1908 có ghi địa danh Định Quán. Năm 1899, tổng Bình Tuy

---

(1) Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Định Quán và Wikipedia.

(2) Theo số liệu điều tra dân số năm 2009.

nhập vào tỉnh Đồng Nai Thượng do Toàn Quyền Đông Dương lập. Năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ nhưng đến năm 1920 được tái lập. Đến năm 1924, địa chí tỉnh Biên Hòa do người Pháp viết có ghi tổng Bình Tuy gồm 7 làng: Định Quán, Cao Lang, Gia Canh, Thuận Tùng, Túc Trung, Vĩnh An. Từ năm 1945 - 1951 Định Quán thuộc huyện Xuân Lộc của tỉnh Biên Hòa. Ngày 24/4/1957, Định Quán trở thành một quận thuộc tỉnh Long Khánh do chính quyền Sài Gòn thành lập, gồm 2 tổng: Tà Lài, Bình Tuy. Ngày 29/6/1957 một phần quận Định Quán (bờ trái sông La Ngà) cắt chuyển vào tỉnh Bình Tuy (nay là huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận). Năm 1959, chế độ Diệm lập tỉnh Phước Thành, một phần quận Định Quán (bờ phải sông Đồng Nai) nhập vào tỉnh Phước Thành, tuy nhiên đến năm 1965, tỉnh Phước Thành giải thể, đất đai trả lại cho các tỉnh Biên Hòa, Bình Dương, Phước Long, Long Khánh như cũ. Cuối năm 1974, quận Định Quán gồm 4 xã: Định Quán, Đồng Hiệp, Phương Thọ, Chánh Hưng.

Về phía chính quyền cách mạng, tháng 5/1971, có sự thay đổi về tổ chức chiến trường, huyện Định Quán sát nhập cùng huyện Xuân Lộc thuộc phân khu Bà Rịa. Tháng 10 năm 1973, Trung ương Cục miền Nam lập tỉnh căn cứ Tân Phú gồm bốn huyện: Định Quán, Độc Lập, Tân Uyên, Phú Giáo. Đến tháng 10/1974, chuyển hai huyện Tân Uyên, Phú Giáo về tỉnh Thủ Dầu Một. Tỉnh Tân Phú còn lại hai huyện Định Quán và Độc Lập. Năm 1976, tỉnh Tân Phú chuyển thành huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (tỉnh mới thành lập do hợp nhất 3 tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy). Ngày 10 tháng 4 năm 1991 chia thành 2 huyện Tân Phú và Định Quán. Khi đó, huyện Định Quán gồm thị trấn Định Quán và 6 xã: Phú Cường, Phú Hoa, Phú Hòa, Phú Ngọc, Phú Túc, Suối Nho.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, địa giới huyện Định Quán có sự thay đổi điều chỉnh như sau: Chia xã Phú Hoa thành 3 xã: Phú Lợi, Phú Vinh, Phú Tân; chuyển giao ấp 7 có diện tích tự nhiên 1.369 hécta, nhân khẩu 2851 thuộc xã Phú Ngọc sang xã Phú Túc quản lý. Chia xã Phú Túc thành 3 xã mới: La Ngà, Túc Trung, Phú Túc; chia xã

Phú Ngọc thành 3 xã: xã Thanh Sơn, xã Ngọc Định, xã Phú Ngọc. Chuyển giao 2.712 hécta diện tích tự nhiên và 6.434 nhân khẩu của thị trấn Định Quán sang xã Phú Ngọc quản lý; Chia thị trấn Định Quán thành 2 đơn vị hành chính: xã Gia Canh và thị trấn Định Quán.

Hiện nay, hệ thống hành chính Định Quán gồm 1 thị trấn và 13 xã: Gia Canh, La Ngà, Ngọc Định, Phú Cường, Phú Hòa, Phú Lợi, Phú Ngọc, Phú Tân, Phú Túc, Phú Vinh, Suối Nho, Thanh Sơn, Túc Trung.

Dân cư Định Quán gồm nhiều dân tộc sinh sống: Kinh, Thái, Hoa, Tày, Khmer, Chơ-ro, Chăm, Ê Đê, Sán Dìu, Châu Mạ, nhưng chủ yếu vẫn là dân tộc Kinh. Dân tộc Châu Mạ, Chơ-ro và S'tiêng được xác định là dân tộc bản địa ở nơi đây.

Truyền thống cách mạng của huyện Định Quán gắn liền với lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trên địa bàn Xuân Lộc, Định Quán bao gồm cả huyện Tân Phú.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, bắt đầu trang sử mới. Từ những phố chợ rải rác dọc quốc lộ 20 đến từng làng công nhân cao su, từng làng đồng bào Thượng trong rừng sâu đều bừng lên không khí mới: Độc lập và tự do. Ủy ban nhân dân cách mạng xã, Ủy ban công nhân đồn điền, các tổ chức mật trận đoàn thể được thành lập, hối hả bắt tay vào xây dựng xã hội mới. Tổ chức thanh niên tiên phong biến thành tổ chức vũ trang cách mạng. Các đội viên tự vệ chiến đấu ngày đêm ra sức luyện tập quân sự, tuần tra canh gác, giữ gìn thành quả cách mạng vừa giành được. Nhưng niềm vui cuộc sống mới chưa lâu, quân dân Định Quán cùng cả nước phải thực hiện cuộc chiến đấu mới: Chống thực dân Pháp xâm lược tái chiếm.

Sau khi chiếm thị xã Biên Hòa, ngày 30/10/1945, quân Pháp kéo lên chiếm đóng ngã ba Dầu Giây và từ đây chúng tiếp tục chiếm đánh thị xã Xuân Lộc. Tiếng súng kháng chiến của quân và dân Biên Hòa, Xuân Lộc vang dội đến lòng dân Định Quán. Thị trấn Xuân Lộc rơi vào tay quân xâm lược. Một số cán bộ đảng, chính quyền, mật trận Xuân Lộc (các đồng chí Ngô Ngọc Liên, Lê Văn Vận, Lê Tiến...) rút về Thọ Vực, lan tỏa đến các làng ven sông La Ngà xây

dựng căn cứ, tổ chức lực lượng kháng chiến. Một số đồng chí (Ba Xăng, Bảy Hùng, Bảy Hà...) len sâu vào các làng đồng bào dân tộc Chơ-ro, Châu Mạ, Stiêng vận động đồng bào tham gia chống Pháp.

Thực hiện lời kêu gọi kháng chiến của Hồ Chủ Tịch và Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, các tầng lớp nhân dân địa bàn Định Quán cùng với toàn tỉnh hăng hái tham gia hoạt động kháng chiến. Ấp Túc Trung gồm dăm chục nóc nhà dọc lộ 20 sớm thành lập các tổ chức cách mạng. Ủy ban kháng chiến áp được thành lập do Ba Trung làm Chủ tịch, Nguyễn Ngọc Kiển làm Phó Chủ tịch, Nguyễn Thị Xưa phụ trách phụ nữ kiêm Chủ tịch mặt trận Việt Minh. Tổ chức thanh niên Tiền phong áp củng cố thành đội vũ trang tự vệ khoảng 1 trung đội do Ba Trung và Nguyễn Ngọc Kiển chỉ huy. Hầu hết thanh niên trong ấp và đồn điền cao su Túc Trung đều tham gia đội tự vệ như Giang Văn Đây, Lê Văn Cơ, Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Văn Cả, Tư Vợ, Ba Vạn, Ba Thái, Năm Chính, Xoong, Toản, Xoa, Hữu, Cai Ty, Cai Kinh...

Sáng ngày 24/1/1946 quân Pháp bắt đầu tiến đánh những vị trí trên đường 20. Một trung đoàn xe thiết giáp vừa đi vừa hung hăng bắn pháo thông đường lên Đà Lạt. Cùng các lực lượng ở Võ Đông, Gia Tân, lực lượng tự vệ Túc Trung dùng ét xăng, bẫy đá, tên ná lợi dụng địa hình rừng rậm liên tục phục đánh. Từ ngã ba Dầu Giây lên đến sông La Ngà, cây rừng bị chặt đổ ngổn ngang trên mặt đường. Khí thế đánh giặc rất hăng hái. Nhiều tên địch ngồi trên xe trúng tên độc. Nhưng do quá chênh lệch về lực lượng và vũ khí, các chiến sĩ tự vệ chỉ quấy nhiễu chứ chưa ngăn được địch. Lần đầu tiên, cuộc chiến đấu ngăn chặn đoàn thiết giáp của địch trên lộ 20 đem lại niềm tin đánh giặc và thắng giặc của quân dân địa phương.

Hai tuần sau cuộc hành quân mở thông đường, giặc Pháp đưa lực lượng trở lại chiếm đóng những vị trí quan yếu như ngã ba Dầu Giây, Cây Gáo, Túc Trung, cầu La Ngà. Riêng đồn Túc Trung chúng đóng một tiểu đoàn lính Âu Phi có trang bị hai khẩu pháo 105 ly làm nhiệm vụ bảo vệ đồn điền cao su và đường giao thông. Từ các đồn,

quân địch tỏa ra lòng sục bắt bớ, bắn giết nhân dân quanh vùng, hỗ trợ đắc lực cho việc lập lại bộ máy cai trị ở các xã ấp. Những tên tay sai cũ nay thừa cơ góc đầu dậy cấu kết với địch ra sức áp bức, khủng bố nhân dân.

Trước tình hình đó, nhân dân và lực lượng tự vệ địa phương vừa khôn khéo đánh địch vừa củng cố gây dựng lực lượng chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Đồng bào Túc Trung thực hiện tiêu thổ kháng chiến, lực lượng tự vệ đốt nhà tên chủ và phó chủ sở đồn điền cao su, đồng bào tự tay đốt cháy nhà cửa, hàng quán của mình rồi rút vào rừng, lập rẫy, lập làng kháng chiến.

Tại Định Quán, cơ sở vận động được 2 người làm công trong quán cơm bà Nhung là Thắng và Sĩ báo tin và tiếp tế lương thực, thuốc men. Quán cơm trở thành nơi theo dõi nắm tình hình địch và điểm tiếp tế cho các đơn vị bộ đội hoạt động ở khu vực Định Quán. Nhiều cán bộ chiến sĩ của ta như Chín Sang, Tư Thiệt, Hưng... thường xuyên đến đây liên hệ. Nhiều khi, anh em bộ đội kéo ra quán cơm giữa buổi chiều. Tại đồn điền cao su Túc Trung, công nhân tháo máy móc lấy thùng đựng mũ, dao, chén nhôm gửi vào căn cứ xây dựng bình công xưởng. Các anh chị Hòa, Bốn, Lùng lấy mũ cao su gửi vào căn cứ để bộ đội đóng giày, làm xác cốt, dây nịt, chiết lấy dầu mỡ cho bộ đội làm nhiên liệu thắp sáng. Chị Hiểu thư ký sở lợi dụng cơ sở của chủ Tây, hàng tháng rút trong kho ra gạo, nước mắm, sữa, giày cao su, vải... cho cơ sở ấp chợ dùng xe bò chở vào căn cứ.

Bọn địch kiểm soát gắt gao. Nhiều gia đình cơ sở bị chúng phát hiện đánh đập bắn giết rất dã man. Trong đồn Túc Trung, địch tổ chức hẳn một ban chuyên làm nhiệm vụ theo dõi đánh phá các cơ sở trong dân và căn cứ. Ban này có Ký Tuyệt và cai Nhơn đặc biệt nguy hiểm. Chúng chỉ điểm, bắt bớ và giết người không ghê tay. Mặc dù vậy, phong trào đóng góp tiền của cho kháng chiến vẫn được giữ vững. Trong những năm 1946 - 1947, Túc Trung là một trong những cơ sở quan trọng cung cấp hậu cần cho các cơ quan và bộ đội huyện.

Cuối mùa mưa năm 1946, lần đầu tiên lực lượng vũ trang tổ chức

tiên công đồn địch, ấy là đồn Túc Trung. Một tiểu đội vũ trang của ban công tác Liên thôn do Xoong, Tùng chỉ huy bí mật bao vây xung quanh đồn phối hợp nội ứng, nổ súng tiến công, lính trong đồn đem 11 súng về căn cứ, theo cách mạng, sếp Tây trưởng đồn lui trốn, thoát chết.

Tháng 10/1947, trung đội 6 và trung đội 4 phối hợp với du kích tại chỗ tổ chức đánh bót cầu La Ngà, diệt và bắt sống toàn bộ trung đội địch, làm cho giao thông Sài Gòn - Đà Lạt bị tắc nghẽn một thời gian. Cuối năm 1947, tổ chức đánh bót cầu La Ngà lần thứ hai, tiêu diệt toàn bộ lính trong bót, tên Tây đen sếp bót thoát chết nhảy xuống sông trốn về Định Quán. Thắng lợi của hai trận đánh bót cầu La Ngà cuối năm 1947 là những trận diễn tập quan trọng cho chiến thắng La Ngà lịch sử vào năm sau.

Sau thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947, đầu năm 1948, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược, từ đánh nhanh giải quyết nhanh sang đánh kéo dài, quay trở lại bình định vùng đã chiếm đóng ở Nam Bộ, trong đó quốc lộ 20 trở thành một trong những con đường huyết mạch của địch. Trước tình hình đó, Khu ủy và Bộ chỉ huy khu 7 chủ trương tấn công vào hậu phương quân địch, cắt đứt những tuyến lộ giao thông của chúng. Thực hiện chủ trương trên, bộ chỉ huy chi đội 10 quyết định đánh một trận giao thông lớn trên quốc lộ 20, đoạn từ La Ngà đến Định Quán.

Từ tháng 11 năm 1947, việc điều nghiên, bố trí trận địa và chuẩn bị điều kiện cho trận đánh bắt đầu. Đến giữa tháng 2/1948, đã huy động được đủ số gạo cho 1.000 người ăn trong nửa tháng, trong đó đồng bào Túc Trung góp phần quan trọng trong vòng kiểm soát gặt gao của địch. Kế hoạch chuẩn bị cho trận đánh đã hoàn tất. Hạ tuần tháng 2, mật báo viên của ta từ Sài Gòn báo về: sẽ có một đoàn xe quân sự chở một số cán bộ cao cấp của địch từ Sài Gòn lên Đà Lạt dự hội nghị quân chính vào đầu tháng 3. Đêm 25 rạng sáng 26/2, Chi đội 10 và Liên quân 17 rời chiến khu Đ, hành quân về La Ngà. Các đơn vị vũ trang địa phương phối hợp cũng hành quân chiếm lĩnh trận địa.



Trận địa phục kích trải dài trên quãng La Ngà - Định Quán từ cây số 104 đến cây số 113, thành ba mặt trận A, B, C. Lực lượng vũ trang địa phương của Châu Thành, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú được giao nhiệm vụ đánh địch ở mặt trận A. Ngày 1/3/1948, từ sáng sớm, đoàn xe khoảng 70 chiếc bắt đầu khởi hành từ Sài Gòn. Đến đoạn đường từ Hồ Nai trở đi, chúng phải thường xuyên dừng lại dọn đường và bắn thị uy chống sự cản phá của du kích địa phương. Du kích Võ Đông, Túc Trung tổ chức thành từng nhóm nhỏ chốt dọc đường từ Dầu Giây lên La Ngà. Anh em lẩn cây ngăn đường, phục kích, bắn tia quấy nhiễu để đoàn xe vào trận địa đúng giờ dự kiến. Đến 15 giờ 20 phút, đoàn xe lọt vào trận địa. Trận đánh diễn ra đúng kế hoạch, tiêu hủy hoàn toàn 59 xe, diệt 25 sĩ quan Pháp, trong đó có đại tá Đờ-xê-ri-nhê (DeSeringé) chỉ huy lữ đoàn lê dương thứ 13 và đại tá Pa-ruýt (Parust) phó tham mưu trưởng thứ nhất quân viễn chinh Pháp ở Nam Đông Dương, trung úy Dép-fây (Joefrey) bị bắt sống, 150 tên lính lê dương hộ tống thiệt mạng.

Lực lượng vũ trang Định Quán cùng các đơn vị tham gia trận đánh đưa chiến lợi phẩm rút về căn cứ an toàn. Chiến thắng La Ngà gây một tiếng vang lớn trong cả nước, rúng động nước Pháp, sôi động thông tin Quốc tế. Qua đó, lực lượng Định Quán trưởng thành.

Giai đoạn 1949 - 1954, Định Quán tập trung nhiệm vụ giữ vững địa bàn và chuyên hướng thế trận phong trào sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Sau thảm bại La Ngà tháng 3/1948, địch tiến hành củng cố hệ thống kìm kẹp, tăng cường khủng bố, đàn áp và bóc lột nông dân, công nhân tại các xã ấp và đồn điền cao su dọc quốc lộ 20, tăng cường lực lượng cho các đồn bót đã có, đóng thêm nhiều tháp canh mới. Riêng bót Định Quán, số lính Sài Gòn lên đến một đại đội, thường xuyên có từ 2 đến 3 sĩ quan Pháp. Tại Túc Trung, ngoài lính thường trực ở đồn, chúng xây dựng thêm một đại đội lính BIF người Chơ-ro do 2 sĩ quan Pháp chỉ huy. Trong tháng 3/1948, bọn địch ở đồn Túc Trung càn quét liên tục 12 ngày đêm

từ Cây Gáo, Ruộng Nôm, Cây Xoài, Túc Trung lên Định Quán, thẳng tay đốt phá, bắn giết, nhiều cán bộ cơ sở lần lượt rơi vào tay địch, như các chị Xưa, Ngõ, Hai Tới, vợ chồng anh Nguyễn Văn Diệp - Điều Ly. Chúng đưa các chị hết nhà tù này sang nhà tù khác. Mặc dù bị đánh đập tra khảo rất dã man, các chị vẫn một mực trung thành với Đảng, kiên quyết không khai báo, đầu hàng.

Mùa thu năm 1948, Xứ ủy Nam Bộ đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh mọi mặt của cuộc kháng chiến, xây dựng và bảo vệ căn cứ, củng cố lực lượng vũ trang và các tổ chức đoàn thể, giữ vững địa bàn, chủ động kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đánh bại cán cuộc càn quét của địch.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, các lực lượng ở Định Quán thường xuyên phối bộ đội chủ lực tổ chức các cuộc tập kích đánh bót, phục kích các toán địch nhỏ lẻ thu nhiều chiến lợi phẩm. Phong trào công nhân ở đồn điền Túc Trung tạo nhiều chuyển biến mới. Nhiều hình thức đấu tranh với chủ sở diễn ra hiệu quả, các chủ sở, cai thầu đóng thuế ủng hộ kháng chiến. Chủ be, cai tổng Sang nhiều thế lực ở Định Quán cũng phải tham gia.

Trong hai năm 1949 - 1950, trong điều kiện bị địch ráo riết đánh phá và bao vây kinh tế ngặt nghèo, nhân dân và lực lượng vũ trang Định Quán vẫn vững tin ở sự lãnh đạo của Đảng, củng cố xây dựng các tổ chức kháng chiến đấu tranh chống càn quét khủng bố và bao vây kinh tế, xây dựng nền kinh tế kháng chiến tại địa phương, góp phần giữ vững thế giằng co chung trên chiến trường toàn tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, đội vũ trang tuyên truyền chia thành từng tổ công tác đi xuống các ấp xây dựng cơ sở, trừng trị những tên tay sai gian ác, địch nguy vận và cùng du kích tại chỗ chống càn. Đội đã phối hợp với du kích các ấp dọc quốc lộ 20 đánh địch càn quét lấn chiếm và chủ động tiến công tiêu hao địch. Cuối năm 1951, ta tiến công đồn Túc Trung diệt gần 30 tên, đại úy Baro - tên chỉ huy đồn không dám hống hách như trước nữa.

Bước sang năm 1953, thắng lợi liên tiếp trên chiến trường Nam

Bộ khiến giặc Pháp co cụm. Ngày 6/3/1953, hội nghị ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thủ Biên đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh du kích chiến tranh, đẩy mạnh công tác địch nguy vận và mở rộng vùng giải phóng, chủ động tiến công địch, góp phần vào thắng lợi chung. Chiến khu Đ được mở rộng tới Tà Lài. Bộ đội hành quân, vận tải thuận lợi trên các tuyến đường quan trọng. Ở lộ 20, du kích bung ra phá rối chặn đánh địch đi lại cả trong ban ngày, làm chủ tình hình vào ban đêm. Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Định Quán chung vui thắng lợi cùng cả nước.

Giai đoạn 1954 - 1975, Định Quán cùng Nam Bộ kháng chiến chống đế quốc Mỹ thay chân quân Pháp xâm lược. Chặng đường đầu 1954 - 1960 là chặng đường gian khổ đấu tranh chính trị, xây dựng lại lực lượng kháng chiến trong tình hình mới chống âm mưu, thủ đoạn mới.

Hiệp định vừa được ký kết, Tỉnh ủy Thủ Biên họp hội nghị bất thường nhận định tình hình, bàn biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị, nghiêm chỉnh thi hành hiệp định, chuyển quân tập kết, đồng thời bố trí lực lượng ở lại tiếp tục đấu tranh. Định Quán nằm trên tuyến đường chuyển quân tập kết từ các xã dọc quốc lộ 20 và hữu ngạn sông Đồng Nai về Hàm Tân, Xuyên Mộc. Nhân dân Định Quán lưu luyến tiễn quân, đưa 2 ngón tay hẹn gặp lại sau hai năm, không ngờ ly biệt đến hơn 20 năm.

Trong khi cách mạng nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, đế quốc Mỹ đã tâm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, hắt cẳng Pháp, dựng chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm, đưa phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ điều hành chế độ Việt Nam cộng hòa. Chúng ra sức huấn luyện, xây dựng bộ máy kèm kẹp tới các xóm ấp, đánh phá phong trào cách mạng, tiêu diệt cán bộ kháng chiến, làm tan ra cơ sở quần chúng cách mạng trong dân. Dọc quốc lộ 20, chúng thành lập 3 xã: Hòa Bình, Định Quán, Phương Lâm, khôi phục đồn điền Túc

Trung do công ty cao su Đông Nai (LCD) quản lý, tổ chức một tổng đoàn dân vệ chia thành các tiểu đội về đóng ở từng xã, đồn điền cao su và xóm ấp biệt lập, xây dựng các đồn bót với số lính được trang bị mạnh trên dọc quốc lộ và những điểm quan yếu về mặt quân sự như Túc Trung, Định Quán.

Tháng 1/1955, thực hiện nhiệm vụ của Xứ ủy, tỉnh Biên Hòa tách khỏi Thủ Biên. Đến giữa năm 1955, huyện ủy Xuân Lộc thành lập. Định Quán thuộc lãnh đạo của Huyện ủy Xuân Lộc. Từ năm 1955 trở đi, phong trào đấu tranh chính trị hợp pháp bắt đầu nhen nhóm và dần dần lan tỏa khắp đồn điền và các xã. Tại đồn điền Túc Trung, công nhân nhiều lần đấu tranh với tên chủ sở Giordani đòi tăng lương, giảm phần cây cạo, thực hiện các quyền dân sinh dân chủ. Ở Túc Trung, Định Quán, phong trào đấu tranh đòi địch thi hành hiệp định cũng diễn ra sôi động, đòi chính quyền không trả thù những người kháng chiến cũ, đòi bỏ lệ trình diện hàng ngày, đòi địch phải thực hiện hiệp thương hai miền chuẩn bị tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Đề chống trò hề ‘Trung cầu dân ý’ do Diệm tổ chức ngày 25/10/1955, đồng bào tẩy chay, không đi bỏ phiếu. Địch phải huy động dân vệ, công an đến từng nhà lừa bắt nhân dân đến hòm phiếu. Nhiều người đã bí mật xé phiếu hoặc gạch tên xóa tờ phiếu in ảnh Diệm.

Định Quán là vành đai của Chiến khu Đ, có nhiệm vụ xây dựng địa bàn trọng yếu của Chiến khu Đ ven quốc lộ 20. Giặc Mỹ Ngụy cũng xem Định Quán, Tân Phú là cửa ngõ của Chiến khu Đ nên tập trung đánh phá ác liệt.

Theo chỉ thị của Xứ ủy, khu vực các xã vùng Chiến khu Đ phải giữ vững địa bàn, tiếp tục thực hiện chức năng chức năng căn cứ địa của chiến khu, cần xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng hậu phương trực tiếp cho cuộc chiến đấu sắp tới. thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy, hàng loạt đơn vị vũ trang cách mạng của miền Đông được hình thành (Đại đội 60, đại đội 50, đại đội 70, đại đội 250). Đây là lực lượng chủ lực của quân dân miền Đông, tác động trực tiếp và

thường xuyên hỗ trợ, phối hợp với lực lượng vũ trang vùng Chiến khu Đ, trong đó có Định Quán.

Đầu năm 1960, Tỉnh ủy Biên Hòa họp mở rộng triển khai thực hiện nghị quyết 15 (tháng 1/1959) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nghị quyết của Xứ ủy. Tinh thần của nghị quyết đã thổi một luồng sinh khí mới vào phong trào cách mạng trên toàn tỉnh, đưa cuộc chiến tranh chống Mỹ Diệt chuyên sang một thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Khắp các xã Bình Hòa, Định Quán, Phương Lâm, đồn điền cao su, phong trào đấu tranh cách mạng đang bắt đầu có những chuyển động mới. Ở Túc Trung, tháng 2/1960, lực lượng cấp trên phối hợp với cơ sở địa phương rải truyền đơn, gõ thùng thiếc, rầm rập đi lại uy hiếp tinh thần địch. Bọn lính trong đồn nằm im không dám đối phó. Trong phong trào đồng khởi toàn miền Nam bắt đầu năm 1960, hoạt động nổi dậy phá kèm của nhân dân các xã đồn điền Túc Trung, Định Quán còn yếu, hiệu quả thấp, nhưng tinh thần đồng khởi lan tỏa mạnh mẽ trên địa bàn Định Quán, đánh dấu sự kết thúc một thời kỳ đen tối của cách mạng và mở đầu thời kỳ cách mạng chuyển sang thế tiến công.

Giai đoạn 1960 - 1965 là giai đoạn mở vùng, phát triển phong trào cách mạng ở Định Quán.

Cuối năm 1960, Ban cán sự huyện Xuân Lộc được chỉ định thành lập. Đầu năm 1961, hai đội vũ trang Bắc và Nam lộ 20 hợp nhất thành đơn vị vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc - Định Quán. Ngày 30/7/1960, lực lượng vũ trang miền Đông phối hợp địa phương tiến công đại đội 10 bảo an quân đội Sài Gòn tại Lý Lịch, tác động hừng khởi phong trào cách mạng ở Định Quán, Tân Phú. Nhận rõ tầm quan trọng của địa bàn chiến lược Xuân Lộc - Định Quán, cuối năm 1961, Khu ủy miền Đông cử đồng chí Phạm Lạc (Tu Lạc), nguyên đại đội trưởng đại đội La Nha, đã từng lăn lộn chiến đấu ở địa bàn này trong chín năm kháng chiến chống Pháp, trở về hoạt động lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Đến giữa năm 1962, phong trào cách mạng các xã dọc theo lộ 20 mới bắt đầu có những bước chuyển biến. Những hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kềm của bộ đội tỉnh Long Khánh và quân khu miền Đông khơi dậy khí thế cách mạng quanh vùng Xuân Lộc - Định Quán.

Trong lúc phong trào cách mạng đang được nhen nhóm gây dựng lại ở Định Quán, Mỹ và chế độ Sài Gòn bước vào thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Định Quán là một trong những quận “trọng điểm”. Các kế hoạch bố phòng, tăng quân, mở rộng đồn bót được ưu tiên để bảo vệ quốc lộ 20 huyết mạch từ Sài Gòn lên Đà Lạt, hàng chục cây số qua Định Quán. Trên địa bàn Định Quán, địch tung lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an, dân vệ liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn, khủng bố, bắt bớ, gom dân vào các ấp chiến lược (khoảng 31 ấp chiến lược trên địa bàn Định Quán).

Tháng 10/1962, đội vũ trang tỉnh do đồng chí Tư Lạc trực tiếp chỉ huy tiến hành điều nghiên đồn dân vệ ở xã Túc Trung, lập kế hoạch táo bạo, mượn một chiếc xe be của dân, chở bộ đội hóa trang lính bảo an, bất ngờ tấn công, bắt sống toàn bộ tiểu đội dân vệ, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Năm này, Ban cán sự tỉnh chủ trương chia Xuân Lộc - Định Quán thành 4 khu vực gọi là các H, Định Quán thuộc khu vực H2. Mỗi H ngoài số cán bộ chủ chốt còn có khoảng một trung đội võ trang. Lực lượng này làm nòng cốt để xây dựng mạng lưới cơ sở và du kích các xã.

Đầu năm 1963, tỉnh tăng cường một số cán bộ về Túc Trung hoạt động. Các đồng chí Sáu Vĩnh, Ma Lăng, Út Hồng, Sáu Biên, Ba Ngàn... thuộc bộ phận H2 chuyển căn cứ về khu vực Bàu Nước Sôi (Định Quán) để tạo bàn đạp hoạt động, vận động, xây dựng gia đình dân tộc ở Gia Canh, Cao Cang, Thuận Tùng thành cơ sở đặc lực, nhờ đó, trong một thời gian ngắn các đồng chí đã vận động thêm nhiều tân binh, xây dựng thành trung đội vũ trang làm nòng cốt cho phong trào địa phương.

Cùng thời gian này, du kích và nhân dân các xã huyện Định Quán (H2) đồng loạt nổi dậy diệt ác, phá kềm, phá banh các ấp chiến lược Thanh Giang, Thanh Bình, Phú Cát, Bàu Vòi... hình thành một vùng giải phóng rộng lớn từ bờ bắc sông Đồng Nai cho đến Cây Gáo, Túc Trung, Bàu Hàm (tiếp giáp với lộ 1 và lộ 20), mở ra tuyến hành lang thông suốt từ Chiến khu Đ về Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Khi chiến dịch Bình Giã bắt đầu (ngày 2/12/1964) quân dân Định Quán tham gia bằng nhiều hoạt động. Bộ đội huyện Định Quán cùng du kích các xã bao vây đồn bót địch ở Túc Trung, La Ngà, 110, Định Quán, quấy nhiễu vận chuyển quân sự của địch, tổ chức hàng chục đợt cuộc đột kích đánh bọn dân vệ, diệt ác ôn, phá ấp chiến lược. Trên tuyến quốc lộ 20, đồng bào đã mưu trí vượt sự kiểm soát của địch đưa vào căn cứ hàng chục tấn hàng gồm lương thực, thực phẩm, vải vóc, thuốc men... phục vụ chiến dịch Bình Giã. Hàng chục nam nữ thanh niên ở Xuân Lộc - Định Quán, phần lớn là con em đồng bào dân tộc Chơ-ro, Châu Mạ, S'tiêng hăng hái gia nhập các đoàn dân công vận tải vũ khí đạn dược, tải thương... Nhiều anh chị em đã trở thành chiến sĩ trinh sát, giao liên dũng cảm, đưa đón cán bộ, các đơn vị bộ đội vượt đồn bót giặc, qua lại lộ 20 đảm bảo bí mật an toàn.

Tham gia chiến dịch Đồng Xoài (đầu tháng 5/1965), bộ đội địa phương Định Quán và du kích các xã liên tiếp tổ chức phục kích, đột nhập, tập kích các đơn vị, các đồn bót của địch giành nhiều thắng lợi lớn ở khu vực Ba Sa, chi khu Định Quán. Ta hoàn toàn làm chủ quốc lộ 20, cắt đứt đường dây điện cao thế Đa Nhim, buộc địch phải lập cầu không vận Sài Gòn - Đà Lạt. Địch quyết tâm giải tỏa đường 20, ngày 15/5/1965 địch đưa lực lượng bộ binh có xe tăng cơ giới mở đường từ Long Khánh lên, lọt vào trận địa phục kích của trung đoàn 4, một tiểu đoàn biệt động quân và đại đội bảo an bị tiêu diệt, 26 xe quân sự gồm cả xe tăng, xe thiết giáp bị bắn cháy. Bộ Tư lệnh Miền đã tặng bộ chỉ huy trận đánh Huân chương quân công hạng Ba. Trung đoàn 4 và bộ đội địa phương H2 (Định Quán) được quân khu gửi điện khen.

Tháng 9/1965 (rằm tháng 8 âm lịch) bộ đội huyện kết hợp với du kích địa phương tiến công đại đội 623 bảo an đóng tại Túc Trung, diệt một tiểu đội, thu 23 súng các loại. Cùng thời gian này tại xã 110, đội võ trang H2 do đồng chí Sáu Vịnh trực tiếp chỉ huy đã tổ chức phục kích diệt được tên Trương Văn Phúc - trung úy đồn trưởng ác ôn, thường dẫn lính đi lùng sục bắt bớ, khủng bố nhân dân.

Cuối năm 1965, các xã Bến Nôm, Cây Gáo, Bảo Chánh, Bình Lộc, Trà Tân 1, Trà Tân 2, một số ấp ở phía nam lộ 20 cơ bản đã được giải phóng. Thực lực cách mạng bên trong và bên ngoài các xã ven quốc lộ 20 đã lớn mạnh. Ở Túc Trung, ngoài số cán bộ chủ chốt, cán bộ phong trào của xã, lực lượng du kích phát triển được hơn một tiểu đội. Mạng lưới cơ sở cốt cán bên trong được tổ chức xây dựng vững mạnh, bước đầu hình thành được các tổ hội mẹ chiến sĩ, các chi hội thanh niên, phụ nữ, nông dân trong các ấp. Ở thị trấn Định Quán chi bộ bên ngoài phát triển được 6 đảng viên do đồng chí Út Thiện phụ trách Bí thư. Đội biệt động thị trấn cũng được thành lập, đồng chí Phương được cử làm đội trưởng. Các chi bộ La Ngà, chi bộ cây số 116 cũng phát triển, mỗi nơi đều có từ một bán đội đến một tiểu đội du kích.

Đến cuối năm 1965, phong trào đấu tranh ba mũi chính trị, quân sự, binh vận của quân dân ở Định Quán lên cao. Hệ thống áp chiến lược kiên cố của địch dọc theo lộ 20 cơ bản bị phá rã. Các xã Túc Trung, La Ngà, 110, 116... mặc dầu chưa hoàn toàn giải phóng nhưng cơ bản ta làm chủ về ban đêm. Các hoạt động vũ trang tuyên truyền ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Giai đoạn 1965 - 1975 là giai đoạn 10 năm Định Quán phát triển, đánh bại các chiến dịch tìm diệt, bình định của địch, thắng lợi trong hoạt động xuân hè 1966, Mậu Thân 1968, góp phần tích cực trong chiến dịch Xuân 1975 tiến đến giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Từ năm 1966, Định Quán tạo nhiều chiến công trong đánh địch



tìm diệt và bình định, mở rộng cửa khẩu hậu cần nuôi quân. Ngày 5/5/1965. lữ đoàn dù 173 Mỹ đổ bộ vào Vũng Tàu rồi được chuyển về Biên Hòa. Tháng 9/1966, Mỹ đưa trung đoàn 11 thiết giáp lập căn cứ tại Suối Râm (lộ 2 - Xuân Lộc). Ở Định Quán, một đại đội lính Mỹ thuộc sư đoàn 199 đóng chốt ở đồi Lăng Xi (sát trung tâm quận lỵ). Từng cụm quân Mỹ đóng căn cứ dã ngoại dọc theo quốc lộ 20. Chúng thường xuyên phối hợp với quân đội Sài Gòn mở nhiều cuộc hành quân càn quét, đánh phá vùng giải phóng La Ngà, Định Quán, Phương Lâm.

Đầu năm 1966, Khu ủy miền Đông quyết định sát nhập hai tỉnh Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Huyện Định Quán thành lập trên cơ sở sát nhập H1 và H2, được Khu ủy miền Đông và Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh tăng cường hàng chục cán bộ chiến sĩ, đồng chí Ba Bộ sau đó là đồng chí Năm Cư được cử làm Bí thư Huyện ủy. Huyện ủy củng cố các tổ chức ban ngành đoàn thể để tăng cường cho việc chỉ đạo xây dựng cơ sở ở các xã; củng cố lực lượng vũ trang làm nòng cốt đấu tranh. Hội Phụ nữ huyện do đồng chí Nguyễn Thị Tâm (Hai Tâm) làm hội trưởng. Đồng chí Năm Hòa được cử làm Bí thư Huyện đoàn thanh niên. Các ban binh vận, ban dân tộc, đội công tác cao su của huyện cũng được thành lập. Mỗi ban ngành của huyện đều có từ 3 đến 5 cán bộ chuyên trách luôn bám sát cơ sở để chỉ đạo phong trào các xã. Trọng điểm chỉ đạo của huyện là các xã Bình Lộc, Túc Trưng và thị trấn Định Quán. Bộ đội địa phương huyện có một đại đội hơn 100 cán bộ chiến sĩ do các đồng chí Sáu Vịnh, Bảy Thành chỉ huy. Đội trình sát vũ trang thuộc ban an ninh huyện cũng được tổ chức gồm 5 chiến sĩ do đồng chí Nguyễn Giới làm đội trưởng.

Huyện ủy có chủ trương: Tiếp tục củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, chính trị của bên trong và bên ngoài, đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương theo phương châm ba mũi, giữ vững các vùng giải phóng, vùng làm chủ, nhất là các cửa khẩu hậu cần trên lộ 20. Tăng cường cán bộ về cho các xã yếu, thiếu, tập trung khu vực đồng bào dân tộc, đồng bào di cư, chuyển phong trào các xã

La Ngà, 125 lên thế tranh chấp mạnh, chuẩn bị chống địch càn quét lần chiếm...

Giữa năm 1966, bộ đội huyện và du kích xã 110 phục kích bọn lính bảo an đi xúc tát dân ở đoạn cây số 107 diệt 1 tiểu đội và phá hỏng một xe quân sự. Trên đoạn đường từ Dốc Mơ, Gia Kiệm đến Túc Trung, bác Chín Tào đã hàng chục lần đặt mìn đánh xe cơ giới, đánh bọn địch đi hành quân càn quét, diệt hàng chục tên lính các loại, trong đó có tên Trần Kinh Đô - tiểu khu trưởng tiểu khu Long Khánh. Giữa năm 1968, bác Chín Tào bị thương, sau đó hy sinh để lại niềm thương tiếc và cảm phục cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân trong huyện.

Đội biệt động thị trấn Định Quán xây dựng được cơ sở khá vững chắc, có những hoạt động hiệu quả, nhiều lần hóa trang đột nhập vào thị trấn diệt địch ngay giữa ban ngày. Trong hai năm 1966 – 1967, diệt hơn 50 tên địch ngay sát quanh đồn bót của chúng. Du kích xã Túc Trung cũng liên tục tổ chức đánh bọn dân vệ đánh diệt nhiều cảnh sát bình định ở các ấp Đức Thắng, Cây Xăng, gây cho địch nhiều tổn thất.

Phong trào chiến tranh du kích phát triển trong huyện tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tổ chức đánh diệt các đơn vị quân Mỹ, quân đội Sài Gòn trên quốc lộ 20. Từ năm 1966, các lực lượng bộ đội chủ lực quân khu, chủ lực Miền đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội huyện và du kích các xã mở nhiều cuộc tập kích, phục kích đánh địch ở Túc Trung, La Ngà, Định Quán, cây số 123, 125... Nổi bật là trận đánh ngày 21/7/1967 tại cua Chũ C (cột cây số 95, cách cầu La Ngà khoảng 6km). Trung đoàn 5 (Sư đoàn chủ lực Miền), phục kích đoàn xe cơ giới của trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ phá hủy hơn 40 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 3 máy bay diệt hàng chục lính Mỹ.

Quốc lộ 20 trở thành nỗi kinh hoàng đối với lính Mỹ và sư đoàn 18 Ngụy. Càng kinh hoàng, Mỹ ngụy càng tăng cường lực lượng và vũ khí bảo vệ kỳ được tuyến đường xương máu nổi Sài Gòn - Đà Lạt này. Túc Trung, Định Quán, Phương Lâm càng trở thành trọng

điểm đánh phá. Dù vậy, năm 1966 - 1967, ở ven lộ 20, các đoàn hậu cần 81, 84 của Miền vẫn liên tục hoạt động ở các cửa khẩu, có ngày thu mua được hàng chục tấn gạo và các mặt hàng thiết yếu khác. Các đoàn hậu cần của tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, hậu cần Quân khu 7, Quân khu 6... cũng bám địa bàn Định Quán, Túc Trưng thu mua được nhiều hàng ở các cửa khẩu. Trong tiến công và nổi dậy năm Mậu Thân 1968, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, huyện ủy Định Quán khẩn trương chuẩn bị đầy đủ các mặt cho đợt tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Nhiệm vụ chủ yếu của huyện là củng cố, tăng cường lực lượng bộ đội địa phương, huyện đội trình sát vũ trang và du kích các xã, rà soát và nắm chặt mạng lưới cơ sở mật bên trong các xã ấp, chú trọng xây dựng các đội du kích mật, tạo được thế bám trụ vững chắc trong nhân dân trước khi bước vào chiến dịch. Đi đôi với hoạt động của lực lượng địa phương, các cửa khẩu trên địa bàn huyện phối hợp đoàn hậu cần 84 Miền khẩn trương triển khai công tác thu mua vận chuyển hàng, xây dựng các kho hậu cần, chuẩn bị cho các đơn vị chủ lực tiến về hoạt động đánh địch ở Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh. Định Quán đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong các đợt tiến công nổi dậy, Định Quán cũng hoàn thành nhiệm vụ, chiến đấu dũng cảm, nhiều hy sinh, tổn thất, nhưng thắng lợi vẻ vang. Cụ thể, đêm 1/2/1968, ở Định Quán, Túc Trưng, lực lượng vũ trang huyện phối hợp các đơn vị chủ lực bắt đầu nổ súng tiến công địch, trọng điểm là chi khu Định Quán và xã Túc Trưng, làm chủ tình hình một ngày. Sau đó, đêm 6/3/1968, bộ đội huyện và du kích tập kích bọn địch đóng dã ngoại ở ấp Chợ (Túc Trưng), làm chủ khu vực Túc Trưng lần thứ 2. Chiều ngày 7/3/1968 địch phản kích dữ dội, lực lượng ta hy sinh 3 đồng chí, 11 đồng chí khác bị thương, Ban Chỉ huy ra lệnh rút khỏi trận địa.

Ngày 5/5/1968, quân dân Định Quán tiếp tục bước vào đợt 2 chiến dịch với sự hỗ trợ phối hợp tác chiến của bộ đội chủ lực Miền. Rạng sáng ngày 5/5/1968 bộ đội địa phương huyện và du kích xã nổ súng tiến công vào yếu khu Túc Trưng. Cùng ngày bộ đội trung đoàn 4

(Sư đoàn 5 bộ đội chủ lực) đánh địch trên lộ 20 (đoạn cây số 112) diệt gọn tiểu đoàn 2 (trung đoàn 43, sư đoàn 18 quân đội Sài Gòn). Đêm 17/5/1968 trung đoàn 4 (Sư đoàn 5) lại tiếp tục cùng lực lượng địa phương huyện tiến công chi khu Định Quán và đồn Suối Rắc (Túc Trưng). Những trận tiến công này tuy ta diệt được nhiều sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của chúng, nhưng bộ đội ta cũng bị thiệt hại nặng (hơn 100 cán bộ chiến sĩ hy sinh và bị thương), bộ đội huyện và du kích các xã cũng bị tổn thất đáng kể. Phong trào cách mạng ở địa phương trong huyện bắt đầu bước vào thời kỳ khó khăn gian khổ.

Những đòn tiến công và nổi dậy trong năm 1968 của quân dân Định Quán vào những cơ quan đầu não của địch trên địa bàn huyện đã đánh dấu một bước chuyển mạnh của phong trào cách mạng ở địa phương, góp phần giành thắng lợi to lớn, cùng với nhân dân toàn miền buộc Mỹ, Ngụy phải ngồi vào bàn đàm phán ở Paris..

Giai đoạn 1969 -1973 là những năm Định Quán khắc phục khó khăn, vươn lên đánh bại các kế hoạch bình định của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Sau Mậu Thân, chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ phá sản, từ thế chủ động tìm diệt và bình định Mỹ buộc phải chuyển sang thế bị động thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”. Từ cuối năm 1968, địch tổ chức phản kích với kế hoạch bình định Lê Lợi nhằm đạt các mục tiêu đánh phá cơ sở cách mạng bên trong các xã ấp, lập lại các ấp chiến lược, cưỡng ép nhân dân thành lập tổ chức phòng vệ dân sự. Song song, địch mở chiến dịch Nguyễn Trãi, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, tung bọ tinh báo Phượng Hoàng Thiên Nga về các vùng nông thôn để gây chia rẽ, nghi ngờ trong lực lượng cách mạng, lôi cuốn hồi chánh.

Bên ngoài, quân Mỹ kết hợp chủ lực quân Sài Gòn, bảo an tăng cường các cuộc hành quân càn quét hòng tiêu hao và đẩy lùi quân giải phóng ra xa các vùng đông dân, giành lại nông thôn quanh các thị xã, thị trấn, bảo vệ các trục lộ giao thông quan trọng, phá các căn

cứ kho tàng dự trữ và các cửa khẩu của cách mạng. Mỹ từng bước tăng cường trang bị, chuyển giao khí tài cho quân Sài Gòn. Chúng rút quân từng bước, nhưng vẫn tăng cường độ đánh phá ngày càng ác liệt nhằm bảo vệ đầu cầu và tuyến hành lang rút quân. Huyện Định Quán là vùng tiếp giáp với khu 6 và Tây nguyên, nằm trên hành lang giao thông chiến lược từ căn cứ miền Đông (khu A - chiến khu Đ) về Bà Rịa - Long Khánh, cũng là địa bàn hoạt động của đoàn hậu cần 81, 84 (của hậu cần Miền) để tiếp nhận và thu mua hàng hóa, từ các cửa khẩu trên quốc lộ 20 phục vụ cho bộ đội chủ lực ở miền Đông. Chính vì vậy, địch ra sức đánh phá và bình định ở Định Quán.

Những tháng đầu năm 1969, địch liên tục càn quét vào căn cứ của huyện xã. Tháng 4/1969, một đại đội thuộc lữ 199 Mỹ càn quét một ngày một đêm vào căn cứ. Bộ đội huyện, đội an ninh vũ trang huyện, du kích các cơ quan đã bố trí chống càn bằng trái tự tạo từ đầu đạn 105 ly, diệt 3 tên, ngăn chặn địch không vào được căn cứ. Liên tiếp trong hai ngày 11 và 12/3/1969, tiểu đoàn 5 trung đoàn 174 đã tổ chức đánh phục kích giao thông trên đường 20, đánh chặn viện binh của địch, tiêu diệt hai chi đoàn xe thiết giáp 36 chiếc và 232 tên địch.

Đầu tháng 5/1969, Bộ Tư lệnh Sư 5 Miền lại tổ chức trận vận động phục kích diệt bọn bình định từ Long Khánh lên lộ 20, tổng kết trong hai ngày 8 và 9/5/1969 ta diệt và làm bị thương 770 tên (có hai tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng) đánh tiêu diệt và làm thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn địch, bắn rơi hai máy bay, thu 30 súng các loại và 4 máy vô tuyến.

Tháng 6 năm 1969, đội du kích xã Túc Trung do đồng chí Điều Cải - xã đội trưởng chỉ huy và đội an ninh vũ trang huyện (Cường và Tiến) đã hóa trang thành lính sư 18 Sài Gòn, thực hiện lối đánh biệt động, phục kích diệt 17 tên lính Sài Gòn tại chợ Túc Trung.

Tháng 7 năm 1969 trong lúc đi tải lương thực, các đồng chí Nguyễn Văn Bé, Điều Cải, Tỉnh, Điều Mặn... phát hiện một trực thăng địch đang thả dù tiếp tế cho một toán quân Mỹ. Đồng chí Nu và đồng chí Tân hỗ trợ cho đồng chí Mặn dùng B40 bắn rơi chiếc trực thăng, diệt tên phi công và làm bị thương nhiều tên khác. Tháng

7 năm 1969, đội an ninh vũ trang huyện do đồng chí Ngọc chỉ huy cùng đồng chí Năm Đê và Điều Cải lại bất ngờ hóa trang đột nhập vào chợ dùng mìn tẩu diệt hai tên ác ôn khác.

Tại Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn Miền, đồng chí Điều Cải thay mặt đội du kích xã Túc Trung, lên báo cáo về lối đánh đặc công của đội biệt động. Đồng chí Ngọc đội trưởng an ninh vũ trang huyện được Bộ Chỉ huy Miền ngợi khen và tặng thưởng một khẩu tiểu liên.

Những tháng cuối năm 1969, phong trào đấu tranh tuyên truyền chính trị, binh vận của huyện Định Quán phát triển khá đều. Tại thị trấn Định Quán, đội biệt động do đồng chí Sáu Phương chỉ huy cùng trinh sát huyện liên tục tiến công diệt ác ôn tại cây số 110, 116... mở thế kèm cho quân chúng. Đội du kích xã Bến Nôm dùng mìn tự tạo ĐH 10 đánh diệt 15 tên Mỹ, bẻ gãy trận cản vào căn cứ xã. Trong những tháng cuối năm 1969, quân và dân Định Quán đã đánh địch 41 trận diệt 362 tên làm bị thương 22 tên, bắt sống 9 tên thu 4 súng. Phong trào của huyện bước đầu vượt được khó khăn và có chuyển biến phát triển.

Đầu năm 1970, địch sử dụng sư đoàn 18 ngụy, lữ đoàn 199, 173 Mỹ liên tục càn quét đánh phá vào tả ngạn, hữu ngạn sông Đồng Nai dùng B52 ném bom hủy diệt ở vùng Bắc sông La Ngà, Suối Đá, Đồi Dâu, núi Sa Bi... phá địa hình, kho tàng cách mạng. Mục tiêu của địch là diệt quân chủ lực của Miền đang hoạt động ở địa phương, phá các cửa khẩu hậu cần, tạo điều kiện cho Ngụy từng bước bình định các ấp chiến lược. Địch lấy Bình Lộc, Túc Trung, Định Quán làm thí điểm của chương trình bình định ở địa phương, tung các đoàn cán bộ bình định “Trường Sơn” xuống từng ấp thực hiện nhiều thủ đoạn lừa bịp, my dân, chia rẽ nội bộ, đánh phá cơ sở trong dân. Nhận rõ âm mưu thâm độc của địch, huyện ủy Định Quán chỉ đạo cán bộ, du kích huyện, xã phải tăng cường bám sát quần chúng, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, vạch trần các âm mưu, thủ đoạn bình định và mua chuộc của địch.

Ngày 26/3/1970, Ban Cán sự và Bộ tư lệnh T7 mở đợt tiến công xuân 1970 mang tên “chiến dịch CD” nhằm tiêu diệt sinh lực địch, hỗ trợ các địa phương đánh phá bình định. Ban Cán sự T7 lấy Xuân Lộc làm điểm, hướng Định Quán và quốc lộ 20 làm diện phối hợp. Đúng dịp trung đoàn 43 sư đoàn 18 quân đội Sài Gòn tổ chức càn quét vào căn cứ của huyện ở bắc lộ 20 (cây số 94), đội trinh sát vũ trang huyện phối hợp với bộ đội chủ lực chủ động tổ chức đánh địch ngay bìa lộ cao su Túc Trung, diệt một trung đội địch, trong đó có 1 trung úy quân đội Sài Gòn, lực lượng ta có 6 chiến sĩ bị thương, đồng chí Trương Minh Ngọc được Ban Cán sự T7 tặng thưởng Huân chương Giải phóng.

Túc Trung là xã đông dân, nơi cung cấp nhiều của và người cho cách mạng, nên địch bố phòng tương đối dày. Chúng thường xuyên bắn pháo, gài mìn, trái trên các tuyến đường vào xã ngăn chặn dân tiếp xúc quan hệ với kháng chiến. Hai cơ sở liên lạc Ngô Thị Tuyết và Trần Thị Giàu của Chi bộ Túc Trung trên đường liên lạc từ căn cứ huyện về xã đã đạp phải mìn gài của địch ở ấp Cây Xăng, hy sinh. Theo chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ xã, hội phụ nữ xã vận động nhân dân đấu tranh. Hơn 100 đồng bào đã kéo lên vây hội đồng xã, bắt đánh tên trung đội trưởng bảo an, đồng thời buộc địch phải bồi thường cho hai người bị hại, đòi địch không được gài mìn trái để nhân dân đi rẫy không thiệt hại. Đám tang hai chị Tuyết và Giàu được tổ chức 2 ngày, bọn hội đồng xã và đồn bảo an phải cho người đến viếng tang, xin lỗi gia đình nạn nhân, bồi thường cho người bị hại và hứa sẽ gỡ mìn, trái cho bà con đi làm.

Ngày 5/5/1969 chú Ba Giám cơ sở cách mạng làm giao liên 2 xã Bến Nôm - Túc Trung trên đường làm nhiệm vụ bị địch bắt, chú kiên quyết không khai báo, bọn địch tức tối dùng mìn giết hại. Tấm gương hy sinh của chú Ba Giám đã để lại niềm thương yêu kính trọng trong lòng nhân dân Bến Nôm - Túc Trung. Tháng 8/1970, bọn bảo an, dân vệ từ yếu khu Túc Trung tổ chức càn quét để dồn dân ấp Đức Thắng ra quốc lộ 20. Nghe tiếng súng nổ, đồng chí Điều Cải cùng 3 du kích Được, Nam, Nghịch từ căn cứ vận động ra đánh

địch ở đầu ngọn Suối Nho. Trên đường vận động, Điều Cải cùng hai đồng chí Nghịch, Được hy sinh, đồng chí Nam bị thương. Sự hy sinh của các đội viên du kích xã Túc Trung, trong đó có Điều Cải - xã đội trưởng người dân tộc Chơ-ro là một tổn thất cho phong trào ở xã, huyện, để lại niềm thương tiếc vô hạn cho nhân dân Định Quán. Ngày 30/8/1995, Nhà nước đã truy tặng đồng chí Điều Cải danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tháng 3/1973, Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh tách huyện Xuân Lộc - Định Quán thành hai huyện Xuân Lộc và Định Quán. Tỉnh ủy cử đồng chí Võ Tấn Vịnh (Sáu Vịnh) làm Bí thư Huyện ủy Định Quán, đồng chí Phạm Bình làm Phó Bí thư kiêm Trưởng an ninh huyện đóng tại rừng Gia Canh.

Trong chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 và chiến dịch mùa Xuân 1975, Định Quán tích cực tham gia chiến dịch, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, là đơn vị cấp huyện giải phóng sớm nhất (20/3/1975) góp phần vào trận thắng Xuân Lộc, tiến đến giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Cuối tháng 10/1974, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh Tân Phú. Tỉnh Tân Phú gồm hai huyện Định Quán và Độc Lập. Mục đích là tạo bàn đạp và điều kiện cho các binh đoàn chủ lực tiến công ở hướng đông Sài Gòn. Đồng chí Võ Tấn Vịnh (Sáu Vịnh) được cử làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Thái Văn Thái là Phó Bí thư, đồng chí Tư Bình là Tỉnh đội trưởng, đồng chí Phạm Văn Bình là Trưởng Công an. Lực lượng vũ trang gồm có hai đại đội K9 (bộ đội huyện Định Quán) và C 374 (bộ đội huyện Độc Lập). Nhiệm vụ của tỉnh căn cứ Tân Phú là chuẩn bị hậu cần cho các lực lượng vũ trang, xây dựng bàn đạp phía Đông cùng các mũi tiến công vào giải phóng Sài Gòn.

Bước vào mùa khô 1974 - 1975, cục diện chiến trường toàn miền có nhiều chuyển biến thuận lợi cho cách mạng. Bọn địch ở Tân Phú đánh hơi được các hoạt động chuẩn bị địa bàn của cách mạng nên ra sức tăng cường phòng thủ. Chúng điều tiểu đoàn 133 và một đại đội cảnh sát dã chiến chi viện Định Quán.



Ngày 15/11/1974, Tỉnh ủy Tân Phú đã triệu tập hội nghị đánh giá tình hình và đề ra phương hướng nhiệm vụ: “Tập trung chỉ đạo mở rộng diện đánh phá bình định, đưa phong trào chính trị binh vận lên, nắm chắc và sử dụng lực lượng vũ trang, kết hợp chặt 3 mũi với pháp lý hiệp định, kiên quyết và liên tục tiến công đánh bại cơ bản kế hoạch bình định di dân lần đầu của địch. Nhanh chóng xây dựng vùng căn cứ giải phóng từng bước vững chắc, tập trung và khẩn trương xây dựng, phát triển thực lực 3 mũi tạo một bước nhảy vọt, ra sức động viên sức người, sức của nhằm làm thay đổi tương quan tại chỗ, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn mới của địch, mở đồn bót, giải phóng xã, ấp và mở thế tranh chấp mạnh 2/3 số ấp, giành trên 40.000 dân, đưa về vùng giải phóng 12.000 dân. Tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi, để giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn...”.

Thực hiện nhiệm vụ Tỉnh ủy giao, đêm 7/12/1974, bộ đội K9, trinh sát vũ trang, du kích xã, cán bộ chính trị tổ chức 3 mũi bao vây đồn 125. Ngày 8/12/1974, bộ đội đặc công thủy đánh địch tại cầu La Ngà. Ngày 15/12/1974, tại Túc Trung, Bến Nôm, đại đội 374 tinh hỗ trợ cho địa phương tổ chức đánh địch trên quốc lộ 20, diệt 5 tên, làm bị thương 12 tên, thu 2 súng.

Ngày 30/12/1974, để bảo vệ đường 20, địch điều chiến đoàn 43 sư đoàn 18 gồm 8 tiểu đoàn, 2 chi đoàn thiết giáp và một đại đội trinh sát theo quốc lộ 20 đường Trà Cỏ, Đồng Hiệp tiến lên giải vây cho Hoài Đức, Võ Đắc. Tỉnh ủy Tân Phú ra chỉ thị 01 cho các đơn vị vũ trang tỉnh phải phối hợp với lực lượng ở trên “vừa đánh bình định, bung dân xây dựng các mặt của ta thật tốt, vừa đánh bại chiến đoàn 43 địch”.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 12, bộ đội tỉnh, K9 cùng trinh sát vũ trang, du kích xã 125 bám sát và liên tục tập kích chiến đoàn 43 từ km 2 đến km 7 đường Trà Cỏ, diệt 60 tên, làm chậm bước tiến của địch. Ngay trong ngày, bộ đội tỉnh và Quân khu 7

phối hợp tập kích vào sở chỉ huy chiến đoàn 43 Ngụy ở cây số 125 buộc địch rút chạy về 116. Tại cây số 116, bộ đội K9 và du kích 116 tổ chức tập kích ban ngày vào sở chỉ huy mới của địch. Một lần nữa địch tháo chạy về chi khu, sau đó, ngày 28/1/1975, toàn bộ rút về Long Khánh.

Ngày 10/3/1975, quân giải phóng tiến công Buôn Mê Thuột mở đầu chiến dịch Tây Nguyên cũng là mở đầu cho cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam. Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền đã nhận định: Chi khu Định Quán là điểm phòng thủ án ngự đường 20, nếu ta chiếm được chi khu này, làm chủ đường 20 phối hợp với mặt trận đường 3, đường 1 sẽ mở được hành lang và đường tiến công ở hướng Đông, thực hiện được ý đồ chiến lược giải phóng Sài Gòn.

Từ nhận định này, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 điều sư đoàn 7 chủ lực về hoạt động trên đường 20, phối hợp với lực lượng tỉnh Tân Phú và quân khu tiến công giải phóng đường này, mở đường cho chủ lực tiến về Long Khánh. Bộ Tư lệnh tiền phương mặt trận đường 20 được thành lập do đồng chí Bùi Cát Vũ làm Tư lệnh, đồng chí Ba Chắc Tỉnh đội trưởng Tân Phú làm Phó Tư lệnh, đồng chí Sáu Lộc làm Tham mưu trưởng, đồng chí Sáu Vịnh làm Chính ủy. Căn cứ chỉ huy sở mặt trận đóng tại Suối Sơn (tây lộ 20). Sư đoàn 7 có pháo binh Quân đoàn 4 yểm trợ tiến công giải phóng chi khu Định Quán. Huyện Tân Phú huy động lực lượng vũ trang địa phương gồm 2 đại đội K9 (thuộc Định Quán) và C374, 1 trung đội công binh, 1 trung đội trinh sát và du kích La Ngà đến yếu khu Túc Trung. Chi bộ mặt Túc Trung và các tổ binh vận huy động trong nhân dân hơn 1 tấn gạo và 1.000 lít xăng dự trữ phục vụ cho chiến dịch. Các đồng chí Ba Xuân, Ba Đăng đảng viên mặt phụ trách nắm tình hình địch và liên lạc khi đợt tiến công nổ ra.

Ngày 17/3/1975, cuộc tiến công địch trên đường 20 bắt đầu. Pháo binh sư đoàn 7 mở màn bằng hàng loạt pháo bắn tập nập vào chi khu, Phương Lâm, La Ngà, núi Tràn, đồi Lãng Xi cao điểm

112. 5 giờ 40 phút ngày 17 tháng 3, lực lượng ta tiến công vào chi khu Định Quán. Dựa vào công sự, địch phản kích rất ác liệt. Cuộc chiến đấu giằng co từ 5 giờ 40 phút đến 17 giờ cùng ngày, quân ta chiếm được chi khu, khu chợ ở phía Nam, cấm cờ giải phóng trên nóc sở chỉ huy chi khu, sau đó phát triển đánh địch ở từng gộp đá. Đến 16 giờ, quân ta đánh chiếm được dinh quận trưởng, bọn chúng phải chuyển chỉ huy sở ra các gộp đá để tiếp tục phản kích. Đến tối quân ta chiếm được trận địa pháo, cao điểm 112 và hai gộp đá cứ điểm của địch. 5 giờ 30 phút ngày 18/3, quân ta mở cuộc tiến công đánh chiếm các căn cứ điểm ở các gộp đá còn lại. Cuộc chiến đấu hết sức gian khổ vì địch có điểm cao và hầm hào cố thủ vững chắc. Địch ngoan cố cho nổ kho đạn lớn hông ngăn chặn sức tiến công của quân ta để chờ viện quân. Nhưng mọi cố gắng của chúng đều vô vọng. Tối ngày 20/3/1975, quân ta đánh chiếm hoàn toàn chi khu Định Quán, bắt sống toàn bộ ban chỉ huy chi khu Định Quán, trong đó có thiếu tá chánh chi khu trưởng kiêm quận trưởng Định Quán, tên thiếu tá trưởng ty cảnh sát, tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2, 4 đại úy và 50 lính.

Sau đó, bộ đội K9 được lệnh hành quân về xã 125 cùng với du kích bao vây cô lập bức rút đồn 125, đến 23 giờ ngày 18/3/1975, đồn 125 bị diệt, xã 125 hoàn toàn được giải phóng. 17 giờ ngày 20/3, quân ta tiến công đồn La Ngà, đánh thiệt hại đại đội bảo an đóng giữ và bọn tân binh từ chi khu Định Quán về, bắt sống 60 binh lính và sĩ quan của chiến đoàn 43 quân đội Sài Gòn. Như vậy chỉ trong ba ngày tiến công, đến ngày 20/3/1975, toàn bộ chi khu, đồn bót của địch từ La Ngà đến Phương Lâm bị quét sạch. Khu vực từ La Ngà đến Phương Lâm hoàn toàn được giải phóng. Yếu khu Túc Trưng và toàn xã Túc Trưng cũng được giải phóng hoàn toàn ngày 14/4/1975.

Như vậy, Định Quán là đơn vị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được giải phóng sớm nhất (20/3/1975) và nhanh nhất (3 ngày, bắt đầu từ 17/3). Cửa ngõ kiên cố Định Quán đã mở, tạo bàn đạp và điều kiện thuận lợi cho quân chủ lực bao vây tiến công giải

phóng thị xã Long Khánh, đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của ngụy quyền, giành thắng lợi trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tiến về giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Thành tích của các lực lượng thuộc địa bàn Tân Phú, Định Quán được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng cho nhiều Huân, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen các loại cho các cá nhân, tập thể, gia đình có công với cách mạng; trong đó, một cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (Liệt sĩ Điều Cải, 30/8/1995), 1 tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (xã Phú Túc, 1998), 57 Bà Mẹ Việt Nam anh hùng. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Quán được Chủ tịch Nước quyết định phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1996.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Vĩnh Cửu

Vĩnh Cửu<sup>(1)</sup> là một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai, vị trí ở phía Tây Bắc tỉnh lỵ Đồng Nai, trải dài từ Vườn quốc gia Cát Tiên đến thành phố Biên Hòa; có địa giới hành chính tiếp giáp các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai (Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, thành phố Biên Hòa) cùng huyện Phú Giáo, Tân Uyên của Bình Dương và huyện Đồng Phú của tỉnh Bình Phước. Huyện Vĩnh Cửu có diện tích 1.092 km<sup>2</sup> và dân số là 124.912 người (năm 2009)<sup>(2)</sup>.

Vĩnh Cửu là địa bàn cư trú lâu đời của người cổ xưa. Kết quả khảo cổ cho thấy người cổ xưa đã sinh sống nơi đây với nền văn minh thời đồ đá, kim khí, được chứng minh qua các hiện vật tìm thấy ở ven sông Tân Triều, Cù Lao Rùa, Bình Thạnh, Thiện Tân, Cẩm Vinh, Cây Gáo... niên đại sớm nhất cách đây 3.000-2.500 năm. Các hiện vật thuộc lớp văn hóa Óc Eo nhiều thời kỳ (thế kỷ 3 đến thế kỷ 10 SCN) cũng được tìm thấy nhiều nơi trên địa bàn Vĩnh Cửu. Nhưng, chủ nhân của những nền văn hóa này đến nay vẫn chưa có đủ lời giải tường minh.

Theo sử sách, trước thế kỷ 17, vùng đất thuộc huyện Vĩnh Cửu ngày nay còn là một vùng đất rừng rậm hoang vu. Lê Quý

---

(1) Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Cửu và Wikipedia.

(2) Theo “Tổng quan dân số và nhà ở tỉnh Đồng Nai năm 2009” của Cục Thống kê Đồng Nai, 2010.

Đôn trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục* viết vào thế kỷ 18, cho rằng người Việt có mặt trên đất Vĩnh Cửu có lẽ vào thế kỷ 17. Họ là những người nông dân phản kháng sự áp bức của chế độ phong kiến và chống đối chiến tranh của hai tập đoàn Trịnh (phía Bắc) và Nguyễn (phía Nam), nên đã tìm đến phương Nam để sinh sống. Nhiều đợt di dân khác nhau với nhiều lý do khác nhau. Có thể họ ngược các dòng sông lớn, dừng lại ở nơi đất lành; trong đó vùng Bến Cá là một trong những địa phương sớm có người Việt đến lập làng, khai khẩn.

Từ năm 1808, thời vua Gia Long (Nguyễn Ánh), vùng đất Vĩnh Cửu thuộc tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh<sup>(3)</sup>. Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập địa bạ các tỉnh để quản lý đất đai. Theo địa bạ, huyện Phước Chánh từ 2 tổng tách thành 6 tổng<sup>(4)</sup>. Địa bàn huyện Vĩnh Cửu ngày nay thuộc hai tổng Chánh Mỹ Trung và Chánh Mỹ Hạ.

Từ 1945 đến 1948, địa bàn Vĩnh Cửu ngày nay thuộc quận Châu Thành. Ngoài các xã Bình Hòa, Bình Ý, Tân Triều, quận Châu Thành còn bao gồm các xã Tân Hạnh, Tân Hiệp, Bình Trị, Trảng Bom (cả Hồ Nai, thuộc huyện Thống Nhất), Tam Hiệp, Tân Phong, Tân Thành, Hóa An, Bửu Hòa, Tân Vạn, Hiệp Hòa (nay thuộc thành phố Biên Hòa), Tân Hưng, An Hòa, Long Hưng, Phước Tân (nay thuộc huyện Long Thành). Các xã Bình Phước, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An thuộc huyện Tân Uyên. Từ năm 1948 đến 1954, huyện Vĩnh Cửu được thành lập. Địa bàn huyện gồm những xã kể trên cộng thêm 7 xã: Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An (của huyện Tân Uyên chuyển giao).

---

(3) Theo sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức (viết năm 1820) huyện Phước Chánh có hai tổng: Phước Vinh (46 thôn) và Chánh Mỹ (36 thôn).

(4) Sáu tổng là Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ.

Với chính quyền Sài Gòn, từ năm 1945 đến 1963, địa bàn huyện Vĩnh Cửu thuộc tổng Phước Vĩnh Trung của quận Châu Thành gồm các xã: Tân Phong, Bửu Long, Bình Hòa, Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hòa, Bình Thạnh, Tân Phú, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An (năm 1959, địch thành lập tỉnh Phước Thành, trong đó có các xã: Bình Phước, Bình Thạnh, Tân Phú, Lợi Hòa, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An). Năm 1963 đến 1975, chính quyền Sài Gòn lập huyện Công Thành gồm các xã Bình Ý, Bình Hòa, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú, Bình Thạnh, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An, Thái Hưng.

Với cách mạng kháng chiến, từ năm 1960, huyện Vĩnh Cửu chuyển giao các xã Tân Vạn, Bửu Hòa, Tân Hạnh, Bình Trị, Tân Hiệp về huyện Dĩ An, Lái Thiêu; các xã Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hòa, Hóa An, Hiệp Hòa, Tam Hiệp về cho thị xã Biên Hòa; các xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân... về cho huyện Long Thành; các xã Trảng Bom, Hố Nai về cho Ban cán sự di cư (sau là huyện Trảng Bom, Thống Nhất). Huyện Vĩnh Cửu còn lại các xã Trị An, Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Ý, Bình Long, Lợi Hòa, Bình Phước Tân Triều, Bình Hòa, Bửu Long, Tân Thành, Tân Phong.

Tháng 9/1965, huyện Vĩnh Cửu cùng thị xã Biên Hòa thuộc tỉnh Biên Hòa (U1) gồm các xã: Bình Hòa, Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An. Tháng 5/1971, huyện Vĩnh Cửu nhập huyện Trảng Bom bao gồm luôn các xã của huyện này. Tháng 10/1972 đến tháng 4/1975, huyện Vĩnh Cửu tái lập thuộc tỉnh Biên Hòa (nông thôn), có địa giới hành chính như tháng 9-1965.

Ngày 23/12/1985, chuyển huyện Vĩnh Cửu thành thị xã Vĩnh An. Thị xã Vĩnh An gồm 2 phường: Trị An, Cây Gáo và 11 xã: Bình Hòa, Bình Long, Bình Thạnh, Bình Phước, Bình Ý, Đại An, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Tân Triều, Thiện Tân; trong đó hai

phường Trị An và Cây Gáo được thành lập trên cơ sở giải thể hai xã Cây Gáo và Trị An và các lâm trường Mã Đà, Hiếu Liêm của huyện Tân Phú cắt sang.

Ngày 12/2/1987, địa giới thị xã Vĩnh An có sự thay đổi, điều chỉnh như sau: Sáp nhập ba xã Bình Phước, Bình Ý và Tân Triều thành một xã lấy tên là xã Tân Bình. Sáp nhập hai xã Bình Long và Lợi Hòa thành một xã lấy tên là xã Bình Lợi. Sáp nhập hai xã Bình Thạnh và xã Tân Phú thành một xã lấy tên là xã Thạnh Phú. Sáp nhập hai xã Đại An và xã Tân Định thành một xã lấy tên là xã Tân An. Chia phường Cây Gáo thành hai đơn vị hành chính lấy tên là phường Cây Gáo và xã Vĩnh Tân. Chuyển xã Phú Lý thuộc huyện Tân Phú về thị xã Vĩnh An quản lý.

Đến cuối năm 1991, thị xã Vĩnh An có 2 phường: Cây Gáo, Trị An và 8 xã: Bình Hòa, Bình Lợi, Phú Lý, Tân An, Tân Bình, Thạnh Phú, Thiện Tân, Vĩnh Tân. Ngày 29/8/1994, huyện Vĩnh Cửu được tái lập trên cơ sở giải thể thị xã Vĩnh An; đồng thời giải thể 2 phường Cây Gáo và Trị An để thành lập thị trấn Vĩnh An và xã Trị An. Huyện Vĩnh Cửu sau khi tái lập gồm có thị trấn Vĩnh An và 9 xã: Bình Hòa, Bình Lợi, Phú Lý, Tân An, Tân Bình, Thạnh Phú, Thiện Tân, Trị An, Vĩnh Tân.

Ngày 13/3/2003, thành lập xã Mã Đà trên cơ sở 40.078,47 hécta diện tích tự nhiên và 6.595 nhân khẩu của thị trấn Vĩnh An; thành lập xã Hiếu Liêm trên cơ sở 21.379,55 hécta diện tích tự nhiên và 3.870 nhân khẩu của xã Trị An. Như vậy, huyện Vĩnh Cửu có 1 thị trấn và 11 xã, giữ nguyên trạng như hiện nay.

Huyện Vĩnh Cửu có nhiều lợi thế phát triển kinh tế xã hội. Huyện có diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ cao với 65.921 hécta có trữ lượng gỗ lớn. Có hồ Trị An 32.000 hécta (trong địa phận Vĩnh Cửu là 16.500 hécta) là nguồn nước phong phú phục vụ cho thủy điện Trị An, tưới tiêu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Có tiềm năng khoáng sản phong phú về chủng loại gồm kim loại quý, nguyên liệu vật liệu xây dựng: cát, đá, keramzit cho sản



xuất bê tông nhẹ, puzlan và laterit nguyên liệu phụ gia cho xi măng. Có các cảnh quan nổi tiếng như: Hồ Trị An, khu di tích lịch sử văn hóa chiến khu Đ, các khu vườn ăn trái ven sông Đồng Nai thuận lợi cho du lịch sinh thái - tham quan nghiên cứu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, huyện Vĩnh Cửu có truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường, lập nhiều chiến công oanh liệt. Vĩnh Cửu là địa bàn trọng điểm của cách mạng trong xây dựng và bảo vệ căn cứ Chiến khu Đ, cũng là trọng điểm vành đai sân bay Biên Hòa của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Cho nên, địch tập trung đánh phá. Cách mạng tập trung xây dựng và bảo vệ. Chiến tranh ở địa bàn Vĩnh Cửu máu lửa hơn nhiều nơi khác.

Huyện Vĩnh Cửu (lúc đó là quận Châu Thành, Biên Hòa), là cái nôi của phong trào cách mạng tỉnh Biên Hòa; là mảnh đất tốt để gieo cấy, vun trồng tư tưởng cách mạng, nhận thức cách mạng và cách hình thức đấu tranh cách mạng. Nơi đây, đã khởi đầu nhiều hoạt động đầu tiên của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa (cũ): Chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập đầu tiên ở Bình Phước - Tân Triều năm 1935; tổ chức cách mạng trong học sinh đầu tiên “Liên đoàn học sinh” thành lập ở Trường Tiểu học Bình Hòa cũng trong năm 1935; Tỉnh ủy Lâm thời Đảng bộ tỉnh Biên Hòa đầu tiên được thành lập sau hội nghị đảng viên tại xã Tân Triều, tháng 2/1937; lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên là đội vũ trang gồm khoảng 35 người do đồng chí Huỳnh Liễn phụ trách, Trần Văn Quý chỉ huy trực tiếp, thành lập khoảng cuối tháng 7/1940; các Ủy ban hành động của cách mạng đầu tiên cũng được thành lập trên địa bàn của quận Châu Thành từ năm 1936, tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi: Xây dựng thư viện Bình dân đặt tại đốc Bà Bành, xã Bình Ý; mít-tinh hơn 200 người dân dự tại Gò Dê, xã Bình Ý; mít-tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1937, tại gò Máy bay xã Bình Ý, hơn 100 người dự. Xã Bình Ý thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành được xem là trung tâm hoạt động của Ủy ban hành động cách mạng tỉnh Biên Hòa.

Trong Cách mạng tháng Tám 1945, quận Châu Thành là nơi khởi động, bộ phận nòng cốt trong lãnh đạo của Ủy ban Khởi nghĩa do các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Ngô Hà Thành lãnh đạo. Từ 15/8/1945, các hoạt động khởi nghĩa, giành chính quyền thực sự đã diễn ra thành công ở hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ.

Giai đoạn 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975), Đảng bộ và quân dân huyện Vĩnh Cửu chịu nhiều mất mát hy sinh, đã kiên cường bám trụ địa bàn, phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo trong chiến đấu, kết hợp lực lượng vũ trang địa phương với chủ lực, kết hợp 3 mũi đấu tranh đầy lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên đánh bại địch hoàn toàn, góp phần vào thắng lợi chung, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Ngay khi quân Pháp được quân đồng minh hỗ trợ, trở lại tái chiếm Nam Bộ, tối ngày 23/9/1945, hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại nhà hội Bình Trước do đồng chí Hà Huy Giáp và đồng chí Dương Bạch Mai chủ trì đã quyết định thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa. Quận ủy Châu Thành được xây dựng (do đồng chí Hồ Văn Leo làm Bí thư) với nhiệm vụ xây dựng căn cứ và chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Ủy ban nhân dân lâm thời quận Châu Thành được xây dựng (do đồng chí Nguyễn Văn Long làm Chủ tịch), phát động tuần lễ bạc trong toàn quận, cử người tham dự lớp huấn luyện ở trại du kích Bình Đa - Vĩnh Cửu; phát động phong trào bình dân học vụ “diệt giặc dốt”, chuẩn bị các phương án sản xuất lương thực để “diệt giặc đói”, lập giải phóng quân quận Châu Thành do Doãn Tiến Nghiệp, sau là Lê Văn Ngọc chỉ huy, hăng hái tập luyện để kháng chiến. Khí thế của Đảng bộ và quân dân quận Châu Thành sôi nổi, đầy quyết tâm, luôn sẵn sàng.

Ngày 25/10/1945, Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận Châu Thành rút về xã Bình Ý. Tháng 11/1945, thành lập Đội xung phong cảm

tử tại đình Bình Thảo gồm 40 thiếu niên dũng cảm. Thành tích nổi bật ban đầu đội là: Đột nhập thị xã đánh diệt quân Anh - Ấn, diệt ác trừ gian, nhiều lần xuất hiện ở ngã ba Vườn Mít diệt địch, trong đó có tên quan tư De Rioncourt<sup>(5)</sup>, phục kích chống càn, tạo các chiến công vang dội ở các trận thắng Cây Đào, ngã ba Bình Ý.

Đêm 1 rạng sáng 2/1/1946, Vệ quốc đoàn Biên Hòa phối hợp nhiều cánh quân, đột nhập vào trung tâm đầu não của giặc ở Biên Hòa, tấn công vào thành Săng Đá, các bót gác ở cầu Gành, nhà máy BIF, sở hiến binh, nhà ga, bưu điện, hăng dầu, nhà thông tin làm cho giặc bất ngờ, khiếp đảm. Đó là hoạt động gây tiếng vang để tổ chức bầu cử Quốc hội đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên địa bàn. Trong ngày hội 6/1/1946, cử tri quận Châu Thành nô nức đi bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên trong không khí cờ hoa, an toàn. Cuối tháng 4/1946, tại hội nghị Bình Hòa, Tỉnh ủy được củng cố.

Tháng 6/1946, thống nhất các lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa, lấy tên là Chi đội 10 do Huỳnh Văn Nghệ là Chi đội trưởng Giải phóng quân quận Châu Thành trở thành đại đội B do đồng chí Lê Văn Ngọc làm đại đội trưởng. Ngay sau được mang tên mới, Đại đội B Chi đội 10 đã phối hợp chiến đấu, làm nên nhiều chiến thắng làm nức lòng quân dân kháng chiến: Chặn địch chống càn ở Đại An, diệt đồn Cây Gáo, bắt sống 2 sĩ quan Pháp (2/1947). Lần đầu tiên ở Biên Hòa, bộ đội đã hạ đồn giặc chỉ với súng bộ binh. Lần đầu tiên, quân dân quận Châu Thành vinh dự đón tiếp đồng chí Lê Duẩn từ Trung ương theo đường giao liên của quận về Chiến khu Đ lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Lần đầu tiên, Tỉnh đội bộ quân dân Biên Hòa được thành lập (tháng 12/1947), Quận đội bộ dân quân Châu Thành cũng được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai Ban Công tác liên thôn 4 và 5.

---

(5) 55 năm thành phố Biên Hòa. *Ban Tuyên giáo Thành ủy Biên Hòa xuất bản năm 1988, trang 53.*

Giữa năm 1948, quận Châu Thành được tổ chức thành 2 đơn vị: thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Huyện Vĩnh Cửu gồm có các xã: Bình Hòa, Tân Triều, Bình Ý, Trảng Bom, Bửu Long, Tân Thành, Hóa An, Tân Vạn, Tân Phong, Bửu Hòa, Hiệp Hòa, Tam Hiệp, Long Bình, Long Hưng, Tân Hưng, An Hòa, bao quanh thị xã Biên Hòa. Lập thành tích chào mừng huyện Vĩnh Cửu, tháng 7/1948, du kích Vĩnh Cửu lại phục kích ở Hố Cạn diệt lính Commandos, chặn địch ở Hóc Ông Rớt...

Trong thời gian 1948 đến 1950, quân dân huyện Vĩnh Cửu sát cánh cùng các đơn vị ở chiến khu Bình Đa, Bà Bao, Hố Cạn hoạt động trong lòng địch, thực sự trở thành trung tâm văn hoá, sinh hoạt kháng chiến khiến địch nhức nhối mà không làm gì được.

Từ năm 1950, Vĩnh Cửu càng trở thành địa bàn trọng yếu. Bộ Tư lệnh Nam Bộ đã xác định vị trí chiến lược của Vĩnh Cửu: “Vĩnh Cửu là bàn đạp của cách mạng tấn công vào thị xã, nơi trú quân và dừng chân của các lực lượng, đường giao thông quan trọng từ chiến khu Đ xuống Long Thành, Bà Rịa, là nguồn nhân vật lực cung cấp cho kháng chiến”. Đảng bộ và quân dân huyện Vĩnh Cửu có nhiệm vụ: “Giữ vững và xây dựng huyện Vĩnh Cửu thành một căn cứ du kích” để giữ địa bàn chiến lược này. Huyện Vĩnh Cửu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Thành tích nổi bật là tham gia các trận đánh giao thông, đánh đồn Long Điền vào tháng 6/1951, diệt yếu khu Trảng Bom vào tháng 7/1951.

Từ năm 1952, huyện Vĩnh Cửu tập trung cho nhiệm vụ vượt qua khó khăn bão lụt, phối hợp chiến trường chung giành thắng lợi hoàn toàn. Tháng 10/1952, trận lụt Nhâm Thìn gây thiệt hại lớn, gió to và nước sông Bé, sông Đồng Nai đột ngột dâng cao, tràn cả vào bờ. Chiến khu Đ và các xã ven sông Đồng Nai thuộc huyện Vĩnh Cửu bị chìm ngập trong bể nước mênh mông, có nơi nước dâng cao đến 3 mét, 10 mét. Việc khắc phục thiệt hại cho dân, cứu giúp cả đòan bót giặc đã khiến cho Đảng bộ và quân dân cực kỳ vất vả. Nhờ lãnh đạo tốt, quân dân đoàn kết, quyết tâm

cao; việc cứu đói, phòng bệnh đạt hiệu quả, sản xuất sớm khôi phục, lương thực đảm bảo, niềm tin và khí thế cách mạng hào hùng, tạo lực cho quân dân Vĩnh Cửu làm nên chiến thắng mới, tiêu biểu như trận chiếm bót Cẩm Vinh (1953), đánh bại cuộc càn quét qui mô vào Chiến khu Đ (1953).

9 năm kháng chiến kiên cường và gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân Vĩnh Cửu kết thúc thắng lợi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, được tinh thần Cách mạng tháng Tám động viên, quân dân Vĩnh Cửu đã không tiếc xương máu, đóng góp sức người sức của xây dựng huyện thành một địa bàn vùng ven vững chắc, góp công lớn trong việc vừa bảo vệ Chiến khu Đ, vừa làm bàn đạp để lực lượng kháng chiến tiến công địch ở vùng sâu và thị xã Biên Hòa, đánh các giao thông chiến lược ở lộ 1, lộ 15, đường sắt Sài Gòn - Biên Hòa, Trảng Bom,... đảm bảo hành lang giao liên chiến lược từ Chiến khu Đ mở xuống Long Thành, Bà Rịa và ngược lại.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, huyện Vĩnh Cửu cùng cả nước thăng trầm qua nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu 1954-1959, niềm vui hòa bình không lâu, liền sau đó là cuộc đấu tranh chính trị đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève. Sau hội nghị mừng chiến thắng tại Nhà Nai, ngâm ngùi tiễn người thân đi tập kết, vui chẳng tày gang, quân dân Vĩnh Cửu liền phải đương đầu với cuộc chiến mới, âm mưu thủ đoạn mới.

Vĩnh Cửu là huyện có vị trí quan trọng vùng ven bao quanh thị xã Biên Hòa, cửa ngõ vào Sài Gòn, đồng thời cũng là cửa ngõ án ngữ Chiến khu Đ. Do đó, ngay từ đầu, chính quyền Mỹ Diệm đã rất chú trọng đánh phá cả về quân sự lẫn chính trị, huy động các lực lượng, thực hiện các thủ đoạn, âm mưu tàn độc nhất. Các cuộc bắt bớ, khủng bố, tù đày, mua chuộc, dụ dỗ diễn ra thường xuyên với mức độ thâm độc, tàn ác, tinh vi hơn bao giờ hết.

Cán bộ cách mạng được phân công ở lại vừa phải lẩn thoát thủ đoạn của địch, vừa bám dân, xây dựng cơ sở, tiếp tục lãnh đạo

quần chúng thực hiện cuộc đấu tranh mới. Niềm tin vào Đảng vào thắng lợi của cách mạng vẫn còn âm nồng nên ở địa bàn Vĩnh Cửu sớm gây dựng lại các cơ sở cách mạng trung kiên, tổ chức nhiều hoạt động được quần chúng nhiệt thành tham gia: Công tác binh vận làm rõ âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, mít-tinh tháng 10/1955 tại Cù lao Vịt, Bình Hòa; phong trào chống trò bịp vận động bầu cử của Mỹ Diệm (tháng 2 và tháng 3/1956); phong trào chống phá âm mưu chiến dịch Trương Tấn Bửu. Nhân dân tận lòng nuôi giấu cán bộ, nhiều tấm gương hay như má Tám Nghệ ở Cây Da (Tân Phú), má Tám ở Bàu Tre (Bình Long). Nhân dân Vĩnh Cửu cũng chính là người nuôi giấu, giúp đỡ tù chính trị thoát cuộc truy lùng của giặc, trở về với kháng chiến trong cuộc phá khám Tân Hiệp ngày 2/12/1956.

Đến cuối năm 1959, cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng cơ bản được củng cố; lãnh đạo cấp ủy được phân công bám địa bàn, vận động quần chúng, tăng cường lãnh đạo Đảng ở vùng sâu, vùng yếu, tổ chức quần chúng đấu tranh chống tố cộng, bắt bớ, hãm hại người kháng chiến, chống chiếm đất mở rộng sân bay (1957), buộc bồi thường thiệt hại cho dân (1958), bảo vệ quyền lợi dân trồng mía, đấu tranh vạch trần âm mưu hãm hại tù chính trị ở Phú Lợi 1959, chống luật 10/59 tàn ác. Huyện Vĩnh Cửu là địa bàn cơ sở để biệt đội C250 diệt Mỹ ở Nhà Xanh 7/7/1959.

Khi Trung ương có Nghị quyết 15 về lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang ở Nam Bộ, quân dân huyện Vĩnh Cửu tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao: Củng cố tổ chức, xây dựng vũ trang, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị. Tháng 9/1960, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Thủ Biên, huyện Vĩnh Cửu được tổ chức lại gồm 13 xã: Bình Hòa, Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Lợi Hòa, Bình Thạnh, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An, Cây Gáo và thị trấn Trảng Bom. Các xã còn lại chuyển giao về thành phố Biên Hòa. 100 thanh niên nam nữ các xã Bình Long, Tân Phú, Lợi Hòa, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An,... hăng

hái ra chiến khu tham gia kháng chiến. Ngày 29/12/1960, tổ chức mít-ting ở Thiện Tân mừng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Lực lượng vũ trang vừa được củng cố của Vĩnh Cửu; phối hợp Tiểu đoàn 800 diệt Chi khu Hiếu Liêm (ngày 16/3/1961), thắng trận Lò Than, Bến Cá cuối năm 1961. Trải qua thời kỳ từ 1954-1959, tuy gặp nhiều khó khăn trước kẻ thù hung ác, có bạo lực, Đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh Cửu dù bị nhiều thiệt hại, nhưng luôn luôn thể hiện được niềm tin vào lý tưởng cách mạng, một lòng chở che cho cán bộ hoạt động. Nhiều đảng viên bị bắt đã thể hiện khí tiết của người cộng sản. Lòng trung thành đó lý giải vì sao khi có Nghị quyết 15, phong trào cách mạng của huyện Vĩnh Cửu lại khôi phục và phát triển nhanh, mạnh hơn nhiều nơi khác. Từ đấu tranh chính trị thuần túy, Đảng bộ và quân dân Vĩnh Cửu chính thức bước vào cuộc đấu tranh vũ trang giành nhiều thắng lợi quan trọng.

Từ sau đồng khởi 1960 đến 1965, quân dân Vĩnh Cửu cùng cả nước đánh địch bình định, chống phá áp chiến lược, mở rộng vùng làm chủ. Thời gian này, các tổ chức nhân dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn Vĩnh Cửu đều đã trưởng thành. Nhưng, âm mưu và thủ đoạn của địch càng thêm quyết liệt, tăng cường đánh phá với quy mô lớn và vũ khí chiến tranh hiện đại.

Tháng 11 năm 1961, kế hoạch Staley - Taylor, thực hiện chiến lược Chiến tranh đặc biệt được thông qua. Vĩnh Cửu là địa bàn vùng ven các hậu cứ lớn của địch ở Biên Hòa, nên chúng tập trung chủ lực càn quét, mạnh nhất là ở vùng Trị An, Đại An, Tân Định, Thiện Tân; địch mở những cuộc hành quân đánh phá vào các căn cứ cách mạng, như cuộc hành quân “Mặt trời mọc” kéo dài đến tháng 12/1962, đánh vào Chiến khu Đ, Hiếu Liêm, Đại An, Trị An. Từ Thiện Tân lên Trị An, Cây Gáo, địch xây đồn, lập tua, bót, tạo tuyến phòng ngự dọc sông Đồng Nai nhằm ngăn chặn lực lượng cách mạng từ Chiến khu Đ qua hoạt động.

Tháng 4/1962, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Nghị

quyết về phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam: trong đó trọng yếu là kiên quyết phá áp chiến lược gom dân của địch, ra sức mở rộng căn cứ địa. Vĩnh Cửu có vị trí chiến lược quan trọng. Với địch là bàn đạp ngăn chặn lực lượng cách mạng và tiến công vào Chiến khu Đ, vùng ven bảo vệ cơ quan đầu não miền Đông ở thành phố Biên Hòa. Do đó, chúng sẽ tập trung lực lượng và áp dụng các thủ đoạn thâm độc nhằm biến Vĩnh Cửu thành vùng trắng, làm mất địa bàn của cách mạng, cắt đứt mối liên hệ giữa kháng chiến với quần chúng nhân dân. Với cách mạng, Vĩnh Cửu là vùng cung cấp nhân lực, vật lực cho tỉnh, bàn đạp tiến công địch ở thị xã Biên Hòa, cửa ngõ án ngữ bảo vệ căn cứ Chiến khu Đ, là đường hành lang vận chuyển chiến lược của Khu và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Do vậy, cuộc đấu tranh giữa ta và địch sẽ hết sức gay go, ác liệt. Nhưng ta có chỗ dựa vững chắc là nhân dân có truyền thống cách mạng, có Huyện ủy, chi bộ, đảng viên một lòng một dạ vì sự nghiệp cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, Đảng bộ huyện Vĩnh Cửu lãnh đạo quán triệt đầy đủ phương châm, phương thức vùng tranh chấp, vùng yếu, vùng sâu, tạo thế bám trụ trong dân, giáo dục quần chúng đấu tranh, phát động nhiều phong trào chống phá áp chiến lược, nỗ lực sản xuất, chống đói, nhiều lúc đào củ chup nuôi quân. Tháng 7/1963, huyện chỉ đạo củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền ở huyện và cơ sở, huyện cũng chỉ đạo củng cố lại đội du kích ở các xã, mạnh nhất là các đội du kích Trị An, Tân Phú, Lợi Hòa. Lực lượng vũ trang phối hợp các đơn vị tổ chức đánh thắng: Trận Đại An (ngày 24/11/1963); giải phóng hoàn toàn, làm chủ đồn Trị An trong 28 ngày (ngày 2/2/1964), diệt đồn Kim Liên (ngày 3/2/1964), tạo thế mở rộng Chiến khu Đ về phía Nam, tạo địa bàn cho các lực lượng vũ trang vào hoạt động vùng sâu và tiến công cơ sở quân sự của địch trong thị xã Biên Hòa; phối hợp tiểu đoàn 800 diệt đồn Cây Gáo (tháng 7-1964), diệt Chi khu Hiếu Liêm (ngày 12/9/1964); tham gia, phối hợp quân chủ lực tập kích bằng pháo vào Sân bay



Biên Hòa (ngày 31/10/1964). Ngoài ra, bộ đội Vĩnh Cửu còn chủ động diệt đồn Bình Long (năm 1964).

Trong quá trình chiến đấu liên tục, lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu trưởng thành nhanh chóng, bộ đội huyện phát triển thành một đại đội mạnh, các xã đều có đội du kích bám sát cơ sở sẵn sàng đánh địch. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ đều xây dựng nòng cốt tận xã, ấp, tạo điều kiện cho đấu tranh chính trị, binh vận và phục vụ chiến đấu. Đánh bại hệ thống áp chiến lược của địch ở Vĩnh Cửu. Đảng bộ và quân dân huyện đã triển khai được thế trận mới. Quân dân Vĩnh Cửu dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới hết sức gian khổ và phức tạp: Bám địa bàn, phát triển chiến tranh nhân dân tạo điều kiện tiến công địch, đánh vào các hậu cứ, kho tàng, diệt phương tiện chiến tranh của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Vĩnh Cửu cũng là địa bàn “bàn đạp” để quân ta tiến công hang ổ địch. Quân dân Vĩnh Cửu đã tạo điều kiện, trợ giúp về thông tin, hậu cần để quân chủ lực đánh Sân bay Biên Hòa. Đêm 23 rạng sáng 24/8/1965, lực lượng Vĩnh Cửu cùng bộ đội miền đánh bại cuộc hành quân vào Đại An ngày 11/11/1965 của lữ dù 173 Mỹ. Lần đầu tiên ở Biên Hòa, quân viễn chinh Mỹ bị đánh diệt ở Gang Tói (Đại An), tạo niềm tin ta có khả năng thắng Mỹ; tháng 4/1966, tiếp tục phục kích diệt 47 lính Mỹ ngoài vòng rào sân bay Biên Hòa. Bộ đội Vĩnh Cửu còn tấn công diệt địch ở đồn Đại An do tên Tăng Văn Lùn (tức Ba Lùn) chỉ huy làm lung lay tinh thần binh lính trong hệ thống đồn bót trên địa bàn.

Năm 1966, Đảng bộ huyện Vĩnh Cửu được Tỉnh ủy Biên Hòa U1 giao nhiệm vụ... tích cực chuẩn bị lương thực, nắm tình hình địch, phục vụ tin tức cho đặc công tiềm nhập nghiên cứu hậu cứ, kho tàng địch. Nhờ có sự giúp đỡ, phối hợp của quân dân địa phương, 2 giờ sáng ngày 22/6/1966, các chiến sĩ đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng, Nguyễn Văn Thái (Tur Già), Bùi Văn Hòa chỉ huy đã vượt qua mọi chướng ngại phòng thủ, dùng

mìn hẹn giờ đánh vào khu đồi 53 trong tổng kho Long Bình, phá hủy 40.000 quả đạn pháo 155 ly của Mỹ chưa kịp đem đi gây tội ác. Bốn tháng sau, đêm 26/10/1966, đặc công U1 bí mật vượt nhiều lớp kẽm gai đột nhập kho Long Bình; đặt bom, phá hủy 125.000 quả đạn các loại. Tiếp theo, trong hai đêm 17/11/1966 và 9/12/1966, đặc công lại bí mật tập kích bằng mìn vào các khu kho lớn ở đồi 53, phá hủy 228.6000 ngàn quả đạn pháo, rốc-két. Vào lúc 2 giờ 45 phút ngày 4/2/1967, thêm một lần nữa, đại đội 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái chỉ huy đã bí mật dùng mìn gắn kíp nổ hẹn giờ đánh đồng loạt vào 40 kho bom đạn trong tổng kho Long Bình, phá hủy 800.000 quả đạn pháo 105, 155 ly. Các chiến công liên tiếp đánh vào dạ dày của Mỹ ở tổng kho Long Bình thuộc về các đơn vị đặc công. Nhưng, đơn vị chiến thắng nào cũng nhớ đến tâm sức của quân dân Vĩnh Cửu; như ở ấp 7, chi bộ Thiện Tân với 5 hầm bí mật cất giấu lương thực và vũ khí cho đặc công tỉnh.

Đêm 11/5/1967, trung đoàn pháo 274 ĐKB từ Chiến khu Đ hành quân về Tân Tịch xây trận địa pháo với 48 khẩu ĐKB. Bộ đội huyện Vĩnh Cửu cũng lên đường, bố trí án ngữ dọc đường Kiểm, Đồng Lách, tạo điều kiện cho đội cối tinh xây dựng trận địa pháo tại đồi Bà Già (Kẻ Sắt - Hồ Nai) với 2 khẩu ĐKZ 75. Chi bộ Tân Phú, Bình Long tổ chức trận địa giả ở bờ sông Đồng Nai để nghi binh. 1 giờ sáng ngày 12/5/1967, 50 khẩu ĐKB và ĐKZ nã đạn vào sân bay Biên Hòa. Sân bay chìm trong biển lửa, 150 máy bay các loại bị phá hủy, nhiều sĩ quan phi công và kỹ thuật Mỹ bị diệt.

Tham gia cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, lực lượng huyện Vĩnh Cửu hành quân về địa điểm tập kết tại chùa Cao Đài (Tân Phú) chờ lệnh hợp đồng theo tiếng pháo sân bay Biên Hòa. Từ hướng Lò Thổi (Tân Phú) lực lượng huyện, đặc công tỉnh và sư 5 tăng cường tiến công vào chi khu Công Thanh do một đại đội bảo an đóng giữ. Đợt tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, huyện Vĩnh Cửu hoàn thành nhiệm vụ được giao, thắng lợi về chính trị

nhưng nhiều hy sinh, tổn thất. Vĩnh Cửu là huyện chiếm lĩnh và làm chủ dài ngày nhất so với các huyện trong tỉnh.

Ngày 5/4/1968, lực lượng Vĩnh Cửu cùng các đơn vị đóng quân trên địa bàn đánh bại cuộc hành quân của lữ 1 thuộc sư 9 bộ binh Mỹ tràn vào Đại An. Như vậy, ngay khi quân viễn chinh Mỹ đổ quân vào Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Đảng bộ, quân dân huyện đã xác định những khó khăn, thuận lợi để tạo thế trận đánh địch. Với tinh thần bám trụ kiên cường, Đảng bộ, quân dân huyện Vĩnh Cửu từng bước khắc phục khó khăn, giữ vững và phát triển được cơ sở cách mạng, tạo điều kiện tích cực cho các lực lượng vũ trang tiến công các cơ quan đầu não, sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ và tay sai, góp phần lớn trong việc hỗ trợ chiến trường chung đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của địch.

Cuối năm 1968 đến 1973, địch tăng cường càn quét, đánh phá, quyết tiêu diệt sinh lực của cách mạng sau sự kiện Mậu Thân. Tình hình Vĩnh Cửu hết sức khó khăn. Lực lượng huyện Vĩnh Cửu đã bị nhiều tổn thất. Lúc này, hầu hết các xã không còn chi bộ, chỉ còn đảng viên lẻ (trừ Tân Phú, Tân Định, Thiện Tân). Du kích xã nào còn nhiều là 1 tiểu đội (ở các xã Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Bình Long). Các xã khác ở vùng sâu không còn du kích, bộ đội huyện phải tăng cường. Cán bộ chiến sĩ bám trụ phải ở hầm chật chội, nóng nực, thiếu không khí, nhưng tất cả đều không ngại gian khổ, quyết tâm bám lại để xây dựng cơ sở. Nhiều cán bộ hy sinh anh dũng, như trường hợp ngày 16/1/1969, địch tràn vào Lợi Hòa, các đồng chí Thành, Phúc, Bảy Cúc, Nhung, Hùng, Dũng bị lộ hầm ở Dõ Sa, địch gọi hàng, các đồng chí chiến đấu đến viên đạn cuối cùng.

Tuy tình hình hết sức khó khăn, nhưng Huyện ủy Vĩnh Cửu vẫn chỉ đạo cho các chi bộ tích cực xây dựng cơ sở, chuẩn bị phối hợp với các lực lượng vũ trang tiến công địch. Ngày 20/5/1969, chi bộ xã Tân Phú, Tân Định bí mật đưa tiểu đoàn 1 đặc công tỉnh về

tập kích bằng pháo vào chi khu Công Thanh và bót Rạch Đông. Cả hai nơi, ta bắn sập 17 nhà lính, diệt 31 tên bảo an. Ngày 31/5/1969, tiểu đoàn đặc công tỉnh tập kích vào cụm pháo Mỹ ở Bà Cô (Thiên Tân), phá hủy 5 khẩu pháo. Cùng thời gian, đặc công đánh vào cụm pháo Ba Dốc, phá hủy 2 khẩu pháo 155 ly; du kích dẫn đường đưa 1 tổ đặc công dùng mìn, thủ pháo tiến công bọn lính sư đoàn 18 và biệt động quân ở Tân Định, diệt 10 tên.

Đêm 7/6/1969, Chi bộ Tân Phú tổ chức cơ sở đưa đặc công tỉnh về Gò Găng xây dựng trận địa pháo dã chiến. Từ đây, những quả đạn H12 được cất giấu trước đã được phóng vào sân bay Biên Hòa. Ba chiếc máy bay phản lực F.105 bị phá hủy, 2 giắc lái Mỹ bị diệt, kho bom Bình Ý trúng đạn nổ tung. Sống trong vòng kìm kẹp của địch, ra vào bị tra xét, đi lại bị khống chế nhưng lòng dân Vĩnh Cửu vẫn hướng về cách mạng. Các má Tám, má Hai, chị Bảy Hào, Út Sao, Tư Hoạch làm ruộng lúa ở Ông Tạ (Tân Định) khi gặt lúa đập xong đều để lại ruộng một số lúa cho cách mạng. Đêm 20/1/1970, pháo đặc công của tỉnh về ém tại Chân Chùa, trời tối đen như mực, các chiến sĩ nhanh chóng lập bệ phóng. Đạn ĐKB được đưa lên khỏi mặt đất. 24 giờ đêm, 20 quả đạn ĐKB phát hỏa rớt thẳng vào sân bay Biên Hòa. Nhiều tiếng nổ vang lên, tám chiếc trực thăng bị bắn cháy, kho bom trong sân bay bị nổ tung, cả sân bay Biên Hòa rực lửa suốt 3 tiếng đồng hồ.

Những năm tháng từ 1969 đến cuối năm 1971 là thời gian cực kỳ gian khổ đầy thử thách của Đảng bộ và quân dân Vĩnh Cửu. Tuy bị thiệt hại nhưng trải qua khó khăn đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ huyện nhà được tôi luyện càng thêm vững vàng, kiên định. Đến tháng 12/1971, ta đã xây dựng được thế tranh chấp ở 12 ấp trong huyện. Tuy ít, nhưng đây là cố gắng lớn của Đảng bộ huyện. Một thắng lợi có ý nghĩa to lớn ở một địa bàn xung yếu mà lực lượng địch đông gấp bội lực lượng cách mạng. Tin Đảng, tin dân, được nhân dân một lòng nuôi dưỡng, chở che, lực lượng huyện Vĩnh Cửu từng bước trụ lại và tạo thế giữ địa bàn tiến công kẻ thù.

Vĩnh Cửu là địa bàn hình thành các đơn vị chủ lực của Miền. Ngày 3/6/1972, Quân ủy Miền làm lễ thành lập trung đoàn đặc công 113 tại suối Bà Hào (Chiến khu Đ). Đồng chí Nguyễn Thanh Tùng (Chín Tùng) đưa một bộ phận trình sát đặc công xuống Thiện Tân chuẩn bị địa bàn cho tiểu đoàn 9 và tiểu đoàn pháo thực hiện kế hoạch tiến công Sân bay Biên Hòa. Theo chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ mật Thiện Tân tổ chức 2 tổ nữ thanh làm nhiệm vụ giao liên dẫn đường, thu lương thực cho trung đoàn 113. Việc liên lạc giữa trung đoàn và chi bộ mật Thiện Tân được tổ chức bằng hộp thư kín do đồng chí Ba Thanh, Bí thư chi bộ mật phụ trách. Đêm 1/8/1972, sau 2 tháng thành lập, tạo thế đứng vững ở Thiện Tân, tiểu đoàn 14 đặc công đã dùng ĐKB dội bão lửa vào sân bay Biên Hòa, phá hủy, phá hỏng 74 máy bay các loại, diệt hàng trăm Mỹ ngụy, phá 11 xe quân sự, 2 dàn ra đa, 2 kho xăng, kho bom napal, 1 kho đạn, 1 kho lương thực, 2 kho thiết bị chiến tranh. Đêm 31/8, tiểu đoàn 14 đặc công (trung đoàn 113) tiến công lần 2 vào sân bay Biên Hòa, phá hủy 48 máy bay, diệt 50 Mỹ ngụy. Đêm 9/9/1972, được cơ sở mật ở Tân Phong dẫn đường, tiểu đoàn pháo 174 (đoàn 113) bố trí trận địa ĐKB và hỏa tiễn H12 tại dốc Ông Hoàng.

8 giờ sáng 10/9, quả mìn có gắn đầu nổ hẹn giờ do nội tuyến trong sân bay gài phát hỏa. Theo đúng kế hoạch hợp đồng, các khẩu ĐKB và H12 từ dốc Ông Hoàng (lộ 24 Vĩnh Cửu) bắn cấp tập vào các mục tiêu trong sân bay. 175 máy bay gồm phản lực A37, vận tải C130 bị nổ tung, gần 70 lính Mỹ ngụy bị chết. Sân bay Biên Hòa bị tê liệt 3 ngày liền.

Tháng 10/1972, tỉnh Biên Hòa được thành lập lại. Huyện Vĩnh Cửu tách khỏi huyện Trảng Bom. Tháng 1/1973, theo chỉ thị của Trung ương Cục và Tỉnh ủy Biên Hòa, Huyện ủy Vĩnh Cửu chỉ đạo các chi bộ tích cực chuẩn bị lương thực, băng, cờ, khẩu hiệu và chuyển vũ khí, vào đợt “chồm lên chiếm lĩnh” để đánh bại âm mưu “tràn ngập lãnh thổ”, giành dân, lấn đất của địch trước khi có Hiệp định Paris. Diêm của huyện là xã Thiện Tân, diện là 2 xã

Tân Định, Đại An. Đêm 26/1/1973, du kích xã Thiện Tân được một tiểu đội đặc công (tiểu đoàn 9) hỗ trợ (gồm 16 tay súng) tiến công đánh chiếm ấp 7 và ấp Ông Hường.

Hiệp định Paris (27/1/1973) đã được ký kết, đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử đối với cách mạng nước ta. Theo Hiệp định, Mỹ phải rút quân về nước. Nhưng Mỹ không từ bỏ dã tâm “Việt Nam hóa chiến tranh”, vẫn tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế, cố vấn cho chế độ tay sai ở Sài Gòn; đẩy mạnh lấn chiếm, lấy bình định nông thôn làm biện pháp trung tâm đánh phá cách mạng, xóa thể da beo; phục hồi kinh tế, phong tỏa kinh tế cách mạng. Quân dân Vĩnh Cửu chưa kịp vui khi có Hiệp định ngừng bắn, lại phải đối phó với thủ đoạn âm mưu mới lăm chằm dành dân của ngụy quyền.

Ngày 11/2/1973, địch tiếp tục vi phạm Hiệp định, đẩy mạnh lấn chiếm ở Vĩnh Cửu. Huyện ủy Vĩnh Cửu đã lãnh đạo đấu tranh thắng lợi, đẩy lùi các cuộc càn lấn, ủi đất vi phạm Hiệp định của địch ở Đại An, Bùng Bình (Thiện Tân), Đồng Lách (Tân Định),

Bước vào mùa khô 1974-1975. Huyện ủy Vĩnh Cửu quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục và Nghị quyết của Tỉnh ủy, xác định nhiệm vụ trọng tâm của huyện: Chuyển tranh chấp mạnh và giải phóng 3 xã vùng 1, điểm là Đại An; chuyển tranh chấp 8 xã vùng 2 và 3, tập trung là 2 xã Bình Long, Lợi Hòa; thọc sâu xây dựng cơ sở, du kích mật Tân Phú; đánh phá giao thông lộ 24, đường Kiểm, phối hợp với đoàn 113 đánh các trận địa pháo, sân bay Biên Hòa. Từ 30/11 đến 5/12/1974, tất cả cấp ủy huyện, cán bộ lực lượng vũ trang đều bám các xã chuẩn bị vào đợt. Đêm 7/12, cùng với toàn Miền, toàn tỉnh, quân dân Vĩnh Cửu nổ súng tiến công địch.

Đêm 26/4/1975, Huyện ủy Vĩnh Cửu họp và nêu quyết tâm: “Động viên toàn Đảng bộ, lực lượng vũ trang, bán vũ trang bằng lực lượng 3 mũi tại chỗ, huy động cao nhất mọi cơ sở vật chất, kết hợp lực lượng trên giải phóng toàn huyện...”. Điểm tập trung là Đại An, sau đó phát triển tiến công xuống Tân Định, Thiện Tân, theo lộ 24 tiến chiếm chi khu Công Thanh. Các xã dùng lực lượng tại chỗ bao

vây, tiên công và nổi dậy tự giải phóng xã, ấp.

Tình hình diễn ra hết sức nhanh chóng. Thắng lợi dồn dập từ các mặt trận lộ 1, lộ 15 làm nức lòng quân dân Vĩnh Cửu. Ở các xã, đảng viên, nông cốt tích cực chuẩn bị lương thực, băng cờ, truyền đơn sẵn sàng đón thời cơ mới.

Đêm 28/4/1975, pháo binh ta từ Hiếu Liêm dội cấp tập vào sân bay Biên Hòa, quân đoàn 3 quân đội Sài Gòn. Tiểu đoàn 9 đặc công nhanh chóng triển khai tiến công vào căn cứ thiết giáp Hóc Bà Thúc. Ta hoàn toàn chiếm lĩnh căn cứ này, diệt 60 tên, bắt sống tên thiết đoàn trưởng thiết đoàn 15 quân đội Sài Gòn. Cả tiểu đoàn bám trụ, đánh bật nhiều đợt phản kích của 2 tiểu đoàn nguy có xe tăng, máy bay yểm trợ. Ngày 29/4/1975, lá cờ quyết thắng của tiểu đoàn hiên ngang bay trên nóc nhà chỉ huy căn cứ Hóc Bà Thúc. 1 giờ sáng ngày 30/4/1975, bộ đội huyện và du kích lần lượt giải phóng Tân Định, Đại An, rồi tiến chiếm chi khu Công Thanh. Đoàn đặc công 113 tiên công chiếm giữ căn cứ thiết giáp Hóc Bà Thúc. Huyện ủy Vĩnh Cửu chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện (C26) nhanh chóng hành quân về kết hợp cùng du kích các xã dọc lộ 24 Tân Phú, Lợi Hòa, Bình Thạnh, Bình Phước, Tân Triều, Bình Ý, Bình Hòa cùng quần chúng nhân dân tấn công vũ trang kết hợp với binh vận, kêu gọi bọn địch buông súng đầu hàng. Sáng ngày 30/4/1975, huyện Vĩnh Cửu hoàn toàn được giải phóng, bộ máy chính quyền địa phương gồm 2.087 tên hoàn toàn tan rã. Lịch sử cách mạng huyện Vĩnh Cửu sang trang.

Ngay sau khi huyện nhà cùng miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ huyện lãnh đạo toàn diện xây dựng chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục và phát triển sản xuất. Vượt qua nhiều khó khăn, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Cửu đã đoàn kết, vững lòng, chung tay xây dựng và bảo vệ đất nước, làm cho Vĩnh Cửu phát triển toàn diện như ngày hôm nay. Với những thành tích ấy, năm 1996, Đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh Cửu được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Lý

Xã Phú Lý<sup>(1)</sup>, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai trước năm 1976 là xã Độc Lập; nằm ở phía Đông - Đông Bắc tỉnh Đồng Nai cách trung tâm tỉnh (Biên Hòa) 60km và trung tâm huyện Vĩnh Cửu 30km.

Trước năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ; ở xã Lý Lịch phần lớn là đồng bào dân tộc Chơ-ro sinh sống. Tuy nhiên, ngoài số cán bộ, bộ đội công tác tại đây cũng có sự tiếp xúc giữa đồng bào dân tộc Chơ-ro và người Kinh, do đồng bào dân tộc bị các thế lực phong kiến tư sản dựa vào thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn để bóc lột ép đồng bào làm thuê, ở đợ cho chúng. Cũng có một số người Kinh không chịu được cảnh áp bức dã man tàn bạo của giặc nên bỏ xứ, vào rừng sống cùng đồng bào dân tộc. Nhiều người lao động đã phải ở đợ truyền đời, bị bắt đi phu, đi lính, lao động khổ sai nơi “sơn cùng cốc thẳm”, nhiều người ngày đi thì có, ngày về thì không, như ông Tám Hội, ông Hai Dừ.

Ở đâu có áp bức ở đó có đấu tranh, “tức nước vỡ bờ” đó là nguyên lý. Trong các cuộc đấu tranh tự phát của quần chúng nhân dân chống lại bọn thực dân phong kiến, mọi người còn lưu truyền câu chuyện cụ Huỳnh Văn Đố - già làng lúc đó, đã cầm rựa rượt đuổi, chém bọn tay sai của đế quốc phong kiến vào xã bắt xâu.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Cửu.



Nhưng các cuộc đấu tranh đó cũng chỉ mang tính chất cá nhân tự phát chưa có sự lãnh đạo của Đảng. Vào những năm 1937-1938, thực dân bắt một số đồng bào trong xã, kinh cũng như dân tộc thiểu số làm phu, làm xâu ở quốc lộ 20, ở nhà tù Tà Lại. Qua làm việc, dân chúng tiếp xúc với các đồng chí tù nhân cộng sản bị giam cầm tại đây, được giác ngộ, vận động nhau bỏ về không làm phu nữa, như ông Ba Cần, ông Năm Kịp. Đó cũng chính là những hạt giống đỏ mà cách mạng đã gieo vào trong lòng đồng bào các dân tộc trong xã Lý Lịch. Do vậy, vào những năm 1940-1941 một số chiến sĩ cộng sản vượt ngục như ông Trần Văn Giàu từ Tà Lại về Lý Lịch đã được đồng bào trong xã như ông Nguyễn Văn Huỳnh, Nguyễn Văn Chuyền... che giấu nuôi dưỡng. Tên Chín Lộng tay sai Pháp dẫn lính về lục soát, dọa dẫm, mua chuộc đồng bào hòng bắt lại các chiến sĩ cộng sản, đồng thời chia rẽ đồng bào với cách mạng. Nhưng trước tinh thần kiên trinh, bất khuất của đồng bào kẻ địch đã thất bại hoàn toàn.

Xã Phú Lý được xác định là vị trí chiến lược quan trọng của chiến khu miền Đông Nam Bộ, là nơi che giấu, nuôi dưỡng lực lượng cán bộ, căn cứ hoạt động của các lãnh đạo Khu ủy và Quân khu trong việc tham mưu, hoạch định kế hoạch tổ chức các trận đánh góp phần giành thắng lợi trong kháng chiến ở miền Đông.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công trong cả nước, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hòa cùng khí thế cả nước, đồng bào xã Lý Lịch được sự giúp đỡ của những chiến sĩ Chi đội 10 Biên Hòa như Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Văn Luận... đã kịp thời xây dựng chính quyền và các đoàn thể ở xã. Ông Hồng Văn Hộ được cử làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến của Lý Lịch. Đó là Chủ tịch đầu tiên của chính quyền dân chủ nhân dân xã Lý Lịch với nhiệm vụ chính là chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.

Tháng 1/1946, giặc Pháp theo đường sông lên đánh căn cứ cách mạng ở khu vực Tân Uyên - Sông Bé (ngày nay). Dưới sự lãnh

đạo của chính quyền cách mạng, bà con dân tộc đã vận chuyển lương thực, thực phẩm với hàng chục cây ná, hàng trăm mũi tên vào căn cứ để góp phần đánh bại cuộc hành quân của Pháp và tay sai. Đồng thời, tại xã, để củng cố địa bàn, chính quyền đã bắt tên Huỳnh Văn Thôi tay sai của giặc Pháp giao cho chỉ huy căn cứ xử lý. Tuy cuộc sống còn khó khăn, đồng bào luôn đứng về cách mạng, nhin phần mình để nuôi dưỡng cách mạng, nuôi đoàn C (đội võ trang tuyên truyền đặc biệt, cán bộ, chiến sĩ quốc dân thiếu số Biên Hòa); để từ đây đoàn tỏa đi các nơi trong vùng vận động đồng bào dân tộc làm cách mạng. Cùng với việc giúp đỡ các lực lượng cách mạng, nhân dân trong xã còn hăng hái thoát ly, tham gia du kích, tiêu biểu như các ông Nguyễn Văn Ngô, Hồng Văn Hà, Hồng Văn Lượng, Hồng Văn Hùng. Đồng bào trong xã còn cứu mang các gia đình dân phu bỏ trốn lên Lý Lịch; cuối năm 1946 có 10 hộ với 48 nhân khẩu đã được bà con nuôi giúp; phần lớn trong số này lấy Lý Lịch làm quê hương, tham gia vào đời sống kháng chiến, tại đây, có người đóng góp hàng ngàn cây chông trong chiến dịch chống Pháp nhảy dù ở Mỹ Lộc tháng 1/1947.

Từ một vài hạt giống đỏ qua thử thách, đến tháng 5/1947 Lý Lịch đã có 6 đảng viên Đảng Cộng sản: Huỳnh Văn Dó, Hồng Văn Hà, Hồng Văn Lượng, Huỳnh Văn Rạng, Hồng Văn Huế, Nguyễn Văn Ngô. Đó là cột mốc đánh dấu sự trưởng thành của xã và những con người của Lý Lịch trong quá trình đi theo cách mạng.

Để xóa bỏ khu căn cứ của cách mạng, ngày 5/3/1947, Pháp đột kích nhảy dù xuống Lý Lịch. Đồng bào và các cơ sở đã kịp thời sơ tán phương tiện và tài sản quan trọng vào rừng sâu. Giặc tức tối đốt nhà, giết trâu bò, heo gà của đồng bào; lương thực, thực phẩm nuôi quân không hề bị ảnh hưởng. Nhờ vậy, nguồn lực địa phương vẫn đảm bảo hậu cần cho bộ đội lập chiến công trong trận thắng La Ngà lừng lẫy tháng 3/1948. Tuy không trực tiếp cầm súng chiến đấu, nhưng cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, nhân dân xã Lý Lịch đã ủng hộ lương thực, thực phẩm, mở đường vận chuyển

vũ khí, nuôi quân trước, trong và sau chiến thắng La Ngà. Sau chiến thắng này, 7 cán bộ cốt cán của xã được rút lên huyện đội công tác.

Bị thua đau trên nhiều chiến trường, trong đó có ở Lý Lịch, kẻ địch lại tập trung quân mở một trận càn dữ dội, gồm hơn 1 trung đoàn Pháp, 2 tiểu đoàn quân sự Sài Gòn và quân ở các đồn bót xung quanh, tập trung đánh phá các căn cứ cách mạng, trong đó xã Lý Lịch là một trong những trọng điểm. Vào tháng 9 và 10/1951, ở xã, ngoài lực lượng chủ lực, xã có một tiểu đội vũ trang dưới sự chỉ huy của đồng chí Hai Ngô - xã đội trưởng. Tiểu đội đã kiên cường bám dân chiến đấu, góp phần làm thất bại cuộc càn quét của địch. Bị thất bại, bọn Pháp bắt 9 hộ dân đưa về Túc Trưng để hòng lung lạc tinh thần và khai thác thông tin. Một lần nữa, tấm lòng kiên trung một lòng theo Đảng, theo cách mạng của đồng bào đã làm kẻ địch thất bại không thu được gì, cuối cùng số người bị bắt móc nối với cơ sở trốn được về với Lý Lịch.

Giai đoạn 1945-1954, cuộc sống của dân Lý Lịch vô cùng khổ cực, thiếu thốn, kẻ địch bao vây phong tỏa khu căn cứ ngặt nghèo, nhưng đồng bào vẫn dành lương thực, vật dụng nuôi giúp tiểu đoàn võ trang tuyên truyền Sông Bé và tiểu đoàn vận tải 320 miền Đông. Tấm gương tiêu biểu trong hoạt động này là ông Sáu Lượng và Hai Tây.

Cũng trong thời gian này, chính quyền nhân dân được củng cố từ ấp đến xã. Ông Huỳnh Văn Rạng làm Chủ tịch xã., Hội “Thanh niên cứu quốc” ra đời và góp phần sản xuất nuôi quân, giúp đỡ cách mạng. Lực lượng vũ trang của xã lúc này mỗi ấp có một tiểu đội (5 ấp) do ông Nguyễn Văn Ngô làm xã đội trưởng.

Như vậy, suốt thời gian 9 năm chống Pháp, căn cứ cách mạng Lý Lịch ngày càng lớn mạnh, vững chắc, góp phần đánh bại thực dân Pháp. Đồng thời, cũng 9 năm đó con người và các lực lượng xã Lý Lịch cũng trưởng thành vượt bậc, giác ngộ lý tưởng cách mạng, một lòng kiên trung theo cách mạng, không có ai làm tay sai cho địch.

Giai đoạn chống Mỹ cứu nước 1954-1975, theo thỏa thuận của hiệp định Geneve phần lớn bộ đội cán bộ của ta tập kết ra miền Bắc. Đồng bào Lý Lịch chỉ cử một người đi, số đông ở lại bám trụ xây dựng quê hương, tiếp tục xây dựng căn cứ cách mạng, chấp nhận hoạt động bí mật. Giai đoạn 7/1954 đến 7/1956, Lý Lịch là trụ sở của Huyện ủy Sông Bé, do đồng chí Tạ Quang Lộc - Bí thư Huyện ủy Sông Bé trực tiếp chỉ đạo.

Trước sự đàn áp của kẻ địch, một số cán bộ đảng viên ở các đô thị đã rút lên Lý Lịch hoạt động (như đồng chí Lê Thanh, Chín Quỳ). Tháng 12/1956, Lý Lịch cũng đón tiếp, trợ giúp một số tù chính trị phá nhà lao Tân Hiệp lên hoạt động, như đồng chí Chín Quận, Bảy Tấn...

Nhiều đồng bào trong xã được xét kết nạp vào Đảng. Tháng 7/1957, chi bộ Đảng của xã được thành lập do ông Năm Nổi (Nguyễn Văn Nổi) làm Bí thư. Đây là một chi bộ độc lập đầu tiên ở ở miền Đông Nam Bộ có nhiều đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số. Cũng trong thời gian này, nhiều cơ quan đầu não của miền Đông đóng quân ở Lý Lịch. Tháng 6/1958, Xứ ủy lập Ban quân sự và Đảng ủy lực lượng vũ trang Miền - tiền thân của lực lượng vũ trang Đông Nam Bộ, do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên, Mai Chí Thọ lãnh đạo.

Được sự giúp đỡ nhiệt tình, đồng cam cộng khổ của đồng bào xã Lý Lịch, các đơn vị bộ đội, các tổ chức Đảng được giữ vững và phát triển, mặc dù có lúc phải ăn củ mài, củ chụp thay cơm. Để bảo đảm an toàn bí mật căn cứ, các lực lượng trong xã phát hiện và bắt giữ tên Ngọc - một ác ôn giả dạng người mua dầu cải vào Lý Lịch thăm dò khu căn cứ, báo tin cho địch. Trước khí thế cách mạng ngày càng phát triển, chính quyền Sài Gòn tìm mọi cách ngăn chặn, bao vây khùng bố, mua chuộc hồng phá hại phong trào của đồng bào Lý Lịch. Tháng 6/1959, chúng đưa 10.000 quân càn quét Lý Lịch, đốt nhà, đốt lúa, bắn giết heo gà, tàn hại tất cả, không từ thứ gì.

Vì Chiến dịch Trương Tấn Bửu vào tháng 6/1956, đầu năm 1960, Huyện ủy chuyển dần về Đồng Xoài - Sông Bé. Việc liên lạc giữa Huyện ủy và xã gặp rất nhiều khó khăn, phải đối phó với biệt kích địch và thú dữ ở rừng, mỗi lần đi họp huyện, có khi 5-7 ngày mới về đến xã. Để không mất liên lạc và kịp thời nhận chỉ đạo của cấp trên, xã lập một tổ liên lạc gồm 4 đồng chí do đồng chí Sáu Lượng làm tổ trưởng. Nhờ vậy, sự liên lạc giữa xã và huyện ủy được thông suốt mấy năm liền. Qua đường dây giao liên này, xã luôn nhận được chỉ đạo của huyện, tự tạo hàng trăm nà, bẫy, vót hàng ngàn chông tre, đào hàng trăm mét hầm chiến đấu, tạo nhiều hầm chông để bảo vệ thôn làng và căn cứ cách mạng. Đặc biệt, năm 1959-1960, với tinh thần cách mạng tiến công, mặc dù thiếu gạo, đói cơm, các già làng họp lại quyết định giao đôi Cả Chạng và kho lương thực dự trữ của đồng bào cho bộ đội để nuôi quân. Tháng 10/1962, lính Sài Gòn nhảy dù xuống xã, trúng vũ khí tự tạo của đồng bào, chết 5 tên, bị thương 3 tên, phải bỏ dở cuộc càn quét. Du kích xã thu được 2 súng trường, nộp lên trên, được trang bị lại một khẩu.

Sau trận này, căn cứ Lý Lịch được giữ vững, làm chỗ đóng quân an toàn cho các đơn vị: U50; đoàn 81 814, C215, tiểu đoàn 14 pháo binh. Đồng bào Lý Lịch còn giúp đỡ vùng phụ cận Bàu Phụng xây dựng lực lượng, nên lực lượng phối hợp ngày càng đông, lớn mạnh, góp phần cùng dân, quân miền Đông đánh tan hàng chục trận càn lớn nhỏ; tham gia cuộc tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

Thời kỳ 1969-1971, sau Mậu Thân 1968, Mỹ và tay sai tăng cường đánh phá chiến khu cách mạng, một mặt dùng máy bay ném bom, rải chất độc, bom cháy xuống các khu vực căn cứ, mặt khác đưa quân (sư 1 kỵ binh bay Mỹ) đóng chốt khắp nơi, chia cắt, bao vây, cô lập các căn cứ; như các chốt: Suối Boong, đồi Bằng Lãng... Trong sự đùm bọc che chở của đồng bào, bộ đội vẫn an toàn huấn luyện, dưỡng quân, chuẩn bị cho mỗi trận đánh; vừa tiến công địch, vừa mở rộng vùng an toàn cho căn cứ.

Đến năm 1972-1973, Lý Lịch trở thành vùng an toàn của chiến khu Đ. Các cơ quan của Khu ủy miền Đông: Ban Chỉ huy, Ban Kinh tài, Cục Hậu cần, Ban An ninh... lập căn cứ tại đây, được đồng bào chia sẻ, đùm bọc trong tình quân dân cá nước. Có lần, đồng bào tiếp cứu đoàn công tác chi viện từ miền Bắc khỏi vòng phục kích của địch. Lần khác, 100 cán bộ, chiến sĩ đi công tác ở Mây Tàu về bị bom bi dọc đường, lạc rừng được đồng bào phát hiện, cứu sống, đưa về xã tịnh dưỡng rồi nối liên lạc trở về cơ quan; trong đó có đồng chí Mười Thiện, Tư Hồ...

Qua các thời kỳ khó khăn và ác liệt, nhân dân xã Lý Lịch vẫn một lòng hướng về cách mạng. Đồng bào thể hiện lòng thành với cán bộ: “Xin các đồng chí nói với Đảng, Bác Hồ, đồng bào xã Lý Lịch dù gian khổ đến mấy cũng xin theo cách mạng, theo bộ đội đến cùng, thà chết trong rừng với bộ đội chứ nhất định không ra vùng tạm chiếm”. Đó là lời hứa, là tấm lòng của đồng bào. Bằng tinh thần kiên trung, cán bộ và nhân dân xã Lý Lịch đã bám trụ giữ làng, phục vụ cách mạng góp phần giữ vững vùng chiến khu an toàn.

Với những công lao đóng góp cho cách mạng ở thời kỳ này, xã đã được Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng cờ luân lưu, được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tặng Huân chương hạng Nhất cùng nhiều huân, huy chương, danh hiệu dũng sĩ, bằng khen các loại cho các cá nhân có thành tích trong xã.

Điểm lại, quá trình đấu tranh của xã Phú Lý có nhiều nét đáng chú ý: Lập xã tháng 9/1945 với gần 100 hộ, hơn 501 khẩu thuộc huyện Đồng Nai - tỉnh Biên Hòa; 1951-1954 thuộc huyện Sông Bé, tỉnh Thủ Biên; 1955-1959 thuộc tỉnh Biên Hòa. Năm 1959-1965 thuộc Phước Thành. Năm 1965-1971 thuộc tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Năm 1971-1972 thuộc phân khu Bà Rịa. Năm 1971-1974 thuộc tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Năm 1974-1975 thuộc huyện Độc Lập, tỉnh Tân Phú. Số người thoát ly làm cách mạng,

chông Pháp có 15 người; chống Mỹ có 13 người. Gia đình diện chính sách, 4 liệt sĩ; 11 thương binh. 13 người bị giết, bị bắt, chết trong chiến tranh, 66 người bị thương, 5 người mất tích, 31 người bị bắt.

Tài sản bị địch đốt phá, cướp, giết: Bị đốt 200 lượt nóc nhà; bị đốt phá 96 tấn lương thực; bị cướp giết nhiều trâu bò, gà lợn; bị cướp phá 42 cái công chiêng, 310 cái ché...

Đồng bào thực hiện công trình tham gia kháng chiến: Tự tạo khoảng 1.400.000 chông, bẫy; ná chiến đấu 150 cây; rào làng 21.00 mét; đào 1.500 mét giao thông hào, 200 công sự và hầm tránh bom. Đồng bào đóng góp công sức khoảng 10.000 ngày công, 30 tấn lương thực cho cách mạng, nuôi dưỡng, che giấu hơn 30 đơn vị với hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ.

Với thành tích ấy, Đảng bộ và nhân dân trong xã được tặng thưởng: 1 cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (năm 1961); 1 Huân chương hạng Nhất của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (năm 1968). Cán bộ và nhân dân trong xã được tặng: 417 huân, huy chương các loại và nhiều bằng khen, giấy khen, chứng nhận dũng sĩ cho các hộ, các cá nhân có thành tích.

Sau năm 1975, xã Lý Lịch được phép gom dân lại, định cư tại khu vực Tà Lại. Nhưng do tập quán của đồng bào, phần đông không tập trung về Tà Lại mà vẫn bám địa bàn cũ, chỉ có khoảng 50 hộ dời về bên phải suối Samát lập ấp, lấy tên Lý Lịch, thuộc huyện Tân Phú. Theo chủ trương về kinh tế mới, nhiều hộ người Việt từ Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị ở Đồng Nai chuyển cư đến Lý Lịch sinh sống, hình thành các cụm dân cư, phát triển nhiều hoạt động sản xuất, dịch vụ. Năm 1977, đổi tên xã Lý Lịch thành xã Phú Lý, thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Thời gian này, đời sống của đồng bào trong xã căn bản còn nhiều khó khăn, cuộc sống dựa vào nông nghiệp nhỏ lẻ, rất cơ cực, có lúc phải ăn củ mì, củ mài, củ chụp thay cơm. Dần dần, bằng tinh thần bất

khuất trong chiến đấu, đoàn kết giữa các dân tộc, sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh, huyện và lâm trường Vĩnh An.

Cuộc sống của đồng bào trong xã dần được cải thiện. Nhìn lại quãng đường đã đi qua, từ 100 hộ đến thời điểm năm 2000, xã có hơn 2.000 hộ với hơn 11.000 dân ở 9 ấp. Diện tích toàn xã là: 24.648 hécta, trong đó: có 1.055 hécta đất nông nghiệp, còn lại 19.038 hécta đất lâm nghiệp.

Đảng, Nhà nước quan tâm đã đầu tư xây 50 căn nhà cho đồng bào dân tộc Chơ-ro có hoàn cảnh khó khăn, 2 căn nhà tình nghĩa cho gia đình liệt sĩ. Xây và khoan, đào được 62 giếng nước sinh hoạt, 2 trạm xá, một trường tiểu học, một trường THCS và hàng chục phòng học lẻ ở các ấp. Hệ thống điện sinh hoạt, thắp sáng và đường nội bộ được lan tỏa đến các ấp. Mô hình sản xuất thủ công có lúc đã giải quyết việc làm cho hơn 200 lao động. Các chương trình 327, xóa đói giảm nghèo, đầu tư cho xã đặc biệt khó khăn kết hợp việc thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được kiên trì thực hiện trong nhiều năm, đạt kết quả tốt, cải thiện được đời sống vật chất và tinh thần của người dân toàn xã; xóa đói, căn bản giảm hộ nghèo, điều kiện học hành, chữa bệnh trên địa bàn được nâng cao.

Xã Phú Lý được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 761/KT.CTN ngày 29/1/1996.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Lợi

Xã Bình Lợi<sup>(1)</sup> thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Theo tài liệu của Tòa bố Biên Hòa ngày 15-9-1923, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 156 làng: làng Lợi Hòa (Võ Sa) có 2 ấp: Ấp chợ và ấp Thạnh Hòa (Bàu Tre); làng Bình Ninh có 3 ấp: Ấp nhất, ấp nhì (Gò Cây), ấp ba thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ. Từ 1949 đến 1954, xã Bình Long và Lợi Hòa nhập lại thành xã Dân Chủ thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Thủ Biên. Đến ngày 2/5/1957, xã Bình Long, Lợi Hòa thuộc quận Tân Uyên, Biên Hòa. Đến ngày 23/1/1959 xã Bình Long, Lợi Hòa thuộc quận Tân Uyên, tỉnh Phước Thành. Ngày 22/3/1963, thuộc tổng Thanh Quan, quận Công Thành, Biên Hòa. Ngày 12/2/1987, sáp nhập 2 xã này thành xã Bình Lợi thuộc thị xã Vĩnh An.

Bình Lợi là một xã nông thôn với vị trí địa lý hình chữ C nằm dọc bờ sông Đồng Nai khoảng 7km; có nhiều kênh, rạch đan xen; nhiều vườn cây rậm rạp, địa thế hiểm trở; là vành đai quan trọng bảo vệ chiến khu Đ, thuận lợi cho việc tiếp tế sức người, sức của phục vụ chiến khu; và là nơi dễ ẩn náu cho cán bộ hoạt động; là điểm trú quân đánh giặc của bộ đội huyện, tỉnh, miền. Từ khi mới thành lập, bộ đội Chi đội 10 tạo cơ sở đứng chân vững vàng ở đây.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Cửu.

Bình Lợi có diện tích tự nhiên 1441 hécta, có 1 đồn điền cao su của Pháp rộng khoảng 63 hécta (nay đã giải tỏa), thời điểm năm 2000 có tổng số dân 1127 hộ, 5.937 khẩu, đa số là người Kinh, cư dân sống ổn định, lâu đời tại đây; chủ yếu bằng nghề nông, theo phong tục thờ cúng ông bà.

Với vị trí quan trọng nêu trên, sau khi tái chiếm Nam Bộ, thực dân Pháp đã xây dựng bót Cây Đào, bót Mỹ Quới và sau lập thêm đồn số 10 và 2 tua (1 tại xã và 1 tại ấp Bình Minh - Bến Đò). Chúng thường xuyên càn quét bằng đường bộ và đường thủy nhằm dập tắt phong trào kháng chiến ở địa phương.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chúng ra sức xây dựng lực lượng, lập đồn bót với 2 trung đội bảo an tại chỗ; mở rộng vành đai kiểm soát, lập ấp chiến lược, dồn dân nhằm chia cắt, không chế phong trào cách mạng, xây dựng các toán phòng vệ dân sự và tăng cường các hoạt động tình báo bình định. Lực lượng hoạt động thường xuyên của chúng tại xã gồm 182 tên; thường xuyên lùng sục, càn quét, khủng bố, bắt giết cán bộ cách mạng và nhân dân, nhất là những người kháng chiến. Chúng sử dụng nhiều thủ đoạn thâm độc như mua chuộc, lôi kéo, chia rẽ, khống chế, đánh đập, đốt nhà gây áp lực tinh thần. Đặc biệt chúng thường khủng bố, càn quét bằng xe tăng, máy bay; nhất là khi có lính Mỹ và quân chư hầu xuất hiện, bọn chúng tăng cường thả bom, rải chất độc hóa học hủy diệt sự sống nhằm thủ tiêu cách mạng.

Tội ác của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã không khống chế được cách mạng mà còn làm cho quần chúng nhân dân thêm căm thù, phản kháng. Qua đó, người Bình Lợi thấy rõ âm mưu của kẻ thù, tìm đến con đường yêu nước, chống xâm lược, chống cái ác. Được Đảng lãnh đạo, tuyên truyền cách mạng, một bộ phận nòng cốt của Bình Lợi sớm giác ngộ, có nhận thức đúng đắn, quyết tâm theo Đảng làm cách mạng, làm hạt nhân của phong trào đấu tranh ở địa phương, tiêu biểu là Huỳnh Văn Lũy.

Đồng chí Huỳnh Văn Lũy nguyên quán ở Mỹ Quới (thuộc

Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa cũ) là người sớm được giác ngộ cách mạng. Ông được phân công về xây dựng phong trào cách mạng tại xã Bình Lợi. Vào năm 1936, ông cùng 3 thanh niên của xã hình thành tổ chức cách mạng đầu tiên ở Bình Lợi, xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ để lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống thực dân Pháp.

Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở xã Bình Lợi được thành lập vào năm 1937, gồm 3 đảng viên, do đồng chí Huỳnh Văn Lũy làm Bí thư. Có chi bộ Đảng lãnh đạo, người dân Bình Lợi được giác ngộ cách mạng, tự giác tham gia phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp. Ban đầu là những phong trào đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh; phát triển dần thành lực lượng kháng chiến đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang. Người Bình Lợi tin Đảng, theo Đảng, tham gia thực hiện mọi nhiệm vụ do Đảng lãnh đạo, sẵn sàng đưa con em thoát ly tham gia cách mạng. Trong giai đoạn đầu chống Pháp, toàn xã có 108 thanh niên tham gia các lực lượng kháng chiến. Nhân dân đóng góp nhiều của cải vật chất cho cách mạng, khoảng 1.700 gạ lúa, hàng chục đôi trâu, bò; 17 ghe, thuyền để vận chuyển lương thực, súng đạn. Giặc Pháp đàn áp, ép dân vào đô thị, tách rời cách mạng; nhưng dân Bình Lợi không nghe theo, nhiều gia đình vào căn cứ sản xuất tự túc, vừa giải quyết đời sống gia đình vừa góp phần nuôi quân đánh giặc.

Tháng 11/1946, trận đánh đầu tiên do đồng chí Dương Hoàng Sơn chỉ huy. Bằng mưu trí, sáng tạo; đồng chí Sơn đã tổ chức phục kích bọn địch đi càn quét. Chờ địch lọt vào thế trận, tổ phục kích bất ngờ nổ súng, diệt tại chỗ 8 tên, bắt sống 2 tên; thu 10 súng trường. Trận đầu thắng lợi bằng vũ khí thô sơ, tự tạo đã cổ vũ tinh thần kháng chiến, làm cho giặc Pháp hoang mang, lo lắng. Rút kinh nghiệm trận thắng đầu tiên, trận tiếp theo phục kích tại khu vực 3 dốc (ông Hường), diệt gọn 1 tiểu đội lính Pháp, thu 8 súng. Hai trận đánh đã làm nức lòng quân dân địa phương.

Đội phó với phong trào cách mạng phát triển, giặc Pháp lập

đồn mới (đồn số 10) tại xã để kiểm soát khu vực và tăng cường đàn áp. Lợi dụng cơ hội này, tổ chức cài cắm, đưa ông Lê Ngọc Bạch (tức đồng chí Chín Hồng) và ông Lê Văn Phùng đi lính cho Pháp làm nội ứng. Khi đồn số 10 vừa đi vào hoạt động, trang bị súng ống đầy đủ; nội ứng cùng du kích phối hợp tiêu diệt đồn, thu toàn bộ vũ khí đưa về căn cứ, gồm 14 súng và 2 thùng đạn.

Cuối năm 1951, lực lượng cách mạng Bình Lợi do đồng chí Nguyễn Văn Chư chỉ huy, lại tổ chức đánh đồn Bình Ninh, diệt 10 tên Pháp, thu 6 súng.

Năm 1961 đồng chí Nguyễn Văn Bé chỉ huy lực lượng du kích diệt tên Chùng ác ôn và 2 dân vệ. Năm 1962 đồng chí Nguyễn Văn Chánh chỉ huy đánh đồn áp 1 tại cưa Bàu Tre diệt 6 tên, thu 6 súng. Cuối năm 1963 lực lượng du kích phối hợp với bộ đội huyện do đồng chí Ba Thành chỉ huy đánh đồn Lợi Hòa, diệt 4 tên (2 dân vệ, 2 phòng vệ).

Đồn Bình Long gồm 1 trung đội lính dân vệ do tên Đô làm đồn trưởng; thường tổ chức nhiều cuộc càn quét gây nhiều tội ác và nợ máu với nhân dân. Thực hiện chỉ đạo của chi bộ xã, ngày 12/9/1964, du kích xã (6 đồng chí) do xã đội trưởng Trần Văn Nghĩa (tự Gạo) chỉ huy, có chi viện của lực lượng huyện đã đột nhập, ém quân trong đồn địch. Sau khi địch đi càn quét về đồn do chủ quan, không hề đề phòng, bị du kích nổ súng bất ngờ diệt 31 tên tại chỗ, bắt sống tên đồn trưởng ác ôn đưa về căn cứ xử lý, thu toàn bộ vũ khí gồm 35 súng các loại và 20 băng đạn.

Cũng với cách đánh ấy, lúc 24 giờ ngày 25/12/1965 lực lượng vũ trang Bình Lợi đánh chiếm thêm một đồn địch nữa tại xã, tiêu diệt một trung đội địch; chết tại chỗ 24 tên, trong đó có tên đồn trưởng (Rồng), 4 tên bị thương tẩu thoát, thu 30 súng các loại, 15 lựu đạn. Địch không kịp và không dám chi viện dù quận Công Thanh cách đó khoảng 3km. Lực lượng Bình Lợi thắng trận rút về căn cứ an toàn.

Hai trận đánh mưu trí, táo bạo, bất ngờ ấy khẳng định lực lượng

vũ trang Bình Lợi đã trưởng thành, đủ sức đánh giặc và thắng giặc; đồng thời làm cho địch khiếp sợ, không dám xem thường sức mạnh của quân dân kháng chiến.

Tuy nhiên, với bản chất của quân xâm lược, giặc càng khiếp sợ càng tăng cường bố ráp để trả thù. Chúng tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào địa bàn Bình Lợi tìm diệt các lực lượng cách mạng đóng trên địa bàn. Trận càn có cố vấn Mỹ tham gia chỉ huy, sử dụng các loại phương tiện chiến tranh hiện đại, gồm phi pháo, trực thăng; huy động nhiều cánh quân, gồm cả thám báo và bọn tề nguỵ, chỉ điểm. Quân dân Bình Lợi đã đoàn kết, bám đất trụ chiến đấu, đánh bại trận càn ấy. Trong các trận đánh, một trận thắng lợi vang dội, đó là trận thiếu niên 13 tuổi Huỳnh Kim Đồng đã mưu trí, dũng cảm dùng lựu đạn diệt tên cố vấn Mỹ tại chỗ, làm bị thương 2 tên khác, trong đó có một sĩ quan Sài Gòn. Huỳnh Kim Đồng được tuyên dương, được đưa về căn cứ, huấn luyện trở thành chiến sĩ kiên trung, cho đến sau ngày giải phóng. Trong thành tích của Đồng, trước khi diệt Mỹ, Đồng còn lừa thế lấy được một khẩu súng carbin cùng 4 băng đạn nộp cho xã.

Về quân sự, quân dân xã Bình Lợi đã chủ động đánh 18 trận lớn, nhỏ; gồm tập kích đánh đồn và chống càn; tiêu diệt 98 tên địch; trong đó có 6 tên là giặc Pháp, 2 tên giặc Mỹ, 81 lính chur hầu và tay sai, 9 tên ác ôn có nợ máu với nhân dân; trong số này có 3 đồn trưởng, 5 cảnh sát, 1 tình báo mật vụ; thu được 98 súng các loại, 61 lựu đạn. Đặc biệt, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân dân xã Bình Lợi đã bắt sống tên quận trưởng quận Tân Uyên cùng 43 tên lính; thu được 30 súng các loại, 12 lựu đạn; phá hủy 4 đồn bót và 3 trung tâm cộng đồng của địch.

Về chính trị, cuộc đấu tranh của nhân dân Bình Lộc bền bỉ, cam go có lúc đơn phương đương đầu với giặc, nhiều lúc kết hợp đấu tranh chính trị, nhiều hình thức đấu tranh sinh động, thu nhiều thắng lợi quan trọng, nhưng cũng nhiều mất mát đau thương, nhiều người bị tù đày, tra tấn dã man, nhiều người đã ngã xuống.

Năm 1946, cuộc biểu tình từ xã xuống Bình Phước gồm 60 người tham gia, lần đầu tiên trực diện đòi giặc Pháp rút khỏi nước Việt Nam và kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Vào cuối năm 1961, giặc bắn pháo bừa bãi vào xóm làng làm thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân. Cơ sở vận động nhân dân tổ chức biểu tình, gồm 20 cụ già kéo đến nhà Tổng Hiến đòi không được bắn pháo vào xóm làng. Địch nhượng bộ, nhưng sau đó tiếp tục bắn pháo bừa bãi. Cơ sở lại tổ chức cuộc biểu tình gồm 35 người, kéo đến dinh Tỉnh trưởng Biên Hòa đấu tranh kết quả địch nhượng bộ không bắn pháo nữa. Đồng thời, cơ sở Bình Lợi còn tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, in và rải truyền đơn ở các hương lộ trong xã và quanh khu vực đồn, bót gây hoang mang cho địch.

Về binh vận, các tổ chức quần chúng đã phối hợp tuyên truyền, vận động, kêu gọi binh lính quay về với cách mạng; đã cảm hóa 16 lính dân vệ, 50 phòng vệ dân sự trở về gia đình. Đặc biệt đã cài cắm cơ sở vào lực lượng phòng vệ làm công tác binh vận, nắm thông tin, phối hợp nội ứng; thuyết phục được 1 trung đội trưởng lính địa phương giác ngộ cách mạng, lấy súng địch vào chiến khu theo kháng chiến. Mặt khác, qua công tác giáo dục tuyên truyền chính trị của ta, người dân Bình Lợi ngày càng giác ngộ sẵn sàng đưa chồng, con, em mình thoát ly tham gia lực lượng chiến đấu. Trong giai đoạn chống Mỹ, đã có 122 thanh niên lên đường tòng quân.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ở xã Bình Lợi, có nhiều điển hình cá nhân và tập thể được nêu gương. Có nhiều gia đình là cơ sở cách mạng tự giác đưa chồng, con, em mình thoát ly tham gia cách mạng từ 2-3 người trở lên; có trường hợp cả 3 người trong một gia đình hy sinh. Trong xã, có 5 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (Nguyễn Thị Biện, Huỳnh Thị Trâm, Lê Thị Chí, Trần Thị Làm, Trương Thị Trọng) và 1 Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (đồng chí Nguyễn Văn Bình, đoàn 7701, mặt trận 779).

Có những mẹ chiến sĩ tuổi đã ngoài 80 nhưng nuôi dưỡng cán bộ cách mạng chu đáo, che giấu cơ sở khéo léo. Như mẹ Nguyễn Thị Cục ngoài việc nuôi giấu cán bộ, hàng ngày mẹ tìm đủ cách ra gặp cơ sở để báo tin tức, cung cấp tình hình địch, ngày nào không đi được là bà không yên tâm. Mẹ Lê Thị Thảo đào hầm nuôi giấu, che chở nhiều cán bộ ngay trong nhà, qua nhiều thời kỳ. Hiện nay còn nhiều cán bộ do mẹ nuôi dưỡng sau giải phóng trở thành lãnh đạo, như đồng chí Nguyễn Văn Đậm (nguyên là Huyện đội trưởng huyện Vĩnh Cửu).

Trong đội du kích xã Bình Lợi, có đồng chí Trần Văn Nghĩa - xã đội trưởng là tấm gương chiến đấu, hy sinh được tuyên dương để toàn lực lượng học tập. Trong những lúc ác liệt, giặc ruồng bỏ gát gạo nhất, đồng chí vẫn hiên ngang, bình tĩnh, mưu trí tổ chức cho anh em đánh giặc, hoặc tiến công chiến thắng, hoặc thoát vây an toàn; lúc nào đồng chí cũng là hạt nhân đoàn kết, là niềm tin của toàn đội.

Năm 1969, trong lúc khủng bố tàn quét trong xã Bình Lợi địch phát hiện hầm bí mật, trong đó có 6 đồng chí cán bộ. Địch bao vây, gọi hàng; nhưng 6 đồng chí thà chết không chịu hàng, phá hủy vũ khí, thiêu hủy tài liệu, tiền bạc và anh dũng hy sinh; làm cho địch khâm phục khí tiết của người cộng sản.

Trong lòng địch bị kìm kẹp gát gạo, một số cơ sở cách mạng không sợ hy sinh xương máu, không sợ bị tù đầy tra tấn, vẫn bí mật hoạt động. Khi bị địch bắt giam, tra tấn, lưu đày vẫn kiên trung với cách mạng, không đầu hàng, không khai báo cho địch. Hiện ở xã Bình Lợi có 40 cựu tù chính trị đã giữ nguyên khí tiết cách mạng trong nhà tù địch cũng như trong đời sống hiện thời.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, xã Bình Lợi cùng cả nước đi lên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trong vòng tay đoàn kết của nhân dân, Bình Lợi không ngừng phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của ông bà đi trước, từng bước khắc phục hậu quả của chiến

tranh, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng huyện Vĩnh Cửu phát triển toàn diện như hôm nay.

Thành tích của Đảng bộ và quân dân Bình Lợi đã được Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng cho 5 mẹ anh hùng trong xã; truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Nguyễn Văn Bình ở xã Bình Lợi; tặng nhiều huân, huy chương các loại cho 62 cá nhân, tập thể và gia đình có công với cách mạng. Xã Bình Lợi đã được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo quyết định số 761/KT.CTN ngày 29/1/1996.





## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Trị An

Trị An<sup>(1)</sup> là một xã vùng sâu của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, nằm cặp theo tả ngạn sông Đồng Nai và liên tỉnh lộ 24; phía Bắc và Tây Bắc giáp xã Lạc An (nay thuộc huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) và chiến khu Đ, phía Nam và Đông Nam giáp xã Tân An, phía Đông là vùng rừng núi căn cứ kháng chiến của huyện Vĩnh Cửu và tỉnh Biên Hòa.

Trước đây, Trị An là một ấp thuộc làng Đại An, tổng Phước Vĩnh Hạ. Xã Trị An được thành lập vào tháng 9/1956 trên cơ sở di chuyển toàn bộ nhân dân ấp Bàu Phụng, xã Cộng Hòa (thuộc chiến khu Đ) và các hộ dân sống rải rác trong vùng căn cứ kháng chiến về đây, lúc đó gọi là xóm Bên Vịnh với khoảng 100 hộ dân, 500 khẩu, 95 gia đình có người thân tham gia kháng chiến.

Khi thành lập xã, cư dân Trị An phần lớn là công nhân của các sở cao su Dầu Tiếng, Thuận Lợi, Phú Riêng theo cách mạng kháng chiến chống Pháp trong 9 năm trường kỳ. Đây là bộ phận ở chiến khu, không tập kết ra Bắc theo Hiệp định Genève năm 1954.

Thời gian đầu thành lập xã, lợi dụng những khó khăn lúng túng của địch, chi bộ Đảng chủ trương cài, cắm cán bộ, đảng viên vào bộ máy chính quyền Sài Gòn ở địa phương, nắm nhiều vị trí quan trọng

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Cửu.

như: Ủy viên tài chính, cảnh sát, đại diện xã, trưởng ấp, có cả trong lực lượng dân vệ, thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới...

Trên thực tế, cách mạng làm chủ tình hình trong thời gian 1954 - 1957, làm vô hiệu hóa ý đồ kèm kẹp của địch. Nhân dân được sống tự do, xây dựng và phát triển các phong trào cách mạng.

Đến năm 1958, địch bắt đầu lôi kéo một số phần tử phản bội vào việc bắt bớ, mua chuộc, khủng bố người kháng chiến. Nhiều cán bộ bị bắt, bị tù đày, tra tấn dã man. Nhiều cơ sở bị đánh phá đến tan rã.

Các cơ sở mật bị lộ, bị truy bắt. Cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, gần như toàn bộ cốt cán phải thoát ly vào rừng xây dựng căn cứ kháng chiến.

Không tổ chức được người tại chỗ, địch tuấn dụng nhân viên bộ máy Ngụy quyền và dân vệ từ xã khác như: Bình Thạnh, Tân Phú, Đại An, Tân Định để hình thành bộ máy kèm kẹp. Tuy nhiên, thoát đầu, trước phong trào cách mạng Trị An, bộ máy do chính quyền Ngụy dựng lên còn e dè, chưa dám bung ra hoạt động. Thực tế, địch chỉ kiểm soát tình hình vào ban ngày. Ban đêm, các tổ chức đoàn thể vẫn sinh hoạt, hội họp bình thường. Có lúc, địch qui định vào ban đêm mỗi hộ phải treo đèn trước cửa nhà và phải đánh mõ, đánh thùng mỗi khi có Việt cộng về. Tương kế tựu kế, đêm nào các hộ dân cũng treo đèn, khua thùng gõ mõ inh ỏi làm cho giấc điếc tai nhức óc không biết thực hư thế nào. Lâu dần, rồi qui định ấy cũng nhảm chán, không ai thực hiện nữa.

Công tác binh vận được chú trọng, thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, chủ yếu do các cơ sở mật tiến hành. Các cơ sở vừa tuyên truyền lôi kéo gia đình ngụy quân, ngụy quyền; vừa tác động trực tiếp vào tinh thần binh lính, qua đó ta nắm chắc được tình hình, lôi kéo được một số nhận nhiệm vụ do tổ chức giao, một số bỏ hàng ngũ địch theo quân kháng chiến, một số hoang mang, nghi ngờ nhau, mâu thuẫn với nhau, thậm chí nổ súng đánh nhau, như trường hợp của lính bảo an và quân biệt chính.

Trị An là vùng xung yếu cửa ngõ chiến khu Đ, là hành lang nối

liên với nhiều vùng căn cứ khác của cách mạng ở miền Đông nên bằng mọi giá địch kèm giữ, khủng bố và đánh phá ác liệt. Được sự chỉ đạo và hỗ trợ của lực lượng chủ lực miền, của tỉnh và của huyện, quân dân xã Trị An dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng liên tục đấu tranh giữ vững thế trận làm chủ, đã 3 lần tiến công đánh đuổi địch, giải phóng toàn xã. Xã Trị An trở thành vùng giải phóng, là cơ sở hậu cần cung cấp sức người, sức của một cách thuận lợi cho lực lượng vũ trang của tỉnh và huyện. Trị An đảm bảo là hành lang an toàn cho bộ đội chủ lực hành quân tiến công vào các căn cứ lớn của địch.

Cũng chính từ đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ nêu trên nên nhân dân Trị An phải trải qua nhiều gian khổ, hy sinh và mất mát, hầu như không gia đình nào không bị mất mát về người, về của. Hậu quả nặng nề sau 20 năm hòa bình vẫn chưa khắc phục hết.

Nhiều thành tích và chiến công nổi bật của Đảng bộ và quân dân Trị An được ghi nhận trong sử sách. Đầu năm 1959, thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, xã đã nhanh chóng xây dựng được lực lượng du kích gồm 16 đội viên do đồng chí Hai Chuyên làm xã đội trưởng.

Lực lượng vũ trang đầu tiên này đã hỗ trợ tích cực cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng và thực hiện chủ trương diệt ác phá kiềm giành quyền làm chủ.

Ngày 16/3/1961, trong khi tiểu đoàn 800 của Khu miền Đông tiến công tiêu diệt Chi khu Hiếu Liêm, Du kích Trị An được hỗ trợ của lực lượng vũ trang huyện đã tập kích vào trụ sở tề ngụy và tiểu đội dân vệ của địch, diệt 2 trưởng ấp là điếm chủ, bắt sống 1 dân vệ, thu 1 súng trường, giải phóng toàn xã lần thứ nhất, làm chủ được 3 ngày. Nhân dân Trị An vui mừng góp gạo, góp khoai ủng hộ bộ đội mừng công.

Lo sợ trước việc mất vị trí tiền tiêu, ngày 18/3/1961, địch điều động 1 trung đoàn thuộc sư đoàn 10 theo đường thủy và đường bộ càn quét chiếm lại Hiếu Liêm và Trị An. Riêng đối với Trị An, chúng tăng cường thêm 1 trung đội dân vệ về lập đồn tại đồi Trị An do tên

Lê Văn Châu chỉ huy, ngoài ra còn một đại đội bảo an cũng thường xuyên hành quân càn quét vào xã Trị An.

Đêm 4/12/1961, nhân kỷ niệm một năm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, chi bộ xã Trị An chỉ đạo du kích phối hợp cơ sở mật rải truyền đơn từ trường học đến cầu Bà Bèn và phục kích chờ địch đến. Sáng 5/12, bọn địch từ đồn Trị An bung ra tuần tra. Trong lúc trung đội dân vệ ngờ ngác lượm truyền đơn, du kích bất ngờ tấn công, diệt và làm bị thương 15 tên, thu 4 khẩu súng các loại.

Từ đó, bọn lính hoảng sợ không dám đi xa đồn, thế làm chủ của nhân dân mạnh lên. Thanh niên trong xã nô nức tham gia vào bộ đội, có gia đình tham gia hai đến ba người; có những cặp vợ chồng trẻ cùng thoát ly tham gia kháng chiến.

Từ 17/4/1962, Mỹ chuyển hướng chiến lược thực hiện chính sách lập ấp chiến lược đi đôi với việc đẩy mạnh càn quét, tăng cường xây dựng đồn, bót. Trên địa bàn xã, chúng đặt thêm các đồn như: Kiên Liên, Cầu 19, Cầu 20; chọn xã Đại An làm kiểu mẫu xây dựng ấp chiến lược. Được sự chỉ đạo của huyện, xã đội Trị An đã tăng cường nhiều đồng chí phối hợp với C270 của huyện phục kích đánh bọn bảo an tại Gò Chùa diệt và làm bị thương tại chỗ nhiều tên, tạo điều kiện thuận lợi cho dân quân du kích xã Đại An gỡ mìn, phá hàng rào ấp chiến lược.

Đến đầu năm 1963, địch xây dựng xong ấp chiến lược, tăng cường các biện pháp kèm kẹp, kiểm soát, lục soát gặt gao, cấm đồng bào mang lương thực khi đi làm ruộng rẫy, gây nhiều khó khăn cho việc tiếp tế, nuôi quân.

Đến tháng 7/1963, với sự đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân và các cơ sở mật, nhân dân tìm cách vượt qua kiểm soát của địch; tiếp tế thường xuyên cho các lực lượng, xây dựng phong trào tiếp tục phát triển. Huyện ủy mở khu tăng gia sản xuất lấy tên là A31, đội du kích xã và nhiều đồng bào Trị An nhiệt tình ủng hộ tăng gia sản xuất. Trong vài tháng, đã sản xuất nhiều khoai lúa, đánh bắt nhiều cá

tôm đủ cho bộ đội tiêu dùng, còn thừa đem phơi khô dự trữ. Đội du kích Trị An lúc này mạnh hơn, đông hơn, quân số đến 20 người cùng nhiều đội viên mật.

Công tác binh địch vận là một mũi tiến công quan trọng tại xã Trị An. Lúc đó đồng chí Hai Trác là Bí thư chi bộ mật đã dùng ngay nhà mình để làm trạm binh vận. Tại đây, cơ sở binh vận nắm được nội tình của địch, lôi kéo được một số anh em binh sĩ Ngụy về với cách mạng; và cũng từ đây bác Hai Trác đã khôn khéo ly gián, gây hiềm khích để các lực lượng của địch mâu thuẫn với nhau; và chúng đã nổ súng thanh toán nhau giữa lực lượng biệt chính đóng trong nhà dân và bọn bảo an đóng trong đồn. Kết quả chúng chết 1, bị thương 2 tên, nhiều tên trong trung đội biệt chính phải bỏ trốn đi nơi khác. Sau đó đồng chí Hai Trác hướng dẫn du kích truy tìm và bắt được 2 tên biệt chính.

Vào cuối năm 1963, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh việc đấu tranh phá ấp chiến lược ở Đại An. Lúc này địch có 1 trung đội đóng tại đồn Trị An. Lực lượng của Trị An nắm chắc tình hình địch, ráo riết chuẩn bị thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, lên kế hoạch bao vây, bức rút, phá hàng rào ấp chiến lược, đưa dân về với khu vực kháng chiến.

Ngày 2/2/1964, lực lượng của huyện, tỉnh hỗ trợ cho xã thực hiện chủ trương này. Chiều cùng ngày, chi bộ vận động hàng trăm đồng bào đến chân đồn đòi cho con em về với gia đình. 2 giờ khuya, bộ đội nổ súng tấn công vào đồn; nhân dân và du kích đốt phá các cầu, cưa ngã các cây cổ thụ hai bên đường lộ 24, đắp mô cát đứt đường giao thông. Cùng đêm đó, 1 tổ du kích diệt tên Sáu Hùng ác ôn, đuốc được đốt sáng rực khắp nơi, tiếng loa kêu gọi liên tục, bọn địch hoang mang cực độ, nhiều tên liều lĩnh chạy khỏi đồn bị bộ đội bắn hạ. Đến 5 giờ sáng, bọn lính trên đồn bỏ hàng ngũ chạy tháo thân, bộ đội bắt sống 10 tên; trong đó có cả vợ chồng đồn trưởng Lê Văn Châu, thu 20 súng các loại và nhiều quân trang khác.

Ngay sau đêm 3/2/1964, lực lượng huyện và du kích tiếp tục tiến công đồn Kiêm Liên, bọn địch ở đây hoang mang rút chạy, lính ở các

đồn đóng trên các cầu 10, 20, 18 trên lộ 24 đều bỏ chạy về xã Đại An.

Nhân dân dùng kích xe be đội xập và đốt các cầu, cắt đứt giao thông từ Đại An đến Trị An. Xã Trị An được hoàn toàn giải phóng lần 2. Tin vui truyền đi nhanh khắp huyện. Trị An giải phóng có ý nghĩa mở rộng chiến khu Đ về phía Nam tạo địa bàn cho các lực lượng thuận tiện tiếp cận hang ổ địch ở Biên Hòa.

Địch mất Trị An là mất một tiền đồn quan trọng hướng đến cửa ngõ vào chiến khu Đ, đồng thời bị hở sườn trong phòng thủ của sân bay và các căn cứ đầu não ở Biên Hòa.

Trị An trong mùa giải phóng không khí kháng chiến rất hồ hởi; nam, nữ thanh niên nô nức vào du kích, bộ đội. Xã và huyện thêm nhân lực để thực hiện chỉ thị của Huyện ủy về chống lấn chiếm của địch. Kế hoạch chống giặc lấn chiếm được triển khai, quần chúng nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ, mọi nhà tham gia đào hầm, đào giao thông hào, vót chông, làm bẫy, gài lựu đạn, gài mìn...

Ngày 14/2 địch đổ quân chiếm lại đồn Kiêm Liên và tổ chức thám báo thăm dò lực lượng của ta, chúng gặp trở ngại bởi hàng rào, bẫy chông và trận địa mìn, lựu đạn của du kích và nhân dân. Ngày 30/2 địch ồ ạt đổ quân với sự yểm trợ của máy bay, xe tăng. Bộ đội huyện và du kích xã chặn đánh quyết liệt suốt 4 tiếng đồng hồ gây cho chúng nhiều thiệt hại. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, ta chỉ có 1 tiểu đội lực lượng huyện và 2 tiểu đội du kích xã với vũ khí thô sơ phải đương đầu với nhiều tiểu đoàn địch có máy bay, xe tăng và phi pháo yểm trợ; cho nên, đến trưa ngày hôm đó, đồng chí Hai Đạm huyện đội trưởng ra lệnh rút quân, giữ an toàn lực lượng.

Địch chiếm lại đồn Trị An, bố trí thêm 1 đại đội bảo an, 1 đại đội biệt động quân chốt giữ và cố lập lại sự kiểm soát, nhưng chúng gặp khó khăn lớn vì bọn tề ngụy không ai dám ra nhận việc, sợ bị nhân dân trừng trị.

Được sống trong giải phóng, tự do 28 ngày, tuy không dài nhưng đó là khoảng thời gian hiếm hoi, quý báu của nhân dân Trị An. Thời gian đó các tổ chức quần chúng cách mạng như: Hội Phụ nữ, Hội Mẹ

chiến sĩ, Hội Thanh niên... được hình thành và phát triển, tình đoàn kết gắn bó giữa dân và cách mạng được thể hiện vô cùng đẹp đẽ, đó là những hình ảnh khó phai mờ trong mỗi người dân Trị An.

Đêm 16/9/1964, trận tiền công bao vây địch ở Trị An bắt đầu. Nhân dân Trị An cùng bộ đội, du kích đào công sự dưới chân đồi. Nhiều tên lính mon men ra khỏi đồn bị chiến sĩ ta bắn sẻ phải rút lui vào đồn. Huyện đội cho chặt những cây lồ ô lớn nguy trang thành những khẩu ĐK75 để hù dọa địch.

Đúng 12 giờ đêm, Huyện ủy cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân cầm đuốc lồ ô chia làm nhiều hướng tuần hành quanh chân đồi. Đồn Trị An bị bao vây bằng ánh đuốc rực sáng. Ban binh vận huyện dùng loa phóng thanh liên tục kêu gọi binh lính trên đồn hãy buông súng về với nhân dân. Bọn lính trên đồn Trị An hoang mang, bàn tán, xao động; nhưng bọn chỉ huy vẫn ngoan cố ra lệnh cố thủ. Cuộc bao vây kéo dài vài ngày, cán bộ, chiến sĩ nhiều đêm không ngủ, cặp mắt quầng thâm nhưng hiện rõ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Trong ánh đuốc sáng rực, bà con Trị An gánh bánh, gánh nước lên trận địa tiếp tế cho cán bộ, bộ đội đông vui như ngày hội lớn. Vợ chồng Bác Tám Kỹ mổ trâu dê, Hội Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sĩ nấu nhiều món ăn cho lực lượng tiền công đồn. Đường lộ 24 lên đến Trị An bị cắt đứt, hết đường cứu viện. Bọn lính trong đồn chỉ còn mong vào lương thực tiếp tế từ máy bay thả dù. Đồn Trị An bị vây chặt, xã Trị An hoàn toàn do cách mạng làm chủ.

Thế làm chủ của Trị An tạo điều kiện cho đoàn pháo binh miền vượt sông Đồng Nai an toàn, bố trí trận địa pháo tiền công vào sân bay Biên Hòa. Đêm 31/10/1964 trận tiền công vào sân bay Biên Hòa bắt đầu. Trong 10 phút, sân bay Biên Hòa chìm trong biển lửa, 59 máy bay, trong đó có 17 máy bay ném bom chiến lược B57, Mỹ vừa đưa sang, 1 kho đạn 105 ly, 1 kho xăng, 1 đài ra đa, 18 căn nhà bị phá hủy, 239 tên lính Mỹ bị bỏ xác.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa đầu tiên của quân và dân miền Nam được thế giới bè bạn 5 châu và nhân dân cả nước khen ngợi.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa làm nức lòng nhân dân Vĩnh Cửu và lực lượng vây đồn Trị An. Đồng chí Hai Trác, Bí thư Chi bộ mặt xã Trị An có sáng kiến dùng xác chết của chó bỏ vào các giếng nước quanh đồn Trị An để triệt hạ nguồn nước của bọn lính trong đồn.

Bị triệt nguồn nước uống, lương thực do máy bay thả xuống bị lực lượng ta tịch thu, bọn lính đồn Trị An hoàn toàn bị cô lập, tinh thần chúng hoang mang cực độ. Bọn chỉ huy quân đoàn 3 và tiểu khu Biên Hòa điên cuồng cho máy bay oanh kích, bắn vào trận địa ta quết liệt. Nhưng mọi cố gắng của địch đều vô ích, 1 trực thăng và 1 máy bay khu trục bị bắn hạ tại trận địa. Ngày 19/11/1964, sau 57 ngày đêm bị bao vây, bọn bảo an đồn Trị An được máy bay trực thăng cấp cứu, tháo chạy, 20 tên bảo an bị bắn hạ. Đồn Trị An bị diệt, xã Trị An hoàn toàn được giải phóng lần thứ 3.

Giải phóng Trị An, quân và dân Trị An đã giữ và mở một hành lang chiến lược từ chiến khu Đ xuống Long Thành, Bà Rịa nối liền đường Hồ Chí Minh trên biển, tạo điều kiện tiếp nhận vũ khí chi viện từ Trung ương vào miền Đông Nam Bộ, trước mắt là chiến dịch Bình Giã đang nổ ra và giành thắng lợi.

3. Cùng cố, xây dựng, giữ vững giải phóng làm cơ sở hậu cần tiếp tục cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến,

Từ 19/11/1964, Trị An trở thành vùng giải phóng duy nhất của huyện Vĩnh Cửu. Địch thường xuyên dùng máy bay, trọng pháo bắn phá nhằm khống chế, cô lập xã Trị An với các vùng khác trong huyện. Nhưng bằng mọi cách đấu tranh tạo thế công khai, nhân dân vẫn liên hệ được với các xã khác. Một mặt, hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa nhiều hình thức sinh động, đảm bảo hậu cần, một mặt móc nối để gia đình các nơi đến thăm, tiếp tế cho các cán bộ, chiến sĩ.

Thời gian này, Trị An thực sự trở thành cơ sở hậu cần lớn của cách mạng vùng miền Đông; nơi dừng chân dưỡng quân và tiếp nhận lương thực, thực phẩm của nhiều đơn vị. Phong trào cách mạng của Trị An lúc này vô cùng sôi nổi. Nhân dân vừa tăng gia sản xuất, vừa tham gia xây dựng thế phòng thủ giữ vững vùng giải phóng, như đào



giao thông hào, công sự chiến đấu, hầm tránh bom..., tham gia tuần tra cảnh giác đề phòng tình báo, trinh sát địch thâm nhập.

Đế quốc Mỹ và tay sai biết rõ Trị An là căn cứ quan trọng của ta, nhưng chúng không thể kiểm soát được vì nhân dân Trị An có truyền thống kiên cường, bất khuất. Kẻ thù lộ rõ bản chất tàn ác, đã man khi tháng 6/1965, cho máy bay đến ném bom hủy diệt xã Trị An. Chúng xúc tát, cưỡng bách hơn 100 hộ dân đưa về các xã Bình Hòa, Bình Ý, Tân Triều. Còn lại gần 30 gia đình cốt cán cách mạng đã cùng lực lượng rút vào rừng sâu, kiên quyết không để bị gom ra vùng địch kiểm soát; tiếp tục cùng chi bộ và bộ đội bám đất, bám làng, tăng gia sản xuất phục vụ chiến đấu và tham gia chiến đấu.

Địch đánh phá hủy diệt ác liệt xã hầu như không còn một ngôi nhà nào. Ban ngày nhân dân ẩn vào rừng làm rẫy, ban đêm về các chòi nhỏ ven sông Đồng Nai và vàm Sông Bé tiếp tục sinh hoạt, động viên nhau củng cố niềm tin, kiên quyết bám đất, làm chỗ dựa cho lực lượng vũ trang liên tục chiến đấu.

Như vậy, tuy địch đã hủy diệt trắng xã Trị An, nhưng chi bộ Đảng đã lãnh đạo đội du kích và một bộ phận nhân dân kiên cường giữ vững vị trí cửa ngõ chiến khu Đ bảo đảm hành lang nối liền Chiến khu Đ với nhiều căn cứ cách mạng góp phần vào sự thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng bào từ các trại tập trung ở Bình Hòa, Bình Ý, Tân Triều nhanh chóng trở về xã. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ lâm thời gồm 3 đồng chí, do đồng chí Hai Trác làm Bí thư kiêm Chủ tịch, chính quyền nhân dân và các đoàn thể cách mạng phát triển lớn mạnh. Nhân dân Trị An bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại quê hương.

Nhân dân phải san lấp hàng ngàn hố bom, tháo gỡ hàng ngàn bom, mìn; chung tay bắt lại cầu, đắp lại đường, xây dựng trường học, bệnh xá. Đồng bào thực hiện các giải pháp đổi công, hỗ trợ sản xuất, giúp nhau làm nhà ở, khai hoang phục hóa, quyết tâm xây dựng cuộc sống mới. Trong không khí hòa bình, thống nhất; Trị An vẫn

phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách của một huyện nghèo, hậu quả chiến tranh nặng nề, nhân lực bị tổn hao trong kháng chiến, tiềm lực kinh tế về rừng, dòng sông, lòng hồ tập trung cho nhu cầu của quốc gia. Trị An tiếp tục hy sinh phần mình cho lợi ích chung của đất nước.

Thời điểm năm 2000, xã Trị An có hơn 1.583 hộ với 3.850 khẩu. Đảng bộ gồm: 52 đảng viên với bộ máy chính quyền và hệ thống các đoàn thể vững mạnh, Đảng bộ xã Trị An nhiều năm liền được công nhận là đơn vị cơ sở trong sạch vững mạnh. Xã có diện tích tự nhiên 22.076 ha, trong đó đất canh tác nông nghiệp là 223 hécta, còn lại là đất lâm nghiệp. Nhân dân sống chủ yếu bằng nông và lâm nghiệp. Công nghiệp và dịch vụ có điều kiện phát triển.

Phát huy truyền thống tự lực, tự cường, xã cũng đã xây dựng được 02 trạm bom điện, hàng năm tăng vụ sản xuất được 100 ha, năng suất lúa không ngừng tăng lên, năm 1976 lương thực bình quân đầu người hàng năm là 70kg đến năm 1994 đạt 350kg/người. Xã cũng đã có nhiều trạm hạ thế điện (do nhân dân tự đóng góp) để phục vụ sản xuất và sinh hoạt; có hệ thống trường học, trạm xá đảm bảo yêu cầu chăm sóc sức khỏe và học tập của nhân dân. Các đối tượng chính sách, gia đình liệt sĩ, thương binh và gia đình có công với cách mạng được thường xuyên chăm sóc, giúp đỡ; đã xây dựng nhiều nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách có khó khăn về nhà ở; căn bản xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ về vốn, giống, kỹ thuật cho nhiều hộ dân nghèo vượt khó.

Tình hình an ninh trật tự luôn luôn được giữ vững. Công tác quân sự địa phương luôn đạt thành tích khá. Đội quân dân du kích được công nhận là đơn vị vững mạnh. Xã Trị An là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điểm lại thành tích của Đảng bộ và quân dân xã Trị An, có sự phát triển liên tục, đồng bộ, toàn diện, cả về lượng và chất. Nổi bật nhất là thành tích 3 lần tiến công nổi dậy giải phóng toàn xã 1961 - 1965; từ tháng 6/1965-1975 xã trở thành căn cứ kháng chiến vững chắc của

huyện và tỉnh. Số người thoát ly tham gia kháng chiến, chống Pháp: 125 người, chống Mỹ: 102 người. Toàn xã có 2 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 62 liệt sĩ, 14 thương binh, 100 cựu tù chính trị. Nhân dân trong xã bị tổn hại: 300 ngôi nhà và vườn tược bị đốt phá, hàng ngàn gia cầm, gia súc bị cướp giết, hơn 240 tấn lương thực bị đốt phá. Dù bị nhiều mất mát, hy sinh, nhân dân trong xã vẫn góp nhiều công sức cho chiến đấu: Tự tạo hơn 2.800.000 chông, bẫy, tên nã; đào 2.500 mét giao thông hào, 350 công sự và hầm tránh bom; góp khoảng 20.000 ngày công và 50 tấn lương thực; nuôi dưỡng, che giấu 50 lượt đơn vị với hàng ngàn lượt cán bộ, chiến sĩ.

Với những thành tích nêu trên, cán bộ và nhân dân trong xã đã được tặng thưởng 320 huân, huy chương các loại; hàng ngàn bằng khen, giấy khen, chứng nhận dũng sĩ các loại, 2 mẹ được tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (Trương Thị Tùng, Trần Thị Lòi).

Đảng bộ và quân dân xã Trị An vinh dự được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” theo Quyết định số 761-KT-CTN ngày 29/1/1996.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Thống Nhất

Phường Thống Nhất<sup>(1)</sup> thành phố Biên Hoà thành lập vào tháng 1/1976 trên cơ sở hợp nhất 3 ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị. Qua công tác điều tra khảo cổ ở Gò Me cho thấy Thống Nhất là địa bàn có người xưa sinh sống cách đây trên 2000 năm.

Miếu Ba Làng, Đình Bình Trước, chùa Thanh Long, chùa Ông Tám không chỉ là cơ sở tín ngưỡng, thờ tự mà còn là những cơ sở gắn bó với cách mạng trong hai cuộc kháng chiến ở Biên Hoà.

Phường Thống Nhất, là nơi sớm hình thành đội ngũ giai cấp công nhân ở thành phố Biên Hoà gắn với việc xây dựng và phát triển Đồn điền cao su (Esvinasse) và Nhà máy gỗ Tân Mai (BIF), nguyên là xưởng chế biến gỗ do tư bản Pháp xây dựng năm 1897 và phát triển thành nhà máy từ 1912. Đến năm 1930, đội ngũ công nhân đã phát triển trên 300 người. Phong trào công nhân đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đấu tranh chính trị yêu nước ở BIF khởi phát từ năm 1929 và liên tục phát triển trong những năm 30 thế kỷ 20 khi Ủy ban hành động Nhà máy BIF được thành lập tháng 8 năm 1936. Năm 1937, Chi bộ Đảng Nhà máy cưa BIF được thành lập do đồng chí Trần Hồng Đạo làm Bí thư. Phong trào đấu tranh của công nhân mở rộng và kết hợp chặt chẽ với phong trào công nhân ở Sài Gòn và miền

---

(1) Nguồn: Tài liệu của Trần Quang Toại.

Đông. Nhà máy cưa BIF cũng là nơi treo cờ búa liềm đỏ hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tháng 11/1940. Cuộc khởi nghĩa không thành, phong trào địa phương tạm lắng xuống.

Năm 1944, Chi bộ Đảng Nhà máy cưa BIF được xây dựng lại do đồng chí Đặng Nguyễn làm Bí thư. Chi bộ đã vận động công nhân đấu tranh lãn công gây chậm trễ kế hoạch giao gỗ đóng tàu cho phát xít Nhật vào tháng 12/1944. Từ tháng 5/1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong được xây dựng ở nhà máy BIF và 3 ấp Lân Thành, Tân Mai, Vĩnh Thị. Ngày 21/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, lực lượng Thanh niên Tiền Phong Nhà máy BIF và 3 ấp đã chiếm nhà máy cưa, ga Biên Hoà, treo cờ đỏ sao vàng. Sáng 25/8/1945, ông Ba Miều một cơ sở cách mạng lái xe lửa đưa công nhân và nhân dân về tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn. Sau đó, ngày 27/8/1945, công nhân BIF cùng nôn dân 3 ấp đã kéo về tỉnh lỵ Biên Hoà tham gia giành chính quyền ở Biên Hoà.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhà máy cưa BIF trở thành trụ sở của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 22 Pháp và trụ sở bộ phận phòng nhì (tình báo Pháp). Thời kỳ chống Mỹ, là trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG). Ba ấp Lân Thành, Vĩnh Thị, Tân Mai trở thành địa bàn đứng chân của các lực lượng vũ trang, cán bộ ra vào hoạt động trong tỉnh lỵ Biên Hoà. Phong trào thoát ly đi kháng chiến và phong trào du kích chiến tranh phát triển khá mạnh ở Thống Nhất. Công nhân BIF đã tháo gỡ máy móc thiết bị của nhà máy đưa ra khu kháng chiến. Nhân dân 3 ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị là cơ sở giao liên, mua và chuyển rất nhiều hàng hoá cần thiết cho kháng chiến (máy đánh chữ, giấy, pin, thuốc tân dược...).

Đặc biệt trong hai năm 1952 và 1953, cơ sở cách mạng ấp Lân Thị đã hai lần phục vụ tin tức, tạo điều kiện để đội Công an vũ trang thị xã Biên Hoà và đội biệt động tỉnh hai lần làm nổ tung kho xăng dầu lớn nhất của Pháp ở đây.

Trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, trước đánh phá ác liệt của ngụy quyền trong chiến dịch Trương Tấn Bửu, các ấp Lân Thành,

Vĩnh Thị, Gò Me của phường Thống Nhất trở thành nơi đứng chân và nuôi dưỡng nhiều cán bộ đảng của Bình Phước và thị xã Biên Hoà. Tháng 5/1959, dưới sự chỉ đạo của Thị uỷ Biên Hoà, các cơ sở cách mạng Huỳnh Thị Tơ, Phạm Thị Vết, Nguyễn Thị Xuân, Năm Lũy... đã xây dựng hầm bí mật cho một phân đội vũ trang 250 Biên Hoà về nghiên cứu và chuẩn bị trận đánh vào đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy BIF (nhân dân thường gọi là Nhà Xanh, nay là địa điểm trường công nhân cơ điện Tân Mai).

Tối 7/7/1959, kỷ niệm 5 năm chấp chính của Ngô Đình Diệm, phân đội biệt động dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Văn Hoa đã hóa trang bắt ngờ tập kích vào Nhà Xanh. Hai cố vấn Mỹ Ovmand và B.Buis đã bị diệt. Đây là hai cố vấn Mỹ bị diệt đầu tiên ở miền Nam và đứng đầu danh sách trên 58.000 lính Mỹ chết trận ở Việt Nam được khắc trên bức tường tưởng niệm ở thủ đô nước Mỹ. Trận đánh đã thể hiện ý chí chiến đấu và quyết tâm kháng chiến không chỉ của lực lượng vũ trang cách mạng, mà còn có sự góp sức to lớn của cơ sở cách mạng Lân Thị, Gò Me. Nguyễn Văn Hoa, người chỉ huy trận tập kích và liệt sĩ Nguyễn Văn Huệ (hy sinh trong trận đánh) đều đã được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Chiến tranh ác liệt, địch kim kẹp, kiểm soát chặt, nhưng ở các ấp Lân Thành, Gò Me, cơ sở ta đào được nhiều hầm bí mật nuôi dưỡng cán bộ vào công tác trong nội thành.

Hai cơ sở địa phương là anh Hai Phước (Tổng Phước Phước) và Nguyễn Văn Hai (Hai Phước) đã cung cấp nhiều thông tin, hướng dẫn trình sát điều nghiên chuẩn bị cho trận pháo kích vào sân bay Biên Hoà. Ngày 30/10/1964, sân bay Biên Hoà nổ tung. Trong thắng lợi lớn đó có sự góp sức của nhân dân phường Thống Nhất. Tháng 2/1967, hai cơ sở Trần Văn Hai, Năm Lũy nghiên cứu tạo điều kiện cho biệt động Biên Hoà do đồng chí Nguyễn Văn Đạo (Sáu A) đặt mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn dầu lớn và 2000 thùng phuy xăng ở kho xăng dầu Biên Hoà.

Xuân Mậu Thân 1968, các cơ sở Phạm Thị Vết, Nguyễn Văn Tiến, bà Hai Thai... đã đưa các đồng chí lãnh đạo Thị uỷ Biên Hoà cùng đội biệt động vào ém trong nhà, trong hầm bí mật, đồng thời cùng các cơ sở cách mạng khác chuyển và tiếp nhận nhiều vũ khí từ căn cứ Hưng Lộc vào trong thị xã an toàn. Sau Mậu Thân 1968, địch khủng bố rất ác liệt, nhiều cơ sở cách mạng ở Tân Thành, Gò Me bị địch bắt tra tấn, nhưng tất cả cơ sở của địa phương đều giữ vững khí tiết đồng thời xây dựng được “lõm cách mạng” ở Tân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị. Xuân Kỷ Dậu 1969, các cơ sở ở Tân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị một lần nữa lại hoàn thành nhiệm vụ chuyển vũ khí, đào hầm bí mật, tạo điều kiện cho đội biệt động tấn công địch ở ga Biên Hoà, Ty cảnh sát tỉnh Biên Hoà, phối hợp cùng chiến trường toàn tỉnh thực hiện cuộc tổng tiến công góp phần vào thắng lợi chung toàn miền Nam. Nhiều chiến sĩ cách mạng chiểu đầu trong nội thành được cơ sở ở các ấp Tân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị che giấu giúp đỡ trở về đơn vị.

Từ 1970 đến 1975, trước sự kiểm soát đánh phá của địch, nhân dân và cơ sở các ấp Tân Thành, Vĩnh Thị, Gò Me vẫn giữ được liên lạc với cách mạng, đồng thời tạo nhiều điều kiện để phát triển cơ sở trong nội thành. Ngày 30/4/1975, thực hiện lệnh khởi nghĩa của Thành uỷ Biên Hoà cùng với nhân dân nội ô, các cơ sở cách mạng ở Tân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị đã nổi dậy truy lùng bọn ác ôn, chiếm giữ cá trụ sở ấp, giải phóng hoàn toàn địa phương.

Qua hai cuộc kháng chiến gian khổ, nhiều hi sinh, các ấp Tân Thành, Vĩnh Thị, Gò Me, nay là phường Thống Nhất thành phố Biên Hoà đã có 113 liệt sĩ, 8 gia đình được công nhận gia đình có công với cách mạng, 26 thương binh, 118 cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng được tặng thưởng các Huân, Huy chương của Đảng và Nhà nước.

Năm 1996, Đảng bộ và quân dân phường Thống Nhất vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý của Nhà nước: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Thọ

Xã Long Thọ<sup>(1)</sup> thuộc huyện Nhơn Trạch, nằm trên tỉnh lộ 19 chiều dài từ km 5 đến km 11. Phía Đông xã Long Thọ giáp xã Long Phước, phía Tây ôm gọn căn cứ địa cách mạng là khu Lòng Chảo, phía Nam giáp xã Phước An và phía Bắc giáp xã Hiệp Phước.

Xã có diện tích 2302,19 hécta. Dân số toàn xã là 5189 nhân khẩu, với 989 hộ, hầu hết là người Kinh, sống tập trung trong 5 ấp. Người dân trong xã chủ yếu sống bằng ngư nghiệp và nông nghiệp; còn lại một số ít buôn bán nhỏ. Xã có 98% người dân theo đạo Phật, thờ cúng gia tiên, nên địch khó dụ dỗ thành lập được Hội đồng tề.

Xã Long Thọ có nhiều lợi thế về mặt quân sự như: Từ khu Lòng Chảo, quân ta có thể tiến đánh địch rồi lại rút an toàn vào khu Lòng Chảo bao la, địch không tài nào tìm ra tung tích. Về mặt thủy chiến, từ mé sông Thị Vải, có thể tiến lên đánh địch, rồi lại theo mé sông rút ra rừng Sác mênh mông. Toàn xã có 5 ấp, nối nhau theo chiều dài 6km, theo thế trường xà, địch khó bao vây toàn bộ, khống chế lực lượng của ta.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nhơn Trạch.



Do có vị trí quan trọng nên địch bố trí nhiều quân và khí tài ở Long Thọ. Cụ thể, giặc Pháp chiếm đóng 3 đồn tại các ấp: Bàu Nâu, Suối Cạn, đình Phước Long. Mỗi đồn, địch bố trí gồm 1 trung đội lính thiện chiến đã qua luyện tập quân sự, trang bị cùng số vũ khí như: 3 khẩu đại liên, 3 trung liên, 3 tiểu liên, còn lại là súng trường và đạn dư thừa. Ngoài ra có xe tăng, máy bay, pháo tầm xa yểm trợ. Trong khi đó, lực lượng du kích tại xã thời kỳ này chỉ có 32 đồng chí, xuất thân là nông dân, chưa hề cầm súng vũ khí, vũ khí phần lớn là lựu đạn, giáo mác, và 36 súng trường, đạn cấp có hạn.

Đối với đế quốc Mỹ, tại xã Long Thọ, Mỹ chiếm đóng 5 đồn: tại Vườn Điều có 1 tiểu đoàn Thái Lan, tại Đồng Tranh có 1 tiểu đoàn xe tăng Mỹ và 3 đồn lính ngự là: Bàu Nâu, Suối Cạn, đình Phước Long. Số quân có lúc gần 2 ngàn lính, với lượng vũ khí: 12 đại liên, 18 trung liên, 54 tiểu liên, còn lại là súng trường tự động, đạn dư thừa. Ngoài ra có xe tăng, máy bay, pháo tầm xa ở Bến Sắn và pháo ở Thành Tuy Hạ hỗ trợ. Xét tương quan, lực lượng du kích xã Long Thọ có 52 đồng chí, vũ khí có 36 khẩu súng trường, đạn cấp theo định mức rất hạn chế.

Tuy vậy, là địa bàn trọng điểm nên xã Long Thọ được các cấp lãnh đạo; các nhà quân sự chọn làm nơi đóng quân, như: Chi đội 1 và Chi đội 2 Bộ đội Bình Xuyên, Chi đội thuộc Bộ đội Thái Nguyên, Đại đội Đô Lương, Fff, Chi đội 7 Đại đội Mai Văn Vĩnh, Bộ đội Trương Văn Giàu, Bộ đội Hoàng Thọ. Từng thời kỳ, có lúc quân số của trên về gần 2 ngàn, không còn nhà dân nào là không có bộ đội. Người dân Long Thọ lo nơi ăn, chốn ở, phục vụ như một đơn vị hậu cần với lòng mong mỏi là: “Bộ đội ăn no, là đánh thắng”.

Khi Pháp chiếm đóng nước ta, ruộng đất bị bọn địa chủ, tay chân của đế quốc chiếm gần hết, trong đó có tên địa chủ Cả Dị cướp trên 300 hécta ruộng đất trong xã; ngoài ra còn nhiều tên cướp từ 20 hécta - 50 hécta. Người nông dân suốt đời phải đi làm

thuê, làm mướn cho địa chủ. Cuộc sống khổ cực làm cho người dân Long Thọ căm thù giặc sâu sắc; ý thức dân tộc độc lập được hun đúc suốt 84 năm đô hộ của thực dân Pháp. Lòng mong nước duy nhất của người dân trong xã là phải đánh đuổi thực dân Pháp, diệt bọn cường hào ác bá, đem lại cuộc sống thanh bình, hạnh phúc cho đồng bào. Do đó, khi ông Tám Trụ, người lãnh đạo phong trào Thiên Địa Hội tuyên truyền, phát động phong trào là nhiều người dân ở xã Long Thọ tham gia ngay. Tuy nhiên do thiếu chủ trương, đường lối đúng đắn nên phong trào Thiên Địa Hội chỉ tồn tại từ năm 1916 đến năm 1927.

Khoảng đầu năm 1935, có ông Võ Văn Long, tức Ba Long, người ấp Cái Vạn, làm nghề buôn trầu cau ở Cần Giuộc, Tân An, qua mối quan hệ, ông đã kết bạn với ông Tư Một (tên thật là Đáng) là đảng viên mật của Xứ ủy Nam kỳ và ông Ba Long, người đầu tiên đem tài liệu cách mạng về tuyên truyền ở xã.

Thời gian này, đồng chí Trịnh Văn Dục nhận nhiệm vụ của Xứ ủy Nam kỳ, bí mật về xã Long Thọ xây dựng cơ sở Đảng. Tại xã Phước Thiên có ông Trương Văn Kỷ bí mật thành lập Nghiệp Đoàn trong giới công nhân trí thức; nhưng sự thật là tuyên truyền về chủ nghĩa Mác. Đến 1944 và đầu năm 1945, nhiều người dân ở xã Long Thọ biết về chủ nghĩa Mác, về cuộc Cách mạng tháng Mười Nga; về nhà nước dân chủ đầu tiên trên thế giới. Nhiều thanh niên ở xã Long Thọ bí mật gia nhập tổ chức “Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội” - tổ chức do Đảng lãnh đạo. Đến đầu năm 1945, tổ chức này được bí mật đổi tên là “Thanh niên xung phong” và lực trở thành nòng cốt trong ngày tổng khởi nghĩa.

Khi được tin Hà Nội đã giành chính quyền vào ngày 19/8/1945 và Huế vào ngày 23/8, đồng bào Long Thọ náo nức chuẩn bị khởi nghĩa, một khí thế cách mạng nổi lên rất mạnh nhất là phong trào thanh niên Tiên Phong với vũ khí là tầm vông vạt nhọn ngày đêm tập dợt.

Vào ngày 24/8/1945, các đồng chí Võ Văn Lương và Lê Tân Châu bí mật về xã tổ chức, chuẩn bị vũ khí gồm tầm vông, giáo mác, cò cách mạng và khẩu hiệu, rồi tổ chức làm 3 đoàn để giành chính quyền tại xã, tiến về huyện tham gia giành chính quyền, tiến về thành phố tham gia giành chính quyền. Hầu hết đồng bào Long Thọ tham gia trong ngày tổng khởi nghĩa này, không phân biệt trẻ, già, nam, nữ. Việc giành chính quyền tại xã gọn, nhẹ, không gặp sự chống đối nào. Chính quyền thật sự về tay người nông dân xã Long Thọ.

Ngày 25/8/1945, cách mạng giành lại chính quyền và thành lập chính quyền tại xã. Đến ngày 28/8/1945 xã Long Thọ đã thành lập xong Ủy ban Hành chính kháng chiến lâm thời.

Chính quyền dân chủ nhân dân vừa được thành lập chưa được bao lâu thì ngày 23/12/1946, tiếng súng của giặc Pháp lại nổ ra trên mảnh đất Nhơn Trạch. Âm mưu của thực dân Pháp là muốn xâm chiếm nước ta một lần nữa. Nghe lời kêu gọi của Đảng, của Bác Hồ, đồng bào Long Thọ lại đứng lên cùng toàn dân đi vào cuộc kháng chiến trường kỳ đánh Pháp - đánh Mỹ.

Tháng 3/1948, Chi bộ Đảng xã Long Tân được thành lập. Kể từ đó, đồng bào ra sức bảo vệ, không để cho địch đi sâu đánh phá. Đến ngày đình chiến năm 1954, chi bộ dù có nhiều đồng chí hy sinh, bị tù đầy, nhưng vẫn được duy trì 63 đảng viên. Tập kết ra Bắc 17 đồng chí. Số còn lại, vẫn bám trụ bí mật chỉ đạo phong trào. Thời kỳ thực hiện điều lảng (4HBC) nhưng chi bộ Đảng đã lập đường dây bí mật, liên lạc giữa Đảng và dân, nên mọi chỉ thị của trên vẫn được thi hành.

Năm 1954-1960, đồng bào Long Thọ thực hiện bất hợp tác với kẻ thù, như: Không nhận bất cứ một gia đình di cư nào (Bắc di cư năm 1954) vì đây là âm mưu của địch, nhằm phân hóa đồng bào trong xã phá cơ sở Đảng trong quần chúng. Đồng bào Long Thọ biểu tình, đòi thực hiện Hiệp định Genève. Tổng tuyển cử, Hiệp thương để thống nhất đất nước, tẩy chay cuộc trưng cầu dân ý và

bầu cử của Diệm. Biểu tình phản đối khi Diệm ra Luật “10-59” và thực tế là địch đã không thực hiện được tại xã Long Thọ.

Từ năm 1961-1967, đồng bào Long Thọ kiên quyết không để cho địch dồn dân thành lập ấp chiến lược. Khi địch dùng vũ lực đàn áp dân, ép buộc phải vào ấp chiến lược, đồng bào lại làm nội ứng để cùng lực lượng du kích nổi lên phá ấp chiến lược.

Đến năm 1967, thấy bị đồng bào phản đối quyết liệt và không một ấp chiến lược nào tồn tại đến một tháng, nên từ đó địch đành phải bỏ.

Trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ, toàn xã Long Thọ đã có 415 gia đình là cơ sở của Đảng. Đồng bào Long Thọ đã đưa 746 thanh niên lên đường nhập ngũ, gia nhập quân đội chính quy, xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam, và đã lập nhiều chiến công hiển hách, được phong tặng quân hàm cấp cao trong quân đội. Đến ngày 30/4/1975 miền Nam hoàn toàn giải phóng, toàn xã có 158 liệt sĩ, 132 gia đình liệt sĩ.

Trong phong trào dân công hỏa tuyến, xã Long Thọ thành lập được 4 đội dân công hỏa tuyến, mỗi đội 35 người, luân phiên làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm ra chiến trường. Mỗi đợt từ 5 đến 10 ngày có lần lên tận chiến khu Đ, thời gian cả tháng. Tổng số ngày công phục vụ công tác này là trên 8 ngàn ngày công.

Về phong trào dân công phục vụ địa phương, đồng bào Long Thọ có nhiều đóng góp. Tiêu biểu như trong đợt cấm cọc, chống cuộc nhảy dù của giặc Pháp xuống Đồng Lớn, âm mưu tiến vào chiến khu Phước An, đồng bào Long Thọ đã đóng góp trên 3 ngàn ngày công vào rừng lấy tre về vạt nhọn rồi ra cấm, với số cọc trên 10 ngàn cọc. Hay như trong thời kỳ chống chiến tranh đặc biệt của Mỹ 1963-1965, theo kế hoạch của Huyện ủy; đồng bào Long Thọ phá hủy lộ 19, con đường huyết mạch, từ km5 đến km11, xe quân sự hoàn toàn không thể đi qua được, với số ngày công là trên 10 ngàn ngày công, còn qua đường 15 phá đường cầu Mới,

Suối Cả và cầu Tám Trụ. Đồng bào Long Thọ còn đóng góp trên 5 ngàn ngày công, làm giao thông hào chiến đấu xung quanh xã dài 280m. Đồng bào Long Thọ còn đóng góp trên 10 ngàn ngày công, phục vụ phá ấp chiến lược, làm cho địch phải xây dựng đi, xây dựng lại ấp chiến lược tới 58 lần. Đến năm 1967, địch không còn khả năng để xây dựng nữa. Kế hoạch, âm mưu của địch sụp đổ hoàn toàn.

Trải qua 2 thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đồng bào xã Long Thọ đóng góp số lượng rất lớn lương thực, thực phẩm, hoặc của cải vật chất cho cách mạng.

Cụ thể, thời kỳ xây dựng công binh xưởng tại chiến khu Phước An, Huyện ủy vận động, đồng bào Long Thọ đem vật dụng bằng đồng, bằng sắt như: mâm, nồi, chậu, kể cả đồ thờ như lư hương, chân đèn ủng hộ cách mạng với số lượng 12 tạ, để sản xuất vũ khí. Suốt 30 năm, đồng bào Long Thọ làm nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp với nhà nước với số lượng hàng trăm dạ lúa. Xã Long Thọ còn thành lập Hội Mẹ Chiến sĩ vào năm 1947.

Trong phong trào Ủ gạo nuôi quân, thời chống Pháp có 278 gia đình thực hiện, thời chống Mỹ có 302 gia đình thực hiện. Với chỉ tiêu khoảng 2kg gạo/hũ/tháng, suốt thời chống Pháp, đồng bào Long Thọ đóng góp 54 tấn gạo, thời chống Mỹ đóng góp 86 tấn gạo cho cách mạng.

Vào thời kỳ gặp khó khăn về kinh tế, bộ đội của trên về nhiều đợt xuất, với lời kêu gọi của Huyện ủy, đồng bào xã Long Tân ủng hộ 154.000 dạ lúa để kịp thời nuôi quân. Người dân còn mua công trái phiếu lên đến 13 triệu đồng. (Giá vàng lúc đó 12 ngàn đồng/lượng).

Để có phương tiện chuyên vận vũ khí, lương thực, đồng bào Long Thọ ủng hộ 148 ghe thuyền, 72 xe bò với 12 cặp bò kéo cho cách mạng. Ngày nào cũng có từ 5 đến 10 người chở bộ đội qua sông.

Trong suốt 2 thời kỳ kháng chiến, với vị trí là vành đai bảo vệ

chiến khu Phước An; xã Long Thọ bị địch tàn phá nặng nề nhất, có thời kỳ chúng đốt phá không còn một nóc nhà. Tổng cộng qua 2 cuộc kháng chiến, toàn xã Long Thọ đã có 1.856 nóc nhà đồng bào bị địch đốt phá. Có gia đình phải làm nhà đi, làm nhà lại tới 4-5 lần. Nhiều gia đình ở gần đồn bốt địch đã phải chuyển đi nơi khác.

Những tội ác điển hình của giặc như: Ngày 23/12/1946, giặc Pháp nhảy dù xuống Đồng Lớn, âm mưu tiến vào chiến khu Phước An, nhưng bị đánh phủ đầu, không thể tiến vào Phước An được. Chúng tràn vào 2 ấp thuộc xã Long Thọ đốt 120 nóc nhà, bắn thường dân, bắn chết bầy trâu gồm 93 con, bắt đàn bò 64 con làm cho đồng bào 2 ấp này mất hết trâu bò cày kéo.

Ngày 16/7/1949, giặc Pháp tràn vào xã, bị du kích đánh trả, diệt tại trận 7 tên, làm bị thương 4 tên. Ngày hôm sau chúng tràn tiếp với số quân đông hơn, chúng đánh trả thù, đốt phá 260 nóc nhà dân, bắn chết bà Hai Long, bà Âm, ông Hai Tạo rồi ném xác vào nhà cháy, để khủng bố tinh thần đồng bào.

Tàn ác hơn cả là giặc Mỹ đã rải chất độc phá hoại, hủy diệt 350 hécta vườn cây ăn trái, trên 500 hécta ruộng lúa, gồm 200 hécta cây rừng thuộc Lòng Chảo.

Tháng 6/1950, trong 1 cuộc càn do tên Một Phước chỉ điểm, địch bắn chết một lúc 5 người dân. Trong đó có anh Chót là em ruột Chủ tịch xã và các anh Hai Thâu, Tám Sạn, Tám Hòi, Hai Dẫm.

Tổng kết hai thời kỳ kháng chiến cứu quốc, quân dân Long Thọ đã tổ chức đánh 1.195 trận lớn nhỏ, trong đó, đánh độc lập 904 trận (gồm chống càn, gài trái, diệt ác ôn, phá ấp chiến lược) và đánh kết hợp là 291 trận.

Cụ thể, thời chống Pháp quân dân xã Long Thọ đã diệt 297 tên giặc, trong đó có 103 tên giặc Pháp, bắt sống 8 tên, bắt sống cả một Hội đồng tề, gồm 12 tên giải về trên, phá đồn Long Thọ 4 lần, thu toàn bộ vũ khí, diệt 9 tên ác ôn, có nhiều nợ máu, binh vận 34

tên lính Sài Gòn.

Trong thời chống Mỹ quân dân xã Long Thọ diệt 1.070 tên giặc, trong đó có 38 giặc Mỹ, 182 tên giặc Thái, bắt sống 83 tên, diệt đồn Long Thọ 7 lần, phá 58 lần ấp chiến lược, diệt 21 tên ác ôn, có nhiều nợ máu, binh vận 28 tên lính ngụy, thu 438 súng các loại, thu 3 máy PRC- 25, phá 3 xe tăng, 2 xe GMC, thu 1 máy rà mìn Thái Lan, bắn chìm 2 tàu bo bo, 7 ghe thuyền máy, trong những trận càn của địch theo đường sông.

Trận đánh tiêu biểu của quân và dân Long Thọ phải kể đến là vào năm 1947 trong một trận càn theo đường sông lợi dụng nước lớn, Pháp định đổ quân lên Vàm Cây Khô, từ đó đánh úp vào phía Nam của cơ quan của xã. Lực lượng du kích xã Long Thọ, lợi dụng chiến hào, ô ụ chiến đấu đánh bại cuộc càn, diệt và làm bị thương một số lính địch, bắn cháy 2 tàu của giặc. Trận đánh nổi tiếng của lực lượng du kích Long Thọ, với 19 tay súng, đã quần nhau với giặc suốt 5 tiếng đồng hồ.

Hay như trận đánh đồn Long Thọ vào tháng 8/1962, đồn địch vào 1 trung đội, do tên Xá Cảnh sát làm trưởng đồn. Ban Chỉ huy xã đội Long Thọ cài đồng chí Đặng và đồng chí Trọt vào trong đồn làm nội ứng. Thông qua một bữa nhậu tạo cơ hội cho lực lượng du kích xông vào đồn, diệt một số tên, bắt sống toàn bộ, cả tên trưởng đồn, thu toàn bộ vũ khí. Trận đánh diễn ra trong 3 ngày, tạo tiếng vang lớn.

Trong trận đánh ngày 2/7/1966, giặc Mỹ càn về xã Long Thọ, đến miễu Mặt Trăng thì lọt vào trận phục kích của du kích xã. Sau tiếng nổ của 2 trái DH10, 1 xe bị lật, 1 xe bốc cháy, các chiến sĩ đồng loạt nổ súng. Địch rút chạy diệt 13 tên giặc Mỹ. Sau trận này đồng chí Kiên, đồng chí Duy được cấp bằng khen, Dũng sĩ diệt cơ giới của tỉnh.

Tiếp đến, năm 1966 diễn ra trận bao bót đồn Long Thọ. Đồn Long Thọ nằm cạnh lộ 19, gần trung tâm của xã, với số quân là 3 trung đội. Du kích xã tập trung bao vây, đêm tấn công, ngày bắn

tĩa, địch tấn công không được, rút không được, chúng phải cho máy bay, thả lương thực thực phẩm. Sang ngày thứ bảy, địch phải cho 1 tiểu đoàn đến đánh phá vây mới rút được bọn này về đồn bỏ trốn.

Năm 1964, lính dân vệ thuộc một chốt quân sự của địch lảng đê, mở đường, chờ cho chúng tiến xa đồn, du kích xã tập trung đánh chặn đường về, buộc phải chạy tẩn vào mé rừng. Lập tức các chiến sĩ du kích quay trở lại tấn công thẳng vào chốt quân sự, bắt sống toàn bộ lính còn lại và số súng đạn, phá tan chốt quân sự địch.

Năm 1973, trong chiến dịch Diệt trừ bọn bình định áo đen, du kích xã Long Thọ đã tập kích đánh tan đội Bình Định áo đen tại nhà ông Sáu Hữu, diệt 5 tên.

Ngày 18/2/1975, du kích xã Long Thọ đã phục kích diệt gọn tiểu đội tuần tra của địch từ đồn Bến Sắn ra, diệt 13 tên, thu 13 súng.

Từ năm 1963-1972, tại xã Long Thọ có đồng chí Nguyễn Văn Nhỏ, tự Bé Vân - được gọi là người du kích bắn sẻ. Với cây trường bá bỏ, anh đã diệt 101 tên giặc. Đồng bào trong xã gọi anh là anh hùng bắn sẻ hay gọi là anh hùng “101”.

Ngoài ra, quân dân Long Thọ còn có những trận đánh kết hợp tiêu biểu như trận Cầu Lò Rèn diễn ra vào tháng 3/1946. Đây là trận càn đầu tiên của giặc Pháp vào chiến khu Phước An. Lực lượng của địch là một Đại đội Âu Phi. Lực lượng du kích Long Thọ kết hợp với lực lượng bộ đội Mai Văn Vĩnh và Chi đội 4 thuộc lực lượng Bình Xuyên. Đã bố trí trận địa và mai phục tại khu cầu Lò Rèn. Khi địch lọt vào mặt trận, theo tiếng kèn, toàn bộ quân ta xông lên đánh giáp lá cà, áp đảo. Không đầy 30 phút, ta tiêu diệt gọn đại đội Âu Phi của giặc, thu 1 súng cối 60 ly, 1 trung liên, 4 tiểu liên và khẩu súng trường, 2 khẩu súng lục, nhiều đạn dược, bắt sống 8 tên.

Hay như vào tháng 6/1946, giặc Pháp tổ chức cuộc càn lớn,



âm mưu tràn qua Long Thọ để vào Phước An. Lực lượng của địch gồm 2 đại đội. Lực lượng du kích xã, kết hợp với lực lượng Chi đội do Mai Văn Vĩnh chỉ huy đã mai phục, bẻ gãy cuộc càn, diệt 28 tên và một số bị thương, bắn cháy 1 xe GMC. Trận đánh kéo dài từ 10 giờ đến 23 giờ.

Trận tiêu diệt Mỹ tại khu vực miễu Ông Thiện diễn ra vào tháng 10/1969, du kích Long Thọ kết hợp với D240 của tỉnh, phục kích diệt 12 tên lính Mỹ. Số còn lại, hoảng sợ rút về quận.

Ngày 4/2/1975, du kích xã Long Thọ kết hợp với đoàn 10, bao vây Phước Long - Phước Thọ, đồng thời phục kích diệt bọn tiếp vận. Địch cho tiểu đoàn bảo an 340 xuống giải vây nhưng lực lượng Đoàn 10 đẩy lùi. Hôm sau địch điều 2 tiểu đoàn, D318 chiến đoàn cơ giới và D258 biệt động quân, có máy bay yểm trợ tràn xuống giải vây và rút số quân ở 2 đồn trên về quận. Đồn bỏ trống. Trong đợt bao vây, chặn đánh đoàn tiếp viện của địch, du kích xã và đoàn 10 diệt 67 tên, phá 5 xe quân sự.

Với những thành tích đạt được, ngày 31/3/1973, quân dân Long Thọ, được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Nhì. Toàn xã có 158 liệt sĩ, 7 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 2 Huân chương Độc lập, 57 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, 70 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, 84 Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Ba, 35 Huân chương Chiến thắng, 50 Huân chương Chiến công, 64 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, 135 Huân chương các loại, 182 Bằng khen các loại.

Đặc biệt, năm 1996, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Thọ được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Cán bộ và công nhân viên lực lượng tự vệ Đồn điền cao su Bình Lộc

Xã Bình Lộc<sup>(1)</sup> thuộc thị xã Long Khánh, trước đây được gọi là ấp Bình Lộc do nơi đây có cơ sở cao su Bình Lộc, một trong những đồn điền cao su được lập ra sớm nhất ở miền Đông Nam Bộ.

Cũng như bao đồn điền khác, công nhân Đồn điền cao su Bình Lộc đã bị bọn chủ ty bóc lột tận xương tủy. Đa số dân công từ miền Bắc, miền Trung bị thực dân Pháp mộ làm phu ở các đồn điền cao su với những đồng lương rẻ mạt và thường xuyên bị đánh đập tàn nhẫn, hết sức dã man. Do đó, cuộc sống người dân rất khổ cực, nhiều người bị thiệt mạng.

Xã Bình Lộc là một vùng căn cứ cách mạng với những căn cứ địa, như: Cây Đa, Đồi Mít, Đồi Xoài, Ruộng Tre... đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Đội dân quân du kích xã Bình Lộc năm 1996 được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và anh hùng liệt sĩ Lê A.

Trong 2 cuộc kháng chiến, đặc biệt chống đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Thị ủy Long Khánh, của Chi bộ được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, nhân dân Bình Lộc đã tổ chức 36 cuộc đấu tranh, 8 lần biểu tình, mít-tinh với hàng ngàn lượt người tham gia, đóng góp sức người sức của cho kháng chiến thắng lợi hoàn toàn.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của Thị ủy, phong trào đấu tranh cách mạng ở xã Bình Lộc được công nhân, che chở, tiếp tế lương thực, thuốc men. Được sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến và sự hướng dẫn của cơ sở, trong Đoàn điền cao su Bình Lộc đã tổ chức vận động công nhân trong và ngoài đồn điền kết hợp nổi dậy đốt xe sở, đốt các kho mủ, lấy nhiều máy móc và văn phòng phẩm. Đợt này 1.500 công nhân cao su ở Bình Lộc thoát ly đến căn cứ kháng chiến. Bọn lính và cai đồn điền không kịp trở tay, một số bị bắt trời, bị bắn hạ, toàn bộ cơ sở đồn điền bị phá hủy, ta thu được 10 cây súng. Thắng lợi này đã làm nức lòng quân dân trong tỉnh, tạo khí thế đấu tranh càng thêm sôi nổi.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân và lực lượng vũ trang xã Bình Lộc diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. Thành tích nổi bật của xã Bình Lộc là ta đã xây dựng nhiều chi bộ mật, cơ sở mật ngay trong lòng địch, hoạt động gần các cơ quan đầu não của địch, nhưng vẫn luôn bảo đảm bí mật an toàn. Từ sự lãnh đạo của Thị ủy, của các chi bộ mật, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Bình Lộc đã đấu tranh giành nhiều thắng lợi hết sức vang dội qua từng giai đoạn của phong trào đấu tranh cách mạng.

Toàn xã có 1.225 thanh niên lên đường và tham gia các lực lượng vũ trang, đóng góp hơn 1.600 ngày công để đào hầm, hào, giao thông phá ấp chiến lược, 2.200 ngày công làm nghĩa vụ hỏa tuyến tham gia chiến dịch, vận chuyển vũ khí, tải thương, góp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm cho cách mạng.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ, nhân dân ta và cán bộ xã Bình Lộc đã phối hợp đánh 618 trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt 1.596 tên, trong đó có 42 lính Mỹ, bắt sống 79 tên, diệt 20 tề ấp, chỉ điểm ác ôn, bắn cháy 1 máy bay, phá hư hại nhiều xe quân sự và bom đạn, thu 412 súng các loại.

Toàn xã có 7 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 1 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 39 thương binh và 230 gia đình chính sách, được tặng thưởng nhiều Huân chương Chiến công, Huân chương Lao động.

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và quân dân xã Bình Lộc nhanh

chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, bắt tay vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, áp dụng những tiến bộ khoa học vào đời sống và sản xuất nhằm đưa xã Bình Lộc ngày càng đi lên về mặt kinh tế và xã hội, vững mạnh về an ninh quốc phòng.

Với những thành tích trên, xã Bình Lộc được trao 4 Huân chương Độc lập; 9 Huân chương Chiến công hạng Nhì; 17 Huân chương Chiến công hạng Ba; 74 Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba về thành tích chống Mỹ cứu nước; 4 Huy chương hạng Nhất; 4 Huy chương hạng Nhì; 1 cờ 10 năm vẻ vang; 1 cờ luân lưu về phong trào du kích chiến tranh khá nhất năm 1975; 1 cờ Phan Văn Cối; 23 Huy hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ các loại; 2 Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trong thời kỳ đổi mới; 1 cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ; 22 Bằng khen của UBND tỉnh.

Năm 1996, cán bộ công nhân viên lực lượng tự vệ Đoàn điền cao su Bình Lộc được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân<sup>(2)</sup>.

---

(2) Theo Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển.

## Phòng Bảo vệ chính trị IV Công an tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai là tỉnh có vị trí chiến lược, là cửa ngõ của thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm công nghiệp của các tỉnh, thành phía Nam. Trước năm 1975, Đồng Nai có nhiều khu quân sự quan trọng của địch như: sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Tổng kho Thành Tuy Hạ, Bộ Tư lệnh quân đoàn 3, Công an miền Đông...

Năm 1975, chính quyền Sài Gòn sụp đổ làm tan rã 120 ngàn binh lính, sĩ quan, công chức, đảng phái chính trị phản động. Đến năm 1996, Đồng Nai còn 40.040 binh lính, 5.947 công chức Sài Gòn, 1.319 tù tha về. Đồng Nai cũng là vùng đất tập trung nhiều tín ngưỡng, tôn giáo với gần 800 ngàn tín đồ Thiên chúa giáo (trong đó 95% giáo dân Bắc di cư). Trên 200 linh mục, hơn 2 ngàn tu sĩ, 3 ngàn nhà thờ và hàng trăm cơ sở đạo Thiên Chúa; trên 3 ngàn tăng ni và 400 cơ sở tôn giáo của đạo Phật; có 20 mục sư và truyền đạo Tin Lành; 20 chức sắc đạo Cao Đài với 10 ngàn tín hữu. Tỷ lệ tín đồ tôn giáo ở Đồng Nai chiếm 63% dân số của tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh có 140 ngàn người dân tộc thiểu số. Từ năm 1975-1985, trên địa bàn có 239 nhen nhóm chính trị phản động, trên một ngàn đối tượng tham gia và hàng trăm đối tượng Fulro. Đặc biệt, sự chống đối của bọn phản động núp bóng tôn giáo cấu kết với các loại đối tượng đã tạo nên tình hình bất ổn về an ninh chính trị như: ám sát cán bộ, tấn công trụ sở chính quyền xã ấp.

Thành phần cư dân Đồng Nai có đủ người ở các tỉnh thành trong

cả nước. Từ sau năm 1975 đến năm 1998, nhiều phần tử xấu chuyển đổi địa bàn trà trộn về Đồng Nai, trong đó có một số đối tượng thuộc các tổ chức phản cách mạng, che giấu lai lịch chui vào nội bộ xã ấp của ta. Đồng Nai cũng là tỉnh có hàng ngàn người có quan hệ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, bọn phản động triệt để lợi dụng sự phức tạp đó để thực hiện âm mưu phản cách mạng.

Sau năm 1975, Phòng Bảo vệ chính trị IV<sup>(1)</sup> (PA16) Công an tỉnh Đồng Nai đã truy quét bắt 839 tên địch, lập danh sách, hồ sơ đăng ký quản lý 45 ngàn tên binh lính, sĩ quan, công chức chế độ cũ, đảng phái chính trị phản động, lập hồ sơ đề nghị tập trung cải tạo 349 đối tượng, dập tắt 239 vụ nhen nhóm chính trị phản động, bắt 1.119 đối tượng, kêu gọi ra tự thú 1.182 đối tượng; phối hợp với lực lượng vũ trang và an ninh các địa phương diệt 62 cụm toán vũ trang, âm mưu bạo loạn lật đổ chính quyền, chiếm đài phát thanh, trong đó có các vụ lớn như: vụ ở núi Gia Ray, Rừng Lá, Sóc Lu, Tà Lài...; xóa sổ 17 mật khu, tiêu diệt 174 đối tượng, bắt 2.408 đối tượng. gọi ra hàng 1.830 đối tượng, thu 198 súng các loại; xóa sạch cơ sở Fulro trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bắt 1.275 đối tượng, gọi ra hàng 1.123 đối tượng, thu 29 súng các loại và nhiều vũ khí khác; ngăn chặn 1.649 vụ vượt biên, trốn đi nước ngoài, bắt 36.011 người.

Đơn vị đã tham mưu nhiều định hướng nghiệp vụ, xử lý nhiều tình huống nghiệp vụ chính xác, kịp thời, đúng chủ trương quan điểm của Đảng, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn tổ chức thực hiện mô hình tự quản, xây dựng vùng giáo an toàn. Tổ chức sơ kết, mở hội nghị thực hiện Chỉ thị 11 của Bộ Nội vụ, thực hiện Kế hoạch 14 về xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc vùng Thiên Chúa giáo. Chú trọng công tác mạng lưới bí mật để đánh địch trước mắt và lâu dài, đề xuất cho Ban Giám đốc hàng chục kế hoạch chống phản động để làm tham mưu cho Bộ, cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo ra

---

(1) Nguồn: Bộ Công an, Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Những đơn vị cá nhân anh hùng công an nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.

chủ trương đúng đắn, làm ổn định tình hình. Mở hội nghị tổng kết 10 năm chống phản động, lợi dụng tôn giáo, qua đó rút ra nhiều bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện đối sách và biện pháp nghiệp vụ, tham mưu cho UBND tỉnh ra các văn bản quy định về hoạt động tôn giáo như: Văn bản 569/UBT; 1799/UBT; 2151/UBT và được triển khai cho tất cả các ngành, các cấp giáo ở địa phương. Những văn bản trên được nhiều địa phương trong nước đến nghiên cứu, trao đổi và cho đó là kinh nghiệm tốt. Những văn bản này được Ban Tôn giáo Chính phủ phổ biến để các địa phương nghiên cứu tại hội nghị tập huấn về công tác tôn giáo.

PA16 cũng phối hợp với Ban Tôn giáo tỉnh mở 4 lớp tập huấn về công tác tôn giáo cho cán bộ làm công tác tôn giáo từ tỉnh, đến cơ sở; cùng Ban Tôn giáo tổ chức hội thảo thử nghiệm về chương trình đổi mới nội dung, hình thức hoạt động của các tổ chức quần chúng vùng giáo, tách quần chúng ra khỏi ảnh hưởng tiêu cực của bọn phản động cực đoan. Đề xuất với Ban Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai mở hội nghị về đổi mới công tác phản gián trên lĩnh vực đấu tranh phòng chống phản động (1986-1996). Tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Giám đốc quyết định chủ trương đúng đắn đối với tôn giáo và các tình huống nghiệp vụ, góp phần bảo vệ vững chắc chủ trương, quan điểm của Đảng, làm cho quần chúng có đạo tin tưởng vào Đảng, vào chính quyền.

PA16 đã tổ chức tốt mạng lưới bí mật, nắm chắc tình hình, tham mưu cho ban giám đốc chỉ đạo đấu tranh trấn áp, xử lý có kết quả nhiều vụ việc lợi dụng và đội lốt tôn giáo nhằm mục đích phá hoại, đồng thời tham mưu cho Ban Giám đốc và UBND tỉnh xử lý êm nhiều điểm nóng trên địa bàn có liên quan đến tôn giáo.

Đồng Nai có trên 30 dân tộc với hơn 140 ngàn người tập trung ở địa bàn niền núi của tỉnh, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, dân trí thấp.

PA16 đã lên danh sách để thường xuyên gặp gỡ các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng để qua đó tuyên truyền,

vận động người dân không nghe theo kẻ xấu, đồng thời kiểm tra lại hồ sơ tổ chức địch (Fulro) trước đây, bố trí lực lượng trinh sát là người dân tộc cắm chốt tại địa bàn để chủ động xử lý tình hình khi có sự cố xảy ra. Một số vụ như: vụ đồng bào Chăm - Hồi giáo tranh chấp với nông trường cao su; vụ tranh chấp giữa đồng bào Chơ-ro với một số đơn vị kinh tế ở Phước Thái - Long Thành... được đơn vị giải quyết từ cơ sở, không để trở thành điểm nóng.

Đơn vị cũng thường xuyên phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh thực hiện tranh thủ những người có uy tín để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng đồng bào dân tộc nhằm ổn định tình hình địa bàn, chống âm mưu lợi dụng của địch.

Phòng PA16 luôn tích cực tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho tất cả cán bộ, chiến sĩ đảm bảo bản lĩnh chính trị vững vàng, quan tâm đến đào tạo đội ngũ, 50% cán bộ, chiến sĩ có trình độ đại học, cao đẳng. 100% cán bộ chỉ huy cấp đội trở lên có trình độ đại học, có 30% trình sát giỏi, 60% khá.

Đơn vị 11 năm liền đạt danh hiệu Quyết thắng, 4 năm liền được tặng cờ khá nhất lực lượng phân gián toàn tỉnh, được tặng 1 Huân chương Quân công hạng Ba, 2 Huân chương Chiến công, hàng chục bằng khen của Chính phủ, Bộ Nội vụ, UBND tỉnh. Năm 1979, đơn vị được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa. Chi bộ PA16 liên tục đạt trong sạch vững mạnh. Năm 1996, được Tỉnh ủy tặng cờ tổ chức cơ sở đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liền.

Đơn vị được phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 22/7/1998.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Long Thành

Long Thành<sup>(1)</sup> là một huyện nằm ở phía Nam tỉnh Đồng Nai, có diện tích 431,01km<sup>2</sup>, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 60km, cách Biên Hòa 33km, cách Vũng Tàu 60km; phía Đông giáp huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất và huyện Cẩm Mỹ, Phía Tây giáp huyện Nhơn Trạch và Thành phố Hồ Chí Minh, phía Nam giáp thị xã Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Bắc giáp thành phố Biên Hoà.

Long Thành là vùng đất có nhiều dấu vết của người tiền sử sinh sống. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di chỉ, hiện vật chứng minh rằng người tiền sử là chủ nhân của các dụng cụ bằng đá ở Cái Vạn, Cái Lăng (thuộc xã Long Thọ) ấp Rạch Chiếc (thuộc xã Phước Tân), và một số nơi khác, có niên đại cách đây khoảng 3.000 đến 1.800 năm. Hiện vật văn hóa được hình dung qua kết quả khảo cổ, nhưng chủ nhân văn hóa chưa được lý giải cụ thể. Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn; đến thế kỷ XVI, xứ Đồng Nai vẫn là vùng đất tự nhiên hoang sơ. Từ đầu thế kỷ XVII mới có dấu hiệu người Việt đến sinh sống, làm ăn ở các làng cổ ven sông Thị Vải và sông Đồng Nai.

Theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Chương Cơ Nguyễn Hữu Kính (tức Nguyễn Hữu Cảnh) vào làm Kinh lược sứ vùng đất

---

(1) Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Long Thành và Wikipedia

phương Nam, lấy đất Đồng Nai thành lập phủ Gia Định gồm huyện Tân Bình (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và huyện Phước Long. Lúc đó, Long Thành là một trong 4 tổng thuộc huyện Phước Long (cùng các tổng khác: Phước Chính, Bình An, Phước An). Địa danh Long Thành chính thức có từ đó.

Năm 1808, dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long nâng thành phủ Phước Long, các tổng thuộc phủ Phước Long nâng thành huyện. Tên huyện Long Thành bắt đầu từ đây. Huyện Long Thành lúc bấy giờ gồm bốn tổng Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ (tức tổng Bình Lâm), Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ. Đến năm 1820, huyện Long Thành còn lại hai tổng Long Vĩnh và Thành Tuy với 63 thôn, phường. Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập địa bạ các tỉnh Nam Bộ, huyện Long Thành gồm có 4 tổng Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ với 53 thôn, ấp, xã.

Năm 1837, tỉnh Biên Hòa đặt thêm phủ Phước Tuy thì huyện Long Thành thuộc phủ Phước Tuy. Năm 1863, sau khi đánh chiếm Biên Hòa và 3 tỉnh miền Đông, thực dân Pháp giữ lại các đơn vị hành chính của nhà Nguyễn. Theo đó huyện Long Thành gồm 4 tổng, 58 làng, xã<sup>(2)</sup>. Năm 1867, tỉnh Biên Hòa được chia làm 5 sở Tham biện, trong đó có sở Tham biện Long Thành gồm 5 tổng Việt, 5 tổng Thượng (tức tổng gồm người dân tộc thiểu số), 105 xã thôn.

Thời chế độ Việt Nam Cộng hòa, ngày 9/9/1960, tách một phần đất quận Long Thành, lập quận Nhơn Trạch. Quận Long Thành gồm 8 xã: Tam Phước, Tam An, An Lợi, Phước Lộc, Thái Thiện, Long Phước, Long An, Lộc An; quận lỵ là Phước Lộc. Cuối năm 1973 chính quyền Sài Gòn bắt đầu cho chuyển một số cơ sở của Trường Bộ binh Thủ Đức đến căn cứ huấn luyện mới ở Long Thành. Long Thành biến thành một căn cứ quân sự lớn trong lúc chiến tranh

---

(2) Bốn tổng là: Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ.

Việt Nam. Công việc di chuyển trường đến năm 1974 thì hoàn tất, nhưng được hơn một năm thì Việt Nam Cộng hòa sụp đổ và trường bị giải thể.

Với chính quyền cách mạng, từ 1945-1951, huyện Long Thành thuộc tỉnh Biên Hòa, tháng 5/1951 đến tháng 7/1954, thuộc tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phong trào kháng chiến địa phương, tổ chức hành chính và chiến trường huyện Long Thành nhiều lần được điều chỉnh: Từ 1954-1960 huyện Long Thành (bao gồm cả Nhơn Trạch) thuộc tỉnh Biên Hòa. Cuối năm 1960, huyện Long Thành được tách làm hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch, huyện Long Thành gồm 1 thị trấn và 17 xã: Long Hưng, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước, An Lợi, Tam An, Phước Nguyên, Siph (Long Đức), Phước Lộc (thị trấn), Long An, Long Phước, Phước Thái, Bàu Cạn, Tân Hiệp, Lộc An, Bình Sơn, Cẩm Đường. Đến tháng 10/1966, hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch sáp nhập thành huyện Long Thành thuộc tỉnh Bà Biên. Từ tháng 10/1967 đến tháng 4/1971, huyện Long Thành thuộc Phân khu 4. Từ tháng 5/1971 đến tháng 8/1972, huyện Long Thành thuộc về phân khu Bà Rịa. Sau tháng 8/1972, huyện Long Thành lại tách ra hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch thuộc tỉnh Biên Hòa. Tháng 4/1975, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch lại sáp nhập thành huyện Long Thành thuộc tỉnh Biên Hòa.

Tháng 1/1976, huyện Long Thành (bao gồm cả huyện Nhơn Trạch) thuộc tỉnh Đồng Nai vừa thành lập. Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 51/1994/NĐ-CP chia huyện Long Thành thành 2 huyện là Long Thành và Nhơn Trạch. Huyện Long Thành gồm thị trấn Long Thành và 18 xã.

Ngày 29 tháng 8 năm 1994, chia xã Bình Sơn thành 2 xã: Bình An và Bình Sơn; chia xã Phước Thái thành 2 xã: Phước Bình và Phước Thái; chia lại xã Hòa Hưng thành 2 xã cũ: An Hòa và Long Hưng. Ngày 5 tháng 2 năm 2010, theo Nghị quyết số 05/NQ-CP, điều chỉnh toàn bộ 10.899,27 hécta diện tích tự nhiên và 92.796 nhân khẩu của

các xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước của huyện Long Thành vào thành phố Biên Hoà quản lý.

Hiện nay<sup>(3)</sup>, diện tích tự nhiên của huyện Long Thành có 43.101 hécta, dân số hơn 200.000 người; 15 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Long Thành và 14 xã: An Phước, Bàu Cạn, Bình An, Bình Sơn, Cẩm Đường, Lộc An, Long An, Long Đức, Long Phước, Phước Bình, Phước Thái, Suối Trầu, Tam An, Tân Hiệp.

Huyện Long Thành có những lợi thế về mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện gồm đường bộ - đường thủy - hàng không. Hệ thống đường giao thông quốc gia gồm các tuyến đường cao tốc đi qua địa bàn Long Thành gồm: tuyến đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; tuyến đường cao tốc Bến Lức - Nhon Trạch - Long Thành. Quốc lộ 51B được nâng cấp mở rộng đạt tiêu chuẩn cấp II, chuyển giao quốc lộ 51A đoạn ngang qua thị trấn Long Thành cho địa phương quản lý. Ngoài ra, các tuyến đường nội tỉnh đi qua Long Thành trở thành huyết mạch ở địa bàn cũng được đầu tư trọng điểm, gồm: Đường 769; tỉnh lộ Cụm cảng hàng không quốc tế Long Thành - Cẩm Mỹ, nối với các tỉnh Nam Trung Bộ; đường 25B từ Quốc lộ 51 đi Nhon Trạch; xây dựng tuyến đường tỉnh ở khu vực kho trung chuyển miền Đông đi Biên Hòa. Hiện đang thực hiện dự án quốc gia xây dựng cụm Cảng hàng không Quốc tế Long Thành với quy mô diện tích 5.000 hécta, công suất 80-100 triệu lượt hành khách/năm, đường 25C từ cụm cảng hàng không Quốc tế Long Thành đi Nhon Trạch sẽ được hoàn thành. Long Thành còn có lợi thế đường sông, các bến tàu trên sông Đồng Nai, bến tàu Gò Dầu trên sông Thị Vải, bến tàu Tam An... đang phát huy vai trò cầu nối giao thông đường thủy và điểm nhân du lịch sông nước trên địa bàn.

Huyện Long Thành có diện tích canh tác chiếm tỉ lệ 25%, đó là nguồn lực kinh tế, có ưu thế về nông nghiệp với thế mạnh về vườn,

---

(3) Thời điểm 2016.

ruộng rẫy, chăn nuôi bò sữa. Từ năm 1990 đến nay, chuyển sang phát triển ưu thế về công nghiệp, dịch vụ. Có 7 khu công nghiệp được Chính phủ phê duyệt, đã và đang vận hành hiệu quả, gồm: Khu công nghiệp An Phước 201 hécta; khu công nghiệp Gò Dầu: 210 hécta; khu công nghiệp Long Đức: 580 hécta; khu công nghiệp Long Thành: 488 hécta; khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn: 498 hécta; khu công nghiệp Phước Bình: 640 hécta; khu công nghiệp công nghệ cao Amata Long Thành: 410 hécta. Ở địa bàn Long Thành hiện có chi nhánh của 20 ngân hàng thương mại, 2 quỹ tín dụng nhân dân, nhiều dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu đối với các doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài. Thị trường bất động sản sôi động. Dịch vụ du lịch, trạm dừng chân ven quốc lộ thu hút khách. Hệ thống chùa thanh lịch, di tích văn hóa là tiềm năng của du lịch tâm linh. Các dạng bảo hiểm có nhiều cơ hội phát triển. Nhiều khu đô thị mới đã qui hoạch khá hoàn chỉnh, đang chờ cất cánh cùng sân bay Quốc tế Long Thành.

Về văn hóa, huyện Long Thành có làng cổ Bến Gỗ còn giữ được nhiều bản sắc cổ truyền, Lăng mộ lãnh binh Nguyễn Đức Ứng là di tích quốc gia vừa được trùng tu, di tích quốc gia đình An Hòa với kiến trúc độc đáo; nhà thờ Bến Gỗ, nhân chứng của tín ngưỡng công giáo từ năm 1932. Bến Gỗ còn thể hiện được truyền thống đua thuyền từ đầu thế kỷ XIX.

Về tín ngưỡng tôn giáo, Long Thành là địa bàn đa dạng văn hóa, tín ngưỡng, nơi chung sống của nhiều cộng đồng dân cư, nhiều tôn giáo, dân tộc. Đa số theo tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, mỗi làng xưa đều có thiết chế đình miếu theo truyền thống người Việt; các tôn giáo Phật giáo, Công giáo, đạo Cao Đài tịnh độ cư sĩ, Tin Lành ... đến với Long Thành căn bản bằng lòng nhân ái, khuyến thiện, yêu chuộng hòa bình, chung lòng xây dựng và bảo vệ quê hương. Ngoài cư dân người Việt, ở Long Thành còn có một số dân tộc ít người, như người Chơ-ro ở ấp Phước Bình, xã Phước Thái, người Nùng ở Sa Cá và người Chăm ở ấp Chùa (thuộc xã Bình Sơn).

Huyện Long Thành giàu thành tích kháng chiến. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Long Thành là trận địa chốt chặn của lãnh binh Nguyễn Đức Ứng. Ngày 17 tháng 12 năm 1861, trước sức tấn công của quân Pháp vào thành Biên Hòa, đại quân của triều đình bỏ chạy. Một ngày sau khi khởi chiến, quân Pháp chiếm thành Biên Hòa. Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chỉ huy đoàn quân tổ chức tuyến phòng thủ Ký Giang - Long Thành, bố trí lực lượng ngăn chặn bước tiến của quân Pháp từ hướng Biên Hòa xuống Bà Rịa; sáng ngày 21 tháng 12 năm 1861, bắt đầu trận chiến ác liệt với quân Pháp, thế yếu, lãnh binh Nguyễn Đức Ứng bị thương nặng, dân dã cứu chữa không thành, đã hy sinh cùng 27 nghĩa binh ngày 26 tháng 12 năm 1861. Tiếp theo, Long Thành là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Trương Định cho đến sau khi Trương Định hy sinh. Trương Định mất, các hội kín tiếp tục gây cho Pháp nhiều khó khăn, tiêu biểu là thành tích diệt ác gian Trần Bá Hựu<sup>(4)</sup> năm 1881 của nhóm nhà sư Trần Văn Tấn.

Từ năm 1908 Long Thành xuất hiện các tổ chức hội kín gọi là “Thiên Địa Hội” với mục tiêu tập hợp lực lượng chống Pháp, tổ chức bí mật ở hầu hết các xã chia nhiều cụm (cụm Phước Thái, Long An, Long Phước; cụm An Hòa Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Tam An, An Lợi; cụm Phước Lộc, Phước Nguyên, Siph, Lộc An, Bình Sơn). Ngày 12/1/1916, lực lượng Thiên Địa Hội ở Long Thành tham gia phá khám Sài Gòn, bị thất bại, các lãnh đạo (ông Tiều, ông Quý, ông Dệch) bị địch bắt, giặc Pháp đàn áp, phong trào suy yếu dần rồi tan rã.

Đến năm 1917, thực dân Pháp tiến hành tổ chức “Hiệp hội trồng tía Đông Dương” để khai thác cao su, thành lập đồn điền cao su ở khu đất đỏ Bình Sơn, An Viễn và lấy công nhân từ miền Bắc, miền Trung vào làm phu công tra; tiếp theo đó là một số sở cao su khác ở An Lợi, An Hòa, Phước Thái. Chủ Tây và chủ ta áp bức bóc lột

---

(4) Là em của Việt gian Trần Bá Lộc, cả hai đều khét tiếng gian ác.

công nhân, xuất hiện phong trào đấu tranh của công nhân cao su.

Tháng 5/1936, Đảng Cộng sản Pháp giành thắng lợi trong phong trào Mặt trận Bình dân Pháp. Năm thời cơ, Đảng Cộng sản Đông Dương phát động phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương. Xứ ủy Nam Bộ đã chỉ đạo thành lập các Ủy ban hành động ở các tỉnh thành. Nguyễn Văn Nghĩa, Chủ tịch Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa phân công các đảng viên về Long Thành, chú trọng khu vực thị trấn và đồn điền cao su để tuyên truyền yêu nước, đấu tranh đòi dân chủ; theo đó, các đồng chí Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nghĩa, Hồ Văn Đại, Trương Văn Bang, Huỳnh Văn Lũy, Nguyễn Văn Ký về hoạt động ở địa bàn Long Thành. Ánh sáng các mạng, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu được gieo mầm và nở hoa trong quần chúng nhân dân, nhất là công nhân các đồn điền. Từ những năm 1936, nhân dân các xã Phước Lộc, Long An, Tam An, Tam Phước đã bắt đầu tiếp thu tư tưởng cách mạng, tham gia mít-tinh, biểu tình chống Pháp; đến năm 1937 bắt đầu có cơ sở Đảng.

Sau khởi nghĩa Nam kỳ ngày 23/11/1940, giặc Pháp đàn áp mạnh, nhiều lãnh đạo cách mạng bị bắt, phong trào khắp nơi suy thoái, nhưng phong trào công nhân ở Biên Hòa vẫn phát triển. Công nhân Long Thành là nơi nuôi giấu cán bộ tốt nhất, thuận lợi cho việc khôi phục phong trào. Tháng 9/1942, 200 công nhân sở cao su Bình Sơn đấu tranh chống làm thêm giờ, đi bộ ra quận Long Thành, chủ sở cho người đàn áp không xong, buộc phải xuống nước, nhượng bộ.

Tháng 3/1943, Xứ ủy Nam Bộ thành lập Ban Cán sự Cao su miền Đông và cử đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục) về hoạt động ở Long Thành, với nhiệm vụ là đi sâu xây dựng phong trào công nhân. Trong một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng ở Long Thành phát triển, Xứ ủy quyết định thành lập Chi bộ Đảng do đồng chí Trịnh Xuân Dục làm Bí thư, có hai đồng chí Vũ Hồng Phô và Lý Trần Hoan hỗ trợ. Đây là Chi bộ Đảng đầu tiên ở Long Thành. Sau khi thành lập chi bộ, phong trào đấu tranh cách mạng ở Long Thành được lãnh đạo, phát triển thành cao trào; tổ chức nhiều hoạt động thiết thực được

nhân dân ủng hộ, như Hội tiết kiệm trong sở cao su, có đến 17 tổ với 265 hội viên tham gia. Đây là tổ chức có ý nghĩa nhân văn, làm tăng uy tín của cán bộ đảng viên, là nòng cốt để xây dựng các cơ sở cách mạng trong vùng.

Đến tháng 5/1945, lực lượng Thanh niên Tiền Phong được tổ chức ở Long Thành, phát triển rất mạnh. Ngày 15/8/1945 Nhật đầu hàng đồng minh, thời cơ đã đến. Ngày 21/8/1945, tại Long Thành, đồng chí Ba Dục giao nhiệm vụ chi bộ và các đoàn thể chuẩn bị chờ lệnh khởi nghĩa. 6 giờ sáng 24/8/1945, các đội xung phong nòng cốt là Thanh niên Tiền Phong của Chi bộ Bình Sơn, Long Thành kéo ra quận, làm chủ các tuyến đường, đến 10 giờ, cùng các lực lượng quần chúng khắp nơi kéo về quận với khí thế sôi nổi, buộc quận Hội bàn giao chính quyền, đồng chí Ba Dục tuyên bố chính quyền Long Thành về tay nhân dân. Ngay trong ngày 24/8/1945, một cuộc mít-tinh với 3.000 ngàn người tham dự được tổ chức khí thế, Ủy ban cách mạng lâm thời ra mắt đồng bào: Đồng chí Trịnh Văn Dục làm Chủ tịch, đồng chí Võ Văn Truyện là Phó chủ tịch; Huyện ủy Long Thành được thành lập, đồng chí Trịnh Xuân Dục làm Bí thư, đồng chí vũ Hồng Phô là Phó Bí thư. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Long Thành diễn ra nhanh gọn, thắng lợi hoàn toàn, sớm hơn ở tỉnh 1 ngày. Hôm sau, lực lượng quần chúng Long Thành được tổ chức thành đội ngũ mạnh mẽ, tham gia giành chính quyền tỉnh ở Biên Hòa.

Cách mạng tháng Tám thành công chấm dứt 84 năm nô lệ tủi nhục của người dân mất nước dưới ách thực dân nửa phong kiến, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc nói chung, nhân dân Long Thành nói riêng. Được hưởng không khí độc lập tự do chưa tròn tháng, quân dân Long Thành cùng Nam Bộ phải bước vào cuộc chiến đấu thực dân Pháp tái chiếm Việt Nam để bảo vệ chính quyền non trẻ vừa mới giành lại được. Ngay sau khi giành được chính quyền, Quận ủy Long Thành, Ủy ban cách mạng lâm thời quận triển khai ngay các nhiệm vụ chính trị, đặc biệt sáu nhiệm vụ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố: Diệt giặc đói (văn hóa giáo dục), giặc đói (kinh tế đời sống), giặc ngoại xâm (lực lượng vũ trang). Đến cuối tháng 9/1945,



lập xong các đoàn thể ở các xã, thành lập lực lượng vũ trang để sẵn sàng kháng chiến.

Trong 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ và quân dân Long Thành chịu nhiều gian khổ, hy sinh, tạo được nhiều chiến công oanh liệt. Long Thành được xem là một trong những đơn vị sớm tổ chức kháng chiến chống tái xâm lược của thực dân Pháp, lập nhiều kỳ tích. Nhiều khóa huấn luyện vũ trang đầu tiên tổ chức tại Trường Quân chính Long Thành (tháng 11 năm 1945). Thành lập đội “Cộng hòa vệ binh” đầu tiên với 11 khẩu súng trường thu được sau khởi nghĩa. Tổ chức phục kích đánh giặc Pháp đầu tiên ngày 20/9/1945 tại Thành Tuy Hạ. Ngày 28/10/1945, dân quân Tam Phước, Phước Tân chặn đánh đoàn xe của Anh, Pháp tại dốc 47, giặc bị cháy 1 xe, chết một số tên, khiến phải bỏ dở cuộc hành quân. Tổ chức thành công, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa I ngày 6/1/1946 tại Long Thành với hơn 90% cử tri đi bầu. Tổ chức chặn đánh, đẩy lùi các cuộc phối hợp càn quét qui mô lớn của giặc Pháp vào cuối tháng 1/1946 (dịp Tết Mậu Tý). Bộ đội cùng nhân dân bao vây, chặn đánh, diệt gọn một đại đội lính Âu Phi và giặc Pháp tại trận đánh cầu Lò Rèn (nay thuộc xã Long Thọ) ngày 9/3/1946. Sau thảm bại trận cầu Lò Rèn, giặc Pháp tăng cường đánh phá Long Thành ác liệt, máy bay thả bom và phi pháo thảm sát đồng bào, làm chết hàng chục người, phá sập hàng trăm ngôi nhà, Nhiều cuộc càn quét liên tục, thực hiện phương châm tìm diệt “giết sạch, phá sạch, đốt sạch”, gây nhiều tổn thất. Trong vùng cao su, bọn chủ sở trở lại. Ở mỗi sở mọc lên một đồn lính có từ một tiểu đội đến một trung đội Pháp. Các chòi, rẫy của công nhân trong rừng An Viễn - Bình Sơn bị đốt phá. Công nhân bị lừa về sở bắt khai thác mủ. Người nào không về bị bắn chết. Các khu ủy Thực hiện chủ trương “bắt hợp tác với kẻ thù”, vận động nhân dân dời sâu vào vùng tự do xây dựng xã, ấp chiến đấu; đồng bào bớt tổn thất, giặc mất chỗ dựa vào dân. Theo chủ trương này, hàng ngàn hộ dân đã di dời, lập 15 làng kháng chiến, thi đua sản xuất để ủng hộ kháng chiến, như ở Bàu Lùng, ở xã Tam Phước, Tam An. Bộ đội giúp dân làng kháng chiến vượt khó vì khan

hiếm nước, thiếu lương thực, hỗ trợ đồng bào tổ chức lương lương đánh giặc giữ làng.

Trong vòng tháng 4, các lực lượng vũ trang phối hợp đánh địch nhiều trận ở Phước Nguyên, Phước Long, Phước Tân, Thái Thiện, diệt 2 xe cơ giới, hai trung đội Pháp, bắt sống hai sĩ quan Anh và 12 tên hội tề cũ rắp tâm đầu hàng chỉ điểm cho địch. Cuối tháng 4/1946, Chi đội 7 mưu trí đánh chiến bót Tam Phước. Tháng 6 năm 1946, bức giặc Pháp phải rút khỏi bót Phước An, quân giải phóng làm chủ các vùng giải phóng. Tháng 9/1946, Chi đội 6 và giải phóng quân khu 4 đánh nhiều trận trên đường 15 diệt 8 xe quân sự và 2 trung đội Âu Phi. Đêm 30/9/1946, chỉ trong một đêm, lực lượng nổi dậy giải tán toàn bộ ban hội tề ở 28 xã, làm lung lay, tan rã cơ sở của địch trong toàn huyện, giặc Pháp phải rút một loạt đồn bót ở Ông Kèo, Thái Thiện, Bà Ký, Phước Lý, Phước Thành.

Giặc Pháp co cụm, quân dân Long Thành mở rộng vùng giải phóng, củng cố lực lượng. Ủy ban nhân dân quận đổi thành Ủy ban hành chính kháng chiến huyện. Tự vệ chiến đấu quân đổi thành du kích xã. Thành lập 4 Ban công tác liên thôn. Giải phóng quân Long Thành trở thành Đại đội C của Chi đội 10 Biên Hòa gồm 3 trung đội do đồng chí Lương Văn Nho làm Đại đội trưởng.

Đến ngày 19/12/1946, khi toàn quốc bước vào kháng chiến chống thực dân Pháp theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Long Thành cùng Nam Bộ đã có một năm trưởng thành về mọi mặt. Từ năm 1947, Long Thành cùng cả nước thực hiện cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Bước đầu, vừa xây dựng vừa phát triển chiến tranh du kích. Ủy ban hành chính kháng chiến huyện chỉ đạo xây dựng các khu căn cứ ở Phước An, Bà Ký, Thái Thiện, Tam Phước, Tam An; xây dựng phong trào kháng chiến toàn diện ở cơ sở, nhất là trong công nhân cao su; khởi động các phong trào phá hủy các công trình kinh tế, quân sự, giao thông của giặc.

Ngày 5/5/1947 tại chiến khu Phước An, Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Đảng bộ huyện Long Thành, chỉ định đồng chí Vũ

Hồng (tức Vũ Hồng Phô) làm Bí thư Huyện ủy, thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến trên địa bàn huyện; một tháng sau, Huyện ủy Long Thành thành lập 4 chi bộ Đảng ở cơ sở, kết nạp 50 đảng viên mới. Cũng trong tháng 6/1947, Huyện ủy mới thành lập đã chỉ đạo thực hiện thành công cuộc chống càn quét lớn của địch vào các căn cứ chiến khu, nhất là việc cấm cọc ngăn tàu giặc ở Phước An. Ngày 14/7/1947, Đại đội C phối hợp liên thôn 11 tạo nên chiến thắng Bàu Cá. Tháng 8/1947, tập kích tiêu diệt đồn Hêlêna bảo vệ dân kháng chiến ở Bàu Lùng; kết hợp nội tuyến đột nhập vào hang ổ địch đánh bót Bến Gỗ. Tổ chức kỷ niệm 2 năm ngày Quốc khánh 2/9/1945 đồng bộ ở các vùng kháng chiến với khí thế mạnh mẽ vươn lên tiến công địch. Tháng 12/1947, thực hiện chủ trương thống nhất chỉ huy quân đội và xây dựng 3 thứ quân, hệ thống Ban công tác liên thôn giải thể, hợp nhất 4 Ban công tác liên thôn thành lập Quận đội bộ dân quân huyện, các đội du kích liên thôn hợp thành đội du kích huyện, các ban công tác xã được thay bằng ban chỉ huy xã đội, công tác tình báo được chú trọng.

Từ năm 1948, Long Thành phát triển cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện. Mở đầu bằng Đại hội Đảng bộ huyện lần đầu tiên, tổ chức tại chiến khu Phước An tháng 1/1948. Sau đại hội, Huyện ủy tập trung chỉ đạo phát triển phong trào du kích, củng cố, xây dựng các chiến khu theo hướng toàn diện, thống nhất lãnh đạo các lực lượng huyện và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy mới được bầu cử, du kích và dân quân ở các khu kháng chiến thể hiện bản lĩnh, trưởng thành trong kháng chiến, tổ chức ngăn chặn, đánh bại nhiều cuộc càn lớn của giặc, như ở Long Diêm, Long An, Thái Thiện, Tuy Long, Tập Phước. Liên đoàn cao su huyện Long Thành đã được thành lập, lãnh đạo các cuộc chống phá âm mưu bóc lột công nhân của giới chủ; đêm 22/1/1948, công nhân các sở An Viễn, Bình Sơn, Đất Đỏ đồng loạt phóng hỏa đốt đồn điền, công nhân kéo ra vùng kháng chiến, giặc đàn áp bắn chết 6 người, cuộc đấu tranh kiên trì kéo dài trong nhiều năm. Các công tác khác: Phá cầu, làm chủ đường 15; diệt ác trừ gian, thanh trừng nội

gián; hoạt động của hội đồng canh nông, hũ gạo nuôi quân, các tuần lễ đồng, tuần lễ kim khí; ngày hội tòng quân, bình dân học vụ, chống mù chữ... được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt, tạo khí thế thi đua ái quốc sôi nổi, góp phần xây dựng và phát triển kháng chiến toàn diện, toàn dân tham gia; gần như, mỗi làng kháng chiến là một trung tâm văn hóa kháng chiến.

Từ đầu năm 1950, cả nước thực hiện Chỉ thị “chuẩn bị cho tổng phản công” của Trung ương. Quân dân Long Thành bước vào một cuộc vận động lớn, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt: lương thực, hoạt động vũ trang, dân công, vũ khí, bố phòng trận địa, kế hoạch phối hợp tác chiến... Riêng về hoạt động vũ trang, du kích 2 xã Tam Phước, Tam An phối hợp với Đại đội Lam Sơn đánh thắng một trận có tiếng vang lớn, diệt tên Utini - Trưởng đồn Tam An khét tiếng hung ác. Trong đợt huy động cho tổng phản công đầu năm 1950, Long Thành đã đóng góp được một phần xứng đáng công sức, nhân lực, vật lực cho cuộc chiến đấu trên chiến trường chung của Biên Hòa.

Sau giai đoạn tổng phản công, từ đầu năm 1951, địch đánh phá quyết liệt để giành lại quyền kiểm soát địa bàn. Phong trào kháng chiến trong huyện gặp nhiều khó khăn. Nhiều vùng tự do rơi vào tay giặc. Tình hình chiến trường đòi hỏi phải bố trí và tổ chức lại. Huyện ủy chuyển hướng lãnh đạo, giai đoạn 1951 - 1954 tập trung chống lấn chiếm, khôi phục phong trào kháng chiến, tiến đến giành thắng lợi toàn diện góp phần vào thắng lợi chung.

Tháng 5/1951, Trung ương Cục miền Nam tổ chức lại chiến trường, tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên; tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn sáp nhập thành tỉnh Bà Rịa-Chợ Lớn (thường gọi là Bà Chợ), huyện Long Thành thuộc tỉnh Bà Chợ. Tỉnh ủy Bà Chợ chỉ đạo: Long Thành là một địa bàn chiến lược, một vùng căn cứ, một chiến khu quan trọng trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Phong trào Long Thành, cơ sở Long Thành tốt, quần chúng tốt. Bằng giá nào cũng phải ổn định cho được chiến trường Long Thành để đảm bảo chỗ đứng của tỉnh. Tháng 7/1951, hội nghị Huyện ủy có một ý

nghĩa rất quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt của phong trào kháng chiến Long Thành, triển khai việc thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Bà Chợ. Toàn huyện bám đất giữ làng, củng cố lực lượng, khôi phục phong trào, khắc phục khó khăn, nghiên cứu địch, kết hợp các mũi, phối hợp các lực lượng đánh địch, giành thắng lợi từng phần tiến đến thắng lợi toàn diện.

Bước sang năm 1952, tình hình có chuyển biến bất thường, chiến trường vừa bớt khó khăn thì lại thêm khó khăn mới do bão lụt Nhâm Thìn (tháng 10/1952). Nhờ có lực lượng vũ trang hỗ trợ bảo vệ tốt mùa màng, cuối năm 1952, bão lụt đã qua, vùng lúa ở địa bàn Long Thành, Nhơn Trạch được mùa, đồng bào phấn khởi thu hoạch, có lúa đóng góp cho kháng chiến (khoảng 480 tấn), góp phần cho tỉnh cứu trợ.

Đầu năm 1952, các lực lượng phối hợp đánh trận làm nổ tung máy bay Moran, diệt 1 tên quan năm Pháp và làm bị thương một quan năm khác, khiến kẻ thù tức tối, khiếp sợ; làm nức lòng quân dân kháng chiến, tạo niềm tin để đánh giặc và thắng giặc ở những trận tiếp theo. Cuối năm 1953, ở các vùng dồn dân đều có phong trào nhân dân đấu tranh đòi về làng cũ làm ăn. Nhiều lữm chính trị được hình thành. Từ cuối năm 1953, Long Thành cùng cả nước phối hợp chia lửa chiến trường để Trung ương mở chiến dịch Đông Xuân 1953-1954.

Ngày 7/4/1954, quân dân Long Thành đánh bại một cuộc càn lớn vào Phú Mỹ, Thái Thiệu, diệt được tên ác ôn Suacot cao số, các tên khác cơ vùi. Từ đầu tháng 5/1954, trên chiến trường Long Thành cách mạng đã chuyển sang thế áp đảo địch. Ngày 7/5/1954, đúng lúc chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, Huyện ủy Long Thành chỉ đạo các lực lượng huyện tăng cường hoạt động vũ trang và tuyên truyền sâu vào các vùng địch tạm chiếm, đánh diệt bớt Bà Trường. Ngày 1/8/1954, lệnh ngừng bắn theo Hiệp định Genève thực thi, Long Thành dừng ngay kế hoạch đánh 2 đồn Thái Thiệu, Phước Thọ đã vạch xong từ tháng trước. Từ tháng 8/1954, thi hành hiệp định Genève, cán bộ, chiến sĩ Long Thành lần lượt chuyển sang vùng căn

cứ Xuyên Phước Cơ (Bà Rịa) để tập kết ra Bắc, một bộ phận cán bộ, đảng viên từ huyện ủy viên trở xuống được chọn lọc ở lại.

Chín năm kháng chiến gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc. Đó là chín năm Đảng bộ, Chính quyền và quân dân huyện Long Thành đã thể hiện được ý chí quyết tâm chiến đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách có lúc tưởng chừng không vượt qua được. Trên một địa bàn chiến lược nhiều phức tạp, Đảng bộ Long Thành với những chủ trương đúng đắn, đã thống nhất được lực lượng vũ trang, phát triển cơ sở chính trị làm nòng cốt xây dựng bộ đội, du kích, phát triển được phong trào du kích chiến tranh; phát huy được sức mạnh nhân dân, đảm bảo một phần quan trọng hậu cần tại chỗ; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang tỉnh, khu. Điểm sáng là Đảng bộ, quân dân đã xây dựng thành công căn cứ kháng chiến với thế liên hoàn từ rừng Giồng xuống rừng Sác, đảm bảo thế đứng chân cho các lực lượng; xây dựng được khối đoàn kết quân dân chính, thống nhất ý chí và hành động...

Niềm vui của miền Nam không trọn vẹn. Với âm mưu xâm lược Việt Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, đế quốc Mỹ đã ra sức phá hoại Hiệp định Genève. Tháng 7/1954, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam làm thủ tướng rồi lật đổ Bảo Đại lên Tổng thống, xây dựng bộ máy chính quyền thân Mỹ, thành lập quân đội tay sai, tiến hành khủng bố phong trào cách mạng miền Nam bằng nhiều thủ đoạn thâm độc. Nam Bộ phải bước vào cuộc kháng chiến mới gian khổ hơn.

Trong giai đoạn 1954 - 1975, quân dân Long Thành cùng Nam Bộ tiếp tục chịu đựng mất mát, hy sinh, hành cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược thay chân thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu chia nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu 1954 - 1961, là giai đoạn đấu tranh chính trị, bước đầu xây dựng lại lực lượng vũ trang. Người dân Long Thành phải đương đầu với âm mưu, thủ đoạn thâm độc của Mỹ và tay sai. Nhiều người bị giết, bị bắt, bị tra tấn,

tù đày (như như cai Hoàng, cai Ruệ, cai Tiên, cai Minh, xu Văn ở Chi bộ Bình Sơn). Một số bị ly gián, mua chuộc, lôi kéo vào con đường tội lỗi. Nhưng các chiến dịch tố cộng, diệt cộng khủng bố dân dân của địch không lung lạc được ý chí cách mạng của người Long Thành. Nhiều cán bộ đã bị roi đầu trước máy chém lê khắp nơi của Diệm, nhưng một người ngã xuống, nhiều người đứng lên tiếp nối. Nhiều phong trào được nhen nhóm chống các trò mỵ dân của chế độ Sài Gòn tay sai. Ngày 2/12/1956, anh em tù chính trị nổi dậy phá khám Trung tâm Cải huấn Biên Hòa (Biên Hòa), hơn 100 người thoát về hướng Long Thành, được bà con Long Thành bảo bọc, trong đó có các đồng chí: Hai Phê, Hai Thông, Tám Phương, Ba Yên, Tư Phương, Sáu Bê...

Năm 1956, Lực lượng vũ trang Long Thành được lập lại, ban đầu có 40 cán bộ chiến sĩ do Ba Phú chỉ huy. Tháng 9/1957, ở Bình Sơn, phát triển được 4 đảng viên mới, thành lập được chi bộ, có đảng viên hoạt động đơn tuyến. Một số nơi như Bình Sơn, Tam Phước, Long Phước... thành lập Chi đoàn Thanh niên lao động.

Đầu năm 1959, Huyện ủy Long Thành chỉ đạo nhân dân đấu tranh chống việc xây dựng khu trù mật Hang Nai, cuối cùng, kế hoạch lập khu trù mật Hang Nai của địch phải bỏ dở. Ngày 31/10/1959, Trần Xuân Hà (Hà Tư, Tư Trần), Bí thư Huyện ủy ra đầu hàng địch, gây nhiều tổn thất cho phong trào cách mạng Long Thành. Gần 300 cán bộ đảng viên và cơ sở bị bắt, nhiều chi bộ, cơ sở bị đánh phá đến tan rã. Sự tàn bạo của kẻ thù đã làm tăng thêm sự phẫn nộ của nhân dân. Không có con đường nào khác, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Long Thành từ những ngày tháng đấu tranh chính trị chuyển lên vũ trang đánh địch.

Từ đầu năm 1960, phong trào cách mạng ở Long Thành chuyển thể đấu tranh vũ trang, giành quyền làm chủ. Tháng 7/1959, Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết 15 mở ra phong trào kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đã tạo nên một niềm phấn khởi to lớn trong cán bộ, nhân dân. Do đứt liên lạc sau khủng

bỏ 1959, giữa tháng 3/1960 Long Thành mới được quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 15. Nghị quyết 15 được triển khai muộn, nhưng tinh thần Nghị quyết đã sớm đi vào phong trào. Địa bàn Long Thành được chia thành 4 vùng, vùng chia thành nhiều cụm, mỗi vùng có một lãnh đạo Huyện ủy được phân công phụ trách, có tổ chức Đảng lãnh đạo, có đảng viên làm hạt nhân, có các tổ chức nhân dân gây phong trào, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Mỗi vùng đều có kết hoạch kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, phối hợp các lực lượng vũ trang vùng, huyện, tỉnh để chiến đấu trên địa bàn. Huyện ủy còn ra chủ trương, biện pháp cụ thể: Vận động đồng bào cho con em tham gia lực lượng vũ trang; dựa vào quần chúng tốt, vận động những gia đình binh sĩ của địch trở về với cách mạng; thống kê tội ác của địch, trên cơ sở đó phát động quần chúng đứng lên đấu tranh; tung tin hù dọa, đồng thời thực hiện tiến công binh vận để làm rã đội ngũ của địch.

Bên cạnh những cuộc đấu tranh chính trị, diệt ác trừ gian thắng lợi, Huyện ủy chỉ đạo mở những đợt tấn công vào hang ổ địch. Đêm 19/10/1960 lực lượng huyện phối hợp xã tập kích đánh chốt dân vệ ở xã Long An. Một bộ phận đột kích vào nhà xã Vàng, diệt tên Hà ác ôn, thu 7 súng, phá rã hai tiểu đội dân vệ. Đầu tháng 11/1960, bao vây uy hiếp bót Bình Sơn để phá rã âm mưu càn quét, tìm diệt của địch vào Lòng Chảo. Quận trưởng Long Thành đành bỏ kế hoạch càn vào khu Lòng Chảo, vội vã điều một đại đội giải cứu Bình Sơn. Cùng thời gian đó, lực lượng vũ trang huyện bao vây đánh phá đồn Tam An, phá rã 2 chốt dân vệ ở Xóm Quán, Xóm Hố, Chùa Lớn, bắt và diệt 3 tên ác ôn.

Ở cả 4 vùng, mỗi vùng đều có những trận đánh thắng giòn giã, nhiều chiến công không kể xiết, góp phần vào thắng lợi chung.

Đầu tháng 7/1961 Trung ương Cục miền Nam quyết định tách tỉnh Thủ Biên ra thành hai đơn vị tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa. Huyện Long Thành thuộc chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa. Ngày 16/8/1961, gần 100 đồng bào xã Long An được chỉ bộ lãnh



đạo tổ chức đấu tranh đòi địch không được bắn pháo bừa bãi vào xóm làng, bỏ lệnh giới nghiêm, cho dân vào cánh đồng Sở Hoàng sản xuất. Quận trưởng Long Thành cứng rắn, muốn đàn áp, nhưng cuối cùng đuối lý. Ngày 22/6/1962 thêm một cuộc đấu tranh chính trị nữa, có sự phối hợp các lực lượng nhân dân ở các xã Bình Sơn, Tam An, An Lợi, khiến cho địch lúng túng.

Trải qua thời kỳ đấu tranh chính trị, thử thách và khó khăn từ 1954 tới 1961, mặc dù gặp không ít tổn thất hy sinh, nhưng nhân dân Long Thành đã luôn giữ vững niềm tin vào Đảng. Bằng cuộc nổi dậy đầu năm 1960, thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 15, phong trào cách mạng Long Thành đã nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đó cũng là cơ sở để toàn quân, toàn dân trong huyện vững vàng bước vào thời kỳ tiến hành chiến tranh cách mạng góp phần cùng toàn miền Nam lần lượt đánh bại mọi âm mưu chiến lược mới của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Giai đoạn 1961 - 1965 là giai đoạn Long Thành cùng miền Nam 3 mũi giáp công, làm phá sản “Áp chiến lược”, từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Khởi đầu cam go là cuộc đấu tranh chống phá áp chiến lược. Ngày 17/4/1962, Ngô Đình Diệm ban hành sắc lệnh xây dựng áp chiến lược trên toàn miền Nam, với 3 hình thức: đê dân tại chỗ “hình thức kim dân”, gom dân các nơi lại “hình thức tát dân” và áp chiến lược đặc biệt ở vùng đồng bào di cư năm 1954. Trong lúc gom dân xây dựng áp chiến lược, địch đã dựng nhiều đồn bót, tăng cường quân lực để bảo vệ áp chiến lược; đã thực hiện âm mưu rải chất độc hóa học trên toàn miền Nam, nhằm phá hoại hoa màu của dân, ép dân phải vào vùng chúng kiểm soát, mục đích đánh vào cơ sở hậu cần của cách mạng.

Huyện ủy chỉ đạo các lực lượng quần chúng khởi mặt trận đoàn thể có kế hoạch phá tan âm mưu áp chiến lược của địch. Ngày 16/1/1962 Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện Long Thành được tổ chức trong hai ngày tại Phước An, gần 150 đại

biểu dự, bầu ra 11 ủy viên, ông Ngô Văn Thập, đại biểu tư sản dân tộc làm Chủ tịch. Mặt trận dân tộc giải phóng ra đời đã lãnh đạo các lực lượng yêu nước, chống ngoại xâm, lần lượt đánh bại mọi âm mưu mị dân của địch, kế hoạch áp chiến lược ở Long Thành đến năm 1965 thì phá sản.

Từ đầu tháng 1/1964, địch đưa các đơn vị bộ binh thuộc sư đoàn 10 về Long Thành chuẩn bị tổ chức những trận càn lớn vào khu đông và tây lộ 15, vùng ven lộ 17, 19 để tiêu diệt căn cứ xuất quân của cách mạng, cứu nguy cho tình thế ở khu vực Long Thành - Nhơn Trạch, nơi mà địch cho là “vùng ven đô” quan trọng của chính quyền Sài Gòn. Nhiều cuộc càn lớn cũng được thực hiện ở những địa bàn khác. Trước tình hình chuyển biến của chiến trường, tỉnh Bà Biên lại được tách ra làm 2 tỉnh: Biên Hòa và Bà Rịa. Tỉnh ủy Biên Hòa chuyển về đóng căn cứ tại ngọn Suối Cả thuộc huyện Long Thành, Huyện ủy Long Thành chuyển một bộ phận về khu rừng Tam An. Lực lượng vũ trang huyện được củng cố và bổ sung, thành lập đại đội 240 trực thuộc tỉnh, gồm 3 trung đội, với 130 chiến sĩ, vũ khí được trang bị đủ mạnh. Với lực lượng này, huyện Long Thành đã phối hợp với nhiều đơn vị tỉnh (như phối hợp chiến dịch Bình Giả, mở rộng vùng giải phóng) đánh bại các cuộc càn quét, góp phần làm thất bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ Ngụy. Rất nhiều chiến công anh hùng đã được ghi trong sử sách.

Giai đoạn 1965 - 1968, Long Thành cùng cả nước tập trung đánh quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, làm thất bại âm mưu chiến tranh cục bộ của Mỹ Ngụy. Trong giai đoạn này, quân dân Long Thành đã phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, đúc kết bài học kinh nghiệm trong chiến đấu, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tạo thế tấn công, giữ vững vùng làm chủ.

Đầu tháng 5/1965, lữ đoàn lính dù Mỹ mang phiên hiệu 173 xuất hiện, đồn trú tại tổng kho Long Bình (Biên Hòa) và khu căn cứ Nước Trong (Long Thành). Tiếp theo, các đơn vị lính Mỹ được

trang bị vũ khí hiện đại, lập căn cứ đóng quân ở ven sông Lòng Tàu, sông Đồng Nai, Thành Tuy Hạ, Bình Sơn, Dốc Thái, Vườn Điều, chùa Nước Nhĩ, Bến Sắn, Phước Hòa, chi khu Long Thành. Tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa và kho Thành Tuy Hạ được tuyên bố là khu vực bất khả thâm nhập. Các lực lượng vũ trang Long Thành, Biên Hòa hỗ trợ cho lực lượng đặc công 3 lần làm nổ tung tổng kho Long Bình, ba lần đốt cháy kho bom Thành Tuy Hạ, 4 lần dội bão lửa vào sân bay Biên Hòa, làm thủng dạ dày chiến tranh của Mỹ, làm tê liệt bộ não chiến tranh của giới cầm quyền, làm kinh động trái tim của quân hiếu chiến.

Huyện ủy Long Thành chỉ đạo xây dựng thế chiến đấu phải đứng vững trên địa bàn, tấn công địch liên tục bằng ba mũi giáp công. Thông qua những trận đánh Mỹ, Huyện ủy Long Thành đã rút ra kết luận: Chủ yếu lính Mỹ dựa vào vũ khí hiện đại. Loại máy bay B52 và pháo bầy với phương thức sử dụng của địch trên chiến trường Long Thành chỉ áp dụng được ở những trận địa không có lính Mỹ, nếu ta áp sát địch, nắm thắt lưng Mỹ mà đánh thì B52 và pháo bầy trở nên vô tác dụng. Kết luận của Huyện ủy Long Thành rất phù hợp với thông báo của Tỉnh đội và Tỉnh ủy Biên Hòa “Mỹ tuy đông, có đầy đủ vũ khí nhưng có nhiều nhược điểm, không quen địa hình, hành quân đến đâu là kết hợp phi pháo bắn phá. Lính Mỹ chỉ tiến theo một đường thẳng. Vì vậy phải áp sát địch mà đánh, sẽ bảo toàn lực lượng của ta”. Quân dân Long Thành đã mưu trí, sáng tạo, linh hoạt trong từng trận đánh, giữ vững địa bàn làm chủ, góp phần đánh bại chiến tranh cục bộ của địch. Trong *Lịch sử Đảng bộ Long Thành*, đã nêu rõ mục đích, ý nghĩa và thắng lợi của từng trận đánh.

Ngày 7/10/1967, Trung ương Cục quyết định giải thể khu miền Đông, thành lập 5 phân khu để chuẩn bị cho cuộc tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Phân khu 4 gồm cao su Bình Sơn, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Duyên Hải, Thủ Đức, quận 9 và quận 1 (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Chấp hành chỉ thị của Phân khu 4, quân dân Long Thành đã hăng hái chiến đấu,

chuẩn bị cho đợt tấn công vào mùa xuân năm 1968. Tất cả cho ngày tổng tấn công. Ban quân lương của huyện đã thu về hàng ngàn gạ lúa, hàng chục triệu đồng để chuẩn bị cho đợt xuống đường.

Đêm giao thừa (31/1 và rạng sáng 1/2/1968) tiếng pháo Tết nổ ran, tiếng súng của quân dân huyện Long Thành đồng loạt cùng với đồng bào miền Nam tấn công quân địch trên khắp các chiến trường. Trong 3 đợt xuống đường năm Mậu Thân, quân dân Long Thành đã hoàn thành mục tiêu dội pháo vào Chi khu Long Thành, đồng loạt tiến công và nổi dậy làm chủ các xã trong một thời gian, chặn đánh các đợt phản kích và càn quét của địch, đã liên tục đánh địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề. Mặc dù có nhiều tổn thất trong các đợt tiến công, nhưng quân dân Long Thành đã góp phần xứng đáng cùng toàn Miền, đẩy Mỹ và tay sai lao nhanh đến sụp đổ và làm cho Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ và tay sai bị phá sản hoàn toàn. Giai đoạn 1969 - 1975, Long Thành kiên quyết bám trụ, giữ vững phong trào cách mạng, tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ, cùng miền Nam tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong chiến dịch mùa Xuân 1975 lịch sử, quân dân Long Thành góp công ở tất cả các mặt trận, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đến chiều 29/4/1975, các trận đánh trên địa bàn huyện đều thắng lợi, nguy quân, nguy quyền tiếp tục trình diện; hơn 700 tàn binh nguyên vẹn quân trang quân dụng trình diện ở Bình Sơn. Lực lượng này có thể đánh chiếm cả xã Bình Sơn, nhưng cơ sở làm tốt công tác binh vận và chính sách cánh mạng nên số hàng binh này an lòng trở về với gia đình. Đến 15 giờ, tại thị trấn Long Thành, tên Ách Phước - Bí thư đảng Dân chủ, Võ Văn Năng - Chánh văn phòng, Lê Bá Bửu - Quận đoàn trưởng ra trình diện.

15 giờ 30 phút, tiểu đoàn 348 của địch (ở đồn Phước Thái bại trận trốn ở công gỗ Bình Lâm) cho người về xin đầu hàng. Gần 400 lính Sài Gòn đầu hàng được đồng bào xã Lộc An tiếp quản.

Các lực lượng ta tiếp tục truy quét tàn binh địch.

Đến 17 giờ, theo báo cáo các xã gửi về ở Long Thành, Nhơn Trạch, lực lượng cách mạng đã tiêu diệt 680 tên địch (trong đó 180 là lính bảo an), bắt sống 708 tên. Địch ra trình diện 4.598 tên, trong đó có nhiều sĩ quan các cấp (2 đại tá, 9 trung tá, 14 thiếu tá, 265 cấp úy). Ta thu được nhiều chiến lợi phẩm. Riêng số phương tiện chiến tranh thu được gồm: 13 khẩu pháo 105 ly, 3 khẩu 155 ly, 6 khẩu cối 81 ly, 13 khẩu cối 60 ly, 8 khẩu 12 ly 7, 1 kho đạn, bom, 40 tàu xuồng, 2 xe tăng M41, 2 xe M113, bắn rơi 5 máy bay, thu và phá hủy 25 xe quân sự. Súng bộ binh thu được 5.885 khẩu, 25 máy vô tuyến.

Long Thành giải phóng hoàn toàn. Đồng bào di tản từ phía rừng Cao Thái, khu vực cô nhi viện, các căn cứ lần lượt kéo về thị trấn, các xã. Một không khí phấn khởi, tươi vui trên gương mặt của nhiều người dân mong chờ ngày độc lập. Trong khi đó, trên lộ 25 hướng từ Bình Sơn lên, nhiều đoàn xe chở bộ đội, xe kéo pháo, xe hậu cần từng chiếc nối đuôi chạy qua thị trấn Long Thành đến ngã ba Cầu Xéo qua tỉnh lộ 17 tiến về Nhơn Trạch, bến phà Cát Lái để tiếp tục hướng tấn công vào Sài Gòn - thủ phủ cuối cùng của chính quyền Sài Gòn đang từng cơn hấp hối.

Không giờ ngày 29/4/1975, quân giải phóng bắt đầu từ nhiều hướng tấn công Sài Gòn. Ngày 30/4/1975, Sài Gòn giải phóng. Long Thành hòa trong niềm vui chung của cả nước.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của Đảng bộ và quân dân Long Thành trong 30 năm đúc kết một bài học về nghệ thuật phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện, làm hành trang để Đảng bộ và quân dân Long Thành bước vào cuộc đấu tranh mới không kém cam go thử thách: Huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng cả nước đi lên thực hiện công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên địa bàn huyện Long Thành, nhiều tập thể đã được phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”: Xã Tam An (6/11/1978), xã Bình Sơn (6/11/1978), xã Long Phước (20/12/1994), xã An Phước (29/1/1996), xã Tam Phước (29/1/1996), xã Phước Thái (29/1/1996), xã Long An (8/4/2000), xã An Hòa (8/4/2000), Đoàn điền cao su Ông Quế (8/4/2000); 201 mẹ đã được Chủ tịch Nước phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Thành tích của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Long Thành được Nhà nước ghi nhận, xét tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 2/8/1998.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Trảng Bom

Địa danh Trảng Bom<sup>(1)</sup> đã đi vào lịch sử trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Qua từng thời kỳ cách mạng, quân và dân Trảng Bom đã đóng góp nhiều xương máu, sức người, sức của, góp phần cùng cách mạng đi đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Thị trấn Trảng Bom chính thức được thành lập vào ngày 31/8/1994 trên cơ sở xã Trảng Bom cũ thời kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ.

Diện tích tự nhiên của thị trấn Trảng Bom vào năm 1996 là khoảng 910 hécta. Phía Bắc thị trấn Trảng Bom giáp xã Sông Trầu, phía Nam giáp xã Đồi 61, phía Tây giáp xã Quảng Tiến và phía Đông giáp xã Tây Hòa.

Thời kháng chiến chống thực dân Pháp, thị trấn Trảng Bom có 3 ấp với 2.500 người dân, đến kháng chiến chống đế quốc Mỹ có khoảng 6 ngàn dân. Dân cư trước Cách mạng Tháng Tám chủ yếu là công nhân được mộ phu từ miền Bắc, miền Trung vào khai thác gỗ, trồng cao su cho thực dân Pháp.

Thị trấn Trảng Bom có vị trí địa lý quan trọng, là cửa ngõ phía Đông của Biên Hòa - Sài Gòn - chiến khu Đ, trấn giữ 7km quốc lộ 1, 8km đường sắt Bắc-Nam, đường điện cao thế Đa Nhim, đường thông

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Trảng Bom

tin liên lạc Bắc - Nam đi qua. Vì vậy, trong cả 2 cuộc kháng chiến, thị trấn Trảng Bom là vùng tranh chấp căng thẳng, quyết liệt trên các mặt trận kinh tế, quân sự, chính trị.

Tại địa bàn thị trấn Trảng Bom, Pháp và Mỹ xây dựng yếu khu Trảng Bom để bảo vệ mục tiêu quân sự và kinh tế. Địch liên tục bộ trí 1 tiểu đoàn đóng giữ và thường xuyên tăng cường quân hỗ trợ, trang bị đầy đủ vũ khí, có cả xe tăng, pháo, máy bay hỗ trợ. Ngoài ra địch còn xây dựng hệ thống tình báo, mật vụ, bọn tề xã - ấp, bình định nông thôn, cảnh sát chìm - nổi... để đánh phá phong trào cách mạng.

Phong trào cách mạng ở địa phương phải xây dựng nhiều lần do địch đánh phá rất ác liệt. Song ta luôn đẩy mạnh công tác dân vận, xây dựng cơ sở diệt ác, phá kìm, khai hoang vùng yếu, tạo địa bàn tiếp tế cho chiến khu cách mạng, mở đường thông qua vùng sông Bung, sông Cỏ xuống Long Thành - Nhơn Trạch, khi có thời cơ tạo bàn đạp tấn công cơ quan đầu não của địch ở Biên Hòa và Sài Gòn.

Ngay từ năm 1908, thực dân Pháp đã khai thác kinh tế ở Trảng Bom bằng hình thức phá rừng lấy gỗ, trồng cây cao su lấy mủ - một sản phẩm có giá trị - đem về nước Pháp. Nhân lực để chúng bóc lột, khai thác kinh tế chủ yếu là mộ phu từ miền Bắc, miền Trung vào, có những cuộc bắt phu rộng lớn và nhiều chết chóc, gây nhiều đau khổ cho nhân dân. Đời sống công nhân cao su vô cùng cực khổ, làm việc dưới đòn roi, cực nhọc từ sáng đến chiều, điều kiện ăn ở tồi tệ, bệnh phù nề, sốt rét, thiếu vi chất... hằng ngày cướp đi nhiều sinh mạng của công nhân cao su. Khổ cực, vất vả là vậy, nhưng sau 3 năm làm, người công nhân cũng không có tiền, quần áo...

Ngày 1/1/1939, nhân dân Trảng Bom, chủ yếu là công nhân cao su đã bãi công đòi cải thiện đời sống. Tháng 7/1943, hơn 400 công nhân cao su, úp thúng nghỉ làm, đấu tranh đòi yêu sách và đã giành thắng lợi.

Từ năm 1940 - 1943, đã có cán bộ cách mạng vào hoạt động trong các sở cao su, xây dựng phát triển cơ sở cách mạng. Đến năm 1944, chi bộ đầu tiên ở sở củi Trảng Bom được thành lập.



Cuối năm 1944, phát xít Nhật đặt kế hoạch khai thác 150 ngàn m<sup>3</sup> gỗ để đóng tàu chiến tại sở củi. Chi bộ Trảng Bom đã chỉ đạo công nhân bí mật phá đường ray, lật đổ, làm hư đầu máy tàu lửa, làm chậm kế hoạch cung cấp gỗ cho phát xít Nhật. Đến tháng 5/1945, tổ chức thanh niên Tiền Phong được thành lập. Ngày 24/8/1945, công nhân hoàn toàn làm chủ ở sở cao su Trảng Bom. Đến sáng 25/8/1945, với giáo mác, gậy, tầm vông, tên ná, người dân theo tàu lửa về Sài Gòn cướp chính quyền.

Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn, vào ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tái xâm lược Sài Gòn. Các ban tự quản sở củi, sở cao su Trảng Bom với chủ trương Tiêu thổ kháng chiến đã chặt cao su, phá công sở, chuyển lương thực, thực phẩm, máy móc lên Xuân Lộc ủng hộ bộ đội Nam tiến.

Tháng 10/1945, thực dân Pháp xây dựng yếu khu Trảng Bom, ra sức bắt bớ, đâm giết, chống phá cách mạng. Phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống nhưng lòng căm thù giặc đã tạo thành ngọn lửa âm ỉ không tắt trong lòng nhân dân và công nhân cao su Trảng Bom. Đầu năm 1945, cơ sở cách mạng ở sở cao su Trảng Bom được tổ chức, xây dựng lại.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, phong trào đấu tranh ở thị trấn Trảng Bom có Đảng lãnh đạo, kết hợp đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, công tác binh vận, làm suy yếu sinh lực địch, gây cho địch nhiều tổn thất lớn. Trảng Bom tiếp tục cung cấp người, lương thực, thuốc men cho cách mạng. Nhân dân, công nhân cao su Trảng Bom vượt mọi khó khăn gian khổ đóng góp cho kháng chiến. Là hậu cứ cơ sở của cách mạng trong vùng bị địch chiếm, quân và dân Trảng Bom đã tiêu diệt 280 lính Pháp, hơn 200 lính Sài Gòn, lật đổ 2 đoàn tàu, thu 200 súng các loại, trong đó có 80 súng trung liên, 2 đại liên, hàng chục tấn gạo, quân trang, quân dụng...

Một số trận đánh tiêu biểu của quân dân thị trấn Trảng Bom trong kháng chiến chống thực dân Pháp:

2 giờ sáng 14/7/1947, quân dân thị trấn Trảng Bom phối hợp với Chi đội 10 Biên Hòa đã tổ chức chặn đánh đoàn xe lửa khu vực Trảng Bom - Bà Cá, tiêu diệt tại chỗ 200 tên lính Pháp, phá hủy 2 đoàn tàu lửa, hàng trăm súng các loại, 3 máy vô tuyến, hàng chục tấn gạo và quân trang, quân dụng. Cùng với Đại đội C và bộ đội Châu Thành, quân dân Trảng Bom đã cầm chân địch tăng viện trợ khi ta tấn công vào 2 đoàn tàu lửa.

Ngày 22/4/1950, tổ chức cách mạng ở Trảng Bom lại phối hợp với đội chuyên phục kích đường sắt tại ga, phá hủy 2 toa xe, tiêu diệt 20 tên lính Lê dương.

Ngày 11/8/1950, ta tổ chức chặn đánh tàu vận chuyên gỗ từ sở củi về Biên Hòa, tiêu diệt tên đội trưởng ác ôn người Pháp và 5 Việt gian.

Để tiêu diệt yếu khu Trảng Bom, từ tháng 5/1951, Tỉnh đội Thủ Biên đã triển khai cử tiểu đội trinh sát kết hợp với cơ sở là quán cơm của chị Hai Sắm - nơi bọn lính trong yếu khu thường ra ăn. Hằng ngày chị thường mang cơm cho tên thông dịch viên, có thể nắm hoạt động, cách bố trí, phòng thủ của địch.

Đúng 16 giờ ngày 20/7/1951, 75 chiến sĩ được hóa trang thành công nhân cạo mũ tấn công bất ngờ khi bọn địch đang chơi thể thao. Trận này, ta tiêu diệt tại chỗ hơn 50 lính Lê dương, số còn lại bỏ chạy. Ta hoàn toàn làm chủ yếu khu. Tổ chức cơ sở được sự giúp đỡ của công nhân sở cùng bộ đội thu gom chiến lợi phẩm gồm: máy móc, súng đạn, trong đó có 1 đại liên, 50 trung liên, sau đó đưa về chiến khu Đ an toàn. Trận đánh này tạo tiếng vang lớn, làm địch sa sút tinh thần, đưa địch vào thế phòng ngự.

Tháng 12/1952, Tỉnh ủy Thủ Biên quyết định tách xã Trảng Bom khỏi huyện Vĩnh Cửu. Đội vũ trang tuyên truyền Trảng Bom được thành lập gồm 34 đồng chí. Nhiệm vụ của đội là hợp hoạt động vũ trang và tuyên truyền chính trị, xây dựng cơ sở ở Trảng kết Bom và sở cao su. Thời điểm này, Công đoàn tỉnh cũng cử cán bộ về xây dựng cơ sở ở Vườn Ngô.

Đầu năm 1953, ta có nhiều cơ sở giúp đỡ lương thực thực phẩm cho đội vũ trang tuyên truyền hoạt động. Đội hoạt động mạnh mẽ, gây cho địch tổn thất và hoang mang trong hàng ngũ binh lính địch.

Đến cuối năm 1954, Mỹ hất cẳng Pháp nhảy vào chiến trường miền Nam, xây dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, phá hoại hiệp định Genève. Mỹ đã đưa gần 1,5 triệu người từ miền Bắc vào miền Nam. Trảng Bom cũng là nơi định cư của đồng bào di cư.

Thời điểm 1954-1969, bằng các chiến dịch: Trương Tấn Bửu, tổ cộng, diệt cộng, địch khủng bố những người theo cách mạng, tăng cường bộ máy kim kẹp, đàn áp dã man, lê máy chém đi khắp miền Nam. Ở yếu khu Trảng Bom, địch tăng cường xây dựng lại, tăng thêm quân, đặt 2 trận địa pháo 105 ly, tăng cường các chốt ngăn chặn sự tiếp tế của nhân dân vào chiến khu Đ.

Trong khi đó, ta chấp hành hiệp định Genève, một số đảng viên tập kết ra Bắc, số còn lại bám trụ trong dân, đào hầm bí mật, cất giấu tài liệu, chuyển vùng đổi tên và tìm cách liên hệ với nhau, chờ chỉ đạo cấp trên. Năm 1958, phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.

Đến tháng 2/1961, Tỉnh ủy đưa cán bộ về xây dựng cơ sở ở Trảng Bom, tạo bàn đạp đứng chân mở tuyến hành lang liên tục từ Vĩnh Cửu xuống Long Thành; đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang. Tháng 6/1961, tại ga Trảng Bom đã xây dựng được 1 tiểu đội vũ trang tuyên truyền, kết nạp được 5 đảng viên, xây dựng chi đoàn thanh niên lao động.

Trong năm 1961, lực lượng vũ trang xã Trảng Bom kết hợp với bộ đội tỉnh, tổ chức đánh địch ở Lâm Viên - Trảng Bom, thu 3 súng và nhiều đạn dược.

Thời điểm này, Trảng Bom thuộc sự quản lý của Tỉnh ủy Biên Hòa, phong trào từng bước được khôi phục, xây dựng được mạng lưới cơ sở khá mạnh. Nguồn lương thực phục vụ cho các cơ quan cấp tỉnh, đơn vị bộ đội đóng quân ở sông Buông, suối Cả, phần lớn do công nhân cao su, nhân dân Trảng Bom ủng hộ tiếp tế.

Đầu năm 1962, quân dân Trảng Bom kết hợp với C240 Biên Hòa

tập kích vào yếu khu Trảng Bom, diệt gần 1 trung đội địch, tạo thế cho nhân dân trong vùng nổi dậy diệt ác - phá kim.

Tiếp đến, ngày 15/4/1964, lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với C240 chặn đánh đoàn tàu chở nhiên liệu, lương thực giữa Trảng Bom và Hồ Nai, phá hủy đốt cháy hơn 100 tấn xăng dầu của địch.

Trên mặt trận chính trị - binh vận giai đoạn 1960-1965 ở Trảng Bom cũng có những phát triển thuận lợi, là thắng lợi có ý nghĩa quan trọng. Tiêu biểu như chủ đồn điền đóng thuế khai thác cho mặt trận, chi bộ và tổ chức công đoàn bí mật lãnh đạo công nhân tổ chức nhiều cuộc biểu tình đòi dân sinh, dân chủ. Tháng 6/1965, hàng trăm công nhân cao su Trảng Bom thống nhất phối hợp với công nhân đồn điền khác kéo nhau lên Sài Gòn giương cao biểu ngữ đòi tăng lương, trả đủ gạo 25kg/tháng/người... buộc tổng liên đoàn lao động chế độ Sài Gòn phải chấp thuận. Do làm tốt công tác vận động tuyên truyền nên đa số nhân dân vào rẫy làm chòi sản xuất, không ở ấp chiến lược, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tế cho cách mạng.

Năm 1965, Mỹ triển khai kế hoạch chiến tranh cục bộ. Trảng Bom cách Biên Hòa 20km về phía Đông, là nơi xung yếu nên chúng tập trung xây dựng các công trình phòng thủ, bố trí 1 tiểu đoàn lính Mỹ thuộc lữ đoàn 173 án ngữ tại đồn cầu số 6 - đường Trảng Bom đi Cây Gáo, ngăn chặn lực lượng từ chiến khu Đ tiến về Trảng Bom.

Trong đợt tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, đêm 31/1/1968, sau hàng loạt phá nã vào sân bay Biên Hòa làm hiệu lệnh, lực lượng vũ trang Trảng Bom có sự giúp đỡ của bộ đội huyện cùng lúc tấn công ty cảnh sát ở ngã ba Cây Gáo, diệt gọn 1 tiểu đội địch. Khi tấn công đồn Trảng Bom do 1 đại đội địch chốt giữ, do địch có hỏa lực mạnh, công sự kiên cố, ta không chiếm lĩnh được, nhưng đã chặn địch từ Long Khánh xuống, bắn cháy 4 xe tăng. Nhân dân, công nhân cao su tiếp tế cơm, nước tận công sự đắp mộ dựng chướng ngại vật, ngăn xe cơ giới từ Biên Hòa - Long Khánh xuống tăng viện. Nhân dân Trảng Bom còn diệt tên xã trưởng Quang ác ôn, bắt tên

tình báo đội lột nhà tu ở Suối Đá. Đợt tiên công vào yếu khu Trảng Bom năm 1968 tạo điều kiện căng kéo, dần mỏng lực lượng địch ở Biên Hòa - Long Khánh.

Từ năm 1969, Mỹ thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Ở Trảng Bom, chúng bố trí tiểu đoàn 352 bảo an, tiểu đoàn của lữ đoàn 33 biệt động quân. Ngoài ra chúng củng cố các đội bảo an, dân vệ, lập các toán phòng ngự xung kích, xây dựng thêm các đồn bót, các tua ở ấp và xã.

24 giờ ngày 22/2/1969, tại Trảng Bom, bộ đội huyện phối hợp với đội Công binh 25 tỉnh cùng độ pháo nữ Trảng Bom tấn công yếu khu Trảng Bom. Sau 2 giờ tiêu diệt gần hết 2 đại đội bảo an, chỉ còn sống sót 15 tên.

Những trận đánh liên tiếp vào yếu khu Trảng Bom đã cổ vũ rất lớn phong trào quần chúng đánh phá bình định, diệt ác phá kim. Nhân thắng lợi của Sư đoàn 5 đánh thiệt hại 2 trung đoàn của sư đoàn 18 bộ binh của chế độ Sài Gòn, Chi bộ Trảng Bom chỉ đạo cho cơ sở mặt tổ chức cho từng nhóm dân bàn tán về thất bại của địch, đồng thời tuyên truyền chủ trương, chính sách của mặt trận giải phóng, làm cho gần 20 dân vệ, lính bảo an đào ngũ. Đi đôi với binh vận, phong trào đấu tranh chống bắn pháo vào làng, vào rẫy của nhân dân Trảng Bom diễn ra rộng khắp, buộc chúng bồi thường thiệt hại.

Tháng 6/1969, du kích và cơ sở đã rải 400 tờ truyền đơn trên tuyến quốc lộ 1, trên cờ cách mạng dọc quốc lộ, có là cờ treo sát trung tâm huyện 3 ngày sau chúng mới gỡ xuống được.

Cuối năm 1969-1970 là thời kỳ địch đánh phá căn cứ, ngăn chặn phong tỏa gắt gao về kinh tế đã gây khó khăn cho cách mạng về lương thực và thông tin liên lạc. Nhờ công tác nội tuyến bám trụ phá bình định, chi bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Trảng Bom bằng mọi cách vẫn tiếp tế cho cách mạng.

Từ tháng 5/1971, ta khôi phục và chuyển thể phong trào cách mạng với chủ trương “chồm lên chiếm lĩnh”. Đêm 26 rạng sáng 27/1/1973, bộ đội huyện, du kích Trảng Bom cùng trung đoàn 33 tấn

công yếu khu Trảng Bom, đẩy lùi 11 đợt phản công của địch ta tiếp tục làm chủ đến ngày 28/1/1973. Chúng dùng máy bay pháo kích tấn công. Để tránh thiệt hại cho dân đêm 29/1/1973, ta rút lui. Nhân dân Trảng Bom còn đấu tranh đòi địch bồi thường thiệt hại nhà hư, cấp tiền sửa nhà...

Từ năm 1973, lính viễn chinh Mỹ rút hết nhưng vẫn còn cố vấn Mỹ. Ở Trảng Bom, chúng vẫn chủ trương đánh chiếm đất, vùng giải phóng. Du kích và bộ đội huyện luôn tìm cách đánh phá địch. Du kích mật diệt nhiều tên tình báo, trong đó có tên Mít và Biết ở Vườn Ngô, trừng trị tên Bằng chiêu hồi chống phá cách mạng.

Ngày 21/4/1975, phòng tuyến của địch ở Xuân Lộc bị đập tan, sư đoàn 18 chế độ Sài Gòn chạy về Trảng Bom củng cố lại 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1, lập tuyến phòng thủ cuối cùng án ngữ vào Biên Hòa.

Sáng 27/4/1975, Tiểu đoàn 563 của Sư đoàn 341, tức Sư đoàn 1 Quân đoàn 4 mở đợt tấn công vào yếu khu Trảng Bom. Toàn bộ quân địch ở yếu khu Trảng Bom bị tiêu diệt, số khác chạy về Suối Đĩa bị Tiểu đoàn 4, Sư đoàn 341 đón bắt sống 2 ngàn tên, phá hủy 100 xe. Trảng Bom được giải phóng hoàn toàn lúc 9 giờ ngày 27/4/1975. Sư đoàn 18 chế độ Sài Gòn bị xóa sổ hoàn toàn.

Như vậy, trong suốt 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, quân dân Trảng Bom đã tổ chức đánh độc lập, phối hợp với lực lượng của trên đánh hơn 200 trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt 30 lính Mỹ, 353 lính của chế độ Sài Gòn, bắt sống 2 ngàn tên khác, bắn cháy 8 xe tăng, phá hủy hơn 100 xe quân sự, lật đổ 2 toà tàu lửa, đốt cháy hơn 100 tấn xăng dầu, tiêu diệt 16 tên ác ôn, giữ vững được cửa khẩu thiết yếu của vùng căn cứ cách mạng chiến khu Đ.

Về đấu tranh chính trị, suốt 21 năm chống Mỹ, quân dân Trảng Bom tổ chức 50 cuộc biểu tình với nội dung chống gom dân, xây dựng ấp chiến lược, đấu tranh chống bắt lính, đòi bồi thường, tăng gạo, tăng lương, đòi dân sinh, dân chủ...

Về đấu tranh binh vận, quân dân thị trấn Trảng Bom lôi kéo 276

lính bỏ hàng ngũ của địch, đặc biệt năm 1975, khi giải phóng đã có hơn một ngàn lính chế độ Sài Gòn bỏ ngũ chạy trốn.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhân dân toàn thị trấn đóng góp ủng hộ 40 lượng vàng và 24.948kg lương thực, hơn 200 tấn gạo, thuốc men, muối... Toàn thị trấn cũng có 120 thanh niên tham gia lực lượng bộ đội chủ lực, 200 thanh niên, phụ nữ tham gia các lực lượng vũ trang địa phương, ủng hộ trên 13 ngàn ngày công phục vụ chiến đấu...

Với thành tích trong 2 cuộc kháng chiến vệ quốc, thị trấn Trảng Bom có 2 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 321 cán bộ, chiến sĩ được tặng thưởng huân, huy chương. Đặc biệt, nhân dân và lực lượng vũ trang thị trấn Trảng Bom đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân vào năm 1998.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân An

Tân An<sup>(1)</sup> là một xã thuộc huyện Vĩnh Cửu, nằm cặp theo tả ngạn sông Đồng Nai và tỉnh lộ 24, kéo dài 7km từ cầu Rạch Đông đến cầu 19, phía Bắc giáp xã Trị An, phía Nam giáp xã Thiện Tân, phía Đông là rừng chiến khu xưa, phía Tây giáp xã Lạc An (nay thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

Xã Tân An được định danh từ năm 1878, thuộc Tổng Phước Vĩnh Hạ, trước 1948 thuộc quận Châu Thành - Biên Hòa. Từ năm 1948, do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, địa bàn xã thuộc huyện Tân Uyên, năm 1951 thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Thủ Biên. Năm 1963 chính quyền Sài Gòn thành lập quận Công Thanh, xã thuộc tổng Thanh Phong, quận Công Thanh, tỉnh Biên Hòa. Từ sau ngày 30/4/1975 đến nay, xã Tân An gồm xã Tân Định và xã Đại An hợp nhất thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Thời kháng chiến chống thực dân Pháp, toàn xã chưa tới 100 hộ dân. Đến năm 1953, thực dân Pháp gom dân từ Thường Tân, Tân Mỹ, Lạc An vùng chiến khu Đ tập trung ở khu Đại An và rải rác trong xã khoảng 80 hộ. Năm 1954, theo làn sóng di cư, một số giáo dân miền Bắc vào cư trú, lập thêm ấp Thái An với 62 hộ. Trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ, toàn địa bàn xã có gần 200 hộ. Từ sau giải

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Cửu.



phóng đến nay, cư dân ở mọi miền đất nước về đây sinh sống, lập nghiệp, thời điểm năm 2000, xã Tân An có trên 1.550 hộ dân với trên 7.628 khẩu (chưa kể số dân tạm trú).

Xã Tân An có một vị trí chiến lược quan trọng, là cửa ngõ của chiến khu Đ, là căn cứ địa cách mạng; là bàn đạp của các lực lượng cách mạng tiến đánh vào sân bay quân sự Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Quân đoàn III, tiểu khu Biên Hòa và các kho đạn, kho xăng, dầu quan trọng như: kho Bình Ý, Tổng kho Long Bình.

Giặc Pháp, Mỹ và tay sai cũng xem Tân An là vùng trọng yếu nên bố trí nhiều đồn bót, nhiều lực lượng trú đóng, có lúc quân số hơn cả 1 sư đoàn. Giữa địch và quân cách mạng luôn ở thế cài răng lược. Địch thường xuyên càn bốt, đánh phá căn cứ cách mạng, tìm diệt bắt bớ cán bộ, nhân dân tra khảo dã man, tù đầy hoặc thủ tiêu.

Trong 2 cuộc kháng chiến, Tân An là vùng hậu cần cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu cho huyện, tỉnh, quân chủ lực và cả chiến khu Đ.

Địa bàn Tân An luôn được Đảng bộ các cấp quan tâm đến việc tổ chức xây dựng Đảng và các đoàn thể chính trị. Công tác binh vận được đẩy mạnh, đa dạng. Tháng 12 năm 1964, chi bộ Đảng đầu tiên ở địa phương được thành lập do đồng chí Ba Chữ làm Bí thư. Năm 1959, chi bộ mật được thành lập do đồng chí Lương Văn Lý (Ba Bè), tiếp theo là Mười Dê làm Bí thư. Tổ chức Đảng trong thời kỳ đánh Mỹ ác liệt từ năm 1968 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng do đồng chí Lê Minh Tánh (Ba Tánh), Nguyễn Văn Tâm (Út Tâm) làm Bí thư, kiêm xã đội trưởng.

Tháng 5/1945, Đội Thanh niên Tiên Phong xã được thành lập, làm nòng cốt trong việc sản xuất nuôi quân, học chữ quốc ngữ, tòng quân giết giặc.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, nước nhà được độc lập không bao lâu, giặc Pháp tái chiếm, quân và dân xã Tân An thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Cây hai bên tỉnh lộ 24 được đốn ngã chặn đường, cầu Rạch Đông, Rạch Lãng, 17, 18, 19 bị phá sập, đường 24

bị tê liệt hoàn toàn. Dân tiêu hủy nhà cửa, vào vùng kháng chiến, sản xuất tự túc, nuôi dưỡng cách mạng, tổ chức đánh Pháp.

Năm 1946, Phân đội 4 do đồng chí Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy kết hợp với lực lượng quân sự liên thôn 8 do đồng chí Năm Lê chỉ huy lập nhiều căn cứ ở xã Tân An, cùng dân quân du kích đánh Pháp nhiều trận ở hóc Thầy Tổng, cầu 17, 18, 19, 20 và Đòng Chùa làm tiêu hao nhiều lực lượng địch.

Sau khi tái chiếm địa bàn, quân Pháp lập lại đồn bót, trọng điểm là đồn Rạch Đông, bố trí một trung đội lính Âu Phi đóng giữ, thường kết hợp với lính Lê dương ở Cây Đào (Thanh Phú), nhà máy cưa (Biên Hòa) ruồng bỏ, bắn phá nhà dân, đột kích vào căn cứ cách mạng.

Ngày 8/12/1946, du kích xã Tân An kết hợp cùng Đại đội Trần Quốc Tuấn phục kích tại cầu Rạch Lăng diệt 1 xe Dodge, 1 trung đội Pháp, thu 30 súng các loại.

Ngày 8/12/1946, Đại đội Lam Sơn, trung đội Lê Hồng Phong kết hợp với một bộ phận Chi đội 10 cùng dân quân du kích xã Tân An phục kích tại hóc Ông Sách, chặn đánh 1 tiểu đoàn Pháp từ Trảng Bom đến, diệt gọn 80 tên, thu 100 súng và nhiều loại đạn dược.

Ngày 14/8/1949, lực lượng du kích xã và Tiểu đoàn 303 Chi đội 10, Tiểu đoàn Trần Quốc Tuấn kết hợp với lực lượng huyện do đồng chí Nguyễn Văn Quảng chỉ huy chặn đánh quân Pháp ở đòng Chó Ngáp nay là Hóc Ông Rốt, bắt sống 8 tên lính Âu Phi, 3 lính Tây trắng, thu 22 súng, trong đó có 1 súng cối và 1 súng trung liên. Những tên địch bị bắt được đưa về xã Lạc An cảm hóa, giáo dục rồi tha về, nhờ vậy, sau này nhiều lính Âu Phi ở đồn Rạch Đông ôm súng vượt sông Đòng Nai xin theo cách mạng.

Năm 1954, quân và dân xã Tân An thực hiện cuộc vận động đóng góp công sức, lúa gạo, tiền của góp phần vào chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau Hiệp định Genève, cùng cả nước chung vui thắng lợi chưa lâu, quân dân Tân An lại cùng miền Nam bước vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược thay chân quân Pháp với âm mưu và

thủ đoạn tinh vi hơn.

Tháng 7/1954, Ngô Đình Diệm đưa 146 giáo dân miền Bắc vào Tân An, lập ra ấp Thái An để cắt đứt đường liên lạc, tiếp tế cho căn cứ cách mạng; củng cố chính quyền tay sai, lập 7 đồn bót từ cầu Rạch Đông đến cầu 19, tổ chức các tiểu đội dân vệ, cảnh sát, đảng cần lao nhân vị, thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới, rải mật vụ, mật thám đội lột công dân vụ ruộng bố truy diệt cán bộ, tổ chức đánh phá cơ sở cách mạng.

Trước tình hình đó, Huyện ủy tổ chức lại các cơ sở mật, các đoàn thể chính trị, tiến hành công tác binh nguy vận, vận động nhân dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, đòi quyền dân chủ, dân sinh. Tháng 4/1956 quân và dân xã Tân An chống bầu cử Tổng thống chế độ Sài Gòn bằng cách không đi bầu và rải truyền đơn kêu gọi binh lính chế độ Sài Gòn hãy về với cách mạng.

Từ tháng 7/1956, địch mở chiến dịch Trương Tấn Bửu truy lùng cơ sở mật của ta. Chi bộ Đảng cài cắm đảng viên, cán bộ vào bộ máy nguy quyền như đại diện xã, các ủy viên, các trưởng ấp và các đoàn thể như phụ nữ, thanh niên, nông dân. Nhiều thanh niên xã Tân An thoát ly vào rừng kháng chiến và vận động nhiều anh em khác theo cách mạng.

Ngày 2/12/1956, đồng chí Chín Tâm lãnh đạo phá khám Tân Hiệp - Biên Hòa. Có 120 cán bộ cách mạng về đến Khu Giang Ré, Giồng Lầu. Trong đó có các đồng chí Ba Nguyễn, Huỳnh Tấn Phát, Phạm Chánh Trực được dân xã Tân An che giấu, nuôi dưỡng, sau đó được cán bộ mật xã Tân An đưa về chiến khu Đ an toàn.

Cuối năm 1959, đầu năm 1960, thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, chi bộ Đảng được củng cố, xây dựng được lực lượng du kích, đến đầu năm 1960, Chi đội có 13 đồng chí, do đồng chí Bí thư Sáu Hải trực tiếp chỉ đạo; con em ở Tân An thoát ly trên 40 người.

Đêm 2/4/1960, đồng chí Hai Tuổi - Xã đội trưởng Tân An cùng 2 đồng chí khác đột nhập vào đồn Đại An lấy được nhiều tài liệu quan trọng, đồng chí Hai Tuổi anh dũng hy sinh. Cùng lúc nhân dân xã

Tân An tổ chức đốt phá giấy tờ quan trọng ở trụ sở Tân Định gây cho địch nhiều hoang mang, lo sợ.

Thời gian này, tên Bảy Chiêu ác ôn làm gián điệp, chỉ điểm, ta phát hiện kịp thời, tiêu diệt hẳn ở gò Bà Miên, bến Hàn Cát. Ở đồn Đại An có tên đồn trưởng dân vệ Trương Phước Dẫn (Tây lai) ác ôn, ta gửi thư hẹn giờ bắt, hẳn sợ quá, bỏ trốn lên huyện Tân Uyên.

Cuối năm 1961, du kích Tân An và bộ đội huyện phối hợp phục kích tại Lò Than, khu Đại An, đánh thiệt hại nặng trung đội người Miên do tên trung úy Danh chỉ huy. Cuối năm 1962, ban đêm ta tổ chức đốt cầu Rạch Đông, Rạch Lãng, giật sập cầu 17, 18, 19 hoàn toàn làm chủ phía Bắc xã Tân An. Địch hoảng sợ, đại diện xã bỏ đi tu, ủy viên cảnh sát - tài chính tự ý bỏ về nhà làm ruộng, tiếp tế cho cách mạng.

Từ ngày 17/4/1962, chính quyền Sài Gòn lấy xã Tân An lập áp chiến lược kiểu mẫu. Chúng gài mìn, lựu đạn ở hàng rào, dồn dân vào trong áp chiến lược, cô lập căn cứ cách mạng với dân xã Tân An, cắt đường tiếp tế giao liên của ta. Chúng đưa tên Văn Ba (Ba Lùn) và Sáu Tàng - tình báo Mỹ là hai tên ác ôn khét tiếng kèm kẹp nhân dân Tân An, thường tổ chức đánh phá căn cứ cách mạng.

Trước tình hình đó đồng chí Mười Đê - Bí thư chi bộ mật theo dõi nắm tình hình báo cáo về căn cứ. Ngày 10/6/1962 bộ đội huyện C270 do đồng chí Hùng B cùng lực lượng xã tổ chức đánh trung đội bảo an tại Gò Chùa, diệt và làm bị thương 6 tên. Ngày 18/7/1963, đồng chí Ba Pon - huyện đội phó kết hợp với dân quân xã bất ngờ tấn công đồn Đại An, địch hoảng sợ bỏ đồn, vứt súng đạn, lội qua sông Đồng Nai trốn chạy.

Ngày 24/11/1963, Chi bộ xã Tân An vận động nhân dân thu gom rơm rạ, bó lại thành từng bó, tẩm dầu, chất quanh hàng rào áp chiến lược dài 3km, đương đêm châm lửa, cả hàng rào cháy rực, binh lính bỏ chạy tán loạn. Chỉ sau vài giờ, áp chiến lược xã Tân An biến thành tro bụi, nhân dân xã Tân An vô cùng phấn khởi trước thắng lợi này.

Từ đó ta giữ thế làm chủ, công tác binh địch vận và đấu tranh

chính trị được tăng cường. Đồng chí Nguyễn Văn Thơ (Hai Thơ) cán bộ cơ sở được cách mạng cài vào hàng ngũ địch, được tổ chức giao nhiệm vụ gài mìn diệt tên ác ôn Ba Lùn, mìn nổ, tên Ba Lùn bị thương nặng, nhiều tên khác đào ngũ. Sau đó đồng chí Nguyễn Văn Thơ làm nội ứng đánh úp gây thiệt hại nặng trung đội do tên Ba Lùn chỉ huy. Tên Ba Lùn bị cấp trên quả trách, chuyển đi nơi khác.

Quân và dân xã Trị An làm chủ tình hình địa bàn đã tạo điều kiện cho pháo binh Miền vượt sông Đồng Nai an toàn, tiến xuống đóng quân ở Trảng Cháy, Chân Chùa xã Tân An, lúc 23 giờ 30 phút ngày 30/10/1964, tiến công công vào sân bay quân sự Biên Hòa. Sau 10 phút, sân bay chìm trong biển lửa, diệt 59 máy bay, trong đó có 17 chiếc loại ném bom chiến lược B57 của Mỹ vừa đưa sang, 1 kho đạn 105 ly, 1 kho xăng, 1 đài rada, 18 căn nhà bị cháy và 239 tên Mỹ lính và tay sai chết tại trận. Chiến thắng này làm nức lòng quân dân cả nước. Phong trào cách mạng lúc này vô cùng sôi nổi. Quân và dân Tân An tích cực sản xuất tiếp tế lúa gạo cho quân giải phóng, năm 1964: 8.300 gia, năm 1965: 18.200 gia; cùng nhiều thuốc men, vật dụng khác. Tiêu biểu cho sự đóng góp này là các ông bà: Ba Lu, Tư Hoạch, Út Chót, Hai Quăn, Tư Việt, Ba Nọ, Tư Xẩu, bà Bảy Hảo....

Giai đoạn 1965-1968, Mỹ chủ trương thực hiện kế hoạch “chiến tranh cục bộ”; ở Tân An, địch chiếm lại trục lộ 24 và bình định vùng này. Tên ác ôn khét tiếng Sáu Tàng lục soát tìm kiếm hầm bí mật, truy tìm cán bộ, bắt bớ người dân tra tấn dã man. Sau, tên này phải đền tội ở cầu Cây Khô, xã Thiện Tân.

Ngày 24/8/1965, tiểu đoàn 304 pháo binh Miền đóng quân an toàn ở vùng Ông Tạ, Từ Bi kết hợp với pháo binh quân khu tiến công lần 2 vào sân bay Biên Hòa giành thắng lợi lớn: Phá hủy 22 bồn dầu, 30 xe ô tô bị đốt cháy, 300 sĩ quan và lính Mỹ ngụy bỏ mạng. Cùng lúc, đồng chí Nguyễn Văn Thơ tổ chức nội ứng phối hợp lực lượng du kích đánh đồn Tân An, diệt 6 tên, thu 6 súng, trong đó có 1 súng trung liên và một số quân dụng khác.

Ngày 5/4/1968, Lữ đoàn I, sư đoàn 9 Mỹ có chiến xa yểm trợ

đóng ở Giồng Xoài xã Tân An cùng với trực thăng bỏ càn vào căn cứ của ta ở Hóc Bà Thi, Gò Dưa. Tiểu đoàn 2 đặc công kết hợp lực lượng huyện và quân dân xã Tân An chặn đánh diệt 4 xe tăng; 1 trực thăng bị trúng đạn chao đảo rồi rớt ở bên đò Đại An.

Sau trận Tết Mậu Thân năm 1968, địch đưa trung đoàn 33, sư đoàn 18 quân đội Sài Gòn đóng ở Tân An, 1 đại đội chốt từ Giồng Xoài qua miếu Tân Định. Chi bộ xã cử đồng chí Lâm Thị Nhung (Tư Nhung) đưa tiểu đoàn 1 đặc công tinh cùng lực lượng dân quân du kích xã dùng mìn tập kích, đánh thẳng vào các chốt diệt gọn đại đội này.

Giai đoạn 1970 - 1972, địch tăng cường lực lượng, quyết đánh bật các lực lượng bám trụ ra khỏi vành đai sân bay Biên Hòa, và các yếu khu quân đoàn 3, kho đạn Bình Ý, tổng kho Long Bình. Chúng dùng 100 xe ủi, 7 xe tăng và 1 tiểu đoàn bảo an ý định ủi con đường từ Đồi Mỹ ở Tân An qua Hố Nai - Biên Hòa, cắt ngang khu căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa. Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, các lực lượng ta phải giữ vững địa bàn, bảo vệ căn cứ. Ngày 13/2/1971, du kích xã có 06 đồng chí được 1 tiểu đội đặc công hỗ trợ dùng mìn và B49 ngày đêm đánh địch tại cầu 17, diệt 1 xe tăng, làm chết 6 tên, bắt sống 4 tên. Công xưởng của tỉnh, huyện tự tạo bom mìn từ bom pháo lép của địch đánh lại địch, gây cho chúng tổn thất nặng nề, làm hư hại nhiều xe ủi. Chúng tức tối, bắt dân từ Hố Nai và một số xã khác vào rừng hạ cây thay máy ủi. Chi bộ cử các đồng chí Ba Cuộc, Ba Lương, Năm Đường giả dân đi lấy củi khéo léo giải thích và vận động bà con bỏ về. Đến tháng 6/1971, âm mưu phá rừng của chúng bị chặn đứng, 2 xe tăng, 5 xe ủi bị phá hủy, một số xe ủi khác bị tịch thu, bọn địch phải rút khỏi Tân An.

Đầu năm 1972, địch đánh phá ác liệt, lập đồn đồi Mỹ, đồi Ông Tá (Đại An) giao cho tiểu đoàn 327 bảo an đóng giữ. Bốn khẩu pháo 105 ly ngày đêm bắn vào nhà dân và căn cứ cách mạng. Lính Sư đoàn 18, 25, biệt động quân, biệt kích thám báo tăng cường ruồng bỏ; lính phượng hoàng đánh hơi truy tìm hầm che giấu cán bộ. Lực lượng ta

vẫn kiên cường bám trụ, nhân dân vẫn tiếp tế lương thực, thuốc men, cung cấp tin tức, tải đạn giúp quân giải phóng.

Trong giai đoạn tiến công và nổi dậy từ năm 1973- 30/4/1975, không khí cách mạng ở Tân An sôi động. Nhiều chiến công được thực hiện. Đêm 26/1/1973, lực lượng du kích đã cùng bộ đội huyện và một bộ phận của đội đặc công 113 bao vây địch ở ấp Thái An gây cho chúng thiệt hại nặng. Cùng lúc, tại ấp Tân Định I, một trung đội bộ đội huyện và du kích xã đánh tan 1 tiểu đoàn địch, làm chúng thiệt hại nặng, tinh thần rệu rã, nhiều tên đào ngũ.

Sau Hiệp định Paris, địch cố tình vi phạm Hiệp định, thường hành quân lấn đất dành dân, tiếp tục đánh phá khu căn cứ cách mạng, đưa quân binh định áo đen lấn vào xóm ấp, dành từng tấc đất của dân. Ngày 5/4/1973, một trung đội thám kích của tiểu khu Biên Hòa càn vào Hóc Ông Tạ. Hôm sau, đặc công phối hợp với du kích xã Tân An chặn đánh, chúng bị trúng 4 trái mìn chế tạo từ cối 81 ly, một nửa số quân thương vong, buộc phải rút lui.

23 giờ 10 phút ngày 5/12/1974, du kích Tân An phối hợp với bộ đội huyện tiến công dồn dập lực lượng dân vệ ở đồn Đại An, phá hủy 3 lô cốt, diệt tên cảnh sát Bênh từ Biên Hòa vừa chuyển đến. Ngày 8/12/1974, du kích xã và bộ đội huyện cùng tiểu đoàn 6 đặc công đánh chiếm 23 nhà lính ở ấp Bình Chánh, diệt 15 tên dân vệ, cơ sở trong xã rải truyền đơn cảm hóa được tên đồn trưởng Tư Nước giải tán đội phòng vệ, bọn tề ngụy và cảnh sát bỏ chạy.

Tại ấp Tân Định, ta tiến công đại đội 347 bảo an, diệt 5 tên, làm bị thương 2 tên khác.

Cuối năm 1974, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, lực lượng dân quân du kích xã luôn bám sát đánh các đồn bót dọc tỉnh lộ 24, cầu rạch Đông bị giật sập, địch hoang mang lo sợ bỏ cả súng đạn tìm đường chạy trốn.

Cùng với khí thế tiến công, nổi dậy của cả nước, quân dân Tân An hăng hái tham gia chiến dịch “Hồ Chí Minh” lịch sử. Đêm 28/4/1975, pháo binh ta bắn vào sân bay Biên Hòa dồn dập, địch rút chạy khỏi

các đồn bót dọc lộ 24, quân trang, quân dụng ngồn ngàng. Dân quân du kích do đồng chí Lê Minh Tánh, Nguyễn Văn Tâm chỉ huy kết hợp với bộ đội huyện do đồng chí Nguyễn Văn Bảo (Tám Bảo) chỉ huy phục kích đánh diệt gọn 01 trung đội thám kích ở ấp Tân Định. Lúc 1 giờ sáng ngày 30/4/1975, lực lượng du kích địa phương cùng bộ đội huyện Vĩnh Cửu do đồng chí 5 Sĩ chỉ huy đã đánh chiếm Ủy ban hành chánh và các đồn bót địch tại xã. Đến 9 giờ sáng cùng ngày, xã Tân An được giải phóng. Quê hương Tân An kể từ đây sạch bóng quân thù, sang trang sử mới.

Qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân An đã trung thành với Đảng, kiên cường chiến đấu, chịu nhiều mất mát hy sinh, đóng góp của cải, tâm sức, xương máu vào công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tại địa phương, đã có 449 người thoát ly gia đình trực tiếp tham gia kháng chiến, 2 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 86 liệt sĩ, 17 thương bệnh binh, 109 gia đình có công với cách mạng. Nhà nước ghi công những thành tích, chiến công vẻ vang đó, đã trao tặng 254 Huân chương, 272 Huy chương các loại và 223 bằng khen, giấy khen cho các tập thể và cá nhân ở Tân An có thành tích tiêu biểu. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân An được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 424/KT-CTN ngày 22/8/1998.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Bình

Theo tài liệu lưu trữ<sup>(1)</sup>, địa bàn Tân Bình<sup>(2)</sup> là vùng đất sớm có người định cư thuộc Tỉnh Biên Hòa xưa. Từ thế kỷ XIX, Tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 156 làng, trong đó: làng Tân Triều Đông (xứ Cù lao) có 3 ấp: Long Hòa, Tân Xuân, Tân Vinh; làng Tân Triều Tây (xứ Cù lao) có 3 ấp: Cẩm Vinh, Tân Đức, Tân Thành thuộc tổng Phước Vĩnh Trung; làng Bình Phú có 2 ấp: Bình Lục, Long Phú và làng Bình Thảo có 02 ấp: Bình Định (chợ Bến Cá), Bình An (xóm Bún thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ). Đến ngày 2/5/1957 xã Tân Triều, Bình Ý (tổng Phước Vĩnh Hạ) thuộc quận Tân Uyên - Biên Hòa. Đến ngày 23/1/1959 xã Bình Phước thuộc quận Tân Uyên, tỉnh Phước Thành. Đến ngày 22/3/1963, Tân Triều, Bình Phước, Bình Ý thuộc tổng Thanh Quan, quận Công Thanh - Biên Hòa.

Sau ngày thống nhất đất nước, ngày 12/2/1987, chính quyền Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sáp nhập 3 xã Tân Triều, Bình Phước, Bình Ý thành xã Tân Bình thuộc Thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai. Lúc đó, xã Tân Bình có diện tích tự nhiên 1.098 hecta, với dân số 8.515 người.

---

(1) Tài liệu của Tòa bố Biên Hòa ngày 15/9/1923.

(2) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Cửu.

Trong tâm nhìn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Tân Bình là một xã vùng ven khu quân sự trọng yếu của Pháp lẫn Mỹ và tay sai, phía Đông giáp xã Thạnh Phú (là trung tâm huyện lỵ Công Thành), phía Tây giáp xã Bình Hòa, phía Nam giáp sân bay quân sự Biên Hòa.

Với cách mạng, Tân Bình là địa bàn vùng ven của căn cứ cách mạng, cửa ngõ vào Chiến khu Đ, bàn đạp để các lực lượng cách mạng tiếp cận, tấn công vào đầu não của địch. Cách mạng và địch đều coi đây là địa bàn chiến lược, quyết bố trí lực lượng để làm chủ tình hình, vừa phòng vệ vừa tiến công.

Tân Bình là một trong những trung tâm của phong trào cách mạng, nơi sản sinh, nuôi dưỡng, và đào tạo nhiều đảng viên Cộng sản kiên cường, hạt nhân lãnh đạo đấu tranh, kháng chiến ở miền Đông; như đồng chí Phạm Văn Thuận quê ở Bình Ý (Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa từ năm 1948 đến năm 1951), đồng chí Nguyễn Văn Trị quê ở Bình Phước (Khu ủy viên miền Đông) và nhiều cán bộ cốt cán khác như Ngô Bá Cao, Lê Thị Trừ, Hồ Văn Đại, Phan Văn Đính, Trần Minh Triết...

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào năm 1930, nhiều phong trào đấu tranh của công nhân (như ở Sở cao su Phú Riềng, công nhân Nhà máy cưa Tân Mai), nhiều cuộc mít-tinh, nhiều cuộc tuyên truyền về cách mạng trong nước và thế giới... đã tác động trực tiếp, khơi dậy tinh thần cách mạng của nhân dân Tân Bình, nhất là đối với thanh niên học sinh yêu nước; trong đó có Lưu Văn Viết ở Bến Cá (Bình Phước). Đồng chí Lưu Văn Viết (Bí danh Tư Chà) là người thanh niên yêu nước, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, người cộng sản đầu tiên mang ánh sáng cách mạng đến với nhân dân huyện Châu Thành - Biên Hòa. Tại quê nhà, đồng chí đã giác ngộ và kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương 2 đồng chí Lưu Văn Văn (tức 9 Văn) và đồng chí Tư Phan (ở Tân Triều). Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu quê ở Trà Vinh được liên tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động tại Biên Hòa, bắt liên lạc với

đồng chí Tư Chà, thành lập Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều, do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Tư Phan làm Phó bí thư, cùng các đảng viên Lưu Văn Văn, Lưu Văn Viết, Quách Tỷ, Quách Sanh, Trần Minh Triết. Đây là Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Biên Hòa, là hạt nhân nòng cốt để lãnh đạo phong trào cách mạng, xây dựng Đảng, phát triển thành Tỉnh ủy Biên Hòa sau này.

Ngay sau khi thành lập, Chi bộ đã phân công 2 đồng chí Hoàng Minh Châu và Quách Sanh tổ chức Liên đoàn học sinh ở Trường Tiểu học Bình Hòa, Bình Phước, Bình Ý, Tân Phong, Tân Triều. Tiếp đó, qua các hình thức hoạt động bóng đá, vui chơi, cắm trại thu hút nhiều thanh thiếu niên tham gia. Trong các lần sinh hoạt, liên đoàn học sinh đã khéo léo lồng ghép những mẩu chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, phổ biến sách báo bí mật để khơi dậy lòng yêu nước trong thanh niên, lên án các hành động áp bức nhân dân của bọn tề, tổng mà tiêu biểu là Cai tổng Thạch ở Bình Long để giáo dục tinh thần đấu tranh cách mạng cho thanh niên.

Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1935, Liên đoàn học sinh đã tổ chức rải truyền đơn ca ngợi tinh thần đấu tranh giai cấp công nhân ở Bình Hòa, Bình Ý, Bình Thạnh. Qua đó một số thanh niên ưu tú trưởng thành, trong đó có đồng chí Phạm Văn Thuận (ở Bình Ý) Nguyễn Văn Trị (ở Bình Phước) được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Mùa hè năm 1936, Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Ngày 13/8/1936 Ủy ban trụ bị Đông Dương đại hội thành lập tại Sài Gòn, chỉ đạo thành lập Ủy ban hành động ở các tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Nghia (tự Xước) sinh sống tại Bình Ý lúc đó đang hoạt động trong nhóm báo *La-tua* (đấu tranh) sớm phổ biến chỉ thị này tại địa phương, cùng các đồng chí Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Tủy quyết định thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa, cơ sở đóng tại Bình Ý.

Trong một thời gian ngắn, nhiều Ủy ban hành động xã được thành lập (như ở Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều...). Ủy ban hành động

Tân Triều gồm có Hai Diệp, Tư Phan, Năm Ông. Ủy ban hành động Bình Phước gồm: Hai Đặng, Ba Phát, Tư Diệu, Tư Sinh, Quách Tỷ, Quách Sanh, Chín Văn. Một thư viện bình dân được lập nên tại dốc Bà Bành (Bình Ý) để hàng đêm nhân dân (nhất là thanh niên) đến đây đọc báo, nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đọc và dịch báo từ tiếng Pháp.

Đầu năm 1937, một cuộc họp các đảng viên 2 huyện Châu Thành và Tân Uyên được tổ chức tại nhà Năm Ông (Tân Triều). Tại cuộc này, Tỉnh ủy Biên Hòa lâm thời được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư, các đồng chí Trần Minh Triết, Tư Phan, Lê Văn Tôn (Năm Tôn), Huỳnh Liêng (Hai Liêng), Nguyễn Hồng Kỳ (Ba Cờ) làm Tỉnh ủy viên.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội Lương hữu ở Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước công khai hoạt động, liên đoàn xe ngựa ở Bình Ý, Bình Phước, Lợi Hòa đi vào hoạt động nhằm chống lại sự áp bức của bọn thuế quan. Đến giữa năm 1937, thành lập chi bộ Bình Ý gồm các đồng chí Phạm Văn Lạc, Huỳnh Văn Kiềm, Nguyễn Thị Hậu, Phạm Xuân Lép, Phạm Văn Bương; lập chi bộ Bình Phước gồm đồng chí Quách Tỷ, Quách Sanh, Chín Văn; chi bộ Tân Triều gồm Phạm Văn Thuận, Trần Minh Triết, Tư Phan, Năm Ông.

Các chi bộ Đảng cơ sở đã lãnh đạo xây dựng phong trào thanh niên tiên phong, sớm lập nhiều tổ chức ở Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều làm lực lượng nòng cốt tham gia giành chính quyền Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa.

Cách mạng tháng Tám thành công, nước nhà độc lập không được bao lâu thì cuộc kháng chiến chống quân Pháp tái chiếm bùng nổ. Nhân dân Tân Bình hưởng ứng lời kêu gọi của quận ủy Châu Thành phát động tuần lễ vàng, tuần lễ bạc ủng hộ cho kháng chiến. Nhiều gia đình ở Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều ủng hộ cả bộ lư đồng quý giá; nhiều má, người chị ủng hộ cả dây chuyền, bông tai kỷ vật cho kháng chiến.

Thanh niên Tân Bình theo lời kêu gọi của Đảng, tập hợp thành

nhóm, tham gia tập luyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chính quyền, các đoàn thể tổ chức nhiều cuộc mít-tinh, ca hát cổ vũ tinh thần cách mạng; các hoạt động bình dân học vụ chống đốt, sản xuất tự túc chống đói, rèn luyện đội ngũ chống ngoại xâm được triển khai hoạt động đa dạng, sôi nổi.

Quân Pháp dần tái chiếm từng khu vực. Tội ác của chúng không sao kể xiết. Chúng tổ chức nhiều cuộc khủng bố, càn quét vào làng, bắt giết dân lành, hãm hiếp phụ nữ, truy diệt cán bộ, cướp phá tài sản của dân. Trong một lần ruồng bố, tại Tân Triều chúng bắn giết 7 cán bộ Việt Minh, tại Bình Phước xả súng giết hại cùng lúc 18 gia đình, tại ngã ba Bình Thảo sát hại anh Lục cán bộ công an, tại Bình Ý thảm sát nhiều cán bộ đồng bào ta. Chị Sen, một đội viên công an bị Pháp bắt, bị chúng tra tấn đánh dã man, treo chị lên, xẻo từng miếng thịt; nhưng chị đã không khuất phục, không một lời khai báo, lẫm liệt hy sinh. Nhiều người khác bị bắt, bị đày đọa qua các nhà tù, nhiều người không có ngày về. Giặc càng gieo tội ác, quân dân Tân Bình càng thêm chí căm thù, gia tăng tinh thần đấu tranh, thêm sức mạnh trong chiến đấu.

Với lòng căm thù giặc được nung nấu, quân dân Tân Bình tổ chức nhiều hoạt động diệt ác, trừ gian, chống càn, bảo vệ làng xã. Lúc 5 giờ sáng 13/8/1948 du kích mai phục diệt tên ác ôn Tây Sút sếp bót Tân Xuân khi hắn trên đường dẫn quân càn quét qua cầu Bến Cá. Tên Tây Sút bị bắn hạ, đồng bọn tháo chạy tán loạn, người dân Tân Bình hả dạ, thêm quyết tâm và lòng tinh đánh giặc và thắng giặc. Bọn tề tổng trong vùng hoảng sợ, co rúm trong đồn, 4 tháng liền sau đó không dám ruồng bố, dân làng đi lại, tiếp tế cho kháng chiến dễ dàng.

Tháng 3/1953, Huyện đội Vĩnh Cửu chủ trương tập kích diệt bót Cẩm Vinh ở Tân Triều. Đồng chí Tiếp - Huyện đội trưởng trực tiếp trình sát, điều nghiên, lên kế hoạch tác chiến. Bót Cẩm Vinh nằm cạnh bờ sông Đồng Nai gồm 3 lô cốt, do 2 trung đội batidan đóng giữ, có nhiệm vụ cắt đường giao liên của ta từ Chiến khu Đ vào thị

xã Biên Hòa. Thực hiện trận đánh gồm có 1 trung đội biệt động của tỉnh, 2 trung đội bộ đội huyện và lực lượng du kích xã. Du kích Tân Bình có nhiệm vụ chặn địch ở Lợi Hòa, không cho chúng từ bót Cây Đào kéo xuống và ngăn địch ở ngã ba Bình Ý không cho chúng từ sân bay Biên Hòa tăng viện. Trận đánh diễn ra ác liệt, kéo dài trong một ngày. Bộ đội huyện Vĩnh Cửu nỗ tiên công từ hướng Tây Bắc đồn địch, chúng chống trả quyết liệt, đồng chí Tiếp bị thương nhưng gượng đau ôm mìn FT và bê ta xông thẳng vào tiêu diệt lô cốt lớn nhất của địch, đồng chí Tiếp anh dũng hy sinh, tạo được cửa mở cho đồng đội tiến công, chiếm lĩnh mục tiêu. Bót Cẩm Vinh bị thiệt hại nặng, một trung đội lính bị diệt gọn, toàn bộ vũ khí và quân trang bị tịch thu, tinh thần số còn sống bị sụp đổ.

Các lực lượng tham gia đánh bót có thiệt hại nhỏ (đồng chí Tiếp hy sinh), rút quân an toàn. Trên đường về căn cứ, khi vượt qua Sở cao su Ông Phủ (Bình Ý), quân ta phát hiện trung đội biệt kích tiểu khu Biên Hòa rùng bố. Phương án đánh địch được triển khai nhanh, lực lượng chia làm 3 mũi, đội biệt động đánh đổ mặt địch, bộ đội huyện, du kích xã đánh xuyên hông, trận tao ngộ chiến diễn ra bất ngờ, địch trở tay không kịp, trung đội biệt kích của địch bị diệt gọn.

Trận thắng bót Cẩm Vinh gây tiếng vang lớn trong huyện và tỉnh, nhân dân vùng tạm chiếm vô cùng phấn khởi, bọn tề ngụy trong vùng lo sợ, hoang mang, uy thế cách mạng được nâng cao, các đoàn quân dân chính Đảng hành quân, vận chuyển, bám trụ, xây dựng cơ sở trên địa bàn được nhiều thuận lợi.

Bên cạnh hoạt động vũ trang, Chi bộ Đảng ở Tân Triều, Bình Phước, Bình Ý còn tổ chức nhiều cuộc mít-tinh lớn, rải truyền đơn tuyên truyền cho nhân dân hiểu được đường lối và lý tưởng của cách mạng, vạch trần âm mưu nham hiểm của giặc; xây dựng nhiều cơ sở, vận động các phong trào sản xuất, đóng góp nuôi quân.

Trong kháng chiến chống Pháp quân và dân Tân Bình đã phối hợp các lực lượng đánh 12 trận đánh lớn nhỏ, gồm: diệt đồn, đánh địch càn quét, diệt ác trừ gian, tiêu diệt trên 60 tên giặc trong đó có 24 tên

giặc Pháp, trừng trị 6 tên ác ôn có nợ máu với nhân dân, thu được nhiều vũ khí, phá hủy hoàn toàn một đồn giặc.

Song song với đánh địch bằng quân sự, các cuộc đấu tranh chính trị tại địa bàn Tân Bình cũng đạt nhiều thắng lợi. Có 17 cuộc biểu tình, mít-tinh lớn nhỏ được tổ chức với trên 800 lượt người tham gia, kết quả đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống bắn giết, đốt phá, bãi bỏ sưu cao thuế nặng... khiến địch phải thua cuộc, nhân nhượng; nhiều đợt mít-tinh, học tập tuyên truyền cổ vũ cho phong trào cách mạng thể hiện được tinh thần yêu nước và khí thế cách mạng của nhân dân.

Là địa bàn trung tâm của cách mạng, nơi hoạt động thường xuyên của Tỉnh ủy Biên Hòa, công tác địch vận được thực hiện thường xuyên, đạt nhiều kết quả tốt, phá vỡ nhiều đơn vị trong hàng ngũ địch, cảm hóa hơn 100 người buông súng về với nhân dân. Qua tuyên truyền của Đảng, hầu hết người dân trong vùng thâm nhuần được mục tiêu lý tưởng của Đảng, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động cách mạng, xây dựng được trên 15 cơ sở nuôi dưỡng, che giấu cách mạng, cài cắm vào trong hàng ngũ địch nhiều cơ sở nắm và cung cấp tin tức cho cách mạng, vì thế các trận công đồn địch đều được điều nghiên kỹ, lên phương án nội ứng ngoại công tạo thuận lợi rất lớn cho bộ đội ta đánh thắng quân thù.

Sau Hiệp định Gernève (1954), Tân Bình là một trong những chiến trường rất hết sức ác liệt, địch tăng cường kiểm soát hành quân tàn sát, chà đi sát lại, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng tạo vành đai trắng cho sân bay Biên Hòa. Với tinh thần bất khuất, quân và dân Tân Bình đã kiên trì bám trụ, xây dựng lại lực lượng cách mạng, diệt ác phá kềm, giữ vững địa bàn, tiếp tế lương thực thuốc men cho kháng chiến.

Năm 1955 đến năm 1959, nhiều cuộc mít-tinh lớn do đồng chí Võ Châu Lang tổ chức tại Tân Triều - Bình Phước, tập hợp trên 500 lượt người tham gia, nhằm tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, vạch trần âm mưu thâm độc của địch, chống phá các trò mỵ dân của Mỹ Diêm. Nhiều phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh

vũ trang được khơi động. Hoạt động diệt ác trừ gian có tác động tư tưởng làm cho nhân dân Tân Triều tin tưởng vào khả năng của cách mạng và kẻ địch lo lắng, run sợ trước sức mạnh của nhân dân. Bởi vậy, các tên ác ôn như xã Phở, sáu Hoài ở Tân Triều, Bảy Xây ở Bình Ý ra mặt làm tay sai cho giặc, gây nợ máu với dân đã phải đền tội.

Những năm 1960, lực lượng cách mạng ở Tân Bình ngày càng được củng cố. cơ sở cách mạng được gây dựng lại đều khắp ở cả 3 khu vực Tân Triều, Bình Ý, Bình Phước. Các đơn vị vũ trang ở Bến Cá, Bình Ý lập được nhiều chiến công tạo thanh thế cho cách mạng.

Năm 1967, lực lượng cách mạng ở Tân Bình bước vào giai đoạn cao trào, các chi bộ Đảng hoạt động mạnh, các tổ chức đoàn thể được mở rộng. Giặc đối phó với tình hình này đưa về Tân Triều 3 đại đội biệt kích Mỹ, 2 Đại đội Hòa Hảo, lập bót miếu Ngói, phối hợp nhiều lực lượng, tổ chức nhiều đợt càn quét hòng bóp chết lực lượng cách mạng. Xác định âm mưu của giặc, không để bọn chúng kịp trở tay, Huyện ủy chủ trương quân ta chủ động tiến công. Đồng chí chí Đặng Minh Châu cùng 2 đồng chí cảm tử mở đầu bằng một trận đánh mưu trí, dũng cảm. Lúc 2 giờ khuya 12/9/1967, sau khi đột nhập giải 3 trái mìn ĐH.10 hướng vào bót địch, mìn nổ, tổ cảm tử nổ súng, bọn giặc hoảng sợ chạy tán loạn, 3 tên chết tại chỗ, 12 tên khác bị thương, tổ cảm tử rút lui an toàn. Hôm sau, địch bỏ đồn, chạy về quận Công Thanh. Trận thắng này làm nức lòng mọi người, làm vang động thành tích diệt đồn của quân dân Tân Bình, đánh dấu sự trưởng thành của lực lượng kháng chiến, chứng minh lực lượng nhỏ bé nhưng mưu trí và dũng cảm có thể đánh Mỹ và thắng Mỹ, vì thế không sợ Mỹ.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, lực lượng của xã do đồng chí Ba Kiệt (Bí thư chi bộ) chỉ huy, nòng cốt là các đồng chí Tấn, Hon, Gôm, Quý đã tổ chức đánh mìn cầu Bến Cá làm địch co rúm lại trong các đồn bót. Hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy đồng loạt của cách mạng, lực lượng quân dân Tân Bình cùng bộ đội huyện tiến đánh Chi khu Công Thanh, làm chủ



tình hình 3 ngày đêm.

Địch phản công dữ dội. Ta chống phản công kiên cường. Trong một trận đánh, một mình đồng chí Kiệt với 9 viên đạn đã diệt được 9 tên giặc Mỹ, thu 1 súng M.16, khiến số còn lại phải tháo chạy bằng trực thăng.

Đợt tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân thắng lợi, nhưng lực lượng Tân Bình nhiều tổn thất, hy sinh, bước vào giai đoạn khó khăn, vừa chống phản kích vừa gây dựng lực lượng để trường kỳ chiến đấu, vừa giúp các đơn vị chủ lực đóng quân trên địa bàn vượt khó. Một phân đội của Sư đoàn 5 do đồng chí Trần Văn Phân chỉ huy rút về chiến khu ngang qua địa bàn, các tổ chức cơ sở của Tân Bình đã tiếp tế lương thực, thuốc men, đào hầm che giấu lực lượng.

Biết được địa phương là bàn đạp tiến công của quân cách mạng trong đợt tổng tiến công Xuân Mậu Thân, ngày 27/2/1968 Mỹ tổ chức một trận càn lớn vào địa bàn Tân Triều gồm có máy bay, xe tăng và 2 tiểu đoàn lính ngụy. Trước tình thế cấp bách và khó khăn do tương quan lực lượng chênh lệch, các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn Tân Bình hạ quyết tâm chống càn, phối hợp đánh địch. Lực lượng chủ lực cùng với lực lượng du kích tại chỗ đã triển khai đánh địch một cách kiên cường và bằng nhiều hình thức linh hoạt. Qua một ngày đêm chiến đấu, lực lượng ta đã chọc thủng thế bao vây của giặc. Kết quả chiến đấu, đã bắn cháy 4 xe tăng tại chỗ, làm thiệt hại 2 chiếc khác và bị thương nhiều lính Sài Gòn, tiêu diệt 15 lính Mỹ. Lực lượng ta nhờ phân tán từng cụm và có hầm trú ẩn, dựa vào địa thế và trợ giúp của dân nên ít thiệt hại và rút quân về căn cứ an toàn.

Qua trận đánh này nhiều tài sản của nhân dân bị thiệt hại nặng nề, nhưng tinh thần cách mạng của quân và dân Tân Bình càng được nâng cao, một lòng một dạ cùng cách mạng, càng ra sức đùm bọc che giấu nuôi dưỡng lực lượng, không sợ mất mát hy sinh.

Là một địa bàn xung yếu, quân và dân Tân Bình vừa đấu tranh vũ trang, vừa đấu tranh chính trị, vừa tổ chức cơ sở mật. Từ năm 1969

đến 1971 là thời điểm khó khăn ác liệt nhất, địch càn quét dữ dội, nhiều gia đình là cơ sở che giấu nuôi dưỡng cách mạng, như bà út Chon, bà Ba Trâm, bà Mười Hảo ở Tân Triều, Bà Xòm, Bà Sạch, Bà Điềm ở Bình Phước. Nhiều gia đình ở Bình Ý bị địch bắt đánh đập dã man, nhưng vẫn không khai báo cơ sở cách mạng, nhiều bà mẹ, nhiều cán bộ hoạt động trên địa bàn đã hy sinh anh dũng làm tròn sứ mạng lịch sử của mình với khí tiết của người Cộng sản.

Tuy sống trong sự kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn, nhưng nhân dân Tân Bình lúc nào cũng hướng về cách mạng, nhớ đến Bác Hồ, tháng 2/1974 gửi tặng 4 cây bưởi đặc sản quê hương để góp phần vào vườn cây lăng Bác.

Mùa Xuân 1975, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp là đồng chí Mười Nhu về xây dựng cơ sở để tổ chức đón tiếp lực lượng cách mạng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; ở Tân Triều có bà út Chon, ông Bảy Hòa, ông Tư Nồi, ông Năm Lọt và một số người khác bí mật may cờ cách mạng, chuẩn bị điều kiện tiếp quản Biên Hòa. Lúc 10 giờ trưa 29/4/1975, lá cờ giải phóng tung bay trên cột cờ trụ sở xã Tân Triều đánh dấu Tân Bình trang sử mới: Giải phóng, hòa bình, thống nhất. Sự kiện quan trọng đó đã áp đảo tinh thần bọn giặc góp phần làm tan rã hàng loạt các đơn vị quân nguy đóng ở Tân Uyên, Công Thanh, Rạch Đông, nhờ đó lực lượng cách mạng tiếp quản chi khu Công Thanh được thuận lợi không gây thương vong mất mát.

Như vậy, qua cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tuy là địa bàn xung yếu bị địch kiểm soát, đàn áp dã man, có nhiều lúc phong trào cách mạng trên địa bàn tạm lắng, nhưng với tinh thần kiên cường, bất khuất, quân dân Tân Bình đã thể hiện sức mạnh tổng hợp góp phần thắng lợi trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc; có nhiều đồng chí trưởng thành từ Tân Bình trở thành hạt nhân của phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh trong kháng chiến cũng như trong lãnh đạo xây dựng và phát triển đất nước.

Tổng hợp, trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ và chế độ tay sai,

quân dân Tân Bình phối hợp các lực lượng đã tham gia 8 trận đánh lớn nhỏ trên địa bàn, gồm đánh đồn, chống càn, phục kích... tiêu diệt 24 tên giặc Mỹ và trên 50 tên lính quân đội Sài Gòn, đốt cháy tại chỗ 4 xe tăng, làm thiệt hại 2 chiếc khác, diệt 6 tên ác ôn nợ máu với dân, thu 20 súng các loại. Về chính trị, đã tổ chức 12 cuộc biểu tình lớn nhỏ với trên 1.000 lượt người tham gia, thấy đều thắng lợi; kết quả làm cho giặc hoang mang lo sợ, co cụm trong các đồn bót, bót đi hoạt động phá hoại cách mạng, áp bức nhân dân. Về binh vận, công tác tuyên truyền ngày càng thâm sâu vào tư tưởng của nhân dân, nhiều gia đình tham gia cách mạng bằng nhiều hình thức khác nhau, vừa công khai vừa bí mật, đưa con em tham gia kháng chiến, nuôi dưỡng che giấu cán bộ, các cơ sở đã vận động được 120 binh lính dân vệ bỏ ngũ về với gia đình, trong số đó nhiều người được cảm hóa và tham gia hoạt động cho cách mạng.

Qua hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, 123 người con ưu tú của Tân Bình đã hy sinh, 5 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 12 thương binh, 24 gia đình nhiều công lao với cách mạng. Nhân dân và Lực lượng Vũ trang nhân dân xã Tân Bình được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân theo Quyết định số 424/KT-CTN ngày 22/8/1998.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Xuân Tân

Xã Xuân Tân<sup>(1)</sup> được thành lập năm 1976, Phía Bắc giáp phường Phú Bình (thị xã Long Khánh), phía Nam giáp xã Hàng Gòn (thị xã Long Khánh), phía Tây giáp xã Bàu Sen (thị xã Long Khánh) và phía Đông giáp xã Xuân Định (huyện Xuân Lộc).

Xã Xuân Tân được chia làm 3 ấp nhỏ, gồm: Nông Doanh, Tân Phong và Cẩm Tiên. Trên địa bàn xã có ngã ba Tân Phong, là nút giao huyết mạch giữa quốc lộ 1 và quốc lộ 56. Do đây là địa bàn vô cùng trọng yếu, địch xây dựng ở xã Xuân Tân các tuyến phòng thủ vững chắc với hệ thống đồn bót dày đặc.

Xã có diện tích tự nhiên khoảng 1.060,27 hécta. Dân số thống kê năm 2011 là 2.272 hộ với 9.350 người. Từ thuở khai hoang mở cõi, lưu dân vùng ngũ Quảng vào, người Minh Hương sang và cư dân khắp nơi đổ về cùng cư dân bản địa sống quần tụ, đầm ấm xây dựng lập ấp. Trên địa bàn xã có di tích “Mộ Cụ thạch Hàng Gòn” được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

Vốn có lòng yêu nước nồng nàn nên trong những năm trước Cách mạng tháng Tám, người dân Long Khánh nói chung và người dân xã Tân Phong<sup>(2)</sup> nói riêng đã hưởng ứng nghĩa quân đứng lên chiến

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Thị ủy Long Khánh.

(2) Lúc này, xã Tân Phong chưa được đổi tên thành Xuân Tân.

đấu. Tiêu biểu là tham gia nghĩa quân của Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định.

Không chịu được sự áp bức bóc lột, một cảnh hai trùng của thực dân và phong kiến, nông dân, công nhân cao su trong xã phần uất và phản kháng mãnh liệt. Mở đầu là cuộc đấu tranh của đồng bào Choro chống lại chính sách cướp đất lập đồn điền của tư bản Pháp. Tuy bị địch đàn áp dã man nhưng phong trào đấu tranh cũng tạo được tiếng vang, làm địa chủ hoảng sợ và được Tổng Công đoàn Pháp lên tiếng ủng hộ. Ngày 25/10/1927, toàn quyền Đông Dương buộc phải ký nghị định về lao động.

Có thể thấy, những năm 1926-1929, hình thức đấu tranh của công nhân cao su trong xã chủ yếu là tự phát, do những người cùng cảnh ngộ bị áp bức đến cùng cực không chịu đựng được nữa đã cùng nhau đứng lên đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Trong những cuộc đấu tranh, bên cạnh những yêu sách về kinh tế xuất hiện những yêu sách về chính trị: chống đánh đập, chống chửi mắng và yêu cầu được đối xử như con người. Dần dần tính tự phát của công nhân giảm đi và các cuộc đấu tranh có tổ chức, quy mô và có sự lãnh đạo chặt chẽ hơn, nhất là từ sau khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào ngày 3/2/1930.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh ở Long Khánh, nhất là vùng cao su diễn ra ngày càng sôi nổi, bài bản. Trong giai đoạn từ năm 1935 đến trước tháng 8/1945, người dân chủ yếu đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, kết hợp đấu tranh chính trị, nuôi dưỡng lực lượng vũ trang chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Trong năm 1945, Đội du kích xã Tân Phong được thành lập và huấn luyện ngày đêm. Đội đã dũng cảm đánh địch, lập nhiều thành tích vẻ vang.

Ngày 28/8/1945 là ngày lịch sử trọng đại, đáng ghi nhớ của công nhân Hàng Gòn. Từ tờ mờ sáng, người dân Hàng Gòn đồng loạt xuống đường với khí thế hành quân ra trận. Thanh niên Tiên Phong, tự vệ, công nhân... với đội hình chỉnh tề, vũ khí tự tạo trên tay mang

theo cờ, khẩu hiệu kéo về thị trấn Xuân Lộc, cùng đơn vị bạn cướp chính quyền. Một bộ phận lực lượng vũ trang địa phương được giao nhiệm vụ cùng đơn vị bạn bao vây dinh, ép tên Quận trưởng Xuân Lộc Lê Thanh Trường nộp toàn bộ hồ sơ, con dấu cho cách mạng. 10 giờ sáng hôm đó, lực lượng cách mạng đã hoàn toàn làm chủ Xuân Lộc. Đến 14 giờ cùng ngày, công nhân Hàng Gòn cùng các đồn điền khác kéo nhau về thị trấn Xuân Lộc dự mítting biểu dương lực lượng chưa từng có với 1 vạn người tham dự cùng cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc được giương cao trong niềm hân hoan.

Ngay sau khi tham gia cướp chính quyền ở huyện, chính quyền cách mạng xã Hàng Gòn được thành lập.

Phong trào du kích ở Tân Phong những năm 1945 gắn liền với việc đào hầm chông, hố đinh chống giặc bảo vệ xóm làng của nhân dân. Có gia đình đào 5-6 hầm, ít nhất là 2-3 hầm. Phong trào đào hầm chông, hố đinh của người dân khiến địch hết sức sợ hãi mỗi khi đi càn. Có lần trong một đợt càn của địch vào xã chỉ với 1 hầm chông dài 2m, rộng 1,5m, sâu hơn 2m đã làm sập bẫy 3 tên lính Pháp, khiến chúng bị thương.

Ngày 23/9/1945, Pháp nổ súng tái chiếm Sài Gòn. Ngày 30/10/1945, một tiểu đoàn Pháp được 2 xe tăng mở đường tiến đánh Xuân Lộc. Nhân dân, công nhân tự vệ chiến đấu ở Đồn điền Hàng Gòn cùng các đơn vị bạn và bộ đội Nam tiến chặn đánh địch quyết liệt, gây cho chúng nhiều thương vong, hạn chế bước tiến của địch. Nhân dân, công nhân tự vệ Hàng Gòn chấp hành triệt để chủ trương tiêu thổ kháng chiến, thực hiện vườn không nhà trống.

Ngày 26/1/1946, hơn một ngàn quân Pháp có thiết giáp, cơ giới, đánh chiếm thị trấn Xuân Lộc và các đồn điền cao su. Ta lập phòng tuyến chặn địch tại Tân Phong - Hàng Gòn, chiến đấu quyết liệt suốt 3 ngày, diệt 16 tên.

Tháng 6/1946, 3 xe tuần tiểu của địch mở đường bị du kích Tân Phong - Hàng Gòn chặn đánh. Du kích Tân Phong còn nhiều lần phối hợp với du kích liên thôn tấn công vào đồn điền cao su Hàng Gòn,

thu nhiều lương thực, máy móc và vũ khí, đồng thời làm tốt công tác phá hoại giao thông trên quốc lộ 1.

Ngày 10/10/1947, du kích Tân Phong hóa trang thành lính Cao Đài, dưới sự chỉ huy của Trưởng ban công tác quân sự LT10 - Tư Ước, đã đột nhập vào chợ Xuân Lộc diệt tên chánh tổng Bình Lâm Thượng (Liên Khắc Trương) giữa ban ngày gây hoang mang cho địch. Du kích Tân Phong phối hợp chặt chẽ với các xã khác từng bước mai phục tiêu diệt sinh lực địch, khiến chúng sợ hãi.

Trong khi thể tìm địch mà đánh, tháng 2/1948, du kích Tân Phong cùng lực lượng huyện phục kích đánh Pháp ở cầu Gia Liêu, diệt 2 tên lính Pháp, 5 tên Việt gian, thu 3 súng trường.

Ngày 1/3/1948, đội du kích Tân Phong và một số dân công xã được điều động tham gia đánh giao thông chiến ở La Ngà gây chấn động dư luận trong và ngoài nước, khiến 59 xe quân sự của Pháp bị tiêu diệt, 150 lính Lê dương hộ tống phải bỏ xác, 25 sĩ quan Pháp, trong đó có 2 đại tá chết. Đây là trận đánh giao thông lớn nhất ở Đông Nam Bộ lúc bấy giờ, là thắng lợi của sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội và nhân dân, công nhân các sở cao su dọc quốc lộ 1, 20.

Trong năm 1948, lực lượng vũ trang và nhân dân xã Tân Phong kết hợp với xã khác dùng 2 con voi kéo, phá đường sắt ở Bảo Chánh làm đoàn tàu của địch bị lật đổ.

Tháng 5/1951, địa bàn Hàng Gòn - Xuân Tân được bố trí 1 đội vũ trang tuyên truyền. Từ những năm 1953 trở đi, ta có những đợt phối hợp vũ trang mạnh mẽ trên khắp chiến trường. Đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc nhiều lần kết hợp với đội tự vệ Hàng Gòn - Xuân Tân phục kích đánh địch trên tuyến quốc lộ từ Xuân Lộc về Bà Rịa, gây cho địch nhiều tổn thất. Con lộ 2 trở thành con lộ lo âu, sợ hãi thường xuyên đối với địch.

Trên mặt trận phá hoại về kinh tế, thời kháng chiến chống Pháp ta cũng thu nhiều thắng lợi. Đáng kể là năm 1947, thực hiện chủ trương Mặt trận cao su chiến, công dân cao su Xuân Tân hưởng ứng tích cực, góp phần làm suy yếu địch và phát triển lực lượng của ta. Chẳng

hạn như: công nhân Đồn điền cao su Cẩm Mỹ chặt 30 hécta, vạt vò 180 hécta cao su, phá 120 ngàn chén đưng mù; công nhân Đồn điền cao su Hàng Gòn phá 70 hécta cao su, 28 ngàn chén đưng mù. Đội du kích Tân Phong do đồng chí Lê Văn Vận chỉ huy chớp nhoáng tấn công kho mù Hàng Gòn, giết chết tên Pháp xếp bót, 8 tên Việt gian, thu 1 súng trung liên, 8 súng trường, nhiều đạn dược, đốt cháy hơn 100 tấn mù.

Đến cuối năm 1949, công nhân cao su trong xã thay đổi phương thức phá hoại cao su theo chỉ thị của Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn. Theo đó, từ chặt cây, vạt vó cây, công nhân chuyển qua đốt mù thành phẩm, đổ mù xuống đất hoặc chôn mù, đập chén, phá kiềng, phá dụng cụ sản xuất, đình công, phục kích thiêu hủy các đoàn xe chở mù cao su từ đồn điền về Sài Gòn...

Ngoài ra trong kháng chiến chống Pháp, còn có mặt trận đấu tranh chính trị và binh vận do đội quân tóc dài thực hiện cũng đạt được những thắng lợi vô cùng to lớn.

Tóm lại, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945-1954, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Xuân Tân đánh hơn 30 trận, diệt 12 tên lính Pháp, 28 tên Việt gian, thu 21 súng các loại, đốt trên 100 tấn mù cao su, phá 100 hécta cao su, vạt vò 180 hécta cao su, đập trên 30 ngàn chén đưng mù, tổ chức hơn 40 lượt bãi công, 22 lần đấu tranh chính trị, gọi hàng, bỏ ngũ 32 binh sĩ địch, tiếp tế cho cách mạng 100 tấn gạo, lương thực, thực phẩm, vải vóc, thuốc men, 82 người dân trong xã tham gia cách mạng cùng hàng trăm người dân đi dân công phục vụ chiến đấu.

Đến giai đoạn 21 năm kháng chiến chống Mỹ, Đảng bộ Long Khánh tập trung xây dựng phong trào công nhân cao su, xây dựng khối đoàn kết công nhân, nông dân, lao động thành thị, củng cố căn cứ địa cách mạng, phát triển lực lượng kết hợp 3 mũi giáp công: quân sự - chính trị - binh vận.

Trên địa bàn xã Xuân Tân, các cơ sở cách mạng được xây dựng ngay trong lòng địch. Ở Tân Phong có các đồng chí: Nguyễn Thị



Năm, Đặng Văn Lịch, Chín Vận, Quang, Sáu Lâm. Khu người Hoa có các đồng chí Trương Văn Thắng, Sáu Phúc. Khu người Chơ-ro có đồng chí Kiên. Ở Hàng Gòn có anh Hoàng, bác Năm Cam...

Trong khi đó, với luận điệu Cộng sản lũng đoạn nghiệp đoàn, địch thẳng tay đàn áp công nhân cao su. Từ năm 1958-1959, hàng trăm công nhân các đồn điền cao su ở Long Khánh bị bắt, tra tấn và sát hại. Nhiều cơ sở cách mạng và quần chúng công nhân bị địch thủ tiêu. Dã man hơn, địch bắt giết đồng chí Hai Phong rồi bêu đầu tại ngã ba Tân Phong.

Có thể nói trong giai đoạn 1956-1959, sự đánh phá khốc liệt của Mỹ-Diệm ở Long Khánh đã gây nên những tổn thất nặng nề cho phong trào cách mạng tại địa phương. Thế nhưng, sự tàn bạo của kẻ thù vẫn không ngăn cản được ý chí cách mạng và lòng căm thù ngùn ngụt của quân dân địa phương.

Đầu năm 1960, Chi bộ xã Tân Phong được thành lập gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Bằng (Tur U), Hai Phụ, Hai Bích. Trong đó đồng chí Nguyễn Văn Bằng làm Bí thư chi bộ để lãnh đạo phong trào cách mạng tại địa phương. Lực lượng du kích được xây dựng gồm 20 người. Thời gian này, phong trào cách mạng ở Tân Phong được khôi phục và phát triển, mở ra thời kỳ chuyển tiếp từ thế tiến công tiêu diệt địch, đấu tranh chính trị đơn thuần lên đến đấu tranh chính trị - vũ trang.

Đầu năm 1961, ta tấn công đồn bảo an ở Cẩm Mỹ, tạo thế thuận lợi để xây dựng phong trào ở Hàng Gòn, Suối Cả, Tân Phong. Tháng 4/1961, du kích Cẩm Mỹ ra đời, lực lượng du kích Tân Phong, Hàng Gòn có 12 đồng chí. Cơ sở cách mạng từng bước được phát triển trong các dân tộc Kinh, Chơ-ro, Hoa... ngay trong lòng địch.

Trong khi đó, sau kế hoạch Staley-Taylor đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn, Mỹ - Diệm chuyển sang thực hiện kế hoạch mới, dự kiến lập 12 ngàn ấp chiến lược trên toàn miền Nam nhằm vào cả 3 mục tiêu: chính trị - quân sự - xã hội. Trong đó, địch quan tâm hơn cả là mục tiêu quân sự nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Địa bàn Tân Phong - Long Khánh có vị trí chiến lược phía Đông Bắc Sài Gòn nên được chính quyền Sài Gòn xếp loại ưu tiên trong số kế hoạch gom dân, lập ấp.

Ngày 8/3/1962, địch mở chiến dịch Mặt trời mọc đánh vào các tỉnh Đông Nam Bộ thực hiện kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược. Tại Tân Phong, địch xây dựng thành ấp chiến lược kiểu mẫu, bố trí những đơn vị thiện chiến kết hợp với bọn tề, lính chế độ Sài Gòn, tình báo, chỉ điểm, ác ôn... tập trung đánh phá phong trào cách mạng ở Tân Phong và các xã lân cận.

Trong tình thế đó, công tác cấp bách và cũng là nhiệm vụ lâu dài của quân dân địa phương là phá ấp chiến lược, đánh bại chương trình bình định nông thôn của địch, kết hợp vũ trang đấu tranh chính trị của quần chúng, kết hợp lực lượng trong và ngoài ấp đánh địch.

Ở Tân Phong, phong trào đấu tranh của nhân dân chống địch lập ấp chiến lược diễn ra vô cùng ác liệt. Nhân dân Tân Phong vùng lên đấu tranh chống gom dân, lập ấp, không cho địch ủi hào, đắp đê. Địch dỡ nhà ban ngày, thì ban đêm, dân cất lại. Địch đốt nhà, dân chài chòi để ở, thì dân kiên cường bám trụ địa bàn, cương quyết một tấc không đi, một ly không dời. Khi phong trào phát triển, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Tân Phong đột nhập đốt ấp chiến lược Bùng Bình, phá hỏng ấp chiến lược kiểu mẫu Tân Phong.

Dịp này, một số cơ sở cách mạng ở Tân Phong tác động khoét sâu mâu thuẫn giữa bọn bảo an và phòng vệ dân sự, làm tan rã toàn bộ phòng vệ dân sự ở đây. Khi địch tiếp tục xây dựng lại ấp chiến lược Tân Phong, công nhân cao su trong các đồn điền Hàng Gòn - Cẩm Mỹ chặt cây làm vật cản không cho địch ủi hào, đắp đê. Ban ngày địch dỡ nhà, ban đêm dân cất nhà. Địch tức tối đốt nhà, dân chài chòi, lèn để ở, kiên quyết bám trụ địa bàn.

Trong vòng 3 tháng, từ tháng 3/1963 đến 6/1963, Tiểu đoàn 800 của Quân khu 7 hỗ trợ lực lượng vũ trang huyện, du kích địa phương đồng loạt tấn công, tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân

nổi dậy phá banh 3 ấp chiến lược ở Tân Phong, Bàu Sao, Bàu Sen.

Tháng 2/1964, bộ đội Long Khánh và du kích Tân Phong đánh Sở cao su Hàng Gòn, diệt 2 dân vệ, thu 7 súng, 3 tên dân vệ đầu hàng mang nộp cho ta 3 khẩu súng trường, ta bắt vợ chồng chủ sở Etteo đưa ra Cẩm Mỹ, tuyên truyền nói rõ chủ trương, chính sách của Đảng, yêu cầu chủ sở đóng thuế cho cách mạng. Kết quả, Etteo nộp cho ta 3,5 triệu đồng. Thắng lợi này mở đầu cho việc thu thuế của ta đối với các sở cao su An Lộc, Dầu Giây, Bình Lộc, sở 97... đóng thuế cho cách mạng được 52 triệu đồng.

Tháng 4/1965, Mỹ đưa quân viễn chinh và đồng minh ồ ạt vào miền Nam Việt Nam thực hiện kế hoạch tìm - diệt. Tại Long Khánh, máy bay Mỹ điên cuồng ném bom, bắn phá vào căn cứ cách mạng từ Suối Râm, thị xã đến ngã ba Tân Phong. Trên mặt trận chính trị, bọn chủ sở duy trì đồng lương chết đói, cấp gạo không đủ tiêu chuẩn, lính chế độ Sài Gòn bắn phá bừa bãi vào vườn, phá hoại mùa màng, phá hoại sản xuất. Tại ngã ba Tân Phong, địch dùng mọi cách tra tấn cực hình các đồng chí bị bắt để đàn áp, làm nhục ý chí chiến đấu của quân dân địa phương. Song quân dân Tân Phong với niềm tin sắt đá vào cách mạng đã kiên cường đấu tranh, giành nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực: quân sự - binh vận - chính trị.

Tại ấp chiến lược kiểu mẫu Tân Phong, địch dùng mọi hình thức đàn áp nhân dân hòng cô lập dân với Đảng và lực lượng vũ trang địa phương, nhưng vẫn có nhiều cơ sở cách mạng vẫn hình thành và hoạt động. Nhân dân trong xã đào nhiều hầm bí mật để nuôi giấu, che chở tiếp tế cho cán bộ hoạt động nằm vùng. Như gương chị Mai Thị Nhỏ thường xuyên tiếp tế cho lực lượng cách mạng. Khi phát hiện, địch tra tấn chị đến chết đi sống lại nhưng chị vẫn kiên trung không một lời khai báo. Các đồng chí Nguyễn Thị Năm, Đặng Thị Lịch vận động quần chúng khuyến nhủ gia đình binh lính chế độ Sài Gòn trở về với cách mạng. Lực lượng ta còn đến tận bệnh viện thăm hỏi lính của chế độ Sài Gòn bị thương, vạch rõ âm mưu của địch, khoét sâu mâu thuẫn giữa các đơn vị thuộc chế độ Sài Gòn.

Năm 1965, trên 500 công nhân cao su Cẩm Mỹ - Hàng Gòn cùng hàng trăm công nhân các đồn điền An Lộc, Bình Lộc kéo lên trụ sở Tổng Công đoàn Lao động ở Sài Gòn đòi trả đủ 25kg gạo/tháng, tăng lương từ 37 lên 45 đồng. Cuộc đấu tranh này đã được công nhân miền Đông Nam Bộ, các nghiệp đoàn công nhân miền Nam ủng hộ rộng rãi.

Ở Tân Phong, chi bộ xã lãnh đạo trên 150 người dân xã Tân Phong, 500 người dân Bảo Bình kéo thẳng đến Tòa hành chính của chế độ Sài Gòn đòi tự do đi lại, làm ăn, chống bắt lính. Đến 17 giờ, địch phải đáp ứng yêu sách của người dân.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thuân 1968, cuộc tổng tiến công vào thị xã Long Khánh bắt đầu từ rạng sáng 1/2/1968. Tại các sở cao su, đêm 1, rạng sáng 2/2/1968 (mùng 2 rạng sáng mùng 3 Tết), bộ đội và du kích cao su phối hợp với tự vệ mật, dân vệ tiến công chiếm các sở cao su Ông Quế, Hàng Gòn, Suối Tre, An Lộc, Bình Lộc. Công nhân cao su Hàng Gòn, Cẩm Mỹ nổi dậy làm chủ các sở, vây đồn phá bót địch, kêu gọi địch đầu hàng. Du kích Tân Phong đột nhập đánh hội đồng xã Thới Giao, thu 1 máy truyền tin, 3 súng và một số tài liệu quan trọng.

Năm 1971, du kích Tân Phong phục kích tấn công trung đội biệt kích 70 tại Bàu Môn diệt 4 tên, bắt sống 3 tên, thu 3 súng.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ rút về nước, chế độ Sài Gòn thực hiện âm mưu giành dân, lấn đất, tăng cường các đơn vị thiện chiến, xây dựng Tân Phong thành lớp cứng của tuyến phòng thủ Xuân Lộc.

Trong giai đoạn chiến tranh ác liệt này, thanh niên trong xã Tân Phong hăng hái gia nhập lực lượng cách mạng, cơ sở ta phát triển nhanh chóng, gồm 2 đại đội 201A và 201B, quân số gồm 50 đồng chí. Trong phong trào đấu tranh, nổi bật vào năm 1973, đồng chí Nguyễn Thị Năm, Đặng Thị Lịch thuyết phục làm tan rã trung đội 8 gồm 32 tên, thu 18 súng tại chi khu Xuân Lộc. Hay như năm 1972, cách mạng làm tan rã trung đội biệt kích 70, thu 7 súng. Ta cũng

khoét sâu mâu thuẫn giữa bảo an và phòng vệ dân sự, làm cho 1 phòng vệ dân sự bỏ trốn, không cảm sung cho giặc...

Năm 1973, tại ngã ba Tân Phong, địch xây dựng chi khu Xuân Lộc để bảo vệ tỉnh lỵ Long Khánh, kiểm soát huyết lộ 1 và lộ 2, có thể là căn cứ để bung ra đánh phá cách mạng. Tại đây, địch bố trí 1 đại đội bảo an, 3 trung đội dân vệ, 3 trung đội biệt kích, cùng bọn tình báo, gián điệp, ác ôn... khét tiếng. Trên đồi Tân Phong, địch bố trí 1 trận địa pháo, 1 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn biệt động quân 52, chiến đoàn 48 thuộc sư đoàn 18 ngụy. Tại khu vực Đồi Rìu, địch bố trí 1 tiểu đoàn Thái Lan. Tại ấp Tân Phong, địch xây dựng thành ấp chiến lược kiểu mẫu, với ngoài cùng là hào sâu đầy chông nhọn, trên bờ là đê cao 1-1,5m, trước mặt đê là hàng rào kẽm gai, dưới kẽm gai là bãi mìn, sau cùng là lớp kẽm gai kết hợp với tre gai dày đặc... địch chỉ chừa 2 cửa ra vào, kiểm soát gắt gao khi người dân đi - về.

Tháng 5/1973, du kích Tân Phong cùng đại đội 201A bao vây, bứt rút đồn Ông Quế, làm tan rã 1 đại đội bảo an, 1 trung đội dân vệ và tề xã ấp, bẻ gãy mũi tiếp viện của tiểu đoàn 244 chế độ Sài Gòn, mở đường vận chuyển khí tài từ Sông Nhạn về Bàu Cá.

Từ năm 1974-1975, Đại đội 201C thuộc huyện cao su đã phối hợp du kích 2 xã Hàng Gòn và Tân Phong đánh cho địch co cụm lại vừa làm công tác tuyên truyền quần chúng. Trong những năm tháng ác liệt nhất, du kích xã cùng đại đội 201 luôn nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, tự lực tự cường, đảm bảo đánh độc lập chiến đấu tốt 19 trận, ngoài ra còn hợp đồng với đơn vị bạn chiến đấu nhiều trận, diệt 165 tên địch, làm bị thương 100 tên, thu 1 đại liên, 4AR15, 2 máy PRC 25, 15 trái mìn mìn, 750 đạn nhọn, phá hủy 7 đại liên, 2 xe Jeep, 2 nhà lính. Với thành tích trên, Đại đội 201 được Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bà Rịa - Long Khánh tặng danh hiệu Quyết chiến - Quyết thắng năm 1974-1975.

Những năm này, xã có đồng chí Năm Quốc, người con ưu tú của Hàng Gòn với chiến thuật đánh nhanh, chớp nhoáng, táo bạo, xuất

quỷ nhập thần khiến cho kẻ địch khi nghe đến đều khiếp sợ. Trong một đợt công tác, đồng chí bị vương mìn do địch gài và hy sinh.

Từ năm 1974, đầu năm 1975, tình hình giữa ta và địch trên chiến trường Xuân Lộc ở thế giằng co ác liệt.

Tháng 4/1974, địch ở tỉnh lỵ Long Khánh điên cuồng đánh phá ác liệt hòng giữ đồn Ông Quế. Ta lên phương án tác chiến là phục kích, vận động tổ chức du kích đánh khóa đầu, bộ đội huyện phối hợp đánh chia cắt địch tại lô cao su sân bay Ông Quế. Kết quả trận này, ta tiêu diệt và làm bị thương 50 tên địch, thu 1 đại liên cùng nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Ta nhanh chóng giải phóng đồn Ông Quế, tạo hành lang cho bộ đội chủ lực vận chuyển vũ trí tiếp cận quốc lộ 1, bao vây Long Khánh, mở thế tấn công bao vây cô lập tỉnh lỵ Long Khánh.

Với khí thế tấn công, Đại đội C201 huyện Cao Su phối hợp du kích Tân Phong tấn công đồn Hàng Gòn và các đồn trên quốc lộ 56, giải phóng Hàng Gòn. Khi địch tăng viện tiểu đoàn 243 và 36 khẩu pháo giải vây cho khu vực Ông Quế, Sông Nhạn, thì đại đội 201A cùng du kích Tân Phong đánh chặn, diệt 36 tên, thu 1 đại liên, phá hủy 3 khẩu pháo, thu 42 súng.

Tháng 9/1974, đại đội 201A và du kích Tân Phong phối hợp đánh trung đội biệt kích 70, trung đội 41, diệt 13 tên, bắt sống 2 tên, thu 12 súng.

Tháng 2/1975, ta tiếp tục tấn công tua 61, đồn Hàng Gòn, buộc địch tháo chạy. Ta làm chủ lộ 56, Ông Quế đến đồi 6, sau đó phối hợp với bộ đội chủ lực đánh tiểu đoàn chi viện cho chi khu Tân Phong, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Ngày 19/4/1975, du kích Tân Phong cùng Đại đội 201A huyện và sư đoàn 7 đánh địch rút chạy trên quốc lộ 56. Suốt 24 giờ chiến đấu ta phá vỡ toàn bộ lực lượng địch, địch tháo chạy tán loạn.

Qua 12 ngày đêm chiến đấu ngoan cường với kẻ thù, quân dân Xuân Tân cùng lực lượng quân khu 7, Tỉnh đội Bà Rịa - Long Khánh và lực lượng vũ trang địa phương đã đập tan tuyến phòng thủ

Xuân Lộc, mở đường tiến về giải phóng Sài Gòn ngày 30/4/1975.

Tổng quan trong kháng chiến chống Mỹ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Xuân Tân đánh phối hợp 19 trận, 102 trận độc lập tác chiến, diệt 151 lính chế độ Sài Gòn, 152 lính Mỹ, thu 229 súng các loại, phá hủy 34 pháo 105 ly, 34 máy bay, trên 150 xe cơ giới, bắt sống 21 tên, bứt rút 2 đồn, phá rã 3 trung đội địch, 2 toán phòng vệ dân sự, giết 18 ác ôn, 43 lần đấu tranh chính trị, 18 lần binh vận cảm hóa 89 binh sĩ lầm đường, giao nộp 31 súng ủng hộ cách mạng.

Trong 2 cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, xã Xuân Tân có 112 người tham gia cách mạng, 68 người đã hy sinh, 2 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Với những thành tích trên, năm 1998, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Xuân Tân được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Xuân Lập

Xuân Lập<sup>(1)</sup> là xã mới được định danh thuộc thị xã Long Khánh sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, với địa giới bao gồm các xã Tân Lập, An Lộc và một phần của xã Dầu Giây trước đây.

Diện tích tự nhiên của xã khoảng 8.400 hécta, phía Bắc của xã Xuân Lập giáp xã Xuân Bình, phía Nam giáp xã Xuân Đường và xã Xuân Tân, phía Đông giáp thị trấn Xuân Lộc và phía Tây giáp xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất. Xuân Lập là vùng đất đỏ bazan, khí hậu ôn hòa, cách Thành phố Hồ Chí Minh 70km và thành phố Biên Hòa 40km về phía Đông Bắc.

Xã Xuân Lập là đầu mối giao thông nối liền hệ thống giao thông quan trọng: như tuyến đường sắt, quốc lộ 1, quốc lộ 20. Xã là 1 trong những địa bàn có đông lực lượng và là chiến trường tiêu diệt địch, nơi đây là mảnh đất có thể đánh, lùi có thể giữ, là hành lang giao thông tiếp nhận cho Nam Bộ. Xã còn là hành lang chiến lược, rất thuận lợi trong giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội và địa bàn có ý nghĩa chiến lược về kinh tế - quốc phòng trong công cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Năm 1945, dân số xã Xuân Lập có trên 5 ngàn người, đa phần là công nhân cao su, chiếm tỷ lệ gần 20% của toàn quận Xuân Lộc

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Thị ủy Long Khánh.



lúc bấy giờ. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, dân số ở đây giảm đi một ít, hàng trăm thanh niên trai tráng thoát ly tham gia bộ đội, một số gia đình công nhân vào vùng kháng chiến, đồng bào dân tộc cũng dời sâu vào các khu căn cứ. Đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, dân cư ngày một tăng lên. Nhân dân xã Xuân Lập có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường bất khuất, trong bất cứ hoàn cảnh nào, vào các thời điểm ác liệt nhất của các cuộc chiến tranh, nhân dân xã vẫn phát huy truyền thống quý báu: “Đảng tin dân, dân tin Đảng”.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7/1945, các tiểu tổ Việt Minh - tổ chức thanh niên Tiên Phong do Đảng bí mật lãnh đạo được xây dựng ở An Lộc và Tân Lập. Các đồng chí Trần Văn Kiều, Lê Văn Rô, Lê Ưu, Lê Sắc Nghi... là cán bộ chủ chốt của phong trào. Các đội vũ trang tự vệ, du kích ở Dầu Giây, Tân Lập, Suối Tre, Núi Tung, Núi Đỏ được củng cố, sẵn sàng lên đường chiến đấu với quân thù. Các hội đoàn kháng chiến ở xã như: thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, Hội mẹ chiến sĩ trong xã ngày càng lớn mạnh, nhân dân một lòng một dạ sắc son theo Đảng. Lực lượng quân sự của trên có các đơn vị bộ đội Nam tiến, bộ đội miền Đông thường xuyên phối hợp với lực lượng địa phương tổ chức đánh địch.

Lúc này, lực lượng địch đông, vũ khí trang bị hiện đại hơn ta. Sau khi chiếm lại Tân Lập, An Lộc, tiến đến đâu chúng chốt quân dựng đồn bốt đến đó, tập hợp bọn tay sai phản động, lập các ban hội tề thống trị bóc lột nhân dân. Tuy vậy địch cũng có rất nhiều điểm yếu như: cuộc chiến tranh phi nghĩa không được nhân dân thế giới ủng hộ, tinh thần hoang mang dao động... ta triệt để khai thác các điểm yếu này để đánh địch.

Về đấu tranh quân sự, ngày 30/10/1945, một tiểu đoàn Pháp có cả xe tăng, máy bay, đại bác đánh chiếm Tân Lập - An Lộc - Cáp Rang - Suối Tre... bộ đội vệ quốc đoàn, bộ đội Nam tiến, lực lượng tự vệ địa phương đã phục kích đánh địch quyết liệt, tiêu diệt gần

100 tên, thu 58 súng các loại, bị tổn thất nặng nề giặc Pháp phải rút quân về Trảng Bom. Thắng lợi này làm nức lòng bộ đội và nhân dân các xã quanh vùng.

Ngày 18/12/1946, du kích xã Xuân Lập với vũ khí bằng dao, gậy gộc đã táo bạo phục kích ở Bàu Hàm diệt 10 tên lính ngự, thu 10 súng.

Ngày 14/3/1946, bộ đội phối hợp với du kích - tự vệ cải trang thành lính Pháp đi tuần rồi bất ngờ tập kích vào đồn Tân Lập, ta diệt 1 trung đội lính của chế độ Sài Gòn, phá đồn thu hồi 28 súng.

Phong trào diệt ác để hạn chế sự lộng hành của các tên ác ôn được phát triển, điển hình vào đêm 1/1/1947 ta tổ chức diệt tên Ách Chi Ê, ngày 7/6/1947 phục kích diệt tên Piebatit, ngày 1/9/1948 du kích đột nhập diệt tên sếp Lui ở làng 97...

Mũi đầu tranh chính trị và binh vận thường xuyên kết hợp với quân sự tiến hành 3 mũi giáp công tạo nên sức mạnh tổng hợp trong các trận đánh địch. Ngày 19/8/1947 nhân dân, công nhân ở ấp 97 - Cáp Rang - Tân Lập - An Lộc tổ chức xuống đường biểu tình đưa yêu sách cho bọn chủ Tây đòi tăng lương, bớt giờ làm, đồng thời treo cờ Tổ quốc, băng rôn, biểu ngữ ủng hộ kháng chiến. Bọn địch hoảng sợ phải chấp nhận yêu sách.

Tháng 2/1948, hàng ngàn công nhân, nhân dân xuống đường đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Qua công tác binh vận, ta xây dựng được 94 cơ sở nội tuyến để phục vụ cho công tác binh địch vận. Trong 2 năm 1951-1952, ta vận động được 124 binh lính trở về với chính nghĩa, một số tham gia bộ đội, du kích. Ngày 25/2/1950, nhờ cơ sở binh vận mật báo, ta đã tập kích đồn Tân Lập diệt gọn đồn.

Tóm lại, trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp 1945-1954, nhân dân xã Xuân Lập đoàn kết một lòng, kiên trì kháng chiến. Người dân gom góp hàng trăm tấn gạo, thực phẩm rồi vận chuyển ra rừng nuôi bộ đội. Lực lượng vũ trang địa phương đã độc lập, phối hợp với lực lượng trên tổ chức đánh 52 trận lớn, nhỏ diệt 198 tên, thu 164 súng các loại, làm rã ngũ 102 binh lính địch, diệt ác 19 tên, tổ chức 6

lượt đấu tranh chính trị, phối hợp với quân sự, binh vận.

Phát huy truyền thống 9 năm kháng chiến chống Pháp, nối bước thế hệ cha anh tham gia thời kỳ tiền khởi nghĩa, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Xuân Lập tiếp tục chiến đấu và phục vụ chiến đấu lập nhiều thành tích xuất sắc to lớn.

Gắn với việc bảo vệ quyền lợi của mình ở các đồn điền cao su, đế quốc Mỹ coi Xuân Lập là 1 trong những vùng chiến lược quân sự nên tập trung xây dựng các tổ chức đảng phái phản động ở địa phương, tổ chức lực lượng bảo an đoàn, tiến hành xây dựng các lực lượng thanh niên chiến đấu, dân vệ, cảnh sát là phát triển rộng khắp mạng lưới mật vụ trong xã, ấp, lập hệ thống đồn bót dày đặc cắm sâu trong các vùng căn cứ kháng chiến. Trong đó, địch tiếp tục đóng chốt ở đồi Ship, núi Đầu Tây, đồi Núi Thị... các cao điểm hết sức quan trọng, có vị trí chiến lược địch dùng để quan sát và bắn phía ta. Ngoài ra lữ đoàn 199 Mỹ, trung đoàn II thiết giáp Mỹ, sư đoàn 18 bộ binh của chế độ quân đội Sài Gòn thường xuyên tổ chức các cuộc càn quét, bắn phá vào căn cứ ta, gây cho nhiều tổn thất cho cách mạng.

Thời kỳ này, xã Xuân Lập có Nông trường cao su An Lộc, là nơi có phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh của công nhân cao su mạnh mẽ nhất miền Nam Trung Bộ, là địa bàn có nhiều căn cứ kháng chiến, các đơn vị đứng chân của Huyện Cao Su, lực lượng của trên như E3, Q4, D6 đặc công... thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương tổ chức các đợt truy quét đánh địch.

Tổ chức Đảng ở Xuân Lập được củng cố vào năm 1945 để lãnh đạo nhân dân đấu tranh đánh địch. Lực lượng vũ trang địa phương ban đầu chỉ có 1-2 tổ, sau này phát triển thành các đội để tổ chức đánh địch.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và lực lượng vũ trang xã Xuân Lập, công nhân cao su ST bắt đầu phát triển từ cuối

năm 1954, đầu năm 1955. Tỉnh ủy Biên Hòa, Huyện ủy Xuân Lộc đã về An Lộc - Tân Lập hoạt động lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Chỉ trong thời gian ngắn, các chi bộ vùng đồn điền Tân Lập - An Lộc đều được tổ chức trở lại.

Từ tháng 7/1956, Ngô Đình Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp dã man nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng với ý đồ thâm độc “Thà bắt lầm, giết lầm còn hơn bỏ sót”, nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên sa vào tay giặc bị bắt bớ, tù đày, mạng lưới tổ chức cách mạng trong xã bị tổn thất nghiêm trọng.

Đến cuối năm 1961, xã Tân Lập thành lập đội vũ trang tuyên truyền gồm 3 đồng chí. Trong đó, ở ấp Bàu Sen đồng chí Bùi Đức Phụ, cán bộ của huyện Xuân Lộc, xây dựng một số cơ sở, các anh Nghĩa (Bự), anh Thọ tổ chức được 1 tổ tự vệ. Ở ấp Tân Thủy, gia đình bà Sĩ Sắc Múi là cơ sở cách mạng nòng cốt ở khu vực này. Phong trào cách mạng ở An Lộc - Tân Lập hồi phục nhanh chóng, nhân dân đã nối lại được liên lạc với Đảng, phong trào cách mạng từng bước được khơi dậy, những tổn thất hy sinh cũng không làm cho nhân dân Tân Lập - An Lộc chùn bước, sắt son một lòng theo Đảng đến cùng, sẵn sàng lao vào cuộc chiến đấu mới, quyết vùng dậy diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ quê hương.

Đến năm 1963, địch cơ bản hoàn thành địch bắt đầu xúc tiến việc gom dân lập vào các ấp chiến lược như: Phú Mỹ, Tân Thủy, Suối Hôn, Bàu Sen, Núi Tung, Núi Đỏ...

Quyết tâm phá ấp chiến lược của giặc, mở thế phong trào đấu tranh cho quần chúng, mở đầu phong trào phá ấp chiến lược ở xã Xuân Lập là trận đánh vào ấp chiến lược Bàu Sen, Bàu Sao vào năm 1963. Tự vệ mật ấp Suối Tre diệt tên Thị Bưởi, một tay sai hoạt động đắc lực trong tổ chức “Thanh niên Cộng hòa”. Tháng 3/1963 đội công tác cao su do đồng chí Ba Hồng Tâm phụ trách phối hợp với lực lượng du kích xã Tân Lập tổ chức tiêu diệt tên Danh trưởng ấp ác ôn ở Cáp Rang. Cũng trong năm 1963, được cơ sở binh vận báo cho tình hình bọn tề ấp chiến lược Hưng Nghĩa

kéo nhau đi xem hát, đội vũ trang phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh đưa 2 tiểu đội bí mật cắt rào trong ấp đến 22 giờ. Các chiến sĩ đồng loạt hành động bắt sống 13 tề ấp, 2 tên gác cổng thu 12 súng. Về sau địch bỏ luôn ấp này.

Những hoạt động của ta ở Tân Lập - An Lộc trong những cuối năm 1963 đã làm cho bọn tề địa phương lo sợ, lực lượng dân vệ ban đêm co cụm lại. Một số chân tay không dám lộ hành như trước. Thực lực trong 2 xã ngày càng được củng cố và phát triển, ở Suối Tre ta đã có Chi bộ A (ở bên ngoài) và Chi bộ B (ở bên trong), Chi bộ An Lộc cũng được tổ chức, ở Núi Đỏ có đảng viên đơn tuyến hoạt động. Từ năm 1965, Ban Cán sự Sách Xông H97 được thành lập do đồng chí Sáu Mai làm Bí thư và đồng chí Lê Hữu làm Xã đội trưởng.

Tháng 10/1964, thực hiện theo chủ trương của trên, công nhân cao su đồn điền An Lộc tích cực chuẩn bị công tác hậu cần cho chiến dịch Bình Giã hàng tấn gạo, thuốc men và các vật dụng khác, bí mật chuyển ra căn cứ góp phần vào sự thắng lợi của chiến dịch, đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ và chế độ Sài Gòn.

Ngày 14/12/1965 lực lượng du kích xã do đồng chí Hai Thanh trực tiếp chỉ huy kết hợp với đội tự vệ mật bên trong đột nhập vào ấp Suối Tre bắt 3 lính nghĩa quân, giải tán đội phòng vệ dân sự, thu 10 súng các loại.

Sáng sớm 18/7/1965, đội công tác huyện cao su do đồng chí Tư Trung chỉ huy kết hợp với du kích xã Tân Lập bất ngờ đột kích ấp Trần Hưng Đạo bắt gọn tề ấp, thu 2 súng cac-bin, 1 thùng đạn, 1 máy truyền tin, đồng thời vận động một số binh lính về với nhân dân. Từ giữa năm 1965-1966, lực lượng vũ trang trong các xã Suối Tre, Sách Xông H-97 nhiều lần đột nhập vào các ấp Suối Tre, Núi Tung, Cáp Rang... để diệt nhiều tên ác ôn như đội Thiện, đội Thi, tên Trọng Ích, tên Lễ trưởng ấp...

Tháng 8/1966, đội vũ trang Cao Su do đồng chí Ba Hồng Tâm,

Tư Đường chỉ huy kết hợp với du kích áp chiến lược Trần Hưng Đạo tấn công địch thu 15 súng.

Đến ngày 16/11/1966 du kích xã Tân Lập phục vụ dẫn đường đội đặc công huyện Xuân Lộc là 1 tiểu đoàn pháo binh sư 5, tập kích đánh phủ đầu bọn lính Mỹ ở căn cứ Suối Râm, diệt hơn 100 tên lính Mỹ, phá hủy nhiều xe tăng thiết giáp. Trận đánh thắng lợi lớn này làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ nhân dân toàn tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

Năm 1967, Chi bộ xã Tân Lập được tăng cường thêm các đồng chí Tư Tô, Chín Mão... Đồng chí Bùi Đức Phụ làm Bí thư liên xã Tân Lập - An Lộc. Trong 2 năm 1966-1967, phong trào cách mạng ở xã vẫn phát triển, thanh niên tham gia kháng chiến ngày càng đông, phong trào Hũ gạo nuôi quân, tiền ủng hộ kháng chiến vẫn được chuyển ra rừng nuôi cán bộ, bộ đội, du kích.

Trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, cán bộ chiến sĩ đội vũ trang An Lộc - Tân Lập nỗ lực tiến công các đồn bót địch ở xã Suối Tre, Bàu Sen, Tân Thủy... Quần chúng nhân dân hoàn toàn làm chủ xã, ấp. Đêm 19/5/1968 vào đợt 2 của chiến dịch, du kích An Lộc tiến công đồn Sira ở Suối Tre do bọn bảo an đóng giữ giết 5 tên, thu 5 súng.

Sau Tết Mậu Thân 1968, Mỹ và chế độ Sài Gòn chuyển hướng chiến tranh, đánh phá liên tục vào các căn cứ của xã. Cuộc đọ sức giữa ta và địch diễn ra vô cùng gay go ác liệt. Lực lượng ta tuy có tiêu hao mất mát, song đầu năm 1969 các chi bộ xã được củng cố. Tháng 3/1969, du kích xã kết hợp với đội vũ trang Cao Su đánh, chiếm hội đồng xã Tân Lập, diệt 4 tên lính bảo an. Tháng 5/1969, một đại đội đơn vị E33 phối hợp với du kích xã Tân Lập đánh chiếm ấp Phú Mỹ, ta làm chủ ấp suốt đêm, hỗ trợ cho mũi đấu tranh chính trị du kích xã An Lộc tổ chức nhiều trận diệt ác.

Tháng 5/1970 được cơ sở phục vụ tin tức, đồng chí xã đội trưởng Ba Châu cùng một số đồng chí khác cải trang làm lính biệt động quân, táo bạo đột nhập ấp Suối Tre diệt tên Nhứt xã trưởng

An Lộc và 5 lính bảo an, thu 5 súng.

Sáng 15/5/1970, một tiểu đoàn quân Mỹ thuộc Lữ đoàn 199 đổ quân càn quét khu vực Bàu Sao, Suối Hôn, các đồng chí trong Đảng ủy Huyện Cao Su cùng 1 tiểu đội đặc công và du kích tham gia chiến đấu, kết quả 40 tên lính Mỹ bị diệt tại chỗ.

Tháng 7/1970, tiểu đoàn 6 đặc công phối hợp với du kích xã tập kích các trường huấn luyện biệt kích ở Núi Thị diệt hơn 100 tên địch, phá hủy 5 xe tăng, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng.

Tháng 11/1970, được cơ sở phục vụ tin tức, du kích xã phối hợp với 1 tiểu đội đặc công tổ chức đánh đồn Suối Tre, ta diệt và làm bị thương hoàn toàn 1 trung đội lính bảo an ở đây.

Đêm 2/10/1971, du kích ấp Suối Tre tổ chức phục kích bọn lính bảo an đi tuần diệt 4 tên, thu 4 súng. Tháng 12/1971 được sự hỗ trợ của bộ đội trung đoàn 4, du kích xã Tân Lập và tự vệ xã diệt 34 tên địch và bắn cháy 3 xe tăng. Với các trận đánh địch, diệt ác, phá kềm trong năm 1970-1971, xã Tân Lập được Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, chế độ Sài Gòn lập tức phá hoại, vạch kế hoạch bình định lần chiếm lãnh thổ. Tại xã Tân Lập - An Lộc, chúng thực hiện kế hoạch càn quét lần chiếm ở bên ngoài đồng thời phân loại đối tượng, thẳng tay đàn áp phong trào chính trị bên trong.

Về phía ta, đầu năm 1973, các chi bộ xã Tân Lập - An Lộc đều được kiện toàn tổ chức, cán bộ và nhân dân trong xã khẩn trương chuẩn bị xuống đường cầm cờ, giữa đất, giữ dân. Khi Hiệp định Paris ký kết, ta tiếp tục thực hiện chủ trương kết hợp chặt chẽ 3 mũi đấu tranh: vũ trang, chính trị, binh vận ngăn chặn các hoạt động phá hoại của địch.

Ngày 20/1/1973, ở ấp Suối Tre, cuộc chiến đấu, tranh chấp vùng kiểm soát giữa ta và địch diễn ra quyết liệt, bọn lính tổ chức lực lượng dập tắt các loa truyền thanh binh vận của ta. Du

kích xã kiên quyết trừng trị đích đáng, nổ súng diệt 1 tên làm bị thương 2 tên.

Tháng 7/1973, du kích xã phối hợp với 1 tiểu đội đặc công đánh đồn dân vệ xã Xuân Lập, diệt 3 tên. Tiếp đó, được cơ sở phục vụ tình hình, du kích xã diệt một số tay sai ác ôn để hạn chế sự lộng hành của chúng, phong trào đấu tranh với địch bùng ra ngoài sản xuất. Dựa vào pháp lý của Hiệp định, bà con đấu tranh với địch bùng ra ngoài sản xuất, công tác binh vận cũng được đẩy mạnh, bà con các ấp Suối Tre, Tân Thủy - Phú Mỹ, vận động được hàng chục lính bảo an, dân vệ bỏ ngũ trốn về với gia đình.

Trong 2 năm 1973-1974, phong trào cách mạng ở xã phát triển khá toàn diện, các tổ chức cách mạng, mạng lưới cơ sở được xây dựng hầu hết trong xã, thể làm chủ ngày càng mở rộng, nhân dân tích cực ủng hộ đóng góp sức người, sức của ủng hộ kháng chiến ngày càng nhiều.

Ngày 9/4/1975, chiến dịch tấn công tuyến phòng thủ của địch ở thị xã Long Khánh, cánh cửa thép phía Đông Bắc Sài Gòn, bắt đầu. Hợp đồng với giờ phút lịch sử này, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Xuân Tân phối hợp với bộ đội chủ lực bắt đầu nổ súng tiến công các đồn bót, các cụm quân địch đóng trên địa bàn xã, nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng địa bàn là cản, kéo, chia cách địch, dẫn đường cho bộ đội, phục vụ chiến đấu.

Ở hướng Tây áp Trần Hưng Đạo, được du kích dẫn đường, từ ngày 10/4/1975 bộ đội sư đoàn 6 nổ súng tấn công diệt 2 đại hội thuộc chiến đoàn 52 của chế độ Sài Gòn, bắn cháy 1 số xe bọc thép - Trung tâm An Lộc. Lực lượng du kích xã vẫn bám chắc địa bàn, cùng bộ đội địa phương huyện bao vây cầm chân địch, cản bộ xã, cơ sở bên trong vận động quần chúng nổi dậy làm chủ ấp. Công nhân cao su bám nhà máy và các cơ xưởng của đồn điền, không để cho địch phá hoại, bọn địch ở Núi Thị - Phú Mỹ- Bàu Sen và trung tâm An Lộc vẫn ngoan cố chống trả quyết liệt, lực lượng chủ lực địa phương vừa đánh vừa làm công tác binh vận,



làm sa sút tinh thần binh lính, nhiều đơn vị tan rã nhanh chóng, ta vận động hàng trăm binh lính, dân vệ đào rã ngũ.

Sáng 20/4/1975, chốt địch cuối cùng ở Núi Thị bị lực lượng chủ lực ta tiêu diệt. Toàn quân địch ở các ấp đều bỏ chạy tán loạn, các ấp Suối Tre, Phú Mỹ, Bàu Sen, Cáp Rang, Trung Tâm, Tân Thủy đều được giải phóng. Ngày 21/4/1975, Xuân Lộc hoàn toàn giải phóng, cánh cửa thép phía Đông Bắc Sài Gòn đã mở toang, nhân dân Tân Lập, An Lộc khắp khởi mừng quê hương sạch bóng quân thù.

Về đấu tranh chính trị và binh vận, thực hiện chủ trương của Đảng, các chi bộ tập trung lãnh đạo công nhân đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đòi địch thi hành các điều khoản của Hiệp định Genève. Trong thời điểm từ đầu năm 1955-1957, phong trào đấu tranh của nhân dân, công nhân cao su An Lộc sôi động nhất trong toàn miền Đông Nam Bộ. Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh diễn ra ngày 25/11/1954, ngày 1/5/1955 và ngày 7/7/1956 đòi dân sinh dân chủ, đòi Mỹ Diệm thi hành Hiệp định Genève. Các cuộc đấu tranh này ta đã giành lấy những thắng lợi nhất định.

Cùng với mũi đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Tân Lập - An Lộc được đẩy mạnh, hàng trăm đồng bào chia làm nhiều nhóm, nhiều đợt tổ chức thành đoàn kéo lên đồn địch, ra thị xã Long Khánh đấu tranh đòi chúng để cho bà con ra rẫy sản xuất, không được bắn pháo bừa bãi vào nhân dân.

Phối hợp với 2 mũi đấu tranh quân sự - chính trị, mũi binh địch vận cũng thu nhiều kết quả, chủ trương của Đảng là phối hợp chặt chẽ với 3 mũi giáp công vừa đấu tranh với địch vừa tuyên truyền tin chiến thắng. Mặt khác các chị nữ thanh niên thường xuyên khéo léo tác động tinh thần binh lính địch, một số anh em binh sĩ của chế độ Sài Gòn đã giác ngộ xin tình nguyện mang súng ra rừng tham gia kháng chiến. Má Đào Thị Tân ở Núi Đỏ cảm hóa được 1 trung sĩ và 2 lính bảo an bỏ ngũ về với gia đình, má Lê Thị Diệp ở Suối Tre vận động được 20 dân vệ cầm súng về với nhân

dân. Trong những năm 1966-1967, ta vận động được gần 100 binh sĩ, dân vệ về với nhân dân.

Tháng 9/1969, đồng chí Phó ban Binh vận tỉnh Nguyễn Trọng Vỹ cùng đồng chí Ba Nhân kết hợp cùng bộ đội huyện do đồng chí Ba Hồng Tâm chỉ huy, du kích xã Xuân Lập đánh chiếm đồn dân vệ Tân Thủy thu toàn bộ vũ khí và bắt tề, áp xã. Bà Ba Tân Thủy có nhiều công lao trong việc nuôi dưỡng, tiếp tế lương thực cho ta, con bà là cơ sở nội tuyến của ta để diệt đồn này.

Phong trào đấu tranh chính trị diễn ra thường xuyên trong các ấp, xã. Từ giữa năm 1970, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, một phong trào chính trị được đẩy lên ở 2 xã, công nhân đấu tranh đòi cấp 700 gram gạo/ngày, nông dân đòi tề nguy được ra rẫy sản xuất hoa màu, các mẹ, các chị còn làm đơn kéo lên Hội đồng tỉnh Long Khánh đòi được tự do đi lại mua bán thực phẩm, gạo... Dù khó khăn gian khổ, nhân dân một lòng một dạ theo Đảng đến cùng, bà con mang cơm nén thật chặt trong các lon guygo để tiếp tế cho bộ đội, du kích. Nhiều má cùng với cơ sở khác giả dạng người đi xúc hén, mò cua... bên ngoài khoác áo mưa, bên trong giấu gạo, thuốc men tiếp tế cho bộ đội, du kích.

Công tác binh vận và chính trị từ năm 1973-1975 được đẩy mạnh phát triển, mùa khô năm 1975 bộ đội và du kích xã bằng 3 giáp công kết hợp tiến công địch ở nhiều nơi làm hoang mang sa sút tinh thần binh lính địch, nhiều đơn vị tan rã, góp phần giành thắng lợi trong đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Tóm lại, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Xuân Lập đã độc lập, phối hợp với chủ lực miền, tinh đánh trên 20 trận lớn và trên 150 trận nhỏ, bắt sống 150 tên tại chỗ, thu hồi hơn 300 súng, diệt 2 xe jeep Mỹ và bắn rơi trực thăng, cùng với lực lượng chủ lực loại khỏi vòng chiến đấu 644 tên địch, thu 98 súng, diệt 5 xe thiết giáp, làm rã ngũ hàng trăm binh lính trở về với chính nghĩa, đoàn tụ với gia đình, diệt ác 32 tên, trong đó gồm những tên xã trưởng ác ôn, tình

báo nguy, tổ chức 16 lần đầu tranh chính trị kết hợp với công tác binh vận và quân sự,

Trong suốt 21 năm chống Mỹ cứu nước, mảnh đất Tân Lập, An Lộc ngày trước, xã Xuân Lập ngày nay có 67 liệt sĩ, 2.924 người tham gia kháng chiến tại chỗ, tổng quân thoát ly tham gia cách mạng chống Mỹ 124 người, tiếp tế 198 tấn gạo phục vụ kháng chiến, ngoài ra còn cung cấp nhiều thực phẩm thuốc men.

Với những thành tích trong 2 cuộc kháng chiến vệ quốc, xã Xuân Lập được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 2 Huân chương Chiến công hạng Ba, Huân chương Lao động, 3 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba. Toàn xã có trên 150 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ - chống Pháp hạng Nhất, Nhì, Ba của cá nhân; trên 100 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba của cá nhân, trên 50 Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba của cá nhân; trên 300 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 6 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (kể cả Suối Tre)<sup>(2)</sup>...

Đặc biệt, vào năm 1998, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Xuân Lập thị xã Long Khánh được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

---

(2) Số liệu do thị xã Long Khánh cung cấp vào năm 1996.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tà Lại

Tà Lại<sup>(1)</sup> là xã vùng sâu, vùng xa của huyện Tân Phú, nằm cách trung tâm huyện khoảng 17km, có diện tích tự nhiên là 2791,30 ha; phía Đông giáp xã Phú Lập và xã Núi Tượng, phía Tây giáp Lâm trường La Ngà, phía Nam giáp xã Phú Thịnh và phía Bắc giáp Vườn quốc gia Cát Tiên; đất nông nghiệp đạt 87% tổng diện tích đất; 90% dân số xã sản xuất nông nghiệp; có 1.938 hộ dân với 7.409 khẩu. Địa bàn được phân thành 5 ấp (ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4 và ấp 5); có 12 dân tộc anh em sinh sống với hơn 31% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số (trong đó có 2 dân tộc bản địa là Châu Mạ và S'tiêng với 357 hộ, 1.227 khẩu).

Xã Tà Lại được thành lập sau khi tách ra từ xã Phú Lập vào ngày 1 tháng 9 năm 1994, được chia làm 07 ấp nằm dọc theo hai bên hương lộ Tà Lại. Đảng bộ và nhân dân xã Tà Lại được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu là tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 22/8/1998.

Bia tưởng niệm nhà ngục Tà Lại được gắn liền với địa danh của xã, là một di tích được UBND huyện Tân Phú xây dựng vào năm 2000, là nơi để ghi nhớ công ơn của các chiến sĩ cách mạng lão thành như: đồng chí Trần Văn Giàu, đồng chí Tô Ký, đồng chí Dương

---

(1) Nguồn: Đảng ủy xã Tà Lại, do Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tân Phú cung cấp.

Quang Đông, đồng thời cũng để ghi nhận những đóng góp của bà con dân tộc Châu Mạ, S'tiêng trong hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bia ghi dấu sự kiện vượt ngục Tà Lài, là một công trình kiến trúc độc đáo, phản ánh truyền thống đấu tranh hào hùng của quân dân Đồng Nai nói riêng, Nam bộ nói chung dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là “địa chỉ đỏ” góp phần trong việc tuyên truyền, giáo dục về tinh thần yêu nước có ý nghĩa thiết thực đối với người dân, đặc biệt với thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thời kỳ Pháp thuộc (cuối thế kỷ XIX), thực dân Pháp cho mở tuyến đường 323, từ km 125 (quốc lộ 20) vào Tà Lài, Lý Lịch, Bù Cháp đến Đồng Xoài và đặt tên là đường 323, nhằm thực hiện chính sách cai trị vùng đồng bào Thượng và khai thác tài nguyên rừng. Sau Nam Kỳ khởi nghĩa (23/11/1940), thực dân Pháp cho xây dựng khu rừng núi Tà lài thành một nhà tù lớn (Căng Tà Lài) để giam cầm những người đảng viên cộng sản, người yêu nước. Tháng 3/1941, đồng bào dân tộc Chơ-ro Tà Lài đã giúp đỡ, tạo điều kiện phương tiện giúp đồng chí Dương Quang Đông, Trần Văn Giàu, Tô Ký... vượt ngục Tà Lài trở về Sài Gòn hoạt động, xây dựng cơ sở, khôi phục phong trào cách mạng chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám thành công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng bào Bù Cháp cùng với đồng bào dân tộc thiểu số ở Võ Đông, Lý Lịch đều bất hợp tác với giặc. Đồng bào tham gia phong trào “phá hoại để kháng chiến”, thoát ly tham gia bộ đội, du kích, về rừng căn cứ xây dựng làng xã chiến đấu, tiếp tế ủng hộ nuôi quân. Đặc biệt, trong đồng bào dân tộc S'tiêng ở Bù Cháp đã xây dựng được chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo đồng bào kháng chiến, chi bộ lúc đầu thành lập có đồng chí K'Lu. Nhiều đồng bào dân tộc S'tiêng đã trở thành chiến sĩ trinh sát dũng cảm của tiểu đoàn vận tải chiến lược 320 (thuộc Phân liên khu miền Đông). Cùng với đồng bào dân tộc ở Võ Đông, Lý Lịch và công nhân cao su đồn điền Túc Trung, đồng bào S'tiêng, Bù Cháp đã góp nhiều lương thực, tạo điều kiện để chi

đội 10 Biên Hoà chuyển quân bí mật từ chiến khu Đ về quốc lộ 20 làm nên chiến thắng La Ngà vang dội (ngày 01/3/1948) “Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”. Đó cũng là nỗi ám ảnh lo sợ của chính quyền Sài Gòn. Chính vì thế, ngay thời kỳ đầu chống Mỹ, địch đã tổ chức nhiều chiến dịch, nhiều cuộc hành quân càn quét vào Mã Đà, vùng Bù Cháp, Lý Lịch để truy lùng lực lượng cách mạng, phá sản xuất của ta. Đồng bào dân tộc Bù Cháp, Tà Lài trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng luôn bám rừng, bám cách mạng, đói, no cùng cán bộ, chiến sĩ, vừa chiến đấu, vừa phục vụ chiến đấu (trong 30 năm kháng chiến đồng bào S’tiêng có 16 đảng viên, 2 huyện uỷ viên, 4 liệt sĩ, 2 dũng sĩ diệt Mỹ. Năm 1976 xã Bù Cháp được Quốc hội tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Nhì).

Cuộc sống mới bắt đầu từ cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại lan toả khắp xóm, ấp, buôn, sóc của đồng bào Thượng ở ẩn trong thung sâu, tắt tắt đều tung bừng phấn khởi một bầu không khí mới “độc lập và tự do”. Ủy ban nhân dân cách mạng xã, các tổ chức Mặt trận và đoàn thể được thành lập hồi hả bắt tay vào xây dựng xã hội mới. Tổ chức thanh niên Tiên Phong biến thành tổ chức vũ trang cách mạng, các đội tự vệ chiến đấu ngày đêm luyện tập quân sự, tuần tra canh gác bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được.

Những ngày cuối tháng 8, đầu tháng 9/1945 trôi đi nhanh chóng. Nguy cơ một cuộc chiến tranh mới đang kéo đến gần. Và, tiếng súng gây hấn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp nổ ra ở Sài Gòn cùng với lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ như làn gió mới thổi về Bù Cháp, Tà Lài. Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch và Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, đồng bào dân tộc ở Bù Cháp náo nức chuẩn bị kháng chiến, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến là Prai; Điều Khuynh làm Phó chủ tịch; K’Tiêng, K’Lư, K’Rét, K’Liêng, K’Coong, K’Lưót, K’Loa, K’Tàng... là những đội viên cốt cán trong 2 đội tự vệ mang tên Đaklắc và Kakba.

Trong kháng chiến, nhà đồng chí K’Lư, K’Ba ở Bù Cháp là nơi tập kết lương thực, thực phẩm để lực lượng trên về lấy. Được sự giúp

đỡ của trung đội 4, trung đội 6, du kích Bù Cháp trưởng thành rõ rệt, nhiều lần độc lập tác chiến thu kết quả tốt. Tiểu đội Đaklắc Bù Cháp chặn đánh một cuộc càn quét của địch từ Tà Lại xuống diệt 1 tên Pháp, 1 tên lính nguỵ, thu 2 súng (trận chống càn kéo dài từ 7 giờ sáng đến 11 giờ trưa một ngày cuối năm 1946).

Sau thất bại trong trận đánh phục kích giao thông La Ngà (1/3/1948), cay cú phục thù, quân Pháp điên cuồng mở cuộc phản kích vào chiến khu Đ và các khu vực chúng phán đoán còn lực lượng của ta đang ẩn nấp. Sáng 5/3, Pháp dùng máy bay đổ quân xuống Bù Cháp, để truy kích đường rút lui của quân ta. Bọn này điên cuồng lùng sục khắp các khu vực từ Bù Cháp xuống Lý Lịch. Không tìm được lực lượng vũ trang của ta, chúng ra sức bắn phá, thiêu đốt nhà cửa của đồng bào trong các buôn sóc. Du kích Bù Cháp cùng với du kích Lý Lịch đã gài bẫy đá và bắn tia bằng tên nả tẩm thuốc độc diệt 3 tên, làm bị thương 1 tên quan Pháp.

Năm 1948, Huyện uỷ cử cán bộ về trực tiếp giác ngộ, bồi dưỡng, và kết nạp cho những cốt cán tại cơ sở. Ngay trong năm 1948, đồng chí K'Lu, K'Tiêng, Điểu Khuynh ở Bù Cháp được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam và thành lập chi bộ riêng. Đó là những cán bộ, những du kích kiên trung một lòng một dạ đi theo Đảng và có những cống hiến xuất sắc trong nhiệm vụ làm nòng cốt, đầu tàu gương mẫu trong phong trào ở địa phương. Phong trào từng bước được phục hồi và phát triển trở lại, tháng 3/1949 du kích Bù Cháp đã tập kích bót Tà Lại diệt 2 lính, thu 3 khẩu súng trường.

Vào thời gian năm 1949 trở đi, cùng với các xã trong vùng kháng chiến, đồng bào Bù Cháp vừa xây dựng làng chiến đấu chống càn và bảo vệ căn cứ, vừa tích cực tăng gia sản xuất, góp phần xây dựng nền kinh tế vùng độc lập. Dọc theo bờ sông Đồng Nai ruộng rẫy trồng cây lương thực, cây hoa màu của đội, của cơ quan và của đồng bào trải xanh ngút ngát. Quân địch ra sức phá hoại sản xuất của chúng ta. Kết hợp cùng bộ đội, du kích Bù Cháp chia thành từng bộ phận đảm nhiệm các vùng chiến đấu, canh gác bảo vệ sản xuất, thu hoạch mùa

màng, đồng bào đã cắm chông, gài lựu đạn, chặt cây làm hàng rào không cho địch vào khu vực sản xuất.

Từ cuối năm 1951, Chiến khu Đ được xây dựng thành căn cứ của Nam Bộ. Đồng bào Bù Cháp giờ đây đảm nhiệm nhiệm vụ nặng nề hơn về xây dựng và bảo vệ căn cứ.

Ngay từ đầu năm 1951, quân Pháp liên tục tổ chức các cuộc càn quét quy mô lớn vào chiến khu Đ, chúng thường tổ chức lực lượng từ Quốc lộ 20 đánh tạt ngang qua sông Đồng Nai vào phía Đông chiến khu. Trong một trận chống càn ở Madagui đầu năm 1952, du kích Bù Cháp cùng bộ đội tiểu đoàn 303 tiêu diệt 2 xe tăng địch.

Tháng 5/1952, Bộ tư lệnh Phân liên khu miền Đông thành lập tiểu đoàn vận tải 320, làm nhiệm vụ chuyển tiếp hàng hoá chi viện cho Trung ương và khu 5 về chiến khu Đ, giữ vững đường dây liên lạc với Trung ương. Cùng với đồng bào Lý Lịch, Võ Đông, Định Quán đồng bào đã tham gia vận tải chuyển hàng từ La Gi, La Gòn, Hàm Tân, Xuyên Mộc, vượt qua Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, sông Đồng Nai về chiến khu Đ. Đường đi dài 200 - 300km xuyên qua rừng thẳm, sông sâu, nhiều thanh niên đồng bào quen lội rừng, qua suối, gùi hàng trên lưng vận tải rất xuất sắc. Nhiều đồng bào đã anh dũng ngã xuống trên tuyến đường vận tải do bị địch phục kích, bị mìn gài hoặc pháo cầm canh của địch và bị bệnh tật, đói rét. Nhưng các chuyến hàng vẫn được vận chuyển về đến nơi an toàn, đóng góp thầm lặng của họ đã tạo điều kiện cho tiểu đoàn 320 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ “tiếp máu” cho chiến trường Nam Bộ trong những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Tháng 10/1952, một trận lụt lớn chưa từng có ập đến miền Đông Nam Bộ. Trận lụt gây nên hậu quả nặng nề, tại Bù Cháp, nửa đêm nước sông Đồng Nai dâng lên đột ngột cuốn trôi toàn bộ nhà cửa, tài sản, trâu bò, hoa màu của đồng bào; có 27 người không chạy kịp bị cuốn phăng theo dòng nước xoáy. Sau lũ,



đồng bào cùng bộ đội sửa chữa, xây dựng lại nhà cửa ổn định nơi ở, mặt khác tích cực tìm củ mì còn sót lại, hái rau rừng, măng tre, đào củ chụp ăn thay cơm. Đồng bào Bù Cháp còn đi đào củ mài, củ chụp để nuôi bộ đội trong chiến khu, tổ chức trồng các loại cây lương thực ngắn ngày, cây hoa màu để chống đói và cảnh giác địch càn quét nhân lúc ta gặp khó khăn. Sau 3 tháng sản xuất và chiến đấu chống càn bảo vệ sản xuất, đến cuối 1952 đầu năm 1953, nạn đói đã được đẩy lùi. Bước sang 1953, thắng lợi liên tiếp của ta trên chiến trường Bắc Bộ, thượng Lào, Trung và Nam Bộ đã dẫn tới những thay đổi quan trọng về so sánh lực lượng giữa ta và địch. Do phải bị động rút quân ứng phó các chiến trường khác, lực lượng của địch co cụm lại. Chiến khu Đ ngày càng được mở rộng tới Tà Lài, tuyến đường vận tải thông suốt, bộ đội đi lại dễ dàng, đồng bào Bù Cháp, Tà Lài rất phấn khởi vui mừng.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã đưa cách mạng Việt Nam bước sang thời kỳ mới. Chiến tranh kết thúc, nhưng tình hình còn hết sức phức tạp, các đơn vị vũ trang phải tập kết chuyển quân ra miền Bắc. Cán bộ, đảng viên phải ở lại phải chuyển hình thức đấu tranh. Trong giai đoạn này, cán bộ xã đội Bù Cháp cùng với tổ công tác vũ trang tuyên truyền, bộ đội tinh đào hầm chôn cất vũ khí, tài liệu cẩn thận để phòng địch phá vỡ Hiệp định Genève. Đồng bào dân tộc thiểu số ở tản mác khắp nơi trong rừng nay được vận động về sống tập trung ở Bù Cháp.

Tháng 1/1955, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy, tỉnh Biên Hoà tách khỏi tỉnh Thủ Biên, Ban Cán sự Đảng Xuân Lộc được thành lập, phân công về các xã để móc nối với các đảng viên cũ thành lập chi bộ địa phương. Xã Bù Cháp và Lý Lịch được thành lập chi bộ gồm 3 đồng chí do đồng chí Ba Thiên làm Bí thư. Sang đầu năm 1956 các cơ sở chính trị trong quần chúng được xây dựng, hệ thống cơ sở trung kiên, nòng cốt như Má Ú Lon, K' Tiên ở

Bù Cháp.

Đầu năm 1957, theo chỉ thị của Xứ uỷ, khu vực Bù Cháp, vùng Chiến khu Đ trong kháng chiến chống Pháp giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong nhiệm vụ, đảm nhiệm chức năng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng hậu phương trực tiếp cho cuộc chiến đấu sắp tới. Quá trình xây dựng lực lượng vũ trang, đồng bào Bù Cháp đã đóng góp không nhỏ cho cách mạng trong cuộc chiến chống Mỹ - Diệm.

Từ sau Hiệp định Genève, một bộ phận anh em kháng chiến do đồng chí Chín Qui - một cán bộ quân sự am hiểu địa bàn rừng núi Chiến khu Đ - chỉ huy đã về Bù Cháp, Bàu Phụng, Lý Lịch... để tồn tại và tổ chức sản xuất chờ chỉ thị của trên. Đồng bào Bù Cháp đã tham gia giúp đỡ, che chở, hàng loạt gia đình được xây dựng trở thành cơ sở cách mạng, trở thành nơi nuôi dưỡng, che chở làm liên lạc cho các cơ quan kháng chiến và đơn vị bộ đội.

Sang đầu năm 1957, tại địa bàn Bù Cháp trở thành địa bàn đứng chân hoạt động giữ đất, giữ dân, tạo địa bàn đứng chân lâu dài cho lực lượng vũ trang và cơ quan lãnh đạo miền Đông. Trong những năm đầu gây dựng lực lượng, đồng bào dân tộc Chơ-ro, S'tiêng đã góp sức xây dựng căn cứ, tham gia kháng chiến. Chi bộ Bù Cháp đã vận động đồng bào mở rộng sản xuất, phát rẫy trồng mì khắp các triền rừng. Trong một thời gian ngắn, đồng bào Bù Cháp đã trồng được 30 héc-ta khoai mì ủng hộ bộ đội, đồng thời hướng dẫn bộ đội trồng lúa rẫy.

Phát hiện căn cứ của ta, từ cuối năm 1958, địch cho sư đoàn 5 nguy liên tục tổ chức các đợt càn quét vào Sa Mách, Bù Cháp, Lý Lịch. Chúng ra sức đốt phá lán trại của căn cứ, phá kho lúa của bộ đội, bắn giết trâu bò của đồng bào. Đồng bào Bù Cháp vẫn một lòng thuỷ chung với cách mạng, tích cực cùng bộ đội xây dựng và bảo vệ căn cứ. Do địch càn quét liên miên, một bộ phận đồng bào Bù Cháp chuyển lên phía Bắc, khu vực Bù Na, Bù Tôn lập rẫy sinh sống. Cơ quan lãnh đạo cùng C59 phải liên

tục chuyển dịch căn cứ, công tác sản xuất gặp nhiều khó khăn, tình hình thiếu gạo, thiếu muối diễn ra từng ngày một. Bộ phận đồng bào Bù Cháp còn lại đã chỉ cho bộ đội C59 đào củ chụp ở đồi Bằng Lãng ăn thay cơm. Đồng bào tổ chức đi tìm đào củ ủng hộ bộ đội, người 30kg, người 20kg. Sang đầu năm 1959 hơn 100 đồng bào Bù Cháp, Lý Lịch cùng bộ đội C59 lên Bù Tôn thu hoạch lúa. Đây là số lúa do đồng bào Bù Cháp tránh càn lên sản xuất từ cuối năm 1958. Việc góp củ chụp, củ mì, gạo, lúa cho bộ đội trong lúc mình còn thiếu ăn là hình ảnh cao quý nặng tình cá nước, tình quân dân, biểu thị tấm lòng yêu thương và thủy chung rất mực của đồng bào Bù Cháp. Số củ chụp, củ mì và hàng tấn thóc thu hoạch ở Bù Tôn đã góp phần giải quyết được nạn đói cho cơ quan lãnh đạo miền Đông và bộ đội C59 trong những tháng cuối năm 1958 và đầu năm 1959.

Tháng 1/1959, Ban Chấp hành Trương ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết 15. Nghị quyết vừa ra đời thì phong trào đồng khởi, vũ trang nổi dậy trên khắp miền Nam. Ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, nhất là khu vực ven Chiến khu Đ, nhiều xã nhân dân đã nổi dậy diệt ác phá kiềm giành quyền làm chủ. Cùng với các xã thuộc huyện Độc Lập (vùng Chiến khu Đ), dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là các đồng chí cán bộ người kinh như Ba Dục, Bảy Phú, Hai Hồng... các xã Bù Cháp 1, Bù Cháp 2 đã tiến hành xây dựng các làng xã chiến đấu. Đồng bào dân tộc S'tiêng ở Bù Cháp sát cánh bên nhau tăng gia sản xuất ủng hộ kháng chiến, góp công sức nuôi cán bộ cách mạng trong những ngày đầu kháng chiến. Ngay từ những năm 1960 - 1961 Mỹ Diệm đã tiến hành ủi phá rừng, khai hoang vào sâu hai phía Nam và Bắc lộ 20. Chúng mở các tuyến đường từ Đồng Xoài (lộ 14) đến bờ sông Đồng Nai, từ Tà Lài đi Vĩnh An nhằm chuyển quân đánh phá Chiến khu Đ. Để tăng cường chốt chặn và đánh phá cách mạng, địch tập trung mở rộng và xây dựng thêm hàng chục đồn bót lớn nhỏ, trong đó bót Tà Lài thường xuyên có 1 đại đội lính bảo an trấn giữ. Chúng liên tục càn quét gom đồng bào

dân tộc về xây dựng ấp chiến lược ở Lợi Tân Định Quán, triệt phá các cơ sở kinh tế vùng căn cứ, rải quân chốt chặn khổng chế cửa ngõ phía Đông Chiến khu Đ.

Cuối năm 1963, du kích Bù Cháp cùng với bộ đội chủ lực quân khu đã mở nhiều đợt tiến công vào các đồn bót địch, gây cho chúng nhiều tổn thất. Đến năm 1964, chúng buộc phải rút bỏ các đồn bót ở khu vực này. Hệ thống ấp chiến lược ở Tà Lài cũng như ở ven sông Đồng Nai bị phá bỏ hoàn toàn.

Khu vực xã Bù Cháp và xã Tà Lài là nơi căn cứ địa, nơi đóng quân của các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương (K9, C374, D800) và các đoàn hậu cần của tỉnh, của miền Đông Nam Bộ (814). Trong chiến dịch giải phóng miền Nam năm 1975, Tà Lài là nơi tập kết và vận chuyển quân, vũ khí, khí tài... từ Chiến khu Đ, vượt sông Đồng Nai tiến ra 125 để thực hiện nhiệm vụ giải phóng Chi khu Định Quán, góp phần vào công cuộc giải phóng miền Nam 30/4/1975.

Trong suốt 2 cuộc kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng bào dân tộc S'tiêng ở Bù Cháp, Châu Mạ ở Tà Lài luôn một lòng một dạ đi theo Đảng, theo cách mạng, luôn sát cánh cùng bộ đội chiến đấu, làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, che chở cho bộ đội, cho cách mạng trong lúc khó khăn ác liệt nhất.

Trước năm 1975, ở khu vực km 15 có số người đạo Hoà Hảo vào khai phá khoảng 20 hécta rừng để làm rẫy, lập chùa và tên xóm Chùa có từ ngày đó. Sau ngày miền Nam giải phóng, số dân theo đạo Hoà Hảo trên có biểu hiện chống đối chính quyền cách mạng như tổ chức tập hợp đạo hữu tại bờ sông Đồng Nai, treo cờ “Việt Nam Cộng hòa” và hô các khẩu hiệu chống cộng, nên nhà nước đã bắt số người này đi cải tạo vì cho là có liên quan đến phản động (ông Năm To ở Phú Thịnh và ông Tám Mỹ biết việc này). Năm 1975, gia đình bà Sáu (ngoại ông Mắm) vào canh tác trên diện tích đất này cho đến ngày nay.

Năm 1976, Nhà nước tiến hành xây dựng khu kinh tế mới Tà Lài và đặt tên là đường Tà Lài. Phân chia thành 3 khu: Khu A từ km 11 đến km 14, Khu B từ km 14 đến km 15, Khu C từ km 15 đến km 17 và cho xây dựng nhà cấp theo hai bên trục lộ Tà Lài. Ngày 19 tháng 1 năm 1976, khu kinh tế mới Tà Lài tiếp nhận hộ dân từ quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh lên lập nghiệp và lần lượt thêm 5 đợt đã đưa tổng số dân lên kinh tế mới là 519 hộ với 2.732 khẩu (con số thống kê năm 1977 khi thành lập xã), bố trí ở Khu A và lần lượt nhiều đợt bố trí ở các Khu B và Khu C. Ban Điều hành kinh tế mới lúc này do đồng chí Lu Nhiên (Bảy Nhiên) làm Trưởng Ban Điều hành, đồng chí Nguyễn Hữu Bích (Tám Bích) làm Phó Ban Điều hành phụ trách an ninh, đồng chí (Tư Kiệt) làm thư ký... Thời gian này nhân dân được Nhà nước cấp cho mỗi hộ một căn nhà tranh, 20m đất mặt tiền, cấp lương thực, thực phẩm, cước, xăng, dao phát... Ban Điều hành kinh tế mới đã chỉ đạo nhân dân khai phá rừng phía sau nhà trở ra để lấy đất trồng trọt, ban đầu chủ yếu trồng bắp, khoai mì..., đồng thời thành lập các tổ vận động công nhằm tương trợ lẫn nhau trong sản xuất. Mặt khác, nhân dân phải vào rừng lấy măng tre, săn bắt thú rừng và đánh bắt cá trên các bầu hoang, khe suối để bổ sung cho bữa ăn hàng ngày. Thời gian này rừng rú hoang sơ, cá và thú rừng rất nhiều như: heo rừng, nai, khỉ, voọc, cheo, chồn, nhím...; các loài cá nước ngọt như: cá lóc, trê, rô, sặc, ốc bưu đen, ốc gạo... và rau muống nhiều vô số kể. Người dân chỉ cần ra sau nhà là có thể săn bắt được thú rừng, vào các bầu hoang, khe suối đều có thể bắt được cá, bắt ốc, hái rau muống.

Khoảng tháng 2/1977, Nhà nước giải thể khu kinh tế mới, sáp nhập khu vực này với khu vực Tà Lài, Bù Cháp thuộc huyện Độc Lập (nay là ấp 4 xã Tà Lài) để thành lập xã Phú Lập, gồm 5 ấp. Lấy khu A làm ấp 1, khu B ấp 2, khu C ấp 3, khu Tà Lài ấp 4. Dân số ban đầu có 550 hộ với khoảng 3.000 nhân khẩu (trong đó đồng bào dân tộc S'tiêng ở Bù Cháp và khu Phước Sang trên 50 hộ). Chi bộ Đảng được thành lập để lãnh đạo nhân dân. Trong

thời gian này, nhà nước không còn trợ cấp đầy đủ như trước nữa, chủ yếu chỉ cấp muối.

Nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống nhân dân, chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiếp tục khai hoang, mở rộng diện tích ngoài 300m trở ra và cho khai phá khu vực Láng Bò (nay là ấp 4 xã Tà Lại), đồng thời thành lập 03 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, gồm: tập đoàn 1 ở ấp 1, tập đoàn 2 thuộc ấp 2, tập đoàn 3 thuộc ấp 3, để phát triển sản xuất lương thực, đảm bảo cuộc sống cho nhân dân, đồng thời bước đầu thực hiện mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đảng và Nhà nước đề ra. Tuy nhiên, do nhân dân kinh tế mới quen với lối sống thành thị, chưa có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp nên không tự túc đảm bảo cuộc sống. Mặt khác, vào năm 1978 cả nước rơi vào dịch hoả rầy nâu, ở Phú Lập rầy nâu đã làm hư hại toàn bộ mùa màng của nhân dân địa phương, nhân dân thiếu đói phải ăn rau, chuối, khoai mì, cá, ốc, thú rừng và đi làm thuê ở địa phương (xã Phú Lộc, nay là xã Phú Thịnh) để kiếm sống, số khác bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến năm 1979 số hộ dân kinh tế mới bỏ đi là 55 hộ với 420 khẩu. Vào thời điểm này, nhà ông Út Sẻ (Chủ tịch Ủy ban nhân xã) có trồng hơn 1 hécta khoai mì, đây là nguồn lương thực cứu đói quan trọng trong thời gian này.

Về tình hình an ninh chính trị: thời gian năm 1977, với sự lãnh đạo của chi bộ Đảng (trực tiếp là đồng chí Nguyễn Công Đức Bí thư Chi bộ), trung đội du kích xã (người dân tộc S'tiêng ở ấp 4) còn triệt phá nhóm Fulro ở Tà Lại do K'Rùn, K'Liệp, K'Tân cầm đầu; tiêu diệt nhóm Fulro gồm 5 tên từ Lâm Đồng lẫn trốn về ẩn náu.

Tháng 9 năm 1977, trung đội du kích xã phối hợp với bộ đội huyện và tiểu đoàn 45 của Tỉnh đội bao vây tiêu diệt toán tàn quân do Lý Phá Sáng cầm đầu ở đảo Bàu Kiên (nay thuộc xã Phú Thịnh); sau một ngày, một đêm giao tranh ta đã tiêu diệt tại chỗ 21 tên, số bị bắn chết chìm và bỏ trốn trên 20 tên, bắt sống 2

tên chạy trốn về xã Phú Hòa, qua đó góp phần giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và góp phần chung vào việc truy quét tàn quân, phản động còn lẩn trốn phá hoại.

Từ cuối năm 1979, dân cư từ 125 (xã Phú Lộc cũ), 115 (xã Phú Hòa huyện Định Quán) ồ ạt vào khai phá rừng (ở khu vực ấp 5, 6 ngày nay) để làm rẫy và trồng các loại cây hoa màu như: Đậu nành, bắp, dưa leo, cà tím, thuốc lá... nhưng đã bị chính quyền bắt xử lý nên đất bị bỏ hoang. Năm 1981, huyện đã giao diện tích đất trên cho các đơn vị bộ đội thuộc Quân khu 7 như: Đơn vị Phòng Không, Trường Quân chính Quân khu 7 (khu vực Bàu Sấu), Quận đội Quận 4 (khu vực chùa Cao Đài), Huyện đội Tân Phú (khu vực Bàu Ba Cồn), sau đó do sản xuất không hiệu quả nên các đơn vị bỏ đất hoang hoá, chính quyền xã đã thu hồi và lần lượt giao lại cho nhân dân để sản xuất.

Năm 1981 trở đi, dân di cư tự do từ các tỉnh phía bắc như: Hà Nam Ninh, Cao Bằng và các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: Tiền Giang, Bến Tre và nhân dân trong huyện và tỉnh như: Phú Lộc, Phú Hòa, Long Khánh... cũng tràn vào tìm kiếm đất để lập nghiệp, đưa những kinh nghiệm sản xuất từ các nơi đến để phát triển kinh tế tại địa phương, từ đó thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển mạnh mẽ và đa dạng, sản phẩm nông nghiệp tăng đáng kể về số lượng và chủng loại như: lúa, bắp, đậu nành, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu... Đây là thời kỳ Đảng lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng các tập đoàn sản xuất nông nghiệp và áp dụng khoán 100 đối với nông nghiệp - nông dân. Toàn xã xây dựng được 17 tập đoàn sản xuất nông nghiệp; cửa hàng thu mua lương thực, thu mua nông sản cũng được công ty lương thực, công ty thương mại của huyện đầu tư xây dựng; các hàng quán dịch vụ cũng được mở mang phát triển phục vụ nhu cầu cho nhân dân.

Tháng 11/1988, với chủ trương giải thể Xí nghiệp Liên hiệp 600 và thành lập các xã khu vực phía Bắc huyện Tân Phú, Phú

Lập được cắt một phần đất khoảng trên 100 hécta để thành lập xã Núi Tượng.

Năm 1991, tuyến đường giao thông vào xã Núi Tượng qua xã Nam Cát Tiên được khai thông, giao thông thuận lợi, giao lưu hàng hoá bắt đầu phát triển. Đảng bộ xã đã tiến hành vận động nhân dân hiến đất để xây dựng chợ xã, từ đó thương mại dịch vụ bắt đầu có bước phát triển.

Giai đoạn từ năm 1991-1993, do bị bao vây cấm vận, các nước phe xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ, không còn sự hỗ trợ từ bên ngoài nên xã nhà cũng bị ảnh hưởng rất lớn, sản xuất đình đốn, hàng hoá sản xuất tiêu thụ không được, nhân dân gặp không ít khó khăn. Về an ninh trật tự trong giai đoạn từ năm 1980 trở đi, do dân cư từ nhiều nơi đến lập nghiệp, lai lịch không rõ ràng nên việc quản lý nhân hộ khẩu cũng gặp không ít khó khăn, là nơi các phần tử xấu, bọn tội phạm gây án từ các nơi cũng về đây ẩn náu; tình hình quản lý rừng lỏng lẻo, nên nạn khai thác gỗ quý như: gỗ đỏ, cẩm lai, bằng lăng... ở rừng Nam Cát Tiên (khu vực Tà Lài) rất phổ biến. Lúc này, lực lượng công an, xã đội kết hợp với lực lượng công an huyện, huyện đội và các lực lượng công an các tỉnh khác đã kết hợp phá nhiều vụ án, bắt nhiều đối tượng tội phạm chính trị, hình sự, Fulro lẫn trốn trên địa bàn và phối hợp với lực lượng kiểm lâm rừng cấm Cát Tiên bắt giữ nhiều đối tượng vào rừng cấm khai thác gỗ trái phép và thu về nhiều hàng trăm m<sup>3</sup> gỗ các loại.

Về công tác Đảng: Tháng 3/1977, Chi bộ Đảng cũng được thành lập, đồng chí Nguyễn Công Đức làm Bí thư, đồng chí Đinh Văn Sẻ làm Phó bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí K'Bôn làm Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân dân xã, đồng chí Huỳnh Văn Nu làm Trưởng Công xã, đồng chí K'Bố làm xã đội trưởng, đồng Phạm Văn Dự là thư ký UBND. Chi bộ Đảng tiến hành củng cố các ngành, đoàn thể, đồng thời lãnh đạo nhân dân tăng gia sản xuất ổn định cuộc sống. Thời gian từ cuối năm



1979 đến đầu năm 1980 có đồng chí Huỳnh Xuân Cảnh, Phan Văn Phú... và nhiều đảng viên từ sư đoàn 600 (đơn vị hậu cần Quân khu 7) như: đồng chí Nguyễn Anh Điện, Lê Hồng Biên, Nguyễn Công Minh, Phan Tấn Ngọc, Phạm Văn Trường, Đặng Ngọc Xuân, Đỗ Văn Dân, Nguyễn Hồng Luông, Trần Văn Ne, Nguyễn Quốc Hớn... (các đồng chí sau này giữ các chức vụ quan trọng của xã) cũng về đây lập nghiệp, tập trung ở bờ sông Đồng Nai nên gọi là khu Gia Đình thuộc khu ấp 5. (nay là ấp 5 xã Tà Lài), góp phần tăng thêm số đảng viên của Chi bộ lên và thành lập Đảng bộ.

Qua kỳ đại hội Đảng từ năm 1977 đến 1994, Đảng bộ đã lãnh nhân xã Phú Lập đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày một đi lên, diện mạo địa phương từng bước được thay đổi đáng kể, niềm tin của nhân dân đối với vai trò của Đảng và Nhà nước được nâng cao. Hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn, đủ sức thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Đảng trong công tác vận động quần chúng.

Đến ngày 1 tháng 9 năm 1994 xã Tà Lài được tách ra từ xã Phú Lập lấy ranh giới tại km số 14. Nhân dân Tân phú, đặc biệt là đồng bào các dân tộc Chơ-ro, S'tiêng, Châu Mạ nay thuộc xã Tà Lài; từ ngày có Đảng gieo mầm cách mạng đã một lòng một dạ đi theo Đảng đến cùng. Họ đã từng cắt máu ăn thề “không ăn cơm hai nôi, không ở hai lòng, mãi mãi là con cháu cụ Hồ”. Ngay từ năm 1941, đồng bào dân tộc ở đây đã tận tình giúp đỡ các chiến sĩ cộng sản vượt ngục Tà Lài trở về Sài Gòn khôi phục phong trào cách mạng lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đến Tà Lài hôm nay, mọi người dễ dàng nhận ra sự thay đổi rõ rệt của xã anh hùng. Những căn nhà đơn sơ ngày nào đã được thay thế bởi những căn nhà mới xây khang trang theo kiến trúc hiện đại. Những công trình công cộng như Trung tâm văn hóa, Trung tâm học tập cộng đồng, trường học, trạm y tế đã được xây

dựng hoàn chỉnh và đặc biệt là đang xây dựng cầu treo Tà Lài nhằm phục vụ cho nhu cầu đi lại cho nhân dân trong xã. Tuyến đường trục chính dẫn vào xã được nhựa hóa làm thay đổi bộ mặt nông thôn nơi đây. Các tuyến đường liên ấp cũng tiếp tục được làm mới, nâng cấp và mở rộng, phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thông thương và đi lại của người dân trên địa bàn.

Có được như ngày hôm nay, đồng bào các dân tộc ở Tà Lài đã phải chịu bao gian khổ, bởi đây là một phần của Chiến khu Đ. Trong hai cuộc kháng chiến, cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã trút bom đạn xuống vùng đất này nhằm cắt đứt nguồn tiếp tế cho cách mạng. Nhưng bà con ở Tà Lài vẫn một lòng một dạ theo Đảng, theo Bác Hồ để làm cách mạng. Phương châm “com không ăn hai nôi, không ở hai lòng” vẫn được đồng bào ở Tà Lài gìn giữ đến ngày hôm nay.

Những điều được ghi trong văn bản chỉ là một phần của lịch sử Tà Lài. Trong ký ức của đồng bào, còn nhiều thuộc lịch sử của trí nhớ. Theo lời kể của các nhân chứng, thời kỳ chống Mỹ, vào khoảng năm 1970, vùng đất khu vực ấp 4 xã Tà Lài là khu vực 3/7 xã của huyện Độc lập, tỉnh Tân Phú (do cách mạng thành lập) gồm các xã: Bù Cháp 1, Bù Cháp 2, Tà Lài. Nơi đây là vùng căn cứ địa cách mạng, có các dân tộc S'tiêng và Châu Mạ sinh sống. Về cơ sở đảng và đảng viên lúc bấy giờ như sau: Xã Bù Cháp 1: Ông K'Lu làm Bí thư chi bộ Đảng, sau đó ông chuyển về huyện làm Phó chủ tịch huyện, ông K'Mon (Mon lớn, hay còn gọi là Hai Mon) thay ông K'Lu làm Bí thư, ông K'Bôn làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã, ông K'Bố làm Xã đội trưởng, ông K'E làm Xã đội phó, năm 1974 chuyển về huyện làm Phó phòng Công an huyện. Xã Bù Cháp 2: Ông K'Ung (Út Ung), K'Gang, K'Soi, ông K'Nanh, ông K'Rét, ông K'Bin. Xã Tà Lài: Ông K'Gõ, ông K'Rao (Ba ka Rao), ông K'Doi.

Ông K'Bôn cho biết thêm, lúc đó xã Phước Sang nằm ở khu vực suối Đập Lúa, Bàu Sấu, ông Nguyễn Công Đức làm Bí thư,

ông Tám Lâm làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính, và ông Hiệp - đảng viên, đây là 3 đảng viên đầu tiên của xã Phước Sang lúc bấy giờ, sau này chuyển thành ấp Phước Sang, nay thuộc ấp 4 Tà Lại.

Ông K'Gõ có kể lại, vào khoảng năm 1971 - 1972, đã bắn trúng một máy bay trực thăng HU và rơi về hướng Láng Bò (ấp 7, Tà Lại, nhưng thông tin này không sát thực vì sau giải phóng máy bay vẫn còn, nếu bị bắn rơi giai đoạn Mỹ còn ở Việt Nam thì chúng sẽ cho cứu hộ đem máy bay về) nhưng không ai tin, sau này ông K'Bôn với một số người vào Láng Bò và tìm thấy chiếc máy bay ấy, tại hiện trường có 4 sọ người và xương người chết tại đó.

Trong kháng chiến, ông K'Bôn và các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân các xã thuộc huyện Độc lập tham gia tải đạn, tải gạo, tham gia đánh đồn bót địch ở Bù Đăng, Bù Na.

Nói về huyện Độc lập thuộc tỉnh Tân Phú, U 50 Quân khu 7 gồm có 7 xã: Bù Cháp 1, Bù Cháp 2, Tà Lại, Bù Đăng, Lý Lịch, Bà Phụng, Phước Sang. Ông Ba Dục làm Bí thư Huyện uỷ, ông Bảy Phú làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện, ông K'Lu làm Phó chủ tịch huyện, ông Chín Cương làm Trưởng Công an huyện, ông K'Bố làm Phó phòng Công an huyện. Với những thành tích trên, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tà Lại được phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân<sup>(2)</sup>.

---

(2) Nguồn: Biên Hòa - Đồng Nai 300 hình thành và phát triển, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1998.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Phú

Thạnh Phú<sup>(1)</sup> là một xã đang phát triển năng động của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, được thành lập ngày 12/2/1987 trên cơ sở sáp nhập hai xã Tân Phú và Bình Thạnh. Trước đây, Bình Thạnh và Tân Phú là 2 làng thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ.

Theo tài liệu của Tòa bố Biên Hòa ngày 15/9/1923, đến ngày 2/5/1957 Bình Thạnh, Tân Phú thuộc quận Tân Uyên, Biên Hòa. Đến ngày 23/1/1959 xã Tân Phú, Bình Thạnh thuộc quận Tân Uyên, tỉnh Phước Thành. Đến ngày 22/3/1963 Bình Thạnh, Tân Phú thuộc tổng Thanh Phong, quận Công Thanh. Theo quản lý của chính quyền cách mạng, trước năm 1948, Bình Thạnh, Tân Phú thuộc quận Châu Thành, từ năm 1948, thuộc huyện Vĩnh Cửu.

Thạnh Phú có vị trí Đông giáp phường Tân Phong, Tây giáp xã Tân Bình, Nam giáp sân bay Biên Hòa và Bắc giáp bờ tả ngạn sông Đồng Nai; diện tích tự nhiên là 1.355 hécta; thời điểm năm 2000, dân số có 1.500 hộ với 8.070 khẩu, phần đông là người Kinh, sống lâu đời ở địa phương, theo tục thờ cúng ông bà, một số ít theo đạo Phật và đạo Cao Đài.

Do Thạnh Phú có địa thế tiếp giáp sân bay Biên Hòa, trải dài theo bờ sông Đồng Nai, có những cánh rừng chồi rậm rạp và đồn điền cao su hàng trăm hécta nên địa bàn thuận lợi cho các lực

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Cửu.

lượng cách mạng xây dựng cơ sở bám sát cơ quan đầu não của địch; cũng là địa bàn trọng điểm địch tập trung đánh phá hồng bảo vệ vành đai đầu não Biên Hòa.

Thời Pháp, giặc lập một chi khu nằm ở trung tâm xã (Quartier Tân Phú), có đài quan sát cao trên ngọn Cây Dầu để kiểm soát diện rộng, không chế người dân đi lại làm ăn. Lại có lực lượng biệt kích Commando thường xuyên lùng sục, truy lùng cộng sản, tra xét người lạ vào ra nhằm bảo vệ tầm xa các cơ quan trọng yếu của chúng ở Biên Hòa.

Thời Mỹ, chính quyền Mỹ và tay sai năm 1963 lập chi khu Công Thanh, giao một đại đội lính bảo an 462 và đội dân vệ ngày đêm ruồng bố, kiểm soát gắt gao nhằm bảo vệ sân bay Biên Hòa và Bộ Tư lệnh Quân đoàn III, đồng thời làm bàn đạp tấn công Chiến khu Đ.

Đối với cách mạng, Thạnh Phú là vành đai bảo vệ Chiến khu Đ nên dù kẻ địch có tập trung lực lượng đến đâu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt đến thế nào, cách mạng vẫn kiên quyết bám trụ, bám dân để xây dựng lực lượng đánh địch, tạo thời cơ tấn công vào sân bay Biên Hòa và Bộ Tư lệnh Quân đoàn III, đầu não và dạ dày của giặc.

Với ý đồ nêu trên, giặc Pháp đã khống chế khu vực bằng bót Cây Đào và 4 đồn bót lớn khác cùng với 1 tháp canh De La Tour. Chúng thường xuyên tung quân vào xã càn quét, bắt bớ, khủng bố nhằm dập tắt phong trào kháng chiến của quân và dân ta. Chúng dùng những tên tay sai đắc lực tại địa phương theo dõi, kiểm soát các gia đình có chồng, con, cha, anh tham gia kháng chiến. Nhiều gia đình bị giặc bắt, bị giam cầm, tra tấn dã man. Đặc biệt, có tên Tây lai khát máu, ác ôn tên là “Tây Ga” chuyên giết người, cắt cổ bỏ vào bao bố, đem đầu người để trên gốc cây sau chợ Cây Đào để thị uy, làm lung lạc linh thân của người theo cách mạng. Lại có tên Nguyễn Văn Phước (Phước Tây lai) chuyên hãm hiếp phụ nữ. Chuyện đốt phá nhà cửa, bắn giết đồng bào dã man, dỡ nhà dân

đem về chợ Cây Đào xây dựng đôn bót, lừa bắt trâu, bò, heo, dê gà, vịt, đem về giết thịt... diễn ra hàng ngày.

Trước những hành động dã man ấy, nhân dân xã Thạnh Phú nung nấu căm thù; chán ghét cuộc sống bị áp bức, kìm kẹp; nghe theo Đảng, giác ngộ cách mạng, hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh, tham gia kháng chiến chống Pháp, tạo nên Cách mạng tháng Tám và chiến thắng 1954.

Dù địch dù đã dùng mọi cách, chẳng những không khống chế được phong trào cách mạng mà còn gây thêm lòng căm thù, oán hận của dân ta. Vì vậy phong trào cách mạng được quần chúng nhân dân Thạnh Phú ủng hộ, ngày càng lớn mạnh.

Xã Thạnh Phú có ông Phạm Văn Khoai tức Phạm Cương Quyết, người Thạnh Phú, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động bí mật bí mật từ những năm 1930, là hạt giống đỏ của phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp từ trước 1945. Ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh Đảng bộ Biên Hòa, cùng với các ông Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Thuận và Hồ Văn Đại lãnh đạo các phong trào kháng Pháp ở Biên Hòa. Ông Phạm Văn Khoai đã tuyên truyền, giáo dục một số người yêu nước thành lập Ủy ban hành động bí mật gầy dựng các phong trào cách mạng đầu tiên ở Thạnh Phú.

Ngay sau khi Pháp tái chiếm Nam Bộ năm 1945, các tổ chức và phong trào cách mạng đầu tiên tại địa bàn Thạnh Phú được hình thành, dần phát triển. Tổ chức Đảng địa bàn Thạnh Phú lãnh đạo công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân sẵn sàng tham gia đánh giặc cứu nước. Người dân Thạnh Phú giác ngộ cách mạng, ủng hộ công cuộc chuẩn bị kháng chiến bằng cách đóng góp sức người, sức của, ra sức rèn vũ khí thô sơ như dao kiếm, lựu đạn (bằng gang) tại khu Lò Thổi (nay thuộc ấp 2 xã Thạnh Phú).

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ và quân dân địa bàn Thạnh Phú đã chiến đấu kiên cường, tạo nhiều trận thắng vang dội, lịch sử ghi công.

Tháng 11/1945, lực lượng địa phương chặn đánh địch tại khu vực ngã ba Cây Đào khi quân Pháp mở cuộc càn quét quy mô từ hướng Biên Hòa dọc theo liên tỉnh lộ 24 đến trung tâm xã. Địch dùng xe bọc thép đi đầu, dùng lưới kẽm bao bọc quanh xe quân sự để cản lựu đạn ném vào. Tổ du kích mưu trí dùng móc sắt cột vào quả lựu đạn, và đồng chí Trần Nguơn Xôi đã ném hai quả lựu đạn có cột móc sắt, lựu đạn vướng vào lưới kẽm nổ tung, diệt xe địch, diệt 11 tên và 20 tên khác bị thương, gồm quân Anh - Ấn.

Thắng lợi ban đầu đã tạo niềm tin, du kích địa phương có thể đánh giặc, thắng giặc bằng vũ khí thô sơ, tự tạo. Tháng 12/1946, du kích xã phối hợp với trung đội 6 thuộc Chi bộ đội 310 do đồng chí Huỳnh Ngọc Đấu chỉ huy, tiến công tiêu diệt lô cốt cầu Ông Hoàng, diệt 1 tiểu đội lính Pháp, thu 5 súng và phá hủy 1 xe bọc thép. Cũng trong năm 1946, du kích xã phối hợp với Ban Công tác liên khu 2 đánh đồn Tân Phú gây cho địch nhiều tổn thất. Tháng 3/1947, du kích xã phối hợp trung đội 4 của Chi đội 310 do đồng chí Nguyễn Ngọc chỉ huy, tấn công vào bót Cây Đào, đốt phá các nơi giặc chiếm đóng. Tháng 11/1947, du kích xã phối hợp với ban công tác liên khu 2 và BI thuộc 310 tấn công vào đơn vị pháo binh của địch gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ngày 30/8/1948, du kích xã phối hợp với Đại đội Bắc Sơn do đồng chí Năm Quảng chỉ huy, phục kích diệt được tên Phước Tây lai tại khu Cây Quéo. Tên Phước xảo quyệt, ngụy trang, ngồi đánh xe bò, nhờ du kích am hiểu đã nhận dạng đúng là Phước, hấn bị diệt ngay từ loạt đạn đầu tiên. Kết quả trận đánh tốt, ta thu gọn và làm chủ trận địa, thành công này có tác dụng răn đe cho những tên ác ôn khác, mang lại sự phấn khởi cho nhân dân.

Ngày 26/6/1948, lực lượng du kích xã tổ chức đánh địch tại trường Bà Bành (ngã ba Tân Phong) diệt tên Hồng Sơn - đầu tọc đạo Cao Đài ác ôn và 8 tên khác, thu 6 súng các loại. Năm 1949, lực lượng du kích xã phối hợp đại đội 308 và đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đánh bót Cây Dầu, tiêu diệt toàn bộ đại đội Commando

gồm 90 tên.

Năm 1952, lực lượng du kích đã đánh bót Cây Đào tiêu diệt 1 trung đội lính Pháp và 1 tên ác ôn khét tiếng.

Tháng 11/1953, lực lượng du kích xã phối hợp với đại đội Lam Sơn đánh trận Miếu Bà gây cho địch nhiều tổn thất. Ngoài ra trong chiến dịch diệt ác phá kìm ta đã tiêu diệt 3 tên ác ôn (Việt gian) gồm 1 tên cai tổng và 2 tên hương quản.

Tổng kết giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1945-1954, Đảng bộ và quân dân địa bàn Thạnh Phú thắng lợi toàn diện về quân sự, chính trị và công tác binh địch vận.

Về quân sự, quân dân Thạnh Phú đã tham gia đánh 11 trận, tiêu diệt 157 tên địch, bao gồm: 42 tên giặc Pháp, 101 tên lính chư hầu (Anh - Ấn) 14 tên tay sai, trong đó có 6 tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, thu 11 súng các loại và phá hủy 1 xe bọc thép.

Về chính trị, các cuộc vận động quần chúng nhân dân nổi dậy tạo được sức mạnh tổng hợp của nhân dân, khiến địch thất bại nhiều mặt. Năm 1945, nhân dân khu Lò Thổi đập phá các nơi chiếm đóng của giặc. Năm 1947, ta vận động nhân dân phá cầu cống số 10 để ngăn chặn đường tiến quân của giặc.

Về công tác binh vận, cơ sở cách mạng Thạnh Phú đã cảm hóa một lính Pháp mang 1 đại liên và 1 súng trường, từ chi khu Tân Phú vượt sông Đồng Nai, về Chiến khu Đ, gia nhập đại đội Lam Sơn.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Đảng bộ và quân dân Thạnh Phú chịu nhiều mất mát đau thương hơn, đấu tranh gian khổ hơn, và chiến đấu chiến thắng oanh liệt hơn.

Sau khi thất bại ở Điện Biên Phủ, giặc Pháp ký kết hiệp định Genève trao trả quyền độc lập, tự do cho đất nước ta. Niềm vui chưa tròn thánng, đế quốc Mỹ thay chân Pháp, dựng chính phủ Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu “diệt cộng”.

Đế quốc Mỹ thay chân Pháp, rút bài học kinh nghiệm từ Pháp,



dựng chính quyền tay sai, thực hiện chiến tranh xâm lược kiểu mới, tinh vi hơn, thâm độc hơn. Đối với xã Thạnh Phú, Mỹ và tay sai dựng nhiều đồn bót, lập bộ máy kìm kẹp tuyển dụng từ địa phương, dùng thủ đoạn mua chuộc, khủng bố và chiến tranh tâm lý chia rẽ dân với cách mạng; lê máy chém tận diệt người tham gia kháng chiến; khi cần, huy động cả máy bay, xe tăng, trọng pháo, chất độc hóa học sẵn sàng hủy diệt sự sống vùng kháng chiến.

Chúng mở các chiến dịch mị dân bình định nông thôn, tâm lý chiến, chiến dịch phượng hoàng... ngày đêm ra sức đánh phá cách mạng. Các gia đình có chồng, con, cha, anh tham gia cách mạng hoặc những ai bị chúng tình nghi đều bị đánh dấu trên sổ gia đình để theo dõi, kìm kẹp, quản lý chặt chẽ. Chúng bố trí lực lượng bảo an, dân vệ rải đều trong các xóm ấp. Đặc biệt có một căn cứ giặc Mỹ bố trí gần khu vực Ba Dốc cách chi khu Công Thanh 1km gồm một tiểu đoàn pháo, một trung đoàn tăng 45 chiếc. Chúng mở rộng vành đai kiểm soát, dồn dân vào ấp chiến lược để khống chế, cách ly dân với phong trào cách mạng.

Sau Tết Mậu Thân (1968), Mỹ và chính quyền Sài Gòn điên cuồng dùng xe tăng, máy bay oanh kích thảm sát dân lành ở ấp Cây Da, rất nhiều người chết; người địa phương không bao giờ quên thảm cảnh tang thương này.

Với truyền thống bất khuất chống ngoại xâm, quân và dân xã Thạnh Phú quyết không chịu khuất phục dưới ách thống trị của giặc. Thạnh Phú đi vào cuộc trường kỳ chống đế quốc Mỹ, lập nhiều chiến công lẫy lừng. Có thể kể đến một số trận thắng tiêu biểu.

Tháng 6/1961, du kích xã phối hợp lực lượng liên xã đánh địch tại cầu Bà Tiêng, diệt 2 tên địch làm bị thương 1 tên, thu 2 súng. Tiếp theo, lực lượng du kích Thạnh Phú xã do đồng chí Nguyễn Văn Dậm (Hai Dậm) chỉ huy phối hợp với với lực lượng huyện đánh địch tại cưa Lòng Nước (thuộc Tân Phú) tiêu diệt 6 tên, thu

6 súng. Cũng trong năm 1961, du kích xã phối hợp cùng lực lượng cấp trên tổ chức đánh địch tại khu vực Miếu Ông (ranh giới giữa Bình Thạnh và Bình Ý) diệt 5 tên địch, thu 3 súng.

Năm 1963, du kích xã phối hợp, với lực lượng huyện Tân Uyên do đồng chí Út Nọ, huyện đội trưởng Tân Uyên chỉ huy, phục kích đánh địch tại khu vực Cây Cày ngăn chặn địch phá cao su với âm mưu mở rộng sân bay Biên Hòa, kết quả diệt 5 tên địch.

Năm 1964, lực lượng du kích xã phối hợp cùng lực lượng cấp trên đánh vào chi khu Công Thanh gây cho địch nhiều tổn thất, làm cho chúng hoang mang. Ngày 30/10/1964, lực lượng du kích xã do đồng chí Sáu Dên chỉ huy phối hợp cùng lực lượng cấp trên dẫn đường cho đội pháo H80 Miền pháo kích vào sân bay Biên Hòa gây cho địch thiệt hại nặng.

Tháng 6/1966, đồng chí Nguyễn Văn Nhứt, du kích xã hoạt động trong lòng địch được phân công theo dõi và gài 1 quả lựu đạn M26 trên đường đi càn của giặc Mỹ ở khu rừng Gò Găng, kết quả diệt 2 tên giặc Mỹ.

Tháng 4/1967, nhằm đánh phá chương trình bình định xây dựng nông thôn và sự tuyên truyền của địch ở chi khu Công Thanh, đồng chí Nhứt và đồng chí Bừa (du kích xã) được giao nhiệm vụ phá hủy chiếc xe chiếu phim, khiến địch sợ hãi, phải dừng chương trình; qua đó, cảnh báo đồng bào không nghe theo sự tuyên truyền của địch.

Tháng 7/1967, Ban Chỉ huy xã đội giao nhiệm vụ cho đồng chí Nhứt (tổ du kích mật) theo dõi nắm bắt tình hình bố trí lực lượng cùng đường đi nước bước của địch, sau đó đồng chí lãnh nhiệm vụ đặt mìn ĐH6 diệt 2 tên địch trên đường chúng đi phục kích về.

Ngày 1 tháng 2 năm Mậu Thân 1968, vào lúc 0 giờ đêm 30 Tết, lực lượng du kích xã Thạnh Phú phối hợp với du kích xã Lợi Hòa, Bình Hòa và bộ đội huyện Vĩnh Cửu, gồm 2 trung đội có vũ trang súng P40, P41 và cối 61,81y tấn công vào chi khu Công Thanh, suốt 5 ngày. Lực lượng của địch ngoài lính bảo an, dân vệ tại chi

khu còn có sự yểm trợ của trung đoàn tăng từ căn cứ của giặc Mỹ tại Ba Dốc và quân Mỹ từ Biên Hòa kéo lên chi viện. Nhưng quân ta chiến đấu kiên cường, anh dũng, diệt được tên Vũ Văn Tiên - quận trưởng kiêm chi khu trưởng chi khu Công Thanh và hàng trăm tên khác vừa chết, vừa bị thương, trong đó có 19 giặc Mỹ, bắn cháy 4 xe tăng.

Bị thua đau, địch phản kích, dùng máy bay rải xăng bột hủy diệt hàng trăm căn nhà của đồng bào tại khu Cây Da, bị quân ta bắn rơi 2 chiếc trực thăng.

Năm 1969, du kích xã phối hợp cùng lực lượng cấp trên đánh địch tại khu rừng chồi Gò Miếu, diệt 25 tên, thu 2 súng. Sau đó, du kích xã phục kích bắn tia diệt 2 tên địch, 1 tại tua Cây Sao và 1 tại vườn Bà Trì. Cũng trong năm 1969, du kích xã phối hợp cùng lực lượng cấp trên đánh địch tại căn cứ Ba Dốc phá hủy 3 trọng pháo của địch và làm tê liệt 3 khẩu khác.

Trong diệt ác, phá kìm, du kích Thạnh Phú đã dũng cảm đột nhập 3 lần vào ban ngày cách chi khu Công Thanh chừng 100m, để diệt những tên ác ôn có nợ máu với dân. Cụ thể, đồng chí Sáu Dên đã phục kích tiêu diệt tên Nhuận là tên chiêu hồi chỉ điểm tại khu vực Lò Rèn; tổ du kích mật kết hợp với du kích xã phục kích diệt 4 tên ác ôn khác gồm: 1 tên tình báo chi khu, 1 tên tình báo đặc biệt, 1 tên tình báo biệt kích Mỹ và 1 tên chiêu hồi chỉ điểm.

Ngày 30/4/1975, nghe tin quân đội Sài Gòn thảm bại ở các chiến trường, địch ở các đồn bót địa bàn Thạnh Phú hoảng hốt, buông súng, bỏ chạy hỗn loạn. Năm thời cơ này, du kích địa phương phối hợp với nhau tấn công chiếm chi khu Công Thanh, thu toàn bộ cơ sở vật chất, súng ống, đạn dược cùng một số tài liệu quan trọng.

Như vậy, trong kháng chiến chống Mỹ, tuy lực lượng của xã không cân sức với địch nhưng nhờ mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu, được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, cùng với sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của nhiều đơn vị, các trận đánh lớn nhỏ

đều mang lại kết quả thắng lợi vẻ vang. Với ý chí quyết thắng, và tinh thần bất khuất, Đảng bộ và quân dân xã Thạnh Phú đã vượt qua những khó khăn, gian khổ góp phần cùng cả nước đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, xã Thạnh Phú thắng lợi toàn diện. Về quân sự, quân dân xã Thạnh Phú đánh tổng cộng 10 trận, tiêu diệt 113 tên địch; gồm 21 tên giặc Mỹ, 102 tên lính tay sai, trong đó có 4 tên có nợ máu nhân dân, diệt 19 lính Mỹ cùng hàng trăm tên tay sai khác bị thương; phá hủy 4 xe tăng, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, phá hủy 6 đại pháo và thu hàng trăm súng các loại.

Về chính trị, năm 1962, vận động 135 thanh niên san bằng các bờ áp chiến lược tại hai điểm, 1 tại khu vực vườn chôm chôm và 1 tại ấp Cây Gõ (Gò Bà Đạo). Tháng 10/1965, cơ sở vận động 24 nông dân đấu tranh bằng cách đón đầu 5 chiếc xe tăng của địch chạy càn làm hư lúa khiến địch phải nhượng bộ. Năm 1968, cơ sở vận động 45 đồng bào tổ chức đấu tranh đòi về làng cũ để chăm sóc ruộng vườn, tiện việc sản xuất, bên cạnh đó đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng, đấu tranh đòi ngưng bắn phá bờ bãi, buộc địch bồi thường nhà cửa bị chúng bắn phá, đốt cháy. Địch phải nhượng bộ bồi thường hơn 100 căn nhà, cho đồng bào đi lại sản xuất.

Về binh vận, đã cảm hóa được hàng trăm binh sĩ địch bỏ súng trở về với gia đình, làm tan rã 2 trung đội dân vệ và 1 đại đội phòng vệ xung kích. Tổ chức 16 lần rải truyền đơn vừa kêu gọi binh lính địch bỏ súng, vừa tác động tâm lý gây hoang mang cho địch. Giáo dục được nhiều gia đình giác ngộ đưa chồng, con, em mình thoát ly tham gia cách mạng.

Từ trong kháng chiến, nhiều gương điển hình được biểu dương nhiều gia đình là cơ sở cách mạng đã tự giác đưa chồng con, em mình thoát ly tham gia cách mạng từ hai, ba người, thậm chí có trường hợp 5 người trong một gia đình tham gia kháng chiến.

Trong tổng số 106 gia đình liệt sĩ có 11 gia đình có 2 liệt sĩ, và 3 bà mẹ được truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.

Có những bà mẹ đã ngoài 60 tuổi đã nuôi dưỡng, che giấu cán bộ cách mạng trong lòng địch như mẹ Huỳnh Thị Chàm, mẹ Nguyễn Thị Ngoi, mẹ Lê Thị Bồn, mẹ Phạm Thị Biên, mẹ Nguyễn Thị Ngân, mẹ Lê Thị Ngài. Hàng ngày các mẹ tìm đủ mọi cách gặp gỡ cách mạng để cung cấp tin tức về tình hình địch, tiếp tế lương thực, thuốc men. Ngoài ra mẹ Lê Thị Bồn còn đưa 2 con thoát ly và 1 con cùng mẹ hoạt động bí mật, đào hầm che giấu cán bộ cách mạng. Trong chiến đấu có nhiều đồng chí rất dũng cảm, điển hình như đồng chí Phạm Văn Kiệt, trong trận đánh năm Mậu Thân, lúc địch đang huy diệt khu Cây Da, đồng chí đã ém quân tại gò Bà Đạo, khi máy bay địch phát hiện chúng đổ quân định tiêu diệt ta, đồng chí chờ địch đến gần, một mình nổ súng bắn chết 9 tên Mỹ bằng khẩu súng carbin. Giặc không tiến vào được nên dùng lựu đạn ném vào gây thương tích cho đồng chí. Sau đó, đồng chí được đồng đội đưa về căn cứ và hy sinh trong trận đánh ác liệt 7 ngày đêm với Mỹ. Đồng chí Kiệt được Nhà nước phong tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ...

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Thanh Phú cùng cả nước từng bước đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

Thời kỳ đầu giải phóng, xã Thanh Phú còn có những khó khăn nhất định do hậu quả của cuộc chiến tranh kéo dài. Tình hình kinh tế xã hội lúc bấy giờ rất phức tạp, đời sống rất khó khăn, một số ít bọn tay sai phản động còn thực hiện âm mưu tuyên truyền gây chia rẽ giữa chính quyền cách mạng với nhân dân, lén lút vũ trang nhằm chống phá chính quyền non trẻ. Nhưng mọi mưu đồ của kẻ địch đều được nhân dân phát hiện và đập tắt kịp thời.

Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, chính quyền Thanh Phú cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung tay xây dựng quê

huong, góp phần tạo nên sự phát triển toàn diện, đồng bộ như ngày hôm nay.

Thành tích cả Đảng bộ và quân dân Thạnh Phú đã được Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng 102 Huân chương Kháng chiến Nhất, Nhì, Ba và 30 Huy chương Kháng chiến Nhất, Nhì, Ba cho các cá nhân và tập thể, gia đình có thành tích tham gia kháng chiến. 3 bà mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (Nguyễn Thị Phàm, Trần Thị Răng, Nguyễn Thị Dành).

Theo Quyết định của Chủ tịch nước số 203/KT-CTN ngày 11/6/1999, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Phú vinh dự đón nhận danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phước Khánh

Phước Khánh<sup>(1)</sup> là một xã thuộc vùng Rừng Sác, địa bàn cuối cùng phía Tây Nam của huyện Nhơn Trạch, như là một hòn đảo giữa bốn bề sông nước. Phía Đông xã Phước Khánh giáp rạch Ông Kèo, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp bung ruộng xã Phú Đông, phía Nam giáp sông Lòng Tàu, Cần Giờ. Diện tích tự nhiên của xã là 3.680 hécta, trong đó diện tích cấy lúa là 2.124 hécta còn lại là vùng bung, dừa nước, sinh lầy, ngập mặn quanh năm, ẩm thấp. Dân số trong thời chống Pháp là gần 2.300 người, thời kỳ chống Mỹ là 867 hộ, với 5.759 người.

Người dân xã Phước Khánh theo 3 tôn giáo, có 1 nhà thờ Thiên Chúa với 280 hộ theo đạo, với 1.157 giáo dân, 1 thánh thất Cao Đài với 99 hộ theo đạo có 155 tín đồ, có 1 chùa với 50 Phật tử quy y, còn lại là hình thức tín ngưỡng dân gian như: đình, miếu, thờ cúng ông bà. 85% người dân làm nông nghiệp; thương nghiệp, buôn bán nhỏ, thuê mướn chiếm 15%.

Phước Khánh kênh rạch chằng chịt nhưng nguồn nước ngọt không có, người dân phải đi 8 đến 10km qua xã Vĩnh Thanh, Đại Phước mới chờ được nước về. Trong giai đoạn chống Pháp và Mỹ, Phước Khánh cách kho xăng Nhà Bè 2km, cách tổng kho Thành Tuy Hạ 8km và Thành phố Hồ Chí Minh 8km.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nhơn Trạch.

Trong hệ thống sông ngòi, Lòng Tàu là con sông lớn nhất cắt rừng sác thành 2 khu Đông và Tây nối sông Nhà Bè ra tận biển Đông. Chiều rộng và độ sâu của sông Lòng Tàu rất thuận lợi cho tàu lớn đi lại. Vì thế từ lâu sông Lòng Tàu đã trở thành đường thủy quan trọng từ biển vào Sài Gòn của Pháp và Mỹ.

Đặc khu Rừng Sác là yết hầu của thủ đô Sài Gòn, nếu địch chủ động và khống chế được thủy lộ quốc tế Lòng Tàu thì đương nhiên tiềm lực chiến đấu của ta trên cả 3 bình diện: chính trị, quân sự, kinh tế sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bởi vậy, Mỹ đã xây thêm 3 đồn trong xã, có 2 trung đội nghĩa quân B62, B63 chốt giữ. Phía Nam căn cứ hải quân, đặc khu Rừng Sác, có sân bay lên thẳng, 1 trận địa pháo 6 khẩu, khu vực yếu điểm của tổng kho xăng dầu bố trí một đại đội. Dọc sông Lòng Tàu có 1 đại đội 908 tại khu rừng sác. Nhà Bè tăng cường đưa sang tiểu đoàn biệt động quân số 6, lính sư đoàn 18, Biệt khu Thủ đô và Đại đội viễn thám thường xuyên thay nhau ruồng bố, càn quét...

Do vị trí chiến lược quan trọng, tháng 4/1966 Bộ Chỉ huy Miền quyết định thành lập Đặc khu Rừng Sác là một khu quân sự đặc biệt rộng 710km<sup>2</sup>. Đây là khu vực tập hợp 10 xã của nhiều tỉnh, trong đó có 2 xã Phú Hữu và Phước Khánh của huyện Nhơn Trạch.

Lực lượng đứng chân của ta trong kháng chiến chống Pháp có trung đoàn 300, bộ đội địa phương Cần Giò, Trung đoàn 307. Từ năm 1966 đến 1975, có Bộ Chỉ huy nhẹ, đại đội 5, 1, 2, 3 của đoàn 10 đặc công Rừng Sác.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, hơn 90% nhân dân Phước Khánh lam lũ với đồng ruộng, than củi, nghèo khó nhưng tâm hồn phóng khoáng, tinh thần giàu lòng yêu nước. Nơi đây có phong trào yêu nước sớm nhất tỉnh với danh nghĩa là Thiên Địa Hội vào năm 1908 do cụ Nguyễn Xuân Sang phụ trách. Từ những năm 1940, có nhiều cán bộ cách mạng từ Sài Gòn chạy về Phước Khánh tránh sự khủng bố của thực dân Pháp, được đồng bào giúp đỡ, che chở. Lực lượng Thanh niên Tiền Phong được xây dựng năm 1945 bởi thủ lĩnh



Đọt (đồng chí Thanh Ba, nay là Thiếu tướng).

Ngày 25/8/1945, mặc dù ở khá xa, biệt lập so với các xã khác trong huyện nhưng được tin Việt Minh cướp chính quyền thì ở xã Phước Khánh cũng tổ chức cướp chính quyền thắng lợi. Chính quyền cách mạng được thành lập, đủ các ban ngành có từ 5 đến 7 người.

Cuối năm 1946, đồng chí Lâm Văn Tám người xã Phước Khánh được kết nạp vào Đảng. Đến tháng 10/1948, Chi bộ xã được thành lập gồm 4 đồng chí. Năm 1950 kết nạp 34 đồng chí đưa tổng số đảng viên toàn xã lên 38 đồng chí (có 33 chính thức, 5 dự bị).

Từ đầu năm 1946, Hội Mẹ chiến sĩ xã Phước Khánh tổ chức xây dựng phong trào Ủ gạo nuôi quân, có 145 gia đình hưởng ứng sôi nổi. Chỉ tính từ năm 1947-1951 xã đã góp được 36 ngàn lít gạo. Phong trào đóng thuế nông nghiệp và tự nguyện nuôi quân tại nhà cũng rất sôi nổi. Từ năm 1946-1951, trung bình hàng năm đồng bào đóng từ 10-20 tấn lúa về cấp trên và hàng tấn gạo nuôi bộ đội tại xã.

Hơn 100 gia đình đã đóng góp nhiều lư nhang, chân đèn và đồ dùng quý bằng đồng được cất giữ lâu đời trong tuần lễ vàng, tuần lễ bạc. Sau 1 tuần, 8 ngàn kg đồng được chuyển cho công binh xưởng đúc vũ khí.

Hàng tháng, các mẹ, các chị đều lo gạo, tiền, thuốc men đi thăm bộ đội và thương binh. Mỗi lần đi, đoàn có từ 10-40 người. Có lần gặp địch, các chị phải lội sình, vác ghe, đồ đạc đi cả 4-5km mới tới được. Tuy có trở ngại nhưng các chuyến thăm anh em vẫn thường xuyên được tổ chức, ngoài tình yêu thương chăm sóc, đùm bọc dành cho chiến sĩ, thương binh, người dân Phước Khánh còn rất hào hiệp với các địa phương khác. Đầu năm 1946, đồng bào ở Xuân Lộc bị đói, Phước Khánh đã cử đoàn cán bộ lên thăm hỏi, chia sẻ, đón 25 hộ 70 người về xã để chăm lo, giúp đỡ tạo điều kiện cho họ sinh sống. Khi bão lụt năm Thìn 1952 hoành hành, địch lại tăng cường phong tỏa, chặn hầu hết các ngã đường sông, đường bộ không thể qua lại được. 36 cán bộ xã và huy động hơn 50 người dân đào một con mương bí mật xuyên qua rừng Chà Là cắt sông Sở Dừa dài hơn 2km

trong suốt 1 tháng trời để đưa 23 ngàn gia lúa về chiến khu Phước An. Người dân trong xã cũng tham gia mua công trái phiếu ủng hộ Chính phủ 1.250.000 đồng.

Trong phong trào Tiêu thổ kháng chiến, nhân dân xã Phước Khánh đã tự phá 150 căn nhà, có 50 căn nhà kiên cố. Đồng bào giáo dân cũng kiến nghị chính quyền xin tự triệt hạ hệ thống phụ của nhà thờ. Nhờ vậy mà quân Pháp khi chiếm đóng ở đây xây dựng đồn bót chậm hơn so với các xã lân cận.

Toàn xã có 260 thanh niên tòng quân (19 nữ, 30 là thanh niên công giáo). Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Phụ nữ phối hợp với các đoàn thể của xã 5 lần tổ chức gần 1 ngàn lượt người lên Thành Tuy Hạ yêu cầu chống bắn pháo và càn quét bừa bãi; từ năm 1951-1954, vận động 20 tề, xã và hàng trăm binh sĩ bỏ ngũ về sinh sống với gia đình.

Lực lượng du kích xã được thành lập sau ngày cướp chính quyền, 1 tiểu đội gồm 12 đồng chí trang bị 1 súng phun lửa, 1 súng 2 nòng, còn lại là mác, mã tấu, gậy tầm vông. Đến năm 1948, đội du kích được trang bị đủ súng, làm nhiệm vụ bảo vệ Đảng, chính quyền, trấn áp bọn tạo phản, giữ địa bàn, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đưa rước cán bộ... Trong thời kỳ chống Pháp quân, dân Phước Khánh đã tổ chức đánh gần 200 trận, diệt 167 tên, thu hơn 100 súng, hàng trăm lựu đạn.

Ngày 20/3/1947, 1 đại đội Pháp và lính Cao Đài từ Bình Khánh càn sang, 9 du kích phối hợp với lực lượng chi đội 3 chặn đánh. Khi ghe địch vừa tới, ta nổ súng và ném lựu đạn, bắn chìm 1 thuyền, diệt 16 tên, thu 10 súng, bẻ gãy cuộc càn.

Tháng 3/1948, địch tổ chức càn lớn vào Phước Khánh. Du kích và lực lượng của trên đã chia làm nhiều tổ, chốt, chặn chia cắt địch ra nhiều hướng tiêu diệt. Bị đánh bất ngờ địch tháo chạy, bỏ lại 6 xác chết, ta thu 5 súng, bảo vệ được 5 ngàn gia lúa cho huyện.

Cuối năm 1948 du kích Phước Khánh phối hợp với du kích Phú Hữu bao vây bức hàng 2 đồn địch ở rạch Miếu và Miếng Sành (xã Phú Hữu) trong suốt 2 tháng liền, buộc địch phải rút khỏi đồn.

Sau hiệp định Genève năm 1954, cán bộ, đảng viên trong xã đi tập kết, chỉ còn lại 1 đồng chí bám giữ xây dựng phong trào. Đến tháng 12/1956, 10 đồng chí trong số tù chính trị phá khám Tân Hiệp ở Biên Hòa về Phước Khánh được đồng bào che chở nuôi giấu. Đây là những cán bộ kiên trung, là nòng cốt cho phong trào cách mạng ở xã. Năm 1960, Chi bộ Đảng xã Phước Khánh được thành lập có 6 đảng viên. Năm 1961 xã phát triển thêm 1 Chi bộ B (hoạt động hợp pháp) gồm 4 đồng chí. Trong thời kỳ ác liệt nhất (1966-1972) có lúc chi bộ chỉ còn 3 đồng chí, nhưng vẫn không dời địa bàn.

Bằng cách đánh nhỏ, lẻ, chủ yếu là diệt ác, thám báo chi điểm, gài trái, mìn du kích Phước Khánh đề tạo thế cho các đơn vị thuộc đoàn 10 đặc công Rừng Sác đứng chân làm nhiệm vụ trọng yếu. Quân và dân Phước Khánh đã đánh 508 trận, diệt 426 tên có 34 lính Mỹ, 24 ác ôn) loại 65 tên, bắt sống 2 tiểu đội, gọi hàng 134 tên, rã hơn 100 tên, thu 412 súng, 3 máy thông tin PRC10, 1 máy PRC25, hàng trăm mìn trái, hàng ngàn đạn các loại, bắn cháy 2 máy bay trực thăng, phá và bắn chìm 26 tàu xuồng quân sự (do đoàn 10 đánh).

Tháng 4/1963, du kích đã cùng với 40 thanh niên trong xã chi trong 1 đêm đã phá 3 cầu, cắt đứt đường giao thông trên bộ, hỗ trợ cho đồng bào trong 3 tháng liên tục 9 lần phá ấp chiến lược, phá banh hơn 3km rào kẽm gai của 2 ấp chiến lược, buộc địch phải bỏ xây dựng.

Tháng 5/1964, lực lượng du kích chặn đánh một trung đội địch đi càn, diệt 3 tên, thu 4 súng, bẻ gãy cuộc càn.

Ngày 27/2/1966, địch từ Nhà Bè càn qua. Du kích Phước Khánh do xã đội trưởng Hòa chỉ huy, ém quân ở khu vực trại vịt nhà bác Tám, để cho toán địch vô bắt vịt và mất cảnh giác, ta nổ súng, cả tiểu đội địch bị diệt, ta thu 4 súng ga-răng, 2 súng cac-bin, 24 lựu đạn, từ đó đón đánh bọn càn quét vào ấp 1, 2. Được tin 8 du kích Phước Khánh chặn đánh cả đại đội địch, Bí thư Huyện ủy Nguyễn Văn Thông ra tận nơi tổ chức rút kinh nghiệm trận đánh, quyết định tặng lại 2 khẩu súng cac-bin mà du kích đã thu được.

Tháng 10/1966, 2 du kích dùng trái phục kích bọn lính Mỹ đi càn, diệt 6 tên Mỹ.

Ngày 21/7/1967, từ khu Nhà Bè địch càn sang Phước Khánh. Chúng đổ quân bằng trực thăng, du kích xã cùng với Đoàn 10 chia làm 4 tổ chiến đấu. Dựa vào ô, giao thông hào, lực lượng đã chiến đấu suốt từ 9 giờ đến 16 giờ cùng ngày, diệt 38 tên (có 19 lính Mỹ), bắn cháy 2 máy bay trực thăng, thu 2 súng M16, 1 súng col 45 ly.

Tháng 8/1967, du kích phục vụ cho Đoàn 10 đánh chìm 1 tàu lớn chở vũ khí trên sông Lòng Tàu giữa ban ngày.

Cũng trong tháng này, du kích chuyển 11 khẩu ĐKB từ sát sông Nhà Bè về ấp Miếng Sành, bố trí canh gác, giữ bí mật cho trận đánh. Trận đánh này, ta bắn trúng kho xăng Nhà Bè cháy suốt 16 tiếng đồng hồ.

Tháng 3/1973, 2 tiểu đội địch đột nhập vào căn cứ du kích chỉ còn 5 đồng chí (có 2 nữ) vì anh em đi công tác chưa về. Do phát hiện trước, các đội viên du kích chủ động tấn công, địch rút lui bỏ lại 4 xác chết, ta thu 40 súng.

Về đấu tranh chính trị - binh vận, quân dân xã Phước Khánh lấy phương châm: chính trị binh vận kết hợp với vũ trang, diệt ác, phá kìm, làm lỏng sự kìm kẹp của địch, phải giữ được địa bàn, dân cư, giữ địa bàn cho Đoàn 10 đứng chân. Nội dung đa dạng, phong phú, hình thức thì tế nhị, sâu lắng, không tổ chức theo quy mô lớn với năm, ba trăm người rầm rộ trương cờ, biểu ngữ đi đấu tranh như các xã khác.

Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Phụ nữ xã thường xuyên thăm hỏi, viếng, giúp đỡ các gia đình binh sĩ, kể cả sĩ quan chế độ Sài Gòn khi có hữu sự. Hàng ngàn bức thư thăm hỏi của người dân, dòng tộc, xóm làng gửi cho binh sĩ, sĩ quan, cả với nhà chức trách để thăm hỏi, khích lệ, kiến nghị yêu sách, nhằm nói lỏng sự kìm kẹp, ruồng bỏ của địch.

24 tên ác ôn bị diệt, ấp chiến lược 9 lần bị phá, gọi hàng 134 tên, hơn 100 tên rã ngũ, hơn 200 thanh niên trốn lính là kết quả của công tác chính trị, kết hợp với binh vận. Ngoài ra, còn có một số

thành tích điển hình trong công tác chính trị, binh vận kết hợp ở Phước Khánh như:

Tháng 3/1955, có một cuộc di dân lớn về Long Thành, cư dân đã lên đến 7 ngàn người ở thị trấn Long Thành và Đại Phước, đông nhất là Phước Khánh 4 ngàn người. Việc di dân kèm theo những “chính sách” gọi là ưu đãi của chính quyền Ngô Đình Diệm để lung lạc gây chia rẽ giữa dân di cư và dân địa phương như: cấp đất, lập trại, cấp giống, vật nuôi, đồ dùng, vật dụng... Nắm được ý đồ của địch, ta vận động giáo dân ở địa phương làm nòng cốt đấu tranh đòi quyền lợi như: nhà ở, nước uống... Cuối năm 1955, địch phải đưa số dân này về xã Vĩnh Thanh, là địa phương lúc đó còn thừa thớt người.

Trung thu năm 1955, Ngô Đình Diệm cũng bày trò gửi thơ cho thiếu nhi thì Phước Khánh xuất hiện bài về:

*Thiếu nhi là cháu Bác Hồ*

*Ai thềm làm cháu thằng Ngô bao giờ.*

Rồi câu về đó cứ râm ran truyền đi, đến tai “Ông” Diệm và từ Trung thu sau “Ông” không viết thư nữa.

Trên cầu Phước Khánh, địch giăng một khẩu hiệu lớn “Diệt cộng là yêu nước” thì sáng hôm sau chữ yêu được thêm dấu sắc, địch tức tối phải tháo xuống.

Quân dân Phước Khánh còn tổ chức cuộc binh biến, lấy đồn Phước Khánh năm 1955 rất ngoạn mục. Đồn Phước Khánh do Trung úy Lạc làm Trưởng đồn, Tư Thức (là con liệt sĩ của 1 gia đình trong chống Pháp) làm Đồn phó. Bà Phan Thị Nho, má của đồng chí Bí thư Huyện ủy Nguyễn Văn Thông quen biết với má của Tư Thức đã dùng kế ly gián, loan tin cho lính trong đồn tin tối mật: Trung úy Lạc đã có danh sách gửi lên trên, phần đông lính trong đồn là Bình Xuyên chui vô để lợi dụng thời cơ nổi dậy, má của Tư Thức là người cầm đầu. Tư Thức kêu Trung úy Lạc sang phòng mình bàn công việc, Lạc không biết qua liền thì bị Tư Thức kết liễu bằng 1 viên đạn và tuyên bố với binh sĩ Trung úy Lạc định tạo phản đã bị trừng trị, anh em ai muốn theo cách mạng thì theo, không thì về nhà làm ăn. Gần 50

binh sĩ ta tuyển được 21 anh em, còn cho về nhà làm ăn, ta thu súng 54 súng. Huyện ủy sau đó điều đồng chí Nguyễn Minh (5 Ninh) đội trưởng đội du kích sang làm phó, thành lập lực lượng giáo phái Bình Xuyên, do Tư Thức là trưởng. Lực lượng này sau tham gia đánh đồn Long Tân, đánh chốt địch ở chợ Đại Phước, trận đánh này Tư Thức hy sinh.

Mô hình Hủ gạo nuôi quân được duy trì đến ngày giải phóng. Từ 145 gia đình đã lên tới 416 gia đình, chỉ trong 15 năm (1960-1975) nhân dân đã đóng góp được 21.200 lít gạo, 30 ngàn gia lúa chuyên về huyện và tỉnh. Năm 1963, địch phong tỏa gặt gạo đường vận chuyển. Một lần nữa, cán bộ và nhân dân xã lại đào tát một con mương từ rạch Miếu, qua Sở Dừa đến Phú Hữu để chuyển 25 ngàn gia lúa về trên.

Đối với bộ đội Đoàn 10, từ năm 1966-1975, mỗi ngày đồng bào Phước Khánh đã cung cấp lương thực cho gần 300 cán bộ và chiến sĩ, số lương thực phục vụ đoàn 10, ước tính 22.680kg gạo, nhân dân còn làm tốt thu đảm phụ bằng lúa trong 10 năm được 360 tấn.

Phục vụ chiến dịch Mậu Thân 1968, nhân dân đã đóng góp cho bộ đội và du kích 2 triệu đồng tiền mặt, mua 1,2 triệu đồng lương thực, thực phẩm, thuốc men, ủng hộ 300 con vịt.

Lực lượng thường xuyên của xã có từ 5-12 đồng chí bổ sung cho lực lượng của huyện. Trong chống Mỹ có gần 200 thanh niên được bổ sung về trên, xã thành lập tổ dân, tổ giao liên, tải đạn, lương thực, thực phẩm, đưa đón cán bộ, đơn vị đi làm nhiệm vụ, huy động gần 30 ngàn lượt người đào kênh mương để chuyển lương thực về trên. Xã cũng thành lập tổ thu lượm bom đạn lép. Hàng tháng có ghe của huyện xuống chở, hoặc anh em cắt đường vận chuyển về trên hoặc chuyển cho Đoàn 10 chế tạo thành thủy lôi để đánh tàu. Bom đạn lép mà xã thu lượm được hàng trăm trái, góp một phần không nhỏ trong việc tự tạo trái để đánh giặc.

Một số người dân ở Phước Khánh có đóng góp tiêu biểu cho cách mạng như: Linh mục Nguyễn Văn Hầu (Tự Hiệu), má 6 Nhiều, anh

Nguyễn Văn Ba (Ba chày mỏ), anh Nguyễn Văn Ninh, ông Lâm Văn Tám, gia đình ông Phan Văn Long, má út Ràng, gia đình ông Nguyễn Văn Cự, gia đình ông Trần Văn Cảnh, gia đình Chú 7 Độ, chị Ba Cầm (Nhụy) anh Phan Văn Hòa, vợ chồng anh Sô, chị 9 Mi, anh 6 Lô, chị Tới, chị Huệ...

Với địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng. Địch cố giữ, ta quyết đánh, cuộc chiến ở đây diễn ra quyết liệt, từng ngày từng giờ, kể từ năm 1966 khi bộ đội Đoàn 10 về đứng chân trên vùng đất này.

Địch cho rằng không một điểm xuất quân nào khác ngoài Phú Hữu, Phước Khánh, Rạch Lá... Do đó, địch thường xuyên dùng lực lượng đặc khu, liên đoàn biệt động quân số 6, càn quét, chà đi xát lại nhiều lần. Pháo binh thường xuyên bắn cấp tập cả giờ đồng hồ, B52 rải thảm. Bom đạn, pháo, cày xới, đào khoét làm mặt đất biến dạng mà đến nay vẫn chưa san lấp được. Bom phát quang, chất độc hóa học đã hủy diệt hàng trăm hecta lúa, hoa màu, vườn tược, hàng ngàn hecta rừng sác bị tàn phá nặng nề, phá hoại hệ sinh thái của rừng.

Tháng 9/1966, Nha cảnh sát Đô Thành thông báo treo thưởng 10 ngàn đồng cho nhân viên nào bắt được hoặc giết được 1 “Việt cộng”. Ủy ban hỗn hợp Sài Gòn, Trung tá Nguyễn Văn Luận, giám đốc cảnh sát cũng ra thông báo: “đồng bào tự tay hạ sát hoặc chỉ cho cơ quan an ninh bắt được 1 tên Việt cộng thưởng từ 50-100 ngàn đồng”, hoặc “ai tiếp tế cho Việt cộng 1 lít gạo cũng bị tử hình”. Về mùa khô, chúng phong tỏa các tuyến đường, triệt nguồn nước ngọt. Đêm đến, trên các sông rạch, tàu, xuồng địch thường xuyên thả dẻ phục kích, thả lựu đạn. Những trận đánh lấy nước ngọt cũng trở nên quyết liệt. Địch càn vào căn cứ, làng xóm chúng đập phá lu, hũ, bồn đựng nước. Giọt nước mùa khô quý như giọt máu. Địch đã gây tổn thất lớn đến cách mạng.

Thế nhưng, quân dân xã Phước Khánh vẫn kiên cường chiến đấu. Trước tiên phải nhắc đến sự hy sinh to lớn của bộ đội Đoàn 10. Đặc biệt là đại đội 5 đơn vị đặc công của Bộ được điều từ miền Bắc vào quân số 130 đồng chí, vượt Trường Sơn đã hy sinh 10 đồng chí, đến

Tây Ninh được chia làm 2 đơn vị lấy ký hiệu 5A và 5B là đơn vị đặc công thủy. 5A được chuyển về Vũng Gấm, Nhơn Trạch, 5B về Sài Gòn. “Gia đình” 5A đứng chân trên địa bàn Phước Khánh được nhân dân rất tin yêu, giúp đỡ chở che như chính những đứa con ruột thịt của mình. Đến tháng 4/1971, 5A chỉ còn đủ mâm cơm 6 đồng chí, rồi đến các chiến sĩ C1, C2, C3 của Đoàn 10 cũng bị tổn thất nhiều.

Thiệt hại của nhân dân thì tăng lên gấp bội, hơn 1 ngàn căn nhà bị phá sập hoặc cháy trụi, có nhiều gia đình bị đốt phá nhiều lần. 200 thường dân vô tội bị chúng sát hại, trong đó có 40 phụ nữ và em nhỏ, hơn 6 ngàn giạ lúa bị cướp, bị cháy, trên 200 trâu bò, hàng ngàn gà vịt bị địch bắn chết hoặc cướp mất, hàng ngàn hecta ruộng bị bỏ hoang hóa. Hàng trăm người dân bị địch tình nghi, bắt giữ, giam cầm đánh đập rất dã man, ở đủ các nhà tù, nhiều người trở thành tàn phế, rất thương tâm, như: má con chị 9 Tiến đều bị tù, khi cách mạng giải phóng nhà tù, 2 má con chỉ gặp nhau trong phút chốc rồi chị trút hơi thở cuối cùng khi tuổi đời chưa tròn 20...

Suốt trong 2 cuộc kháng chiến đánh Pháp và Mỹ, lòng dân Phước Khánh luôn hướng theo Đảng và Bác Hồ kính yêu, tin tưởng thắng lợi nên một tác không đi, bám đất, bám làng, chiến đấu sản xuất.

Về quân sự quân dân xã Phước Khánh đánh trên 700 trận, có 100 trận phối hợp với bộ đội đoàn 10, các đơn vị của trên, diệt 593 tên, có 34 lính Mỹ, 24 ác ôn, thám báo, thu 562 súng các loại, gọi hàng 134 tên, bắt sống 50 tên, loại 65 tên, rã gần 300 tên, bắn cháy 2 máy bay trực thăng, phá và đánh chìm 35 tàu xuồng quân sự, có 1 tàu trọng tải trên 10 ngàn tấn, thu hàng ngàn đạn các loại...

Hũ gạo nuôi quân của người dân trong góp được 57.200 lít, gạo cung cấp cho đoàn 10 được 30.260 lít; lúa đằm phụ góp 1.650 tấn, lúa tự nguyện đóng góp được 1.720 tấn, mua công trái phiếu được 1.250.000 đồng, góp 8 ngàn kg đồng, huy động trên 30 ngàn lượt ngày công, 3 lần đào mương để tạo đường vận chuyển lương thực vũ khí, đạn dược, đào 300m giao thông hào, đắp 95 ô ụ chiến đấu.

Thanh niên tòng quân là 360, bổ sung cho trên và xây dựng lực



lượng xã. Rất nhiều các đồng chí trưởng thành, giữ chức vị cao của Đảng và Nhà nước (1 trung tướng, 1 thiếu tướng, 2 thiếu tá, 3 tỉnh ủy viên).

Toàn xã có 114 gia đình liệt sĩ, 6 gia đình có công, 3 bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Vào năm 1973, quân dân xã Phước Khánh được Tư lệnh Miền tặng Huân chương Giải phóng hạng Ba; xã còn được tặng 36 Huân chương Giải phóng hạng Nhất, 18 Huân chương Giải phóng hạng Nhì, 38 Huân chương Giải phóng hạng Ba; 12 Huân chương Chiến thắng; 39 Huân chương Chiến công; 28 Huân chương Vẻ vang; Đội 5 thuộc Đoàn 10, 3 lần tuyên dương Anh hùng (các năm 1972, 1973, 1975); danh hiệu Thành đồng Quyết thắng (năm 1968 - 1969); 2 liệt sĩ được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (đồng chí Xê, Dân).

Đặc biệt, năm 2000 nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phước Khánh được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Tân

Xã Long Tân<sup>(1)</sup> nằm phía Tây Bắc của huyện Nhơn Trạch, phía Đông giáp xã Phú Hội, phía Tây giáp xã Phú Thạnh, phía Nam giáp xã Phước An, phía Bắc được bao bọc bởi dòng sông Đồng Nai, bên kia bờ sông là huyện Thủ Đức (nay là quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Xã nằm dọc 2 bên liên tỉnh lộ 25A (trước kia là liên tỉnh lộ 17) dài 5km. Tổng diện tích tự nhiên 3.537 hécta, là xã rộng thứ 2 của huyện Nhơn Trạch, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 2.609 hécta chủ yếu là trồng lúa và hoa màu.

Dân số toàn xã hiện có 6.919 người với 1.379 hộ gia đình, hầu hết là người tại chỗ lâu đời, chủ yếu sống bằng nghề nông chiếm 85%. Trước đây, xã có Sở cao su Tân Tường được thành lập từ thời Pháp thuộc nên có 1 bộ phận dân cư trong xã làm công nhân cao su. Đến nay, Sở Tân Tường đã được sát nhập vào Nông trường cao su Thành Tuy Hạ, diện tích cao su trên địa bàn xã có 350 hécta và số dân trong xã là công nhân cao su có 400 người. Dân cư còn lại trong xã sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau như: đánh bắt thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ.

Long Tân có vị trí chiến lược khá quan trọng đối với huyện Nhơn Trạch: xã có diện tích lớn, trải dài theo trục lộ 17 - liên tỉnh

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nhơn Trạch.

lộ quan trọng để vận chuyển vũ khí, lương thực, quân đội từ Long Thành về, từ Sài Gòn lên; xã lại nằm trong vành đai (cách 5km) của tổng kho bom đạn Thành Tuy Hạ - kho đạn lớn nhất miền Nam thời Pháp và thứ 2 ở miền Nam thời Mỹ.

Địa hình xã phức tạp: phía Bắc đồng ruộng giáp sông Đồng Nai là con đường thủy huyết mạch, vượt qua sông là đất Sài Gòn. Phía Nam là rừng giồng mênh mông nối liền với chiến khu Phước An là một vùng căn cứ nổi tiếng Long Thành - Nhơn Trạch trong cả 2 thời kỳ kháng chiến.

Với địa hình như vậy, Long Tân là nơi rất thuận lợi cho việc trú quân, là điểm xuất phát cho những trận đánh kho bom đạn, đánh tàu giặc trên sông và các đồn bót quanh vùng. Do đó, trong cả 2 thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, xã Long Tân luôn là lổm căn cứ của các đơn vị bộ đội, du kích, của các cơ quan Huyện ủy. Nhiều năm liền đầu thời kỳ kháng chiến Long Tân còn giữ được vị trí là vùng tự do của kháng chiến, vùng giải phóng của cách mạng.

Lực lượng vũ trang trên địa bàn xã trong thời kỳ chống Pháp, ngoài các lực lượng tự vệ dân quân, du kích xã còn có các đơn vị cơ động của công an xung phong huyện, của các chi đội và trung đoàn chủ lực thường xuyên qua lại. Trong giai đoạn chống Mỹ, bên cạnh du kích Long Tân còn có đại đội huyện C240 và các đơn vị thuộc Đoàn 10 đặc công Rừng Sác.

Về phía địch, do biết rõ vị trí quan trọng của xã nên cả trong 2 thời kỳ Pháp, Mỹ xâm lược, chúng đều tìm mọi cách đánh phá phong trào cách mạng ở địa phương, xây dựng tề xã và mạng lưới gián điệp, chỉ điểm để khống chế đồng bào trong xã, xây dựng đồn bót xung quanh để khống chế đường di chuyển của ta. Khi không vào được xã, địch bắn pháo cả ngày đêm để quấy rối, tổ chức nhiều đợt càn quét thọc sâu đốt nhà, giết người, rải chất độc hóa học phá hoại cây cối hoa màu, sử dụng xe tăng, xe ủi phá rừng căn cứ.

Vào thời kỳ ác liệt, cao điểm là những năm 1969-1972, địch

đóng trong địa bàn xã tới 9 đồn. Mỗi đồn 1 trung đội lính địa phương quân, nghĩa quân; 1 phân chi khu 12 lính và sĩ quan; 1 cuộc cảnh sát 12 tên, 1 đoàn bình định xây dựng nông thôn. Ngoài ra còn có các chốt Mỹ 2 tiểu đoàn và chốt lính Thái Lan 2 tiểu đoàn hùng đánh tan rã các lực lượng vũ trang và phong trào cách mạng của nhân dân Long Tân.

Ngay từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở xã Long Tân đã nhen nhóm những cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1927, công nhân Sở cao su Tân Tường trong xã đoàn kết đấu tranh với chủ Tây đòi tăng lương, chống cúp phạt, đòi nghỉ chủ nhật và đuổi tên cai gian ác của đồn điền. Công nhân cử đại diện đến tận nhà chủ sở gửi yêu sách, kết quả chủ Tây phải nhượng bộ. Từ đó trong công nhân cao su Long Tân đã có cơ sở Công hội đỏ hoạt động.

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, một số cơ sở mật của Đảng ở Sài Gòn bị lộ chạy về Long Tân, đã được đồng bào trong xã cứu mang, giúp đỡ, che giấu và các đồng chí tiến hành tuyên truyền cách mạng cho giới trẻ trong xã, tạo đà cho phong trào thanh niên Long Tân phát triển sau Cách mạng tháng Tám.

Ngày 24/8/1945, cùng với toàn huyện, nhân dân Long Tân vùng lên nhanh chóng giành chính quyền. Ngày 25/8/1945, hàng trăm thanh niên và các tầng lớp nhân dân trong xã hăng hái xung phong lên Sài Gòn tham gia cướp chính quyền.

Trong khí thế cách mạng sôi nổi, phong trào thanh niên Long Tân phát triển mạnh mẽ, Đoàn thanh niên Tiền Phong của xã nhanh chóng hình thành, chỉ trong 2 ngày xã tập hợp được 180 thanh niên vào tổ chức tham gia mọi mặt hoạt động phục vụ cách mạng, bảo vệ thôn xóm. Ngày 16/9/1945 cùng với thanh niên các xã trong huyện, những thanh niên đầu tiên của Long Tân đã tự nguyện đăng ký lên đường tòng quân.

Thực hiện phong trào toàn dân ủng hộ kháng chiến, ngay từ cuối năm 1945 đồng bào Long Tân đóng góp cho cách mạng hàng

ngàn giạ lúa. Phong trào Hũ gạo nuôi quân được hầu hết người dân trong xã thực hiện trong suốt những năm 1946-1948, chuyển đến các đơn vị bộ đội hàng trăm tấn gạo. Nhiều cơ sở vượt qua sự kiểm soát của địch mua, tiếp tế quần áo, thuốc men cho bộ đội.

Đề phá hoại kinh tế địch, nhằm vào cơ sở khai thác của các chủ đồn điền Pháp, nhân dân đã huy động hàng trăm công chặt phá, vạt vỏ cao su, đập chén mù, nhổ máng mù làm cho hàng chục ngàn cây cao su không khai thác được.

Hưởng ứng lời kêu gọi tiêu thổ kháng chiến, đầu năm 1947 đồng bào Long Tân huy động hàng trăm ngày công dùng đục sắt chặt đứt chiếc cầu sắt lớn trên lộ 17 qua xã. Hàng trăm gia đình chặt vườn cây, dỡ nhà, cất giấu lương thực lúa gạo dời về chiến khu Phước An. Phong trào đào đường, đắp ụ chiến đấu cản bước tiến của giặc Pháp diễn ra sôi nổi trong suốt các năm 1948-1949. Nhân dân trong xã góp hàng vạn ngày công chặt gỗ lớn trong rừng về trồng cọc xen với hầm hố trên một vành đai dài 5km từ ranh giới Long Tân - Phú Hội đến Phú Thạnh, đào gần 100 hầm lớn chống chiến xa, đặt hố chông, gài lựu đạn góp phần giữ vững vùng tự do ở 2 ấp Long Hiệu, Vĩnh Tuy trong nhiều năm liền. Trong tuần lễ đồng năm 1948, hầu hết các gia đình trong xã có đồ đồng đều đem ra đóng góp cho cách mạng. Toàn xã đã chuyển hàng tấn đồng, nhiều tấn gang, sắt về chiến khu.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân trong xã Long Tân đưa hơn 100 con em lên đường nhập ngũ. Điển hình trong phong trào tòng quân cứu nước là 1 nhóm nhỏ ở ấp Bình Phú chỉ có 34 hộ dân hầu hết làm ở Sở cao su, một số làm rẫy và nghề tự do, chỉ trong 2 năm 1945-1946 đã có 31 thanh niên nhập ngũ, có 13 liệt sĩ trong thời kỳ chống Pháp.

Sự đóng góp hy sinh to lớn của nhân dân Long Tân góp phần làm nên những chiến công trong kháng chiến chống Pháp. Cụ thể sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, từ phong trào thanh niên tiên phong, xã Long Tân đã xây dựng được lực lượng dân quân chiến

đầu. Đến năm 1946, mỗi ấp của xã đều có một tiểu đội dân quân, toàn xã có 1 trung đội du kích do đồng chí Phạm Tự Do chỉ huy. Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, du kích xã Long Tân vừa chiến đấu độc lập, vừa phối hợp tác chiến với các lực lượng chủ lực đã đánh hơn 100 trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương nhiều tên địch Pháp, ngụy, phá tề trừ gian hàng chục tên, hỗ trợ tích cực cho phong trào quần chúng, giữ vững vùng tự do trong nhiều năm.

Ngày 25/1/1946, quân Pháp tấn công Nhơn Trạch, trận đầu dân quân Long Tân cùng bộ đội đánh Pháp, trên suốt đoạn đường qua xã, diệt hàng chục tên lính Âu Phi.

Tháng 4/1946, du kích Long Tân và các xã xung quanh phối hợp với bộ đội các chi đội vệ quốc đoàn đánh liên tiếp nhiều trận tiêu diệt 2 trung đội Pháp, bắt sống 2 tên sĩ quan, phá hủy 2 xe quân sự.

Đầu năm 1947, 2 trung đội lính Commando Thành Tuy Hạ càn vào ấp Long Hiệu. Lực lượng liên thôn 12 và du kích xã phục kích trên đường lộ diệt 3 tên, làm bị thương 5 tên, buộc địch phải rút quân.

Trong năm 1948, bằng những trận chống càn trong và ngoài địa bàn xã, du kích Long Tân phối hợp bộ đội huyện diệt và làm bị thương hơn 20 tên giặc, thu 13 súng trong đó có 1 trung liên.

Đặc biệt là trận đánh tàu mủ cao su tại rạch Cui trên sông Đồng Môn vào đầu năm 1948. Lúc này, đường bộ bị phá, giặc Pháp phải dùng thuyền để chở mủ cao su. Đoàn thuyền của địch gồm 14 chiếc, có 2 trung đội lính yểm trợ. Đội du kích xã cùng đại đội C Trung đoàn 310 Biên Hòa đứng chân ở Long Thành đã phục kích, bất ngờ nổ súng đánh chìm tại chỗ 7 thuyền, diệt 7 tên lính. Địch hoảng sợ rút chạy, quân ta đốt cháy 7 chiếc còn lại. Đoàn thuyền địch bị phá hủy hoàn toàn.

Năm 1949, du kích xã đã đánh nhiều trận chống địch càn phá hoại mùa màng, thu lại nhiều ghe lúa và 50 con trâu trả lại cho dân. Trong đó, có trận Cầu Ván ở giáp xã Phú Thạnh, mặc dù địch

lên 1 đại đội Cao Đài, ta chỉ có 1 trung đội địa phương và đội du kích xã, nhưng bằng lối đánh bất ngờ, ta đã diệt được 7 tên, làm bị thương 10 tên địch, phá vỡ cuộc càn.

Liên tục trong 2 năm 1948-1949, quân giặc càn vào Long Tân đều bị du kích cùng bộ đội, công an xung phong đánh bật ra. Chúng không sao vào được vùng tự do Long Tân mà chỉ bắn cối, pháo từ các bót xung quanh vào xã quấy phá sinh hoạt của nhân dân.

Công tác diệt tề, trừ gian ở Long Tân rất mạnh trong những năm đầu chống Pháp khiến cho địch không lập được tề xã suốt 4 năm liền. Nhân vật nổi lên như một huyền thoại là đồng chí Nguyễn Kim Quy (Ba Quy) quê ấp Long Hiệu, Long Tân. Đồng chí là chiến sĩ có tài diệt ác, trừ gian, đánh giặc nổi tiếng cả vùng Nhơn Trạch. Tháng 4/1946, đồng chí Ba Quy bắt sống 6 tên tề xã Mỹ Hội, thu 6 súng đưa về chiến khu. Các năm 1948-1949, đồng chí trực tiếp thọc sâu trừng trị, cảnh cáo, thu súng, giáo dục hàng chục tên tề xã, ấp ở Long Tân và các xã lân cận. Một mình 1 súng 2 nòng, đạn tự chế lấy, đồng chí Ba Quy đi khắp vùng Lòng Chảo diệt tề, đánh giặc bằng lối đánh thông minh táo bạo, diệt và làm bị thương nhiều lính Pháp địa phương khiến binh lính địch đã có câu truyền tụng “Gặp Ba Quy là rỏ mắt”. Địch treo giải thưởng rất lớn cho cái đầu của anh. Đồng chí Nguyễn Kim Quy đã được kết nạp vào Đảng năm 1948 tại Chi bộ xã Long Tân và hy sinh tháng 7/1952 do bị lính Cao Đài phục kích tại ấp Long Hiệu.

Trong kháng chiến chống Mỹ, phong trào quần chúng và đấu tranh chính trị ở Long Tân diễn ra sôi nổi. Thực hiện âm mưu chia cắt nước ta lâu dài, sau khi đình chiến năm 1954, Mỹ - Diệm đánh phá ác liệt phong trào cách mạng của quần chúng ở Nhơn Trạch, trong đó có xã Long Tân.

Các đảng viên được Đảng phân công ở lại địa phương vẫn tiếp tục bám trụ địa bàn tiếp tục hoạt động. Đầu năm 1958, Chi bộ Đảng xã Long Tân được thành lập lại với 4 đảng viên, xây dựng

căn cứ trên rừng Giông, tổ chức bám quần chúng xây dựng cơ sở, truyền đơn qua cơ sở được chuyển đến đồng bào trong xã và xã Phú Thạnh công nhân cao su ở Thành Tuy Hạ.

Do đó, sau ngày đồng khởi, phong trào đấu tranh chính trị và ủng hộ cách mạng của nhân dân trong xã được phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ. Phong trào Hũ gạo nuôi quân tiếp tục được nhiều hộ dân trong xã hưởng ứng, mỗi tháng chuyển cho bộ đội từ 200-300kg gạo, liên tục trong nhiều năm. Công tác binh vận được tổ chức dưới nhiều hình thức như: các bà mẹ vận động con đào ngũ, hội phụ nữ rải truyền đơn vào đồn địch kêu gọi binh lính bỏ súng về làm ăn. Đồng bào có ruộng làm riêng cho du kích, cung cấp lúa gạo cho anh em 2 năm liền.

Ngày 13/6/1961, địch tràn vào Lòng Chảo, du kích xã cùng bộ đội 195 tương kế, tỵ kế đột kích phá tan chốt dân vệ ở ấp Long Hiệu.

Năm 1963, cơ sở xã làm công tác binh vận, kêu gọi được 15 dân vệ ở đồng Long Tân làm nội ứng, tạo điều kiện cho du kích tiến công đồn diệt 8 tên, gọi hàng 19 tên, thu 35 súng các loại.

Ngày 5/7/1964, Đại đội 240 của huyện cùng du kích xã phục kích trên lộ 17 diệt 2 xe quân sự và 14 tên địch, trong đó có 1 thiếu úy nguy và 1 tên ác ôn của yếu khu Tuy Hạ. Trong năm này tại trận đánh ở Vàm Ông Huê, du kích và bộ đội đã bắn chìm 4 tàu địch, diệt 18 tên lính nguy.

Những năm 1962-1964, địch ra sức đàn áp phong trào quần chúng trong xã, dồn dân lập ấp chiến lược dựng tề xã, áp kìm kẹp song nhân dân Long Tân không khuất phục. Các cơ sở mật phục vụ du kích, bộ đội đánh nhiều trận thọc sâu thắng lợi, diệt hơn 10 tên ác ôn, chỉ điểm, giải tán tề xã. Từ tháng 3/1965, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, đồng bào Long Tân tổ chức được hàng chục đợt phá ấp chiến lược, mỗi đợt có từ 100-150 người tham gia. Đến cuối năm 1965, các ấp chiến lược của địch trong xã đều bị phá tan, 3 trung đội dân vệ của địch tan rã. Trong khí thế sôi



nổi đó, hàng chục thanh niên Long Tân thoát ly vào căn cứ tham gia kháng chiến.

Trong 2 năm 1964-1965, nhằm hỗ trợ cho phong trào phá ấp chiến lược của đồng bào trong xã, du kích Long Tân đã nhiều lần táo bạo thọc sâu vào lòng địch diệt ác, phá kìm, giải tán hội đồng xã ấp và diệt hơn 10 tên ác ôn, điệp báo và binh định.

Giữa năm 1965, được cơ sở cung cấp tin tức, du kích Long Tân và bộ đội 240 phục kích 1 tiểu đội lính nghĩa quân tại ấp Long Hiệu, tiêu diệt 6 tên, thu 5 súng tiểu liên.

Trong năm 1966, du kích Long Tân và C240 của huyện đánh 2 trận thắng giòn giã, trong đó trận Bến Trảng (ấp Long Hiệu) ta diệt 42 lính Cao Đài, bắt sống 1 tên, thu 22 súng các loại, có 1 đại liên và 3 trung liên. Trận tập kích đồn Long Hiệu, nhờ có cơ sở nội tuyến, quân ta tiến công địch vào giữa đêm, diệt và làm bị thương 9 tên, bắt sống 8 tên, thu 17 súng. Những trận đánh trong năm 1966 đã làm binh lính, chính quyền Nhơn Trạch rất lo sợ.

Như vậy, trong những năm 1965-1966, Long Tân trở thành vùng giải phóng. Chúng bắn pháo vào xã, tổ chức càn quét bắt hàng chục người giam giữ đưa lên khám Chí Hòa, đày ra Côn Đảo nhưng nhân dân Long Tân vẫn đấu tranh mạnh, liên tiếp tổ chức hàng chục cuộc đấu tranh từ 30-50 người kéo lên đồn, lên quận lỵ Nhơn Trạch đòi chúng không được bắn pháo vào nhà cửa, vườn tược, đòi bồi thường hư hao cây trái và nhà dân. Nhân dân trong xã còn tham gia gần ngàn ngày công đào đường, phá cầu cống, đắp ụ ngăn chặn giao thông trên lộ 17, đi dân công tải thương, tải đạn cho bộ đội đánh giặc.

Trong đợt tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, nhiều quần chúng trong xã dùng ghe chở bộ đội qua sông đánh giặc. Có hàng trăm gia đình chà gạo từ 50-100 lít (khoảng 80kg) dự trữ cùng thực phẩm, muối để tiếp tế cho bộ đội. Chị em phụ nữ tổ chức được nhiều đợt thăm, tặng quà cho bộ đội, thương binh động viên chiến sĩ đánh giặc.

Tháng 2/1968, sau khi nghiên cứu năm quy luật hoạt động đường sông của tàu giặc, du kích Long Tân cung cấp tin và phối hợp 1 phân đội của bộ đội Đoàn 10 đặc công Rừng Sác phục kích đánh tàu tải đạn của Mỹ ở khu vực rạch Ông Cuôi, ấp Vĩnh Tuy, đánh chìm 3 tàu, 8 xà lan, 8 ngàn tấn bom, đạn các loại và thu 1 ngàn trái cối 81 của địch. Tiếp đó, cũng tại ấp Vĩnh Tuy, du kích cùng bộ đội 240 của huyện đánh địch càn quét diệt 35 tên, làm bị thương 17 tên, bắt sống 1 tên.

Đặc biệt, những năm 1969-1971 là giai đoạn cực kỳ ác liệt ở huyện Nhơn Trạch, địch sử dụng tới cấp trung đoàn quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu Thái Lan, nhiều tiểu đoàn quân Sài Gòn bình định, bảo an, dân vệ dày đặc cùng máy bay và hàng chục xe tăng, xe ủi triệt phá rừng Lòng Chảo. Song Xóm Hố - Long Tân vẫn là căn cứ của lực lượng vũ trang và các cơ quan huyện. Dưới sự giúp đỡ đùm bọc của nhân dân Long Tân, bắt chập bom đạn, ác liệt, tổn thất, căn cứ Xóm Hố vẫn tồn tại, bộ đội, cơ quan vẫn bám trụ cho đến đầu năm 1971 mới dời về Phước An.

Đầu năm 1969, tại ấp Bình Phú, đội biệt động huyện cùng du kích phục kích xe chở lính tiếp viện cho đồn cầu sắt trên lộ 17, diệt 25 tên trong đó có 2 tên Mỹ, phá hủy 1 xe GMC.

Trong các đợt chống càn quyết liệt đầu năm 1971 để bảo vệ căn cứ Xóm Hố, dù lực lượng của địch đông gấp nhiều lần, song du kích xã, bộ đội huyện vẫn liên tục đánh địch nhiều trận bằng các hình thức tập kích, phục kích xung quanh căn cứ diệt hàng chục tên địch, phá hủy 1 xe tăng và 1 xe ủi.

Năm 1972, đã phục vụ cho đoàn 10, đánh chìm 3 tàu địch cùng 12 ngàn tấn đạn dược tại Vàm Cá Mấu, Rạch Sơn, Ông Huê sông Đồng Nai.

Với tinh thần chiến đấu dũng cảm của lực lượng vũ trang xã, cùng tấm lòng kiên trung của đồng bào Long Tân, qua giai đoạn ác liệt, đến tháng 1/1975, Long Tân lại được huyện chọn làm căn cứ đứng chân để chỉ đạo chiến dịch mùa khô. Đầu tháng 4/1975,

Long Tân giải phóng được 3 ấp và ngày 27/4/1975, khi các đơn vị chủ lực tiến qua xã tấn công Sài Gòn, đồng bào và du kích Long Tân đồng loạt tiến công, nổi dậy giải phóng hoàn toàn quê hương.

Long Tân là xã sớm có truyền thống đấu tranh cách mạng từ những năm 20 đầu thế kỷ. Dưới truyền thống đó, trải qua 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân Long Tân đã vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, tổn thất một lòng theo Đảng đến cùng, không ngừng đóng góp sức người sức của cho cách mạng, cho kháng chiến.

Tính chung trong 2 cuộc kháng chiến nhân dân trong xã đóng góp hàng vạn tạ lúa, hàng trăm tấn gạo để nuôi cán bộ, bộ đội, tham gia hàng chục ngàn ngày công phục vụ kháng chiến, đào đường, phá cầu, lập ụ chiến đấu, đào hầm ngăn xe giặc, phá ấp chiến lược và phục vụ bộ đội đánh giặc, đã tự phá dỡ nhà cửa, chặt phá hàng ngàn cây ăn trái để tiêu thổ kháng chiến, đóng góp hàng ngàn kg đồng, gang, sắt cho bộ đội đúc súng đạn, tổ chức hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị với địch, tiễn đưa con em của mình lên đường tòng quân cứu nước, trong đó 120 người con ưu tú của xã đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Những hy sinh đóng góp to lớn đó của nhân dân Long Tân góp phần quan trọng để Long Tân có một vùng lớn căn cứ của huyện trong suốt thời kỳ chiến tranh.

Lực lượng vũ trang xã Long Tân sớm được thành lập trong cả thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Tuy lực lượng không nhiều lại phải luôn đương đầu với một kẻ thù mạnh và đông đảo là quân Pháp, quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu Thái Lan, quân đội Sài Gòn được trang bị đầy đủ vũ khí cả máy bay, xe tăng, pháo binh, cùng mạng lưới tề, điệp ác ôn dày đặc nhưng các chiến sĩ dân quân du kích xã luôn phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh tổn thất, không ngừng tiến công địch. Lực lượng vũ trang xã Long Tân đánh hơn 1 ngàn trận lớn nhỏ khi độc lập, khi phối hợp cùng bộ đội tiêu diệt hàng trăm tên địch cả Mỹ, tay

sai Thái Lan, thu hơn 100 súng các loại, đánh chìm hàng chục tàu, thuyền của địch, phá hỏng hàng chục ngàn tấn bom, phá hủy nhiều xe quân sự, xe tăng của chúng.

Với những thành tích vẻ vang của 2 cuộc kháng chiến, xã Long Tân đã có 6 bà mẹ được phong tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 87 gia đình được công nhận là gia đình liệt sĩ. Toàn xã được tặng thưởng 375 huân, huy chương, trong đó có 12 Huân chương Chiến công, 65 Huân chương Chiến sĩ giải phóng, 31 Huân chương Chiến thắng, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang.

Đặc biệt, vào năm 2000, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Tân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đông

Xã Phú Đông<sup>(1)</sup> có diện tích tự nhiên 2.172 héc-ta, nằm ở hướng Tây - Tây Nam của huyện Nhơn Trạch. Địa bàn xã có vị trí chiến lược rất quan trọng, phía Bắc giáp xã Đại Phước, phía Nam giáp xã Phước Khánh và căn cứ Rừng Sác, phía Đông giáp căn cứ quân sự kho bom Thành Tuy Hạ, phía Tây giáp sông Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về dân số, trước năm 1975 xã có trên dưới 1 ngàn hộ với khoảng 5 ngàn khẩu. Nhân dân trong xã sống bằng nghề nông là chủ yếu.

Địa hình xã là một vùng lòng chảo khép kín, phía Bắc có tỉnh lộ 25A chạy sát thông qua Sài Gòn, đi Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Tây có 7km đường thủy đi hướng Biên Hòa - Đồng Nai và chảy ngược vào quân cảng Sài Gòn, xuôi ra cửa biển Vũng Tàu. Có hương lộ 319 đi qua suốt chiều dài của xã.

Trong xã có hệ thống kênh rạch chằng chịt thông ra sông Nhà Bè và vùng căn cứ Rừng Sác, phía Đông gần trung tâm xã là vùng đất cao dễ quan sát không chế toàn xã. Có 2 hướng tiếp giáp với căn cứ quân sự lớn của địch (Quân cảng Nhà Bè - Kho bom Thành Tuy Hạ), 2 hướng tiếp giáp với căn cứ Rừng Sác và vùng kháng chiến của ta.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nhơn Trạch.

Với địch, chúng xác định địa bàn xã là vành đai chiến lược để bảo vệ Sài Gòn về phía Đông Nam và các căn cứ hậu cần kỹ thuật quân sự của chúng (quân cảng Nhà Bè, kho bom Thành Tuy Hạ), là hướng ngăn chặn chủ yếu sự chi viện của ta cho căn cứ Rừng Sác vào vùng kháng chiến Lòng chảo Nhơn Trạch và Biên Hòa.

Trong khi đó, do địa bàn xã có rừng rậm và hệ thống kênh rạch, dân cư đông sống tập trung, nên lực lượng cách mạng dễ xâm nhập, trà trộn đi lại đồng thời trú ẩn cơ động lực lượng, tổ chức các trận đánh nhỏ lẻ gây tổn thất và nguy hiểm cho địch. Xã Phú Đông còn là hậu phương chi viện sức người sức của cho căn cứ Rừng Sác, vùng kháng chiến lòng chảo Nhơn Trạch, là bàn đạp cho lực lượng ta tổ chức tiến đánh vùng ven Sài Gòn và các căn cứ quân sự của địch.

Đối với địch, xã Phú Đông cũng là địa bàn quan trọng có chiến lược về quân sự nên địch bố trí đông lực lượng và đầy đủ các quân binh chủng, nhưng phần lớn là ta tác chiến với hải quân, lục quân, quân chư hầu của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Lực lượng địch thường xuyên từ 2-3 tiểu đoàn mỗi hướng. Thời điểm căng thẳng, địch huy động lực lượng cấp trung đoàn và có lúc lên tới sư đoàn đóng quân trên địa bàn xã Phú Đông.

Về đấu tranh vũ trang, trong suốt 2 thời kỳ kháng chiến, quân và dân Phú Đông luôn phải đối đầu và tác chiến với các đối tượng lực lượng địch đông và có vũ khí trang bị hiện đại.

Tổng kết trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Phú Đông phối hợp với bộ đội đặc công thủy đánh 17 trận, phối hợp với bộ đội Nhà Bè đánh 15 trận, chủ yếu phá kho xăng Nhà Bè, cùng bộ đội Thủ Đức tổ chức 12 trận đánh chống càn; độc lập tác chiến 165 trận như: gài trái, phục kích, bao đồn giặc. Kết quả, quân dân xã Phú Đông đã tiêu diệt 340 tên, trong đó có 24 tên lính Pháp, bắn chìm 1 tàu quân sự, 4 thuyền máy, bắn cháy 1 xe quân sự thu 158 súng các loại, 2 hòm đạn, 43 lựu đạn.

Kháng chiến chống Mỹ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Phú Đông phối hợp với Đoàn 10 đặc công Rừng Sác đánh 29 trận trên

sông Lòng Tàu; phối hợp với bộ đội Nhà Bè đánh kho xăng 17 trện; phối hợp với D240 tỉnh, C240 huyện đánh 56 trện; phối hợp với bộ đội Thủ Đức đánh 24 trện, độc lập tác chiến như gà trái, phục kích, phá áp chiến lược, diệt ác ôn 346 trện. Kết quả đã diệt 568 tên, trong đó có 186 tên Mỹ, 9 tên Thái Lan, 36 tên ác ôn, thu 274 súng các loại, trong đó có 3 đại liên, 7 trung liên, 12 tiểu liên, 1 súng cối, 170 lựu đạn, 96 hòm đạn, 3 máy thông tin PRC25, 2 máy PRC10, bắn chìm 1 tàu, 6 thuyền máy, bắn cháy 3 máy bay lên thẳng, phá hủy 3 xe thiết giáp M113, 4 xe GMC.

Về đấu tranh chính trị, do nằm trong vùng kiểm soát của địch nên đồng bào Phú Đông bị địch đàn áp nặng nề, khắc nghiệt, dã man. Trước tình hình đó, nhân dân xã liên tục đứng lên đấu tranh, biểu tình chống lại sự đàn áp của địch từ tự phát đến tự giác và trở thành phong trào rộng rãi trong toàn xã. Nhân dân trong xã đã tiến hành thành lập ban lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ và quyền con người trong toàn xã. Ban lãnh đạo gồm một số cụ ông, cụ bà dưới sự phụ trách chung của cụ ông Võ Văn Hảo và cụ bà Chín Ngư. Khi xảy ra vấn đề, ban tổ chức huy động nhân dân kéo đi đấu tranh với chính quyền địa phương.

Thời kỳ chống Pháp, nhân dân trong tổ chức 13 lần đấu tranh biểu tình phản đối việc phá hoa màu, bắn vào thôn xóm đòi dân sinh - dân chủ, buộc địch phải bồi thường tài sản và tính mạng, kết hợp với du kích xã sau mỗi lần đấu tranh là tiến hành rải truyền đơn vạch mặt kẻ thù, kêu gọi đoàn kết chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp và tay sai.

Thời kỳ chống Mỹ, chỉ trong năm 1956, toàn xã đã có 500 đồng bào kéo về quận lỵ Nhơn Trạch đấu tranh chống trưng cầu dân ý, làm cho cuộc vận động trưng cầu dân ý của địch tại xã Phú Đông bị thất bại.

Năm 1964, má Sáu Ngũ và má Tám Ứng dẫn đầu đoàn biểu tình khoảng 1 ngàn người tập trung kéo về Sài Gòn biểu tình phản đối địch ném bom giết hại 536 người tại ngã ba Giồng Sắn, trong đó có

108 người dân của xã làm nghề chài lưới bị chết một cách vô tội. Cuộc biểu tình đấu tranh này gây tiếng vang lớn trong và ngoài địa phương, buộc địch phải mang tiền bồi thường đến từng gia đình có người thân bị giết hại.

Năm 1964-1965, đồng bào tổ chức kéo về quận lỵ Nhơn Trạch đấu tranh tố cáo địch rải chất độc hóa học làm hư hại hoa màu với hàng ngàn chữ ký trong đơn và kèm theo những tấm ảnh chụp cụ thể, buộc tên quận trưởng phải nhượng bộ giảm 50% số thuế.

Năm 1968, địch ném bom vào khu dân cư làm sập 18 căn nhà chết 7 người dân, đồng bào tổ chức chôn xác nạn nhân lên quận đấu tranh biểu tình buộc địch phải bồi thường thiệt hại nhà cửa và tính mạng cho nhân dân.

Trong công tác binh vận, Đảng ủy xã bảy giờ giao nhiệm vụ này cho Hội Mẹ chiến sĩ do má Sáu Ngũ phụ trách, giao cho Đoàn Thanh niên, Phụ nữ đảm trách mục tiêu vừa bảo vệ vợ con lính vừa khuyên nhủ, vừa hù dọa. Kết quả, năm 1952 có 3 lính Commando mang súng ra đầu hàng, trong đó 1 tên người ở xã, 1 tên ở Hồ Nai. Năm 1953, có 2 nhân viên chính quyền địa phương bỏ hàng ngũ về Sài Gòn, 23 lính địa phương bỏ trốn. Năm 1963, khi Ngô Đình Diệm bị đảo chính và bị giết khiến địch hoang mang, tổ binh vận xã đã viết thư kêu gọi địch trong các ấp chiến lược, có 16 tên dân vệ đào ngũ, tạo điều kiện cho du kích phá ấp tịch thu 14 súng các loại.

Trong phong trào diệt ác phá kìm, nhân dân Phú Đông bằng sự mưu trí, dũng cảm, thông minh, trong 2 kỳ kháng chiến, đã trừng trị 36 tên ác ôn, trong đó có những tên khét tiếng bị trừng trị như: Hai Giò, Tư Nở, Tư Cúp, Ba Thức, Sáu My.

Địch âm mưu xây dựng ấp chiến lược nhằm “tát nước bắt cá”, giành đất, kiểm soát nhân dân ngăn chặn lực lượng cách mạng trà trộn dựa vào dân để hoạt động cũng như xây dựng cơ sở hậu phương chi viện cho căn cứ và vùng kháng chiến. Trong suốt 13 năm, địch đã xây dựng trên địa bàn xã 4 ấp chiến lược nhưng cứ xây xong là bị ta phá liền, địch làm đi làm lại nhiều lần. Đến năm 1973, địch không



còn khả năng xây dựng ấp chiến lược trên địa bàn xã.

Về xây dựng cơ sở, chi viện sức người, sức của cho cách mạng, mặc dù địa bàn xã bị địch kìm kẹp chặt nhưng trong suốt 30 năm kháng chiến, xã Phú Đông vẫn là cơ sở của cách mạng là địa bàn đóng trú ém quân của Trung đoàn 10 đặc công thủy, Đại đội Nhà Bè, đại đội Thủ Đức.

Đồng bào Phú Đông giữ vững truyền thống yêu nước, ngoài việc công khai đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, nhân dân địa phương còn là nơi cung cấp sức người, sức của và là hậu phương lớn của căn cứ Rừng Sác, các vùng kháng chiến thuộc khu lòng chảo Nhơn Trạch.

Trong 2 thời kỳ kháng chiến, nhân dân xã đã vận động trên 430 lượt thanh niên lên đường nhập ngũ bảo vệ quê hương. Tiêu biểu là: gia đình má Chín Ngư có 3 con, gia đình má Năm Thơm có 4 con, gia đình má Bảy Tròn có 4 con, gia đình má Sáu Lạt có 3 con, gia đình má Sáu Nguyệt có 6 người con... tất cả đều đi bộ đội.

Trong 2 cuộc kháng chiến, đồng bào trong xã đã đóng góp cho cách mạng 390 tấn lương thực, phong trào Hũ gạo nuôi quân được duy trì suốt những năm từ 1961 đến 1974, 372 hộ đã đóng góp được 2.100kg gạo.

Trong công tác xây dựng Đảng và chính quyền, ngày 22/12/1946, chi bộ Đảng đầu tiên của xã được thành lập gồm 3 đồng chí, lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược và bọn phản động. Đến năm 1954, tổng số đảng viên toàn xã có 37 đồng chí. Sau năm 1954 có 14 đồng chí đi tập kết, 18 đồng chí đi điều lắng, bám trụ hoạt động bí mật tại địa phương là 5 đồng chí. Đến năm 1963 số đảng viên trong xã bắt đầu được củng cố, phát triển; sau ngày miền Nam giải phóng 30/4/1975, tổng số đảng viên toàn xã là 43 đồng chí. Trong quá trình hoạt động có 26 đồng chí đảng viên hy sinh, 9 đồng chí bị bắt cầm tù, 4 đồng chí bí thư chi đảng bộ hy sinh trong các thời kỳ.

Tháng 2/1946 diễn ra trận đánh quân Pháp đầu tiên tại vàm Ông Chuốt. Một tàu chiến chở quân Pháp càn vào vàm đã bị lọt vào ô

phục kích của du kích xã, dưới sự chỉ huy của đồng chí Năm Trú tấn công địch bằng 2 trái AT, 3 tay súng với 145 viên đạn còn lại là giáo mác, tầm vong. Khi điểm hỏa tàu giặc bị bốc cháy, lính địch bỏ chạy tháo mạng.

Kết quả ta tiêu diệt 14 địch, bắt sống 5 tên, thu 19 súng trường, 2 khẩu colt 45, 12 lựu đạn, 1 hòm đạn. Đây là chiến thắng đầu tiên của quân và dân xã, gây tiếng vang lớn, củng cố tạo niềm tin trong đồng bào, lực lượng du kích xã có thêm vũ khí để tiếp tục đánh địch.

Tháng 3/1967, lực lượng du kích xã phối hợp với bộ đội Nhà Bè dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Quyết Chiến (Sáu Chiến) tiến đánh một tiểu đoàn Mỹ khi chúng tổ chức càn vào ấp Giồng Ông Đông. Lợi dụng địa hình kênh rạch, lực lượng của ta luồn lách chia cắt đội hình của địch trận đánh kéo dài từ 10 giờ-14 giờ, ta tiêu diệt 7 tên lính Mỹ, làm bị thương nhiều sinh lực địch, bắn cháy 1 máy bay lên thẳng.

Trận đánh táo bạo vào đêm 26 rạng sáng 27/10/1967, sau khi theo dõi đánh các vị trí đóng quân dã ngoại của bọn Mỹ, đồng chí Sáu Chiến cùng đồng chí Tám Tâm dùng bùn non ở sông rạch bôi vào khắp mình cải trang chống sự phát hiện của chó becgiê. Bằng sự táo bạo mưu trí, 2 đồng chí bò vào đội hình địch lấy được 2 khẩu M16, gài trái nỏ rồi bò ra. Khi trái phát nổ, ta diệt tại chỗ 9 tên lính Mỹ và 1 số bị thương, bọn Mỹ còn lại hoảng sợ bỏ chạy.

Ngày 3/6/1968, khi chi bộ xã đang họp tại Sở Dừa có 2 đồng chí cán bộ cấp trên về dự. Đang họp, bọn địch càn đến bằng tàu chiến và 2 xuồng máy. Bằng sự mưu trí, dũng cảm, đồng chí Sáu Chiến cùng anh em chiến sĩ du kích tiếp cận địch bố trí vị trí phục kích. Khi địch tiến vào trận địa, ta tiến hành điểm hỏa mìn ĐH10 làm tàu địch bốc cháy. Với 18 tay súng chiến sĩ ta đã kiên quyết chống trả địch buộc phải rút chạy. Kết quả, ta tiêu diệt 34 tên bắn cháy 1 tàu chiến, bảo vệ các đồng chí cấp trên rút ra an toàn.

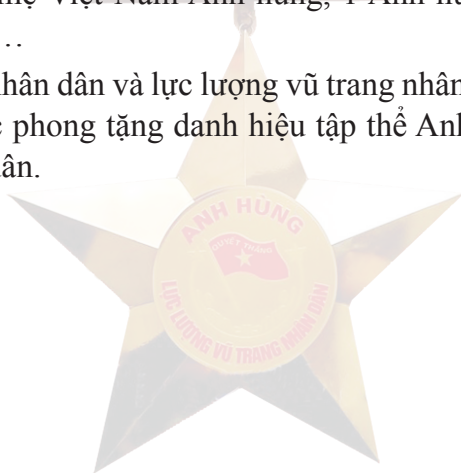
Ngày 14/6/1972, du kích xã phối hợp với Đoàn 10 đặc công thủy, tổ chức đánh vào kho xăng Nhà Bè với 26 trái cối 82 đã trúng bồn

xăng bốc cháy phá hủy của địch 10 triệu lít xăng, dầu.

Với lòng căm thù giặc sâu sắc, Đảng bộ và nhân dân xã Phú Đông kiên trì bám đất, bám làng, xây dựng cơ sở chính quyền cách mạng, anh dũng kiên cường vượt qua mọi gian khổ ác liệt liên tục tiến công địch, đấu tranh giành độc lập góp phần quan trọng và tích cực trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Toàn xã có 15 thương binh, 1 bệnh binh, 106 gia đình chính sách, 76 gia đình liệt sĩ, 35 gia đình có công với cách mạng.

Trong 2 cuộc kháng chiến vĩ đại, Đảng ủy, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Phú Đông được Đảng, Nhà nước khen tặng: 82 Huân chương Quân công kháng chiến; 680 Bằng Gia đình vẻ vang; 7 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 1 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân...

Năm 2000, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đông được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Lực lượng giao bưu thông tin liên lạc tỉnh Đồng Nai

Cuối năm 1954, Xứ ủy Nam bộ và Liên Tỉnh ủy miền Đông quyết định tách Thủ Biên, lập lại hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Lúc này ở tỉnh Biên Hòa, lực lượng giao liên<sup>(1)</sup> hầu như phải xây dựng lại mới với nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở trong dân để làm căn cứ cho Tỉnh ủy đến ở và làm việc, luôn có điểm dự bị để di chuyển khi bị lộ; xây dựng một hệ thống giao liên công khai, đi lại hợp pháp để đưa đón cán bộ và đi thư về liên Tỉnh ủy, xuống các Huyện ủy.

Từ năm 1955, cơ quan của Tỉnh ủy Biên Hòa dời căn cứ tới đâu, ban giao liên phải chuyển các trạm đầu mối theo tới đó để phục vụ kịp thời cho Tỉnh ủy chỉ đạo phong trào.

Những năm 1958-1959, Tỉnh ủy về đóng ở xã Hiệp Hòa, nhiều gia đình ấp Đá Hàn là cơ sở nuôi chứa cán bộ do Ban Giao liên xây dựng để liên lạc và đón cán bộ khi về Tỉnh ủy làm việc.

Tháng 5/1955, giao liên Biên Hòa đưa thành công đồng chí Nguyễn Trọng Tâm, cán bộ binh vận của Xứ ủy về Long Thành, tìm cách liên lạc với nhóm Bình Xuyên ly khai; từ cơ sở giao liên là nhà chị Mười Ánh Tuyết ở Nhơn Trạch, các đồng chí Vũ Hồng Phô, Nguyễn Văn Thông đưa đoàn cán bộ phụ trách binh vận vận động được trung tá Võ Văn Môn, tham mưu trưởng Bình Xuyên, đồng ý

---

(1) Nguồn: Lịch sử Bưu điện Đồng Nai, NXB Đồng Nai, tái bản, 2000.

đưa tiểu đoàn 3 Bình Xuyên về hợp tác với cách mạng chống chính quyền Ngô Đình Diệm.

Tháng 8/1955, Ngô Đình Diệm mở chiến dịch Hoàng Diệu đánh vào Rừng Sác, giao liên của ta hướng dẫn, đưa lực lượng này vượt lộ 15 thoát vòng vây của địch về khu Hắc Dịch, rừng Xuyên Mộc và sau đó về Chiến khu Đ an toàn.

Tháng 12/1956, trong cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp, mẹ Tạ Thị Lộc làm giao liên quan hệ giữa Đảng ủy trong nhà tù với Ban binh vận Xứ ủy và Tỉnh ủy Biên Hòa tạo đường dây liên lạc, chỉ đạo từ ngoài vào trong nhà tù Tân Hiệp, góp phần thúc đẩy chủ trương phá khám. Khi cuộc phá khám nổ ra theo kế hoạch ngày 2/12/1956, trên 462 cán bộ chiến sĩ cách mạng bị giam giữ ở nhà tù Tân Hiệp thoát ra, chia làm nhiều đoàn đi về nhiều hướng để phân tán sự truy bắt của địch. Nhiều chiến sĩ cách mạng bị giam là người địa phương đã cùng người dân làm giao liên dẫn đường đưa một số đoàn về địa phương, hoặc ra vùng căn cứ an toàn.

Từ năm 1958, giặc đánh phá cách mạng ráo riết hơn. Nhiều cơ sở cách mạng và đường dây giao liên bị phá vỡ. Nhưng nhờ biết dựa vào dân, được dân che chở nên rất nhiều cán bộ của ta đã thoát hiểm, tồn tại hoạt động trong lòng địch. Nhiều cán bộ giao liên thể hiện tinh thần, ý chí cách mạng, sự kiên định và lòng trung thành với lý tưởng cách mạng khi rơi vào tay kẻ thù: như anh Phụng, tổ trưởng giao liên bí mật, bị bọn phản bội chỉ điểm cho công an nguy bắt, tra tấn dã man. Anh không khai báo nên bị đày ra Côn Đảo và hy sinh. Hay anh Út Đen (tức Trúng) bị địch chặn bắt ở cầu Ghềnh (xã Hiệp Hòa). Địch không khai thác được nên đày ra Côn Đảo và sau đó anh hy sinh.

Năm 1959, Ngô Đình Diệm ban hành luật 10/59 đặt Cộng sản ra ngoài vùng pháp luật, lê máy chém đi khắp nơi. Tình hình căng thẳng hơn bao giờ hết. Ngày 20/8/1959, tên Ba Chánh, Trưởng Ban giao liên công khai tỉnh Biên Hòa dẫn giặc về bắt Bí thư Tỉnh ủy, hàng loạt cán bộ, đảng viên cơ sở cốt cán ở Vĩnh Cửu, Tân

Uyên, cùng nhiều người trong hệ thống giao liên công khai do hấn xây dựng. Chỉ tính từ tháng 5 đến tháng 9/1959, bọn phản bội dẫn địch về bắt trên 300 cán bộ, đảng viên, đoàn viên và cơ sở cốt cán ở Long Thành, Vĩnh Cửu, Tân Uyên và thị xã Biên Hòa, trong đó có hàng chục anh chị em trong đường dây giao liên công khai.

Tiếp đó, ngày 31/10/1959, tên Hà Tư (Bí thư Huyện ủy Long Thành) phản bội ra hàng giặc, hấn đã khai báo và dẫn địch về bắt rất nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng cốt cán đã từng công tác chung, từng bảo vệ nuôi dưỡng hấn. Ngày 2/11/1959, trời vừa chạng vạng tối, 2 giao liên Trần Văn Bi (tức Bảy Thuyền) và Lê Văn Bê đi lấy thư thì bị bắt. Đồng chí Trần Văn Bi chiến đấu anh dũng nhưng biết không sống được, tự bứt ruột, hy sinh vào sáng 3/11/1959. Đồng chí Lê Văn Bê bị địch bắt giam...

Tháng 9/1960, Xứ ủy Nam Bộ và Liên Tỉnh ủy miền Đông sáp nhập 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên. Giao liên 2 tỉnh nhập lại thành Ban Giao liên tỉnh Thủ Biên, đóng căn cứ tại Cây Khế, rừng Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Tân (lúc đó thuộc huyện Châu Thành, nay thuộc thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Nhiệm vụ trước mắt của Ban Giao liên Thủ Biên là tổ chức đưa cán bộ, nhân viên, chiến sĩ của các cơ quan đơn vị của tỉnh Thủ Dầu Một từ căn cứ Sở Bác Vật qua Chiến khu Đ, căn cứ mới của tỉnh. Hàng đoàn cán bộ từ 5-7 người đến vài chục người lần lượt được chuyển sang địa điểm mới. Lúc này, lực lượng địch trên đường 16 còn mạnh, anh em đưa đường phải nguy trang cẩn thận, không để lộ dấu chân, dấu dép nhiều người, ngày nghỉ, đêm hành quân. Tuy vất vả, song tất cả đều đến nơi an toàn. Một cuộc chuyển quân tương đối rầm rộ mà vẫn giữ được bí mật là một thắng lợi lớn của giao liên, được Tỉnh ủy khen ngợi.

Đầu năm 1961, Ban Giao liên đã dẫn đường cho tiểu đoàn 500 Quân khu phối hợp với lực lượng vũ trang đại phương quận Châu Thành tấn công bọ Bến Xoài. Trận đánh không thành công. Địch còn cố thủ trong một lô cốt để chờ chi viện. Đêm đó, anh em giao

liên dẫn bộ đội băng qua đường 13 về xã An Điền (Nam Bến Cát). Đến nơi an toàn. Sáng hôm sau địch truy kích bị ta đón đánh gây nhiều thương vong.

Tháng 7/1961, Thường vụ Xứ ủy tách Thủ Biên thành các tỉnh: Biên Hòa, Phước Thành, Bình Dương. Ban Giao liên tỉnh Thủ Biên giải thể để hình thành Ban Giao liên tỉnh Biên Hòa; Ban Giao liên tỉnh Bình Dương; Ban Giao liên tỉnh Phước Thành.

Trước đó, năm 1959, do sự phản bội của một số đối tượng, cơ sở của Đảng bộ Biên Hòa, đặt biệt là ở Vĩnh Cửu, Long Thành và thị xã Biên Hòa gần như mất trắng. Năm 1960-1961, tuy thực lực cách mạng đã xây dựng lại được nhưng chỉ vồn vẹn có 7-8 người.

Đến năm 1962, tình hình chung tương đối ổn định, công việc của ngành giao liên trôi chảy, bộ máy phát triển khá. Tuyến hành lang liên tỉnh của ta từ chiến khu Đ (T1) qua Xuân Lộc (Biên Hòa) về Bà Rịa, Vũng Tàu được nối thông. Phong trào cách mạng vùng nông thôn, vùng đồn điền cao su được phát triển khá, tổ chức cơ sở được xây dựng lại ở nhiều nơi.

Đến cuối năm 1962, Ban Giao liên tỉnh Biên Hòa đóng tại Suối Cả huyện Long Thành. Với số lượng nhân viên ngày càng tăng thêm, Ban hoàn chỉnh văn phòng ban và ba trạm tỉnh.

Tháng 3/1963, Trung ương Cục miền Nam quyết định sáp nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên. Song tỉnh Bà Biên không tồn tại lâu, do việc sáp nhập tỉnh không tính toán kỹ nên gây trở ngại cho chỉ đạo phong trào ở Biên Hòa. Khu ủy quyết định giải thể tỉnh Bà Biên vào tháng 12/1963.

Thời kỳ này, Ban Giao liên đổi tên thành Ban Giao bưu vận, với nhiệm vụ nặng nề hơn. Trước chỉ đưa rước khách, vận chuyển công văn, sách báo, thì lúc này đảm trách thêm nhiệm vụ vận tải hàng chiến lược (chủ yếu là nhận hàng A chi viện theo đường biển từ Bến Tre lên Cần Giờ qua Rừng Sác, vượt lộ 15 qua Hắc Dịch về Chiến khu Đ). Giao bưu Biên Hòa có nhiệm vụ chuyển vũ khí từ Hắc Dịch về giao cho trạm Khu ở Bắc sông Đồng Nai (chiến

khu Đ) để chuyển về Trung ương Cục (R), đồng thời tiếp nhận hàng từ Khu về cung cấp cho Biên Hòa, Bà Rịa. Anh em gọi đó là hàng “Ông Cự”, có nhiều loại, rất phong phú, từ vũ khí đến thuốc men, lương thực... từ miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam (B2), theo đường 559.

Ban Giao bưu vận của tỉnh vận động thêm tân binh, tăng cường cho các trạm, mua thêm xe đạp cải tiến thành xe thồ. Mỗi chuyến đi tải hàng từ 3 đến 5 xe, mỗi xe thồ được từ 120-150 kg hàng, do 1 hoặc 2 người phụ trách một xe. Những năm 1963-1964, địch chưa phát hiện nên anh em đi lại tương đối dễ dàng, dùng xe thồ từ Hắc Dịch đến Nam quốc lộ 1, từ đó chuyển sang tải bằng vai. Nhân viên giao bưu có cả nam lẫn nữ. Công việc nặng nhọc, cực khổ và nguy hiểm hơn, song mọi người đều vui vẻ, phấn khởi vì tiếp nhận được hàng càng nhiều càng tăng cường sức mạnh chiến đấu cho lực lượng kháng chiến, góp phần cho bộ đội đánh lớn, địch thua to.

Trước tình hình địch tăng cường đánh phá, hàng chiến lược vận tải về trên không kịp phải có chỗ bí mật để cất giấu tạm thời, do đó cán bộ, chiến sĩ của ngành giao bưu có thêm nhiệm vụ đào địa đạo.

Tháng 9/1965, Trung ương Cục quyết định nâng thị xã Biên Hòa lên thành đơn vị tương đương cấp tỉnh, lấy mật hiệu là U1. Thường vụ Tỉnh ủy U1 ủy quyết định thành lập Ban Giao bưu vận U1 có trách nhiệm tổ chức các trạm đầu mối để nối thông tin liên lạc giữa Tỉnh ủy với Khu ủy, với Vĩnh Cửu và các cơ sở trong nội thành Biên Hòa.

Từ 1965-1967, đường dây Hưng Lộc vào thị xã Biên Hòa hầu hết dùng lực lượng chị em phụ nữ có giấy tờ và thể làm ăn hợp pháp để che mắt địch. Nhờ cơ sở quần chúng ở Hưng Lộc rất tốt và cán bộ giao liên công khai của ta hoạt động khéo che giấu nên đường dây này đã phục vụ rất đắc lực cho Tỉnh ủy trước và sau Mậu Thân.



Để xây dựng lực lượng nội thành, Tỉnh ủy tiến hành tổ chức 4 cánh công tác thọc sâu vào nội thành và các vùng ven thị xã Biên Hòa với mật danh CZ1, CZ2, CZ3 và CZ4. Mỗi cánh có một cấp ủy viên phụ trách, có cán bộ chính trị, vũ trang, đoàn thể.

Bằng đường dây giao liên công khai, từ cơ sở bàn đạp Hưng Lộc, giao liên Tỉnh ủy U1 đưa nhiều đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy và cán bộ vào hoạt động trong thị xã.

Nhờ tổ chức và bố trí các cánh đột nhập vào vùng ven và nội ô hoạt động đến cuối năm 1965 đầu năm 1966, các chi bộ Đảng ở các xã ven và các cơ sở ở khu phố nội ô đều được củng cố.

Chính từ bàn đạp Hưng Lộc, đường dây giao liên công khai của ta đưa các đồng chí Phạm Văn Hùng (Chín Hùng), Nguyễn Thanh Sơn (Ba Sơn)... về Bình Đa thành lập chi bộ Đảng năm 1967; xây dựng được nhiều cơ sở mật và hầm bí mật ở các ấp Lân Thành, Vĩnh Thị, xóm Gò Me (phường Thống Nhất), ở Hiệp Hòa, Bửu Hòa, Bình Đa, tạo điều kiện cho nhiều chiến sĩ biệt động, cán bộ bám trụ xây dựng thực lực và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống bắt lính, đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, chuẩn bị các kế hoạch tấn công địch.

Ngoài ra, ở khu vực Khu kỹ nghệ Biên Hòa, Tỉnh ủy U1 còn đưa đồng chí Nguyễn Thị Thu Hồng (vợ đồng chí Bảy Huệ) giao liên công khai của ta vào sống hợp pháp, phối hợp với đồng chí Sáu Bình (Nguyễn Hòa Bình) tập hợp và phát triển cơ sở trong các nhà máy, xí nghiệp...

Năm 1966-1967, quân và dân Biên Hòa kết hợp chặt đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng lực lượng, Tỉnh ủy U1 tạo được nhiều lõm chính trị bên trong, tổ chức được các bàn đạp tiến công vào thị xã, gây cho Mỹ nhiều tổn thất lớn như: pháo kích vào sân bay Biên Hòa đêm 28/2/1966, các trận đánh vào Tổng kho Long Bình đêm 22/6/1966 phá hủy hàng vạn tấn bom đạn của Mỹ...

Tại địa bàn Long Khánh, năm 1964 Ban Giao bưu tỉnh Long

Khánh chỉ có hơn 10 người, nhiệm vụ là nối thông liên lạc về Khu ủy miền Đông Nam Bộ và các huyện của tỉnh theo mật danh H1, H2, H3 và H4. Nổi bật trong giai đoạn này là anh Điều Quẹo là người dân tộc Chơ-ro. Năm 1960, anh vào ngành giao liên và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, không sợ khó khăn, gian khổ và ác liệt, 3 năm liền là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Tháng 2/1969, trong một trận chống càn bảo vệ đường dây, anh và các đồng đội diệt được 12 tên Mỹ, làm bị thương nhiều tên khác, cả tổ đều được Tỉnh đội trưởng ký quyết định công nhận là dũng sĩ diệt Mỹ. Năm 1969, anh hy sinh.

Đến tháng 10/1966, 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa và Long Khánh nhập lại, lấy tên là tỉnh Bà Biên. Giao thông liên lạc đường bộ từ Bà Biên xuống các huyện, từ huyện xuống các xã gặp khó khăn, nhưng bộ máy giao liên, cán bộ chiến sĩ giao liên vẫn bám đường, cắt rừng luồn lách đi thư, giúp cấp ủy chỉ đạo kịp thời, đưa đón cán bộ an toàn.

Khi Mỹ triển khai chiến tranh đặc biệt, chủ trương của ta là lách tránh địch là chính để bảo vệ và giữ hành lang. Khi địch chuyển sang thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ, khẩu hiệu và hành động của người chiến sĩ giao bưu là “đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”, xác định “hành lang là chiến trường, trạm là trận địa, hành trình là chiến công”. Khẩu hiệu đó thể hiện được tư tưởng tiến công và quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ giao bưu trong công tác đảm bảo đường dây.

Tháng 3/1966, lữ đoàn dù 199 Mỹ có phi pháo và 40 xe tăng yểm trợ bao vây càn quét khu căn cứ Lòng chảo huyện Nhơn Trạch, bộ đội địa phương huyện C240 và lực lượng du kích địa phương, đội bảo vệ của văn phòng Huyện ủy cùng giao liên huyện Nhơn Trạch bám trụ chiến đấu liên tục 7 ngày đêm, bắn rơi 4 máy bay trực thăng, bắn cháy 4 xe tăng và diệt 69 tên Mỹ, buộc chúng phải rút lui.

Cuối năm 1967, Trung ương Cục miền Nam có quyết định bố

trí lại các chiến trường, giải thể Khu ủy miền Đông, thành lập 5 phân khu, tạo thành 5 mũi nhọn chuẩn bị tấn công vào Sài Gòn, trung tâm đầu não của Mỹ và chế độ Sài Gòn.

Tại địa bàn U1, trong thời điểm 1965-1966, song song với nhiệm vụ luân chuyển thư từ, báo chí, Ban Giao bưu U1 còn được Tỉnh ủy giao thêm nhiệm vụ tổ chức vận chuyển vũ khí, hàng chiến lược. Ban xuống Tân Định (Vĩnh Cửu) mua 2 đôi bò và 2 chiếc xe thùng để vận chuyển hàng chiến lược từ Bà Rịa lên (tiếp nhận từ Trảng Bom đưa về bờ sông Đồng Nai). Công việc rất nặng nề và nguy hiểm. Nhưng từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc, Ban Giao bưu U1 hoàn thành nhiệm vụ một cách toàn vẹn và an toàn.

Đối với đường dây giao liên công khai liên lạc trong nội thành Biên Hòa, từ năm 1965 đã được củng cố và xây dựng khá vững chắc. Mỗi cánh bám trụ trong thị xã Biên Hòa trong thời kỳ này đều có giao liên công khai. Mỗi đơn vị chiến đấu, mỗi chi bộ mặt nội thành đều có giao liên riêng để xâu về đầu mối. Nhờ cách tổ chức này, Tỉnh ủy luôn nắm được tình hình trong nội thành, công tác chỉ đạo được nhanh chóng hơn, sâu sát hơn.

Các giao liên công khai đều được huấn luyện cách nghi trang thư từ bằng nhiều cách như: giấu công văn trong đầu tóc, trong lai áo, nghi trang trong hộp sữa, hộp bánh, trái bí, trái mít... để qua mắt địch. Mỗi giao liên công khai đều có sáng kiến riêng rất độc đáo, kể cả khi đưa cán bộ vào thành hoặc dẫn cán bộ từ nội thành ra căn cứ đều có chuẩn bị sẵn lý lẽ, ám hiệu để khi đi đường đảm bảo được an toàn.

Khi cuộc tổng tiến công Mậu Thân bùng nổ vào ngày 31/1/1968, lực lượng giao bưu vận Biên Hòa U1 góp phần rất tích cực vào việc phục vụ cho Bộ chỉ huy Tiền phương, cho các cánh đột nhập vào Biên Hòa, vào thành phố Sài Gòn - Gia Định để nắm cơ sở, truyền đạt nhiệm vụ và bố trí lực lượng xung kích dẫn đường cho bộ đội chủ lực khi đánh vào thành phố, dẫn

đường rút ra khi được lệnh.

Ở Biên Hòa U1, nhờ thực hiện việc bám trụ xây dựng cơ sở nội thành và xây dựng hệ thống giao liên công khai tốt trong những năm 1966-1967, nên đến đầu năm 1968 bằng đường giao liên công khai đã chuyển thành công vào nội thành 4 đợt hàng gồm vũ khí và truyền đơn, khẩu hiệu vào phường An Bình, xã Hiệp Hòa; đưa các đồng chí lãnh đạo Thị ủy và nhiều chiến sĩ biệt động vào bám trụ ở ấp Lân Thành, Gò Me và Núi Đất; đưa cán bộ, điện báo viên và máy vô tuyến điện vào cất giấu, trụ tại nhà anh Hai Tiến để phục vụ chiến dịch...

Khi cuộc tiến công nổ ra, giao liên công khai phát huy tác dụng tốt trong việc dẫn đường cho lực lượng vũ trang tấn công địch và rút lui an toàn khi có lệnh. Đặc biệt em Lê Minh Tâm (15 tuổi, con má Bảy Vết) dũng cảm mưu trí dẫn đường cho 20 chiến sĩ biệt động đang trụ tại Trường trang trí mỹ thuật Đồng Nai vượt vòng vây của địch, rút về xóm Cây Chàm (phường Hòa Bình) để vượt sông Đồng Nai về Hóa An an toàn.

Tại mặt trận Phân khu 4, Ban Giao bưu của Phân khu 4 sau khi được thành lập, công việc chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân rất khẩn trương. Cả bộ máy giao bưu được huy động để liên tục đưa người và hàng ra tuyến trước, từ Nhơn Trạch và xã Tam An (Long Thành) qua Thủ Đức.

Chiều 29/1/1968, Thường vụ Phân khu ủy tổ chức đưa một số cán bộ lãnh đạo của Phân khu vào nội thành Sài Gòn bằng đường giao liên công khai, để chỉ đạo lực lượng nội thành, phối hợp khi bên ngoài đánh vào thành phố.

Đúng 30/1/1968, giao liên của Phân khu với tất cả phương tiện ghe máy, xuống chèo tập trung chuyển quân qua xã Tam An, ấp Truong Tre tiến vào các mục tiêu được phân công. Đúng giờ G đêm giao thừa Tết Mậu Thân (31/1/1968), quân ta đồng loạt tổ chức tấn công. Trong những ngày đầu tấn công địch, những chiếc xe gắn máy đuôi tôm của giao bưu phân khu 4 hoạt động liên tục

cả ngày lẫn đêm trên sông Đồng Nai, liên tục đưa lực lượng bộ đội và dân công, tải lương thực, vũ khí đạn dược phục vụ tuyến trước, đồng thời chở thương binh, cán bộ đi công tác về tuyến sau. Qua khoảng 10 ngày bị động đối phó, địch mở những cuộc phản kích cực kỳ ác liệt ở cả 3 vùng chiến lược. Trên đường sông, số ghe máy ít ỏi của giao bưu lần lượt bị đánh chìm không sót một chiếc; ghe chèo tay đi âm thầm trong đêm cũng không qua được canô, xuồng máy có vũ trang và máy bay trực thăng của địch. Biện pháp cuối cùng để qua sông là phải bằng sức người lội qua. Thời điểm đó, mỗi lần qua sông, qua lộ, ai nấy đều thấy rõ cái chết gần kề, nhưng anh chị em giao bưu xác định giao bưu là mạch máu của kháng chiến, luôn dũng cảm hoàn thành nhiệm vụ hết ngày này sang ngày khác.

Ở khu vực Long Thành, Nhơn Trạch sau đợt 1 cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, địch phản kích rất dữ dội, nhưng các chiến sĩ giao liên của Phân khu và huyện kiên cường dũng cảm vượt bom pháo địch, bảo đảm công tác đi thư và vận chuyển vũ khí về vùng ven đô (Thủ Đức) để phục vụ cho bộ đội ta bám trụ tấn công địch. Đầu tháng 3/1968, lữ đoàn dù 199 Mỹ cho nhiều tốp trực thăng đổ quân xuống khu vực vàm Bà Chèo (Đồng Môn) bao vây tấn công vào một tổ giao liên của ta đang trên đường làm nhiệm vụ đưa xuồng vũ khí xuống Thủ Đức. Với ý chí quyết tâm diệt địch và bảo vệ chuyên hàng, giao liên mở đường cho đồng đội rút khỏi vòng vây.

Ở thị xã Biên Hòa, ngày 21/4/1969, Tô Hoàng Thắng, Đội phó Đội biệt động đầu hàng địch, dẫn địch về đánh Đội biệt động đang bám trụ ở ấp Bình Quang, xã Hiệp Hòa, bắt một số quần chúng cơ sở tra tấn dã man, nhiều cán bộ chiến sĩ ta hy sinh. Sau vụ này, đường hành lang giao liên công khai của ta bị tê liệt, một số chị em bị lộ phải chuyển vùng, một số phải tạm nằm im nghe động tĩnh.

Trước tình hình đó, đến giữa năm 1970, Ban giao bưu U1 xây

dựng lại được 3 trạm bàn đạp, tổ chức và móc nối lại được một số giao liên công khai ra vô nội thành.

Từ năm 1972 đến đầu năm 1975, Ban Giao liên thị ủy Biên Hòa, một mặt không ngừng củng cố đường dây giao liên căn cứ, giữ vững liên lạc về tỉnh, về Khu và xuống các huyện; một mặt tăng cường củng cố tổ chức hệ thống giao liên công khai từ các bàn đạp đi vào thị xã, phục vụ cho các đồng chí cấp ủy đang bám trụ hoạt động trong nội thành. Chỉ tính riêng trong 3 năm (1971-1973), Ban Giao bưu U1 xây dựng được 7 trạm bàn đạp, với trên 20 giao liên công khai, bộ máy của Ban tại căn cứ Bàu Hàm được tăng cường và củng cố với 10 giao liên.

Từ năm 1970-1975, hệ thống giao liên công khai của Biên Hòa tuy có một số bị bắt hoặc hy sinh, nhưng tất cả anh chị em đều giữ vững khí tiết, không có ai khai báo và làm lộ đường dây.

Một đặc điểm đáng lưu ý trong hệ thống giao liên công khai của thị xã Biên Hòa thời kỳ này là ngoài hệ thống giao liên công khai do ngành giao bưu tổ chức, cấp ủy còn có giao liên công khai đưa rước Thường trực cấp ủy vô ra nội thành/ Đường dây giao liên công khai do các ban ngành trực thuộc cấp ủy tổ chức khi vào nội ô bám trụ hoạt động đều có giao liên riêng. Tất cả đan xen, hỗ trợ cho nhau như những mạch máu tuần hoàn trong cơ thể, giúp cấp ủy thường xuyên nắm được tình hình, chỉ đạo phong trào, xây dựng thực lực và tổ chức đánh địch khi có thời cơ.

Cũng có những đường dây do cấp ủy trực tiếp tổ chức và giao lại cho ngành giao bưu quản lý sử dụng hoạt động từ 1967 đã tồn tại đến ngày giải phóng. Cụ thể, từ năm 1967, cấp ủy trực tiếp giao nhiệm vụ vận động quần chúng, xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ, vừa tổ chức một trạm giao liên công khai ở chợ Biên Hòa để tiếp nhận thư từ, báo chí, truyền đơn của Thị ủy từ bàn đạp Bàu Hàm về thị xã và ngược lại. Những chị em nằm trong đường dây này hầu hết là đảng viên trung kiên, quần chúng cốt cán đã kinh qua nhiều thử thách nên rất đáng tin cậy, trong đó nổi

bật là đường dây Phạm Văn Lương đặt ở chợ trái cây Biên Hòa. Tuy xuất thân lao động nghèo, quanh năm làm ăn vất vả, tự kiếm sống, nhưng khi được giao nhiệm vụ các anh chị luôn thể hiện tinh thần dũng cảm, mưu trí qua mắt địch, nhiều lần đưa truyền đơn, súng đạn, thuốc nổ, kíp nổ từ căn cứ bàn đạp vào nội thành, phục vụ cho lực lượng biệt động của ta bám trụ ở Hiệp Hòa và khu vực khác trong thành phố.

Trong thực hiện nhiệm vụ, cũng có những đồng chí không may mắn như đồng chí Nguyễn Thị Tuyết, nhân viên giao liên công khai của Thành ủy bị địch chặn bắt ở Tân Phong ngày 31/3/1975. Chúng đánh đập tra tấn hết sức dã man, chị vẫn không khai báo một lời. Sau đó, địch đưa chị về Trảng Bom lén lút thủ tiêu.

Tháng 5/1971, Trung ương Cục chủ trương giải thể Ban Cán sự T7, giải thể phân khu 4, huyện Long Thành, Nhơn Trạch của Biên Hòa nhập với Bà Rịa thành lập phân khu Bà Rịa. Biên Hòa, U1 nhập với phân khu 5 thành phân khu Thủ Biên. Lúc này có Ban Giao bưu phân khu Bà Rịa và Ban Giao bưu phân khu Thủ Biên.

Năm 1972, giao bưu phân khu Bà Rịa, ngoài nhiệm vụ chuyên môn, còn phục kích diệt được một tiểu đội lính Sào Gòn đi tuần tiễu, thu toàn bộ vũ khí trên đường 20 gần cây số 96. Lần khác, nhờ đồng bào thông báo tin chính xác, giao bưu bắt được một tên công an, đủ giấy tờ, khai thác được những tài liệu quan trọng.

Tháng 10/1972, Trung ương Cục miền Nam thành lập lại Khu ủy miền Đông, giải thể phân khu Bà Rịa, lập lại tỉnh Bà Rịa-Long Khánh, nhập Biên Hòa nông thôn với U1 thành tỉnh Biên Hòa. Ban Giao bưu tỉnh Biên Hòa cũng tổ chức lại các trạm.

Từ năm 1969-1972, trạm giao bưu sông Là Ngà (Định Quán) và trạm giao bưu B3 (trạm cuối của tỉnh Bà Rịa-Long Khánh đóng ở bờ Bắc sông Đồng Nai để móc với trạm 27 của T1) vẫn ngày đêm túc trực đưa hàng ngàn dân công và bộ đội qua sông ra mặt trận và chuyên tải thương binh về tuyến sau. Ngoài ra, trạm còn có nhiệm vụ giao nhận khách, thư từ với trạm 27, và móc với

trạm B4 bên kia quốc lộ 20, một tuyến đường đầy máu và nước mắt. Dù thường xuyên thiếu đói, bệnh tật, thiếu thuốc men, ăn củ rừng, rau rừng để đi liên lạc, nhưng các chiến sĩ giao liên của ta vẫn giữ vững tay súng vai bồng quyết tâm “đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”, thà hy sinh chứ nhất định không để mất liên lạc. Trước năm 1966, trạm có 2 tiểu đội cán bộ chiến sĩ giao liên nhưng đến cuối năm 1969 chỉ còn lại 5 anh chị em. Nhiều anh chị em đã lần lượt ra đi không trở về.

Từ tháng 3/1975, tại mặt trận Định Quán, lực lượng giao bưu của Tân Phú ngày đêm đưa đường cho bộ đội, “chạy” thư phục vụ cho Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy tiền phương, nối liên lạc về Khu ủy. Khi chiến dịch bùng nổ, đến lúc bộ đội ta hoàn toàn giải phóng Định Quán, Tân Phú ngày 20/3/1975, lực lượng giao liên của tỉnh và huyện tuy ít, nhưng tất cả đều phấn khởi, dũng cảm lao vào công tác phục vụ chiến đấu. Mặc cho bom pháo địch không ngớt đánh phá hành lang, cố giải tỏa bao vây và tấn công của ta, chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt, nhưng giao liên và đài thông tin vô tuyến điện của Tân Phú giữ vững mạch máu thông tin liên lạc, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cuối tháng 4/1975, trên chiến trường Long Thành và Nhơn Trạch, lực lượng của Ban Giao liên huyện phục vụ rất đắc lực cho tiền tuyến. Ngày 26/4/1975 lực lượng giao liên của huyện Nhơn Trạch dẫn đường, đưa quân đoàn 2 và C240 của tỉnh vượt đò Cầu Mới, đánh chiếm thị trấn Phước Thiện làm bàn đạp đưa tiểu đoàn pháo 130 ly của ta xuống Long Tân, Phú Hội.

Cùng đêm 26/4/1975, quân ta nổ pháo vào các cứ điểm của địch ở Biên Hòa. Sáng 27/4/1975, ta làm chủ thị trấn Long Thành, bộ phận giao bưu tỉnh Biên Hòa đóng ở Nhơn Trạch, Long Thành vào tiếp quản trụ sở Bưu điện địch tại Long Thành trong ngày 27/4/1975.

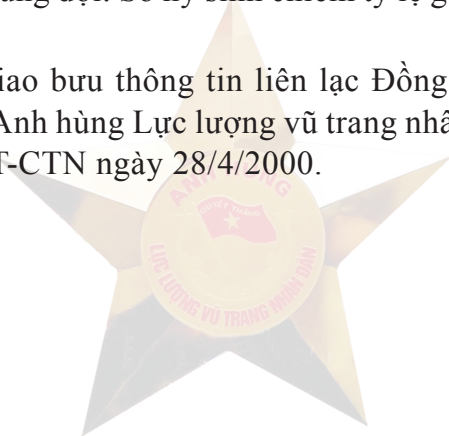
Đúng 11 giờ 30 ngày 30/4/1975, đoàn cán bộ của khu miền Đông và thị xã vào tiếp quản toàn bộ thị xã Biên Hòa. Riêng lực



lượng thông tin, giao bưu khu và thị xã tiếp quản nguyên vẹn Bưu điện tỉnh Biên Hòa.

Hơn 20 năm chiến đấu cực kỳ gian khổ, ngành Giao bưu Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú vượt qua những hy sinh mất mát, vừa chiến đấu mở đường, nối thông các tuyến hành lang, các tuyến giao thông, đảm bảo sự chỉ đạo của cấp ủy đối với các chiến trường và phong trào cơ sở; vận chuyển một khối lượng lớn hàng chiến lược của Trung ương chi viện cho chiến trường; đồng thời góp phần to lớn trong việc động viên, nâng cao tinh thần chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ các cấp thông qua những lá thư gia đình. Tính từ 1960-1975, chỉ riêng Giao bưu Biên Hòa có 31 đồng chí hy sinh (chưa tính huyện, xã), trong đó có một cán bộ cấp đại đội, 10 cán bộ cấp trung đội. Số hy sinh chiếm tỷ lệ gần phân nửa quân số của Ban.

Lực lượng giao bưu thông tin liên lạc Đồng Nai được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số: 160/KT-CTN ngày 28/4/2000.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai

Lực lượng vũ trang nhân dân Đồng Nai<sup>(1)</sup> ra đời từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và được nhân dân che chở nuôi dưỡng, lực lượng vũ trang 3 thứ quân ở Đồng Nai lần lượt hình thành và gắn liền với các phong trào cách mạng của nhân dân, gắn liền với từng bước đi của lịch sử miền Đông Nam Bộ, lịch sử dân tộc.

Trên những chặng đường phát triển, trải qua muôn ngàn khó khăn ác liệt, đối đầu không cân sức với nhiều đơn vị sừng sỏ của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cùng quân chư hầu và bè lũ tay sai, nhưng lực lượng vũ trang Đồng Nai vừa chiến đấu, vừa xây dựng trưởng thành vững chắc trong sự thương yêu đùm bọc của nhân dân từ rừng núi, nông thôn, đồng bằng đến các đô thị, cuối cùng đã giành thắng lợi vẻ vang.

Đồng Nai là tỉnh của miền Đông Nam Bộ, vùng đất chuyển tiếp giữa Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, được Trung ương xác định là địa phương nằm trong khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai, Đề cương tuyên truyền 70 năm ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Đồng Nai (15/5/1946 - 15/5/2016), tháng 3/2016.

Đồng Nai phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh; phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Diện tích tỉnh Đồng Nai là 5.903,94 km<sup>2</sup>. Tỉnh hiện có 11 đơn vị hành chính gồm 9 huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Nhơn Trạch, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh. Toàn tỉnh có 171 xã, phường, thị trấn. Dân số trên 2.759.673 người với 31 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 92,8%. Có 6 tôn giáo chính chiếm hơn 65% dân số. Thành phố Biên Hòa là đô thị loại 1, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và miền Đông Nam Bộ.

Đồng Nai có lịch sử hình thành 320 năm tính từ thời điểm Nguyễn Hữu Cảnh vào xây dựng bộ máy hành chính vào năm 1698.

Từ năm 1861, chính quyền thực dân Pháp tổ chức lại địa lý hành chính tỉnh Biên Hòa, gồm: tỉnh Đồng Nai hiện tại và tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đến tháng 5/1951, tỉnh Biên Hòa gồm tỉnh Đồng Nai hiện tại, tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 5/1951 đến tháng 7/1954, 2 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên bao gồm: tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, quận Thủ Đức, quận 2, quận 9 (thành phố Hồ Chí Minh), nhưng không có huyện Long Thành (vì chuyển về tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn).

Từ năm 1957, chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Long Khánh (gồm các huyện Xuân Lộc, Long Khánh, Định Quán, Tân Phú và một phần phía Bắc huyện Thống Nhất ngày nay). Năm 1959, chính quyền Sài Gòn lại chia cắt thành lập tỉnh Phước Thành, bao gồm cả vùng căn cứ Chiến khu Đ (tức có một phần đất của huyện

Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Tỉnh Biên Hòa có các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Dĩ An, Tân Uyên, sau có thêm quận Kiệm Tân, Đức Tu (từ năm 1963).

Do yêu cầu nhiệm vụ của kháng chiến tỉnh Biên Hòa nhiều lần tách nhập với các tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Các tên gọi của tỉnh và các tên gọi có liên quan đến địa giới của tỉnh thời kỳ này là: Biên Hòa, Long Khánh, Thủ Biên, Bà Biên, Bà Rịa - Long Khánh, U1 (đơn vị chiến trường ngang cấp tỉnh, thành lập tháng 9/1965 gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu; tháng 10/1967 có thêm huyện Trảng Bom) Phân khu 4, phân khu Thủ Biên, tỉnh Tân Phú.

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, tháng 1/1976 tỉnh Đồng Nai được thành lập. Năm 1978, đưa huyện Duyên Hải về thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1991, tách 3 huyện ven biển: Xuyên Mộc, Châu Thành, Long Đất về thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai còn có địa lý hành chính như ngày nay.

Do việc tách nhập cùng các chiến trường khác, nên lực lượng vũ trang tỉnh nhiều lần phải sắp xếp, củng cố cả về Ban Chỉ huy quân sự tỉnh (Tỉnh đội), về bố trí lực lượng, địa bàn đứng chân tác chiến... Cụ thể, sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Biên Hòa hình thành nhiều tổ chức vũ trang do những người yêu nước thành lập như: Giải phóng quân quận Châu Thành (Quận ủy Châu Thành - Biên Hòa), Vệ quốc đoàn Biên Hòa (Huỳnh Văn Nghệ), Cộng hòa vệ binh, sau là Vệ quốc đoàn Long Thành (Huỳnh Văn Đạo, Lương Văn Nho)... Để thống nhất lãnh đạo chỉ huy các lực lượng kháng chiến trong tỉnh, theo chỉ đạo của Khu ủy Bộ Tư lệnh Khu, ngày 15-5-1946, Tỉnh ủy Biên Hòa triệu tập Hội nghị quân sự toàn tỉnh tại Xóm Đền (thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Uyên, nay là huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) và quyết nghị 2 vấn đề lớn: Thống nhất các lực lượng vũ trang gồm du kích trại huấn luyện Sở Tiêu; Giải phóng quân quận Châu Thành; Vệ quốc

đoàn Biên Hòa, lấy tên Vệ quốc đoàn Biên Hòa; xây dựng chiến khu Đ thành căn cứ kháng chiến của tỉnh.

Sự kiện ngày 15/5/1946 là một trong những mốc son quan trọng đánh dấu sự ra đời của lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai. Từ đây, lực lượng vũ trang Biên Hòa được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp thống nhất của Đảng; mở ra thời kỳ mới xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang của tỉnh từ trên xuống huyện, xã, từng bước hình thành 3 hình thức vũ trang trong tỉnh, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất, tạo sức mạnh để lực lượng vũ trang thực hiện thắng lợi nhiệm vụ làm nòng cốt trong kháng chiến.

Tháng 10/1945, khi thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm Biên Hòa, lực lượng vũ trang cùng nhân dân Đồng Nai kiên quyết, anh dũng đứng lên kháng chiến. Trong hoàn cảnh khó khăn bở ngỡ của buổi đầu đánh giặc, lực lượng vũ trang địa phương chiến đấu anh dũng tiêu hao nhiều sinh lực địch, ngăn chặn giặc mở rộng lấn chiếm, tạo điều kiện củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng căn cứ địa kháng chiến, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Từ tháng 8/1945 đến tháng 12/1947 là giai đoạn hình thành, thống nhất lực lượng vũ trang Biên Hòa, chiến đấu góp phần đánh bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân. Sau Hội nghị Quân sự tại Xóm Đền vào ngày 15-5-1946, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ với tư cách Ủy viên quân sự tỉnh đã thống nhất lực lượng Giải phóng quân quận Châu Thành và Biên Hòa thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa - cơ sở để thành lập Chi đội 10 Biên Hòa vào tháng 6/1946 (bao gồm cả Vệ quốc đoàn Long Thành). Để tạo điều kiện cho Chi đội 10 hoạt động, Ban Chỉ huy Chi đội quyết định thành lập quận Quân sự (cuối năm 1946 chuyển thành các Ban công tác liên thôn) làm chân rết cho Chi đội 10 cơ động chiến đấu.

Sự ra đời của Chi đội 10 Biên Hòa, các quận Quân sự, Ban công tác liên thôn là một sáng tạo trong hình thành và phát triển

lực lượng vũ trang địa phương miền Đông Nam Bộ. Sự kiện này quan trọng bởi là bước đệm hình thành 3 loại hình vũ trang: tập trung, địa phương, du kích dân quân - là cơ sở hình thành ba thứ quân sau này.

Giai đoạn 1948-1951 là thời kỳ phát triển mới của lực lượng vũ trang Biên Hòa. Phong trào du kích phát triển, lực lượng vũ trang địa phương cùng hệ thống dân quân phát triển ba thứ quân từng bước được hình thành. Đặc biệt nổi bật là chiến công giao thông đường bộ, chống cản bảo vệ căn cứ và trên nền chiến tranh du kích phát triển, lực lượng vũ trang Biên Hòa lần đầu tiên đánh hạ tháp canh De La Tour (tên của viên sĩ quan Pháp đã nghĩ ra cách xây dựng tháp canh để phòng thủ) làm xuất hiện cách đánh đặc công và kỹ thuật đặc công.

Về tổ chức lực lượng vũ trang, Chi đội 10 Biên Hòa phát triển lên thành Trung đoàn 310 với 3 tiểu đoàn: Tiểu đoàn Lê Lợi, Tiểu đoàn Quốc Tuấn, Tiểu đoàn Quang Trung với 2.200 quân. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ là Trung đoàn trưởng (sau là đồng chí Nguyễn Văn Lung), đồng chí Võ Cương là Chính trị viên. Đến tháng 10/1949, theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Nam Bộ, các trung đoàn sáp nhập thành đơn vị lớn chuẩn bị cho “Tổng phản công”. Trung đoàn 301 (Thủ Dầu Một) và Trung đoàn 310 (Biên Hòa) sáp nhập thành Liên Trung đoàn 301-310 tác chiến trên địa bàn Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Chiến khu Đ... Các tỉnh đội, huyện đội, xã đội đều được tăng cường củng cố về tổ chức và lực lượng. Bộ đội địa phương huyện được hình thành (như Đại đội Lam Sơn - Vĩnh Cửu, Đại đội Lê Hồng Phong - Long Thành...).

Từ năm 1951 đến tháng 7/1954, theo yêu cầu tổ chức chiến trường, 2 tỉnh Thủ Dầu Một - Biên Hòa hợp nhất thành tỉnh Thủ Biên. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ từ khu trưởng về làm Tỉnh đội trưởng Thủ Biên. Đơn vị vũ trang chủ lực của tỉnh là Tiểu đoàn 303, mỗi huyện đều có đại đội địa phương, hoặc đội vũ trang tuyên truyền (với những vùng địch tạm chiếm như Xuân Lộc hay

đô thị như thị xã Biên Hòa). Tỉnh Thủ Biên còn có đội Biệt động tỉnh có hoạt động ở các thị xã, thị trấn. Tăng cường kết hợp vũ trang tuyên truyền với xây dựng cơ sở kháng chiến trong thị xã, thị trấn. Đánh đồn, bót, tháp canh, làm nòng cốt khôi phục phát triển du kích chiến tranh, phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (Đông Xuân 1953-1954) góp phần đánh bại thực dân Pháp buộc chúng ký Hiệp định Genève (ngày 20/7/1954).

Lực lượng vũ trang tỉnh có một số trận đánh tiêu biểu nổi tiếng trong kháng chiến chống Pháp như trận tập kích đầu tiên vào các cơ sở đóng quân của thực dân Pháp ở trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa.

Tiếng súng tập kích vào thị xã Biên Hòa nổ vào lúc quân địch bất ngờ nhất, 0 giờ ngày 1 rạng ngày 2/1/1946. Lực lượng tham gia trận tập kích gồm Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Giải phóng quân Châu Thành, Liên chi đội 2, 3 Bình Xuyên và Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa tập kết về các vị trí áp sát xung quanh thị xã trên các hướng Tân Phong, Hóa An, Bình Đa.

Ta đồng loạt nổ súng vào thành Kèn nơi đóng quân của lính Pháp, các bót gác ở đầu cầu Ghềnh, nhà máy cưa BIF, Sở hiến binh, khu vực nhà bưu điện, nhà ga, hăng dầu, nhà thông tin và các công sở khác. Cả thị xã chìm trong tiếng nổ và lửa khói. Tác giả Nguyễn Văn Quảng, chiến sĩ của phân đội 4 Vệ quốc đoàn Biên Hòa, người trực tiếp tham gia cuộc tập kích mô tả: “Khắp bầu trời thị xã như sôi lên sùng sục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời, lúc đạn đẽm theo tiếng nổ ùng ùnh như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cố thủ của bọn địch, ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về khố đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trói dẫn lêch thếch theo đoàn quân...”. Do tương quan lực lượng chênh lệch, lại thiếu vũ khí và kinh nghiệm chiến đấu, quân ta sau khi tiến công và làm chủ nhiều nơi trong thị xã đã buộc phải rút lui để bảo toàn lực lượng.

Trận tập kích thị xã Biên Hòa đầu năm 1946 có ý nghĩa lịch sử quan trọng, không ngừng góp phần đập tan luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, góp phần cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân Biên Hòa nói riêng mà còn đánh dấu bước phát triển mới của lực lượng vũ trang cách mạng. Lần đầu tiên, Vệ quốc đoàn tỉnh Biên Hòa chiến đấu trong đội hình phối hợp nhiều lực lượng với quy mô lớn, chiến đấu vận động tiến công tại địa bàn đô thị. Đó là cuộc tập dượt trong quá trình các đơn vị vũ trang Biên Hòa tiến tới xây dựng thành lực lượng tập trung thống nhất và tiến hành những trận đánh lớn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Liên tiếp trong 2 ngày 20 và 22/1/1946 quân Pháp tổ chức các đoàn tàu chiến theo sông Đồng Nai tiến lên Tân Uyên. Các phân đội vệ quốc đoàn Biên Hòa tổ chức trận địa phục kích ở 2 bên bờ sông, thả neo bè cây giữa dòng để buộc tàu địch chạy sát mép nước, sau đó dùng lựu đạn và súng trường bắn hạ địch. Kết quả trong 2 trận phục kích, bộ đội Huỳnh Văn Nghệ bắn hỏng 1 tàu, tiêu diệt và làm bị thương 30 tên địch.

Ngày 24/1/1946 quân Pháp huy động một lực lượng lớn có phối hợp thủy lục không quân gồm 4 ngàn quân, 4 máy bay, 4 tàu và nhiều xe cơ giới tiến công lên căn cứ Tân Uyên. Các phân đội Vệ quốc đoàn Biên Hòa cùng đơn vị bảo vệ căn cứ khu 7 đã bí mật xây dựng trận địa phục kích và chiến đấu anh dũng mưu trí, linh hoạt. Trận đánh diễn ra từ 6 giờ sáng đến 17 giờ cùng ngày. Quân ta tiêu diệt 220 tên địch, đốt cháy 6 xe cam-nhông, bắn chìm 2 tàu chiến đấu, thu nhiều vũ khí, đạn dược; sau đó rút về căn cứ an toàn. Đây là trận chống càn lớn đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Trận phục kích giao thông La Ngà trên Quốc lộ 20 ngày 1/3/1948 cũng được đánh giá là trận đánh điển hình về lối đánh vận động chiến.

Sáng 1/3/1948, đúng như tin tình báo của ta, đoàn xe địch gồm 70 chiếc xuất phát sớm từ Sài Gòn. Vừa qua khỏi thị xã Biên Hòa,



đoàn xe phải dừng lại nhiều lần để khắc phục chướng ngại vật do du kích bố trí hoặc để đối phó với hoạt động bắn tỉa của bộ đội và du kích trên từng chặng. Đến khu vực La Ngà thì trời đã ngã chiều (chậm nhiều giờ so với kế hoạch), đoàn xe vừa hành quân vừa bắn thị uy vào 2 bên đường.

Gần 15 giờ, những chiếc xe đi đầu lần lượt đi qua trận địa phục kích khu vực C, rồi khu vực B. Đúng 15 giờ 2 phút, chiếc thiết giáp mở đường vào đúng chỗ gấp khúc ngoặt trái của khu vực phục kích A, 3 quả địa lôi gài sẵn đã nổ hất tung chiếc xe thiết giáp cùng 2 xe chở lính hộ tống. Viên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin chết tại chỗ. Mất liên lạc vô tuyến, các bộ phận xe phía sau vẫn tiếp tục nối đuôi nhau tiến lên và dồn đồng tại khu vực trận địa A. Các chiến sĩ đại đội B cùng quốc vệ đội Xuân Lộc dùng hỏa lực diệt tiếp chiếc xe chở lính hộ tống thứ 3 và đồng loạt xông ra mặt đường, quân địch bị tê liệt hoàn toàn.

Tại khu vực B, các xe địch lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, lúng túng chống đỡ. Các chiến sĩ của ta chủ động tiến công áp đảo địch ngay từ đầu, đốt cháy 28 xe, tiêu diệt 55 tên lính hộ tống.

Tại khu vực C, cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Sau 10 phút giao tranh, các chiến sĩ đại đội A phá hủy 16 xe chở lính, vô hiệu hóa 13 xe vận tải và diệt một số tên địch. Số còn lại dạt xuống phía Đông Quốc lộ 20 và chạy lui về đồn La Ngà. Cùng lúc ấy, tốp cuối cùng có xe thiết giáp hộ tống vừa tới trận địa phục kích, gấp sức tiến công mãnh liệt của ta, vội quay trở lui về phía La Ngà.

Trận đánh kết thúc lúc 15 giờ 57 phút.

Trận La Ngà là chiến thắng quân sự lớn nhất của lực lượng bộ đội tập trung ở miền Đông Nam Bộ tính từ đầu cuộc kháng chiến đến thời điểm đầu năm 1948. Đoàn xe quân sự gồm gần 70 chiếc bị đánh tan. 59 chiếc bị thiêu hủy. Quân ta đã tiêu diệt tại chỗ 150 lính lê dương hộ tống, 25 sĩ quan chỉ huy (trong đó đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê dương số 13, đại tá Pathuis, Phó

tham mưu trưởng thứ nhất quân viễn chinh Pháp ở Nam Đông Dương, thiếu tá chỉ huy khu Hóc Môn và đại úy trưởng phòng xe hơi hộ bộ tham mưu quân viễn chinh), bắt sống trung úy Joeeffrey chỉ huy đội hộ tống, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự.

Chiến thắng La Ngà gây chấn động sâu sắc trong dư luận trong nước, và nước Pháp. Quốc hội Pháp chất vấn Chính phủ về trận La Ngà, viên Đại tá Talles chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai Thượng tự tử. Số tù hàng binh được thả và hành khách đi theo đoàn xe, trong đó có nhiều trí thức, doanh nghiệp Pháp sau đó đã tuyên truyền rộng rãi về cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Minh.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên (Tân Uyên, Biên Hòa) ngày 19/3/1948 cũng là một trong những trận đánh nổi tiếng của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa lúc ấy.

Đêm 18 rạng 19/3/1948, Tổ du kích Tân Uyên gồm 4 chiến sĩ và 1 cơ sở mật tổ chức đánh tháp canh cầu Bà Kiên trên tinh lộ 16. Vũ khí mang theo gồm 1 súng, 10 lựu đạn (1 của Mỹ, 9 tự tạo) và 1 thang tre (dùng để hái trầu mạy của dân). Trận đánh diễn ra đúng như phương án tập luyện. 3 chiến sĩ xung kích: Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên leo lên thả lựu đạn qua lỗ châu mai vào cả trong 3 tầng tháp. Bên ngoài du kích Nguyễn Văn Ai cầm súng gác ở đầu cầu sẵn sàng bắn chi viện và Trần Văn Hoi (cơ sở mật) giữ cửa mở. Kết quả, tuy tường tháp không đổ nhưng cả 11 tên lính bị tiêu diệt. Ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Chiến thắng cầu Bà Kiên gây tiếng vang lớn, có giá trị lịch sử quan trọng, là trận đầu tiên trong điều kiện chưa có vũ khí du kích Tân Uyên (Biên Hòa) phá được tường tháp. Cách đánh bí mật tiếp cận mục tiêu của du kích địa phương là cơ sở để Bộ Tư lệnh miền Đông nghiên cứu về vũ khí, về kỹ thuật, tổ chức, trang bị cho bộ đội thực hiện nhiệm vụ đánh tháp canh, đánh bại chiến thuật De La Tour. Kỹ thuật đánh tháp canh hình thành từng bước, là sự đóng góp của lực lượng vũ trang Biên Hòa. Sau trận đánh cầu Bà

Kiên ngày 19/3/1948, Bộ Tư lệnh miền Đông tổ chức hội nghị bàn chuyên đề đánh tháp canh, nghiên cứu chế tạo loại vũ khí có khả năng đánh áp sát, phá được tường tháp canh cho bộ đội tinh.

Ngày 23/3/1950, lực lượng vũ trang Biên Hòa ra quân đồng loạt đánh 50 tháp canh dọc các quốc lộ 14, 13, tỉnh lộ 16, các tháp canh thủng lỗ nhưng không sập. Công binh xưởng tiếp tục nghiên cứu cải tiến mìn FT (phá tường), tăng cường mìn (Beta). Ngày 19-4-1950, tháp canh Vàm Giá (quốc lộ 14) bị đánh sập hoàn toàn bằng vũ khí FT và Beta với kỹ thuật tiếp cận bí mật mục tiêu, đánh bất ngờ... Kỹ thuật đánh tháp canh đã được Bộ Tư lệnh Nam Bộ tuyên dương, những chiến sĩ đánh tháp canh được gọi “Bộ đội Đặc công”. Đơn vị đại đội Nguyễn Văn Nghĩa (Tân Uyên) được công nhận là đơn vị đặc công đầu tiên.

Từ năm 1950, kỹ thuật đặc công được phổ biến trong toàn tỉnh, về miền Tây Nam Bộ, ra miền Trung cực Nam Trung Bộ và ra cả miền Bắc. Ngoài đặc công đánh bộ, lực lượng vũ trang tỉnh còn xuất hiện đặc công đánh thủy...

Kỹ thuật đánh tháp canh được phổ biến góp phần làm thất bại chiến thuật De La Tour của Pháp ở miền Đông, góp phần hình thành thành kỹ thuật và lực lượng bộ đội đặc công. Ngày 19/3/1967, Bác Hồ ký sắc lệnh thành lập binh chủng Đặc công đặc biệt tinh nhuệ, lấy ngày 19/3, ngày đánh tháp canh cầu Bà Kiên, làm ngày truyền thống của binh chủng. Đây là đóng góp tiêu biểu, xuất sắc của phong trào du kích chiến tranh Biên Hòa nói chung và lực lượng vũ trang nói riêng cho phong trào giải phóng dân tộc của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bên cạnh đó phải kể đến trận đánh tiêu diệt yếu khu Trảng Bom ngày 20/7/1951. Chiều 20/7/1951, lực lượng tham gia trận đánh hành quân đến vị trí tập kết đúng quy định. 16 giờ, theo thường lệ, 2 xe cam-nhông chở 75 công nhân (do 25 chiến sĩ đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, cán bộ chiến sĩ đại đội 55 tiểu đoàn 303 và đội Biệt động tinh Thủ Biên hóa thân) đi làm về từ Bàu Cá

chạy về hướng Trảng Bom. 16 giờ 15 phút, bọn lính trong Chi khu tỏa ra sân banh đá bóng. 2 xe cam-nhông chạy tới ngang cổng chi khu bất ngờ dừng lại. Bộ đội nhanh chóng nhảy ra khỏi xe, giết tên gác cổng và xông vào dùng bộc phá đánh các lô cốt, chiếm xe bọc thép. Cùng lúc trong tiếng kèn đồng giục giã, Đại đội 60 ào lên đánh chiếm các vị trí trong Khu trung tâm, Đại đội Lam Sơn đánh chiếm đồn lính Pat-tidan cạnh sân banh. Bị bất ngờ, quân địch trong chi khu và ngoài sân banh không kịp chống trả bỏ chạy toán loạn.

Sau 30 phút chiến đấu, quân ta tiêu diệt 50 lính Âu Phi, bắt sống 50 tên khác, phá hủy 1 xe tăng, thu 200 súng các loại (trong đó có 3 đại liên, 6 trung liên, 2 súng cối 81 ly) hàng chục tấn đạn dược, lương thực, thực phẩm và 5 ngàn đồng tiền Đông Dương. Các chiến sĩ dùng xe Cam-nhông chở toàn bộ chiến lợi phẩm về Chiến khu Đ an toàn.

Chiến thắng Trảng Bom gây tiếng vang lớn trên chiến trường Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Tiểu đoàn 303 chỉ sau một thời gian ngắn củng cố, đã lập một chiến công xuất sắc. Đây là trận đánh lớn của bộ đội tập trung tỉnh kể từ sau chiến thắng La Ngà năm 1948.

Sau khi ký Hiệp định Genève năm 1954, thực hiện chủ trương tập kết bộ đội ra Bắc, lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai giải thể. Tỉnh chỉ còn lại những cán bộ chính trị và một ít cán bộ quân sự, hoạt động bí mật, bán công khai lãnh đạo quần chúng đấu tranh dân sinh - dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Geneve, chống khủng bố người kháng chiến, gia đình cách mạng, trong tình hình địch tiến hành xây dựng bộ máy đàn áp, khủng bố phong trào do cộng sản lãnh đạo.

Điểm nổi bật ở Biên Hòa là biết lợi dụng mâu thuẫn nội bộ và mâu thuẫn chính trị ở Sài Gòn để xây dựng cơ sở, trong đó có việc đưa Tiểu đoàn 3 do Võ Văn Môn chỉ huy (thuộc lực lượng Bình Xuyên chống chính quyền Ngô Đình Diệm) bị lũng quét từ

Rừng Sác về Chiến khu Đ để từng bước bổ sung và chuyển hóa thành lực lượng vũ trang cách mạng. Bí mật xây dựng lực lượng vũ trang, ta dùng danh nghĩa Bình Xuyên để vũ trang tuyên truyền hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh chính trị (như chống bầu cử Quốc hội).

Từ tháng 7/1957, Tỉnh ủy Biên Hòa bí mật xây dựng Đại đội 250 (C250) sau chuyển về liên tỉnh miền Đông. Cùng lúc, vùng Chiến khu Đ hình thành nhiều đơn vị vũ trang như C50, C9 hoạt động cùng với danh nghĩa lực lượng Bình Xuyên. Các lực lượng vũ trang tổ chức đánh Minh Thạch, Lò Than..., chống địch phá rừng, phá Chiến khu Đ.

Điểm nổi bật thời kỳ này là một bộ phận vốn là lực lượng vũ trang của Biên Hòa tham gia đoàn C200 (do đồng chí Nguyễn Trọng Tâm làm chỉ huy) từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, soi đường từ Chiến khu Đ theo hướng Bắc để nối thông liên lạc với đoàn B90 mở đường từ miền Bắc vào theo đường bộ. 2 đoàn gặp nhau vào ngày 31/10/1960 tại vàm Dak R'tik (nay thuộc tỉnh Đắk Nông) - đường Nam Bắc, đường Trường Sơn mở ra nối từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa đến Chiến khu Đ.

Trong giai đoạn Đồng Khởi 1960-1965, về tổ chức chiến trường có tỉnh Biên Hòa và tỉnh Long Khánh (địch có tỉnh Phước Thành). Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa có đại đội địa phương 240 (C240), tỉnh Long Khánh có bộ đội địa phương, đại đội du kích Cao su sau Đồng Khởi 1960 cũng được thành lập. Vào tháng 2/1961, thành lập Tiểu đoàn 500 sau đổi thành 800 Quân khu (chủ lực đầu tiên miền Đông) hoạt động ở Chiến khu Đ, Biên Hòa, Bà Rịa. Sau đó đến năm 1964, có 2 trung đoàn chủ lực Miền đứng chân là Q761 và Q762. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang giai đoạn này là mở rộng căn cứ Chiến khu Đ; đánh phá áp chiến lược, mở vùng giải phóng (đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt).

Một hoạt động vũ trang của D800 cùng địa phương đánh địch ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu. Trong đó, phải kể đến trận đánh diệt tiểu

khu Phước Thành (ngày 19/8/1961) mở rộng Chiến khu Đ, đánh bại âm mưu chia cắt đánh phá căn cứ của địch; trận đánh diệt chi khu Hiếu Liêm vào năm 1964, trận dùng 3 mũi bao vây bứt rút đồn Trị An, mở rộng chiến khu Đ về phía Nam, mở hành lang giao liên từ Chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai về Biên Hòa xuống Bà Rịa - Long Khánh.

Phong trào chiến tranh nhân dân phát triển trong toàn tỉnh, lấy lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt để kết hợp 3 mũi. Nắm thời cơ địch làm đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm, nội bộ rối ren, ta mở đợt tiến công đánh phá áp chiến lược, giải phóng nhiều xã, áp dọc lộ 24, lộ 16, quốc lộ 15, lộ 17, 19 (Long Thành - Nhơn Trạch) và liên tỉnh lộ 2, lộ 1 (Xuân Lộc).

Trận tập kích bằng pháo đầu tiên vào sân bay chiến lược quân sự Biên Hòa của đoàn pháo binh U80, phá hủy nhiều máy bay phương tiện chiến tranh của Mỹ và quân đội Sài Gòn vào ngày 31/10/1964.

Trong chiến dịch Đông Xuân 1964-1965, Tiểu đoàn 800 Quân khu, Đại đội 240 Biên Hòa mở một loạt trận đánh giao thông trên quốc lộ 15 (Quốc lộ 51 ngày nay) thu hút địch để chiến dịch Bình Giã giành thắng lợi lớn.

Trong giai đoạn 1965-1968, thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ, quân viễn chinh Mỹ vào trực tiếp làm nhiệm vụ tìm diệt, hỗ trợ quân đội Sài Gòn thực hiện kế hoạch bình định. Mỹ mở rộng sân bay Biên Hòa, mở rộng kho bom Thành Tuy Hạ, xây dựng tổng kho Long Bình, căn cứ Hóc Bà Thúc...

Trong khi đó vào tháng 9/1965, Trung ương Cục lập tỉnh Biên Hòa (U1) gồm huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa (vào tháng 10-1967 có thêm huyện Trảng Bom). Tỉnh đội U1 do đồng chí Trần Công An làm tỉnh đội trưởng. Ngoài ra còn có 2 Đại đội Đặc công, Đại đội 238 đứng chân đồi Giang Tới (Đại An - Vĩnh Cửu). Các huyện đều có đại đội vũ trang, nhiệm vụ của tỉnh Biên Hòa U1 là đánh diệt các phương tiện chiến tranh Mỹ và tay sai các cơ quan

đầu não, diệt sinh lực địch hỗ trợ chiến trường chung và phong trào đô thị. Do Biên Hòa, Long Khánh là chiến trường quan trọng, lực lượng vũ trang khu tăng cường Trung đoàn 4.

Tháng 4/1966, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền thành lập Đặc khu Rừng Sác gồm 10 xã của Nhơn Trạch, Cần Giuộc với nhiệm vụ chặn sông Lòng Tàu - cửa ngõ địch từ Biển Đông vào miền Nam, vào Sài Gòn. Tư lệnh là đồng chí Lương Văn Nho. Lực lượng vũ trang Đặc khu Rừng Sác sau chuyển thành Đoàn 10 đặc công Rừng Sác.

Trong cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Biên Hòa, Long Khánh, lúc ấy Biên Hòa có sự tham gia của Sư đoàn 5, đặc công Biên Hòa, đơn vị pháo tên lửa 274. Ta đánh sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, thực hiện tiến công nổi dậy làm chủ nhiều nơi dài ngày như: Công Thanh (Vĩnh Cửu), Bình Sơn (Long Thành). Long Khánh ngoài D445 có thêm D440, tấn công Tiểu khu Long Khánh và nhiều điểm trong thị trấn. Đặc biệt, cuộc tổng tiến công nổi dậy năm 1968 ở Biên Hòa có ý nghĩa lớn, chia lửa với Sài Gòn và các đô thị lớn. Cuộc tổng tiến công nổi dậy Xuân 1968 góp phần buộc Mỹ ngồi vào bàn đàm phán Paris, làm thất bại chiến lược Chiến tranh cục bộ và từng bước xuống thang chiến tranh.

Giai đoạn từ 1969-1972 là thời kỳ sau Mậu Thân, Mỹ bắt đầu xuống thang nhưng vẫn thực hiện càn quét, đẩy lực lượng cách mạng ra xa đô thị, tiến hành bình định cấp tốc. Trong những năm bị địch phản kích ác liệt, nhất là thời kỳ 1969-1971, trên chiến trường Biên Hòa lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai đã phải chịu đựng sự đánh phá khốc liệt của kẻ thù: Bom B52 đánh phá rải thảm liên tục, pháo bầy, trực thăng, phản lực ném bom, bắn phá, chất độc hóa học, bom đạn của kẻ thù hủy diệt môi trường, địa hình, cùng những cuộc hành quân càn quét của bộ binh, biệt kích Mỹ, ngụy, Úc, Thái Lan, làm cho chiến trường Biên Hòa - Long Khánh bị chia cắt, không còn một nơi nào được

gọi là an toàn. Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang khi trú quân phải đào hầm, ngủ hầm lúc hành quân thường bị địch phục kích gây thương vong, tổn thất...

Nhưng với quyết tâm không để mất dân, mất đất, các lực lượng vũ trang của tỉnh đã kiên trì bám trụ, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, sáng tạo gắn chặt với quần chúng. Nhờ bám trụ mà tấn công được giặc, nhờ bám trụ mà bảo toàn được lực lượng và chiến trường Đồng Nai thời kỳ nào, lúc nào cũng vang tiếng súng tấn công. Bám trụ đã trở thành một khoa học quân sự độc đáo, thể hiện ý chí, nghệ thuật quân sự của Đảng bộ, quân dân Đồng Nai trong chiến tranh giải phóng dân tộc, nhất là trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Biên Hòa mở đầu năm Kỷ Dậu bằng cuộc tiến công Xuân 1969. Lực lượng vũ trang Biên Hòa gồm đặc công, biệt động phối hợp Sư đoàn 5 tiến công vào các mục tiêu trong thành phố Biên Hòa: Ty Cảnh sát, ga xe lửa, kho Long Bình. Biên Hòa là tỉnh gần như duy nhất ở miền Đông thực hiện đúng chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền về tiến công Xuân Kỷ Dậu 1969. Điều đáng quý là cho dù địch càn quét ác liệt các vùng căn cứ đặc biệt khu vực Long Thành, Nhơn Trạch, Rừng Sác bao nhiêu thì lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, huyện, xã đều bám trụ đánh địch bấy nhiêu.

Ngày 18/3/1970, Mỹ bật đèn xanh cho Thủ tướng Lol Nol lật đổ Quốc vương Sihanuc tại Campuchia, mở rộng chiến tranh ra Đông Dương nhưng đây cũng là thời cơ để phong trào cách mạng miền Nam khôi phục và phát triển.

Miền Đông mở chiến dịch CD1970, đánh địch ở lộ 3, lộ 2 thu hồi vùng giải phóng, đồng thời, đẩy mạnh hoạt động võ trang biệt động ở thị xã, thị trấn..., tập kích vào các căn cứ quân sự, trại huấn luyện của địch...

Từ tháng 3/1972, các lực lượng vũ trang tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ. Đặc biệt ở Long Thành, Bình Sơn, Trung đoàn 4



cùng Tiểu đoàn 240 Biên Hòa đánh tiêu diệt nhiều đơn vị Bảo an, Sư đoàn 18 ở Bình Sơn - Long Thành, hỗ trợ phong trào phát triển, khôi phục vùng giải phóng và làm chủ.

Ngày 3/6/1972, Bộ tư lệnh Miền thành lập đoàn Đặc công 113 ở Mã Đà, trên cơ sở 2 Tiểu đoàn Đặc công của Biên Hòa (U1). Đồng chí Nguyễn Thanh Tùng làm Đoàn trưởng. Đơn vị đã tổ chức tập kích sân bay chiến lược Biên Hòa và tổng kho Long Bình, gây cho địch thiệt hại nặng, hỗ trợ chiến trường toàn miền, góp phần thắng lợi quân sự buộc Mỹ ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973.

Giai đoạn đầu năm 1973, tuy có lực lượng khủng sau Hiệp định Paris nhưng khi có Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết số 12-NQ/TW của Trung ương Cục miền Nam (tháng 1/1974), phong trào cách mạng nói chung, hoạt động lực lượng vũ trang có bước phát triển mới.

Về tổ chức, vào tháng 10/1973, Trung ương Cục miền Nam thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú nối liền với Chiến khu Đ mở rộng nhằm chuẩn bị một bước có cơ sở xây dựng hành lang, tuyến hậu cần bảo đảm cho các binh đoàn chủ lực Miền hoạt động ở miền Đông.

Tháng 7/1974 Quân đoàn 4 thành lập (gồm sư đoàn 341- tức Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 6 Quân khu 7 phối thuộc và Trung đoàn 95b). Nhiệm vụ là đánh địch bình định, lấn chiếm khôi phục vùng làm chủ trước ngày ký Hiệp định Paris. Đặc biệt phong trào đánh địch trong thị xã phát triển, nhất là ở thị xã Long Khánh của biệt động.

Năm 1974, Bộ Tư lệnh Quân khu mở chiến dịch lộ 2 thu hồi vùng giải phóng.

Mùa khô 1973-1974 và mùa mưa 1974 chiến sự diễn ra hết sức ác liệt, lực lượng vũ trang địa phương có sự hỗ trợ đặc lực của bộ đội Quân khu mở được vùng đứng chân tương đối vững chắc, giữ được hành lang quan trọng nối liền từ Chiến khu Đ qua lộ 20 về

lộ 1, lộ 15; xây dựng phát triển cơ sở, mở vùng làm chủ cho quần chúng, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho bước phát triển trong mùa khô 1974-1975.

Mùa khô 1974-1975, chuẩn bị cho kế hoạch giải phóng theo chỉ đạo của Trung ương, lực lượng vũ trang tăng cường hoạt động đánh địch trên lộ 1, lộ 20. Ta đánh bứt rút địch từ căn cứ 1 đến căn cứ 5 (từ Rừng lá Xuân Lộc ra Hàm Tân), giải phóng lộ 1. Thời gian này xuất hiện nhiều điển hình dùng 3 mũi bứt rút, buộc địch đầu hàng, tiêu biểu là trận bứt đồn Bảo Chánh đầu năm 1975.

Bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Biên Hòa đã tiến hành nhanh việc quán triệt tình hình, nhiệm vụ quan trọng trước mắt. Yêu cầu chung là “Năm lấy thời cơ địch đang tan rã, khẩn trương tập trung mọi lực lượng vũ trang, bán vũ trang và quần chúng tấn công quét sạch địch trong các chi khu, căn cứ: Long Thành, Nhơn Trạch, Khu kho Thành Tuy Hạ, căn cứ Nước Trong, kho Long Bình, yếu khu Trảng Bom, Chi khu Công Thành... và toàn bộ bộ máy kìm kẹp của địch từ ấp, xã, huyện, tỉnh”.

Trong chiến dịch mùa Xuân năm 1975, Biên Hòa là chiến trường nóng bỏng. Xuân Lộc được địch xây dựng thành “cánh cửa thép” án ngữ hướng Đông Bắc Sài Gòn. Sau 12 ngày đêm (từ ngày 9/4 đến 21/4/1975) quyết chiến, quân đoàn 4 và vũ trang Bà Rịa - Long Khánh đã đập tan cánh cửa này vào ngày 21/4/1975 để đại quân ta tiến vào giải phóng Biên Hòa, Sài Gòn.

Trước khi Chiến dịch Xuân Lộc nổ ra, lực lượng vũ trang địa phương đã làm chủ quanh thị xã Long Khánh, chuẩn bị địa bàn cho Quân đoàn 4.

Đặc biệt từ ngày 14/4 đến 17/4/1975, Sư đoàn 6 cùng lực lượng địa phương diệt Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 ở Dầu Giây cùng với lực lượng vũ trang Tân Phú giải phóng Tân Phú, Định Quán, cắt đứt lộ 20, lộ 1, cắt sự chi viện của địch từ Quân đoàn 3 (Biên Hòa) lên, đánh chiếm các cao điểm Núi Thị, Con Rắn buộc địch ở Xuân Lộc rút chạy theo đường lộ 2.

Trong thành phố Biên Hòa, từ ngày 9/4/1975, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa, theo đường giao liên công khai vào nội thành triển khai kế hoạch tiến công và nổi dậy giải phóng thành phố. Thành ủy chỉ đạo thành lập các Ủy ban khởi nghĩa ở nội ô và các xã ven khu kỹ nghệ Biên Hòa, chuẩn bị băng cờ, khẩu hiệu, loa phát thanh; tổ chức cơ sở mật nắm được 9 đội phòng vệ dân sự, biến tổ chức này thành lực lượng cùng với nhân dân nổi dậy giành chính quyền khi thời cơ đến.

Đêm 29/4, Ủy ban khởi nghĩa Bình Trước đã vận động quần chúng, tự vệ mật phá nhà lao tỉnh Biên Hòa, giải thoát hàng trăm tù nhân. 6 giờ sáng 30/4, đảng viên mật của chi bộ chợ Biên Hòa là Trương Thị Sáu được cơ sở mật là nội tuyến của ta trong biệt động quân bảo vệ đã hạ cờ ba que, kéo cờ Mặt trận ở cột cờ Dinh tỉnh trưởng Biên Hòa. Cùng thời gian, các cơ sở mật bên trong đã thượng cờ Mặt trận ở Dinh Tư lệnh Quân đoàn 3 (nay là Nhà Thiếu nhi Đồng Nai), Chi khu Đức Tu, giải phóng hoàn toàn Khu kỹ nghệ Biên Hòa. 10 giờ 30, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa cùng Trung đoàn 5, Sư đoàn 6 tiến vào Tòa hành chính Biên Hòa trước rừng người và cờ hoa chào đón 2 bên đường Trịnh Hoài Đức (nay là đường 30/4).

Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, lực lượng vũ trang Đồng Nai có một số trận đánh tiêu biểu. Một trong số đó là trận tập kích vào trụ sở Đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) ở Tân Mai (Biên Hòa) vào đêm 7/7/1959, diệt 2 cố vấn quân sự Mỹ đầu tiên trên chiến trường miền Nam.

Đêm 5/7/1959 từ Chiến khu Đ, cán bộ, chiến sĩ bộ phận đại đội 250 về đến Gò Cây Trâm Muối, xã Tân Phong. Đêm 6-7, ta ém quân ở vạt rừng chồi Gò Me, ấp Lân Thành cách nhà máy cưa BIF (Nhà Xanh) vài trăm mét. 19 giờ ngày 7/7/1959, các chiến sĩ và lực lượng tự vệ mật thị xã đã triển khai đội hình, tiếp cận các mục tiêu đã định. 19 giờ 15 phút trận tập kích bắt đầu, sau hơn 10 phút nổ súng tiến công, ta đã tiêu diệt 2 tên cố vấn Mỹ và bắn

bị thương một số tên khác. Đây được coi là 2 quân nhân Mỹ chết trận đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam (sau năm 1954).

Trận đánh diễn ra chớp nhoáng, tất cả các đơn vị địch đều không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án đã vạch sẵn, bộ đội ta rút về Chiến khu Đ an toàn. Các tự vệ mật cũng nhanh chóng phân tán về các địa điểm tập kết, giấu vũ khí, thay đổi trang phục trở lại cuộc sống bình thường của người dân thị xã.

Trận đánh phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy cưa BIF (Biên Hòa) là trận đánh Mỹ đầu tiên của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Kế đến là trận đánh Phước Thành diễn ra đêm 17 rạng sáng 18/9/1961. Lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Phước Thành gồm 1 trung đội của tỉnh, 1 trung đội huyện Phú Giáo, 2 tiểu đội huyện Tân Uyên và du kích các xã làm nhiệm vụ chặn viện, phá hoại, nghi binh và phối hợp đánh nhỏ với mặt trận chính. Sau 1 giờ 30 phút chiến đấu, Tiểu đoàn 800 tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn lực lượng chiếm đóng gần 2 ngàn tên gồm: 1 tiểu đoàn biệt động quân, 1 tiểu đoàn bảo an, 1 chi đội thiết giáp, 1 đại đội pháo 105 ly, 1 đại đội bảo an, 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 1 đại đội dân vệ. Trận đánh đã tiêu diệt hoàn toàn Tiểu khu Phước Thành, Chi khu Phú Giáo cùng toàn bộ bộ máy hành chính của địch, thu trên 4.100 súng các loại và rất nhiều quân trang, quân dụng, giải thoát gần 300 tù chính trị.

Những ngày tiếp theo, phát huy chiến thắng Phước Thành, các lực lượng vũ trang địa phương tỉnh tiếp tục bao vây, tấn công địch, mở rộng Chiến khu Đ.

Đặc biệt, trận pháo kích bằng pháo đầu tiên vào sân bay quân sự Biên Hòa ngày 30/10/1964 của Đoàn U80 (sau này là Đoàn Pháo binh Biên Hòa) là chiến công vang dội của quân dân trong tỉnh. Trận đánh này có sự phối hợp của đội trinh sát biệt động thị xã Biên Hòa, bộ đội du kích huyện Vĩnh Cửu và cơ sở mật phục

vụ, hướng dẫn đường, xây trận địa tại Hóc Bà Thúc (Tân Phong) cách sân bay Biên Hòa 1.000 mét về phía Đông Bắc.

23 giờ 30 ngày 31/10/1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay Biên Hòa. Chỉ trong vòng 15 phút, 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philippin sang chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay ADD6, 1 máy bay do thám U2, diệt và làm bị thương 293 tên địch, tiêu hủy và làm nổ tung 2 kho bom đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 trại lính. Địch không kịp phản kích, lực lượng ta rút về căn cứ an toàn.

Chiến thắng của trận đánh sân bay Biên Hòa làm nên một chiến công mang tầm vóc lịch sử, gây cho không quân Mỹ một “sự kiện chưa có tiền lệ”, “một tổn thất ngang với những tổn thất tồi tệ nhất trong chiến tranh thế giới thứ hai” (trích quyển *Giải phẫu một cuộc chiến tranh* của Gabriel Kolko).

Đây là trận đánh táo bạo, bất ngờ, lần đầu tiên pháo binh Miền tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân luồn sâu vào lòng địch, dùng lực lượng nhỏ đánh mục tiêu lớn và quan trọng, đồng thời khắc phục có hiệu quả những hạn chế, nhược điểm của vũ khí đạn dược, cơ động nhanh chóng, bám sát mục tiêu, bắn tập trung, đạt hiệu suất cao, mở đầu cho những trận pháo kích, tập kích vào các vị trí mục tiêu chiến lược quan trọng của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sau này, trong đó có thể chỉ sử dụng pháo mang vác.

Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng đã tổ chức lễ trao tặng Huân chương Quân công Giải phóng hạng Nhất - Huân chương cao nhất của lực lượng vũ trang lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, phần thưởng lớn nhất cho Đoàn U.80 pháo binh Miền. Bác Hồ kính yêu với bút danh Chiến sĩ đã viết thơ ca ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa:

*“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu  
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu  
Thành đồng trống thẳng lay lâu trắng  
Điện Biên Mỹ chẳng phải chờ lâu”.*

Ngay sau khi được báo tin chiến thắng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam gửi điện khen các đơn vị tham dự trận đánh sân bay Biên Hòa: “...Chiến thắng sân bay Biên Hòa là một hành động tuyệt vời của quân dân ta, phục thù cho 500 đồng bào ở sông Ông Kèo và liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi vừa bị giặc Mỹ và tay sai giết hại. Chiến thắng sân bay Biên Hòa đã gây phấn khởi to lớn trong quân dân ta, đồng thời gây hoang mang khiếp sợ cho bọn xâm lược và bọn tay sai bán nước...”.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa là bước nhảy vọt quan trọng về chất lượng và hiệu suất chiến đấu, là cái mốc đánh dấu sự khởi đầu cho lối đánh hết sức độc đáo của pháo binh: lối đánh độc lập, bí mật thọc sâu đánh hiểm, dùng ít đạn mà hiệu suất cao và rút lui an toàn. Chiến thắng Biên Hòa còn cho những kinh nghiệm quý về tổ chức chỉ huy, xây dựng quyết tâm chiến đấu, hiệp đồng giữa pháo binh và bộ binh, giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, dân quân du kích, giữa quân, dân và kháng định: mọi hệ thống phòng thủ của địch dù kiên cố và canh phòng nghiêm ngặt đến đâu, ta cũng đều có thể vượt qua và giáng cho địch những đòn chí mạng.

Trận đánh vào Tổng kho liên hợp quân sự Long Bình ngày 22/6/1966 và loạt trận trong tháng 10, 11, 12/1966 cũng là thắng lợi lớn của quân dân trong tình.

Vào lúc 2 giờ sáng 22/6/1966 các chiến sĩ Đại đội 2, Đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng, đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tư Già) chỉ huy đã dũng cảm, mưu trí vượt qua mọi chướng ngại phòng thủ của địch, dùng mìn có gắn kíp hẹn giờ đánh vào Tổng kho liên hợp Long Bình, phá hủy 40 ngàn quả đạn pháo 155 ly

chưa kịp đem đi gây tội ác của Mỹ.

Trận đánh đầu tiên vào kho Long Bình thắng lợi, hủy diệt một lượng đạn pháo lớn của địch đã hỗ trợ đắc lực và kết hợp cùng các chiến trường đánh bồi cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 1 của đế quốc Mỹ. Thắng lợi này đã tác động rất lớn đối với phong trào cách mạng ở Biên Hòa và Sài Gòn, có tác dụng hỗ trợ và cổ vũ tinh thần đánh Mỹ của quân và dân ta trên các chiến trường.

Cũng trong năm này, Đặc công Đoàn 10 đặc công Rừng Sác đánh chìm tàu Victory trên sông Lòng Tàu ngày 23/8/1966. Trên địa bàn Rừng Sác, Biên Hòa, Đoàn 10 đặc công với sở trường đánh sông nước bố trí các trận địa pháo DK75, súng máy 12,7mm và trận địa thủy lôi, thực hiện ý định “Liên tục tấn công 7 ngày trên sông Lòng Tàu”. Ngày 23/8/1966, bằng thủy lôi K5 - một loại thủy lôi sừng chạm của Liên Xô - đơn vị đã đánh chìm chiếc tàu hậu cần Baton Rouge Victory 10 ngàn tấn của Mỹ. Trên tàu gồm có 45 thủy thủ, 100 chiếc thiết giáp M113, 3 máy bay phản lực và một khối lượng lương thực đủ cho 1 sư đoàn Mỹ sử dụng trong 1 tháng.

Chiến công này mở màn cho hàng loạt trận đánh thắng lợi sau này của Đoàn 10 xuất phát từ địa bàn Rừng Sác - Nhơn Trạch, cổ vũ cả nước khí thế quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược; thể hiện ý chí quyết tâm đó là không chỉ tiến công địch trên Lòng Tàu mà còn đánh vào các quân cảng, kho tàng, căn cứ quân sự Mỹ; một trận “đánh bồi” cuộc phản công mùa khô thứ nhất của Mỹ, đồng thời đánh vào “dạ dày” của chúng trong khi chuẩn bị cuộc phản công mùa khô thứ 2.

Tiếp theo đó là trận đánh của Trung đoàn đặc công 113, kết hợp nội tuyến tấn công kho Long Bình đêm 13/8/1972 vào sân bay Biên Hòa.

Nhờ Thị ủy Biên Hòa giúp đỡ, cơ sở nội tuyến trong sân bay Biên Hòa đã cung cấp tin và sơ đồ sân bay cho Đoàn 113 để lên

sa bàn, chuẩn bị phương án tác chiến. Đêm 1/8/1972, Tiểu đoàn 14 pháo đặc công đã bắn ĐKZ vào sân bay Biên Hòa, phá hỏng 74 máy bay các loại, phá hủy 13 xe quân sự, 2 dàn ra-đa và nhiều thiết bị chiến tranh khác.

Trước đó, đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tư Già), Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 đặc công U1 Biên Hòa, cùng đồng đội đã nghiên cứu cao điểm 53 trong tổng kho Long Bình. Các đồng chí đã tìm ra một con đường bí mật có thể đột nhập vào kho một cách an toàn, từ đó lên kế hoạch đánh kho Long Bình được đơn vị chuyển giao cho Đoàn 113 khi đoàn được thành lập. Cao điểm 53 rộng 1,5km, dài 2,5km gồm 18 dãy với 200 gian chia thành ba khu kho, mỗi khu có sáu dãy cách nhau 100 mét, nhà nọ cách nhà kia 60 mét, các kho bom, đạn có cửa thép dày 10 mm, có khóa sắt điều khiển bằng điện. Phương án tác chiến là đặc công dùng cưa cắt khóa, đặt mìn có kíp nổ hẹn giờ vào kho.

Đêm 13/8/1972, Đoàn 113 tổ chức 57 cán bộ, chiến sĩ chia làm 2 mũi đột nhập vào khu kho 53. Đêm đó đúng kỳ hạn định mở cửa các kho để xả hơi, nên cửa kho không khóa, một cơ hội thuận lợi cho đặc công nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ. 108 khối thuốc nổ hẹn giờ được các chiến sĩ đặt vào các kho (cách 1 kho đặt 1 trái). 4 giờ ngày 14/8/1972, toàn bộ khu kho cao điểm 53 bị nổ tung 130 dãy kho với 150.000 tấn bom, đạn bị phá hủy, nhà lính bị sập hoàn toàn.

Sau trận đánh trên, Mỹ bắt đầu bàn giao sân bay Biên Hòa cho Sư đoàn 6 không quân quân đội Sài Gòn để chuẩn bị rút về nước. Sân bay Biên Hòa tiếp nhận thêm nhiều loại máy bay mới và tổ chức các lớp huấn luyện kỹ thuật cho sĩ quan không quân Sài Gòn để tiếp nhận bàn giao của Mỹ.

Đại úy Nguyễn Văn Thôn, sĩ quan quân khí của không quân Sài Gòn từ miền Trung về tập huấn kỹ thuật tại sân bay Biên Hòa. Anh là cơ sở nội tuyến của Ban Binh vận Trung ương Cục miền Nam với mật danh H16. Được Ban Binh vận Miền bàn giao, Thị



ủy, Thị đội Biên Hòa đặt kế hoạch dùng nội tuyến kết hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài theo phương châm bí mật và bảo vệ an toàn cho cơ sở bên trong.

Binh công xưởng thị đội Biên Hòa đã cura bom, lấy thuốc chế tạo thành kíp nổ hẹn giờ, dùng cơ sở bí mật trong sân bay chuyển vào cho H16 để gắn vào quả bom dưới cánh máy bay trong khu kho của sân bay. Kế hoạch khẩn trương hoàn thành thật chính xác.

Khoảng 9 giờ ngày 10/9/1972, quả bom phát nổ. Cùng lúc từ đóc Ông Hoàng, Tiểu đoàn 14 pháo đặc công (Đoàn 113) bắn pháo vào sân bay để đánh lạc hướng địch. Sân bay Biên Hòa ngập trong khói lửa. 175 máy bay A37, C130 bị nổ tung, nhiều sĩ quan, nhân viên kỹ thuật của địch bị chết. Sân bay Biên Hòa bị tê liệt suốt 7 ngày liền.

Trong 2 ngày 11 và 12/9/1972, các hãng thông tấn phương Tây AP, AFP thừa nhận: “Đối phương (tức quân giải phóng) đã gây thiệt hại ghê gớm nhất. Trận pháo kích vào sân bay Biên Hòa có giá trị ngang với một trận tập kích bằng máy bay chiến lược”.

Trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ năm 1975 đến nay), cùng với các ban, ngành, đoàn thể trong hệ thống chính trị của địa phương; Đảng bộ, Lực lượng vũ trang tỉnh luôn chú trọng quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Quân khu 7, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối quân sự, đường lối ngoại giao, thống nhất ý chí và hành động hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, cụ thể như nhiệm vụ truy quét tàn quân địch, triệt phá tổ chức Fulro và tiêu diệt các nhen nhóm phản động, bảo vệ thành quả cách mạng, góp phần xây dựng cuộc sống mới.

Sau ngày giải phóng, phía chế độ cũ ra trình diện 94.307 người trong đó có khoảng 4 ngàn sĩ quan cấp úy, tá và tướng. Còn lại 86.749 đối tượng chiếm khoảng 45% chưa ra trình diện, chủ yếu là những sĩ quan ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, các sắc lính

nguy hiểm, cảnh sát đặc biệt. Các thế lực chống phá cách mạng lợi dụng vùng tôn giáo phức tạp để dễ ẩn náu, trọng điểm là khu vực Hồ Nai, Dầu Giây, Kiệm Tân, Phương Lâm... Các khu rừng rậm ở Định Quán, Xuyên Mộc, Gia Ray... cũng là những địa bàn tốt để những đối tượng này co cụm xây dựng căn cứ, tổ chức lực lượng để chống phá cách mạng. Bước sang năm 1977, sau nhiều nỗ lực truy quét tình hình an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Lúc này tổ chức phản động nổi lên 3 lực lượng chính, là: lực lượng Fulro gồm vài chục sĩ quan và binh lính chế độ cũ, bị đánh dạt từ Lâm Đồng xuống Đồng Nai; lực lượng tàn quân do tên Lý Phá Sáng cầm đầu; lực lượng tàn quân do tên Vinh Sơn cầm đầu.

Cả 3 lực lượng phản động nói trên đều nằm trên địa bàn Định Quán, Tân Phú, Long Khánh (phía Đông và Tây lộ 20). Riêng huyện trọng điểm Tân Phú có 15 toán vũ trang khoảng 310 tên. Đầu năm 1977, lực lượng Fulro bị lực lượng vũ trang Lâm Đồng truy quét mạnh đã dạt xuống Đồng Nai, hoạt động chủ yếu ở địa bàn Tân Phú, nhất là các xã Phú Túc, Phú Hòa, Phú Lâm (nay thuộc huyện Định Quán). Từ cuối năm 1976 các đối tượng phản động này đã hình thành Mặt trận giải phóng Fulro, thậm chí vẽ cả mẫu cờ Mặt trận. Bị lực lượng của ta truy quét gay gắt, đến cuối thập niên 80 những toán tàn quân địch ẩn náu trong rừng kể cả lực lượng Fulro đều bị ta phá rã.

Ngoài việc phải duy trì một lực lượng lớn quân thường trực, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật làm nghĩa vụ quốc tế Campuchia, ta đã phối hợp chặt chẽ giữa công an với các ngành, giữa cấp tỉnh, huyện, xã với Quân khu và Bộ Quốc phòng để đánh địch rất hiệu quả. Cụ thể đã phá tan hàng chục toán tàn quân địch trong rừng, diệt và bắt hàng trăm tên; phá tan 30 nhen nhóm, tổ chức phản động của địch. Đây là chiến công lớn đánh tan ý đồ gây dựng lực lượng của địch thời kỳ quan trọng nhất 1976-1985, làm cho chúng không thể thực hiện được âm mưu toan tính phá hoại trước mắt và lâu dài, góp phần to lớn trong nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh,

an toàn xã hội. Ta vượt qua những khó khăn gay gắt về mọi mặt của xã hội những năm cuối thập niên 80 để cùng cả nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đổi mới toàn diện trên phạm vi cả nước.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc được 2 năm, miền Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng đang phải khắc phục hậu quả chiến tranh, tình hình kinh tế, xã hội chưa ổn định thì ở Campuchia bọn phản động Pol Pot - Ieng Sary tiếp tục gây ra chiến tranh ở biên giới Tây Nam (Việt Nam - Campuchia).

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, ngày 5/1/1978, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai được giao 2 nhiệm vụ chính: Một là, tổ chức một Tiểu đoàn bộ binh trang bị đầy đủ vũ khí, có khả năng chiến đấu cao, chi viện cho tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương và Bình Phước) trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới. Hai là, tổ chức một lực lượng bao gồm cả bộ đội và thanh niên xung phong cùng các phương tiện, vật chất sang xây dựng tuyến phòng thủ ở khu vực Bù Đốp tỉnh Sông Bé.

Từ năm 1978-1985, quân tình nguyện Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng liên tục phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia tổ chức hàng trăm đợt truy quét, đánh phá các căn cứ của địch ở rừng sâu. Đồng thời, phát động quần chúng phát hoang cải tạo địa hình, ngăn chặn không cho địch đưa lực lượng về bám gần dân. Tháng 8/1985, tỉnh Đồng Nai có liệt sĩ Bùi Văn Bình (sinh năm 1955 tại thành phố Biên Hòa) và đồng chí Nguyễn Văn Bình (sinh năm 1959, tại Vĩnh An) được Đảng và Nhà nước tuyên dương, phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vì có nhiều thành tích tổ chức, xây dựng lực lượng và trực tiếp chỉ huy chiến đấu diệt nhiều sinh lực địch trong nhiệm vụ truy quét các lực lượng phản động, giúp bạn giữ vững chính quyền, từng bước ổn định tình hình mọi mặt...

Đảng bộ chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có sự giúp đỡ chí tình, vô tư, kịp thời đối với nước bạn Campuchia của trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ngoài sự giúp

đỡ mọi mặt cả tinh thần, vật chất cho bạn, chỉ tính riêng về quân sự, Đồng Nai đã lần lượt cử sang Campuchia 4 Tiểu đoàn, 5 Đại đội cấp huyện với quân số trên 3 ngàn người (không tính các lực lượng cán bộ, chiến sĩ bổ sung lẻ). Trong 10 năm sát cánh chiến đấu công tác cùng với các đơn vị tình nguyện Quân khu 7 và lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh bạn, quân tình nguyện tỉnh Đồng Nai đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, đã cùng bạn chiến đấu hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu 13.828 tên địch, thu 1.574 súng các loại. Đồng thời, còn triển khai trên 10 ngàn ngày công giúp nhân dân bạn sản xuất, chống úng, hạn, làm đường vào các phum, sóc, sửa sang nhà cửa, trường học, bệnh viện ở nhiều nơi.

Tỉnh Đồng Nai còn huy động 12 đợt với 10.845 lượt người sang giúp Campuchia xây dựng tuyến phòng thủ biên giới phía Tây. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cao đẹp ấy đã có 446 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 891 đồng chí bị thương trên đất nước Campuchia. Với những thành tích to lớn trong công tác giúp bạn, quân tình nguyện Đồng Nai đã được Nhà nước Việt Nam và Campuchia tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Trong thực hiện vai trò quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, Đồng Nai đã tập trung quán triệt và thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị Đại hội Đảng các cấp, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX), Nghị quyết số 28-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương.

Thường xuyên chăm lo xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc; tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng; đồng thời, tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an

ninh cho các đối tượng; giáo dục quốc phòng an ninh cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; xây dựng lòng tự hào, tự tôn dân tộc, quân đội, địa phương...

Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng tổng hợp, nhất là chất lượng chính trị của lực lượng vũ trang tỉnh. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, nhân dân, sự nghiệp đổi mới đất nước và tỉnh nhà. Có nhiều giải pháp đột phá nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; phối hợp với các lực lượng trong hệ thống chính trị xử lý tốt các tình huống phức tạp; góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn.

Thực hiện tốt chức năng đội quân công tác; làm tốt công tác dân vận; thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào hành trình “Quân đội chung tay vì sức khỏe cộng đồng”, giúp dân xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cơ sở chính trị địa phương, nhằm củng cố vững chắc quan hệ đoàn kết quân dân, giữ vững phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong lòng nhân dân.

Tiếp tục thực hiện chặt chẽ hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về công tác xây dựng Đảng; nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Cuộc vận động và Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục đẩy mạnh việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và quan điểm, đường lối, chủ trương, biện pháp xây dựng Đảng, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục đẩy mạnh việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”, xây dựng Đảng bộ quân sự tỉnh trong sạch vững mạnh, lực

lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Với những thành tích và chiến công trong xây dựng, chiến đấu và trưởng thành dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, Lực lượng vũ trang Đồng Nai vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng<sup>(2)</sup>:

Về tập thể: 2 Huân chương Sao vàng (nhân dân và Lực lượng vũ trang Bà Rịa - Long Khánh năm 1968, nhân dân và Lực lượng vũ trang Đồng Nai năm 2000), 1 Huân chương Hồ Chí Minh, 1 Huân chương Quân công hạng Nhất, 13 Huân chương Thành đồng Tổ quốc, 26 Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 3 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc (1 hạng Nhất, 2 hạng Ba); 65 đơn vị Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

Về cá nhân: 8 Huân chương Độc lập, 149 Huân chương Quân công (các hạng), 5.243 Huân chương Quân kỳ quyết thắng, 4.491 Huân chương Chiến công (các hạng), 36 Huân chương Chiến công Giải phóng, 18.199 Huân chương Chiến sĩ giải phóng, 258 Huân, Huy chương Chiến thắng, 6.706 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (các hạng), 1.662 Huy chương Chiến sĩ Giải phóng (các hạng), 1.670 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, 1.050 Huân chương Hữu nghị, 1.035 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 29 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Đồng Nai được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 28/4/2000.

---

(2) Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai cung cấp, đến tháng 3/2016.

## Tiểu đoàn 240

Tiểu đoàn 240<sup>(1)</sup> tỉnh Biên Hòa tiền thân là Đại đội 240, thành lập từ tháng 7/1961 (khi tách tỉnh Thủ Biên thành tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một) với 40 cán bộ, chiến sĩ lấy từ Đại đội 380 tỉnh Thủ Biên.

Địa bàn chiến đấu thường xuyên của Tiểu đoàn 240 bao gồm các huyện Vĩnh Cửu (giáp Chiến khu Đ), Long Thành, Nhơn Trạch (giáp chiến khu Rừng Sác và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh). Đây là chiến trường trọng yếu với các đường giao thông chiến lược như: quốc lộ 1, quốc lộ 15, các tỉnh lộ 24, 17, 19, sông Lòng Tàu, kho bom Thành Tuy Hạ...

Đối tượng tác chiến thường xuyên của đơn vị bao gồm: bộ máy chính quyền tay sai, lính bảo an, dân vệ, bình định nông thôn, cảnh sát, sư đoàn 18 bộ binh, các đơn vị chủ lực của quân đội Sài Gòn như: biệt động, nhảy dù, lính thủy đánh bộ. Từ năm 1965, đơn vị trực tiếp tác chiến với quân viễn chinh Mỹ (Lữ đoàn dù 173, Lữ đoàn bộ binh 199, Sư đoàn Mãng xà vương Thái Lan, một bộ phận quân Úc từ Bà Rịa lên).

Hình thành từ cao trào Đồng khởi, trong 15 năm hình thành và chiến đấu, Tiểu đoàn 240 đã liên tục bám trụ, cơ động trên các chiến trường tỉnh Biên Hòa, giữ vững quan điểm tư tưởng tiến

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.

công, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kìm hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị quần chúng; đánh chống càn bảo vệ căn cứ; đánh phá áp chiến lược, phối hợp chủ lực tác chiến trong các chiến dịch lớn; làm nòng cốt trong tiến công và nổi dậy giải phóng địa phương trong Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Trong những năm 1961-1964, Đại đội 240 (sau thành Tiểu đoàn 240) đã 2 lần dùng phương thức kết hợp vũ trang, binh vận, đấu tranh chính trị của quần chúng bao vây bứt rút, bứt hàng đồn bảo an ở đồn Trị An, mở rộng vùng giải phóng giáp Chiến khu Đ.

Đại đội 240 liên tục đánh định chống càn quét, bảo vệ căn cứ. Cụ thể như ngày 8 và 9/11/1964, với hệ thống ô u chiến đấu, Đại đội 240 đánh bại cuộc càn của 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, 2 đại đội bảo an có cố vấn Mỹ chỉ huy vào căn cứ Lòng Chảo (xã Phước An, huyện Nhơn Trạch). Tháng 6/1966, đơn vị bám trụ đánh bại cuộc càn của Lữ đoàn dù 173 Mỹ có máy bay, xe tăng, pháo binh yểm trợ bảo vệ căn cứ Suối Cả (xã Bình Sơn, huyện Long Thành). Ngày 23/12/1966, C240 bám trụ đánh bại cuộc càn của 1 tiểu đoàn quân chư hầu Thái Lan vào căn cứ Suối Cả, diệt trên 100 tên. Ngày 14/7/1969, đơn vị bám trụ địa bàn khu Lòng Chảo (Phước An) đánh bại cuộc càn quy mô lớn của quân Mỹ, Thái Lan có máy bay, 45 xe tăng, xe ủi ở trảng Đồng Lớn, Hang Nai, Vũng Gấm...

C240 liên tục đánh diệt đồn bót, đánh phá áp chiến lược kết hợp vũ trang tuyên truyền mở vùng giải phóng xây dựng cửa khẩu hậu cần cách mạng. Đáng chú ý như năm 1962 tiêu diệt đồn Siph, đồn Bình Sơn, mở rộng vùng giải phóng ở các đồn điền cao su An Viễn, Siph, Helena, Bình Sơn, mở rộng cửa khẩu hậu cần Bình Sơn (lộ 1, 15 và liên tỉnh lộ 2). Năm 1962, đơn vị phối hợp du kích các xã bao bố địch trong đồn bót, phát động nhân dân nổi dậy phá khu trù mật Phước An, giải phóng nhiều ấp thuộc các xã Phước An, Phước Thọ, Phước Long (lộ 19), Phú Hội, Phú Mỹ,



Phước Thiên, Long Tân (lộ 17). Trận đánh diệt 2 đại đội bảo an vào ngày 27/9/1972 ở Hang Nai, Phước An.

C240 liên tục đánh giao thông địch trên quốc lộ 15, 17, 19 tiêu diệt nhiều phương tiện thiết bị chiến tranh của địch, cắt đứt giao thông của chúng. Như trong tháng 11 và tháng 12/1964, đợt hoạt động thu hút địch phối hợp với chiến dịch Bình Giã (1964-1965), đơn vị cùng tiểu đoàn 800 Quân khu 7 đẩy mạnh đánh giao thông lộ 15, từ Tam Phước đến Quán Chim - Phước Thái (giáp Bà Rịa), diệt 26 xe tăng, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, diệt làm bị thương 278 tên, thu nhiều vũ khí các loại.

Trong chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân năm 1968, C240 tiến công chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, pháo kích gây thiệt hại nặng kho bom Thành Tuy Hạ, phối hợp với du kích các xã phát động quần chúng nổi dậy bao vây đồn bót, đã giải phóng và làm chủ xã Bình Sơn 8 ngày đêm, giải phóng và làm chủ ấp Vũng Gấm (Phước An) 10 ngày đêm.

Tiểu đoàn 240 liên tục bằng nhiều hình thức tác chiến phá hủy nhiều bom, đạn của địch trong kho bom Thành Tuy Hạ. Cụ thể, bằng cách đánh đặc công, đêm 10/4/1972, đơn vị phá hủy 3 dãy nhà, 4 ụ dã ngoại, phá hủy 72 tấn bom đạn. Đêm 12/8/1972, một tổ đặc công của tiểu đoàn 240 tiến công kho bom Thành Tuy Hạ, phá hủy 10.578 tấn đạn, bom, mìn các loại, đánh chìm 1 tàu.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn 240 Biên Hòa liên tục tấn công diệt các đồn bót địch trên lộ 17, 19, đồng thời phát động quần chúng nổi dậy tấn công chính trị, binh vận bao vây đồn bót, chốt địch, giải phóng các xã lộ 17, 19, giải phóng các Chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, tiếp quản kho bom Thành Tuy Hạ, đồng thời tạo điều kiện cho Sư đoàn 325 thuộc Quân đoàn 2 vượt sông tiến về giải phóng Sài Gòn.

Sau ngày giải phóng, Tiểu đoàn 240 tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ tuyên truyền, vận động đồng bào vùng có đạo Công giáo, tiêu diệt nhiều nhóm tàn quân chống phá cách mạng ở Suối Đĩa, Trảng

Bom... góp phần bảo vệ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở địa phương.

Trong 15 năm chiến đấu, Tiểu đoàn 240 Biên Hòa đã đánh 502 trận lớn, nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 2.597 lính quân đội Sài Gòn, 357 lính Mỹ, 115 lính Thái, bắt sống 720 lính quân đội Sài Gòn, thu 756 súng các loại, phá hủy 16 xe tăng, 82 xe quân sự, 16 xe ủi, bắn rơi 7 máy bay trực thăng, diệt 8 đồn cấp trung đội, 83 bót, diệt gọn 14 đại đội, 85 trung đội của quân đội Sài Gòn, diệt 1 trung đội lính Mỹ, đánh tiêu hao 2 tiểu đoàn Mỹ, 1 tiểu đoàn lính Thái.

Với những thành tích tiêu biểu trên, năm 2012, Tiểu đoàn 240 được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đại đội Lam Sơn, Trung đoàn 310

Ngày 27/3/1948, thực hiện chỉ thị của Khu bộ trưởng Khu 7 về việc xây dựng trung đoàn, toàn Chi đội 10 phát triển thành Trung đoàn 310. Trung đoàn 310 biên chế cụ thể gồm:

- Đại đội A phát triển lên Tiểu đoàn Lê Lợi gồm 3 đại đội khinh binh: Đại đội Thái Nguyên (Trung đội 1); Đại đội Đông Đa (Trung đội 2); Đại đội Chi Lăng (Trung đội 3).

- Đại đội B phát triển lên Tiểu đoàn Quốc Tuấn gồm 3 đại đội khinh binh: Đại đội Lạc An (Trung đội 4); Đại đội Bắc Sơn (Trung đội 5); Đại đội La Nha (Trung đội 6).

- Đại đội C phát triển lên Tiểu đoàn Quang Trung gồm 3 đại đội khinh binh: Đại đội Đô Lương (Trung đội 7); Đại đội Lam Sơn (Trung đội 8); Đại đội Bàu Cá (Trung đội 9 thiếu).

Từ trong thực tiễn của cuộc chiến tranh vệ quốc, từ những tổ chức tiên thân là Trung đội 5, Đại đội B (Biên Hòa) và Trung đội 8, Đại đội C (Long Thành), Đại đội Lam Sơn<sup>(1)</sup> được hình thành và lấy ngày 27/3/1948 là ngày thành lập.

---

(1) Nguồn: Ban Liên lạc truyền thống cựu chiến binh Đại đội Lam Sơn, Lịch sử Đại đội Lam Sơn (8-1945 - 7-1954), Nhà xuất bản Đồng Nai, 2002.

Đại đội Lam Sơn gánh trọng trách nặng nề vì đứng chân hoạt động ở địa bàn chiến lược: khu vực Biên Hòa, giáp ranh Sài Gòn, Vĩnh Cửu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: là cửa ngõ của Chiến khu Đ; có các trục đường giao thông chiến lược quan trọng nối liền ra các tỉnh miền Trung và tỏa xuống miền Tây Nam Bộ như: quốc lộ 1, lộ 15, đường sắt, đường sông Đồng Nai, đường sông Lòng Tàu, đường lộ 24 áp sát vành đai căn cứ Chiến khu Đ...

Từ những lực lượng nòng cốt ban đầu là các thanh niên yêu nước ở các làng xã; sinh viên học sinh ở các trường học, công nhân cao su, thợ máy, các ngành nghề thủ công; đồng bào các dân tộc, một số binh lính, sĩ quan của quân đội thuộc địa Pháp và quân đội Nhật Bản..., càng về sau, lực lượng tăng cường, bổ sung cho Đại đội Lam Sơn càng được nâng cao hơn về chất lượng, kinh nghiệm tác chiến, kỹ thuật chiến đấu. Đó là những đơn vị: bộ đội Đô Lương, bộ đội Bắc Sơn, bộ đội La Nha, bộ đội địa phương Lê Hồng Phong, cán bộ huyện, dân quân du kích ở các xã... Và qua đó, thành phần tham gia đại đội phong phú: thanh niên nông dân, công nhân cao su, công nhân BIF, viên chức, học sinh, lớp nghèo thành thị, thanh niên dân tộc Chơ-ro, Châu Mạ, S'tiêng, Kơ-me...

Nhiệm vụ của Đại đội Lam Sơn rất nặng nề và phạm vi hoạt động rất lớn, trên địa bàn chiến lược vô cùng quan trọng. 5 nhiệm vụ cơ bản có mối liên hệ mật thiết với nhau mà Đại đội Lam Sơn phải làm tròn là:

- Đánh đồn bót và đánh chống càn quét của địch bảo vệ căn cứ, các cơ quan đầu não kháng chiến ở địa phương, bảo vệ nhân dân và mùa màng;
- Tự lực cánh sinh, lấy vũ khí địch ở mọi nơi mọi lúc, trong mọi điều kiện tự trang bị cho mình;
- Đánh giao thông và bảo vệ các đoàn cán bộ Trung ương vào Chiến khu Đ và các đoàn vận tải lương thực, súng đạn của quân ta về đến nơi an toàn;
- Công tác vận động quần chúng yêu nước tham gia kháng chiến

và vận động binh lính địch bỏ hàng ngũ đi theo cách mạng;

- Xây dựng lực lượng dân quân du kích tại chỗ và tham gia diệt ác phá kìm.

Qua quá trình hoạt động và chiến đấu trực diện với địch, cán bộ, chiến sĩ Đại đội từng bước trưởng thành vững vàng về chính trị, tinh thần, được thể hiện qua các trận đánh đồn bót, đánh phục kích, đánh chống càn... Thực hiện tốt công tác dân vận, địch vận đã hỗ trợ đắc lực vào các kết quả hoạt động cũng như thành tích trong chiến đấu của Đại đội. Về nhiệm vụ tác chiến, đại đội thực hiện tốt 2 nhiệm vụ cơ bản: phối hợp (phối hợp giữa bộ đội cấp trên, bộ đội liên huyện, bộ đội trong huyện) và độc lập chiến đấu.

Một trong những trận đánh tiêu biểu của Đại đội Lam Sơn là vào ngày 10/10/1948, Đại đội Lam Sơn cùng một số đơn vị bạn cùng tiểu đoàn đã đánh bại trận càn của hàng ngàn quân Pháp từ Biên Hòa xuống sở cao su Hàm Rồng (Tân Hưng - Long Bình Tân hiện nay), cuộc chiến diễn ra ác liệt từ 7 giờ đến 11 giờ. Tiếp đó, trong ngày 23 và 25/10/1948, đơn vị tiếp tục đánh bại hai trận càn với lực lượng cỡ đại đội vào căn cứ Bình Đa. Đến cuối tháng 10-1948, Đại đội Lam Sơn và các đơn vị bạn trong tiểu đoàn do đồng chí Lương Văn Nho trực tiếp chỉ huy phục kích đánh đoàn xe 7 chiếc kéo be có lính lê dương địch ở chi khu Trảng Bom hộ tống. Kết quả ta làm chủ tình hình, phá 7 xe và thu được nhiều vũ khí, địch bị thiệt hại nặng.

Ngày 23/6/1949, Đại đội Lam Sơn tham gia trận phục kích của Tiểu đoàn trên đường số 1 cách nội ô thị xã Biên Hòa khoảng 6km (gần bệnh viện Tâm thần) do đồng chí Đinh Quang Ân chỉ huy.

Trận đánh diễn ra quyết liệt, ta tiêu diệt khoảng 50 tên địch. Tính riêng trong 6 tháng đầu năm 1949, Đại đội chuyên môn đánh đường sắt của Biên Hòa do đồng chí Hoàng Phùng Đức chỉ huy đánh 15 trận làm hỏng 13 đầu máy xe lửa hiệu Pacific trên tuyến đường sắt Biên Hòa - Trảng Bom; có trận diệt 150 tên lính lê dương hộ tống. Các đường giao thông lộ 1, 15, 16, 24 bị đào phá, đắp vật cản và cắt đứt liên tục. Lực lượng bảo vệ căn cứ Chiến khu Đ, Chiến khu Rừng

Sắc, Chiến khu Bình Đa đã bẻ gãy nhiều cuộc hành quân đánh phá của địch và đặc biệt đã phá vỡ tổ chức gián điệp của giặc ở Long Thành, Tỉnh đội Biên Hòa.

Ngày 11/2/1950, một bộ phận của Đại đội Lam Sơn do đồng chí Nguyễn Văn Phòng và đồng chí Châu phụ trách phối hợp với du kích Tam Hiệp đặt một trái FT tại cầu Ông Từu (Tam Hiệp). Ta diệt gọn 1 xe chở tiểu đội sĩ quan Pháp thực tập đi thực tế. Cả xe và vũ khí trung liên, tiểu liên, súng trường đều bị nát, cháy vụn.

Ngày 30/3/1950, Đại đội Lam Sơn dự trận phối thuộc giao thông chiến trên đường Sài Gòn - Đà Lạt. Đại đội phụ trách khu vực C, có liên pháo 20 ly hỗ trợ. Sau trận đánh, quân ta phá hủy 29 xe của địch.

Ngày 22/4/1950, 2 trung đội của Đại đội Lam Sơn phục kích đánh địch trên đường xe lửa từ Sài Gòn đi Phan Thiết. Do có tình huống bất ngờ không đúng theo kế hoạch vì ta dự định đánh bọn đi tuần và làm đường nhưng lại đụng đoàn xe lửa quân sự Pháp từ Nha Trang về, đường sửa được đến đâu xe chạy đến đó, buộc ta phải đánh cả bọn tuần tiểu sửa đường và đoàn xe lửa. Trận chiến diễn ra ác liệt tại đoạn đường sắt Trảng Bom. Sau 30 phút nổ súng dữ dội, quân ta xung phong làm chủ tình hình, diệt 20 tên địch trong đó có một quan hai Pháp (trung úy), phá hỏng một đầu máy xe lửa, đốt 2 wa-gong (toa xe). Chiến thắng trên đã gây tiếng vang lớn ở đô thành và những vùng bị tạm chiếm, kẻ địch vô cùng cay cú.

Giữa đêm 24/4/1950, tại căn cứ Bình Đa, Đại đội Lam Sơn được lệnh hành quân cấp tốc đến Đại An để đánh địch tấn công Chiến khu Đ bằng đường bộ và đường sông. Cùng với du kích tập trung Lê Hồng Phong huyện Vĩnh Cửu và du kích 2 xã Định Tân, Đại An, Đại đội phối hợp bố trí trận địa đón địch. Lúc 11 giờ, quân Pháp theo sông Đồng Nai bằng tàu đổ bộ vào mặt trận của ta. Tất cả đồng loạt nổ súng, tiêu diệt 12 tên địch, thu được một số vũ khí và đồ dùng quân sự, bảo vệ được căn cứ Huyện ủy và không để địch tấn công vào chiến khu.

Vào các ngày 11 và 23/6/1950, khoảng 100 quân Pháp và lính Pat-

ti-dan tấn công vào Bình Đa. Trung đội 2 thuộc Đại đội Lam Sơn đón đánh địch ở An Hảo, Gò Cây. Ở Xóm Hóc, một bộ phận do đồng chí Phùng phụ trách dùng chiến thuật bắn chim sẻ đánh địch. Địch chưa lọt được vào căn cứ phải rút lui. Ngày 27/6/1950, được bọn gián điệp dẫn đường, địch nghi binh đánh bọc hậu vào sau lưng bộ đội ta. Được du kích huyện do đồng chí Cấn, đồng chí Thường phụ trách phối hợp, ta đánh trả địch quyết liệt, phá vỡ cuộc tập kích của địch.

Sáng 30/6/1950, Pháp tập trung cả thủy, lục, không quân mở cuộc càn lớn vào chiến khu Bình Đa. Các đơn vị bộ đội lạng lẽ rút ra ngoài, chỉ còn cán bộ đại đội, Trung đội 3, tổ trinh sát và du kích xã bám địa hình luồn lách tránh giao chiến với địch. Đến đêm, ta tổ chức đánh quấy rối nhiều cụm quân địch đóng dã ngoại. Vào 8 giờ ngày 1/7/1950, địch rút khỏi Bình Đa sau khi nổ súng giết hơn 80 trâu bò của nhân dân. Chiến khu Bình Đa vẫn giữ vững.

Ngày 30/8/1950, Đại đội Lam Sơn phối hợp với bộ đội huyện Vĩnh Cửu (bộ đội Lê Hồng Phong, phát triển từ du kích tập trung lên) tấn công bót Bến Gỗ do 1 trung đội thân binh Cao Đài đóng giữ, diệt và bắt sống 1 trung đội này.

Chiều 4/10/1950, Đại đội Lam Sơn gồm 3 trung đội do đồng chí Dương Ngọc Tân, Trần Bá Thạnh, Duy, Nhật phụ trách theo yêu cầu của địa phương phối hợp với du kích hai xã Tam An, Tam Phước phục kích cách bót Tam An khoảng 250 mét giết chết 7 tên lính, trong đó có tên Chà đen Utini, đồn trưởng Tam An, một tên sếp bót khét tiếng tàn bạo, ác ôn và lợi hại trong vùng. Ta bắt được 1 tù binh, thu 1 nòng súng Bren, 1 súng trường Mas và một số đạn. Riêng tên tù binh, khi giải về Bình Đa phía bộ đội làm công tác giáo dục tư tưởng rồi tha cho về. Trận diệt tên Utini tạo được tiếng vang lớn. Uy tín của Đại đội Lam Sơn càng được nâng cao. Đồng bào ven lộ 15 rất phấn khởi.

Ngày 17/11/1950, Đại đội Lam Sơn và Đại đội Lê Hồng Phong phục kích trên đoạn đường xe lửa Trảng Bom - Cây Gáo đánh bọn đi tuần đường sắt, diệt 4 tên địch, thu 1 nòng súng trung liên và một số

quân trang, quân dụng.

Rút kinh nghiệm trận Trảng Bom - Cây Gáo, vài ngày sau đó, đơn vị của Đại đội Lam Sơn do các đồng chí Nguyễn Văn Phòng, Dương Minh Hên, Đào Tiến Thường chỉ huy thực hiện đánh tiêu diệt 1 tiểu đội lính Âu Phi ở ga Hồ Nai đi Trảng Bom thu 1 trung liên, 2 tiểu liên mituyn và 4 súng trường mas, bắt 2 tù binh, diệt 4 tên, 4 tên khác bị thương được bộ đội tha tại chỗ, số còn lại bỏ chạy. Với 2 tên tù binh bắt được, ta đưa về căn cứ Phước Cang giáo dục tư tưởng sau đó thả cho về.

Đầu tháng 2/1951, sau khi giặc tấn công Chiến khu Đ, càn quét qua Đại An, Đại đội Lam Sơn độc lập phục kích giặc cách Trảng Bom khoảng 1km bắt được 7 xe chở hàng trong đoàn công-voa từ Sài Gòn đi Đà Lạt.

Trong suốt năm 1950 và những tháng đầu năm 1951, Đại đội Lam Sơn liên tục chủ động mở các cuộc phục kích, tấn công vào đồn bót địch, đánh phá phương tiện chiến tranh, phá hoại các tuyến đường giao thông huyết mạch của địch, bảo vệ an toàn vùng căn cứ.

Cũng bắt đầu từ những năm 1949-1950 trở đi, Đại đội Lam Sơn còn đảm đương nhiệm vụ rất nặng nề: vừa phải tổ chức lực lượng để cơ động tác chiến theo yêu cầu, đồng thời chủ động bảo vệ cán bộ và hàng hóa từ ngoài vào. Đây là vấn đề rất nan giải vì phải đi qua những tuyến đường huyết mạch trọng yếu là quốc lộ 1, quốc lộ 15 (quốc lộ 51 hiện nay), đường sắt. Để hoàn thành nhiệm vụ, các chiến sĩ Đại đội Lam Sơn mà đặc biệt là bộ phận trình sát thường xuyên cắt rừng hướng dẫn đoàn đi an toàn. Trong suốt thời gian dài, Đại đội đã bảo vệ Đoàn vận tải D320 của Khu vận chuyển vũ khí, đưa đón cán bộ từ Trung ương vào qua khu vực Bình Đa lên Đại An về Chiến khu Đ, về Bà Rịa, xuống miền Tây an toàn. Đặc biệt, Đại đội Lam Sơn còn có công lớn trong việc bảo vệ chuyến vận chuyển binh công xưởng Nam Bộ từ Hắc Dịch về Chiến khu Đ an toàn. Từ tháng 5/1952, khi thành lập Tiểu đoàn vận tải 320, Đại đội Lam Sơn vẫn thường xuyên hỗ trợ cho hoạt động của đơn vị này trên cả một



đoạn đường dài từ Bến Gỗ qua đường 15, qua đường xe lửa, đường số 1, về bến đò Đại An.

Một trận đánh tiêu biểu khác là trận đánh tiêu diệt bót Long Diềm diễn ra ngày 11/6/1951 do đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy. Tham gia có các đồng chí Trần Bá Thạnh, Dương Minh Hên, Dương Ngọc Tân và 2 trung đội của Đại đội Lam Sơn cùng 2 tiểu đội của biệt động tỉnh Biên Hòa vào bố trí ém quân trước mặt tiền đồn Long Diềm. 11 giờ ngày 11/6, bọn địch trong đồn kéo nhau đi ăn cơm. Ta tổ chức 2 người cầm cờ đỏ sao vàng khi nghe phát lệnh “xung phong” thì xông vào và thổi tu huýt báo hiệu, 2 trung đội bộ đội thực hành tiến công. Tên lính gác còn lại trên gác chuông nhà thờ dùng súng trung liên bắn xối xả và bị bộ đội Lam Sơn hạ gục nhanh chóng. Tên đồn phó bị bộ đội ta bắn gục ngay bàn làm việc. Bọn lính bỏ chạy tán loạn. Trận đánh chỉ diễn ra trong vòng 10 phút, quân ta chiếm được bót và an toàn, không chiến sĩ nào bị thương vong. Trận đánh thắng lợi nhanh gọn làm cho bọn địch xung quanh đều hoang mang, phá được sức ép của địch với Chiến khu Bình Đa. Ta thu được 1 súng cối 81, 3 tiểu liên Xten, 3 trung liên FM và 43 súng trường Anh, bắt sống một số tên lính nhưng bộ đội phóng thích tại chỗ. Trận đánh đồn Long Diềm diễn ra chớp nhoáng, là kết quả của công tác dân vận, địch vận của các chiến sĩ Đại đội Lam Sơn, sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng bộ binh và biệt động.

Năm 1951, Đại đội Lam Sơn tham gia cùng lực lượng vũ trang tỉnh tiêu diệt yếu khu Trảng Bom. Hơn 16 giờ ngày 20/7/1951, hai xe cam - nhông của sở đá từ Bàu Cá về Trảng Bom chở 75 chiến sĩ biệt động và bộ đội tinh hóa trang công nhân sở đá. Khoảng 16 giờ 45, bọn lính trong chi khu ra sân banh đá bóng, cũng vừa lúc 2 xe cam -nhông chở công nhân dừng ngang công chi khu. Địch chưa kịp ra hỏi, Đội biệt động nhanh chóng bắn hạ tên lính gác cổng, xông vào dùng bộc phá đánh các tháp canh và lô cốt, chiếm xe bọc thép. Trong tiếng kèn đồng giục giã, Đại đội 60 thuộc Tiểu đoàn 303 tỉnh từ bìa rừng nhanh chóng vận động phối hợp cùng biệt động đánh chiếm các vị trí trong khu trung tâm. Cùng lúc, Đại đội Lam Sơn nổ súng đánh

chiếm đồn lính cạnh sân banh. Bị bất ngờ, bọn địch trong chi khu và ngoài sân banh bỏ chạy tán loạn. Chỉ trong vòng 30 phút, quân ta làm chủ tình hình, tiêu diệt 50 tên lính Âu Phi, bắt sống 50 tên khác, thu 200 súng trong đó có 3 đại liên, 6 trung liên, 2 súng cối 81 ly và hàng chục tấn đạn dược, lương thực thực phẩm, hơn 100.000 đồng tiền Đông Dương và một số USD và phá hủy 2 xe bọc thép. Chiến lợi phẩm được chiến sĩ dùng xe chở về Chiến khu Đ an toàn. Đến 5 giờ ngày 21/7/1951, toàn bộ lực lượng tham gia trận đánh rút về căn cứ an toàn. Suốt mấy ngày đêm sau đó, ta hoàn toàn làm chủ yếu khu quân sự Trảng Bom. Trong trận đánh này, 2 chiến sĩ Đại đội Lam Sơn hy sinh, 2 đồng chí khác bị thương. Trận đánh yếu khu Trảng Bom thắng lợi đã gây tiếng vang lớn, cổ vũ mạnh tinh thần đấu tranh của quân dân Biên Hòa, phá được mũi đột kích của địch vào vùng độc lập ở Đại An, Định Tân. Các chiến sĩ Đại đội Lam Sơn đã đóng góp tích cực cho trận đánh giành được thắng lợi từ việc điều nghiên đến phối hợp tác chiến.

Tính đến cuối năm 1951, Đại đội Lam Sơn đánh tổng cộng 54 trận gồm 16 trận chống càn, 23 trận phục kích, 3 trận pháo kích, 4 trận đánh cứ điểm, 8 trận đánh giao thông<sup>(2)</sup>.

Tình hình chiến đấu càng khó khăn hơn khi vào đêm 18/10/1952, một cơn bão lớn ập vào khu vực miền Đông làm nước sông Đồng Nai, Sông Bé dâng cao, tràn cả vào bờ. Chiến khu Đ và các xã ven sông Đồng Nai thuộc huyện Vĩnh Cửu chìm ngập trong bể nước.

Cùng thời điểm ấy, Đại đội bộ đội địa phương Lam Sơn đứng chân tại xã Đại An tổ chức đóng bè chuối, bè gỗ suốt mấy ngày đêm liên tục đưa đồng bào đến các khu vực an toàn tại đồi Bà Vắn; tổ chức một bộ phận khăn trương đào khoai mì, cắt lúa đang chìm dần trong dòng nước lũ để cứu đói cho dân; phối hợp tổ chức đột nhập đồn địch thu các loại vũ khí, gạo, thức ăn...

---

(2) Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945-1995), NXB Quân đội nhân dân - Hà Nội 1999, trang 111.

Lúc này lương thực vô cùng khan hiếm, dịch bệnh xảy ra nghiêm trọng. Thừa lúc ta gặp khó khăn, địch đẩy mạnh hoạt động càn quét vào vùng căn cứ; bao vây kinh tế; tuyên truyền chiêu dụ cán bộ kháng chiến... Đỉnh điểm là đầu năm 1953, Pháp tăng cường lực lượng đánh phá ác liệt vào vùng căn cứ cách mạng liên tục trong 52 ngày đêm. Ở Đại An, Lạc An, Định Tân, địch cho máy bay rải bom bắn phá để diệt lực lượng kháng chiến. Thời điểm này, địch đánh chiếm căn cứ Bình Đa.

Đại đội Lam Sơn một mặt giải quyết vấn đề lương thực, hậu cần, một mặt phải thường xuyên đánh trả các đợt càn quét của địch cả đường bộ lẫn đường sông.

Đầu năm 1953, địch mở trận càn lớn với quy mô cấp tiểu đoàn. Chúng chia thành nhiều mũi tấn công vào Đại An kết hợp với máy bay kêu gọi bộ đội đầu hàng. Trung đội 1 và Trung đội 3 thuộc Đại đội Lam Sơn đánh trả địch quyết liệt, bắn trúng 1 máy bay Jong-ke của địch đang bay dọc theo bờ sông để ném bom napan. Vấp phải sự đánh trả quyết liệt của bộ đội, bọn địch vô cùng hoang mang.

Đại đội Lam Sơn thường xuyên chặn đánh địch trên đường giao thông để lấy lương thực, vũ khí, quân nhu, tự trang bị cho mình và giải quyết phần nào vấn đề khó khăn lương thực cho nhân dân và các cơ quan trong vùng căn cứ. Qua đó, tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhau giữa quân, dân, chính, Đảng ngày càng chặt chẽ, khăng khít. Trong một trận đánh đáng ghi nhớ ở đường số 1 do các đồng chí Lưu Công Hưng (bấy giờ là Đại đội trưởng Đại đội Lam Sơn), đồng chí Tân, Hên, Hồng... thực hiện, ta đánh đoàn xe của địch gồm 1 chiếc chở gạo và bột gạo, hai chiếc xe còn lại chở học viên sĩ quan địch, thu toàn bộ lương thực, một số vũ khí.

Tháng 12/1953, trận đánh bót Cẩm Vinh nằm dọc sông Đồng Nai do 2 trung đội bộ đội Lam Sơn được sự hỗ trợ của 1 trung đội biệt động tỉnh và 2 trung đội địa phương huyện Tân Uyên phục kích chặn địch ở Lợi Hòa và ngã ba Bình Ý, không cho chúng từ

Cây Đào hay sân bay Biên Hòa tăng viện. Trận đánh diễn ra trong tình hình cực kỳ khó khăn do sau trận lụt kỷ lục, mỗi chiến sĩ ta trước khi vào trận đánh chỉ được 2 chén cháo.

Một đêm tháng 12/1953, các chiến sĩ Lam Sơn nổ súng tiến công địch ở hướng Tây Bắc. Phát hiện lực lượng ta, địch phản công quyết liệt, quân ta không xông vào được. Trung đội trưởng Tiếp tuy đã bị thương vẫn dồn sức ôm mìn FT xông thẳng vào đánh sập lô cốt chính rồi sau đó hy sinh cho đồng đội xông lên. Địch bị thu hút ở phía trước, đội biệt động tinh nhanh chóng tiến công vào phía sau bót. Ta tiêu diệt 1 trung đội giặc, thu toàn bộ vũ khí và rút lui; cùng thời điểm này, bộ đội Tân Uyên diệt bót Miếu Ngói (Lợi Hòa).

Do địch ruồng kích án ngữ, đường rút lui của quân ta từ Cẩm Vinh rất khó khăn. 5 giờ sáng hôm sau, trên đường rút về Đại An, đến sở cao su Ông Phủ (Bình Ý) thì đụng trung đội biệt kích Pa-ren đi ruồng kích. Lực lượng ta chia làm 3 mũi: Đội biệt động đánh vỡ mặt, bộ đội Lam Sơn đánh xuyên hông làm địch không kịp trở tay. Ta tiêu diệt hoàn toàn Trung đội biệt kích tiểu khu Biên Hòa, giải thoát 6 đồng chí của ta bị bọn chúng bắt được.

Trận đánh bót Cẩm Vinh thắng lợi và trung đội biệt kích ác ôn Pa-ren bị bộ đội ta tiêu diệt đã tạo tiếng vang lớn, làm bọn địch ở Vĩnh Cửu và thị xã Biên Hòa rúng động.

Trong tháng 4/1954, Đại đội Lam Sơn tiến công đánh địch ở bót Rạch Đông, Cây Đào, áp sát bót Bà Miêu (Bình Long - Lợi Hòa), đánh địch tuần ruồng, phục kích trên đường giao thông... đánh diệt 183 tên, bị thương 15 tên, kêu hàng 5 tên, bắn cháy 3 xe tăng thiết giáp, 1 xe GMC, 1 xe cam-nhông, 2 xe Jeep, thu nhiều vũ khí.

Cuối năm 1954, hầu hết cán bộ, chiến sĩ Đại đội Lam Sơn được tổ chức trong đội hình Trung đoàn Thủ Biên lên đường tập kết ra miền Bắc.

Đại đội Lam Sơn được hình thành, phát triển và tồn tại đến kết

thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Kết quả hoạt động của Đại đội Lam Sơn đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung của quân và dân miền Đông Nam Bộ, của quân và dân cả nước trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Với những thành tích đã đạt được, tháng 8/2013, Đại Đội Lam Sơn được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Tiểu đoàn 1 - Đặc công U1 Biên Hòa

Nhằm cứu vãn tình thế chế độ tay sai ở Sài Gòn đang lâm vào cơn khủng hoảng chính trị triền miên, Mỹ buộc phải đổ quân vào miền Nam làm nhiệm vụ đối đầu trực tiếp với quân giải phóng miền Nam<sup>(1)</sup>.

Tháng 4/1965, Nhà Trắng đưa 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ vào miền Nam thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược. Ngày 17/4/1965, Tổng thống Mỹ thông qua 3 giai đoạn và kế hoạch “Tìm diệt” của Thống tướng Westmoreland ở miền Nam; bằng quyết định này, để quốc Mỹ chính thức thực hiện Chiến tranh cục bộ ở Việt Nam, bộ mặt xâm lược của Mỹ ở miền Nam đã lộ nguyên hình.

Ngày 5/5-1965, Lữ đoàn 173 Mỹ đổ bộ vào cảng Vũng Tàu, chuyển về đóng ở sân bay Biên Hòa và căn cứ Hốc Bà Thúc (Tân Phong). Ngày 1/6/1965, 1 tiểu đoàn lính Úc và 1 đại đội pháo Tân Tây Lan cũng được đưa đến Biên Hòa trước khi về đóng chốt tại Bà Rịa vào năm 1966.

Vừa đặt chân tới Biên Hòa, quân Mỹ và quân Úc lập tức mở những cuộc hành quân càn quét phía Tây Bắc thị xã, mục đích của chúng là “tìm và diệt” hoặc đẩy lực lượng cách mạng ra xa để bảo vệ và mở rộng các căn cứ quân sự, sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình... đồng thời triển khai nhanh quân Mỹ và phương tiện chiến tranh hiện đại tại miền Nam.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Từ đầu năm 1965, Mỹ cho hãng thầu xây dựng RMK-BRJ tuyển dụng hàng ngàn lao động người Việt phục vụ cho việc mở rộng khu kỹ nghệ Biên Hòa và xây dựng Tổng kho Long Bình thành kho hậu cần lớn nhất ở miền Nam. Bên trong thị xã, địch đặt nhiều cơ quan chỉ huy, như: Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3; cơ quan đặc cảnh miền Đông và cơ quan tình báo Mỹ (CIA) ở miền Đông; lập Bộ Tư lệnh dã chiến 2 (Mỹ)... Để bảo vệ những cơ quan này, địch thiết lập ở vùng ven thị xã và phía ngoài các căn cứ lớn như: trại Bạch Đằng, căn cứ Hóc Bà Thúc, căn cứ Nước Trong (Long Thành), căn cứ Dĩ An (Thủ Đức)...

Quận Đức Tu (Sài Gòn thành lập năm 1963) là trung tâm của tỉnh lỵ (tức thị xã Biên Hòa lúc bấy giờ). Địch củng cố lại bộ máy kiểm kẹp, tăng cường đồn bót bảo an, dân vệ, lập trạm gác, trạm kiểm soát trên các tuyến đường từ ngoài vào thị xã như: lộ 16, lộ 24, quốc lộ 1, quốc lộ 15; bộ máy công an, cảnh sát chim, nổi được bố trí dày đặc ở nội và ngoại ô để lùng sục đánh phá cơ sở cách mạng. Mật độ dày quân Mỹ và tay sai với đủ các sắc lính trong và ngoài thị xã tăng lên rất nhanh, có thể bình quân cứ 5 người dân có 1 tên lính.

Với thế bố trí đó, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã biến thị xã Biên Hòa thành một thị xã “quân sự hóa”, vừa là một hậu phương trực tiếp, một tuyến phòng thủ ở phía Đông Bắc Sài Gòn, một cơ quan chỉ huy đánh phá cách mạng ở miền Đông Nam Bộ, chúng huênh hoang cho rằng nơi đây là căn cứ an toàn, Việt cộng không thể xâm nhập và tồn tại được.

Trong lúc đó, do chính sách bình định gom dân của địch, nhân dân lao động các vùng ven, các huyện bị đổ xô vào thị xã ngày càng đông, trở thành đội quân thất nghiệp để cho bọn cai thầu Mỹ và bọn tư sản, “ôm chân” chúng tha hồ bóc lột sức lao động.

Sân bay Biên Hòa, một trong những sân bay quan trọng nhất của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, có diện tích 40km<sup>2</sup> với 2 đường băng dài 3.600m và 1.000m; bên trong chia thành 6 khu vực từ 170 đến 190 máy bay cùng đậu; lực lượng địch thường có mặt trên 2 ngàn tên gồm: lái máy bay, nhân viên kỹ thuật, binh lính Mỹ, lính Sài Gòn bảo

vệ sân bay, 1 đại đội pháo, 1 đại đội xe tăng, 2 tiểu đoàn lính dù và thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn quân khuyên (chó berger) gồm 100 con; sân bay có hệ thống chỉ huy, liên lạc hiện đại; hệ thống phòng thủ sân bay kiên cố bao gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều dày 1.000m; dưới các lớp rào chúng còn đặt nhiều loại mìn, pháo sáng mà chỉ cần 1 con vật bò ngang qua chạm mạch chúng có thể phát hiện ngay; xung quanh vòng rào, cứ 100m có 1 lô cốt, có lính canh giữ; ban đêm, sân bay được rọi sáng bằng hệ thống đèn pha cực mạnh. Căn sân bay là Sở chỉ huy Quân đoàn 3 quân đội Sài Gòn; vòng ngoài sân bay còn có căn cứ Hóc Bà Thức và nhiều đơn vị đóng quân dã chiến để bảo vệ an toàn sân bay.

Từ căn cứ này, không quân Mỹ Sài Gòn mang bom đạn đi phục vụ các cuộc càn quét và gây nhiều tội ác với đồng bào toàn miền Nam.

Từ năm 1965 đến năm 1966, quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào Biên Hòa ngày càng đông. Tuy nhiên, với những chiến thắng ở Biên Hòa, Bình Giả, Đồng Xoài, chiến trường miền Đông có những bước chuyển động mới: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh đã tiêu diệt, tiêu hao sinh lực chủ yếu của địch, phá được ấp chiến lược, mở rộng và nối liền nhiều vùng căn cứ và kiểm soát của ta. Phong trào chiến tranh du kích phát triển, lực lượng vũ trang sẵn sàng đánh địch, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 20/7/1965: “Dù đế quốc Mỹ có tăng thêm 10 vạn, 20 vạn quân Mỹ, thậm chí nhiều hơn nữa, dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng cương quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”.

Trung ương Cục miền Nam xác định: không chế, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ ở Biên Hòa sẽ có tác dụng to lớn, hỗ trợ tích cực cho chiến trường toàn miền. Tháng 1/1965, Trung ương Cục miền Nam họp Hội nghị mở rộng tại Lò Gò (Tây Ninh). Hội nghị khẳng định: Quân ta cơ bản làm thất bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, đồng thời nêu bật 2 khả năng phát triển của cách mạng miền Nam và nhiệm vụ của toàn Đảng,



toàn quân và toàn dân trước tình hình mới.

Trung ương Cục cũng xác định khả năng thứ hai là: Mỹ sẽ đổ quân trực tiếp xâm lược miền Nam, tiến hành chiến tranh cục bộ. Với khả năng này, thị xã Biên Hòa sẽ có một vị trí quan trọng, trở thành căn cứ quân sự lớn của Mỹ và chư hầu ở miền Đông Nam Bộ, một hậu phương trực tiếp của chính quyền Sài Gòn.

Cũng trong tháng 1/1965, Bộ Chỉ huy Miền điều động đồng chí Trần Công An (Hai Cà) về Biên Hòa phụ trách Thị đội trưởng. Đồng chí là cán bộ quân sự lâu năm - một trong những đồng chí sáng tạo ra cách đánh đặc công thời kỳ chống Pháp ở Biên Hòa. Cùng về thị xã còn có 50 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có một số cán bộ, chiến sĩ đặc công) quê ở Biên Hòa hoặc trước đây đã cùng chiến đấu trên chiến trường này. Lực lượng này được giao nhiệm vụ chủ yếu là nhanh chóng xây dựng phát triển lực lượng, huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật chiến đấu, cách đánh đặc công, xây dựng bàn đạp tiến công các cơ quan chỉ huy đầu não địch; đánh 2 mục tiêu sân bay Biên Hòa, Tổng kho hậu cần Long Bình và hỗ trợ phong trào quần chúng đánh phá bình định, phát triển chiến tranh nhân dân ở các địa phương.

Ngày 2/2/1965, Thị ủy Biên Hòa họp triển khai nhiệm vụ do Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông chỉ đạo. Hội nghị quyết định: xây dựng, củng cố các cơ sở vùng ven và trong nội ô thị xã, tạo bàn đạp cho lực lượng vũ trang tiến công vào các cơ quan đầu não, các căn cứ, sân bay kho tàng của Mỹ và tay sai. Đối với lực lượng vũ trang, Thị ủy quyết định thống nhất lực lượng đặc công gồm: đội biệt động thị xã Biên Hòa, 1 trung đội bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu gồm có 28 cán bộ, chiến sĩ (trong số này có 3 đồng chí đặc công đã qua đào tạo ở trường Quân khu, từng kinh qua chiến đấu) cùng lực lượng Trung ương Cục tăng cường, bố trí thành 3 chốt đặc công với các địa bàn bám trụ và các mục tiêu tác chiến như sau:

Chốt 1: Do đồng chí Nguyễn Văn Thanh phụ trách chốt trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Thu chốt phó; lấy Tân Phong, Thiện Tân làm địa bàn đứng chân để xây dựng cơ sở, tạo bàn đạp tiến công vào sân

bay Biên Hòa và quân đoàn 3.

Chốt 2: Do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng làm chốt trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Thái làm chốt phó; lấy Long Bình Tân, Phước Cang, Hưng Lộc làm bàn đạp xây dựng cơ sở, tạo điều kiện tiến công vào Kho liên hợp Long Bình và cầu xa lộ Đồng Nai.

Chốt 3: Do đồng chí Nguyễn Văn Hải làm chốt trưởng, đồng chí Huỳnh Văn Thanh làm chốt phó, bám tại Hóa An và Bình Trị. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, chốt 3 chuyển về làm nòng cốt lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu. Riêng bộ phận do đồng chí Chín Tiên chỉ huy, tiếp tục bám địa bàn tại Hóa An và Bình Trị.

Tháng 12/1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III) ra Nghị quyết khẳng định lại quyết tâm đánh Mỹ và khả năng thắng Mỹ. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 12, tháng 2/1966, Quân ủy trung ương đề ra 6 phương thức tác chiến chiến lược, trong đó có 3 phương thức được bộ đội đặc công không ngừng hoàn thiện đạt hiệu suất cao là:

Phương thức 1: Đánh phá các căn cứ hậu cần, kho tàng, sân bay, hải cảng, cơ quan đầu não địch.

Phương thức 2: Triệt phá các đường giao thông thủy, bộ quan trọng, tạo ra thế bao vây chia cắt địch.

Phương thức 3: Đẩy mạnh hoạt động quân sự ở các đô thị, hình thức tác chiến nhỏ kết hợp đấu tranh chính trị, làm công tác dân vận, địch vận, quân báo đến tác chiến lớn, kết hợp tiến công và khởi nghĩa.

Tháng 1/1966, đế quốc Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất. Địch tập trung quân Mỹ và tay sai, chur hầu Úc càn quét vào các khu căn cứ ở miền Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt quân chủ lực cách mạng.

Lúc này D1, D2 - đặc công U1 Biên Hòa đã làm tốt nhiệm vụ kết hợp lực lượng vũ trang của địa phương củng cố phát triển các cơ sở nội tuyến và vùng ven đẩy mạnh công tác đấu tranh chính trị, tổ chức tiến công vũ trang diệt ác, phá kìm, xây dựng bàn đạp từ vùng ven

đến nội ô, tạo điều kiện phối hợp với vũ trang bên ngoài, tạo vành đai tiến công tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh cao cấp của Mỹ và tay sai trong thị xã.

Đầu năm 1965 chốt 1 thuộc Tiểu đoàn 1 - đặc công U1 Biên Hòa được giao nhiệm vụ bám địa bàn, nắm tình hình địch tại xã Thiện Tân, vào cuối năm 1965 có tổ chức những trận đánh nhỏ tiêu biểu như: cùng cơ sở bám nắm phương thức hoạt động của địch, tổ chức phục kích đánh địch tuần tra tại Sở cao su Ông Phủ bằng 2 trái mìn định hướng, diệt trên 30 tên Mỹ.

Tháng 1/1966, Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo trực tiếp cho đội đặc công Biên Hòa bằng mọi cách phải đánh vào căn cứ kho tàng, sân bay của địch để phối hợp với chiến trường chung. Đây là nhiệm vụ quan trọng và khó khăn, vì lúc này địch bố trí lại cách phòng thủ trong sân bay: ngoài Tiểu đoàn 57 bảo an và Lữ đoàn dù 173 Mỹ bảo vệ vòng ngoài còn có 5 lớp rào đôi bằng kẽm gai, 2 hàng rào “carô”, ở giữa là các bãi có gài đủ các loại mìn, các ụ chứa máy bay (mỗi ụ chứa 6 chiếc) có đèn pha sáng rực xung quanh; từ ngoài nhìn vào không thể thấy các ụ này.

Đội trinh sát đặc công Biên Hòa do đồng chí Trần Văn Cao chỉ huy, được lệnh đột nhập sân bay nghiên cứu thực địa. Trong 1 đêm Tết Bính Ngọ năm 1966, 4 đồng chí vượt qua các bãi mìn và các lớp kẽm gai từ hướng Tây để vào sân bay. Qua thực tế quan sát tại chỗ, các đồng chí đã bổ sung thêm nhiều điểm vào phương án tác chiến cho trận tập kích.

0 giờ ngày 23/2/1966, 33 khẩu ĐKB và 4 khẩu pháo, cối nã hàng trăm quả đạn, hỏa tiễn vào sân bay, thị xã Biên Hòa bị chấn động mạnh bởi những tiếng nổ liên tục từ trong sân bay, 125 máy bay các loại, trong đó có nhiều chiếc phản lực bị tan xác; hàng trăm tên sĩ quan và phi công Mỹ bị đèn tội, đường băng sân bay bị hỏng nặng đến 5 ngày sau máy bay mới cất cánh được.

Chiến thắng sân bay một lần nữa khẳng định phương thức tác chiến đạt hiệu quả cao: kết hợp lực lượng của trên với cơ sở nội

tuyến của Thị ủy tổ chức.

Tháng 8/1966, tổ chức 1 tổ gồm 4 đồng chí luồn sâu vào hậu cứ địch dùng 2 trái mìn định hướng đánh cháy 2 chiếc máy bay trực thăng vũ trang trong máy bay có đạn hỏa tiễn nên cùng phát nổ phóng phá hủy liên hoàn 40 kho đạn.

Phát huy thắng lợi mùa khô, các lực lượng vũ trang Miền, từ tháng 5 đến tháng 11/1967, Tiểu đoàn 1 - đặc công U1 Biên Hòa, đội biệt động thị xã liên tục tấn công vào các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự địch bằng nhiều hình thức.

Đêm 3/2/1967, trong lúc bọn Mỹ mở cuộc càn ở Tây Ninh thì Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Đặc công U1 Biên Hòa từ bàn đạp Bình Trị, Hóa An vượt sông, mở màn cho cuộc tiến công mới, các đồng chí dùng mìn hẹn giờ khéo léo bí mật, áp sát vào các bồn chứa xăng dầu ở phía Tây Nam sân bay, sau khi rút ra an toàn mìn kích nổ thiêu hủy 10 triệu lít nhiên liệu của Mỹ phục vụ chiến tranh.

Ngày 12/5/1967, đoàn 274 ĐKB Miền phối hợp đại đội 1 đặc công U1 Biên Hòa pháo kích sân bay Biên Hòa phá hủy 150 máy bay các loại.

Ngày 5/11/1967, đại đội 1 tiếp tục pháo kích sân bay phá hủy 6 máy bay địch; cuối mùa mưa năm 1967 một tổ đặc công dùng mìn định hướng tiêu diệt 20 tên Mỹ trên đường đi tuần tra.

Cũng trong tháng 11/1967, đơn vị tổ chức 1 tổ trinh sát đặc công đánh vào Tinh đoàn bảo an đóng tại căn cứ (nay là khu làm việc Tỉnh ủy Đồng Nai và kho xăng dầu 18 cầu Rạch Cát, phường Quyết Thắng). Ta đánh sập 3 căn nhà, diệt 25 tên bảo an (riêng 2 bồn thuộc kho xăng dầu 18 có lưới B40 bao quanh nên đạn B40 phát nổ). Sau trận đánh toàn bộ tổ rút an toàn ra ngoài.

Những thắng lợi này có ý nghĩa lịch sử khi đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam lên đỉnh cao nhất. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1 Biên Hòa, được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Tiếp theo là trận đánh lúc giao thừa Xuân Mậu Thân năm 1968, phát huy cách đánh sáng tạo của đặc công, thể hiện những tấm gương anh hùng và hành động anh hùng. Theo đồng chí Phan Văn Trang, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, nguyên Phó chính ủy Mặt trận Biên Hòa lúc ấy, chiều 30 Tết Mậu Thân năm 1968 tại bìa rừng Sông Mây (Trảng Bom) sau khi quán triệt lần cuối mục đích, ý nghĩa của trận đánh, các lực lượng tham gia chiến dịch nhận lệnh hành quân tiến về các mục tiêu đã được vạch trước. Đúng giờ giao thừa 0 giờ đêm 30 Tết nhằm ngày 31/1/1968, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta đã diễn ra đồng loạt ở 36/44 tỉnh của miền Nam Việt Nam. Cuộc tổng tấn công đã thực sự làm rung chuyển Nhà Trắng và Lầu Năm Góc, làm đảo lộn hoàn toàn thế chiến lược của Mỹ, đẩy địch vào thế bị động, bế tắc trên chiến trường, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, tìm một giải pháp thương lượng hòa bình với ta tại bàn đàm phán.

Tại mặt trận Biên Hòa, đúng vào giờ G đêm 30 tết, pháo tên lửa ĐKB của Trung đoàn 274, pháo binh Miền bắt đầu nổ súng báo hiệu cho cuộc tổng công kích. Trên 100 quả đạn liên tục bắn phá vào sân bay Biên Hòa, gây thiệt hại nặng cho sân bay, khiến máy bay địch không thể cất cánh được.

Đại đội 1 đặc công U1 Biên Hòa và Trung đoàn 4 chủ lực Miền đồng loạt nổ súng, đánh chiếm một góc sân bay Biên Hòa. Do địa hình nhiều đơn vị của Trung đoàn 4 bị lạc đội hình, không vào được sân bay. Địch tổ chức phản công, máy bay lên thẳng Mỹ từ Bộ Tư lệnh đã chiến 2, từ sân bay Tân Sơn Nhất cất cánh lên phản kích mãnh liệt; các đơn vị xe tăng Mỹ từ Hóc Bà Thức kéo lên hàn kín các lối ra.

Lúc này, cả Đại đội 1, Tiểu đoàn 1 đặc công U1 Biên Hòa vừa chống trả máy bay, vừa phải đánh trả lực lượng bộ binh, xe tăng địch đang dần siết vòng vây, lực lượng ít, đại đội phải bám trụ dùng thủ pháo dù ném thẳng vào những chiếc máy bay còn nằm trên sân (thủ pháo dù và pháo của ta dội vào đã phá hủy 120 máy

bay các loại của địch).

Cuộc chiến đấu cuộc chiến lúc này diễn ra vô cùng ác liệt; Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phát triển vào khu cư xá của bọn giặc lái và chuyên viên kỹ thuật Mỹ, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, nhưng sau đó hầu hết cả tập thể đại đội 1 đã anh dũng hy sinh, chỉ còn 2 đồng chí vượt ra khỏi sân bay trở về.

Sau 1 ngày đêm tiến công quyết liệt ở mặt trận Biên Hòa, Trảng Bom; Hưng Lộc, Dầu Giây; Long Thành; Nhơn Trạch và tại chi khu Công Thành huyện Vĩnh Cửu, các lực lượng vũ trang giải phóng đã tiêu diệt gần 10 ngàn quân Mỹ, tay sai phá hủy và làm hư hỏng 120 máy bay, hàng chục xe tăng, 127 kho bom, đạn và nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Tiếp sang đợt tấn công lần 2 Mậu Thân năm 1968, thị xã Biên Hòa vẫn được xác định là một trong những trọng điểm ở miền Đông Nam Bộ. Ta có thuận lợi là giữ được cơ sở mật ở nội ô, nhưng không còn yếu tố bất ngờ với địch, chúng đã thay đổi kế hoạch phòng thủ, tăng cường tuần tra kiểm soát gắt gao. Về phía ta, lực lượng Sư đoàn 5 và đặc công U1 Biên Hòa bị giảm sút sau đợt 1 tiến công. Theo số liệu tổng kết, sư đoàn 5 bị thương vong khoảng 1.600 chiến sĩ, lực lượng Đặc công U1 Biên Hòa bị thương vong khoảng 500 đồng chí.

Trước khi tiến công đợt 2, Bộ Chỉ huy Miền quyết định cử 2 cánh trinh sát vào thị xã để nghiên cứu thực địa nhưng cả 2 cánh đều không thành công. Cánh thứ nhất do đồng chí Hai Riêng phụ trách nghiên cứu đánh cầu mới (Hóa An), vì không bảo đảm được phương châm bí mật, địch phát hiện truy quét lực lượng ta đã anh dũng chiến đấu chống trả quyết liệt và hy sinh ở Tân Hiệp. Cánh thứ 2 do đồng chí Tư Rao và đồng chí Chín Tiên (Đặc công U1 Biên Hòa) cũng bị máy bay địch phát hiện bắn hy sinh.

Trong giai đoạn này địch tiếp tục tăng cường hai Tiểu đoàn 57 và 58 bảo an cùng bọn biệt động quân sư đoàn 18 án ngữ dọc bờ sông Đồng Nai ngăn chặn bộ đội chủ lực từ của ta từ Chiến khu Đ qua. Ngoài ra, địch còn ra sức tăng cường phòng thủ các cơ quan đầu não

các căn cứ quân sự trong thị xã; các tua, chốt gác quanh thị xã đều được bọn chúng đặt trong tình trạng báo động thường xuyên, bọn công an chìm, bọn cán bộ bình định ra sức lùng sục các khu phố các ấp ven thị xã.

Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định điều Sư đoàn 5 của Miền chuyển hướng hoạt động lên quốc lộ 20 để thu hút và tiêu hao sinh lực của sư đoàn 5; dùng đặc công và pháo binh đánh vào các căn cứ, kho tàng Mỹ, phối kết hợp các cơ sở mật, lực lượng quần chúng trong thị xã diệt ác phá kìm, mở rộng bàn đạp xây dựng các khu vực lữm chính trị bí mật, bền vững.

Vào đợt 3 năm Mậu Thân (tháng 8/1968), tại thị xã trong các ngày 22, 23 và 30/8, pháo binh Miền phối hợp với đặc công U1 Biên Hòa tiếp tục tiến công vào sân bay, kho Long Bình và Bộ Chỉ huy dã chiến 2 (Mỹ), diệt nhiều phương tiện chiến tranh của địch như: Máy bay, bom đạn, kho xăng dầu...

Có thể nói chiến dịch tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân dân thị xã Biên Hòa với tương quan lực lượng ta ít hơn Mỹ và tay sai nhiều lần, nhưng với quyết tâm cao ta đã làm tiêu hao rất lớn về sinh lực và phương tiện, nhiên liệu, vật chất chiến tranh của chúng những trận đánh đã trở thành sự kiện vang dội trong và ngoài nước, góp phần cùng toàn Miền buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn hội nghị Paris, đánh dấu bước phá sản hoàn toàn của chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ.

Từ năm 1969-1972, Tiểu đoàn 1, Đặc công U1 Biên Hòa xây dựng lại thế và lực với những trận đánh tiêu biểu. Trong đó vào cuối năm 1968, đầu năm 1969, đế quốc Mỹ quay sang thực hiện chiến lược Chiến tranh phi Mỹ hóa rồi Việt Nam hóa chiến tranh với “xương sống” là kế hoạch bình định để giành lại quyền chủ động trên chiến trường, từng bước rút quân Mỹ về nước. Trên chiến trường thị xã, địch tập trung đánh phá cách mạng trên hai lĩnh vực: vùng căn cứ bàn đạp và vùng ven nội ô thị xã. Ở vùng căn cứ Trảng Bom, Hưng Lộc (ấp Hưng Nghĩa), Mỹ và tay sai kết hợp cả bom (do máy bay B52

rải thảm), chất độc hóa học để phá địa hình căn cứ cách mạng với tổ chức các cuộc càn quét liên tục bằng bộ binh, xe tăng tìm diệt lực lượng cách mạng của thị xã, các cơ quan chỉ huy, hậu cần, giao liên của Thị ủy. Lính biệt kích Mỹ, Sài Gòn được tung vào hoạt động đều đặn các cụm rừng căn cứ. Trong các khu phố nội ô và các vùng ven, địch tăng cường cảnh sát lục soát. Bọn công an, tình báo, phượng hoàng, điệp chí... được tung ra các nơi, từ khu dân cư lao động tập trung đông dân đến dọc các tuyến đường từ ngoài vào thị xã. Địch “quân sự hóa” nhân dân bằng tổ chức phòng vệ dân sự, bắt thanh niên từ 15 tuổi trở lên phải vào tổ chức quân dự bị, tổ chức từng đợt đưa đi học ở Vũng Tàu; sách báo, đài truyền thanh tuyên truyền cho “Tinh thần anh dũng của các chiến sĩ quốc gia” và huênh hoang cho rằng là đã “hoàn toàn vẫn hồi an ninh, trật tự ở thị xã” và “đã đẩy Việt cộng ra khỏi thị xã”.

Tại các căn cứ quân sự, hậu cần quan trọng của địch trong thị xã: Sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, căn cứ Hóc Bà Thước..., địch đều thay đổi quy luật phòng thủ, tăng thêm hàng rào kẽm gai, các bãi mìn, chó berger, thay đổi các đơn vị canh gác để đề phòng các tổ chức binh vận và nội tuyến của ta.

Sau đợt tiến công lần thứ 3 Mậu Thân, Tỉnh ủy U1 và Thị ủy Biên Hòa họp đánh giá tình hình thị xã. Thị ủy khẳng định cuộc tiến công và nổi dậy ở thị xã góp phần cùng toàn Miền và cả nước giành thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, Thị ủy cũng kiểm điểm nghiêm khắc những thiếu sót, khuyết điểm.

Tháng 11/1968 tại căn cứ Bàu Hàm (phía Nam sông Đồng Nai) đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Tỉnh ủy U1 và đồng chí Trần Công An, Tỉnh đội trưởng triển khai Nghị quyết của Trung ương Cục về mở đợt tiến công và nổi dậy Xuân Kỷ Dậu (năm 1969) cho các huyện ủy và thị ủy Biên Hòa. Để đảm bảo thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy; Thị ủy đã chuẩn bị cơ sở vật chất, vũ khí, đạn, thuốc nổ tập kết bí mật bên trong thị xã, chuẩn bị địa bàn bám trụ trong thị xã, hầm bí mật, củng cố đường dây giao liên, hoàn chỉnh kế hoạch tiến công và



nổi dậy Xuân Kỷ Dậu...

Để giành thắng lợi về mặt chiến lược, giữ thế mạnh trên bàn đàm phán Hiệp định Paris, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường, mở các đợt tiến công đánh bồi, đánh nhồi vào mùa xuân 1969. Tham gia đợt tiến công này, ở chiến trường Biên Hòa, Long Khánh và Phân khu 4 có các lực lượng: Sư đoàn 5 chủ lực miền, lực lượng Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2, Đặc công U1 Biên Hòa, Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 cùng các lực lượng vũ trang địa phương.

Theo kế hoạch, đúng giờ G (2 giờ sáng) ngày N (23/2/1969), các lực lượng của ta đồng loạt nổ súng tiến công địch theo các mục tiêu đã định. Sư đoàn 5 cùng với Tiểu đoàn 1 Đặc công U1 đánh sân bay Biên Hòa và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Quân khu 3; Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 đánh vào tổng kho Long Bình; Tiểu đoàn 2 Đặc công U1 đánh khu kho đòi 50-53 Long Bình; Đội biệt động thị xã Biên Hòa cùng Đại đội 25, Sư đoàn 5 tấn công vào Ty Cảnh sát Biên Hòa; Tiểu đoàn 4 tăng cường của Miền đánh vào trại tù binh suối Săn Máu; bộ đội 2 huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom cùng du kích các xã phá ấp chiến lược dọc lộ 24, lộ 1. Trong nội ô, thị ủy Biên Hòa chỉ đạo Ban Công vận thị ủy dùng cơ sở mật, tự vệ mật gây nổ bên trong khu kỹ nghệ để hỗ trợ quân chúng diệt ác ôn bên trong thị xã.

Cuộc tiến công mùa xuân 1969 của quân dân miền Nam và quân dân Biên Hòa - Long Khánh nói chung và Tiểu đoàn 1 đặc công U1 Biên Hòa nói riêng đã gây cho địch nhiều thiệt hại, tạo thêm thế và lực cho ta đấu tranh với địch trên bàn đàm phán.

Qua đợt tiến công Xuân Kỷ Dậu, tuy đạt được nhiều thắng lợi nhưng một lần nữa ta lại bộc lộ lực lượng và cơ sở mật bên trong, lực lượng thị xã bị thiệt hại; lực lượng bên ngoài và vùng ven không kịp củng cố. Đó là nguyên nhân gây nên tình trạng khó khăn kéo dài sau này ở thị xã Biên Hòa.

Bước sang năm 1970, tình hình thị xã vẫn còn vô cùng khó khăn, phức tạp. Lực lượng bên ngoài căn cứ phải đối phó thường xuyên

với bom, đạn, biệt kích địch hàng ngày hàng giờ. Giao liên từ căn cứ về nội ô không qua nổi quốc lộ 1 và quốc lộ 20 vì bị địch phục kích án ngữ; các đồng chí cán bộ, chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 - Đặc công U1 Biên Hòa liên tiếp chịu đựng cảnh thiếu nước, thiếu lương thực, thuốc men phòng bệnh trị bệnh nên nhiều cán bộ, chiến sĩ thiếu dinh dưỡng, bị bệnh, sức chiến đấu bị giảm sút nhưng tinh thần lúc nào cũng sẵn sàng đánh địch đi càn quét để bảo vệ căn cứ.

Tháng 5/1971, Trung ương Cục quyết định bố trí lại chiến trường, tập trung cho công tác đô thị, tạo thế và lực mới. Về lực lượng vũ trang Tỉnh đội từ 2 Tiểu đoàn biên chế lại còn 2 Đại đội đặc công: 1 đại đội phụ trách kho Long Bình (mỗi đại đội chia thành nhiều mũi); 1 đại đội pháo phụ trách sân bay Biên Hòa, 1 trung đội phụ trách thị xã; quân số chung là 217 đồng chí.

Buộc phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán để tìm lối thoát khỏi cuộc chiến trong danh dự, nhưng Mỹ vẫn tìm cách để thực hiện đàm phán trên “thế mạnh”. Thực hiện ý đồ này, Mỹ và quân đội Sài Gòn dồn sức mở các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn nhằm vào quân ta.

Nhận thức rõ âm mưu của Mỹ, Bộ Chính trị hạ quyết tâm “phải đánh cho quân Mỹ thua đau hơn nữa, đánh cho nguy quân, nguy quyền phải sụp đổ để giành trên bàn hội nghị những cái mà ta đã giành được trên chiến trường”. Để biến quyết tâm thành hiện thực, ta chủ động đẩy mạnh các hoạt động quân sự, đánh bại các cuộc hành quân càn quét của Mỹ và quân đội Sài Gòn bằng việc mở cuộc tiến công chiến lược 1972 trên quy mô lớn, với 3 chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng trên 3 hướng: Quảng Trị, bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Từ cuối tháng 3/1972, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra và giành thắng lợi trên toàn chiến trường, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần của quân và dân thị xã Biên Hòa. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, xác định vị trí chiến lược của thị xã Biên Hòa, ngày 3/6/1972, Bộ Tư lệnh quyết định thành lập Đoàn đặc công 113, đơn

vị lúc này đứng chân tại núi Bùng Bình (giáp ranh giữa Tân Phong và xã Thiện Tân) do đồng chí Chín Tùng làm Trung đoàn trưởng, đồng chí Hai Thuận làm Chính trị viên, 2 Đại đội đặc công U1 Biên Hòa được gắn vào biên chế Trung đoàn, mang phiên hiệu Tiểu đoàn 1. Nhiệm vụ của Trung đoàn là tiến công liên tục vào các căn cứ đầu não, căn cứ quân sự, kho tàng Mỹ, ngụ ở thị xã Biên Hòa, chủ yếu là sân bay Biên Hòa và Tổng kho Long Bình; hỗ trợ cho địa phương diệt ác, phá kìm, đánh phá âm mưu bình định của địch.

Góp phần chung trong những chiến công vang dội ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 thực hiện nhiệm vụ vừa tiến công vào các kho tàng, căn cứ địch vừa đẩy mạnh diệt ác, phá kìm, đấu tranh chính trị bên trong thị xã, đẩy mâu thuẫn giữa địch với nhân dân càng lên cao, có lợi cho cách mạng.

Ngày 7/1/1972, Tiểu đoàn 1 cùng lực lượng vũ trang Phân khu Thủ Biên, được cơ sở của thị xã giúp đỡ, đánh nổ tung 2 kho đạn lớn ở Bình Ý (Tây Bắc sân bay Biên Hòa) hủy diệt 10 tấn đạn và rốc-két.

Đêm 1/8/1972, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn đặc công 113 đã dùng pháo ĐKB đánh vào sân bay Biên Hòa, phá hỏng 74 máy bay các loại và 13 xe quân sự.

Sau trận đánh đêm 13/8/1972 làm thủng dạ dày quân Mỹ ở kho Long Bình; ngày 9/9/1972 trong đội hình chiến đấu chung Tiểu đoàn 1 Trung đoàn đặc công 113 đã được cơ sở mật ở Tân Phong dẫn đường Tiểu đoàn 14 đặc công bố trí trận địa ĐKB và hỏa tiễn H-12 tại dốc Ông Hoàng, cũng là lúc đồng chí H16 gắn quả mìn định giờ vào 1 quả bom trong kho, 3 giờ 45 ngày 10/9/1972 một tiếng nổ lớn từ trong sân bay vang lên, theo đúng kế hoạch hiệp đồng hỏa lực cùng lực lượng đặc công của ta xung phong tiến công, sân bay Biên Hòa chìm trong biển lửa, từng cột khói đen bốc cao lên không trung: làm nổ tung 175 máy bay phản lực A37 và máy bay vận tải C130, làm sân bay tê liệt hoạt động trong 3 ngày.

Bị thất bại liên tiếp về mặt quân sự trên khắp các chiến trường vào năm 1972, đặc biệt là bị thua đau trong chiến dịch 12 ngày đêm

dùng B.52 đánh phá thủ đô Hà Nội và các mục tiêu quan trọng khác ở miền Bắc, Nixon buộc phải xuống thang chiến tranh, ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và rút hết quân Mỹ về nước.

Trải qua giai đoạn kháng chiến chống Mỹ (1965 - 1972) Tiểu đoàn 1, Đặc công U1 Biên Hòa tiêu diệt hơn 400 tên Mỹ, 25 tên bảo an và nhiều tên ác ôn, chỉ điểm; đẩy mạnh diệt ác, phá kìm, đấu tranh chính trị, xây dựng cơ sở mật bên trong thị xã; phá hủy hơn 692 máy bay các loại; 13 xe quân sự; trên 70 dãy nhà kho; hàng trăm tấn đạn rốc-két, 3 dãy nhà và trên 30 triệu lít nhiên liệu; phá hủy, làm hư hỏng nặng liên tiếp nhiều đường băng trong suốt giai đoạn (1965-1972). Đơn vị hy sinh, thương vong khoảng 300 đồng chí.

Với những thành tích trên, Tiểu đoàn 1 Đặc công U1 Biên Hòa được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì; nhiều Huân chương Chiến công và bằng, giấy khen, danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ.

Tháng 9/2014<sup>(2)</sup>, Tiểu đoàn 1 Đặc công U1<sup>(3)</sup> Biên Hòa được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

---

(2) Có tài liệu ghi: 2016.

(3) Lưu ý: Từ 1-3-1972, Đặc công U1 không còn vì trở thành DI đặc công của Trung đoàn 113 - Biên Hòa chỉ còn đội biệt động.

## Tiểu đoàn 2 - Đặc công U1 Biên Hòa

Long Bình là nơi đặt kho hậu cần lớn nhất của quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam, nơi dự trữ đủ các loại bom đạn đưa từ Mỹ sang để mang đi đánh phá phong trào cách mạng toàn miền Nam.

Địch cho ủi phá khu vực Long Bình Tân và Tam Hiệp để xây dựng các dãy kho và đưa vào sử dụng từ cuối năm 1965, cả khu vực kho rộng hơn 40km<sup>2</sup>, nằm sát trục lộ 15 và xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn, cách Sài Gòn về phía Bắc 20km, thành phố Biên Hòa 7km về hướng Đông. Trong tổng kho Long Bình có Bộ Tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ Tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ; lực lượng Mỹ và tay sai thường xuyên có 2 ngàn tên.

Tổng kho Long Bình tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7-12 lớp rào kết hợp gai mìn trái. Các lô cốt cách nhau 30-40m, nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40-50m. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, 2 bên đường đều rải hàng rào kẽm gai.

Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho xây hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4-5 mét.

Ngày 2/2/1965, Thị ủy Biên Hòa đã họp triển khai nhiệm vụ do Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông chỉ đạo. Hội nghị đã quyết định: xây dựng, củng cố các cơ sở vùng ven và trong nội ô thị xã, tạo

bàn đạp cho lực lượng vũ trang tiến công vào các cơ quan đầu não, các căn cứ, sân bay kho tàng của Mỹ. Đối với lực lượng vũ trang, Thị ủy quyết định thống nhất lực lượng đặc công gồm: đội biệt động thị xã Biên Hòa, một trung đội bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu gồm có 28 cán bộ, chiến sĩ (trong số này có 3 đồng chí đặc công đã qua đào tạo ở trường Quân khu, đã từng kinh qua chiến đấu) cùng lực lượng Trung ương cục tăng cường, bố trí thành 3 chốt đặc công với các địa bàn bám trụ và các mục tiêu tác chiến như sau:

Chốt 1: Do đồng chí Nguyễn Văn Thanh phụ trách làm chốt trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Thu làm chốt phó; lấy Tân Phong, Thiện Tân làm địa bàn đứng chân để xây dựng cơ sở, tạo bàn đạp tiến công vào sân bay Biên Hòa và quân đoàn 3.

Chốt 2: Do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng làm chốt trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Thái làm chốt phó; lấy Long Bình Tân, Phước Cang, Hưng Lộc làm bàn đạp xây dựng cơ sở, tạo điều kiện tiến công vào Kho liên hợp Long Bình và cầu xa lộ Đồng Nai.

Chốt 3: Do đồng chí Nguyễn Văn Hải làm chốt trưởng, đồng chí Huỳnh Văn Thanh làm chốt phó, bám tại Hóa An và Bình Trị. Sau Tết Mậu Thân, Chốt 3 chuyển về làm nòng cốt lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu. Riêng bộ phận do đồng chí Chín Tiên chỉ huy, tiếp tục bám địa bàn tại Hóa An và Bình Trị.

Tháng 12/1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III) đã ra nghị quyết khẳng định lại quyết tâm đánh Mỹ và khả năng thắng Mỹ. Thực hiện nghị quyết Trung ương 12, tháng 2/1966, Quân ủy Trung ương đã đề ra 6 phương thức tác chiến chiến lược trong đó có 3 phương thức được bộ đội đặc công không ngừng hoàn thiện đạt hiệu suất cao là:

Phương thức 1: Đánh phá các căn cứ hậu cần, kho tàng, sân bay, hải cảng, cơ quan đầu não địch.

Phương thức 2: Triệt phá các đường giao thông thủy, bộ quan trọng, tạo ra thế bao vây chia cắt địch.

Phương thức 3: Đẩy mạnh hoạt động quân sự ở các đô thị, từ

hình thức tác chiến nhỏ kết hợp đấu tranh chính trị, làm công tác dân vận, địch vận, quân báo đến tác chiến lớn, kết hợp tiến công và khởi nghĩa.

Những trận đánh tiêu biểu của Tiểu đoàn 2<sup>(1)</sup> - Đặc công U1 Biên Hòa như vào tháng 1/1966, đế quốc Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất. Địch tập trung quân Mỹ và tay sai, chủ hầu Úc càn quét vào các khu căn cứ ở Miền Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt quân chủ lực cách mạng.

Lúc này Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 - đặc công U1 Biên Hòa đã làm tốt nhiệm vụ kết hợp lực lượng vũ trang của địa phương củng cố phát triển các cơ sở nội tuyến và vùng ven đày mạnh công tác đấu tranh chính trị, tổ chức tiến công vũ trang diệt ác, phá kìm, xây dựng bàn đạp từ vùng ven đến nội ô, tạo điều kiện phối hợp với vũ trang bên ngoài, tạo vành đai tiến công tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh cao cấp của Mỹ và tay sai trong thị xã.

Để phối hợp với chiến trường chung, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965-1966; 1967-1968), Tỉnh đội Biên Hòa U1 chỉ đạo đặc công U1 Biên Hòa liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Tiêu biểu là các trận:

Ngày 22/6/1966, 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ: Tổ 1 do Nguyễn Tấn Vàng làm tổ trưởng, tổ 2 do Nguyễn Văn Thái làm tổ trưởng, tổ 3 do Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng, vượt rào và chướng ngại vật tiếp cận khu kho đồi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ. Đến sáng 23/6, khu kho đồi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùn trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40 ngàn quả đạn pháo các loại của Mỹ.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Đêm 26/10/1966, tổ đặc công của Đại đội 2 gồm 6 đồng chí: Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Tư, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Toàn, Nguyễn Văn Hóa, Nguyễn Văn Rô, từ bàn đạp Hưng Lộc đã bí mật luồn sâu vào kho Long Bình. 8 quả mìn hẹn giờ được áp sát vào các kho 50, gồm 8 cụm chứa các loại pháo, rốc-két, bom... Lúc 20 giờ, tổ đặc công cho điểu hỏa, một tiếng nổ dậy đất vang lên, tiếp theo sau là nhiều loạt tiếng nổ lớn liên tục. Những cụm khói đen khổng lồ xen kẽ với những chùm lửa xanh đỏ bao phủ cả khu vực Long Bình. Không một máy bay lên thẳng hay xe cứu hỏa nào dám đến cứu chữa, 8 kho bom đạn của Mỹ bị nổ tung; 125 ngàn quả đạn pháo, rốc-két, bom bị phá hủy, 3 dãy nhà kho bị sập, 250 lính Mỹ gác kho bị chết.

Báo *Nhân dân* số ra ngày 29/10/1966 đã ca ngợi chiến thắng Long Bình, cho đây là một trận chiến táo bạo, tài tình, đánh thủng dạ dày của Mỹ; chính quyền Mỹ cũng phải công khai thừa nhận sự bất lực. Khi được hỏi vì sao Việt cộng đánh vào Long Bình mà vẫn không biết, viên tướng chỉ huy kho Long Bình buồn rầu trả lời: “Nếu tôi biết thì tôi đã là họ rồi”.

Nỗi kinh hoàng chưa dứt, kho Long Bình còn ngổn ngang, bọn Mỹ cấp tốc dựng thêm hàng rào các tua chốt phòng thủ xung quanh kho Long Bình, kể cả tăng cường chó berger và bổ sung các phương tiện điện tử nhằm phát hiện mục tiêu từ xa. Thế nhưng, địch vẫn không ngăn được hoạt động của những chiến sĩ đặc công Biên Hòa với quyết tâm thực hiện lệnh chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Miền: “phải đánh và đánh liên tục vào kho bom đạn Long Bình”.

Đêm 17/11/1966, tổ đặc công gồm 6 chiến sĩ do đồng chí Tư Già chỉ huy vượt qua các hàng rào kiên cố và các chốt gác, lọt sâu vào khu đồi 53. Khu này gồm nhiều dãy kho, mỗi dãy cách nhau 20m, các chiến sĩ ta có sáng kiến: cứ cách 1 kho đặt 1 quả mìn vừa tiết kiệm mà vẫn đạt hiệu quả, 4 quả mìn hẹn giờ được đặt vào 4 dãy nhà kho lớn nhất. Đúng 24 giờ, kho Long Bình lại tiếp tục rục rủa. Toàn bộ khu kho 53 bị hủy diệt (gồm 127 kho), 154 ngàn quả đạn pháo



105, 155, 175 ly bị nổ tung cùng một lúc, làm tan xác 1 trung đội lính Mỹ bảo vệ. Tiếng nổ và lửa bốc cháy kéo dài suốt mấy ngày liền làm chấn động cả thị xã và các vùng lân cận.

Đêm 9 rạng sáng 10/12/1966, đặc công U1 Biên Hòa lại tiến công vào kho Long Bình, 2 dãy nhà kho với 74 ngàn quả đạn bị phá hủy.

Cuối năm 1966, Tiểu đoàn 2 Đặc công U1 Biên Hòa bí mật tiến công 3 lần vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353 ngàn đạn pháo và các loại bom của địch. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1, được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Đêm 3/2/1967, đặc công U1 Biên Hòa lại đột nhập khu kho đòi 53 đặt mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 sáng 4/2/1967, quả mìn hẹn giờ đầu tiên nổ, sau đó là tiếng nổ của 3 quả mìn còn lại, mỗi quả nổ cách nhau 3 phút. Tiếng nổ vang rền suốt 30 tiếng đồng hồ, kích thích dây chuyền làm nổ tung 40 dãy kho bom đạn rốc-két, đại bác, phá hủy 80 ngàn quả đạn pháo các loại khác của Mỹ.

Hiệu quả của trận đánh rất lớn. Theo tin tình báo, do thiệt hại ở tổng kho Long Bình, quân Mỹ đã bỏ dở 2 cuộc hành quân ở miền Tây Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (trung bình mỗi cuộc hành quân, địch dùng đến 21 ngàn quả pháo). Đài BBC nhận định: “Việt cộng đã đánh thủng dạ dày của quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam”.

Dư âm chiến thắng Long Bình còn vang dội, tiếp tục sau đó qua 1 tháng nghiên cứu, lực lượng đặc công Tiểu đoàn 2 đã lên được phương án tác chiến đánh kho xăng Biên Hòa, đến tháng 3/1967 đơn vị cử 2 đồng chí Sáu An và Sáu Châu bí mật vượt qua các chốt gác của bọn bảo an Vĩnh Thị, vượt đường rầy xe lửa đột nhập vào trong kho, quả mìn hẹn giờ được đặt ép sát vào bồn chứa xăng lớn nhất. Trưa hôm sau mìn nổ, từng cuộn khói đen bốc cao, tiếng còi báo động, tiếng xe hú inh ỏi chạy đến tiếp cứu làm náo động cả thị xã. 2 bồn xăng và 2 ngàn phuy xăng đã bị đốt cháy.

Trong trận đánh lúc giao thừa Xuân Mậu Thân năm 1968, đồng chí Phan Văn Trang, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, nguyên Phó chính

ủy Mặt trận Biên Hòa lúc ấy cho biết vào chiều 30 Tết Mậu Thân 1968 tại bìa rừng Sông Mây (Trảng Bom), sau khi quán triệt lần cuối mục đích, ý nghĩa của trận đánh, các lực lượng tham gia chiến dịch nhận lệnh hành quân tiến về các mục tiêu đã được vạch trước.

Đúng giờ giao thừa 0 giờ đêm 30 Tết nhằm ngày 31/1/1968, cuộc tổng tấn công của quân và dân ta đã diễn ra đồng loạt ở miền Nam Việt Nam. Cuộc tổng tấn công đã thực sự làm rung chuyển Nhà Trắng và Lầu Năm Góc, làm đảo lộn hoàn toàn thế chiến lược của Mỹ, đẩy địch vào thế bị động, bế tắc trên chiến trường, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, tìm một giải pháp thương lượng hòa bình với ta tại bàn đàm phán.

Sáng mùng 1 Tết (tức ngày 1/2/1968), ở khu vực Long Bình, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 5 và đặc công Sư đoàn 5 tấn công vào bãi đậu trực thăng của Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh dã chiến II Mỹ, phá hủy nhiều máy bay trực thăng.

Trong khi đó ở hướng Bắc tổng kho Long Bình, 1 đại đội của Tiểu đoàn 2 đặc công U1 Biên Hòa do đồng chí Trần Văn Thái chỉ huy đã đột nhập vào kho Long Bình ở cao điểm 53, dùng thuốc nổ phá hủy 127 dãy nhà kho chứa bom, đạn của Mỹ. Tiếng nổ và đám cháy trong trận đánh kéo dài nhiều ngày liền làm chấn động thị xã Biên Hòa và các vùng lân cận.

Sau 1 ngày đêm tiến công quyết liệt ở mặt trận Biên Hòa, Trảng Bom; Hưng Lộc, Dầu Giây; Long Thành; Nhơn Trạch và tại chi khu Công Thành (huyện Vĩnh Cửu), các lực lượng vũ trang giải phóng tiêu diệt gần 10 ngàn quân Mỹ-ngụy, phá hủy và làm hư hỏng 120 máy bay, hàng chục xe tăng, 127 kho bom, đạn và nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Có thể nói cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1968, quân dân miền Nam nói chung, cũng như Biên Hòa, Long Khánh nói riêng gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề, trận đánh trở thành sự kiện vang dội trong và ngoài nước, là đòn báo hiệu sự thất bại thảm hại không gì cứu vãn nổi của quân xâm lược Mỹ trên chiến trường Việt Nam.

Cuối năm 1968, đầu năm 1969, đế quốc Mỹ quay sang thực hiện chiến lược chiến tranh phi Mỹ hóa rồi Việt Nam hóa chiến tranh với “xương sống” là kế hoạch bình định để giành lại quyền chủ động trên chiến trường, từng bước rút quân Mỹ về nước. Trên chiến trường thị xã, địch tập trung đánh phá cách mạng trên 2 lĩnh vực: vùng căn cứ bàn đạp và vùng ven nội ô thị xã. Ở vùng căn cứ Trảng Bom, Hưng Lộc (ấp Hưng Nghĩa), Mỹ và tay sai kết hợp cả bom (do máy bay B52 rải thảm), chất độc hóa học để phá địa hình căn cứ cách mạng với tổ chức các cuộc càn quét liên tục bằng bộ binh, xe tăng tìm diệt lực lượng cách mạng của thị xã, các cơ quan chỉ huy, hậu cần, giao liên của Thị ủy. Lính biệt kích Mỹ và tay sai được tung vào hoạt động đều đặn các cụm rừng căn cứ. Trong các khu phố nội ô và các vùng ven, địch tăng cường cảnh sát lục soát. Bọn công an, tình báo, phượng hoàng, điệp chí... được tung ra các nơi, từ khu dân cư lao động tập trung đông dân cho đến dọc các tuyến đường từ ngoài vào thị xã. Địch “quân sự hóa” nhân dân bằng tổ chức phòng vệ dân sự, bắt thanh niên từ 15 tuổi trở lên phải vào tổ chức quân dự bị, tổ chức từng đợt đưa đi tập huấn ở Vũng Tàu; sách báo, đài truyền thanh tuyên truyền cho “Tinh thần anh dũng của các chiến sĩ quốc gia” và huênh hoang cho rằng là đã “hoàn toàn văn hồi an ninh, trật tự ở thị xã” và “đã đẩy Việt cộng ra khỏi thị xã”.

Tại các căn cứ quân sự, hậu cần quan trọng của địch trong thị xã: Sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, căn cứ Hóc Bà Thước... địch đều thay đổi quy luật phòng thủ, tăng thêm hàng rào kẽm gai, các bãi mìn, chó berger, thay đổi các đơn vị canh gác để đề phòng các tổ chức binh vận và nội tuyến của ta.

Sau đợt tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân lần thứ 3, Tỉnh ủy U1 và Thị ủy Biên Hòa hợp đánh giá tình hình thị xã. Thị ủy khẳng định cuộc tiến công và nổi dậy ở thị xã góp phần cùng toàn Miền và cả nước giành thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, Thị ủy cũng kiểm điểm nghiêm khắc những thiếu sót, khuyết điểm. Tháng 11/1968 tại căn cứ Bàu Hàm (phía Nam sông Đồng Nai) đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư U ủy và đồng chí Trần Công

An, Tỉnh đội trưởng triển khai Nghị quyết của Trung ương Cục về mở đợt tiến công và nổi dậy Xuân Kỷ Dậu 1969 cho các Huyện ủy và Thị ủy Biên Hòa. Để đảm bảo thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thị ủy đã chuẩn bị cơ sở vật chất bên trong thị xã, chuẩn bị địa bàn bám trụ trong thị xã, hầm bí mật, củng cố đường dây giao liên, hoàn chỉnh kế hoạch tiến công và nổi dậy Xuân Kỷ Dậu.

Để giành thắng lợi về mặt chiến lược, giữ thế mạnh trên bàn đàm phán Paris, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường, mở các đợt tiến công đánh bồi, đánh nhồi vào mùa xuân 1969. Tham gia đợt tiến công này, ở chiến trường Biên Hòa, Long Khánh và Phân khu 4 có các lực lượng: Sư đoàn 5 chủ lực miền, lực lượng Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 - Đặc công U1 Biên Hòa, Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 cùng các lực lượng vũ trang địa phương.

Theo kế hoạch, đúng giờ G (2 giờ) ngày N (23/2/1969), các lực lượng của ta đồng loạt nổ súng tiến công địch theo các mục tiêu đã định. Ở khu vực Long Bình, pháo binh Miền và của T7 đội trúng nhiều mục tiêu bên trong, nhưng Trung đoàn 2 và Trung đoàn 33 cùng đại bộ phận Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa bị địch chặn đánh từ bên ngoài, không vào được. Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 phải chuyển sang đánh diệt bọn lính Thái Lan ở Long Thành; duy nhất chỉ có Đại đội 9 - Tiểu đoàn 2 đặc công lọt vào được trong khu vực kho, đơn vị nhanh chóng tiến công vị trí các kho đồi 53, hàng chục dãy kho bom đạn và nhiên liệu phát nổ dữ dội, lửa cháy sáng rực một góc trời. Địch dùng 1 trung đoàn xe tăng bít kín các lối ra vào kho Long Bình; trên không máy bay trực thăng vũ trang của địch vừa rọi đèn pha, vừa phản kích ác liệt xuống trận địa, Đại đội 9 bị bao vây trong khu kho đã phân tán thành từng tổ, tiểu đội, lợi dụng địa hình, địa vật đánh trả địch quyết liệt, nhưng do lực lượng không cân sức, đại đội 9 đặc công đánh địch đến viên đạn, hơi thở cuối cùng, chỉ còn 2 đồng chí thoát được ra ngoài. Với thành tích trên, Đại đội 9 đặc công và đồng chí Bùi Văn Hòa đã được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam truy tặng danh hiệu

Anh hùng các Lực lượng vũ trang nhân dân.

Cuối năm 1969, 2 đồng chí: Ba Đâu và Chiến là đặc công U1 Biên Hòa được tự vệ mật xã Tam Hiệp dẫn đường, tiến công kho đạn quân Quân đoàn 3. Nhờ sự hỗ trợ của 2 tổ tự vệ mật ở An Hảo và Bình Đa, 2 đồng chí vượt qua nhiều lớp rào kẽm gai, dùng mìn đánh nổ tung kho xăng dầu và bon đạn địch. Hàng tấn đạn và hàng triệu lít xăng tại đây bị nổ suốt 4 ngày liền. Những cuộc tiến công mùa xuân 1969 của quân dân miền Nam và quân dân Biên Hòa - Long Khánh nói chung và Tiểu đoàn 2 đặc công U1 Biên Hòa nói riêng đã gây cho địch nhiều thiệt hại, tạo thêm thế và lực cho ta đấu tranh với địch trên bàn đàm phán.

Đêm 12/8/1972, Tiểu đoàn 2 - Đặc công U1 Biên Hòa cử 11 tổ bí mật tiếp cận mục tiêu, tất cả các cửa kho đều bị ta phá khóa đặt thuốc nổ trong các kho, sau đó từng tổ di chuyển ra khỏi kho an toàn và xóa xong mọi dấu vết. 2 giờ 30 sáng 13/8/1972, từ kho Long Bình, những tiếng nổ long trời lở đất vang lên, cả khu vực hàng chục km<sup>2</sup> sáng rực, những cụm khói lớn bao trùm cả khoảng không gian mênh mông; tiếng còi báo động liên hồi rú lên inh ỏi; tiếng nổ kéo dài suốt 2 ngày đêm, làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Các đội cứu hỏa của Mỹ hoàn toàn bất lực. Mãi đến 2 ngày sau, Trung tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh vùng 3 chiến thuật mới dám ngồi trực thăng thị sát cảnh đổ nát ngổn ngang và tro bụi của khu kho 534:800 ngàn tấn đạn, 1 triệu thùng đạn M-79, 600 tấn mìn định hướng, 325 tấn thuốc nổ, 1 triệu lít xăng dầu hoàn toàn bị phá hủy, gần 200 tên lính Mỹ gác kho bị tan xác. Trận tiến công kho Long Bình lần này đánh làm thủng vào dạ dày quân Mỹ-ngụy. Trước sự thiệt hại quá lớn này, Tư lệnh Quân đoàn 3 phải ra lệnh “tiết kiệm bom pháo tối đa”, mỗi khẩu pháo trong toàn quân đoàn chỉ được phép bắn 3 quả đạn/ngày.

Bị thất bại liên tiếp về mặt quân sự trên khắp các chiến trường vào năm 1972, đặc biệt là bị thua đau trong chiến dịch 12 ngày đêm dùng B.52 đánh phá thủ đô Hà Nội và các mục tiêu quan trọng khác

ở miền Bắc, Tổng thống Nixon buộc phải xuống thang chiến tranh, ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và rút hết quân Mỹ về nước.

Trải qua giai đoạn kháng chiến chống Mỹ (1965-1972), Tiểu đoàn 2 - Đặc công U1 Biên Hòa phá hủy hơn 345 kho chứa bom đạn; 587.114 quả đạn pháo các loại và rốc-két; trên 800 ngàn tấn đạn; 600 tấn mìn định hướng 325 tấn thuốc nổ; nhiều bồn xăng và phuy xăng, dầu chứa hàng triệu lít nhiên liệu. Tiêu diệt trên 500 tên Mỹ; Nhiều phương tiện vận tải, chiến tranh của Mỹ. Lực lượng đơn vị thương vong khoảng hơn 200 đồng chí.

Với những thành tích trên, Tiểu đoàn 2, Đặc công U1 Biên Hòa được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Nhì; nhiều Huân chương Chiến công và bằng, giấy khen, danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ. Đặc biệt, tháng 9/2014<sup>(2)</sup>, Tiểu đoàn 2, Đặc công U1 Biên Hòa được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



---

(2) Có tài liệu ghi: 2016.

## Chi đội 10, tỉnh Biên Hòa

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tấn công ở Sài Gòn - Gia Định, mở đầu công cuộc xâm lược nước ta lần thứ 2.

Hưởng ứng lời kêu gọi “Toàn dân đoàn kết bảo vệ quốc gia” của Xứ ủy, Ủy ban nhân dân Nam Bộ, nhân dân cùng các lực lượng vũ trang ở Sài Gòn - Gia Định thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, bắt hợp tác với thực dân Pháp, “...nắm chắc vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước, cuộc kháng chiến bắt đầu”. Lúc này trên địa bàn tỉnh Biên Hòa có 3 tổ chức vũ trang yêu nước là: Giải phóng quân quận Châu Thành, Vệ quốc đoàn Long Thành, Vệ quốc đoàn Biên Hòa<sup>(1)</sup>.

Cuối tháng 4/1946, Hội nghị cán bộ Biên Hòa ở cù lao Vịt (Tân Triều) ra quyết nghị về việc thống nhất lãnh đạo của Đảng với lực lượng vũ trang. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa, được cử làm Ủy viên quân sự tỉnh Biên Hòa.

Tháng 5/1946, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ triệu tập Hội nghị Quân sự tỉnh Biên Hòa tại Xóm Đền (xã Tân Hòa). Hội nghị ra Nghị quyết về 2 vấn đề: nhập Giải phóng quân quận Châu Thành với Vệ quốc đoàn Biên Hòa thành đơn vị vũ trang thống nhất của tỉnh, lấy tên là Vệ quốc đoàn Biên Hòa; xây dựng căn cứ kháng chiến lấy tên là Chiến khu Đ.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Tháng 6/1946, Bộ Chỉ huy Khu 7 mở Hội nghị quân sự toàn khu. Ngay trong tháng này, Vệ quốc đoàn Biên Hòa và Vệ quốc đoàn quận Long Thành thống nhất lại, thành lập Chi đội 10 Biên Hòa.

Chi đội 10 Biên Hòa được tổ chức thành 3 đại đội phiên hiệu A, B, C với quân số 1.100 người. Ban Chỉ huy Chi đội 10 gồm Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội phó Huỳnh Văn Đạo. Sau đó, đồng chí Đạo được Khu tăng cường về làm Chi đội trưởng Chi đội 16 Bà Rịa; đồng chí Nguyễn Văn Lung từ Long Thành về làm Chi đội phó Chi đội 10; đồng chí Cao Minh Căng là Chi đội phó. Chính trị viên là Phan Đình Công.

Các Ban của chi đội 10 gồm: Ban Quản trị, Ban Quân nhu, Ban Quân trang, Ban Quân y, Ban Sanh sản tự túc, Ban Trinh sát liên lạc (sau đó đổi tên Chi quân báo), Binh công xưởng (của Khu 7), Kho vũ khí, Văn phòng chi đội, Thư ký Ban Chỉ huy.

Những chiến sĩ của Chi đội 10 xuất thân từ nhiều thành phần: đại đa số là nông dân, công nhân trong các đồn điền cao su, trong nhà máy cưa BIF, một số nhà máy công nghiệp ở Sài Gòn, thanh niên yêu nước từ các miền của đất nước tập hợp về; một số ít từng là công chức Pháp, sĩ quan, binh lính Lê dương của Pháp, của Nhật đã giác ngộ và tình nguyện tham gia chiến đấu với bộ đội Việt Minh

Chi đội 10 Biên Hòa thành lập trong điều kiện thực dân Pháp về cơ bản đã kiểm soát các vùng đô thị, thị trấn, lấn chiếm nhiều vùng nông thôn, trong đó xây dựng một số đồn bót ngay trong căn cứ Chiến khu Đ, đồng thời nhiều thanh niên xuất thân nông dân, công nhân, học sinh từ các vùng tạm chiếm thoát ly ra căn cứ xin gia nhập bộ đội. Việc tiếp tế nuôi quân, việc nắm tình hình địch để bộ đội hoạt động gặp nhiều khó khăn.

Để góp phần giải quyết những khó khăn trên, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ có sáng kiến xây dựng các quận quân sự, hoạt động trong các vùng liên xã, có các nhiệm vụ: Tự xây dựng tổ chức, mỗi quận hình thành một tiểu đội du kích tập trung trở lên. Ban đầu Chi đội cấp cho mỗi quận quân sự từ 1 đến 3 khẩu súng trường, sau đó tự trang bị



bằng súng cướp được của địch. Tổ chức ở mỗi xã 1 tiểu đội du kích bán tập trung, khi cần mới tập trung, trang bị vũ khí tự tạo. Trinh sát nắm tình hình địch, báo cáo cho Ban Chỉ huy chi đội; đảm đương nhiệm vụ tổ chức địa bàn cho chi đội hoạt động đánh địch và cùng chi đội chiến đấu. Vận động các viên chức hội tề, binh lính ngụy và gia đình làm việc cho ta, trừng trị bọn tề ngụy, Việt gian ngoan cố, phản động ác ôn. Tạm thời làm thay nhiệm vụ chính quyền ở cơ sở, thu thuế trong nhân dân, tiếp nhận sự ủng hộ của nhân dân chuyển về chi đội nuôi quân.

Ban Chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa bước đầu tổ chức được 9 quận quân sự, sau này còn thành lập thêm quận quân sự 10.

Như vậy với việc xây dựng các quận quân sự, Ban Chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa đã thể hiện tính chủ động sáng tạo trong hoạt động, xây dựng được chân rết bên dưới cho chi đội hoạt động thuận lợi hơn. Bước đầu, tỉnh Biên Hòa xây dựng được 3 hình thức vũ trang từ tỉnh xuống quận, xã, tiền thân của 3 thứ quân sau này.

Chi đội 10 Biên Hòa hình thành cũng là lúc thực dân Pháp cơ bản kiểm soát được vùng thị xã, thị trấn, xây dựng các bộ máy tề ở huyện, xã, tổ chức hệ thống đồn bót cả ở đô thị, nông thôn và các đồn điền cao su. Đơn vị đứng chân chiến đấu trên một chiến trường rộng trên 11 ngàn km<sup>2</sup>, địa hình vừa có rừng núi, đồng bằng, đô thị, sông rạch khá chằng chịt, với nhiều lộ giao thông quan trọng gồm cả đường bộ, đường thủy và đường sắt.

So sánh tương quan lực lượng giữa thực dân Pháp và lực lượng vũ trang kháng chiến ở Biên Hòa mà nòng cốt là Chi đội 10, rõ ràng có sự chênh lệch về quân số. Tuy nhiên, hoạt động của Chi đội 10 có nhiều thuận lợi: cán bộ, chiến sĩ am hiểu địa thế chiến trường; sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ; quần chúng nhân dân thông qua các đoàn thể cách mạng đã ủng hộ nhiệt tình, đồng thời cũng là tai mắt của kháng chiến. Ngoài căn cứ Chiến khu Đ, đơn vị còn có căn cứ Rừng Sác ở vùng ngập mặn cận biển và một hệ thống những căn cứ du kích áp sát thị xã Biên Hòa.

Điều quan trọng hơn, Ban chỉ huy chi đội bố trí được các đại đội, trung đội đứng chân ở những vùng trọng điểm của tỉnh, trong đó đại đội A chủ yếu ở khu vực căn cứ và quận Tân Uyên (hữu và tả ngạn sông Đồng Nai); đại đội B (2 trung đội) đứng chân hoạt động khu vực thị xã Biên Hòa (quận Châu Thành, quận Xuân Lộc, nơi địch có nhiều cơ sở khai thác cao su, hệ thống giao thông quan trọng như lộ 1, lộ 20 đường 15, đường sắt); Đại đội C đứng chân ở khu vực quận Long Thành án ngữ lộ 15 từ Biên Hòa đi Bà Rịa, tuyến sông Thị Vải, Lòng Tàu nối với biển Đông, có kho bom đạn Thành Tuy Hạ. Thế triển khai của chi đội còn mở rộng hơn nhờ tổ chức được các quận quân sự, hình thành thế chân rết ở cơ sở hoạt động có hiệu quả.

Ngày 14/9/1946, Chính phủ ta ký với Pháp bản tạm ước. Quân Pháp ở Biên Hòa rút một số đơn vị bộ binh đi chuẩn bị mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước; rút bỏ một số đồn bót chúng đóng sâu trong căn cứ ta ở Tân Uyên, Long Thành. Vùng căn cứ kháng chiến được khôi phục và mở rộng; bộ máy Đảng, Chính quyền được củng cố. Các đội du kích ở quận và cơ sở tiến hành diệt ác ôn, trấn áp tề điệp, làm chủ được xã ấp, việc xây dựng cơ sở kháng chiến phát triển, hệ thống giao thông mở rộng, tạo điều kiện tiếp tế lương thực, hàng tiêu dùng cho bộ đội.

Lúc này, Ban Chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa quyết định chuyển các quận quân sự thành các ban công tác liên thôn, có đội du kích tập trung, tiền thân của các quận đội dân quân sau này. Dưới các ban công tác liên thôn là các ban công tác xã có du kích xã (tiền thân các xã đội). Các ban công tác liên thôn là tổ chức quân sự giúp việc cho Ủy ban hành chính quận, nhưng do Ban chỉ huy Chi đội 10 chỉ huy và quyết định về kế hoạch hoạt động.

Đến cuối năm 1946, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa hình thành 3 hình thức tổ chức vũ trang: các đại đội tập trung của chi đội; các đội du kích tập trung của ban công tác liên thôn; du kích các xã - là cơ sở để xây dựng 3 thứ quân ở địa phương sau này. Trong lúc đó, ở trong thị xã, Ban Chỉ huy chi đội chuyển các tổ ám sát làm nhiệm vụ diệt

trừ ác ôn thành các ban công tác thành - tiền thân của Đội biệt động Biên Hòa sau này.

Trận tập kích đầu tiên của Chi đội 10 diễn ra vào đúng 2 giờ sáng 1/1-1947. Ban công tác liên thôn đưa các chiến sĩ binh công xưởng với khẩu cối 81 ly vừa chế tạo từ hướng Bửu Long vào Sở Cải xây dựng trận địa. Cùng lúc Trung đội 5 từ bến đò An Hảo vượt sông Đồng Nai vào ém quân ở khu vực Đài Kỷ niệm, đột nhập đốt cháy phòng thông tin của địch ở chợ Biên Hòa và rải truyền đơn của Việt Minh kêu gọi nhân dân nội thành tham gia ủng hộ kháng chiến. Trung đội 1 phục kích ở khu vực chòm mã Ngã ba Dốc Sỏi chặn viện binh Pháp từ sân bay ra. 15 quả đạn cối 81 ly đã bắn vào thành Kèn của Pháp, gây nổ và tạo thành những cột lửa cao cháy sáng rực một góc thành. Cùng lúc, phòng thông tin ở chợ Biên Hòa bị thiêu rụi, trạm canh trước dinh tỉnh trưởng Biên Hòa bị tấn công và đốt cháy. Nhân dân Biên Hòa vô cùng phấn khởi.

Trung tuần tháng 1/1947, Ban Chỉ huy Chi đội nhất trí chọn quốc lộ 1 làm mục tiêu tiến công các đoàn xe giao thông địch, đặc biệt đường sắt Bắc - Nam đoạn qua quận Xuân Lộc là mục tiêu chính. Ngày 18/1/1947, thực dân Pháp với lực lượng khoảng 2 ngàn quân tấn công vào Chiến khu Đ. Nhờ bố phòng và cảnh giác cao, đại đội A phối hợp cùng các Ban công tác liên thôn ngăn chặn địch có hiệu quả, tiêu diệt nhiều bộ binh địch, đặc biệt bãi cọc chống nhảy dù ở khu vực trắng trống phát huy hiệu quả cao. Trận càn của Pháp bị bẻ gãy, ta thu nhiều vũ khí, máy thông và nhiều vải dù của địch.

Ban Chỉ huy giao nhiệm vụ cho đại đội B nghiên cứu kết hợp cùng Ban công tác liên thôn 9 và 10, thực hiện trận đánh, chọn đồn Bình Lộc nằm trong đồn điền cao su Bình Lộc do 1 trung đội Lê dương đóng giữ, có công sự kiên cố. Một đêm đầu tháng 2/1947, Trung đội 4 và Trung đội 6 để lại 2 phân đội chặn viện bên ngoài, bí mật vào tiếp cận bao vây đồn Bình Lộc. Toàn bộ bọn lính trong đồn đều bị bất ngờ. Ta bắt sống toàn ban chỉ huy đồn, tên chủ sở đồn điền và binh lính, thu toàn bộ súng. Toàn bộ địch đều được ta khoan hồng

tha cho về nhà. Đồn Bình Lộc bị san bằng.

Trong trận đánh giao thông đường sắt Bảo Chánh diễn ra vào trưa 19/5/1947, lực lượng tham gia trận đánh gồm Đại đội B với 2 trung đội 4 và 6 phối hợp cùng du kích 2 Ban công tác liên thôn 9 và 10. Đoàn xe lửa của địch chạy vào trận địa phục kích. Quả địa lôi phát nổ buộc đoàn xe dừng lại. Bộ đội ta từ cánh rừng 2 bên đường xe lửa vận động ra chiếm các toa tàu. Bọn lính hộ tống trên các toa tàu không kịp phản ứng, một số bị tiêu diệt, một số ôm súng chạy vào rừng, chạy ngược về hướng Xuân Lộc, một số đầu hàng tại chỗ. Trận ra quân đầu tiên ở Bảo Chánh thắng lợi hoàn toàn.

Ở trận Trảng Táo diễn ra vào tháng 6/1946, tham gia trận đánh gồm Đại đội B và du kích 2 Ban công tác liên thôn 9 và 10. Khi đoàn xe lửa vừa đến, địa lôi nổ các chiến sĩ từ 2 cánh rừng kéo mạnh dây đã cột vào đường ray, nhưng các toa đê trên đường ray sức kéo không đủ lực. Khi bánh xe của đầu toa sau vừa ra khỏi đầu nối đường ray, các chiến sĩ dùng sức kéo mạnh, đường ray bật ra. 2 toa xe sau lọt khỏi đường ray nhưng vẫn chạy thêm một đoạn nữa đến khúc cua thì lật nhào, đoàn tàu phía trước vẫn chạy luôn về ga Gia Huynh. Bộ đội ta truy kích theo, dùng lựu đạn đánh diệt toa tàu chở bọn lính hộ tống. Toa còn lại, ta tịch thu 2 khẩu súng đại liên, 10 tấn gạo và nhiều đồ hộp thịt, cá.

Trong trận đánh ở Bảo Chánh lần thứ 2, nắm được ý đồ của thực dân, Ban Chỉ huy Chi đội 10 chỉ đạo chặn đánh đoàn tàu đi sau, bố trí lực lượng ngăn chặn không cho đoàn tàu đi trước quay lại ứng cứu. Để tạo bất ngờ cho địch, Ban Chỉ huy Chi đội cho bộ đội quay lại bố trí trận địa ở Bảo Chánh, nơi đoàn xe địch bị ta đánh vào tháng 5-1947. Khi đoàn tàu lửa vào trận địa, đầu xe thứ nhất vừa qua, từ điểm chỉ huy quan sát, đại đội trưởng đại đội B ra lệnh phát hỏa. Quả địa lôi 50 cân Anh nổ lớn. Chiếc đầu máy xe lửa bị hất tung lên và rơi xuống đất kéo theo một tiếng vang rất lớn. Bộ đội ta từ bìa rừng vận động ra thì thấy đoàn tàu lửa đang chạy thục mạng về hướng Gia Ray, còn đoàn tàu thứ 2 thì dừng lại cách trận địa trên 200 mét. Lúc

đó, ta mới phát hiện chiếc đầu máy bị nổ tung là đầu máy đẩy của đoàn tàu đi trước. Bộ đội được lệnh vận động theo bìa rừng tiếp cận tấn công đoàn tàu đi sau. Từ 2 bên ta-luy trên cao (cách đường ray 4-5 mét), hỏa lực ta bắn cấp tập vào 2 toa bọc thép hộ tống, để bộ đội luồn dưới làn đạn xung phong lên các toa xe đánh địch. Bất ngờ, cả đoàn xe địch chuyển động rồi chạy ngược về hướng Dầu Giây. Bộ đội ta buộc phải nhảy xuống để rút vào rừng. Trong trận này, ta chỉ diệt được 1 đầu máy xe lửa, chiến lợi phẩm thu được không nhiều.

Trận đánh ở Bàu Cá diễn ra vào ngày 14/7/1947 đúng ngày Quốc khánh nước Pháp (14/7), gây tiếng vang chính trị rất lớn. Binh công xưởng Chi đội 10 chế tạo từ 2 quả bom 50 cân Anh thành 2 quả địa lôi kích nổ bằng điện để phục vụ trận đánh. Lực lượng ta bố trí 2 trận địa A và B trên tuyến đường đường sắt đoạn Bàu Cá. 12 giờ trưa, đoàn tàu thứ nhất lọt vào trận địa A. Quả địa lôi nổ tiêu diệt đầu máy tàu. Bộ đội ta xung phong, nổ súng tiêu diệt 200 tên bao gồm bọn lính hộ tống (có 1 đại úy chỉ huy) và lính tăng viện ra chiến trường Trung, Bắc; thu được 1 khẩu trung liên, 14 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn và 3 máy truyền tin vô tuyến, cùng nhiều lương thực thực phẩm. Ở mặt trận B, đoàn tàu thứ 2 chưa vào trận địa nhưng nghe tiếng nổ nên dừng lại và chạy ngược về hướng Trảng Bom.

Trong trận phục kích giao thông La Ngà (1/3/1948) Ban Chỉ huy trận đánh gồm: Nguyễn Văn Lung, Chi đội phó Chi đội 10 làm Chỉ huy trưởng, Đinh Quang Ân, Lê Văn Ngọc, Hoàng Minh Chánh Chỉ huy phó, Võ Cương chính trị viên.

Trước đó, vào cuối tháng 11/1947, Đại đội B xây dựng 1 phân đội trinh sát đặc biệt, lấy chiến sĩ của Ban công tác liên thôn 9 trước đây làm nòng cốt. Đầu tháng 1/-1947, phân đội lên đường xuyên rừng, vượt suối đi La Ngà bám sát đoạn đường quốc lộ 20, quan sát, ghi chép từng chuyến xe, từng đoàn xe từ Sài Gòn đi Đà Lạt và từ Đà Lạt trở về Sài Gòn để điều nghiên trận địa. Qua đó, phân đội trinh sát đặc biệt phát hiện 20 hécta lúa của đồng bào dân tộc làm nhưng chưa thu hoạch do thực dân Pháp đã gom dân đi. Phân đội tuyển

chọn thêm 19 thanh niên địa phương tình nguyện tham gia lực lượng ra sức chăm sóc, thu hoạch 20 hécta lúa, đóng cối giã lúa, dần sàng thành gạo đưa vào kho dự trữ. Lượng gạo đủ cho khoảng 1.000 quân dùng trong 1 tuần lễ được bố trí ở ven suối Sa Sả và vàm ngã ba sông La Ngà - Đồng Nai. Về lương thực, các chiến sĩ đánh bắt rất nhiều cá ướp muối phơi khô gần 500kg; xẻ thịt 6 con trâu, cắt khúc luộc nước muối phơi khô; hàng chục thùng phuy nước được bố trí cặp những con đường bí mật cho bộ đội dùng... Vấn đề lương thực cho Chi đội cơ bản được giải quyết. Bên cạnh đó, chính quyền và Mặt trận Việt Minh huyện Xuân Lộc cũng cử cán bộ vào các sở cao su Bình Lộc, Túc Trưng vận động công nhân cao su ủng hộ kháng chiến...

Sau khi giải quyết được vấn đề lương thực, hậu cần và nắm quy luật của địch trên quốc lộ 20, Ban Chỉ huy đề ra kế hoạch tác chiến, trong đó quyết định lực lượng tham gia trận phục kích gồm có: Ban Chỉ huy Chi đội 10 và cơ quan chỉ huy tất cả 27 đồng chí; huy động quân số gồm 2 đại đội của Chi đội 10 với 360 chiến sĩ; 3 trung đội của Liên quân 17 gồm 154 chiến sĩ. Địa điểm phục kích được chọn tại quãng đường La Ngà - Định Quán, từ cây số 104 đến cây số 113, bố trí làm ba trận địa C, B, A nối tiếp nhau...

Để thực hiện kế hoạch này, Ban Chỉ huy chi đội giao nhiệm vụ cho trung đội 5 (Đại đội B) phối hợp cùng du kích và dân quân 2 quận Châu Thành và Xuân Lộc triển khai nhiệm vụ phá và ngăn đường từ đoạn Hồ Nai (quốc lộ 1) lên ngã ba Dầu Giây và từ Dầu Giây ngược lên theo quốc lộ 20 bằng cách đào đường, đắp vật cản, chặt cây mở miệng sẵn khi đoàn xe đến thì ngã đổ ra đường; bố trí du kích bắn tỉa quấy rối tiêu hao, bắt đoàn xe địch phải dừng nhiều lần để giải tỏa chướng ngại vật trên đường dẫn đường, tinh thần căng thẳng đồng thời buộc đoàn xe địch đến La Ngà phải chậm từ 2 đến 3 giờ đồng hồ.

Ngày 26/2/1948, Chi đội 10 và Liên quân 17 hành quân xuất phát từ Chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai để tiến về hướng quốc lộ 20. Các chiến sĩ thuộc phân đội trinh sát đặc biệt sau khi hoàn

thành nhiệm vụ thì chuẩn bị hậu cần cho trận đánh, trở thành những chiến sĩ trinh sát dẫn đường cho các lực lượng về vị trí tập kết. Phân đội mở các con đường bí mật, hoặc bẻ cò các cây ven đường cho bộ đội hành quân. Những đoạn đường rừng, sinh lầy chiến sĩ đi qua, các chiến sĩ phân đội đặc biệt là người đi sau cùng phải xóa dấu vết không cho địch phát hiện.

Ngày 29/2, Chi đội 10 và Liên quân 17 đã chiếm lĩnh trận địa đảm bảo an toàn và bí mật trên 3 mặt trận A, B, C. Các chiến sĩ tổ chức đào công sự chiến đấu. Chiến sĩ thông tin thì hối hả rải hàng chục ngàn mét dây điện thoại, xuyên rừng rậm nối liền chỉ huy sở với các trận địa. Các chiến sĩ binh công xưởng đưa những quả địa lôi chôn ở 3 trận địa. Lợi dụng đặc điểm của quãng đường là các đàn voi thường qua lại để lại những bãi phân lớn, thế là các chiến sĩ chôn địa lôi xong lấy ngay phân voi đắp lên trên để ngụy trang. Đặc biệt địa lôi ở trận địa A là rất quan trọng vì là quả địa lôi khóa đầu chặn đứng cả đoàn xe địch, đồng thời là tiếng nổ phát lệnh tấn công địch. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Giám đốc binh công xưởng và công nhân kỹ thuật trực tiếp đi kiểm tra từng quả một, từ cách lắp ráp nổ, đến cách đặt, cách chôn, quyết tâm giết quả nào chắc nổ quả ấy.

Đến tối 29/2 rạng sáng 1/3/1948, mọi kế hoạch chuẩn bị, bố trí chiến trường của Chi đội 10 trên 3 mặt trận đều đã hoàn thành, sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh.

Cùng trong đêm 29/2/1948, đội du kích tập trung huyện Châu Thành mang cuốc, xẻng, dao, súng lên quốc lộ 1 quãng từ Hồ Nai lên ngã ba Dầu Giây. Du kích huyện Xuân Lộc phụ trách đoạn từ Dầu Giây trở lên quốc lộ 20. Các chiến sĩ mở miệng cây ven đường từng đoạn một, sau đó cho ngã lăn ra đường khi đoàn xe địch sắp đến, đắp các mô kết hợp chà cây trên đường; bố trí đội hình bắn tỉa quấy rối địch...

Đúng như tin tình báo từ trong nội thành cung cấp, đoàn xe gồm 69 chiếc chở nhiều sĩ quan cấp cao cùng các nhà tư sản ở Sài Gòn, khởi hành từ 5 giờ sáng đi Đà Lạt và qua Biên Hòa. Đoàn xe địch

vượt cầu Gành, cầu Rạch Cát, dừng nghỉ khoảng 10 phút ở ngã ba Kỷ niệm sau đó xuất phát rời thị xã Biên Hòa. Khi đến Hồ Nai, đoàn xe phải dừng nhiều lần để cho bọn lính hộ tống lắp hố thông đường, cột dây kéo những đoạn cây lăn trên đường, dò mìn xem Việt Minh có nguy trang trong những chòm cây không, quay lại đối phó với du kích bắn tia vào các xe đi đoạn cuối... Liên tục phải đối phó với chướng ngại trên đường, với du kích bắn tia, quấy rối, bọn địch trong đoàn xe rất bức bối, căng thẳng thần kinh, mệt mỏi vì không thể đảm bảo thời gian như đã định.

Mãi đến quá trưa 1/3, đoàn xe địch mới bắt đầu đến ngã ba Dầu Giây rẽ sang quốc lộ 20. Gần 15 giờ, chiếc thiết giáp đi đầu mới tới La Ngà. Đoàn xe dừng lại để viên chỉ huy đoàn xe vào cứ điểm La Ngà hỏi tình hình, đồng thời điện cho đại tá Talès, chỉ huy khu vực Đồng Nai Thượng đề nghị cho đoàn xe nghỉ lại ở La Ngà vì trời chiều không thể đến Đà Lạt trước khi trời tối. Talès trả lời rất dứt khoát: “Không được, phải tiếp tục đi ngay, đây là khu vực đã bình định rồi”. Tên chỉ huy đoàn xe vẫn nghi ngờ, điện xin cho quân hộ tống từ Đà Lạt xuống đón đoàn. Lần này Talès quát lên: “Đi ngay!”. Cả đoàn xe lại chuyển bánh.

Trên đường đi, bọn lính hộ tống không ngừng bắn ầm ầm 2 bên đường, nhất là ở những đoạn đường quanh co, khúc khuỷu nhằm trấn tĩnh tinh thần bọn sĩ quan và hành khách đi trong đoàn. Bọn địch không ngờ những phát đạn loạn xạ của chúng lại báo hiệu cho ta biết trước để chuẩn bị chiến đấu.

15 giờ 2 phút, trận địa C báo cáo về chỉ huy sở: 3 xe chở lính hộ tống khoảng hơn 1 trung đội, rồi đến một tốp 11 chiếc khác vừa xe quân sự vừa 1 ô tô buýt chở hành khách. Tốc độ đoàn xe 30km/giờ, khoảng cách các xe trên dưới 100 mét. Chưa có triệu chứng gì tỏ ra địch đã biết có quân phục kích. Chúng bắn rất bừa bãi... bộ đội ta vẫn ần nấp kín đáo.

Trận địa B kế tiếp báo cáo: địch đang tiến qua trận địa B. Trong xe jeep có nhiều sĩ quan, đã trông thấy 1 đại tá và 1 tên thiếu tá.



Địch tiến vào trận địa, đoàn xe uôn mình tiến lên trườn qua những cung đường quanh co, khúc khuỷu, bụi cuốn mù mịt.

15 giờ 12 phút, Ban chỉ huy ra lệnh, những quả địa lôi ở trận địa A phát nổ làm chấn động cả núi rừng. Chiếc thiết giáp đi đầu đang xuống dốc đoạn cua queo bị địa lôi hất bổng lên khỏi mặt đất, lao thêm khoảng 10m nữa rồi nằm bẹp dí trên đường. Trong 3 chiếc xe chở lính đi sau thì có 2 chiếc trúng địa lôi ngã lật nhào, nhiều lính chết trong đó có tên chỉ huy đoàn xe và tên phụ trách máy thông tin.

15 giờ 14, địa lôi trận địa C nổ. Núi rừng như chuyển mình. Tiếng bộ đội ta hô “xung phong”, làm bọn địch đang mệt mỏi thêm khiếp vía kinh hồn, vút súng đạn, xô đẩy nhau nhảy ra khỏi xe chạy dạt sang phía đông quốc lộ 20, phần lớn bị hỏa lực ta bắn hạ.

Ở trận địa A, xe địch ngã đổ ngổn ngang. Bộ đội ta nổ súng và xung phong mãnh liệt, địch hoàn toàn bị tê liệt không kịp phản ứng, nhiều tên đưa tay đầu hàng. Trong số địch bị chết có nhiều sĩ quan: Đại tá De Sérigné, Chỉ huy bán lữ đoàn Lê dương thứ 13 (13è DBLE); đại tá Patruit, Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất của quân Pháp ở Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy khu vực quân sự Hóc Môn; đại úy Jean Couvreur, Trưởng phòng xe hơi trong Bộ Tổng tham mưu quân đội Pháp ở Đông Dương...

Ở trận địa B, bộ đội ta xung phong, tập trung hỏa lực bắn vào 4 xe chở lính hộ tống, dùng đạn lửa bắn vào các xe vận tải quân sự. Bọn địch rối loạn hàng ngũ không kịp chống trả, 28 xe địch bị diệt gọn trong vòng 5 phút, 56 tên địch chết.

Ở trận địa C, bộ đội ta xung phong chiếm được 3 xe chở lính, 13 xe vận tải quân sự. Tốp đi sau cùng của đoàn xe nổ súng bắn trả khá quyết liệt, kết quả 31 tên lính chết trên mặt đường nhưng một số xe quay đầu chạy ngược về La Ngà.

Đến 15 giờ 57, trận đánh kết thúc, đoạn đường dài hơn 10km trên quốc lộ 20 lửa khói vẫn còn bốc cao, thỉnh thoảng vang lên những tiếng nổ lớn phát ra từ các xe quân sự của địch bị cháy, từ những bánh xe bị cháy nổ.

Gần 17 giờ, 3 chiếc máy bay của Pháp lên ứng cứu, nhưng do trận địa trải dài, địch cũng không làm gì được, chỉ gầm rú hòng uy hiếp ta, hơn nữa chúng còn bị thu hút vào các trận địa giả (ta đốt những đồng lửa lớn) ở phía Đông Quốc lộ 20. Máy bay địch chỉ bắn loạn xạ một lúc thì quay đầu rút ngay.

Nửa đêm, viện binh địch từ Đà Lạt xuống và từ Sài Gòn, Biên Hòa lên đến được khu vực La Ngà. Chiến trường còn loang mù thuốc súng, khói lửa với 59 xác xe quân sự cháy tro khung sắt và 150 xác địch chết ngổn ngang trên đường.

Kết quả trận phục kích giao thông La Ngà, Chi đội 10 phá hủy 59/70 chiếc xe quân sự Pháp; diệt 150 lính Pháp, 25 sĩ quan Pháp trong đó có 1 đại úy, 1 thiếu tá, 2 đại tá. Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã gửi điện khen và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì cho Chi đội 10 trong trận thắng La Ngà.

Ngay sau khi trận đánh kết thúc, bộ đội ta rút về tập trung ở khu vực Suối Cát; cùng đi có 270 tù binh và hành khách đi cùng đoàn xe. Một số binh lính địch bị thương không đi được và khoảng 50 thường dân đa số là người già, trẻ em, người tu hành... Ban Chỉ huy cho tập trung về chỉ huy sở, tất cả được cấp cơm vắt, cá khô, nước uống và chăm sóc vết thương. Sau khi được giải thích về chủ trương chính sách của Chính phủ, Việt Minh, ta cho phóng thích 50 người này về trước. Đồng thời thông qua số người này loan tin cho người dân ở Sài Gòn biết tất cả những thường dân cùng đi trong đoàn xe và một số binh lính Pháp bị bắt sẽ được Việt Minh cho trở về nhà.

Thật cảm động khi diễn ra cuộc chia tay giữa hành khách và bộ đội, một di Phước tháo râu chuỗi thánh giá của mình choàng lên cổ trung đội trưởng Lê Ngọc Sinh, chấp tay lẩm bẩm: “Cầu Chúa ban phước lành cho chiến sĩ Việt Nam”. Chính tư cách người chiến sĩ cách mạng, với địch thì chiến đấu kiên cường, nhưng với nhân dân thì chân tình thân ái cảm hóa được nhân dân, cả đối với những người tu hành vốn xa lạ với kháng chiến.

Đêm 1/3/1948, trong số 219 người thành viên đoàn xe được bộ

đội đưa về Suối Cát, người Việt, Ấn Độ, Hoa, Pháp đều có cả, trong đó có một số trí thức người Pháp, một số thanh niên nam nữ, sinh viên học sinh trong nội thành. Trong ánh lửa bập bùng giữa rừng đại ngàn, bộ đội, cán bộ quân y, cấp dưỡng đến thăm hỏi từng người một, cung cấp lương thực, nước uống. Người dân nội thành đặc biệt lớp trẻ lần đầu tiên tiếp xúc với thiên nhiên hùng vĩ, tiếp xúc với những bộ đội kháng chiến hiền lành, chân thực thực sự khâm phục thái độ ân cần của cán bộ, chiến sĩ ta. Một số thanh niên trong thành bất ngờ gặp lại những người bạn học xưa xếp bút nghiên lên đường chiến đấu ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, nay trở thành những cán bộ chỉ huy, những chiến sĩ kiên cường, rắn rỏi. Chuyện kháng chiến làm cho bà con thêm khâm phục ý chí và nhân cách người chiến sĩ cách mạng.

Ban Chỉ huy Chi đội 10 định tổ chức buổi chia tay liên hoan văn nghệ, nhưng nhận được tin quân Pháp đang chuẩn bị phản kích và vắng vắng đã nghe tiếng súng của chúng từ hướng quốc lộ 20. Buổi liên hoan không thành. Cuộc chia tay giữa bộ đội Chi đội 10 và bà con ngay bờ sông Đồng Nai - nơi chiến sĩ gọi là bến Tâm giao thật bịn rịn. Nấm cơm, cá khô, phần ăn của bộ đội nhường cho bà con hành khách không chỉ là lương thực, mà trở thành món quà có ý nghĩa trước lúc đoàn hành khách qua sông trở lại quốc lộ 20 về Sài Gòn.

Sáng sớm 2/3/1948, hàng loạt tờ báo tiếng Việt xuất bản ở nội thành đều đưa tin về trận đánh thắng La Ngà với những hàng tit lớn: “Một trận phục kích lớn lao chưa từng có!”, “90% đoàn xe có lính hộ tống bị Việt quân hủy diệt”, “Đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê dương thứ 13 tử trận”, “150 binh sĩ thiệt mạng, trong đó có một số mất tích”...

Từ đại lộ đến ngõ hẻm, bến xe, tiệm cà phê, hủ tếu, chợ, nhà hàng đâu đâu người dân cũng bàn tán trao đổi về trận La Ngà với lòng khâm phục. Các chủ hãng xe đồ ở Sài Gòn đều bảo nhau không nên cho xe khách đi cùng các đoàn xe quân sự Pháp kéo bị “họa lây” như

ở La Ngà. Phòng thông tin Sài Gòn chật ních người, đa phần là giới tư bản, người Pháp đến nghe ngóng về số phận thân nhân họ có trong số 150 sĩ quan, binh lính chết trận La Ngà hay không.

Từ khi trở lại xâm lược nước ta đến thời điểm 1948, có lẽ thực dân Pháp chưa từng bị thua đau như ở trận La Ngà ngày 1/3/1948. Bọn Pháp ở Sài Gòn trong các bản tin, báo cáo của mình về chính quốc vẫn cố tình bưng bít thất bại này. Thế nhưng, chết trong trận La Ngà lại có Đại tá De Sérigné, thuộc dòng dõi quý tộc Pháp, nên được thực dân tổ chức lễ tang theo nghi thức long trọng nhất tại nhà thờ Đức Bà Sài Gòn và xác được đưa về Pháp bằng máy bay. Ngay sau đó, nhiều câu hỏi đặt ra với Quốc hội nước Pháp rằng cần xem xét lại báo cáo của những tên tướng chỉ huy ở Nam Bộ: vì sao đã tuyên bố bình định xong Nam kỳ, lại có thể xảy ra trận thua đau ở La Ngà? De La Tour, chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ (1947-1949) cho điều tra sự thật, quy tội cho Đại tá Tales tại sao không cho quân tăng cường sớm từ Đà Lạt để cả đoàn xe bị tiêu diệt. Quá lo sợ trách nhiệm, Đại tá Tales đã tự sát.

Trong trận La Ngà, trung úy người Pháp Joeffrey bị thương ở chân, thay vì phải cưa chân thì quân y Chi đội 10, trực tiếp là bác sĩ Võ Cương đã chăm sóc, điều trị giữ cho hắn nguyên lành. Vợ và con của viên trung úy này được ta phóng thích đầu tiên cùng 50 hành khách về Sài Gòn trước đó. Và vài tháng sau, Ban Chỉ huy Chi đội 10 cử nữ y tá Lương Ngọc Tương cùng cán bộ quân y trao trả trung úy Jorffrey tại chi khu Cây Đào (huyện Vĩnh Cửu). Cả vợ chồng viên trung úy trước sự chăm sóc chu đáo và tinh thần nhân đạo của bộ đội Việt Minh không chỉ nhận ra chính nghĩa của quân kháng chiến, mà còn lớn tiếng phê phán cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Vợ của viên trung úy Jorffrey nói: “Từ trước tôi chỉ biết về quân đội Việt Nam qua các tờ báo *Caravelle* và báo *Sài Gòn (Journal de Saigon)*. Nhưng nay tôi mới thấy rõ sự thật. Chính chồng tôi cũng đã nói với tôi: “Anh không có cảm tưởng rằng mình là một tù binh, họ cứu chữa cho anh rất tận tâm, như đối với người bạn thân của họ; họ rất nhân đạo và yêu chuộng hòa bình”.

Còn nhà báo *Raoul Miche*, cựu chủ bút tờ báo *Bạn Dân (Ami du peuple)* người “chết hụt” trong trận La Ngà, khi trở về Sài Gòn, được bạn bè hỏi đã tuyên bố: “Chúng mình cần nói đúng sự thật, mà sự khác hẳn những gì chúng ta đã từng viết”.

Phát biểu của 2 chứng nhân sống sau trận đánh La Ngà không phải ngẫu nhiên. Đó chính là phát biểu phản ánh kết quả thực tế mà họ đã nhìn, đã chứng kiến tận mắt hành động anh dũng, quả cảm và tinh thần nhân đạo, kỷ luật chiến trường của bộ đội ta trong trận La Ngà. Phát biểu khẳng định của những nhân chứng người Pháp có sức mạnh cảm hóa tư tưởng binh lính Pháp còn hơn cả súng đạn.

Trong một trận đánh ở Đồng Lách (Vĩnh Cửu) tháng 8/1948, 14 lính Lê dương Pháp đã ra hàng tại trận, vì không muốn chết cho cuộc chiến phi nghĩa của Pháp và tin vào lòng nhân đạo của kháng chiến. Tháng 8/1948, 2 lính Pháp ở bót Rạch Đông (Vĩnh Cửu) ban đêm đã vượt sông Đồng Nai mang theo một khẩu súng đại liên, một súng trung liên sang Chiến khu Đ xin hàng. Họ nói: “Chúng tôi chán ghét chiến tranh, muốn ra hàng nhưng sợ bị giết. Nay, qua việc quân Việt Minh thả người bị bắt ở La Ngà, chúng tôi biết Việt Minh rất nhân đạo không như bọn chỉ huy quân Pháp nói láo, nên có điều kiện chúng tôi ra hàng”.

Trong cuộc họp quân sự toàn Khu 7 ngày 28/3/1948, Bộ Tư lệnh Khu đã đánh giá: “Đánh trận La Ngà ta đã thắng lợi cả về quân sự lẫn chính trị, thắng lợi về quân sự là lớn, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn. Các chiến sĩ La Ngà không những đã anh dũng đánh giặc mà còn biết làm công tác tuyên truyền rất khéo léo. Bằng những hành động thực tế của mình đã làm cho nhân dân tin tưởng, quý mến, kẻ thù phải khiếp sợ và khâm phục. Trận La Ngà chứng tỏ bộ đội Khu 7 nói chung, bộ đội Biên Hòa nói riêng có bước trưởng thành về nhiều mặt”.

Đêm 2/3/1948, tại Suối Cát (Xuân Lộc) khi chia tay tiễn đoàn hành khách trở về Sài Gòn, Chi đội phó Nguyễn Văn Lung, người trực tiếp chỉ huy trận phục kích La Ngà, lệnh cho các chiến sĩ chi

đội nhanh chóng lên đường hành quân vượt sông, vượt rừng nhanh chóng trở về Chiến khu Đ. Với quyết tâm cao nhất, dù còn đang mệt mỏi sau trận đánh nhưng tốc độ hành quân của lực lượng rất cao. Nếu khi đi, đoạn đường từ Chiến khu Đ đến La Ngà mất 3 ngày, thì khi hành quân ngược lại đơn vị chỉ mất 2 ngày đêm. Thực dân Pháp không thể ngờ tốc độ hành quân của bộ đội ta nhanh đến thế, vậy là cuộc truy kích của địch không thành.

8 giờ 30 sáng 5/3/1948, thực dân Pháp cho 3 máy bay khu trục lên quần đảo bắn phá vào Chiến khu Đ, sau đó 5 chiếc máy bay vận tải thả quân nhảy dù xuống Đất Cuốc. Đồng thời, địch cho 1 ngàn bộ binh từ nhiều hướng có tàu chiến trên sông, và xe cơ giới trên bộ bao vây tấn công vào Chiến khu Đ.

Nhờ có chuẩn bị trước, trung đội còn lại của đại đội A chủ động phân tán, phối hợp với dân quân du kích các xã và cơ quan trong căn cứ đánh tia, thu hút địch, tạo điều kiện cho lực lượng mới trở về có thêm thời gian dưỡng sức, bố trí đội hình đánh địch.

Trong 2 ngày 5 và 6/3, địch lùng sục nhưng không gặp sự chống trả lớn, lại bị dân quân du kích bắn tia diệt trên 60 tên. Mờ sáng 7/3, bộ đội ta bắt đầu mở các trận tập kích vào bọn địch. Tại dốc Bà Nghiêm (xã Tân Hòa), trung đội 7 của Đại đội C diệt 20 tên, thu nhiều vũ khí và quân trang quân dụng. Địch cứ lùng sục, nhưng quân ta khi phân tán, lúc tập trung, khi ẩn khi hiện, buộc chúng phải căng thẳng đối phó, số binh lính bị diệt, bị thương ngày một nhiều.

Sau 8 ngày càn vào Chiến khu Đ, quân Pháp chết và bị thương trên 100 tên, phải rút lui. Không tiêu diệt được lực lượng kháng chiến, quân Pháp bắn giết 20 thường dân vô tội, trong đó có 7 phụ nữ và 3 trẻ em. Chúng đốt sạch nhà dân, giết hơn 100 trâu bò và đốt 500 gạ lúa của dân cùng trụ sở các cơ quan.

Thật ra ý đồ chính của bọn chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ khi càn vào Chiến khu Đ còn nhằm đánh lạc hướng dư luận, đặc biệt là dư luận trong Quốc hội và Chính phủ Pháp sau trận La Ngà khi Bộ Tổng Tham mưu quân viễn chinh Pháp ra thông báo: đang truy kích ráo

riết gây thiệt hại cho Việt Minh. Thậm chí chúng trắng trợn còn báo cáo sai sự thật: đã giải thoát được một số quân lính Pháp và thường dân bị bắt trong trận La Ngà...

Có thể thấy, điểm nổi bật của Chi đội 10 Biên Hòa là hầu hết cán bộ chỉ huy từ chi đội đến đại đội, trung đội, phân đội từ đầu chưa từng được học tập trong một trường quân sự nào có tính chất chính quy. Họ trưởng thành bởi lòng yêu nước, quyết tâm kháng chiến, thông qua việc xác định đặc điểm chiến trường, thông qua thực tiễn chiến đấu trên chiến trường và thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng bộ, Bộ Tư lệnh Khu 7 giao cho.

Ban Chỉ huy Chi đội 10 có nhiều ý tưởng sáng tạo độc đáo trong tổ chức lực lượng và chỉ huy chiến đấu. Chỉ hơn 4 tháng sau khi thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Nam Bộ, kiểm soát các đô thị, thị xã, thị trấn, bộ đội Biên Hòa cùng các lực lượng vũ trang bạn đã tổ chức tập kích vào trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa, nơi đặt nhiều cơ quan chỉ huy của Pháp ở miền Đông Nam Bộ, quả là một ý tưởng táo bạo, một sự phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng.

Chi đội 10 Biên Hòa đã hoàn thành nhiệm vụ là bộ đội chủ lực Khu 7, nòng cốt cho phong trào du kích chiến tranh ở địa phương. Với những thành tích trên, Chi đội 10 đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào tháng 9/2014.

## Đội cối huyện Xuân Lộc

Do yêu cầu cấp bách cần phát triển về hỏa lực để yểm trợ cho bộ binh, Đội cối Xuân Lộc<sup>(1)</sup> được thành lập sau Mậu Thân năm 1968. Đây là một trong những đơn vị hỏa lực nữ chiến đấu đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ; phối hợp, độc lập tác chiến tiêu diệt nhiều kho tàng, trận địa, căn cứ, phương tiện chiến tranh, sinh lực địch trên địa bàn đứng chân.

Hình thành từ Trung đội trợ chiến của huyện, năm 1969 đội thành lập chi bộ Đảng và chính thức đi vào hoạt động, ban đầu có 13 đồng chí, với biên chế gồm 2 khẩu cối 82 ly và 2 khẩu cối 60 ly, có nhiệm vụ đảm bảo chiến đấu độc lập và hợp đồng tác chiến với bộ binh. Nhân sự và vũ khí ít ỏi nhưng ngay từ khi mới thành lập đội đã chiến đấu 16 trận, tiêu diệt 14 tên lính Mỹ, 73 tên lính quân đội Sài Gòn, phá hủy làm hư hại 1 dãy nhà, 2 đại liên, thu 2 máy PRC 25, đẩy lùi 1 trận càn của 1 đại đội lính quân đội Sài Gòn.

Năm 1970, địch tung lực lượng càn quét đánh phá khắp nơi trên địa bàn huyện. Đơn vị được lệnh phối hợp cùng các đơn vị bộ đội địa phương bẻ gãy âm mưu tâm lý chiến và trực tiếp đánh bại các đợt càn của địch; kết quả đã đánh 19 trận, tiêu diệt 100 tên Mỹ, 87 tên lính Sài Gòn, làm thiệt hại 2 dãy nhà, hư 2 lô cốt, 1 pháo 175mm, 1 pháo 105mm, 1 đại liên, 1 đầu máy và 2 toa xe lửa, đẩy lùi 1 đại đội địch.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.



Với những chiến công vang dội trên tất cả các đồng chí trong đơn vị đều được công nhận là Dũng sĩ diệt Mỹ.

Năm 1971, một phần huyện Xuân Lộc chia tách thành thị xã Long Khánh và sát nhập phần còn lại của huyện Xuân Lộc vào huyện Định Quán thành lập huyện Xuân Lộc - Định Quán. Đơn vị củng cố lại tổ chức, biên chế, sau đó tiếp tục hoạt động. Với đặc điểm chiến đấu ở địa bàn rộng hơn, thời gian di chuyển đơn vị nhiều và phức tạp hơn, nhưng bằng mọi biện pháp, ý chí quật cường, đơn vị đã cố gắng nỗ lực đảm bảo được yêu cầu yểm trợ cho bộ binh chiến đấu. Trong năm này, đơn vị đánh được 9 trận, diệt 81 tên trong đó có 4 tên lính Mỹ, làm thiệt hại 3 dãy nhà, 2 khẩu pháo 155 ly và 1 máy bay trực thăng.

Tiêu biểu là trận đánh ngày 1/11/1971. Trên đường từ căn cứ 12 thuộc huyện Định Quán hành quân về Túc Trưng, đến đoạn núi Tùng Còn thì đội bị máy bay trực thăng địch phát hiện. Chúng quần đảo, bắn xối xả vào đội hình. Lúc này đồng chí Thu bị thương nặng, trước diễn biến đầy cam go đồng chí Thu đã nói: “Chị em nhanh chóng đi đi, tôi không thể sống được đâu, đừng vì tôi mà hy sinh cả đơn vị, hãy bỏ tôi lại đây”. Lúc này, đồng chí đội trưởng lệnh cho toàn đơn vị thay nhau cõng đồng chí Thu chạy vượt ra ngoài làn đạn, còn lại một mình mưu trí dũng cảm lợi dụng địa hình, địa vật ngấm bắn máy bay địch. Kết quả một máy bay trực thăng bốc cháy rớt xuống bên kia núi, 4 tên Mỹ ngồi trên máy bay đều chết.

Năm 1972, đơn vị chiến đấu được 18 trận, diệt 148 tên nguỵ, phá hư 1 dãy nhà, 1 súng cối, 2 lô cốt, bứt rút 1 đồn lính. Trong đó, nổi bật là trận đánh vào đêm 1/4/1972, đơn vị trinh sát của huyện đánh vào đồn 116 Định Quán, theo nhận định của lãnh đạo trong trận đánh này nhất định sẽ có thương vong, địch sẽ họp bàn cách giải quyết, nên Đội cối được lệnh phải bắn vào Chi khu Định Quán lúc địch đang họp. Ngay trong đêm 30/3/1972, đơn vị với ý chí quyết tâm cao độ hành quân không ngừng nghỉ về km 114, bí mật đào công sự đến khoảng 24 giờ đêm thì xong, sau đó phân công tổ chức gác và nghỉ ngơi. Đến 6 giờ sáng theo quan sát thấy địch có dấu hiệu tập trung

đông đề bàn việc giải quyết trận địa 116, đơn vị bất ngờ khai hỏa với 8 quả đạn cối 82 ly đã bắn chính xác vào Chi khu Định Quán - nơi địch đang tập trung, làm chết 18 tên trong đó có 1 thiếu tá, 1 đại úy, 3 tên ở Phòng II, 1 trưởng ấp, thiệt hại 2 kho đạn, 2 dãy nhà quân sự. Về phía ta đã bảo vệ an toàn cho lực lượng trinh sát rút về hậu cứ, đơn vị bảo toàn lực lượng. Trận đánh đã tạo được tiếng vang lớn gây hoang mang lo sợ cho địch bởi chúng tưởng rằng lực lượng chủ lực của ta đã về địa phương. Riêng đơn vị được cấp trên khen thưởng

Chuẩn bị đón Xuân 1973, cấp trên có lệnh tất cả các lực lượng vũ trang của huyện phải đồng loạt tiến công để hỗ trợ cho phái đoàn cấp cao của ta đàm phán tại Hội nghị Paris. Lực lượng K8 và Trinh sát huyện được lệnh đánh chiếm Gia Ray (nay thuộc xã Xuân Trường); Đội cối Xuân Lộc được chia làm 2 tổ, tổ cối 60mm cùng đơn vị bộ binh đánh chiếm Gia Ray (10 ngày đêm), tổ cối 82mm đào công sự với cơ số đạn là 40 quả có nhiệm vụ bắn kiểm chế đồn dân vệ và Trung đoàn 52 của địch. Những quả đạn ngay từ đợt đầu tiên đã rơi trúng đồn dân vệ làm chết bị thương một số tên, trong đó có xã trưởng bị thương nặng, hư hại 2 dãy nhà hội đồng xã, 1 khẩu cối 81 ly. Trong 2 trận này, thắng lợi lớn nhất của ta là đã thể hiện cho địch thấy sức mạnh của lực lượng giải phóng, về binh lực ta ngang bằng với chúng, về chiến thuật ta hơn chúng một bậc.

Năm 1973, đơn vị chiến đấu 20 trận, tiêu diệt 267 tên lính, phá hỏng 1 súng cối, 2 đại liên, 1 trung liên, 2 đầu máy xe lửa, 4 toa xe lửa. Đơn vị còn sản xuất 1 hécta lúa 2 vụ, thu 9.740 kg lúa.

Từ đầu tháng 7 đến 31/10/1973, đơn vị cối Xuân Lộc đã pháo kích vào đội hình địch 13 trận lớn nhỏ, tiêu diệt 98 tên trong đó có 1 trung úy và một số khác bị thương, phá hủy 3 đầu máy xe lửa, 2 lô cốt.

Năm 1974, đơn vị đã chiến đấu 25 trận, tiêu diệt 80 tên, bứt rút 2 đồn, 16 tên lính ra hàng, bắt 2 tù binh, đẩy lùi 2 đại đội. Ngoài ra đơn vị còn sản xuất 1 hécta lúa 2 vụ và 1 hécta bắp, thu 8.700kg lúa và 2.650kg bắp, tự túc một phần lương thực cho đơn vị theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Huyện đội. Cũng trong năm này ta quyết tâm giành dân

lấn đất với địch hình thành thế da beo, qua các trận ta tiêu diệt được 21 tên địch, gây hoang mang, hoảng loạn buộc địch phải bỏ đồn tháo chạy, phá tan kế hoạch xây dựng nông trường của chúng.

Năm 1975 cho đến ngày giải phóng Xuân Lộc, đơn vị chiến đấu được 24 trận, tiêu diệt 42 tên lính nguy, phá hỏng 2 xe tăng, 2 pháo 105, 4 máy PRC 25, 2 đại liên, tiêu hao 2 đại đội nguy, đầy lùi 1 trung đội bắt 2 tù binh.

Trong gần 7 năm chiến đấu, đơn vị đã tham gia tác chiến được 144 trận, trong đó phối hợp đơn vị bạn 70 trận, độc lập chiến đấu 74 trận. Qua những trận chiến đấu đơn vị đã tiêu diệt được 771 tên lính Sài Gòn, 134 tên lính Mỹ (trong đó có 1 phi công), phá hư 5 lô cốt, 3 xe tăng, 3 pháo 155, 3 pháo 105, 2 súng cối, 6 đại liên, 1 trung liên, 3 đầu xe lửa, 6 toa xe lửa, bắn rơi 1 máy bay, thu 4 máy PRC 25; bứt rút 3 đồn, bắt địch ra hàng 16 tên, bắt sống 2 tù binh, làm tiêu hao 2 đại đội, chống càn đẩy lùi 3 đại đội và 1 trung đội địa phương. Trong đó có những chiến dịch đơn vị tham gia nhiều ngày đêm như: chiến dịch đẩy mạnh chiến đấu tại chiến trường để lực lượng Chính phủ cách mạng giành thắng lợi trong đàm phán tại Paris; chiến dịch chống lấn chiếm lại đường sắt; chiến dịch giành dân lấn đất giải phóng từng phần các ấp, xã trong huyện, chiến dịch giải phóng quốc lộ 1 để tiến tới Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Với những thành tích trên, Đội cối Xuân Lộc đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba và 1 Bằng khen, 1 Cờ thi đua quyết thắng. Đặc biệt, vào tháng 9/2014, Đội cối Xuân Lộc đã được Nhà nước, Chính phủ phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thiện Tân

Thiện Tân<sup>(1)</sup> là một xã của huyện Vĩnh Cửu, trải dài trên trục lộ 768 tả ngạn sông Đồng Nai, phía Đông - Đông Bắc giáp huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương), phía Bắc giáp xã Tân An, phía Tây - Tây Nam giáp xã Thạnh Phú và thành phố Biên Hòa.

Xã Thiện Tân trước năm 1975 có diện tích khoảng 1 ngàn hécta, dân số khoảng 2 ngàn người. Từ sau năm 1975 đến nay, xã Thiện Tân có trên 900 hộ với 4.700 nhân khẩu với diện tích tự nhiên 2245,79 hécta.

Thiện Tân có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong hai cuộc kháng chiến, là một trong những cửa ngõ ra vào Chiến khu Đ, căn cứ địa cách mạng, là nơi đứng chân của các đơn vị chủ lực, nơi cung cấp hậu cần và là hành lang chiến lược của lực lượng cách mạng.

Xã Thiện Tân là vùng tranh chấp giữa ta và địch, nên địch ra sức càn quét, đánh phá, chà xát, tranh chấp rất ác liệt để bảo vệ cơ quan đầu não, căn cứ, kho tàng của chúng ở Biên Hòa. Quân và dân Thiện Tân đã kiên cường bám trụ, làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhiệm vụ hậu cần: cung cấp lương thực, thuốc men, đồ dùng và cung cấp tin tức cho cách mạng.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Trong đấu tranh giành độc lập và kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng Thiện Tân, quân và xã Thiện Tân góp phần giành chính quyền ở Biên Hòa năm 1945 góp phần vào thắng lợi kháng chiến chống Pháp.

Năm 1954, xã Thiện Tân thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa do đồng chí Mai Sơn Việt phụ trách, chỉ đạo đưa cán bộ về bám tại xã. Tại Thiện Tân, đồng chí Năm Khiết (Năm Ca, hay còn gọi là Năm Được), Bí thư Chi bộ bám dân xây dựng cơ sở mật như: cô Chín Hương, bác Hai Phô... Cùng Huyện ủy Vĩnh Cửu, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Genève, tự do đi lại làm ăn, chống bóc lột và không đi xây dựng khu trù mật Khánh Vân... Địch càng khủng bố truy lùng cán bộ, quân và dân xã Thiện Tân (nhất là ở ấp 6, ấp 7) càng một lòng kiên trung che giấu, nuôi giấu cán bộ.

Cán bộ, nhân dân và du kích xã Thiện Tân đã cung cấp nhiều sức người, sức của cho cách mạng. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân và du kích xã Thiện Tân phối hợp tác chiến nhịp nhàng, chặt chẽ cùng lực lượng vũ trang huyện và đặc công Miền 113, vừa chiến đấu vừa không ngừng xây dựng cơ sở cách mạng trong lòng địch làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh vũ trang, tham gia chống càn quét chiến đấu bảo vệ cơ quan huyện ủy, tỉnh ủy, bảo vệ căn cứ Bùng Bình, mở hành lang tạo bàn đạp tiến công vào các xã vùng sâu và thành phố Biên Hòa.

Từ năm 1961 đến năm 1975, nhân dân và lực lượng du kích xã Thiện Tân phối hợp tác chiến 130 trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt 154 lính Mỹ, 1.950 lính Sào Gòn, 17 tên tề xã ấp, cảnh sát, tình báo ác ôn, bắn cháy 7 xe tăng, thu 105 súng các loại, thu 2 tấn bom mìn các loại, đánh phá 20 lần cầu cống trên lộ 768, rải hàng trăm ngàn truyền đơn, phát động 4.500 lượt nhân dân đấu tranh chính trị.

Từ năm 1958-1975, nhiều cô bác là chủ ruộng đã giúp đỡ, ủng hộ cách mạng về lương thực, thuốc men, đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ... như: gia đình bác Hai Phô, bác Sang, Ân, Bông, cô Liên,

Tại, Bê, Méo, Tiêu, Thanh, bác Cheo. Má Bảy Dòn dũng cảm, mưu trí qua mắt địch, bảo vệ an toàn cho cán bộ, chiến sĩ. Các đội viên mật do đồng chí Ba Thanh xây dựng: Thanh, Ren, Hồng Tâm, Hồng Hạnh, Hồng Loan, Hồng Năm, Kim Oanh, Xuân... là những thanh niên ưu tú của quê hương Thiện Tân sẵn sàng cống hiến, hy sinh cho quê hương và độc lập cho dân tộc. Đồng chí Năm Khiết, Hai Vân, Ba Thanh... là những cán bộ cách mạng kiên cường bám trụ Thiện Tân, xây dựng cơ sở, chiến đấu với địch không ngại gian khổ.

Để giữ bàn đạp Thiện Tân, huyện ủy cử nữ đồng chí Hai Vân, làm Bí thư kiêm Xã đội trưởng xã Thiện Tân. Đồng chí Hai Vân trưởng thành từ phong trào cơ sở, rất được cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tin yêu. Với lòng nhiệt tình, gan dạ, đồng chí luôn đi đầu trong mọi công tác và là đồng đội gần gũi các chiến sĩ trinh sát đặc công 113 khi đi nghiên cứu các mục tiêu. Các đảng viên mật ở Thiện Tân đã dũng cảm bám trụ, bám dân chiến đấu, xây dựng phong trào cách mạng ở Thiện Tân... là những tấm gương âm thầm mà làm nên những chiến công.

Ở Thiện Tân đội du kích, cán bộ được bộ đội đặc công 113 hỗ trợ bám ấp tiến hành vũ trang tuyên truyền. Tại ấp 7 chi bộ Thiện Tân đã xây dựng được 5 hầm bí mật, cất giấu lương thực và vũ khí. Tuy Mỹ - ngụy đóng chốt kiểm soát chặt chẽ nhưng nhân dân ấp Ông Hoàng, ấp 7 vẫn bám địch, dùng đèn ra hiệu để cán bộ ra vào ấp.

Ngày 6/6-1966, một đoàn gồm 3 chiếc thiết giáp M113 của Sư đoàn 18 đi càn từ Đại An về đã lọt vào ổ phục kích của lực lượng vũ trang xã và đặc công Biên Hòa, lực lượng ta đã tiêu diệt 3 xe và 16 tên địch.

Những năm 1966-1967 quân Mỹ và tay sai bung ra đánh phá ác liệt, nhưng đội du kích vẫn bí mật đột ấp, diệt ác, phá kìm làm bọn tề, xã ấp tại chỗ co cụm không dám lúng sục vào ban đêm, ta giành quyền làm chủ tại các ấp 6, ấp 7.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân 1968, Thiện Tân là địa bàn đứng chân của lực lượng huyện, tỉnh cùng phối hợp lực lượng vũ trang xã diệt ác, tuyên truyền vũ trang trong các ấp

6, ấp 7, ấp Ông Hường.

Sau Tết Mậu Thân địch tiến hành phản công vào Thiện Tân rất ác liệt, bên ngoài chúng ném bom, bắn pháo, rải chất độc hóa học cho xe cơ giới ủi phá rừng, tung biệt kích đánh phá căn cứ. Lúc bấy giờ, xã Thiện Tân, Tân Định là vùng tranh chấp mạnh, địch đóng 2 trung đội bảo an do tên Sáu Tầng chỉ huy thường dẫn lính luồn sâu vào rừng và căn cứ ta để đột kích đánh phá cách mạng. Vô cùng nham hiểm, tên ác ôn Sáu Tầng đã gây cho phong trào tại chỗ nhiều tổn thất, khó khăn. Để mở thế kìm kẹp cho vùng 1, đồng chí Mai Sơn Việt, Bí thư Huyện ủy về Thiện Tân chỉ đạo xã phải bằng mọi cách tiêu diệt tên này. Sau nhiều lần trinh sát, dùng cơ sở mật bên trong và lên phương án tiêu diệt tên Sáu Tầng, ngày 18/3/1968, 2 anh Thanh và Ren - đội viên đã dũng cảm mưu trí tiêu diệt tên tình báo Sáu Tầng tại cầu Rạch Tôm sau đó thoát ly theo du kích xã. Tên Sáu Tầng bị tiêu diệt khiến bọn tên xã ấp trong huyện rúng động, hoang mang; ta tạo được thế bám trụ vững chắc tại Thiện Tân, Tân Định, Đại An, tác động và cổ vũ phong trào cho toàn huyện.

Tháng 5/1967 thực hiện chủ trương bám địch, bám địa bàn, Huyện ủy chọn Thiện Tân xây dựng cơ sở, lực lượng vũ trang, cơ sở vận động lương thực phục vụ cho tỉnh và các lực lượng vũ trang về bám địa bàn để đánh địch ở sân bay Biên Hòa, Quân đoàn 3, tổng kho Long Bình. Hoạt động các lực lượng bám trụ trên địa bàn Thiện Tân diễn ra như công khai vào ban đêm. Biết được ý đồ của ta, đêm 12 rạng 13/9/1968, địch mở cuộc hành quân cấp tiểu đoàn tiến công vào ấp 7 (gồm lính sư đoàn 18, biệt động quân, 10 xe thiết giáp) là ấp cơ sở cách mạng. Địch chia làm nhiều mũi tấn công vào xã với ý đồ dồn ta vào hướng sông Đồng Nai để tiêu diệt. Trong khi đó, ta có 120 đồng chí gồm du kích, bộ đội và cán bộ các ban, ngành huyện, tỉnh đang triển khai công tác tải lương thực tại ấp 7. Một tổ vũ trang được tập hợp do đồng chí Tám Bảo chỉ huy (gồm 2 đồng chí thuộc Tỉnh đội, nữ đồng chí Hai Vân, 1 đồng chí du kích xã và đồng chí Tám Bảo) đã mưu trí dũng cảm đánh trả quyết liệt từ 3 giờ đến 4 giờ 30 sáng để mở đường máu đưa đồng đội về căn cứ Bùng Bình an toàn,

một bộ phận còn lại bám lại trong hầm bí mật. Trận này địa phương diệt được 64 tên, trong đó có 6 tên Mỹ, bắn cháy 2 xe tăng, ta giữ thể làm chủ ban đêm ở ấp 7.

Tháng 4/1969, quân Mỹ càn từ Bùng Binh vào xóm Gò lục soát từng nhà dân. Lúc này tại cơ sở nhà bà Bảy Dòn có các đồng chí Hai Xê, Thanh, Ren đang ém sau bờ lúa và quyết tâm chiến đấu đến cùng không để địch bắt sống. Bọn Mỹ tay lăm lăm súng lục từng nhà, bà Bảy ngồi giả vờ lễ gai tay trước nhà, tinh táo thản nhiên chào bọn Mỹ khiến chúng không nghi ngờ và bỏ đi.

Những năm 1969, 1970, 1971, địch đánh phá ta ác liệt, nhân dân Thiện Tân đã đào 10 hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ và du kích xã để bám trụ đánh địch.

Cuối năm 1970, cấp ủy xã Thiện Tân quyết định thành lập 1 chi bộ mật do đồng chí Ba Thanh làm bí thư, đảng viên gồm các đồng chí: Khen, Sáu Khởi, Bảy Hem, Năm Kịch, Nguyệt và một số đội viên gồm: Hồng Tâm, Hồng Hạnh, Kim Oanh, Hồng Loan, Hồng Năm, Xuân... đã sản xuất, vận động lương thực, thuốc men... móc rập chặt chẽ với chi bộ bên ngoài tạo một mạng lưới thông tin liên lạc nắm tình hình địch, đưa đón cán bộ, bộ đội vào ấp vận động, tuyên truyền và đưa lương thực ra ngoài an toàn. Ấp 7 trở thành cửa khẩu hậu cần, một bàn đạp quan trọng. Bọn địch vào đây không bị nhân dân đấu tranh cũng bị du kích chặn đánh nên chúng kiên dè gọi đây là “ấp AK”.

Từ năm 1972-1973, lực lượng dân quân, du kích xã sử dụng vũ khí tự tạo chủ động phối hợp với lực lượng tỉnh, huyện tổ chức nhiều cuộc tiến công đánh địch có trận ta tiêu diệt 5 xe tăng, 2 tiểu đội Mỹ khi đi càn quét bảo vệ vành đai sân bay Biên Hòa.

Chi bộ mật tạo điều kiện cho Trung đoàn đặc công 113 bám ấp, từ căn cứ Bùng Binh đột nhập sân bay Biên Hòa điều nghiên, vẽ bản đồ, lên sa bàn chuẩn bị tiến công địch. Đêm 1/8/1972, tiểu đoàn 14 pháo đặc công đã dội bão lửa vào sân bay Biên Hòa tiêu diệt 74 máy bay các loại, 571 tên Mỹ, 13 xe quân sự, 2 dàn ra đa,



2 kho xăng, 1 kho bom na-pan, 1 kho đạn, 1 kho lương thực, 2 kho thiết bị chiến tranh. Đêm 31/8/1972, Tiểu đoàn 14 thuộc Trung đoàn 113 đặc công tiếp tục tấn công lần thứ 2 vào sân bay Biên Hòa phá hủy 12 máy bay, tiêu diệt 50 tên Mỹ và tay sai.

Đầu năm 1973, thực hiện chủ trương: “Các chi bộ tích cực chuẩn bị lương thực, băng cò, khẩu hiệu và chuyển vũ khí vào đợt chòm lên chiếm lĩnh đánh bại âm mưu giành dân lấn đất của địch”, Huyện ủy chọn Thiện Tân làm điểm, 2 xã Tân Định, Đại An làm diện. Đêm 26/1/1973, du kích xã được 1 tiểu đội đơn vị đặc công 113 hỗ trợ đã tấn công đánh chiếm ấp Ông Hường, ấp 7. Chi bộ đã đẩy mạnh công tác dân vận, binh địch vận, phát động nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ. Chi bộ mật tiếp tục lãnh đạo xây dựng cơ sở, kiên trì bám đất, bám ấp phát động nhân dân nổi dậy treo cờ, địch co cụm, ta hoàn toàn làm chủ ấp vào ban đêm. Ngày 27/1/1973, địch phải ký Hiệp định Paris và rút toàn bộ quân viễn chinh Mỹ khỏi Việt Nam.

Trong chiến dịch mùa khô 1974-1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 nhân dân và lực lượng du kích xã Thiện Tân đã liên tục vừa nổi dậy, vừa tiến công, vừa kêu gọi địch buông súng đầu hàng. Ở Vĩnh Cửu, do tác động của chiến trường chung, địch tại các đồn bót trên lộ 768 bắt đầu rút chạy. Cùng các xã trong huyện, sáng 30/4/1975 lực lượng du kích và nhân dân xã Thiện Tân đã đánh chiếm đồn bót, trụ sở địch giải phóng hoàn toàn xã. 9 giờ sáng 30/4/1975, huyện Vĩnh Cửu hoàn toàn giải phóng.

Năm 1975, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện chỉ thị của cấp trên chi bộ Đảng và nhân dân xã Thiện Tân đã phối hợp cùng bộ đội huyện, tỉnh làm nhiệm vụ quân quản, trấn áp bọn tàn quân tại rừng Thiện Tân, tổ chức cho số binh lính, nhân viên chính quyền Sài Gòn học tập, cải tạo tại chỗ, lập lại trật tự xã hội, bắt tay vào xây dựng chính quyền cách mạng lâm thời, từng bước tổ chức, ổn định đời sống nhân dân, đẩy mạnh gia tăng sản xuất. Chỉ sau mấy năm giải phóng, công cuộc kiến thiết quê hương đã có nhiều tiến bộ, nhân dân được chia ruộng đất để sản xuất. Từ phong trào

binh dân học vụ để diệt giặc dốt đến tham gia làm thủy lợi đều được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được chi bộ xã quan tâm lãnh đạo, mỗi đảng viên đều phát huy tính tiên phong trong công tác, có tính chiến đấu cao, xây dựng Đảng kết hợp xây dựng phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp, mỗi cán bộ, đảng viên là tấm gương cho nhân dân noi theo. Vận động và tổ chức thực hiện đường lối nông nghiệp, nông thôn phát triển toàn diện. Đảng bộ và chính quyền chăm lo đời sống các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Đến năm 2009, xã đã phát triển được 7 chi bộ với 74 đảng viên. Đảng bộ xã nhiều năm liền đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ vững mạnh toàn diện, được Huyện ủy tặng 7 giấy khen tập thể, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tặng 1 bằng khen cá nhân.

Về kinh tế, từ những năm 1979-1994, thực hiện các nghị quyết của Đảng bộ huyện, xã Thiện Tân tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, giai đoạn đầu tập trung công tác cải tạo nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xây dựng các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác hoá mua bán, tại hầu hết các ấp của xã. Từ năm 1986 khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của có nhiều chuyển biến tích cực. Các nghị quyết Đại hội của Đảng bộ xã tập trung cho nhiệm vụ kinh tế - xã hội và tập trung mở rộng phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa sản xuất nông nghiệp đi vào ổn định, nâng cao dần đời sống đại bộ phận nhân dân của xã.

Với tổng diện tích tự nhiên của xã 2.245,79 hécta, diện tích lúa vụ mùa hàng năm từ năm 2001-2005 là 950 hécta, đạt năng suất đạt 40 tạ/hécta; diện tích vụ hè - thu là 150 hécta, năng suất đạt 40 tạ/hécta, diện tích vụ đông - xuân là 350 hécta, năng suất đạt 50 tạ/hécta. Trong đó, diện tích và sản lượng lúa đông xuân tăng đáng kể từ 256 hécta/năm 1995 lên 350 hécta năm 2005. Theo hướng công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong

xã có xu hướng phát triển sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp giảm dần.

Các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như bưởi, xoài, nhãn... được bà con nông dân trồng mới, thay dần vườn tạp bằng vườn chuyên canh. Đến nay, có 25 hécta vườn chuyên canh cao su, 34 hécta bưởi. Công tác trồng rừng và chương trình 327 đã được nhân dân mạnh dạn đầu tư. Ngoài cây trà, bạch đàn bà con còn đầu tư trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: cao su, dầu, sao...

Chăn nuôi cũng được củng cố được người dân đầu tư và phát triển mạnh, hiện đàn trâu có 719 con; có 1 trang trại chăn nuôi theo hướng công nghiệp 500 con, nhiều hộ nông dân đang phát triển theo quy mô bán công nghiệp như gà thả vườn, vịt đẻ, vịt siêu thịt, đàn heo... phát triển khá ổn định.

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá. Trên địa bàn có 51 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó có 6 lò gạch, 4 cơ sở dịch vụ thương mại; 3 nhà máy xay xát; 2 đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài, đã giải quyết việc làm cho 362 lao động có việc làm.

Giao thông nông thôn được chú trọng, đến nay hầu hết các ấp đều có đường giao thông liên ấp đã rải nhựa nóng, xã đã đầu tư, nâng cấp, sửa chữa 11,1km đường giao thông nông thôn với giá trị gần 10,4 triệu đồng.

Trên lĩnh vực giáo dục, năm 1976 xã chỉ có 1 trường tiểu học, đến nay toàn xã có 4 cấp trường học: 2 trường mẫu giáo với 13 giáo viên, 8 lớp, với 195 học sinh; có 2 trường tiểu học với 20 giáo viên, 10 lớp, với 292 học sinh; 1 trường THCS với 15 giáo viên, 8 lớp học, 308 học sinh với đầy đủ dụng cụ đảm bảo cho công tác dạy, học. Chất lượng học tập ngày càng được nâng cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt từ 95-97%. Xã thiện Tân đã đạt chuẩn quốc gia về công tác xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, THCS và phổ cập giáo dục phổ thông đã góp phần đưa sự nghiệp giáo dục ở địa phương ngày càng phát triển.

Trên lĩnh vực y tế và dân số kế hoạch hóa gia đình, hầu hết các chương trình y tế cộng đồng đều được triển khai có hiệu quả, có 1 trạm y tế, có 4 cán bộ, công nhân viên được đầu tư trang bị thiết bị y tế đã đảm nhận việc chăm sóc tốt sức khỏe nhân dân. Chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình được thông qua đội ngũ cộng tác viên, các chương trình truyền thông lồng ghép nên hàng năm có 120 người dùng các biện pháp tránh thai đạt nhiều kết quả khả quan bằng nhiều biện pháp và hình thức, góp phần hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn dưới 1,2%.

Những năm qua, Đảng bộ và chính quyền xã đã luôn quan tâm đến chính sách xã hội, tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ hưởng chính sách và nhân dân trong xã. Đến nay đã công nhận 12 bà mẹ Việt Nam anh hùng. Xã có 72 gia đình liệt sĩ, trong đó có 25 liệt sĩ thời trong chống Pháp, 61 liệt sĩ thời trong chống Mỹ, quy tập 47 hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang huyện; đã xây dựng được 9 ngôi nhà tình nghĩa.

Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, đến năm 2009, xã Thiện Tân cơ bản xóa được hộ đói, còn lại 12 hộ nghèo. Bằng nguồn vốn vay khác nhau, hàng năm xã kiến nghị và giới thiệu cho 7 lượt hộ dân vay 18,4 triệu đồng từ nguồn ngân sách phục vụ người nghèo và giới thiệu trên 34 lao động có việc làm. Xã không còn hộ chính sách thuộc diện nghèo.

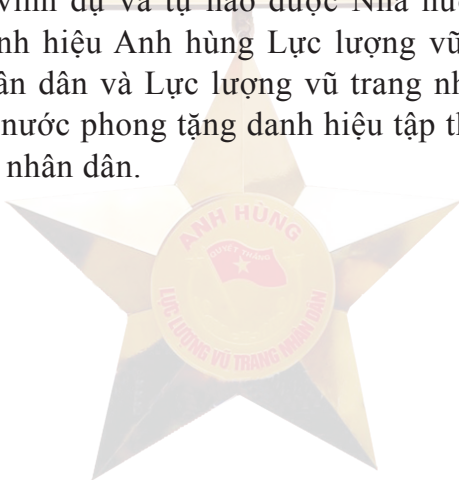
Trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng được đầu tư như điện, đường, trường, trạm. Trung tâm văn hóa được đầu tư xây dựng mới với tổng kinh phí 1,75 tỷ đồng. Đến năm 2009, có trên 98% số hộ sử dụng điện thắp sáng và sinh hoạt, nhiều tiện nghi phục vụ đời sống văn hoá tinh thần được nâng lên.

An ninh - quốc phòng được giữ vững, chỉ tiêu giao quân hàng năm đều đạt. 2 lực lượng công an, quân sự được tổ chức chặt chẽ với nhân sự ổn định. Xã có 3 ấp đã tổ chức được 25 tổ nhân dân, gồm 50 người, 3 đội dân phòng với 6 tổ và 18 đội viên dân phòng góp phần hỗ trợ lực lượng công an, dân quân, du kích xã giữ gìn

an ninh, trật tự và an toàn xóm, ấp.

Để tăng cường đội ngũ cán bộ xã, nhất là số cán bộ trẻ theo hướng kế thừa, Đảng bộ luôn quan tâm công tác bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng cán bộ các nhiệm kỳ. Đảng bộ đã cử 20 học lý luận chính trị; 9 học chuyên môn, nghiệp vụ. Từ năm 1986 đến 2009, có 66 lượt cán bộ, đảng viên xã được đào tạo, bồi dưỡng nên cơ bản ổn định về nhân sự Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Với những thành tích trên, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Thiện Tân đã được tặng thưởng 5 Huy chương Chiến công hạng Ba, nhiều bằng khen, giấy khen... Ngày 6/11/1978, Đội du kích xã Thiện Tân vinh dự và tự hào được Nhà nước và Chính phủ phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 2012, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thiện Tân được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Chiến sĩ cách mạng nhà lao Tân Hiệp

Nhà lao Tân Hiệp<sup>(1)</sup> nay thuộc phường Tân Tiến - nơi tiếp giáp giữa nội ô với các phường ngoại ô thành phố Biên Hòa. Phía Đông nhà lao Tân Hiệp giáp với cụm dân cư của phường; Tây giáp rạch Đồng Tràm; Nam giáp đường xe lửa Bắc - Nam; Bắc giáp quốc lộ 1 và một nhánh nhỏ của rạch Đồng Tràm.

Khi phát - xít Nhật đảo chính dân Pháp để độc chiếm Đông Dương ngày 9/3/1945, bộ máy thống trị của Pháp tại Biên Hòa hoàn toàn lọt vào tay quân Nhật. Lúc bấy giờ tại ấp Tân Hiệp, Nhật dựng lên một đồn nhỏ để bảo vệ chiếc cầu bắc qua rạch Đồng Tràm và đoạn quốc lộ 1 ngang qua thị xã Biên Hòa. Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai ngày 23/9/1945, chúng nói rộng đồn Tân Hiệp thành một trại giam tù binh chiến tranh. Thời Mỹ - Diệm, nơi đây trở thành một trong 6 nhà tù lớn nhất của chúng ở miền Nam.

Nhà lao Tân Hiệp - hay theo cách gọi của chính quyền Sài Gòn là “Trung tâm Huấn chính Biên Hòa” - nằm trên một khu đất cát hình chữ nhật, địa hình âm thấp, có tổng diện tích là 3.600m<sup>2</sup>, dài 20m, chiều rộng là 180m. Tuy diện tích của nhà tù không rộng, nhưng có lúc số tù nhân bị chúng giam giữ tại đây lên đến gần 3 ngàn người. Nhất là từ sau tháng 7/1956, khi chiến dịch Trương Tấn Bửu mở

---

(1) Nguồn: Hồ Văn Sơn (chủ biên), Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (02-12-1956), Nhà xuất bản Đồng Nai, 1994.

màn, đánh vào phong trào cách mạng ở Đông Nam bộ, các trại giam mỗi lúc mỗi đông thêm. Đến trước ngày 2/12/1956, nhà tù Tân Hiệp có 1.872 người bị giam giữ. Phần lớn trong số này là những người yêu nước và các chiến sĩ cộng sản bị chúng bắt qua các trận càn quét lớn nhỏ từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ, đưa về đây để điều tra, phân loại trước khi đưa qua các nhà tù khác ở đất liền hoặc đày ra Côn Đảo, Phú Quốc...

Trong chế độ ngục tù của Mỹ - Diệm, ngoài các cực hình tra tấn dã man tàn bạo để lung lạc ý chí của người cộng sản, chúng còn áp dụng chủ thuyết thực dụng để đánh vào tâm lý và tình cảm của những người đang bị giam cầm. Với thủ đoạn trên, thỉnh thoảng địch có lung lạc được một số người nhẹ dạ, nhưng tuyệt đại bộ phận cán bộ và đảng viên cộng sản cũng rất dè dặt và chờ có tiếng nói, chủ trương của Đảng.

Trước tình hình trên, số cán bộ và đảng viên trong nhà tù Tân Hiệp thấy cần phải có một tổ chức Đảng để lãnh đạo và thống nhất chủ trương hành động của những chiến sĩ cộng sản trong tù, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch khi bị chúng đàn áp, đồng thời tiếp tục giáo dục và động viên ý chí chiến đấu của đảng viên, cán bộ trong nhà tù không để bị địch phân hóa, mua chuộc bằng thủ đoạn xảo quyệt qua chủ thuyết thực dụng của chúng.

Chính vì thế khi đợt tù chính trị đầu tiên được đưa về nhà lao Tân Hiệp, các đảng viên cộng sản tìm cách liên lạc với nhau, tập hợp lại thành một tổ chức Đảng trong nhà tù. Buổi đầu chỉ hình thành cấp chi bộ cơ sở và cử ra Ban Chi ủy để trực tiếp lãnh đạo những đảng viên, cán bộ đang ở tại trại giam Tân Hiệp giữ gìn khí tiết cộng sản và tiếp tục đấu tranh với địch ngay tại nhà tù.

Tại cuộc họp đầu tiên, Chi ủy nhận định nhiệm vụ của tổ chức Đảng trong nhà tù Tân Hiệp, cụ thể là các đồng chí trong Ban Chi ủy phải giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên giữ vững khí tiết cộng sản và tinh thần đấu tranh cách mạng, chống lại việc học tổ cộng, chống chào cờ “ba que” và bằng mọi hình thức, phương pháp đấu tranh để

biến nhà tù của đế quốc thành nơi thử thách và rèn luyện ý chí, bản lĩnh của người chiến sĩ cộng sản.

Trong hoàn cảnh bị giam cầm ở nhà tù Tân Hiệp nhưng nhiều đồng chí ta đã liên lạc được với đơn vị cũ và tổ chức Đảng từ bên ngoài thông qua thân nhân đi thăm nuôi hàng tuần, tổ chức được hộp thư và đường dây liên lạc với bên ngoài.

Sự chỉ đạo của Xứ ủy, của Ban Binh vận Xứ ủy và các nguồn thông tin từ bên ngoài đưa vào, đã giúp cho Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp có cơ sở nghiên cứu, phân tích và đánh giá tình hình một cách có cơ sở khoa học. Từ đó, Đảng ủy lãnh đạo thắng lợi các cuộc đấu tranh trong nhà tù, giúp các đồng chí ta giữ vững khí tiết cách mạng, nâng tinh thần đấu tranh với địch trong nhà tù mà đỉnh cao là chủ trương và tổ chức thực hiện thành công cuộc nổi dậy phá khám.

Cụ thể, về mặt công khai, Chi ủy chủ trương tổ chức đưa một số đảng viên và quần chúng trung kiên ra làm đại diện cho anh chị em tù chính trị ở trại giam Tân Hiệp. Không chấp nhận để cho địch chỉ định và cài người của bọn chúng vào làm đại diện cho tù nhân trong trại. Kết quả là địch phải chịu theo sự đề cử của ta, để cho tù nhân tự quản việc gia đình vào thăm nuôi, và thông qua đó các đồng chí ta có điều kiện liên lạc được với tổ chức Đảng từ bên ngoài, nắm thêm được tình hình nhất là chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ lúc bấy giờ. Qua gia đình má Tạ Thị Lộc ở hẻm Cây Me - nội ô thị xã Biên Hòa, đồng chí Nguyễn Trọng Tâm bắt được liên lạc với Ban Binh vận Xứ ủy Nam Bộ.

Có được sự lãnh đạo của Chi ủy, anh chị em tù nhân là cán bộ, đảng viên có chỗ dựa vững chắc về tinh thần và thống nhất các hành động đấu tranh trong nhà tù như: chống chào cờ, chống học tổ cộng. Vì vậy các cuộc họp học tập tổ cộng và chào cờ do địch tổ chức đều rất nhạt nhẽo và chỉ có một số người dự là số tù nhân giáo phái và số quần chúng mà Chi ủy chưa nắm được nguồn gốc cũng như quá trình bị địch đưa về đây.

Khi nắm được sinh hoạt ở nhà tù, Chi ủy lấy mục tiêu đấu tranh



cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho anh chị em tù nhân chính trị. Bằng phương pháp hòa dịu và tế nhị, thông qua Ban đại diện của nhà tù, tranh thủ từ tên giám đốc đến bọn giám thị để tổ chức các lớp học văn hóa, các buổi sinh hoạt thể thao và văn nghệ trong nhà tù nhằm có điều kiện tập hợp số anh em ta lại để sinh hoạt và giáo dục nội dung đấu tranh với địch.

Xây dựng lại được Chi bộ, tổ chức lại được Chi ủy trong nhà tù là một thắng lợi lớn của những đảng viên và cán bộ cách mạng bị địch bắt và giam giữ tại đây. Từ đó, Chi ủy lãnh đạo và thống nhất được phong trào đấu tranh ở nhà lao Tân Hiệp, vừa theo dõi và chăm sóc được đời sống tinh thần và vật chất của anh chị em tù nhân trong trại giam.

Đầu tháng 5/1956, Chi ủy bí mật tiến hành tổ chức lễ kỷ niệm ngày sinh lần thứ 66 của Bác Hồ. Theo kế hoạch là tranh thủ thể hợp pháp, thông qua các đại diện công khai để tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao trong trại giam. Công tác chuẩn bị khá chu đáo và khẩn trương thì một tình huống mới xảy ra, Chi ủy phải nhanh chóng thay đổi kế hoạch và chỉ đạo thực hiện đấu tranh với địch. Ngày 13/5/1956, cai thầu nhà bếp cho anh chị em ăn cơm hầm, khô mực... Đầu tiên, tù chính trị phản đối. Cuộc đấu tranh nổ ra với quy mô toàn trại. Một tiểu đoàn lính được vũ trang có cả xe vòi rồng được điều đến nhà tù ngay trong đêm để ra tay đàn áp.

Trời đã sụp tối, qua sự sắp xếp của Ban Chi ủy, các anh chị đại diện của các trại lần lượt lên phát biểu. Hầu hết binh lính được tăng cường đến đàn áp thấy cuộc đấu tranh trong không khí hòa dịu và lời lẽ rất có lý có tình nên chúng lờ đi, không làm theo lệnh của cấp trên. Sau đó, chúng đề nghị tù nhân chính trị ai về trại nấy. Chi ủy nhận định cuộc đấu tranh đã đạt yêu cầu và bí mật ra lệnh cho anh chị em tuần tự về trại.

Hôm sau chúng trả đũa, ra lệnh bắt số anh chị em tham gia đấu tranh ngày hôm trước đem dồn hết vào trại G. Chi ủy một mặt chỉ đạo tiếp tục tranh thủ lính bảo an để chúng không có thái độ căng

thắng, mặt khác chỉ đạo anh chị em còn lại đấu tranh phía ngoài trại để làm áp lực. Thông qua các đường dây liên lạc là những gia đình đi thăm nuôi, ta vận động hàng trăm gia đình tập hợp trước cổng nhà tù dù chưa phải đến ngày thăm nuôi, để gây không khí náo động từ bên ngoài. Bên trong, thông qua các đại diện của trại, ta tuyên bố tù nhân chính trị sẽ tuyệt thực. Các biện pháp đấu tranh do Chi ủy lãnh đạo đều có kết quả ngay. Ngày 19/5, chúng phải tự giải tán cuộc đàn áp.

Ngay sau khi kết thúc cuộc đấu tranh, Chi ủy bí mật họp rút kinh nghiệm và chỉ đạo lập tổ chức “Chiếu vàng” nhằm giúp đỡ anh chị em trong tù không có thân nhân đến thăm nuôi. Anh chị em nào có thân nhân gửi đồ đạc, thực phẩm, thuốc men vào thăm nuôi thì trích lại một phần để riêng ở một góc trại, dành để san sẻ cho số anh chị em không có điều kiện này. Tổ chức “Chiếu vàng” càng làm cho tù nhân trong trại đoàn kết gắn bó mật thiết và tin tưởng nhau hơn, sẵn sàng hưởng ứng và làm theo các chủ trương mà Chi ủy đã phát động.

Việc hình thành được Đảng bộ trong nhà tù Tân Hiệp là bước ngoặt có ý nghĩa quan trọng với hầu hết cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị địch bắt giam giữ tại đây, để có sự lãnh đạo và phương pháp đúng đắn, mỗi khi cần đấu tranh trực diện với địch trong nhà tù, thống nhất được chủ trương và có kế hoạch chặt chẽ nhằm đấu tranh với địch để giành thắng lợi.

Có sự lãnh đạo của Đảng ủy, phong trào đấu tranh của tù chính trị tại nhà tù Tân Hiệp rõ ràng đã chuyển sang một bước mới với chất lượng cao hơn vì đã có tổ chức và có kế hoạch hành động thống nhất.

Trong thời gian địch mở chiến dịch Trương Tấn Bửu, từ ngày 15/7/1956 trở đi, tù nhân trong nhà lao Tân Hiệp ngày càng đông. Từ thực tế này và xuất phát từ nguyện vọng, mong muốn của một số đồng chí đảng viên trong tù, nhất là số đồng chí trước đây hoạt động ở lực lượng vũ trang, khi biết được có Bản Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về Hiệp định Genève, Đảng ủy nhà lao Tân Hiệp đã thống nhất vạch ra chủ trương phá khám để các đồng chí ta sớm trở về tiếp tục hoạt động cách mạng.

Chủ trương này được thảo luận trong Đảng ủy rất kỹ và đi đến thống nhất kế hoạch hành động.

Đường dây liên lạc giữa Đảng ủy nhà lao Tân Hiệp với Ban Bình vận Xứ ủy được giữ vững đến tháng 10/1956. Xứ ủy đồng ý chuyển liên lạc giữa Đảng ủy nhà lao đến Tỉnh ủy Biên Hòa, nhưng một tình huống ngẫu nhiên lại xảy ra. Do có tình báo chi điểm nên nữ đồng chí Tư Long đưa đồng chí Út Trắng - người liên lạc của Tỉnh ủy Biên Hòa vừa lên đến đầu cầu Ghềnh thì bị địch phát hiện và đồng chí Út Trắng sa vào tay giặc nên Đảng ủy nhà lao không bắt liên lạc được với Tỉnh ủy Biên Hòa.

Đến tháng 11/1956, mọi kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp xem như cơ bản hoàn thành. Đảng ủy hạ quyết tâm thực hiện chủ trương đề ra. Khoảng 300 đảng viên được tuyển chọn đều là những người còn đủ sức khỏe, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới khi thời cơ đến.

Kế hoạch hành động là chiều thứ bảy 1/12/1956 khi địch đánh keng báo giờ cho tù nhân vào trại thì cuộc nổi dậy phá khám sẽ bắt đầu.

Ngay chiều 1/12, bất ngờ có xe chở bọn chỉ huy Đặc cảnh miền Đông (PSE) và rất nhiều lính chạy vào cổng nhà tù. Kế hoạch nổi dậy phá khám được Đảng ủy chỉ đạo dời lại, tiến hành tiếp vào chiều chủ nhật 2/12/1956.

Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 40, đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc, tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc và đợi giờ vào trại.

17 giờ 40, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích không ai bảo ai đều ở tư thế sẵn sàng, các tổ xung kích áp sát những mục tiêu được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được hoàn toàn bí mật.

Quan sát tình hình quanh trại giam, đúng như nhận định của Đảng ủy. Giờ giao điểm đổi gác của lính canh là lúc địch có nhiều sơ hở. Mặt khác, cuộc nổi dậy phá khám đúng vào ngày chủ nhật, thời điểm binh lính địch có phần chảnh mảng hơn ngày thường. Toàn bộ lính

trực trong thời điểm này chỉ còn 12 tên.

Lúc này là mùa đông, trời nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi đi lại lại bên ngoài sân trại và tiếp cận các mục tiêu. Số tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước, đều đứng hoặc ngồi trước cửa thấp thỏm chờ giờ hành động.

17 giờ 30, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vào trại, thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp cả trại.

Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích xông thẳng vào kho vũ khí (tức mục tiêu số 1) bắt trói tên trưởng toán gác và dùng dao không chế tên này, lấy toàn bộ vũ khí ở đây. Bọn lính ở phòng kế bên hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó, các tổ khác xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục phải bò lê ra ngoài tìm nơi ẩn trốn sau nhà. Một bộ phận xung kích khác xông thẳng vào văn phòng trại giam. Tại đây, tên thượng sĩ Nguyễn Văn Huệ chỉ huy bảo an đang ngồi ở bàn giấy, chưa kịp phản ứng gì đã bị anh em ta bắt trói. Đồng chí Tám Thạch và một vài đội viên xung kích nhanh chóng dùng xẻng chặt đứt dây điện thoại ở nhà tên giám đốc Tính và văn phòng trại giam, không cho chúng gọi quân tiếp cứu.

Phải mất mấy phút sau, cánh cửa cổng mới mở được. Anh em từ các trại D, G, E ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác Nguyễn Văn Hai đang đứng ngoài cổng chính giương súng bắn một phát, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Có một số anh chị em không được phổ biến trước, khi thấy tình hình như vậy cũng vội vàng chạy theo. Cánh cổng chính của trại giam thay vì khi mở phải kéo vào, nhưng trong lúc vội vàng anh em ta lại cố sức đẩy ra nên chỉ mở được một cánh, còn cánh kia chỉ hé được một phần. Do đó có sự ùn tắc, chen lấn gây trở ngại trên đường thoát ra, có một số anh em phải công kênh nhau nhảy vọt qua hàng rào. Có người giẫm

phải cọc sắt, gạch đá, dây kẽm gai... bị thương. Một không gian sôi sục trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người.

Trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bị bất ngờ, vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn mạng sống nên chưa có hành động chống trả.

Đảng ủy chủ trương là không giết một tên lính nào của địch, nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của chúng đối với những người còn ở lại hoặc không ra được. Và phải đến hơn 15 phút sau, địch mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích, lên tháp canh dùng trung liên bắn xối xả ra hướng công trại, ngoài sân banh, ngoài lộ 1.

Theo kế hoạch của ta thì khi đã dứt điểm hoàn toàn các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở 2 đầu đường, dùng súng đã cướp được nã vào các tháp canh số 1 và số 2, không chế 2 khẩu trung liên đặt ở 2 tháp canh này để bảo vệ anh chị em tiếp tục chạy thoát.

Song thực tế, do ùn tắc vì số người cùng lúc ra quá đông ngoài dự kiến nên không thực hiện được phương án trên. Mặt khác, trong hoàn cảnh bí mật tuyệt đối, việc phổ biến kế hoạch tác chiến cũng gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể, nên khi phát lệnh, nhiều tổ xung kích lại cùng đánh một điểm. Tuy vậy, tất cả các mục tiêu chính như: kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam, lực lượng ta đều vào được và không chế bọn địch từ những phút đầu.

Khi tiếng súng của địch nổ vang trước cổng vẫn còn một bộ phận lực lượng xung kích gồm các đồng chí Nguyễn Chiến Lũy (tức Hai Thông), Phạm Văn Rô, Tân, Thức... đang vận động chạy về phía sau trại E, dùng súng bắn kiềm chế địch ở tháp canh nhằm hút hỏa lực của chúng về phía sau trại giam, để cho anh chị em đang đổ dồn ở phía trước cổng có điều kiện chạy thoát qua quốc lộ 1.

Vài phút sau, tiếng súng thưa dần. Các đồng chí nhận định là bọn địch ở tháp này sắp hết đạn, là cơ hội để nhanh chóng rút ra ngoài.

Lúc này, đồng chí Phạm Văn Rô bị trúng đạn và hy sinh.

Trước 2 làn đạn bắn xối xả của địch, số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn, bị thương và hy sinh khá nhiều. Gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nặng nằm trước công trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối. Đồng chí Dương Tử Giang cũng bị thương nặng và cố bò đến bờ suối thì hy sinh, trên tay còn ghì chặt cây đàn ghi ta. Tên Lộc - công an mật, tài xế của giám đốc Tính, sau khi hoàn hồn, hấn xách tiểu liên phóng ra lộ một và sân banh bắn chết 8 đồng chí của ta đã bị thương đang nằm rải rác bên ngoài.

Lúc này, đồng chí Tư Sanh, đại diện công khai của tù nhân ở nhà tù, do sức khỏe yếu, được Đảng ủy phân công ở lại. Khi cuộc vượt ngục nổ ra, đồng chí đã chạy qua nhà tên Hít nằm tại đó để giữ thế hợp pháp, đồng thời tìm cách tác động để kiềm chế, không để tên này hung hăng chạy ra ngoài gây thêm tội ác.

Cuộc nổi dậy phá khám của tù nhân diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30, toàn bộ số tù binh còn lại bị địch gom vào các trại, cho binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt, tên phó giám đốc trại giam phải chạy bộ đến Bộ Tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 để cấp báo và xin cứu viện. Gần 1 giờ sau cuộc nổi dậy, chúng mới báo động được đến các nơi trong thị xã. 19 giờ, lính sư đoàn dã chiến 4 mới đến được trại giam cùng với bọn bảo an, hiện binh lo ổn định lại tình hình tại trại giam.

Trong bóng đêm dằng dặc, quang cảnh trại giam sau cuộc nổi dậy vượt ngục của anh chị em tù nhân đã trở nên xơ xác, được một không khí ngột ngạt. Hơn 1 ngàn tù nhân còn lại ở các trại trong tâm trạng vừa mừng vừa lo. Mừng vì biết rằng thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên được ra bên ngoài là nguồn lực bổ sung cho phong trào cách mạng trong thời kỳ đen tối. Lo là lo không biết rồi đây, số phận của những người còn lại sẽ như thế nào. Bên ngoài trại giam vẫn còn thi thể của 22 đồng chí ta hy sinh, 6 đồng chí bị thương nặng nằm rải rác ngay trước công trại, ở sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm.

Khi được bọn chỉ huy trại giam cấp báo, Tư lệnh sư đoàn đã chiến số 4, Tiểu khu trưởng Tiểu khu Biên Hòa, Trưởng ty công an, Trưởng ty hiến binh, Tỉnh đoàn trưởng bảo an... vội vã kéo nhau đến hiện trường và cùng phối hợp lực lượng tổ chức hành quân truy kích, gom số bị thương (cả ta lẫn địch) chở vào Bệnh viện Biên Hòa cấp cứu và lấy khẩu cung.

19 giờ 30, tên giám đốc công an Nam Phần cùng với tên thiếu trưởng Mai Hữu Xuân, tư lệnh chiến dịch Trương Tấn Bửu đến xem xét tình hình, ra lệnh cho các lực lượng quân sự, công an các tỉnh, quận, nhất là quanh khu vực Biên Hòa như Trảng Bom, Châu Thành (nay là huyện Vĩnh Cửu) triển khai lực lượng chốt chặn các nơi, hành quân truy kích tù nhân vượt trại giam. Mặt khác chúng chỉ đạo cho Ty hiến binh Biên Hòa điều tra các vụ vừa xảy ra liên quan đến cuộc nổi dậy của tù nhân.

Để đảm bảo bí mật nên kế hoạch vượt ngục không được phổ biến rộng và cặn kẽ. Vì vậy, khi thoát ra được bên ngoài, phần lớn anh em hoàn toàn bị động, nhất là về phương hướng. Một bộ phận không định được hướng đi. Trong hàng giờ liền, vẫn loanh quanh ở khu rừng Tân Phong. Một vài nhóm lẻ tẻ, ngay từ đầu đã bị phân tán, tự lực tìm đường về các nơi đã biết, số anh em này đều là người Biên Hòa. Mặc dầu có những hạn chế nhất định trong công tác tổ chức nhưng cơ bản là phần lớn anh em vượt ra ngoài đều bám được đoàn chính. Trước sự truy quét của địch, những người vượt ngục phân ra thành nhiều đoàn, tốp tìm đường trở về cơ sở cách mạng ở Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức, tốp tìm đường về căn cứ Chiến khu Đ... Đường về căn cứ cách mạng biết bao gian khổ, hiểm nguy, lớp bị địch bao vây, truy lùng; lớp bệnh đau, thiếu lương thực, anh em phải lượn rừng, băng suối để trở về, ném trái vô vàn ác liệt, hy sinh.

Những cơ sở cách mạng tại Biên Hòa khi hay tin có tù nhân vượt ngục đã sẵn sàng tìm mọi cách giúp đỡ để anh em khắc phục khó khăn được trở về với cách mạng. Đó là những bà má, những người chị ở xã Thiện Tân, Tân Định, Thường Lang, Lạc An... thuộc 2

huyện Tân Uyên, Vĩnh Cửu, các xã thuộc huyện Long Thành, Xuân Lộc, công nhân cao su An Viễn, Trảng Bom, Bình Sơn. Sự giúp đỡ cho các đoàn đi có khi là thông tin có địch truy kích, hoặc chỉ là lon gạo nấu cháo đỡ lòng cho anh em trên đường đi, vẫn thể hiện được tấm lòng quý báu. Tấm lòng của người dân là lòng tin vào cách mạng, là nguồn động viên, cổ vũ các đồng chí vượt qua mọi trở ngại để trở về với cách mạng.

Bên cạnh đó, cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp diễn ra trong thời điểm Mỹ - Diệm đang triển khai chiến dịch Trưng Tấn Bửu đánh phá ác liệt phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Hệ thống cơ sở Đảng ở các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa... bị tổn thất khá nặng nề. Vì vậy việc tổ chức đưa đón anh em vượt ngục trở về gặp nhiều khó khăn và phức tạp bội phần. Trong suốt 1 tháng trời, địch huy động mọi lực lượng, tổ chức hàng chục cuộc hành quân càn quét, tảo thanh hầu hết các địa phương thuộc các tỉnh Đông Nam bộ, tập trung là vùng Chiến khu Đ, chiến khu Hắc Dịch, vùng núi rừng Xuân Lộc - Định Quán...

Bọn trùm mật vụ và công an, cảnh sát ở Sài Gòn đã gửi thông báo đi khắp các tỉnh, thúc giục bọn tay sai tại chỗ khẩn trương truy quét, lùng sục để bắt lại số tù nhân vượt. Theo tài liệu của chúng để lại sau này, ta sưu tầm được thì đến cuối tháng 12-1956, chúng bắt lại khoảng 95 đồng chí. Hầu hết các đồng chí bị địch bắt lại là do bị lạc đường hoặc do bị kiệt sức không còn đi nổi, số khác bị bọn phản động điểm chỉ cho địch bao vây đuổi bắt.

Mặc dù gặp nhiều tổn thất, hy sinh, nhưng cuộc nổi dậy phá khám ở nhà lao Tân Hiệp chiều 2/12/1956 là một chiến công vô cùng to lớn. Tất cả 462 đồng chí, trong đó có 2 nữ đã thoát khỏi sự giam cầm, đày đọa ở nhà tù Mỹ-Diệm, trở về với Đảng, với nhân dân. Số vũ khí lấy được của địch gồm: 71 khẩu súng các loại (2 trung liên, 2 tiểu liên Thompson, 10 tiểu liên Mat 49, 23 súng trường Mas 36 và một số đạn dược) góp phần trang bị cho lực lượng vũ trang ở các tỉnh Đông Nam Bộ trong những ngày đầu chuẩn bị đồng khởi. Nhìn lại



lịch sử kháng chiến ở miền Nam trong những ngày đông khởi năm 1960, nhiều đơn vị vũ trang của ta còn sử dụng vũ khí thô sơ như dao, mã tấu, các loại súng tự tạo, mới thấy hết sự đóng góp vô cùng quý giá của những khẩu súng được mang ra từ nhà lao Tân Hiệp.

Trên mặt trận đấu tranh này, cuộc nổi dậy và vượt khám Tân Hiệp ngày 2/12/1956 là một chấm son chói lọi, là sự nối tiếp truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng và của nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy trong nhà lao, gần 500 cán bộ, đảng viên Cộng sản bị kẻ thù giam giữ tại đây đã lập nên kỳ tích anh hùng, tự nổi dậy phá khám, cướp súng địch trở về với Đảng, với nhân dân. Trong lịch sử của dân tộc và lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng trở về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí lớn nhất.

Năm 2018, tập thể Chiến sĩ cách mạng nhà lao Tân Hiệp được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Đội công binh xưởng quân giới

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đội Công binh xưởng quân giới<sup>(1)</sup> thuộc thị đội Long Khánh có chức năng chế tạo vũ khí cung cấp tại địa bàn cho các lực lượng vũ trang thị xã Long Khánh, các huyện trong tỉnh đánh địch, tận dụng bom pháo của địch rồi chế tạo để đánh địch, tham gia nhiều trận đánh, đóng góp sức người, sức của góp phần giải phóng quê hương Long Khánh anh hùng.

Địa bàn Long Khánh thuộc vùng Đông - Bắc cửa ngõ Sài Gòn. Đây là tiêu điểm chiến lược mà ta và địch đều thấy rõ, địch đã xây dựng ở Long Khánh một bộ máy chính trị lẫn quân sự hoàn chỉnh, với nhiều đơn vị tinh nhuệ, có kinh nghiệm tác chiến như: Bộ Chỉ huy hành quân Việt - Mỹ, Bộ Tư lệnh sư đoàn 18, tiểu khu tình báo, các trận địa pháo, sân bay...

Từ đặc điểm tình hình trên, theo yêu cầu nhiệm vụ, vũ khí của trên cung cấp không đủ để đánh địch, hơn nữa tận dụng bom pháo lép của địch, ta có thể chế tạo để đánh địch rất thuận lợi, nên ngày 2/3/1970 được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh và sự giúp đỡ của quân giới tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, 3 đồng chí Lâm Hoàng Hải, Trần Văn Phú và Phạm Hùng Chiến được điều động về thành lập Đội Công binh xưởng quân giới thuộc Thị đội Long Khánh, do đồng chí Lâm Hoàng Hải làm đội trưởng.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Thị ủy Long Khánh.

Trong lúc địch càn quét ác liệt, các đơn vị quân giới tỉnh và các huyện không sản xuất được vũ khí để cung cấp cho chiến trường, nhưng riêng đội Quân giới thị xã vận dụng chiến tranh nhân dân, hỗ trợ, giúp đỡ và che chở để sản xuất vũ khí. Đội có nhiệm vụ chuyên sưu tầm bom đạn và trực tiếp xuống tận địa bàn vùng ven phát động phong trào quần chúng và các lực lượng vũ trang thị xã để sưu tầm bom đạn, pháo lép của địch, lợi dụng chòi, rẫy để hợp pháp tiếng động và khói bếp, ruộng của nhân dân cưa, đục chế tạo vũ khí. Đội có nhiều năm chuyên sản xuất ĐH, Bazômin, mìn chống tăng, lựu đạn, thủ pháo và các loại vũ khí khác cung cấp cho các lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Về tổ chức, khi mới thành lập Đội Công binh xưởng quân giới có 3 đồng chí cán bộ khung và 15 đồng chí thợ hàn, thợ gò, thợ rèn. Đến năm 1973, đội có 28 đồng chí và đầu năm 1975, đội có 35 đồng chí.

Đội công binh xưởng quân giới đã khắc phục khó khăn để sản xuất, chế tạo vũ khí kết hợp với tác chiến đánh địch. Sau khi thành lập, Đội đã thực hiện được những thành tích nổi bật. Trong đó phải kể đến trận đánh chống càn đầy cam go và ác liệt diễn ra vào ngày 8/6/1971. Địch dùng trực thăng đổ bộ 1 đại đội biệt kích Mỹ xuống cánh đồng ruộng Chác, đột kích vào khu vực bìa rừng gần Văn phòng Thị đội tại căn cứ Út Lan (có 18 gia đình cơ sở cách mạng). Khi phát hiện địch, Đội Công binh xưởng quân giới phối hợp với Thị đội ở lại chặn đánh địch để bảo vệ thương binh, phụ nữ, người già lui về phía sau. Đến trưa gần hết đạn, Đội phân công 1 đồng chí băng lựu đạn để liên lạc với Đội biệt động chi viện. Cùng lúc này, 2 chiếc trực thăng của địch quần đảo, kèm theo 1 đại đội biệt kích Mỹ, địch bắn pháo liên tục. Đội Công binh xưởng quân giới vẫn chống trả quyết liệt, đến 14 giờ với 1 trái lựu đạn Đội tiêu diệt khẩu đại liên và một số tên địch, làm cho chúng rối loạn đội hình. Lúc này có khoảng 20 lính Mỹ đang triển khai đội hình chặn đánh; Đội phân công 1 đồng chí lợi dụng địa hình đánh 2 trái lựu đạn, kết hợp với các loại vũ khí khác đồng loạt tiêu diệt địch, bắn máy bay, trận càn của địch thất bại. Kết quả trận này, ta tiêu diệt 34 tên biệt kích Mỹ làm bị thương

17 tên, bắn rơi 2 máy bay, phá ta 1 đồng chí hy sinh, 1 đồng chí bị thương. Sau trận này, Đội Công binh được Tỉnh đội tặng Bằng khen.

Tiếp đó, vào tháng 8/1971, trong điều kiện hết sức khó khăn, gian khổ Đội nghiên cứu để chế tạo “bệ phóng bom bay”. Nhận thấy mô hình này rất phù hợp với chiến trường địa phương nên tranh thủ, kết hợp với du kích Bảo Vinh, Đội huy động 15 đồng chí sưu tầm bom pháo làm thử nghiệm 2 bệ 105 ly và 1 bệ phóng 155 ly tại ruộng Nhím. Ngày 25/8/1971, để thực nghiệm “bệ phóng bom bay”, Đội tổ chức đánh đồn Bảo Vinh B. Đồn này được địch xây dựng kiên cố hình tam giác mỗi cạnh khoảng 25m, bờ đê cao 3m, lô cốt canh gác, dưới bờ đê là hầm ngầm bê tông cốt thép địch sinh hoạt ở dưới hầm. Qua đo đạc cự ly, ta phóng vào đồn 3 bệ pháo 105 ly, sau đó, ta phóng tiếp 2 bệ nữa khiến địch hoang mang ra đầu hàng, có nhiều tên thốt lên với dân: “Việt cộng nó bắn vũ khí gì mà kinh quá!”. Kết quả trận này, ta đã bức rút được đồn Bảo Vinh B, bắt 20 tên, thu 20 súng AR15.

Trận đánh tiêu biểu khác diễn ra vào tháng 11/1971, Đội Công binh xưởng quân giới dùng vũ khí tự tạo tập kích vào căn cứ Hoàng Diệu tiêu diệt 10 tên Mỹ, phá hủy 1 khẩu pháo 105 ly, 1 khẩu pháo 155 ly và 1 kho xăng của địch. Tiếp đó vào tháng 12/1971, Đội Công binh xưởng quân giới dùng 2 bệ phóng tự tạo tập kích vào căn cứ Hoàng Diệu, diệt và làm bị thương 20 tên Mỹ, phá hủy 1 pháo 155 ly, 1 pháo 175 ly.

Thời điểm này, ta phát huy được vũ khí hạng nặng là đạn 105 ly, 155 ly bắn bằng bệ gỗ, hơn nữa bom pháo lép của địch có khắp nơi, các rẫy, ruộng, vườn, được các tầng lớp nhân dân thu gom lại. Loại vũ khí này hoàn toàn là của địch, nên Đội Công binh xưởng quân giới thu gom chế tạo tại địa bàn cách căn cứ đồn bót của địch khoảng 2-3km, chỉ cần ba lô đựng cưa, đục, 5-7 giờ sau là có hàng trăm kg vũ khí để giáng xuống đầu địch. Cách làm này rất đơn giản nhưng đánh địch hiệu quả cao, tiết kiệm được sức người, sức của, tránh được thương vong, bảo tồn được lực lượng. Nhân dân thị xã Long Khánh hồ hởi

phần khởi và tin tưởng, đẩy lên phong trào tìm bom pháo lép của địch đánh lại địch. Thực hiện khẩu hiệu: “Ngày không giờ, tuần không thứ”, đội tích cực sưu tầm chế tạo, nghiên cứu trận địa rồi đi đánh.

Đội Công binh xưởng quân giới kết hợp với Đội biệt động, Đội trinh sát vũ trang, các đội du kích đi đánh liên tục không có thời gian nghỉ ngơi vì đánh loại vũ khí này không ai thay thế được, chỉ người có chuyên môn và đánh có kinh nghiệm thì hiệu quả đem lại mới cao và không trúng vào dân. Quy trình đánh căn cứ đồn bót nào cũng đều có Đội Công binh xưởng quân giới. Nhiều trận đánh sân bay co, ta thu gom đạn pháo của địch để đánh địch, tập kết đạn pháo, mở đầu pháo ra bỏ, khoan lỗ, đóng bệ gỗ, làm đầu gỗ để gắn kíp nổ. Khi tổ chức đi đánh, phía ta đều có lực lượng khiêng vác: cứ 1 trái 105ly một người vác, 1 trái 155ly có 2 người khiêng. Do đó, có trận đánh ta huy động cả đơn vị hơn 20 đồng chí. Ngoài ra nếu đánh nhiều bệ thì huy động thêm số dân trốn lính và lính trốn cùng đi ra đến gần trận địa khoảng 1000m, ta tổ chức dò mìn vì khoảng này địch hay gài mìn. Đến cách đồn địch 400m, ta tập kết vũ khí và cho 1 số anh em về trước, còn lại 3-5 đồng chí đo đạc cự ly định vị tầm, hướng, rồi đào hố chôn thuốc thiết kế bệ phóng chাম điện đê-pa bệ phóng rồi rút về, “bệ phóng bom bay” tự động nổ bay đúng mục tiêu diệt địch.

Như trận ở Bình Lộc từ ngày 10 đến 15/2/1972, Đội Công binh xưởng quân giới dùng pháo bệ bắn vào 2 đồn, diệt 81 tên, làm tiêu hao nặng 1 đại đội bảo an và 1 trung đội cảnh sát đặc biệt, bắt sống tên trưởng ấp ác ôn, thu 25 súng AR15 và các thiết bị khác.

Hay trận đánh ngày 19/4/1972, Đội Công binh xưởng quân giới đánh tập kích vào các cơ quan đầu não Sư đoàn 18 chế độ Sài Gòn. Hệ thống bố phòng ở đây kiên cố, bề ngoài bao bọc hàng rào lò xo, cứ một đoạn chúng lại gài mìn, đèn pha cực sáng. Đúng 19 giờ 15, toàn đội hóa trang đột nhập vào khi vực vào cách vành đai khoảng 500m, sau đó đánh 3 bệ pháo diệt và làm bị thương 36 tên, phá nổ 1 kho đạn, rồi rút lui an toàn.

Trong chiến dịch Nguyễn Huệ từ tháng 4 đến tháng 9/1972, Đội

công binh xưởng quân giới phối hợp cùng đội du kích, biệt động, trinh sát dùng pháo bệ đánh liên tục các ấp ven thị xã cô lập các đồn bót, nâng thế làm chủ của quân chúng lên một bước mới.

Tại Bảo Vinh A, ngày 19/8/1972, Đội Công binh xưởng quân giới cùng đội biệt động phục kích ngay trên đường Long Khánh đi Bảo Vinh A. Trong trận đánh có sự phối hợp chặt chẽ này, từ 5 giờ sáng, 2 bệ phóng của Đội Công binh xưởng quân giới câu vào đồn làm một số chết và 1 tên bị thương. Địch chờ 2 xe viện binh GMC tới, đưa tên lính bị thương lên thị xã cấp cứu, đi trước là 1 trung đội bảo an, đi sau là 1 tiểu đội dân vệ. Chúng đi rông rảnh, đợi đến khi chúng lọt vào khoảng giữa 2 mũi phục kích, Đội đồng loạt nổ súng, 2 trái mìn ĐH10 phát hỏa ngay giữa đội hình địch. 2 tổ xung phong chiếm lấy mặt đường, khẩu B40 điem chỉ trúng đích, đập tắt ổ đại liên viện binh từ thị xã vào. Sau 15 phút chiến đấu, địch tung quân đến bao vây, 1 đồng chí trong Đội bị thương, đạn sắp hết nên Đội tìm cách rút lui an toàn. Kết quả đã xóa sổ 1 trung đội bảo an, chết tại chỗ 39 tên trong đó có 2 tình báo tiểu khu, 5 tên khác bị thương, thu được 5 súng AR15, phá hủy 1 đại liên, 1 máy bộ đàm. Qua trận đánh này, quần chúng rất phấn khởi, phá được thế kiềm kẹp, chiếc cầu nối giữa vùng ven với thị xã được thành lập.

Từ ngày 28 đến 31/1/1973, 1 tiểu đoàn biệt động quân và 2 đại đội địch tràn vào lấn chiếm Bảo Vinh A; Đội Công binh xưởng quân giới và các lực lượng vũ trang địa phương bao vây cô lập đồn bằng 2 bệ pháo 105ly, phát loa kêu gọi, bắn tỉa, cắm cờ băng rôn, khẩu hiệu rải truyền đơn. Biết địch từ Long Khánh sẽ chi viện cho đồn bằng hướng này, Đội công binh xưởng quân giới thiết kế 2 bệ phóng khi thấy địch tràn xuống, đội phát hỏa, bắn một số loạt súng trường rồi rút về, Đội di chuyển đội hình qua phía Bắc (Ruộng Hời) nơi có sẵn 1 bệ phóng. Khi địch nghe Đội đã rút, chúng tràn xuống thu dọn thương vong, Đội Công binh xưởng quân giới đánh phủ đầu 1 bệ phóng. Bệ phóng thứ 2 nằm phía Tây Nam, chờ cho địch chủ quan nghĩ là đội đã rút, đến chiều khi xe lấy thương và địch thu dọn chiến trường, Đội khai hỏa bệ này. Kết quả trận này ta tiêu diệt 150 tên địch, làm chủ hoàn

toàn Bảo Vinh A.

Cũng thời điểm này địch có những đại đội đặc nhiệm hay đi càn quét có thể nghe “hoi” là chúng đi ruồng bỏ càn quét không chế tra hỏi nhân dân, nhất là đại đội của tên Ngô, vốn là trinh sát đặc công của ta đã đầu hàng địch. Chúng rất rành chiến thuật của ta, ở địa bàn B3 ta tập trung dân tổ chức mít-tinh, mừng ngày thành lập Đảng. Đến 8 giờ sáng hôm sau, chúng dẫn đại đội vào gỡ cờ băng rôn, thu truyền đơn, ta đánh 1 bộ phóng làm chết bị thương 8 tên địch. Trận thứ 2 cũng gần địa điểm này, hình thức như trên để mừng sinh nhật Bác; chúng cũng dẫn đại đội vô tại điểm, ta đánh phủ đầu 2 bộ, kết quả làm chết và bị thương 24 tên.

Từ tháng 6 đến tháng 7/1973, địch tập trung lực lượng khôi phục đường sắt từ Long Khánh đi Gia Ray về miền Trung nhằm là kiểm soát vùng chuyên chở vũ khí và quân lính chi viện cho đời E52 Gia Ray; Lộ 3 Bảo Chánh, Ông Đồn, Suối Cát. Ngoài các đơn vị, địa phương địch tập trung lực lượng mạnh của các đại đội đặc nhiệm, cảnh sát dã chiến, Sư đoàn 18... chúng còn điều động thêm liên đoàn biệt động quân và 1 tiểu đoàn bảo an từ Bình Dương lên để tuần tra và chốt giữ. Đội Công binh xưởng quân giới phối hợp với lực lượng trên địa bàn thị xã Long Khánh dùng toàn pháo bộ, pháo gài đánh 22 trận diệt 176 tên, làm bị thương 56 tên, phá hủy 5 đầu máy và 12 toa xe lửa.

Đầu tháng 7/1973, nhận nhiệm vụ đánh 1 đại đội địch ở cầu 8 thước, Đội Công binh xưởng quân giới dùng 2 trái pháo 105 ly chế đầu nổ bằng ống tre thử nghiệm để gài đánh. Đúng như dự tính, địch đi mở đường, nổ chết 21 tên, 7 tên bị thương, phá hủy 1 đầu máy và 6 toa xe lửa.

Ngày 15/7/1973 qua nghiên cứu, Đội Công binh xưởng quân giới thấy địch thường hoạt động theo quy luật: khi hành quân, đến gần cầu thì xe lửa dừng lại, bố trí 1 tiểu đội đi đến cầu dò xét, số còn lại ngồi dưới lùm cây nghỉ mát. Đội Công binh xưởng quân giới gài bẫy pin dây điện, trái pháo 105 ly khoan thêm 1 lỗ để cho kíp điện vào.

Nhưng bộ nổ thật bằng ống tre đang nằm trong trái pháo. Khi chúng phát hiện pin, dây điện chúng gỡ lần theo dây điện lồi kíp ra, chúng nghĩ đã an toàn. Tên vắc pháo hí hửng, cả đại đội đang nghỉ mát dưới lùm cây, từ trên vai tên địch thả xuống trái pháo nổ làm chết và bị thương gần 70 tên, trong đó có tên đại đội trưởng.

Cầu 4 thước địch làm và ta phá liên tục, nên chúng cho 1 trung đội chốt trên cầu, dùng lòng đường xe lửa làm công sự vì hai bên là ruộng, ta khó mà đánh bằng đặc công. Ngày 28/7/1973, đi nghiên cứu thấy cầu cao hơn ruộng khoảng 2m địa hình toàn là ruộng không có điểm để đào hố thiết kế bệ phóng nên Đội có có sáng kiến dùng ny-lông, áo mưa gói thuốc nổ an toàn mỗi nối dây điện chôn dưới ruộng, cắt bớt dây chuyên nổ, áng chừng nổ chụp trên đầu khoảng 5 - 10m. Thiết kế lắp đặt xong 20 giờ 15 ngày 29/7/1973 phát hỏa như dự tính, làm chết 33 tên, 1 tên bị thương, bắn hoảng được mấy trái M79 rồi chết luôn. Đến 24 giờ, trực thăng được pháo binh yểm trợ chúng mới lấy được xác.

Tháng 2/1973 được tin địch khôi phục đường sắt, Đội dùng mìn, thuốc nổ phá hủy tất cả cầu cống trên tuyến đường sắt từ Long Khánh đi Gia Ray. Đêm 26 rạng sáng 27/11/1973, Đội Công binh xưởng quân giới dùng pháo bệ đánh chiếm 4 ấp. Tháng 12/1973, một bệ phóng vào Khu thiết đoàn 5 kỵ binh nằm trong Sư đoàn 18 thuộc nội ô thị xã làm 51 tên chết và bị thương, 5 giờ sáng chúng đang tập thể dục, ta dùng bệ phóng vào ngay sân tập, phá hủy 4 xe tăng và nhiều nhà cửa kho tàng. Lúc này Đội Công binh xưởng quân giới chế ngòi nổ hẹn giờ và cũng thử nghiệm khi thiết kế lắp đặt xong ta về cứ nghỉ ngơi an toàn, ngoài trận địa đến giờ tự nổ đưa pháo vào mục tiêu đã định, tránh được thương vong khi địch phản pháo (trước đây ta kéo dây điện để phát hỏa, địch phản pháo).

Ngày 19/2/1974, Đội Công binh xưởng quân giới huy động 15 đồng chí dùng bệ pháo tập kích vào đồn, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, bắt sống 1 tên thám báo. Đêm 27/3/1974, Đội Công binh xưởng quân giới phối hợp với đội biệt động, trinh sát, tự vệ mật



đồng loạt tấn công nhiều mục tiêu trong nội ô, diệt 22 tên cảnh sát, 1 trưởng ấp ác ôn, 2 phòng vệ dân sự.

Từ ngày 9 đến 12/12/1974, Đội Công binh xưởng quân giới với trên 30 đồng chí dùng bệ pháo diệt và làm bị thương 103 tên, trong đó có nhiều sĩ quan cấp úy, cấp tá. Ngày 24/5/1974, đội biệt động, trinh sát, Đội Công binh xưởng quân giới dùng bệ pháo đánh sâu vào nội ô diệt 122 tên, nỏ tung 1 kho đạn, diệt thêm 27 tên. Ngày 15/1/1975, Đội Công binh xưởng quân giới đột sâu vào sân bay dùng 1 bệ pháo diệt 8 tên sĩ quan, nhân viên kỹ thuật, phá hủy 3 máy bay.

Trong 2 ngày 18 và 19/3/1975, Đội đánh 13 bệ, đầu tiên phóng vào đồn 3 bệ đồng thời phát loa kêu gọi địch buông súng đầu hàng, địch không trả lời. Đến 5 giờ sáng, ta phóng vào 5 bệ đồn đập tiếp tục kêu gọi bọn địch, trong đồn hoang mang không dám bắn trả nhưng cũng không chịu đầu hàng. Tiếp tục đến bệ thứ 13, chúng hoảng hốt bỏ đồn chạy trốn. Đến chiều 19/3, ta phát động quần chúng, dùng cuộc, xông vào để ban đồn thì pháo đã ban lấp hết cả các cửa hầm ngầm mái tole che cửa hầm, miếng nào cũng thủng như cái rổ. Quần chúng nhân dân vác cuộc xông ra về hò reo vui mừng vì vĩnh viễn xóa sổ đồn. Kết quả trận này, ta tiêu diệt 10 tên, 1 diệt ổ đại liên, 1 súng cối.

Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1975, Đội Công binh xưởng quân giới dùng bệ phóng pháo san bằng 4 đồn Bình Lộc, Suối Chồn, Bảo Vinh A và B và cầu 4 thước, giải phóng các ấp vùng ven, cửa ngõ phía Bắc thị xã Long Khánh đã mở, tuyến phòng thủ ven thị xã đã bị đập tan mở đường cho đại quân ta vào giải phóng Long Khánh vào ngày 21/4/1975.

Sau ngày 21/4/1975, đơn vị tham gia giữ tù binh, gỡ hơn 2.200 trái mìn chống tăng, thu gom hơn 1.500 tấn bom đạn các loại để nhân dân đi lại làm ăn sản xuất, trinh sát phục vụ cho lực lượng diệt và bắt sống 1 tiểu đoàn tàn quân hoạt động vùng sông La Ngà, Gia Kiệm, Bảo Vinh. Cuối năm 1975, đơn vị giải thể, các đồng chí trong đơn vị tiếp tục tham gia trong quân đội và chuyển ngành.

Như vậy, Đội công binh xưởng quân giới đã độc lập đánh hơn 45 trận diệt và làm bị thương hơn 1 ngàn tên địch, 82 tên Mỹ, bắn rơi và phá hủy 8 máy bay, 9 khẩu pháo 105 ly, 155 ly và 175 ly, 9 xe tăng, 2 kho đạn các loại, 1 kho xăng, đánh sập 24 lượt cầu cống, diệt 1 đại úy an ninh, 1 thám báo, 8 sĩ quan nhân viên kỹ thuật, 62 sĩ quan cao cấp và cảnh sát, 1 số tên ác ôn.

Ngoài ra, Đội Công binh xưởng quân giới phối hợp với đội biệt động, trinh sát, các đơn vị du kích, lực lượng mật đánh địch 35 trận tiêu diệt 271 tên lính nguy, 25 tên lính Mỹ, phá huỷ 3 lô cốt, 1 xe tăng, 1 pháo 155, 2 pháo 105, 12 súng cối, 4 đại liên, 1 trung liên, thu 2 máy PRC 25, bút rút 3 đôn, bắt địch ra hàng 14 tên, bắt sống 2 tù binh, làm tiêu hao 1 đại đội.

Với nhiệm vụ chính là sản xuất các loại vũ khí cung cấp cho các lực lượng trong thị xã, tỉnh, Đội Công binh xưởng quân giới sưu tầm hơn 3 ngàn trái bom pháo lép của địch cưa đục tháo gỡ lấy hơn 5 ngàn kg thuốc nổ, chế tạo các loại mìn tự tạo hơn 1.200 trái, 215 khối thuốc nổ loại 4,2 kg TNT dùng làm bộ phóng bom bay, đánh cầu cống, lô cốt, sản xuất hơn 1 ngàn thủ pháo đạn, mìn hẹn giờ, 146 bộ phóng 105 ly và 155 ly, san bằng 6 đôn, phá huỷ 3km đường sắt, phá huỷ 5 đầu máy xe lửa có 12 toa.

Đội Công binh xưởng quân giới đã tự tìm tòi phát minh, sáng tạo, cải tiến 1 trái đạn cối cưa bỏ phần đuôi cho vào lon gigô là thành trái mìn 1 ống tre, 1 cục pin, 1 kíp điện, trở thành loại vũ khí diệt cả trăm tên địch. Đội còn chế bộ phận bộ phóng hẹn giờ, tránh được thương vong khi địch phản pháo, sáng kiến đem bao tải đi theo khi thiết kế bộ phóng. Như khi đi nghiên cứu thì đất cứng nhưng khi đào hố thì đất mềm, thoát đạn đá phải lấy đất nơi khác bỏ vào bao tải chất lên phía sau hoặc phía trên để tăng cường lực đẩy cho bộ và không bị kích thích nổ bộ tại chỗ. Đội còn sáng kiến lấy ny-lông bọc thuốc thiết kế bộ dưới ruộng nước.

Đặc điểm của bộ phóng bom bay, bộ bằng gỗ, gắn một 1 bộ 1 trái pháo 155 ly nặng 45kg, pháo 105 ly mỗi trái nặng 15kg, 3 trái thiết

kế cho 1 bệ, cự ly bay vào mục tiêu khoảng 400m. Khi xuống mục tiêu chia thành hình tam giác, trái này cách trái kia khoảng 30m. Loại bom pháo của địch từ 50kg đến 500-700kg, ta cưa mở lấy thuốc chế các loại mìn, còn dưới 50kg ta làm vũ khí đánh địch. Loại vũ khí này chủ động bất ngờ đánh phủ đầu, sang bằng tiêu diệt bất cứ đồn nào của địch. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, kho vũ khí Đội quân giới còn hơn 300 trái pháo 105 ly và 155 ly.

Đội cũng làm tốt công tác binh vận khi vận động được 48 lính bỏ hàng ngũ địch trốn ra rẫy ruộng làm ăn, 24 thanh niên đến tuổi trốn lính vào bổ sung cho các lực lượng. Vận động hàng trăm gia đình ở các vùng ven, Đội Công binh xưởng quân giới đi đến đâu cũng được sự che chở bảo vệ và cũng là đội quân sưu tầm bom pháo lép khắp các vùng, có nhiều gia đình có chồng con em đang làm việc hay cầm súng cho địch mà chính vợ con họ vẫn quý mến che chở và góp phần thu gom bom pháo, nhân dân tham gia chở bom pháo lép của địch bằng máy cày, máy xới, xe bò, xe đạp vào cho Đội làm vũ khí đánh địch.

Với những thành tích trên, Đội công binh xưởng quân giới được tặng 8 bằng khen của Tỉnh đội, cá nhân 21 Bằng khen của Tỉnh đội, 52 Giấy khen của Thị đội Long Khánh, 3 năm liền (1972, 1973, 1974) đạt Cờ luân lưu Quyết thắng của tỉnh.

Ngày 27/4/2012, Đội công binh xưởng quân giới được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bàu Hàm 2

Tháng 11/1971, xã Bàu Hàm 2<sup>(1)</sup> chính thức được thành lập thuộc huyện Thống Nhất. Lúc này, xã gồm 3 ấp: Ngô Quyền, Nguyễn Thái Học và Lê Lợi. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ấp Lê Lợi được sát nhập về xã Gia Kiệm. Đến đầu năm 1978, xã Bàu Hàm 2 tiếp nhận thêm 3 ấp của xã Dầu Giây là: Trần Cao Vân, Phan Bội Châu và ấp Lộ 25.

Xã Bàu Hàm 2 có diện tích đất tự nhiên là 2.018,33 hécta. Phía Bắc xã Bàu Hàm 2 giáp xã Bàu Hàm và xã Quang Trung. Phía Nam giáp xã Lộ 25 - Long Thành, phía Đông giáp xã Xuân Thạnh, phía Tây giáp xã Hưng Lộc.

Địa bàn xã Bàu Hàm 2 nằm trên hành lang nối liền Nam Bộ - cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên. Quốc lộ 1 nối liền Nam - Bắc đi ngang qua xã; quốc lộ 20 từ ngã ba Dầu Giây lên Lâm Đồng đi Tây Nguyên... Xã có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua do thực dân Pháp xây dựng vào đầu năm 1897 nhằm tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất với quy mô lớn. Trong 2 thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xã Bàu Hàm 2 là vùng tạm chiếm, thường xảy ra các cuộc chiến đấu quyết liệt giữa nhân dân ta và quân địch.

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thống Nhất.

Địa hình xã có những bờ suối rậm rạp, chằng chịt, giúp cách mạng hoạt động thuận lợi trong việc che mắt quân thù, che giấu cán bộ. Đây cũng là nơi nhân dân ta cất giấu, cung cấp lương thực, thực phẩm cho nhiều đơn vị bộ đội và du kích địa phương qua hai cuộc kháng chiến.

Dân số xã Bàu Hàm 2 thời Pháp thuộc chủ yếu từ sở cao su, có khoảng 2.500 nhân khẩu. Thời kỳ Mỹ - Thiệu có khoảng 4.700 nhân khẩu. Từ sau ngày đất nước thống nhất, dân cư xã Bàu Hàm 2 gồm có nhiều thành phần dân tộc, tôn giáo, đa số người dân là người lao động chân tay cần cù, sáng tạo, chịu khó nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm trong sản xuất, giàu lòng yêu nước, đồng lòng cùng với chính quyền địa phương xây dựng xã Bàu Hàm 2 ngày càng phát triển, giàu đẹp.

Từ thời kỳ chống Pháp, ngọn lửa đấu tranh tự phát đầu tiên của nhân dân xã Bàu Hàm 2 - Dầu Giây được nhen nhóm qua từ những cuộc đình công, đấu tranh phản đối chống sự áp bức, bóc lột của bọn chủ sở Tây, cộng với sự đánh đập tàn ác hà khắc của bọn cai, su. Dưới hình thức thành lập tổ chức Công đoàn đến những cuộc nổi dậy của giai cấp công nhân, nhất là công nhân cao su, cùng các tầng lớp nhân dân theo tiếng gọi của Đảng với những chiếc gậy tầm vông vạt nhọn, lưỡi lê, mã tấu nhất tề đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp giành thắng lợi.

Trong kháng chiến chống Mỹ, địa bàn xã Bàu Hàm 2 - Dầu Giây luôn nằm trong vùng địch tạm chiếm. Giai đoạn từ năm 1968-1970, địch đánh phá ác liệt nhất, kim kẹp và phong tỏa về kinh tế gắt gao nhất, là giai đoạn khó khăn nhất của phong trào cách mạng tỉnh Biên Hòa. Phong trào cách mạng ở xã Bàu Hàm 2 gặp nhiều khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi. Từ một xã “trắng” không có tổ chức Đảng, là xã yếu của huyện lúc bấy giờ, năm 1966, Huyện ủy đã nhận định đúng tình hình và có giải pháp kịp thời để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bằng cách thành lập chi bộ, để có Đảng lãnh đạo trực tiếp, tăng cường thêm cán bộ về ấp, xã để xây dựng phong trào. Chỉ trong vòng 3 năm, phong trào đã phát triển khá mạnh. Địa bàn

xã thực sự trở thành là “bàn đạp”, là hành lang giao thông liên lạc tin cậy của tỉnh Biên Hòa (U1) với chiến khu Đ.

Đa số những người dân của xã Bàu Hàm 2 tham gia lực lượng du kích kháng chiến tại địa phương, tham gia tiếp tế, làm sơ sở mật phục vụ cách mạng, một số phải xa nhà đi vào căn cứ, mật khu để bổ sung lực lượng cho kháng chiến. Được sự đùm bọc, giúp đỡ, che chở của nhân dân Bàu Hàm 2, phong trào cách mạng vẫn luôn tồn tại và phát triển, nhân dân địa phương đã có nhiều đóng góp to lớn về sức người, sức của để làm nên chiến thắng lịch sử vào ngày 30/4/1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Từ những thành tích trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bàu Hàm 2 vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định của Chủ tịch Nước số: 203/KTCTN ngày 11/6/1999.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long An

Xã Long An<sup>(1)</sup> thuộc huyện Long Thành, nằm giữa xã An Hòa và xã Phước Thái trên trục quốc lộ 51. Phía Đông xã Long An giáp xã Suối Trầu, phía Tây giáp xã Long Thọ và Hiệp Phước (huyện Nhơn Trạch), phía Nam giáp xã Long Phước, phía Bắc giáp 2 xã Lộc An, Bình Sơn và thị trấn Long Thành.

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 3.383,97héc-ta. Xã nằm tiếp giáp trung tâm huyện lỵ, cách nơi địch đặt chi khu quân sự không đầy 1km. Xã có quốc lộ 51, đường chiến lược xuyên qua, có rừng Đồng Nghệ thuận lợi cho đóng quân, ém quân của ta trong kháng chiến. Địa hình xã Long An khá bằng phẳng, có xu hướng thấp dần theo hướng Bắc Nam.

Địch xem Long An là vành đai bảo vệ chi khu quân sự Long Thành, quyết tâm biến Long An thành nơi hậu địch vững chắc không có cách mạng.

Phía ta xem xã Long An như tiền đồn để tiếp cận nắm tình hình địch để đánh vào cơ quan đầu não của địch ở chi khu quân sự Long Thành. Xã Long An có vị trí chiến lược khá quan trọng trong 2 thời kỳ kháng chiến, không những về quân sự mà cả về mặt hậu cần. Góp phần cho những thắng lợi của cách mạng miền Nam, vùng đất

---

(1) Nguồn: Lịch sử Đảng bộ xã Long An 1930-2015, Nhà xuất bản Đồng Nai, 2016.

Long Thành là nơi đánh bại các lực lượng quân sự nổi tiếng của Hoa Kỳ như: sư I Anh cả đờ, lữ đoàn dù 173, sư đoàn 199 thủy quân lục chiến, quân lính chur hầu Thái Lan, Úc. Rừng Suối Cả, khu Vườn Điều, Helena, Bình Sơn, Tam An, Tam Phước, Long An, Phước Thọ... trở thành những địa danh làm các kẻ xâm lược tham chiến tại Long Thành khiếp sợ.

Xã Long An có 9 thành phần dân tộc cộng cư. Theo số liệu thống kê của xã vào tháng 11/2011, tổng dân số của xã là 3.604 hộ gia đình với 14.938 nhân khẩu. Dưới thời đế quốc phong kiến, đời sống của nhân dân xã Long An đói khổ vì cảnh bóc lột tận xương tủy. Ruộng đất hầu hết bị cướp đoạt để xây dựng đồn điền cao su nên người dân hầu như phải đi làm thuê cho địa chủ, thực dân. Từ cuộc sống khổ cực nước mất, nhà tan nên lòng yêu nước, ý thức độc lập dân tộc được khơi dậy, người dân Long An sớm giác ngộ cách mạng.

Theo dòng lịch sử, thời Cần Vương có nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, Trương Công Định về đóng quân luôn được nhân dân xã Long An tham gia, giúp đỡ, bao bọc. Khi ánh sáng của cách mạng soi đến, nhân dân phấn khởi tin theo và sẵn sàng hy sinh tất cả cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Năm 1908, phong trào yêu nước Thiên Địa hội tràn về Long Thành. Ở hầu hết các xã đều có tổ chức Thiên Địa hội và được chia ra từng cụm. Cụm Phước Thái, Long An, Long Phước do cụ Lê Lưu Di phụ trách đặt tại đình Long Phước.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Long Thành là trận địa chốt chặn, sau là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Trương Định. Trương Định mất, các hội kín tiếp tục gây cho Pháp nhiều khó khăn, tiêu biểu là thành tích diệt ác gian Trần Bá Hựu năm 1881 của nhóm nhà sư Trần Văn Tấn.

Từ những năm 1936, nhân dân các xã Phước Lộc, Long An, Tam An, Tam Phước bắt đầu tiếp thu tư tưởng cách mạng tham gia mít-tinh, biểu tình chống Pháp.

Năm 1936, nhân dân các xã Phước Lộc, Long An, An Lợi, Phước



Thiên, Tam An, Tam Phước, Phước An, Long Thọ... dưới sự lãnh đạo của các đảng viên cộng sản như: Trương Văn Bang, Hồ Văn Giàu, Hồ Văn Đại, Huỳnh Văn Lũy... tổ chức nhiều cuộc mít-tinh, đưa dân nguyện đòi giảm sưu thuế, đòi các quyền tự do dân chủ.

Xã Long An là có phong trào cách mạng rất sớm. Từ năm 1943, Xứ ủy Nam kỳ đã cử đồng chí Phạm Văn Dục về xây dựng cơ sở cách mạng đầu tiên tại nhà cổ Thiếu tướng Lương Văn Nho ở ấp Xóm Trầu, xã Long An. Từ những cơ sở quần chúng, tiến tới thành lập các nghiệp đoàn và xây dựng phong trào “Thanh niên Tiên Phong”, xây dựng cơ sở Đảng ở địa phương.

Sau Cách mạng tháng Tám giành chính quyền vào ngày 25/8/1945, chỉ trong 2 tháng, tại xã Long An đã xây dựng và thành lập chính quyền cách mạng, Ủy ban kháng chiến hành chính là cơ quan đầu não của xã, lãnh đạo toàn thể phong trào của địa phương. Bên cạnh là các hội, đoàn cứu quốc ra đời như: Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Phụ lão, Thiếu nhi.

Cũng sau Cách mạng tháng Tám, về lực lượng vũ trang, xã thành lập 1 trung đội dân quân du kích xã với 4 khẩu súng, giáo, mác, tầm vông với khí thế cao trào cách mạng. Đội nữ dân du kích xã Long An khoảng mấy chục người kết hợp với lực lượng Thiếu niên tiên phong, bộ đội đi đào hầm, đào đường quốc lộ 15, chặt phá cao su tại nông trường cao su Bình Sơn. Đến tháng 7/1946, công an xã Long An được thành lập. Chính quyền cách mạng khẳng định, vũ khí sắc bén nhất lúc này là con tim, lá gan và bộ óc của đồng bào, nhất định không thể để cho địch khống chế, kìm kẹp, biến mảnh đất Long An thành công cụ cho địch sử dụng.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân Long An đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình, đấu tranh lớn nhỏ bao gồm: kéo quân lên quận đấu tranh phản đối việc bắt phu, bắt lính, đấu tranh đòi bồi thường hoa màu, nhà cửa do địch ném bom, càn phá; tố cáo kẻ thù sát hại thường dân, đấu tranh với địch để cày cấy ở đồng Xóm Góc, Xóm Trầu, Bàu Giao.

Trong đấu tranh binh vận, dân quân trong xã tổ chức nhiều lần gặp thân nhân binh lính địch để phân tích, khuyên nhủ, kêu gọi bỏ ngũ về với gia đình. Bí mật xây dựng lực lượng cơ sở mật len lỏi vào tổ chức, vào đồn địch làm nội ứng để nắm tình hình địch, biết trước những trận càn quét của địch để xây dựng kế hoạch đánh địch. Kết quả công tác này đã phục kích, tiêu diệt tại trận 2 tên, bị thương 1 tên và 19 tên chỉ điểm giả danh thương buôn vào ấp Xóm Trầu để nắm tình hình ta. Ta còn phát động nhân dân phá hoại cơ sở kinh tế địch như: huy động hơn 50 xe bò vào đồn điền Pháp ở Bình Sơn lấy mũ bành, chén đựng mủ cao su...

Về công tác hỗ trợ xây dựng phong trào quần chúng, kết hợp với các ngành Phụ nữ, Thanh niên phát động phong trào tiết kiệm hũ gạo nuôi quân để tiếp tế cho bộ đội, phát động thanh niên tổ chức việc canh gác, tòng quân, vận chuyển và cất dấu lương thực, tham gia đánh phá các cơ sở kinh tế, phá cầu, đào lộ. Cụ thể: huy động nhân dân đem hơn 50 xe bò vào đồn điền của Pháp tại Bình Sơn lấy mũ bành, chén đựng mủ, nhằm phá kinh tế của chúng. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch cho cây, cấy ở các cánh đồng như: Xóm Góc, Xóm Trầu, Bàu giao. Trong thời gian này, số lúa của nhân dân đóng góp và đóng thuế lên đến 300 gạ.

Trong 9 năm kháng chiến, quân và dân xã Long An tổ chức đánh độc lập, kết hợp với lực lượng vũ trang của trên đánh 172 trận. Trong đó, có 13 trận đánh phá đồn bót, 56 trận chống phá càn quét, 103 trận gài trái, bắn xẻ, diệt 47 tên địch, thu 35 súng các loại, phá hủy 1 xe quân sự. Toàn xã có 180 thanh niên tòng quân nhập ngũ, 213 thanh niên, phụ nữ tham gia lực lượng vũ trang địa phương, công tác ở chính quyền địa phương. Nhân dân đã đóng góp hàng ngàn ngày công để tham gia diệt giặc như: phá đường, phá đồn bót, phá hoại cơ sở kinh tế, vận chuyển lương thực, biểu tình... và đóng góp trên 300 gạ lúa, xe bò làm phương tiện vận chuyển, nhà cửa và nhiều vật dụng khác phục vụ kháng chiến. Trong kháng chiến, đóng góp xương máu là to lớn nhất, có 72 đồng chí được công nhận là liệt sĩ, trong đó có 4 đảng viên (3 chính thức và 1 dự bị).

Trong thời kỳ chống Mỹ, địch luôn tăng cường vũ khí, xây dựng chi khu Long Thành, thiết lập đồn bót trên quốc lộ 51 và những nơi hiểm yếu. Chúng mở chiến dịch Trương Tấn Bửu, ra luật 10/59, hô hào “Bắc tiến”, tăng cường đồn quân, bắt lính, dồn dân, lập ấp thực hiện âm mưu “tát nước bắt cá”, xây dựng tổ chức “Ngũ gia liên bảo” để xiết dân, “kế hoạch ZR-63” (rải chất độc khai quang màu da cam) và chọn Long Thành, Nhơn Trạch làm thí điểm để tiêu diệt hoa màu của dân và đánh vào hậu cần cách mạng...

Để phá bỏ âm mưu của địch, Chi bộ xã Long An kịp thời vận động đồng bào, biến những buổi học “Tổ cộng” thành buổi chất vấn kẻ thù vì không thực hiện Hiệp thương tổng tuyển cử. Đồng bào cũng kiên quyết không cho con em tham gia những hoạt động của địch, tìm cách về Sài Gòn, Biên Hòa khai tãng tuổi để trốn quân dịch. Tổ chức để đồng bào biểu tình, chống đối bắt phu, bắt lính. Tổ chức rải truyền đơn tố cáo những hành động vi phạm của địch... Trong giai đoạn 1954-1959, địch không tổ chức nổi phong trào “Cách mạng quốc gia” tại xã Long An, toàn xã không có một ai tham gia phong trào “Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới”. Luật 10/59 địch đưa ra, nhưng tại xã Long An, địch cũng không thực hiện được.

Tổng kết thành tích 21 năm kháng chiến chống Mỹ, quân dân xã Long An đã đánh 756 trận lớn nhỏ, diệt ác phá kìm, phá ấp chiến lược, gài trái, đặt hầm chông, hầm đinh, chống càn, bắn trả, diệt ác ôn, phá đồn bót. Trong đó, có 205 trận kết hợp với lực lượng của trên; diệt 509 tên địch, trong đó có 300 tên giặc Thái; diệt 28 tên ác ôn, bắt sống 57 tên địch, trong đó có 2 lính Mỹ, 2 lính Đại Hàn; phá hủy 11 xe bọc thép, 6 xe GMC; thu 462 súng các loại, gần 2 tấn đạn và lựu đạn.

Về đấu tranh chính trị trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, đồng bào Long An tổ chức 164 cuộc đấu tranh chính trị, trong đó có nhiều đợt đấu tranh lên quận, lên tỉnh Biên Hòa, điển hình là các cuộc đấu tranh diễn ra vào tháng 5/1960, hơn 70 đồng bào Long An kéo về quận đấu tranh đòi địch phải bồi thường thiệt hại do địch bắn pháo

kích vào xóm. Năm 1961, hơn 200 đồng bào kéo về chi khu Long Thành, sau đó kéo tiếp về Biên Hòa đấu tranh đòi về ấp cũ, không chịu ở trong ấp chiến lược. Năm 1962, hơn 100 đồng bào làm đơn kéo về huyện tố cáo việc xúc tát dân làm mất tài sản, buộc địch phải bồi thường thiệt hại.

Về đấu tranh binh vận trong kháng chiến chống Mỹ, quân dân xã đã cài người làm nội ứng, nắm tình hình, hoàn cảnh của bọn nguy quân, qua đó gửi thư khuyên nhủ. Kết quả đã có 186 lính rời hàng ngũ về với gia đình, một số về nhà và tham gia cách mạng. Đặc biệt những thời kỳ nội bộ địch rối ren như lúc anh em Diệm - Nhu bị đảo chính, gần 100 lính quân đội Sài Gòn bỏ trốn ra với cách mạng.

Đóng góp sức người, sức của tính chung trong 2 thời kỳ kháng chiến, đồng bào đã cho 243 con em lên đường nhập ngũ, 465 thanh niên, phụ nữ tham gia lực lượng địa phương. Đóng góp trên 400 ngày công phục vụ chiến trường như dân công hỏa tuyến, đào hầm hào, hố công, hố đinh, làm hầm bí mật, phá đường, phá cầu cống. Trên 2000 ngày công cho việc phá ấp chiến lược. Trên 10.000 ngày công vào việc di chuyển vào sâu xây dựng làng chiến đấu.

Trải qua chiến tranh, mặc dù phải di chuyển rời ấp, chuyển làng gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, nhưng đồng bào Long An vẫn thất lung, buộc bụng đóng góp cho cách mạng 552 tấn gạo, trên 10 ngàn gia lúa, mua công, trái phiếu trên 1 triệu đồng.

Một số trận đánh tiêu biểu của quân dân xã Long An:

Ngày 19/10/1960, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy về việc phá một số đồn bốt của địch, quân dân xã tập trung đánh chốt dân vệ ở xã Long An. Một bộ phận phục kích tại cống Bà Lễ nhằm chặn đường tiếp viện của địch từ thị trấn đến và chặn địch từ chốt cầu Hưu vào. Khoảng 22 giờ ngày 19/10, các chiến sĩ ta bao vây, nổ súng bắn vào đồn. Cùng lúc đó, gần 300 đồng bào đổ ra đánh trống, đánh mõ hô khẩu hiệu. 2 tiểu đội của địch bị đánh bất ngờ, lại thấy 4 phía đều có tiếng hô vang động nên sợ hãi bỏ đồn chạy mất. Các chiến sĩ ta xông vào dùng xăng đốt trụ trụ sở và nhà căn tin của địch. Trận đánh thắng lợi, phá tan chốt

dân vệ đốt cháy trụ sở hội đồng tế, đồng bào xã Long An rất phấn khởi. Phong trào diệt ác phá kim sôi nổi hầu khắp xã Long An.

Hay trận đánh vào tháng 8/1961, du kích xã đột nhập vào cơ sở địch tại ấp 1, phá sập 1 trạm gác và cơ sở truyền tin của địch, diệt 12 tên lính quân đội Sài Gòn, thu 12 súng, 1 máy đánh chữ và toàn bộ hồ sơ, tài liệu tuyên truyền của địch.

Đầu tháng 2/1963, nội tuyến nằm trong quận Long Thành khai thác được ở trung úy Sa (Liên toán trưởng, phó ban điều hành quân lực) về kế hoạch tập trung quân càn vào căn cứ Phước An. Huyện đội Long Thành liền chỉ đạo phải phá cuộc càn này. Mờ sáng 5/2/1963, khi quân địch vừa ra khỏi thị trấn, lực lượng du kích và bộ đội huyện cũng đã hành quân luôn rừng, ém tại khu Giàu Ba, cách chốt quân sự Liên Kim Sơn khoảng 400 mét. Khi địch tiến vào lộ 19, gần đến miếu Ông Thiện lối rẽ vào chợ Phước Long, thì tại quận lỵ Long Thành lực lượng cách mạng nổ súng tấn công đồn Liên Kim Sơn lúc này chỉ còn 1 tiểu đội, vì phải rút đi tham gia trận càn. Thấy súng nổ, bộ đội và du kích đồng, bọn địch hoảng hốt bỏ chạy, lực lượng cách mạng nhanh chóng chiếm đồn, đồng thời nổ súng vào chi khu. Bọn lính trong chi khu chỉ còn lại 2 trung đội không dám ra, chỉ núp trong những lỗ châu mai bắn ra ngoài loạn xạ. Các chiến sĩ ta giật cờ ba que xuống, treo cờ cách mạng lên và nổi lửa đốt cháy nhà ngang, phá sập chòi canh rồi nhanh chóng rút theo đường cũ về căn cứ. Địch đang hành quân trên tỉnh lộ 19 được tin báo khẩn cấp: “Việt cộng tấn công dinh quận trưởng, tất cả phải về ngay để đối phó” phải vội vã trở về. Cuộc càn quét vào căn cứ Phước An của địch bị phá sản nhanh chóng.

Trung tuần tháng 4/1964, nổi tiếng trong giai đoạn này là du kích địa phương bố trí phục kích diệt tên Tám Kham, một tên ác ôn mật thám của tiểu khu Biên Hòa đưa về xã Long An. Tên Tám Kham nhà ở Xóm Gốc (xã Long An). Địch lại điều tên Bích, tên này tỏ ra hung hãn hơn hẳn tên Kham. Được đồng bào theo dõi báo, lực lượng du kích lại phục kích diệt tên Bích tại một sông bạc ở ấp 2. Sau trận này,

5 tên Hội đồng xã sợ hãi bỏ trốn.

Tháng 11/1964, Quân ủy Miền quyết định mở chiến dịch Bình Giã, đã chọn Long Thành - Nhơn Trạch làm mặt trận thứ yếu. Nhiệm vụ đóng góp lương thực, thực phẩm, đưa người tham gia chiến dịch và chặn đánh giặc trên quốc lộ 15. Đánh vào kho bom Thành Tuy Hạ, tổng kho Long Bình. Trên địa bàn Long Thành, lực lượng vũ trang cách mạng tổ chức nhiều trận tấn công vào quân địch. Ngày 15/11/1964, Tiểu đoàn 800 Quân khu miền Đông có du kích địa phương dẫn đường phục kích đánh chặn đoàn xe cơ giới của địch từ Biên Hòa về Vũng Tàu, phá hủy tại trận 12 xe (trong đó có 4 xe thiết giáp), tiêu diệt gần 100 tên địch, thu 52 súng các loại. Ngày 16/11, đại đội 240 cùng du kích 3 xã Long An, Long Phước, Phước Thái đón đánh và diệt toàn bộ đại đội 3 thuộc tiểu đoàn 52 của sư đoàn 10 ngay tại km68, phá 2 xe GMC thu toàn bộ vũ khí.

Ngày 17/12/1964 tiểu đoàn 800 lại cùng du kích các xã Long An, Long Phước, Phước Thái phục kích đón đánh đoàn xe địch từ Bà Rịa về. Khi đến Quán Chim, đoàn xe của địch ùn lại vì vướng ô ụ chiến đấu, cùng lúc đó mìn nổ, súng từ 2 phía bắn lên nhiều xe của địch bị bốc cháy, 1 máy bay của địch đến tiếp cứu bị du kích xã Long Phước bắn rơi. Trận đánh kéo dài gần 3 tiếng đồng hồ, các chiến sĩ ta diệt tại trận 50 tên, bắt sống 22 tên, phá 7 xe quân sự, bắn rơi 1 máy bay.

Đầu năm 1965, địch đưa về xã đoàn binh định số 9, cùng 2 Trung đội lính nghĩa quân âm mưu xây dựng “Trung tâm cộng đồng phát triển” tại ấp 1. Được đồng bào cung cấp tình hình, lực lượng du kích xã kết hợp với lực lượng vũ trang huyện tổ chức tấn công, phá rã cộng đồng, diệt 28 tên lính nghĩa quân, 5 tên binh định. Sau trận đánh, bọn này sợ hãi rút hết về Biên Hòa, bỏ ý định xây dựng trung tâm cộng đồng tại xã Long An.

Ngày 5/7/1965, lữ đoàn dù 173 Mỹ đổ quân xuống Rạch Ruột Ngựa, âm mưu bắt gọn cơ quan đầu não của huyện. Lúc này du kích xã Tam An có hơn chục tay súng, cùng với 4 đồng chí trinh sát của huyện do đồng chí Ba Liêm chỉ huy đón đánh địch. Để dọn đường,

địch cho pháo bắn vào khu vực Bến Bàu, Xóm Hố, Chùa Lớn và thôn An Định. Tiếp đó, quân Mỹ tiến sâu vào căn cứ. Khi những tên lính Mỹ còn cách các chiến sĩ 30 mét thì cùng một lúc, ta cho nổ 4 trái mìn tự tạo ĐH10 vào đội hình địch. Bị đánh bất ngờ, một số lính Mỹ bị diệt tại chỗ. Những tên sống sót chạy dạt ra hai bên đường. Từ trên đồi cao, các chiến sĩ ta nhả đạn. Bọn địch bỏ chạy về phía sau để chống trả và gọi pháo từ Long Thành bắn chi viện, cho máy bay phản lực đến thả bom xuống trận địa. Lính Mỹ càn tiến theo đường cũ. Các chiến sĩ ta lại cho nổ ĐH10 ngăn chặn và nổ súng đánh bật chúng lại. Suốt từ 7 giờ đến 16 giờ, 5 lần lính Mỹ xông lên vẫn không vào được căn cứ của ta. Cuối cùng, chúng phải gọi máy bay đến ném bom hủy diệt xung quanh trận địa để lấy xác đồng bọn mang đi. Trận đầu quân dân Long Thành đánh Mỹ càn quét thắng lợi, diệt tại trận 37 tên đã gây được tiếng vang rất lớn, kịp thời động viên và giải tỏa mối băn khoăn, lo lắng của một số đồng chí và đồng bào “Liệu có đánh được Mỹ không?”.

Địch đưa về xã 1 tiểu đoàn lính Thái Lan đóng tại đồn Hêlêna với âm mưu khống chế đoạn đường lớn từ Bình Sơn nối tiếp với quốc lộ 51 tại cổng An Lâm, và địch còn đưa về 1 trung đội bảo an để hỗ trợ cho đoàn bình định áo đen thực hiện chương trình “Tái thiết nông thôn”. Tại đồn Helena, địch cho xây dựng bãi pháo 105mm và đưa về đây một bán đội xe bọc thép. Từ đồn Helena, bọn lính Thái tung ra càn quét, đánh phá bừa bãi vào xóm làng. Chi bộ xã cùng lực lượng vũ trang quyết tâm tiêu diệt bọn này. Chỉ trong vòng 2 tháng đầu năm 1967, lực lượng du kích xã đã tổ chức đánh 27 trận, liên tục gài trái, bắn trả, đột kích phá tan cơ sở tái thiết của địch, diệt 58 lính nguy, 3 tên ác ôn, bắt sống 7 tên, trong đó có 2 kỹ sư xây dựng người Mỹ, 2 kỹ sư sửa chữa máy bay người Nam Triều Tiên, thu 53 súng các loại và 2 máy thông tin quân sự. Năm 1968, du kích xã phục vụ cho Trung đoàn 4 đánh phá đồn Thái Lan tại Helena, diệt và làm bị thương 300 tên lính Thái, bắn rơi 1 máy bay trực thăng.

Trận đánh vào 17 giờ 30 ngày 26/4/1975, pháo của sư đoàn 325 đặt tại cánh đồng Sở Hoàng thuộc xã Long An bắn vào chi khu Long

Thành. Loạt đạn đầu nổ ở khu Cầu Xéo và khu Bàu Cá. Loạt đạn thứ hai nổ trúng bãi pháo 105 ly và khu chợ. Loạt đạn thứ ba đánh trúng chi khu và dinh quận ly. Gần 700 trái pháo đập xuống làm 3 tiểu đoàn lính địch chạy tán loạn. Nhà lầu của quận trưởng Hà Văn Sáu trúng đạn làm y bị thương ở đùi. Gần 2 trung đội địch bị chết và bị thương. Địch phản ứng cho pháo bắn từ Bến Sắn, từ Phước Hóa về chặn đường 25 hướng Lộc An lên. Lập tức pháo của sư đoàn 325 được điều chỉnh hướng bắn. Ta nã 2.000 trái pháo trong khoảng 45 phút diệt bãi pháo Phước Hoà, Bến Sắn khiến chúng im bật. Về hướng Nam, đại đội 27 cùng du kích xã Long An gọi hàng 2 trung đội dân vệ, thu toàn bộ súng, giải phóng xã. Trong lúc sư đoàn 304 tấn công khu căn cứ Nước Trong thì đại đội 27 kết hợp du kích địa phương tấn công địch ở đập nước Long An. Địch bỏ chạy ra chốt đóng ở ngã ba Cầu Hưu. Các chiến sĩ ta tiến ra bao vây rồi phát loa gọi hàng. Gần một trung đội địch mang súng ra nộp, một số chạy vào ấp Thái Lạc.

Với khí thế cách mạng thành công, Đảng bộ và nhân dân xã Long An tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết một lòng nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, tranh thủ những thuận lợi mới, bắt tay mạnh mẽ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng trên các lĩnh vực.

Từ những thành tích, ngày 28/4/2000, Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ra quyết định số 160/KT-CTN, phong tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long An.



## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Phước

Xã Long Phước<sup>(1)</sup> thuộc huyện Long Thành, nằm 2 bên quốc lộ 51, Biên Hòa xuống Bà Rịa - Vũng Tàu, có chiều dài từ km63 đến km69. Xã cách thị trấn Long Thành 17km, cách Bà Rịa 35km, cách sông Thị Vải 6km.

Diện tích tự nhiên của xã là 4.285 hécta, sau giải phóng diện tích của xã còn 3.018 hécta.

Địa bàn xã Long Phước là vùng đất thấp, lại có con sông Cỏ bắt nguồn từ huyện Xuân Lộc vùng đất Bazan chảy ngang qua suối đem phù sa màu mỡ tạo thành những cánh đồng lúa tươi tốt. Nhiều chỗ đất quá thấp tạo thành các bung lớn, bung nghê, bung Bàu Trâm rộng trên 7 hécta là nguồn tôm cá tự nhiên sinh sản.

Phía Đông xã Long Phước nay là xã Bàu Cạn là dãy rừng già nổi Bình Sơn, An Viễn về Chiến khu Đ. Phía Tây giáp xã Phước Long, Phước Lai (Long Thọ - Hiệp Phước). Phía Nam giáp xã Phước Thái, Rừng Sác. Phía Bắc giáp xã Long An.

Trong kháng chiến chống Pháp, toàn xã có 130 hộ trên 3.000 nhân khẩu. Đến kháng chiến chống Mỹ, xã có 1070 hộ với 6.400 khẩu.

Do địa hình khá phức tạp có sông, lộ lẩn bung, ruộng, rừng già,

---

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Long Thành.

rừng sác lại là khu vực lúa của huyện Long Thành (cũ), nên Long Phước trở thành căn cứ cách mạng, kho bãi hậu cần của huyện. Vì vậy trong suốt 2 cuộc kháng chiến, địa bàn xã có nhiều đơn vị chủ lực của Miền, khu, Tỉnh, huyện đứng chân như: Vệ quốc Đoàn, chi đội 2-3, đến thời kháng chiến chống Mỹ có Trung đoàn 4, Đại đội 240, Tiểu đoàn 240, hậu cần FK4, hậu cần tỉnh Biên Hòa. Trong suốt thời gian kháng chiến chống Mỹ, Long Phước là huyết mạch giao thông từ Chiến khu Đ qua Long Phước sang rừng Lòng chảo, Rừng Sác.

Địch cũng thấy đây là địa bàn quan trọng nên đã cho xây ở đây nhiều đồn bót, căn cứ có tầm cỡ lớn.

Cụ thể, thực dân Pháp đã cho ủi làm 1 đường giao thông bộ mặt lộ 6m từ ấp Phước Hòa qua Bà Ký sang Long Thọ, xây 3 đồn Hàng Dương, Bót Mới, Phước Hòa, 3 tua Suối Cả, Nhà Mát, km68.

Còn đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn mở rộng và xây kiên cố mở thêm 1 căn cứ hành quân của Mỹ ở Phước Hòa, có sân bay thường xuyên có máy bay trực thăng cơ động, 1 trận địa pháo 6 khẩu cỡ từ 105-175 ly, sẵn sàng nhả đạn và oanh kích vào khu căn cứ phía Đông, Tây lộ.

Một căn cứ dã chiến của Thái Lan thường có 1D Mỹ, 1D Thái. Các bót có từ trung đến 10 lính quân đội Sài Gòn canh giữ, ở 3 ấp mỗi ấp điều có 1 toán dân vệ kết hợp phòng vệ dân sự, bọn thám sát, bình định, canh nông thường xuyên càn bố, chốt chặn, đánh phá liên tục.

Ngoài các lực lượng địch đồn trú tại xã, có lúc địch điều đến 3D Mỹ về chốt tại suối Cả yểm trợ cho đợt ủi phá địa hình, sư đoàn Hắc Báo Thái Lan đặc biệt các đợt xuống thang rút quân của Mỹ kéo dài 15-20 ngày, xe quân sự, các sắc lính 179, Lữ đoàn 173, sư đoàn Anh cả đỏ, nối dài từ cầu Xéo (thị trấn) đến cầu sông Cả Long Phước, để hỗ trợ cao các đợt rút quân. B52 rải thảm, bom, pháo bắn tấp nập, có những đêm hàng ngàn quả pháo trút xuống phía Đông và Tây lộ của xã.

Địch đã sử dụng cả 100 xe ủi trắng thành vành đai lực lượng, lính

Úc từ Bà Rịa thường xuyên tràn lên phục kích. Tại Bàu Nai, lính Úc đã trảm mình dưới bầu, cả thân hình trét đầy sinh chỉ để hở 2 mắt, súng gác lên cây Mai.

Địch dùng mọi thủ đoạn với tiềm lực quân sự phòng thủ ở đây nhằm đánh bật lực lượng cách mạng, phá khu căn cứ, phá bao tử “lương thực của ta”, làm bàn đạp đánh chiếm các xã ven lộ cắt đứt đường giao thông sang Nhơn Trạch, Rừng Sác, song chúng đã thất bại thảm hại.

Năm 1946 xã thành lập 1 chi bộ 5 đảng viên, là chi bộ được thành lập sớm của huyện. Chi bộ xã Long Phước luôn giữ vững vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, trong những giai đoạn ác liệt 1950-1953; 1954-1960; 1969-1972 có lúc chi bộ còn 2 đảng viên nhưng vẫn kiên quyết bám trụ, bám địa bàn, bám dân, bám phong trào, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, đặc biệt thời kỳ Hai Tân, Bí thư Huyện ủy ra đầu hàng, đã bắt bớ xóa nhiều cơ sở cách mạng ở các xã, riêng có Long Phước vẫn bảo vệ được Đảng, không đồng chí nào bị bắt. Trong suốt cuộc kháng chiến đã có 37 đảng viên hy sinh, có 4 đồng chí là Bí thư, 42 đảng viên bị bắt, cầm tù.

Năm 1945, xã Long Phước thành lập Ủy ban kháng chiến lâm thời, lực lượng vũ trang của xã có 38 thành viên, trang bị súng trường, 5 lựu đạn, 1 mìn, còn lại là gậy tầm vông, mã tấu. Suốt 9 năm chống Pháp, lực lượng thường xuyên có 1 trung đội, trong chống Mỹ, có năm lực lượng lên tới 150 người, đến cuối năm 1974 lực lượng có 3 trung đội, trang bị vũ khí khá mạnh, 1 M79, 3 đại liên, còn lại tiểu liên đủ sức hỗ trợ cho quần chúng phá kìm kẹp, phá đồn bót, giải phóng xã mình.

Tổng quan trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Long Phước với nhiều lối đánh như: gài trái, bắn tĩa, diệt ác... và phối hợp lực lượng trên, đã đánh 167 trận, tiêu diệt 730 tên, trong đó có 23 lính Pháp, 59 lính Mỹ, 121 lính Thái Lan, 33 ác ôn, binh Định, cảnh sát, bắt sống 6 tên có 2 lính Mỹ.

Qua các trận đánh, quân dân trong xã đã thu 1.027 súng các loại, có 3 đại liên, 6 trung liên, súng cối 60, 1 pháo 105, 3 máy PRC 25, bắn chìm và cháy 2 tàu quân sự Bo Bo, phá hủy và bắn cháy 30 xe quân sự, có 2 xe tăng, 6 xe ủi, 14 xe GMC, 2 xe bờ lu, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, phá sập 2 cầu, 3 cống, phá sập 3 đồn, 2 tua, áp chiến lược địch dựng lên đổ xuống 6 lần đến năm 1973 áp chiến lược ở xã bị phá rã hoàn toàn.

Một số trận đánh tiêu biểu của quân dân xã Long Phước trong hai thời kỳ kháng chiến:

Trận đánh Pháp đầu tiên của xã thắng lợi, nhân dân rất phấn khởi, đóng góp lương thực, thực phẩm, cho con em tòng quân là trận đánh Pháp ở cầu Sông Cả diễn ra vào ngày 25/1/1946. Lính Pháp từ Long Thành mở cuộc càn vào xã theo quốc lộ 51. Nắm được hướng tiến quân của địch, lực lượng du kích xã chọn cầu Sông Cả là điểm phục kích, vì địa thế ở đây thuận lợi, dọc sông cây cối um tùm, mặt cầu nhỏ, địch tới đây buộc phải cho xe chạy chậm. Khi xe chở lính Pháp lọt vào trận địa, du kích cho nổ mìn, rồi đồng loạt nổ súng, xông ra chiếm lĩnh trận địa. Bị một đòn như trời giáng, bọn giặc hoảng loạn bỏ chạy. Trận đánh diễn ra mau lẹ, trong khoảng 20 phút kết quả phá hủy 2 xe Bù Lu, 19 tên địch chết tại chỗ, ta bắt sống 5 tên, thu 36 súng các loại. Số súng ta thu được, trang bị cho xã 12 súng còn lại rút về huyện.

Hay như trận kết hợp võ trang, binh vận phá áp chiến lược ấp Đất Mới diễn ra vào ngày 15/11/1963. Xã tổ chức thành 2 mũi tiến công. Một mũi là lực lượng võ trang với cán bộ binh vận tổ chức bao vây bót Hàng Dương, áp đảo, khống chế gọi hàng toán dân vệ. Một mũi là lực lượng thanh niên, nông dân mang theo dao, cuốc, kìm, búa phá áp chiến lược, cắt phá hàng trăm mét rào kẽm, lấp hào, phá sập chòi canh. Bị khống chế, cả toán dân vệ ra đầu hàng, nộp 11 súng. Áp chiến lược Đất Mới bị phá tan, kế hoạch lập ấp của địch bị thất bại.

Quân dân trong xã Long Phước còn đánh phối hợp với Đại đội 240 của huyện. Trận đánh ngày 17/1/1966, lực lượng du kích và 1 bộ

phận của đại đội 240 đang trụ ở đập nước Long Phước. 1 toán lính Mỹ thuộc sư đoàn Anh Cả đổ càn vào đường 9 Hỷ. Lực lượng triển khai công càn, 4 trái ĐH 10 được triển khai hướng địch tiến. Đợi lúc địch lọt vào trận địa phục kích, 4 trái ĐH 10 được điểm hỏa nổ cùng 1 lúc, đồng loạt các chiến sĩ nổ súng bắn thẳng về phía địch. Bị đánh bất ngờ, bọn lính hốt hoảng rút chạy, để lại 57 xác chết. Lợi dụng cơ hội các chiến sĩ rút gọn về trảng Bằng Lăng còn kéo theo con chó berger cùng chung số phận với chủ nó. Trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng du kích với huyện đã xóa đi tư tưởng: thấy lính Mỹ đô con, có tiềm lực quân sự mạnh, hành quân chớp nhoáng thì ngán ngại trong chiến đấu, sợ đụng lính Mỹ, không còn ám ảnh ở một số cán bộ và chiến sĩ.

Ngoài ra, có thể kể đến trận đánh lính Thái đầu tiên bằng vũ khí tự tạo của du kích. Trung tuần tháng 9/1967, 1 tiểu đoàn lính Thái đổ xuống khu vực ấp Phước Hòa xây dựng cụm chỉ huy mang tên “Hy Răng”. Từ Ban Chỉ huy, lính Thái bung ra lùng sục, đánh phá. Huyện tổ chức thành công các đội vành đai diệt Thái thì được chỉ thị của Phân khu ủy, phân khu 4 phát động đợt thi đua diệt lính Thái lập thành tích chào mừng 3 ngày lễ lớn của dân tộc. 2 tổ du kích của 2 xã Phước Thái - Long Phước vừa nhận được 4 trái ĐH 10 do quân giới huyện Long Thành sản xuất bằng bom đạn lép của địch mà anh em thu về. 2 tổ chọn thế trận thuận lợi trên quốc lộ 51 gài 4 trái theo hướng vòng cung, bí mật vòng dây điện ém sẵn. Khi 1 đoàn xe chở lính Thái từ hướng Bà Rịa về, anh em chờ cho 4 xe chở lính Thái đi cuối thì điểm hỏa. Nhưng lúc về chúng không theo đội hình sáng đi, phải đánh 4 cóc điện cùng bấm 1 lúc. 1 tiếng nổ xé trời, 3 xe quân sự bị phá, 38 tên Thái bị diệt, anh em rút gọn về căn cứ. Trận đánh giặc Thái đầu tiên này bằng vũ khí tự tạo có tiếng vang lớn, bom đạn lép được thu hồi nhiều tạo thành phong trào mót, tầm bom đạn lép của địch.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, lực lượng du kích xã độc lập tác chiến, phối hợp với lực lượng trên tổ chức tác chiến, diệt ác, phá kìm tới 477 trận, còn nhiều trận chiến đấu oanh liệt như: trận đánh

cụm Thái ở Hy Răng (km67) vào đêm mừng 5 tết năm 1968 diệt 83 tên, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, bắn cháy 1 xe tăng. Hay trận phục kích diệt gọn 1 trung đội địa phương quân thuộc C452 của Chi khu Long Thành vào tháng 9/1968. Hay trận đánh ngày 25/12/1972 đánh bọn ruồng bỏ, tiêu diệt cả đại đội địch, thu 48 súng, phá hủy 3 xe quân sự, bắn cháy 1 trực thăng...

Về đấu tranh chính trị ở xã Long Phước không tổ chức đơn điệu mà kết hợp chặt giữa binh vận, chính trị, võ trang nên những cuộc đấu tranh đều giành thắng lợi. Nếu đi sâu, suy nghĩ mới thấy hết cái tế nhị của người dân Long Phước. Chẳng hạn cuối năm 1969 đầu năm 1970 địch cho lực lượng gom tát dân Bà Ký vào Vũng Lương - Xóm gò để lập ấp. Bị sức ép quân sự mạnh, đồng bào cũng phải vào nhưng hầu hết đều chẳng mang theo đồ đạc, rồi lấy cớ về lấy. Đã về rồi thì bà con ở luôn. Người dân bảo nhau làm hầm, nếu địch càn là trốn, chúng vô chỉ thấy nhà trống, đóng cửa cho là bỏ đi làm ăn nơi khác. Ý đồ gom tát dân vào Vũng Lương bị thất bại.

Ngày 10/4/1971, chúng cho xây dựng Trung tâm cộng đồng phát triển ở Phước Hòa và gom được 1 số gia đình vào lực lượng võ trang, xã bí mật đột nhập dùng mìn phá sập căn nhà của tên đồn trưởng, 2 gian nhà kho, 1 dãy nhà lính, 1 chòi canh, 6 dãy nhà nhỏ chứa xi măng, sắt, thép, vật liệu xây dựng, diệt 7 tên canh giữ tuyên truyền kêu gọi bà con bỏ trung tâm, nếu không có khi bị chết lây. Đêm 31/4/1971 trung tâm bị phá nổ hoàn toàn.

Trong 2 cuộc kháng chiến từ 1945-1975, nhân dân trong xã Long Phước tổ chức 200 cuộc biểu tình, đấu tranh chính trị với địch từ 30-1.500 người đã giành thắng lợi.

Trong phong trào diệt ác, phá kìm, giành đất, làm chủ địa bàn của dân và quân xã Long Phước diễn ra rất quyết liệt. Địa hình của xã được tổ chức thành 3 ấp: Đất Mới, Bà Ký, Phước Hòa, địch chỉ lập được ấp chiến lược ở 2 ấp: Phước Hòa, Đất Mới. Riêng ấp Bà Ký trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp và đối đầu với cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, vẫn là vùng tự do, là

căn cứ của cách mạng, là cái gai chọc vào mắt địch.

Chúng nhiều lần tổ chức lực lượng càn quét, gom bắt nhưng điều thất bại, cứ sau mỗi lần càn lại khiêng về 5-7 tên chết. Bằng quân sự không được chúng chuyển sang hù dọa, tâm lý, chúng dùng loa đặt ở ngã ba nhà Mát lệnh cho bà con hạn chót 3 ngày phải dời ra 2 ấp Đất Mới, ấp Phước Hòa, nếu không chúng dùng phi pháo hủy diệt. Khi địch điều xe chở 7 tên tâm lý chiến xuống để lừa mị dân đã lãnh trọn 1 trái mìn ĐH 10 của du kích gài sẵn, kế hoạch gom bắt lại thất bại, còn 2 ấp bị phá nhiều lần.

Bằng quân sự, bằng hù dọa, tâm lý nhưng vẫn không gom được dân Bà Ký, địch cho bắn pháo phá hủy nhà cửa, vườn tược, nhân dân quyết không chịu vào ấp chiến lược, rồi bàn nhau làm hầm ở ngay trong nhà, trong vườn mua bao cát về làm nắp hầm chống phi pháo, hầm tránh pháo trong nhà được xuất hiện ở xã và được nhiều xã khác làm theo...

Đến năm 1973 ấp chiến lược ở xã bị phá hoàn toàn, địch không lập lại được nữa. Đến tháng 12/1974, 2 ấp được giải phóng hơn 2 ngàn dân giành được quyền làm chủ.

Hỗ trợ cho nhân dân, lực lượng đẩy mạnh công tác diệt ác, phá kìm, 30 tên ác ôn bị đền tội, có những tên khét tiếng như: Vên ấp Phước Hòa, tên Bông ấp Đất Mới, tên Khuya, tên Phòng khu Nhà Mát, tên Kịch. Trong đó tên Triệu được điều từ Phước Thái về chưa đầy 1 tháng đã bắt 23 người để tống tiền. Chị Năm Nê cơ sở đã dụ Triệu ra quán chị, trong quán 2 du kích đã ém sẵn buộc tên Triệu phải đền tội.

Song song với mũi đấu tranh chính trị, kết hợp võ trang, diệt ác phá kìm, mũi binh vận cũng hoạt động rất mạnh, làm tan rã ngay trong hàng ngũ địch, bỏ đơn vị về nhà làm ăn, giao nộp vũ khí cho cách mạng, những binh sĩ gia đình gần đồn, bót địch, thì trốn ra sông, rạch. Ở rạch Trũng, có cả 100 thanh niên trốn lính, lính trốn làm cho bọn chỉ huy hoang mang không dám bung ra càn quét, lùng sục, bị tấn công thì co cụm tan rã.

Tiêu biểu cho mũi binh vận ngay trong những ngày đầu Đồng Khởi, ta chưa có vũ khí để trang bị cho lực lượng, đồng chí ba Công cán bộ mật cùng ông năm Dạ binh vận được 3 dân vệ là Trung, Oanh, Quý mang 3 súng ra cách mạng.

Năm 1963, lực lượng ta bao vây bót Hàng Dương gọi hàng cả 1 toán dân vệ thu 11 súng. Năm 1964, binh vận được 9 binh sĩ địch (do mình giải) mang 9 súng ra cho xã, được bổ sung cho du kích. Năm 1968, làm rã cả 1 toán dân vệ. Năm 1971, vô hiệu quả cả ban tề xã, có cả xã trưởng và ban tề ấp Bà Ký lấy 32 khẩu súng.

18 giờ 15 ngày 25/4/1975 trận địa pháo Phước Hòa bị lực lượng ta pháo kích. Lực lượng du kích trên bứt rút đồn Hàng Dương, chốt quân sự Nhà Mát, Đất Mới, làm địch hoang mang bỏ chạy theo quốc lộ 51 qua Đông lộ chạy về Bình Sơn rồi đầu hàng cách mạng. Sáng 26/4/1975 Long Phước được hoàn toàn giải phóng.

Về đóng góp của nhân dân cho cách mạng, trong thời kỳ chống Pháp, đã góp 166 tấn gạo, 3.200kg nguyên liệu đồng, 157.700 đồng mua trái phiếu, 1.200 ngày công dân công hỏa tuyến, 3.500 lượt dân công phục vụ xây, giải vận chuyển lương thực, thực phẩm, phá đường, phá ấp chiến lược. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ số lương thực đóng góp cho cách mạng tăng lên gấp bội, số lúa thu mỗi năm là 30 tấn, số lúa đóng góp cho cách mạng đã lên đến 360 tấn.

Thời kỳ ác liệt, sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, địch càn bố, kiểm soát gắt gao. Chúng quy định người dân 15 ngày mới được đem lúa đi chà, những người ăn gạo chợ phải đem theo sổ gia đình và chỉ được mua 5 lít. Chúng quy định người nông dân 7 giờ mới được ra đồng, 15 giờ phải về, không được cắt chòi ngoài ruộng. Chúng còn thường xuyên dùng máy bay trực thăng tuần tiễu, nếu nông dân về trễ là trực thăng rà xuống hốt cả người lẫn lúa về quận, bắt xã lên nhận về.

Do vậy các đơn vị đứng chân gặp rất nhiều khó khăn, nhiều đơn vị phải đào củ chụp, ăn rau rừng, song cực nhất vẫn là thương binh, ngày chỉ được 1 bữa cháo loãng. Trong hoàn cảnh này, đồng bào



Long Phước đã có sáng kiến đôi đồng, toàn bộ lúa Long Phước chín được cắt đập chuyên vào căn cứ hết, người dân về lấy lúa ở các xã khác, để lúa được chuyên gọn về trên. Xã thành lập Ban Kinh tài gồm 12 đồng chí, được huyện hỗ trợ một lực lượng bảo vệ mùa màng, nên số lúa của xã thu hoạch trong 5 năm từ 1970-1974 là 1.524 tấn. Từ sáng kiến của xã, huyện đã chỉ đạo thêm cho các xã ven căn cứ, do vậy đã bảo đảm được lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Đến ngày giải phóng khu vực Suối Sâu, Bình Sơn căn cứ của tỉnh còn hàng trăm tấn lúa.

Toàn xã có 124 thanh niên tham gia lực lượng du kích địa phương, 86 thanh niên nam, nữ làm nhiệm vụ dân công hỏa tuyến. Xã còn đưa 465 thanh niên tòng quân bổ sung cho lực lượng của huyện và chủ lực.

Không có chiến công nào mà không đổi bằng mồ hôi, nước mắt, bằng lòng dũng cảm dám xả thân hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, bằng một phần xương thịt, bằng máu, bằng cả tính mạng con người.

Trong cả 2 thời kỳ kháng chiến, toàn xã Long Phước có 133 liệt sĩ đã hy sinh, 400 dân thường chết vô tội, 600 nóc nhà bị đốt phá, tại ấp Bà Ký có gia đình bị đốt 3 lần, 279 gia đình được công nhận là cơ sở nuôi giấu cán bộ, bộ đội, hàng trăm người bị bắt bớ, tù đày, đánh đập rất dã man, có những lần chúng xúc đi cả ấp như ấp Bà Ký. Có thể kể đến sự kiện năm 1970 lính quận cho xe xuống bắt 1 lúc 50 người tội là liên quan đến Việt cộng, chúng đem về giam tại quận, 1 tuần chúng mới thả. Bị tù đày, đánh đập song người dân Long Phước vẫn sắt son với Đảng, với cách mạng, không hề khai báo, có rất nhiều tấm gương nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng như: gia đình chú Năm Bích bị địch bắt giải về Biên Hòa đánh đập tàn nhẫn nhưng nhất định không khai, đến khi chúng thấy chú sắp chết nó chở trả về và bắt bà Năm thế, giam cầm đánh đập đến khi 2 mắt bà Năm mù nó mới thả về. Anh Năm Danh bị địch đánh đập rất dã man, không lấy được cung chúng lôi anh ra ngã ba Bà Ký bắn để uy hiếp đồng bào. Gia đình má Lê Thị Nguu có 4 người con đều là liệt sĩ, bọn tề, xã

trường đến hù dọa, có lần tên ách Rô đã dẫn lính đến nhà má đập phá và xúc đi của má 100 giạ lúa...

Với những thành tích trên, năm 1964 xã Long Phước được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba với thành tích đóng góp lương thực, thực phẩm cho chiến dịch Bình Giã. Năm 1971, Bộ Chỉ huy Miền tặng Huân chương Chiến công hạng Ba cho xã Long Phước vì có thành tích trong bám đất, bám dân, bám phong trào, diệt ác, phá kim. Năm 1985, xã được tặng Huân chương Lao động hạng Ba vì thành tích trồng cây phát triển nông nghiệp. Xã còn được nhận lẵng hoa Bác Tôn tặng năm 1975 vì có đóng góp sức người, sức của cho cách mạng.

Về cá nhân, toàn xã có 15 đồng chí được trao tặng Huân chương Chiến thắng, 45 đồng chí được trao tặng Huân chương Chiến công, 33 đồng chí được trao tặng Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, 42 đồng chí được trao tặng Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhì và 54 đồng chí được trao tặng Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhì hạng Ba. 29 đồng chí được trao Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, 452 gia đình được trao tặng Bằng gia đình Vẻ vang, 131 gia đình được trao tặng Bằng Tổ quốc ghi công.

Đặc biệt, vào năm 1994, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã nhân dân Long Phước được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc

Xã Phú Túc<sup>(1)</sup> được thành lập tháng 8/1994 trên cơ sở chia tách từ xã Phú Túc cũ theo Nghị định số 51/CP ngày 23/6/1994 của Chính phủ.

Phú Túc là xã miền núi thuộc huyện Định Quán, phía Đông giáp xã Suối Nho, phía Tây giáp xã Phú Cường, Nam giáp xã Suối Nho và Xuân Thiện huyện Thống Nhất, Bắc giáp xã Túc Trung. Dân số 13.782 khẩu, chia thành 10 ấp, có 9 dân tộc sinh sống, có 4 tôn giáo chính là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài chiếm 70%, số còn lại theo tín ngưỡng thờ cúng ông bà. Đa đa số nhân dân sống bằng nghề nông nghiệp chiếm 56%, còn lại là các ngành nghề khác như thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc đã hy sinh xương máu, đóng góp nhiều sức người, sức của góp phần quan trọng để cánh mạng giành thắng lợi hoàn toàn. 43 năm sau ngày thống nhất đất nước, Phú Túc tiếp tục vững bước đi lên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, niềm vui chưa trọn vẹn, giặc Pháp sau khi chiếm Biên Hòa tiếp tục lấn ra các vùng lân cận

---

(1) Nguồn: Đảng ủy xã Phú Túc.

Đông Nam Bộ, Ủy Ban Kháng chiến kêu gọi nhân dân bắt hợp tác với địch, rời bỏ nhà cửa, đốt bỏ tài sản trước khi sơ tán ra khu kháng chiến. Đại đa số nhân dân ra khu kháng chiến, ra sức xây dựng vùng tự do, ủng hộ của cải, thực phẩm nuôi quân, tham gia vào các lực lượng vũ trang cách mạng.

Thực dân Pháp phải tuyển mộ công nhân các tỉnh miền Trung bổ sung thay thế người theo kháng chiến, nhưng với công tác tuyên truyền vận động của cán bộ cách mạng, nhiều cuộc đình công, bãi công, biểu tình vẫn nổ ra đòi bọn thực dân Pháp phải đáp ứng các nhu cầu dân sinh lúc đó.

Lực lượng du kích xã được thành lập, cùng với Ban Liên lạc thôn 9, kết hợp với Trung đội 4, Chi đội 10, vừa tiến công vũ trang, vừa kêu gọi binh lính ở bót đồn điền quay về làm ăn và theo kháng chiến, đã có 12 lính bỏ về làm ăn và theo cách mạng. Năm 1947, du kích xã và ban công tác liên lạc thôn 9 đã tập hợp được hàng trăm người, tiêu biểu là trận diệt gọn 1 tiểu đội địch và dùng búa, cưa sắt phá sập cầu La Ngà. Ngày 1/3/1948 lực lượng xã tham gia công tác chuẩn bị, tạo điều kiện để Chi đội 10 tiến công đoàn xe của Pháp làm nên chiến thắng La Ngà vang dội, trong thời kỳ đầu đánh Pháp ở Đông Nam Bộ.

Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Phú Túc luôn phát huy tinh thần yêu nước chống ngoại xâm trong suốt thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp tiếp đến thời kỳ chống Mỹ.

Trong kháng chiến chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bằng ý chí tự lực, tự cường, tinh thần dũng cảm, kiên quyết đấu tranh bền bỉ, đặt trọn niềm tin vào tất thắng, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc đã mưu trí, dũng cảm, sử dụng nhiều lối đánh sáng tạo như phục kích, cải trang... làm cho bọn địch luôn kinh hoàng, khiếp sợ. Nhân dân và lực lượng vũ trang vừa tham gia xây dựng căn cứ và vừa góp phần hỗ trợ nhân dân trong sản xuất đời sống, trong đấu tranh biểu tình chính trị với địch, đồng thời kết hợp với công tác binh vận lôi kéo nhiều sỹ quan, binh lính ngụy trở về với nhân dân,

cung cấp vũ khí cho ta, đẩy mạnh các hoạt động diệt ác, phá kềm và kết hợp với các đơn vị bạn, bộ đội chủ lực tiêu diệt, đánh bại, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Từ năm 1954-1975, Lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân xã Phú Túc đã kết hợp với bộ đội huyện, tỉnh và bộ đội chủ lực tham gia đánh gần 120 trận lớn nhỏ, trong đó tấn công tập kích đồn bót, tua quân sự 28 trận, chống địch đi càn trên 164 trận, đánh giao thông lớn 5 trận (vào các năm 1965, 1967, 1973), còn lại là bắn tỉa, gài trái, gài mìn, diệt ác ôn. Qua đó, đánh tan tác, tiêu diệt 11 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 18 lính Sài Gòn, diệt 72 lính Mỹ và chư hầu, 18 tên ác ôn, bình định, cảnh sát; thu hơn 300 khẩu súng các loại, phá hủy hơn 68 xe quân sự các loại, 12 xe tăng bọc thép, bắn rơi 1 máy bay trực thăng (đồng chí Điều Mận bắn) và 1 máy bay L19 (Anh hùng Điều Cải bắn).

Cùng với đấu tranh quân sự, quân và dân xã Phú Túc dưới sự lãnh đạo của Đảng, luôn tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chính trị, hỗ trợ đấu tranh quân sự, để thực hiện phương châm đấu tranh tấn công liên tục trên tất cả các mặt trận của Đảng. Nhân dân xã Phú Túc sống trong vòng kềm cặp dây đặc của địch, bị bóc lột hà khắc, bị đàn áp nặng nề, nên những cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp và suốt 21 năm đương đầu đế quốc Mỹ và nguy quân, quần chúng nhân dân và các cơ sở chính trị (nhất là Hội Phụ nữ) mở ra hơn 150 cuộc đấu tranh chính trị lớn nhỏ, chống địch bắt lính, bắt phu, chống gom dân lập ấp chiến lược, tố cáo tội ác của địch, tố cáo việc rải chất độc hóa học làm cho người, gia súc gia cầm và cây trồng chết hàng loạt.

Từ năm 1954-1968, nhiều cuộc đấu tranh chính trị diễn ra liên tục trên địa bàn. Đồng bào thường xuyên tập hợp lực lượng, thường là 40-50 người, có lúc lên đến 200 người kéo đến trụ sở Hội đồng xã, đồn lính Cây Xăng, đòi quyền lợi dân sinh, đòi tự do cư trú, tự do đi lại làm ăn. Đặc biệt là các cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu như chống gài mìn, sớm gỡ mìn cho dân đi sản xuất, chống càn phá cây

trông, hoa màu tại ấp cây xăng. Qua các cuộc đấu tranh, các tổ chức hội, đoàn, quần chúng nhân dân từng bước được củng cố, hoạt động mạnh mẽ nhất là Chi Hội Phụ nữ xã.

Ngày 7/3/1968, hàng trăm bà con xã Phú Túc đã xuống đường, dựng chướng ngại vật, đào phá quốc lộ 20, đập tan trụ sở xã nguy quyền xã Bình Hòa, để hỗ trợ lực lượng vũ trang tiến công địch trong đợt tổng tiến công mùa xuân năm 1968.

Trong những năm 1970-1972, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân trong vùng địch tạm chiếm (ấp Đức Thắng, Cây Xăng, Chợ) dâng cao. Chi bộ mật và cơ sở cách mạng đã vận động bà con kiên trì thực hiện nhiều cuộc đấu tranh chống gài mìn trên nương rẫy, buộc địch phải chỉ chỗ gài mìn, để bà con tránh. Nhờ đó, nhân dân phát hiện các bãi mìn để báo lại cho du kích gỡ, có thêm vũ khí đánh giặc. Cùng với đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, quân và nhân dân xã Phú Túc thường xuyên tổ chức nhiều cuộc đấu tranh binh vận, kêu gọi lính địch ra đầu hàng, bỏ vũ khí về làm ăn sinh sống lương thiện với gia đình. Trong đánh Mỹ, diệt nguy, quân và dân xã Phú Túc đã thực hiện vận động được tổng cộng hơn 450 dân quân tự vệ, lính nguy trở về với cách mạng, trở với với gia đình làm ăn lương thiện, trong đó có 43 lính Sài Gòn mang theo vũ khí về cho cách mạng. Để làm suy sụp ý chí của bọn phản động tay sai và phá thế kìm kẹp của địch, lực lượng vũ trang và nhân dân xã Phú Túc thường xuyên nêu cao phong trào diệt ác, phá kềm. Đội du kích xã phối hợp với nhân dân tiêu diệt 18 tên ác ôn khét tiếng và 2 tên điệt báo của địch.

Cùng với phong trào diệt ác, trừ gian, nhân dân xã Phú Túc đã đập tan âm mưu xây dựng ấp chiến lược của địch nhằm “tách cá ra khỏi nước”, giành đất, giành dân “địch dã”, chúng xây dựng ấp chiến lược cả xã với nhiều cửa ra vào nhưng không được ổn định, đều bị quần chúng nhân dân phá sạch, đến năm 1973 địch không còn khả năng làm ấp chiến lược nữa.

Cũng tính từ năm 1963 đến năm 1975, xã Phú Túc có trên 350

thanh niên tham gia cách mạng, xung phong vào bộ đội tỉnh, huyện, trong số đó đã có nhiều chiến sỹ hi sinh anh dũng. Với lòng yêu nước căm thù giặc, nhiều gia đình nuôi dưỡng, che chở cán bộ cách mạng, góp nhiều tiền của, lương thực cho cách mạng (điển hình là bà Ôn, ông Trực). Trong xã, có hơn 137 cơ sở cách mạng chính thức và hơn 300 cảm tình cách mạng. Trong kháng chiến chống Mỹ, Chi bộ A (thành lập năm 1960 - 1968), Chi bộ B (thành lập năm 1965-1968) của Đảng có 16 đảng viên (do các đồng chí Nguyễn Văn Rập, Lê Hữu Đăng làm Bí thư, Phó Bí thư) đã tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động cách mạng tại địa phương; các đồng chí Ba Mai, Hai Tiếp, Ba Xuân, Ba Đăng... đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng, giúp bộ đội dễ đánh địch, giành nhiều thắng lợi.

Trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc không ngừng phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, tích cực xây dựng địa phương ngày càng phát triển, giàu mạnh.

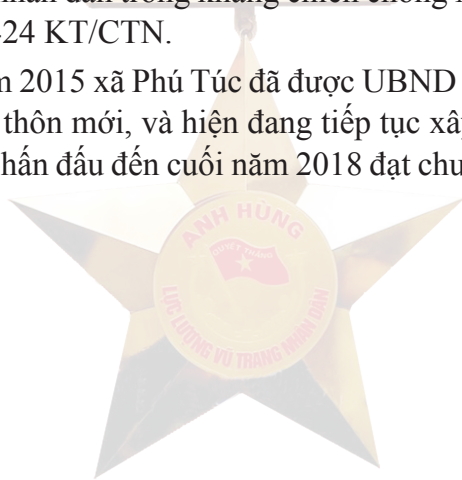
Kể từ sau ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước các cấp, trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xã Phú Túc từng bước thay đổi, đổi mới, hiện nay cơ sở hạ tầng nông thôn được chỉnh trang, xây dựng mới khang trang, địa bàn xã có 3 trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đều đạt chuẩn quốc gia, Trạm Y tế được xây dựng mới đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, các trục chính đường giao thông nông thôn được nâng cấp thành bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng đáp ứng việc đi lại vận chuyển hàng hóa ở địa phương.

Thực hiện cơ chế chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cây trồng vật nuôi nhằm xây dựng nền kinh tế hàng hóa, hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng XHCN, đến nay địa bàn xã có 801 hecta cao su, trong đó cao su tiêu điện 165 hecta, 776 hecta điều, 405 hecta cây ăn trái..., có trên 30 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, năng suất

cây trồng ngày càng tăng, chất lượng ngày càng đáp ứng yêu cầu của thị trường. Thương mại dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp ngày càng phát triển, chợ mới được xây dựng lại khang trang, thông thoáng, sạch đẹp đáp ứng nhu cầu mua bán của các tiểu thương, và người tiêu dùng. Đời sống của nhân dân không ngừng nâng lên, ước tính đến cuối năm 2018 thu nhập bình quân đầu người của xã là 58 triệu đồng/ người/ năm.

Ghi nhận công lao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Phú Túc qua các thời kỳ, ngày 22 tháng 8 năm 1998, Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã phong tặng nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc danh hiệu tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 424 KT/CTN.

Đến cuối năm 2015 xã Phú Túc đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, và hiện đang tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao, phấn đấu đến cuối năm 2018 đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.





## Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Xuân Lộc

Xuân Lộc<sup>(1)</sup> là một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai. Trước Cách mạng tháng Tám 1945 và trong kháng chiến chống Pháp, Xuân Lộc là một huyện của tỉnh Biên Hòa, bao gồm cả địa bàn của cả 3 huyện: Tân Phú, Xuân Lộc, Thống Nhất ngày nay; quận lỵ đặt tại làng Xuân Lộc. Năm 1957 chính quyền Ngô Đình Diệm cắt Xuân Lộc khỏi tỉnh Biên Hòa, lập tỉnh Long Khánh với 3 quận: Định Quán, Xuân Lộc, Kiệm Tân. Để thuận tiện cho đấu tranh chống địch, chính quyền cách mạng cũng tổ chức tỉnh Long Khánh và chia địa bàn ra nhiều huyện: Xuân Lộc, Định Quán, Cao Su và thị xã Long Khánh, về sau còn thêm huyện Thống Nhất. Về địa danh hành chính cấp tỉnh, có lúc Long Khánh là tỉnh riêng, có lúc Long Khánh nhập với Bà Rịa thành tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, hoặc nhập với cả Biên Hòa thành tỉnh Long Bà Biên.

Sau khi tỉnh Đồng Nai thành lập năm 1976, huyện Xuân Lộc thuộc tỉnh Đồng Nai, gồm thị trấn Xuân Lộc và 14 xã: Xuân Bảo, Xuân Bình, Xuân Định, Xuân Đường, Xuân Hiệp, Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Lập, Xuân Phú, Xuân Tâm, Xuân Tân, Xuân Thành, Xuân Thọ, Xuân Trường.

Huyện Xuân Lộc nằm phía Đông tỉnh Đồng Nai, cách Thành phố Hồ Chí Minh 80km về phía Đông - Đông Bắc, cách bờ biển

---

(1) Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Xuân Lộc, biên soạn năm 1985.

ở phía Nam 40km đường chim bay, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Nam giáp 2 huyện Xuyên Mộc, Châu Thành (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Tây giáp huyện Long Thành, huyện Thống Nhất, Bắc giáp huyện Tân Phú.

Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam chạy qua địa bàn huyện Xuân Lộc từ đông sang tây. Quốc lộ 56 từ ngã ba Tân Phong trên quốc lộ 1 chạy theo hướng nam - tây nam về Bà Rịa và Long Hải, liên tỉnh lộ 3 từ ngã ba Gia Ray (xã Xuân Trường) trên Quốc lộ 1 đi thị trấn Võ Đắc, huyện Đức Linh (tỉnh Bình Thuận).

Bước vào thế kỷ 20, thực dân Pháp bắt đầu khai thác kinh tế, tài nguyên ở tỉnh Biên Hòa. Năm 1904, Pháp làm xong đường xe lửa Sài Gòn - Xuân Lộc, đến năm 1910 đường xe lửa ra đến Mường Mán (tỉnh Bình Thuận). Từ đó, nhiều xóm làng bắt đầu hình thành dọc theo tuyến đường sắt. Năm 1906, các đồn điền cao su bắt đầu xuất hiện ở Xuân Lộc, sớm nhất là Công ty đồn điền cao su Đông Dương (người dân thường gọi là sở SIPH), kế đến là Công ty đồn điền cao su Xuân Lộc. Để có hàng trăm hécta đất đỏ liền khoảng để trồng cao su, thực dân Pháp đã đuổi người các dân tộc thiểu số bản địa sinh sống hàng bao đời nay rời bỏ vùng đất màu mỡ, dời buôn làng đến những vùng đất xám, đất trắng.

Không chỉ vậy, các công ty cao su còn bắt người dân tộc thiểu số làm xâu không công trong những đồn điền trên chính mảnh đất của mình trước đây. Hàng loạt đồn điền cao su mọc lên ở Xuân Lộc, như: An Lộc, Bình Lộc, Dầu Giây, Cam Tiên, Túc Trưng, Cây Gáo, Trảng Bom, Hàng Gòn. Để trồng và khai thác cao su, các chủ đồn điền mộ dân phu là giới nông dân cùng cực ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung như: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nam Định... Từ sự phát triển của các đồn điền cao su, ngoài công nhân cao su còn có một số người dân từ các nơi khác đổ về huyện Xuân Lộc, ngoài sinh sống về nông nghiệp như làm rẫy, làm ruộng, còn tham gia các hoạt động dịch vụ như buôn bán, làm be (khai thác gỗ).

Điều này khiến dân số cơ học của huyện tăng nhanh chóng. Năm 1910, dân số huyện Xuân Lộc khoảng 5.000 người, đến năm 1945 đã lên đến 30.000 người, trong đó có 20.000 người là công nhân cao su.

Trong giai đoạn từ năm 1945-1975, Xuân Lộc tiếp nhận nhiều đợt di dân nên dân số tiếp tục tăng nhanh chóng. Năm 1954, có khoảng 30.000 đồng bào Thiên Chúa giáo di cư từ miền Bắc được đưa tới định cư ở Bình Lộc, Túc Trưng, Bảo Định, Gia Kiệm. Từ năm 1959-1970 địch liên tục “hốt” dân ở các vùng giải phóng, vùng “trắng”, cộng thêm đồng bào các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận do tránh địch khủng bố đã vào lập nghiệp trên 12.000 gia đình với khoảng 50.000 người. Chính quyền Sài Gòn khi lập các căn cứ quân sự, dân sự tại Xuân Lộc cũng góp phần đưa hàng chục ngàn gia đình và người thân của binh sĩ, nhân viên về sống ở đây. Đến năm 1972, dân số ở Xuân Lộc lên tới 172.000 người.

Trong thực tế xây dựng và tiến hành chiến tranh cách mạng, Xuân Lộc là một địa bàn có ý nghĩa chiến lược.

Xuân Lộc là một căn cứ hậu phương của chiến tranh cách mạng của miền Đông Nam Bộ. Khi quân Pháp đánh chiếm Đồng Nai, Gia Định vào năm 1961-1862, Phó đề đốc Lê Quang Tiên của triều đình Nguyễn đã lập đồn ở Long Giao, Suối Rét để chống trả sự tấn công của Pháp. Trong cuộc chiến đấu chống Pháp của Bình Tây đại tướng quân Trương Định, nghĩa quân Trương Định cũng lập căn cứ tại vùng Giao Loan, Rừng Lá của huyện Xuân Lộc. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp và Mỹ của quân dân Đồng Nai, núi Chứa Chan và khu Rừng Lá trở thành căn cứ địa cách mạng. Căn cứ Khu ủy miền Đông cũng nhiều lúc được đặt ở Xuân Lộc tại đồi Mặt Trăng, núi Mây Tàu. Xuân Lộc còn là khu vực bàn đạp cho các lực lượng vũ trang chính quy tiến đánh địch, làm nên các chiến thắng La Ngà, Bình Giã, Đồng Xoài, Xuân Lộc lừng lẫy.

Xuân Lộc là đầu mối giao thông, là hành lang chiến lược là một địa bàn cơ động lực lượng và cũng là chiến trường tiêu diệt địch lớn. Là vùng trung du nằm ở địa đầu Nam Bộ, Xuân Lộc là đầu mối giao thông nối liền với cực Nam Trung Bộ, với Tây Nguyên và với khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là mảnh đất tiến có thể đánh, lùi có thể giữ, có thể sử dụng là hành lang giao thông tiếp vận cho Nam Bộ cũng như chuyển vận từ biển vào khu vực miền Đông và ngược lại.

Chính vì vị trí chiến lược này, trước đây quân Pháp coi Xuân Lộc là đất quân sự ngăn chặn cách mạng tiến về Sài Gòn. Tương tự, quân đội Mỹ và Sài Gòn cũng tập trung quân dày đặc tại đây để giữ phòng tuyến Xuân Lộc. Một điều rất rõ ràng là năm 1975 khi các quân đoàn chủ lực cùng nhân dân Xuân Lộc đập tan tuyến án ngữ vững nhất của địch ở đây thì cửa ngõ vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định đã nhanh chóng mở ra.

Trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị nước ta, ở Xuân Lộc, chính quyền thực dân trao cho bọn chủ sở cao su quyền sinh sát, quyền cai trị trong các đồn điền. Ở đây không có một thứ luật pháp nào cả nào ngoài thứ luật pháp dã man của bọn chủ đồn điền. Công nhân phải làm việc đầu tắt mặt tối, mỗi ngày làm từ 12-13 giờ trong điều kiện làm việc khắc nghiệt, điều kiện sống rất tồi tệ trong khi đồng lương nhận được lại rất ít ỏi. Trong số công nhân cao su làm việc tại các đồn điền ở Xuân Lộc, tỷ lệ người chết về bệnh tật, nhất là bệnh sốt rét, lên đến 26,9%. Đặc biệt, chúng thường tìm cách gây hiềm khích, nghi kỵ chia rẽ giữa đồng bào dân tộc thiểu số bản địa và công nhân; tổ chức hoặc khuyến khích tổ chức nhiều sòng bạc, tiệm hút, tiệm rượu để bóc lột, tha hóa công nhân.

Công nhân cao su và các tầng lớp dân nghèo khác chiếm hơn 95% dân số ở Xuân Lộc. Sống dưới 3 tầng áp bức bóc lột của tư bản, thực dân, địa chủ phong kiến, đời sống bản cùng nhân dân Xuân Lộc không có con đường nào khác là vùng dậy đấu tranh

đánh đổ đế quốc và tay sai.

Trước khi Đảng ra đời, ở Xuân Lộc đã có nhiều cuộc đấu tranh tự phát của công nhân ở các đồn điền cao su và nông dân ở địa phương, những cuộc đấu tranh tự phát đó đều bị chìm trong máu.

Từ năm 1930-1931, đồng chí Ngô Gia Tự, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã cử các đồng chí Nguyễn Xuân Cừ, Nguyễn Đức Văn... về xây dựng cơ sở Đảng tại các đồn điền cao su và các buôn làng đồng bào dân tộc thiểu số ở Xuân Lộc. Các đồng chí đã tuyên truyền đường lối của Đảng thông qua những câu chuyện nghĩa hiệp, những tấm gương yêu nước, yêu dân tộc của các vị cách mạng tiền bối, tập hợp nhân dân trong các tổ chức hợp pháp: Hội tương tế, hội ái hữu, hội đồng hương... trên cơ sở đó lựa chọn những hội viên ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Tháng 2/1937, hội nghị thành lập chi bộ Đảng ở Xuân Lộc được tổ chức tại xã Bàu Trâm<sup>(2)</sup>. Sau hội nghị này, các tổ chức cách mạng ở Xuân Lộc phát triển, hình thành được các tổ, hội ở thị trấn Xuân Lộc và các sở cao su. Qua đó đã tập hợp được hàng trăm quần chúng tham gia. Phong trào cách mạng từ năm 1937 trở đi dấy lên mạnh mẽ ở Xuân Lộc. Ở các sở cao su An Lộc, Cẩm Mỹ, Túc Trung, Hàng Gòn, Ông Quế, Bình Lộc... và các hãng, trại khai thác gỗ, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân lao động đòi dân sinh, dân chủ chống cúp phạt, đánh đập, đòi được phát gạo trắng, mừng mền phát triển mạnh.

Những cuộc đấu tranh của công nhân trong các đồn điền cao su ở Xuân Lộc trong suốt những năm 1940-1945 diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong thời gian này, khẩu hiệu đấu tranh kinh tế gắn liền với khẩu hiệu đấu tranh chính trị. Các cuộc đấu tranh đều được tổ chức chu đáo và có sự phối hợp giữa các đồn điền, giữa công nhân và nông dân. Tổ chức đoàn thể bí mật trong các đồn điền ngày càng phát triển. Uy tín các đồng chí cán bộ cách mạng

---

(2) Nay thuộc thị xã Long Khánh.

ngày một nâng lên. Qua đấu tranh, đội ngũ quần chúng công nhân giác ngộ cách mạng ngày một thêm đông đảo. Liên minh công nông bước đầu được hình thành. Lực lượng cách mạng lớn dần lên, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc vận động cách mạng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Được tin này, binh lính Nhật ở Xuân Lộc vô cùng hoang mang, lo sợ. Số rút chạy về Sài Gòn, Biên Hòa, số co cụm lại trong các đồn bót. Ở các sở cao su ngay từ khi Nhật đầu hàng đồng minh, quần chúng công nhân dưới sự lãnh đạo của các đồng chí cán bộ cách mạng đã đứng dậy làm chủ đồn điền. Lực lượng thanh niên Tiền Phong là lực lượng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an ở các sở.

Sáng 28/8/1945, lực lượng Thanh niên tiên phong thị trấn Xuân Lộc đã tước vũ khí địch ở đồn Xuân Lộc, yêu cầu quận trưởng Lê Thành Tường giao nộp toàn bộ hồ sơ, ấn, mộc cho cách mạng. Đến 10 giờ sáng, cách mạng đã hoàn toàn làm chủ tất cả các cơ quan, công sở ở trung tâm quận lỵ Xuân Lộc.

Ngày 6/01/1946, các cử tri ở Xuân Lộc tham gia cuộc Tổng tuyển cử bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Điều Xiển, người dân tộc Choro ở Xuân Lộc được bầu làm đại biểu Quốc hội.

Ngày 25/10/1945, có quân Anh và đồng minh mở đường, quân Pháp phá vòng vây Sài Gòn, chiếm Biên Hòa rồi đánh ra Xuân Lộc, chiếm quốc lộ 1 và quốc lộ 20. Từ cuối tháng 2/1946, Xuân Lộc bị địch chiếm lại. Các chủ Tây trở về làm chủ tại các sở cao su, lập cả đồn lính tại đây. Chính quyền nhân dân huyện bị tê liệt, chính quyền các xã tan rã, quân đội không còn. Cơ sở có tổ chức của cách mạng bị đánh tan tác. Địch lập lại bộ máy cai trị từ huyện đến xã, móc nối những tên tay sai cũ, lập lại các ban tề, tổ chức lính huyện, lính làng để khủng bố nhân dân.

Kể từ đó, quần dân huyện Xuân Lộc bắt đầu bước vào cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp. Công nhân các đồn điền cao su đều chống giặc. Chưa kể thanh niên đã gia nhập quân đội theo bộ đội đi chiến đấu, số thanh niên công nhân còn lại kéo vào rừng tìm bộ đội, tổ chức lực lượng, tổ chức du kích đánh địch, chủ sở và lính ở các đồn điền. Nhân dân Xuân Lộc vẫn bí mật tiếp tế và bảo vệ cán bộ và nhóm thanh niên công nhân vũ trang bám các vùng địa hình ở lại địa phương.

Với sự hỗ trợ của Tỉnh ủy, cán bộ Đảng, Mặt trận, cán bộ quân sự Xuân Lộc chủ động gây dựng lại cơ sở và lực lượng. Cơ sở mật của cách mạng xây dựng lại nhanh chóng trong nhiều xã, cả trong các ban, tề, trong lính tráng. Tháng 10/1946, chỉ trong một đêm cơ sở cách mạng vận động nhân dân kết hợp với nhân mối trong chính quyền địch đồng loạt nổi dậy, phá bỏ các ban tề, tước vũ khí lính tráng, lập lại chính quyền và xây dựng đội du kích ở 3 xã: Tân Lập, Bình Hòa, Bình Lộc. Ở phía Rừng Lá, quân dân Xuân Lộc xây dựng cơ sở cách mạng ở Bảo Chánh, Thọ Vực, Võ Đắc. Cuộc nổi dậy từ 3 xã và vùng Bảo Chánh, Thọ Vực phát triển sang các xã trong huyện. Căn cứ cách mạng ở vùng núi Chứa Chan cũng được xây dựng.

Nhiều toán thanh niên, du kích cao su tập hợp nhau lại do đồng chí Nguyễn Văn Tùng và đồng chí Tư Xường chỉ huy. Thanh niên công nhân Lê Sắc Nghi tham gia đội du kích đã cùng đồng chí Tư Xường đột nhập sở Suối Tre, đánh úp và diệt được tên chủ sở, lấy 1 súng sáu. Được sự hướng dẫn của đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Chỉ huy trưởng Chi đội 10, đội du kích chuyển thành Ban Công tác liên thôn 9. Nhóm thanh niên vũ trang ở quanh vùng thị trấn chuyển thành Ban Công tác liên thôn 10, hoạt động trong thị trấn và vùng ven. Mỗi ban công tác liên thôn có trên 20 người, 10 súng, có 1 súng tiểu liên. Trên cơ sở đó, Quốc vệ đội huyện thành lập do đồng chí Lê Văn Vận trực tiếp làm đội trưởng.

Thời kỳ này, Chi đội 10 phân công Trung đội 6 và Trung đội 4 hoạt động ở Xuân Lộc. Các chiến sĩ vốn là công nhân các sở cao

su Xuân Lộc bỏ đồn điền đi chiến đấu. Đến cuối năm 1946, cơ sở cách mạng được xây dựng lại ở các sở cao su, các xã và thị trấn, lực lượng huyện phát triển, được lựa chọn, và đã có kinh nghiệm công tác và chiến đấu. Đội ngũ cán bộ nói chung phần lớn đã được sàng lọc trong những tháng khó khăn.

Theo lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch và thực hiện triệt để khẩu hiệu “Tiêu thổ kháng chiến” của Mặt trận Việt Minh, hàng ngàn đồng bào thị trấn Xuân Lộc chuyển ra vùng kháng chiến, tự tay đốt nhà mình. Tại các sở cao su, công nhân phá các cơ sở máy móc, đưa máy móc, hóa chất vào căn cứ cách mạng xây dựng công binh xưởng. Mặt khác, ta phá giao thông địch. Đêm đến nhân dân, bộ đội kéo ra phá đường quốc lộ.

Từ đầu năm 1947, vấn đề lương thực nuôi quân gặp khó khăn. Nhân dân huy động xe trâu, xe bò đi Bàu Lâm chở gạo cho bộ đội nhưng gặp khó khăn vì giặc chặn đường, có lần chúng cướp cả một đoàn 20 xe bò. Trước tình hình đó, Đảng bộ Xuân Lộc phát động phong trào sản xuất tự túc sôi nổi trong nhân dân. Địch lại tập trung phá hoại mùa màng, thóc lúa. Để bảo vệ nguồn lương thực, Huyện ủy Xuân Lộc tổ chức các “Hội gặt tập đoàn” huy động cả dân, quân chính tập trung đi gặt, lúa chín tới đâu thu hoạch xong tới đấy, gặt tới đâu giấu tới đó.

Trên chiến trường cả huyện, cuộc chiến đấu phát triển với sự trưởng thành của các đơn vị. Trung đội 6 do đồng chí Vũ chỉ huy thường hóa trang bất ngờ diệt đồn bót, đánh vào quân địch ở thị trấn, ở trung tâm cao su, đốt nhà cửa, trụ sở chúng mới dựng lên. Bọn địch ở Xà Bang, Dầu Giây, Suối Râm không tránh khỏi đòn trừng trị của trung đội. Ở phía Bắc và phía Đông huyện, Trung đội 4 đánh cho quân địch phải phục và sợ. Tháng 10/1946, trung đội 4 đánh phá đồn điền Bình Lộc, diệt và bắt gọn quân lính bảo vệ, bắt sếp sở cùng những tên phản động thu một cối 60 ly, 5 tiểu liên, 30 súng trường. Đồng thời 500 công nhân nổi dậy đốt xe sở, kho mủ cao su, lấy máy móc, chở lương thực thuốc men ra căn cứ



kháng chiến.

Quốc gia tự vệ cuộc, Quốc vệ đội của huyện lúc này tạo được nhiều cơ sở mật trong vùng địch, trong hàng ngũ của địch và lấy được nhiều súng đạn từ binh lính địch. Nhờ vậy lực lượng công an huyện sớm nắm được tình hình địch kịp báo cho Trung đội 4, Trung đội 6 biết mà chuẩn bị cách đối phó. Sự đoàn kết gắn bó sống chết, giúp đỡ lẫn nhau giữa trung đội 4, trung đội 6 với quốc vệ đội, công an huyện tạo điều kiện cho bộ đội và công an huyện hoàn thành tốt các nhiệm vụ chiến đấu.

Hai trận đánh nổi tiếng của quân dân Xuân Lộc trong giai đoạn này là trận Bảo Chánh 1 và trận Trảng Táo. Trong trận Bảo Chánh 1 vào tháng 4/1947, Đại đội B Xuân Lộc gồm 3 trung đội 4, 5, 6 đánh một đoàn xe lửa địch. Lần đầu tiên ta dùng mìn điện do xưởng Chi đội 10 chế tạo bằng đạn pháo 75, diệt cả đoàn xe lửa; thu được một số súng trong đó có 1 đại liên. Tiếp đó là trận Trảng Táo tháng 5/1947, bộ đội gồm trung đội 5 và 6 từ núi Chứa Chan hành quân 1 ngày tới trận địa phục kích. Trận này ta không dùng mìn mà tháo ốc đường ray rồi dùng dây kéo chệch khi xe sắp qua. Đoàn xe lửa bị đứt làm đôi, đoạn đầu chạy về đến ga Gia Huỳnh, đoạn sau lao theo đường ray kéo chệch, chạy qua chỗ bộ đội phục kích 1km mới bị đổ. Lập tức bộ đội xung phong chạy đuổi theo diệt địch, ta thu được 2 đại liên, 20 súng trường và tiểu liên và 1 toa xe có 100 bao gạo. Rút kinh nghiệm, quân dân Xuân Lộc sau đó liên tiếp có nhiều trận đánh Pháp hiệu quả, như trận Bảo Chánh 2 và tháng 6/1947, trận Bàu Cá ngày 14/7/1947.

Ngày 13/11/1947, Xứ ủy Nam Bộ quyết định tổ chức phát triển dân quân, lập phòng dân quân Nam Bộ. Tỉnh đội bộ dân quân Biên Hòa thành lập tại Xuân Lộc, các ban công tác liên thôn 9 và 10 hợp nhất lại, tổ chức thành Huyện đội dân quân, chịu sự lãnh đạo của Huyện ủy và nằm trong Ủy ban kháng chiến huyện. Lực lượng vũ trang ở cấp huyện là đội du kích tập trung gồm các chiến sĩ ở hai ban công tác chuyên sang. Mỗi xã đều thành lập đội du

kích xã và tổ chức dân quân. Ở các sở cao su cũng tổ chức dân quân và đội du kích. Với tinh thần và phương pháp tổ chức mới, Huyện ủy phát huy được năng lực hoạt động toàn diện về công tác và chiến đấu của lực lượng vũ trang tổ chức, và huy động được sức chiến đấu bảo vệ địa phương của nhân dân và du kích.

Ngày 1/3/1948, quân dân Xuân Lộc phối hợp với Chi đội 10 đánh thắng trận La Ngà trên Quốc lộ 20, gây tiếng vang lớn, cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến xây dựng phát triển lực lượng vũ trang ở Xuân Lộc, ở miền Đông, đánh dấu bước phát triển mới tiến lên đánh lớn của bộ đội Nam Bộ. Phối hợp với lực lượng vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh ở các sở cao su. Công nhân đấu tranh đòi tăng lương, bớt giờ làm, đòi khoán công, khoán việc tự quản lý, bớt có lính đi kèm.

Sang năm 1951, địch tập trung đánh phá lấn chiếm vào chiến khu Đ, chiếm đóng các lõm căn cứ ta, tạo những “vùng trắng” không có dân để cô lập phong trào kháng chiến. Vùng giải phóng ở Xuân Lộc chỉ còn vùng rừng cây, rừng lá từ Gia Ray ra suối Đá Bạc. Đảng bộ Xuân Lộc định hướng cán bộ, chiến sĩ tuyên truyền vũ trang Xuân Lộc phân tán về cơ sở, vào các sở cao su. Hoạt động vũ trang của các đội công tác nhằm phục vụ xây dựng cơ sở và phong trào đấu tranh chính trị của công nhân. Phối hợp với công nhân, các đội cảnh cáo những tên chỉ điểm, trừng trị những tên tay sai gian ác. Các đội hướng dẫn các cơ sở vận động binh lính ngụy làm việc cho ta, hoặc vác súng ra rừng theo kháng chiến. Năm 1951, đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc đánh địch và đốt lò xông sở Tân Phong, cảnh cáo những chủ sở cao su không chịu nộp thuế cho kháng chiến, các chủ sở cao su đều tuân theo, nộp thuế đầy đủ.

Đồng thời các đội vũ trang công tác liên tiếp đánh địch trên các đường giao thông; trên đường xe lửa, các quốc lộ 1 và 20, góp phần ngăn chặn giao thông vận tải của địch. Năm 1951, đội đã phối hợp cùng bộ đội tỉnh Bà Chợ đánh diệt 1 đoàn xe địch

ở Trảng Táo lấy 2 trung liên, nhiều súng đạn và lương thực. Đội vũ trang công tác A và B đồn điền An Lộc đã vận động và lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân trong sở, diệt một số tay sai địch, đánh một xe lửa ở dốc Mẹ Bồng Con. Tháng 5/1951, đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc nhận nhiệm vụ phân tán bớt quân địch ở Trảng Bom và chặn quân chi viện từ Xuân Lộc đến Trảng Bom, tạo điều kiện cho Tiểu đoàn 303 cùng đội vũ trang tuyên truyền thị xã Biên Hòa bất ngờ tập kích tiêu diệt hơn 1 đại đội địch ở Trảng Bom, phá hủy xe bọc thép án ngữ, thu nhiều vũ khí đạn dược.

Việc đóng tài chính của toàn huyện Xuân Lộc lên cấp trên mỗi năm một phát triển, và đều vượt yêu cầu của tỉnh. Xuân Lộc cùng Lái Thiêu dẫn đầu các huyện trong tỉnh Thủ Biên về cung cấp tài chính cho tỉnh.

Năm 1952, Trung ương đã có điều kiện chi viện lớn về vũ khí cho Nam Trung Bộ. Hàng ngàn tấn vũ khí đã được Tiểu đoàn 320 chuyên vận từ Hàm Tân qua Xuân Lộc đến Chiến khu Đ qua đường xe lửa, quốc lộ 1, quốc lộ 20. Địch tăng cường lực lượng để vây, ngăn chặn, nhưng quân dân Xuân Lộc, công nhân cao su các sở đã hết sức cảnh giác, bảo vệ tiểu đoàn, không ngừng giữ bí mật cho tiểu đoàn và luôn tìm cách đánh lạc hướng bọn địch đi tuần tiễu, góp phần giúp Tiểu đoàn 320 hoàn thành nhiệm vụ có tính chất chiến lược này.

Trong chiến dịch Đông Xuân 1953-1954, ở Xuân Lộc ta liên tục đánh địch trên các đường giao thông quan trọng là quốc lộ 1 và quốc lộ 20, gây thiệt hại và trở ngại cho giao thông của địch ở 2 con đường huyết mạch. Chúng phải điều lực lượng về đóng dây đặc trên 2 quốc lộ nói trên để bảo vệ vận chuyển, dồn quân, rút quân. Ở các sở cao su công nhân tiến hành đấu tranh chính trị giành từng bước thắng lợi đối với địch. Các đội vũ trang công tác cùng chi bộ Đảng và cơ sở công đoàn trong các sở chuẩn bị lực lượng tiến công diệt địch, vận động binh lính địch, giành lại

cơ sở. Huyện Xuân Lộc đang chuẩn bị tiến công mạnh mẽ chuyển vùng thì Hiệp định Geneve về ngừng bắn lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

Suốt chín năm kháng chiến, nhân dân Xuân Lộc vững tin ở Đảng, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, đoàn kết bất khuất, kiên trì chiến đấu, vượt muôn trùng khó khăn, cùng miền Đông “gian lao mà anh dũng” góp phần với cả nước giành thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Theo quy định của Hiệp định đình chiến, Xuân Lộc nằm trong khu vực chuyển quân tập kết 80 ngày. Hầu hết cán bộ chiến sĩ trong đội vũ trang tuyên truyền của huyện lên đường tập kết với tinh thần hết sức khẩn trương. Chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức học tập cho số cán bộ đảng viên được phân công ở lại trước khi bố trí về các địa phương, chỉ rõ tình hình đấu tranh nhất định sẽ vô cùng phức tạp, yêu cầu mỗi đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, không được tách rời quần chúng trong mọi hoạt động, phải giữ vững khí tiết người Cộng sản. Cuối năm 1954, Tỉnh ủy quyết định xây dựng tổ chức của Đảng ở Xuân Lộc cho phù hợp tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, trước mắt là thành lập Ban Cán sự huyện Xuân Lộc. Các đồng chí trong Ban Cán sự huyện Xuân Lộc móc nối số đảng viên được phân công ở lại và đến cuối năm 1954 đã xây dựng được 3 chi bộ Đảng là: chi bộ thị trấn, chi bộ Gia Ray và chi bộ Rừng Lá.

Ở Xuân Lộc lúc này số lượng cán bộ, đảng viên tương đối mỏng so với các nơi khác. Tỉnh ủy và Ban Công vận Xứ ủy đã tăng cường nhân lực cho địa phương. Sau hơn một năm xây dựng, tổ chức Đảng ở Xuân Lộc được kiện toàn từ cơ sở cho đến huyện. Mạng lưới đảng viên phát triển tương đối rộng khắp ở các xã và các sở cao su. Đến đầu năm 1956 trong toàn huyện Xuân Lộc đã xây dựng được 10 chi bộ với hơn 40 đảng viên. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và các chi bộ Đảng, phong trào đấu tranh chính trị

đòi dân sinh, dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử phát triển sôi nổi trong hai năm 1955-1956.

Trong thời gian đầu, toàn bộ hệ thống cai trị của thực dân Pháp trước đây vẫn là công cụ đàn áp nhân dân. Tổ chức tình báo của Pháp (CR) đóng ở Suối Tre (An Lộc) trong những ngày còn lại vẫn tiếp tục chống phá cách mạng, khủng bố đồng bào bảo vệ quyền lợi của tư bản thực dân ở các đồn điền cao su. Từ năm 1955 trở đi chính quyền Ngô Đình Diệm dần đưa các tên tay sai trung thành với chủ mới vào các cương vị chủ chốt ở Xuân Lộc. Song song với việc lập các hội đồng tề, chúng mở đường sá, bố trí đồng bào di cư dọc theo các trục lộ giao thông quan trọng và sâu trong các khu căn cứ cách mạng. Âm mưu của địch lúc ấy là biến mấy vạn đồng bào di cư từ miền Bắc vào Xuân Lộc thành cơ sở hậu thuẫn chính trị. Mặt khác, chúng chọn những tên phản động nhất và đưa vào bộ máy tề ngụy xã ấp và lực lượng cảnh sát mật vụ để đánh phá cách mạng ở địa phương. Cùng với việc xây dựng hệ thống chính quyền các cấp, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung xây dựng các tổ chức đảng phái phản động ở địa phương như “Đảng Cần lao”, “Phong trào Cách mạng quốc gia”.

Tại các xã ấp, chúng quy tụ 5-10 gia đình vào thành 1 liên gia và cài mật vụ để khống chế người dân. Chúng phân loại dân, lập danh sách để theo dõi, bắt bớ số cán bộ kháng chiến cũ và các gia đình cơ sở cách mạng. Chúng gấp rút tổ chức chức lực lượng bảo an đoàn thay thế bọn thân binh do Pháp tổ chức trước đây, đồng thời tiến hành xây dựng lực lượng dân vệ, cảnh sát từ cơ sở đến tỉnh nhất là phát triển rộng khắp mạng lưới mật vụ trong các xã ấp. Chúng ráo riết bắt lính, tổ chức đoàn bảo an tỉnh Long Khánh gồm có 5 đại đội, mỗi xã có một xã đoàn dân vệ từ 30-40 tên. Hệ thống đồn bót được mở rộng dọc theo các trục lộ 1, lộ 20, lộ 2-3 và cắm sâu trong các vùng căn cứ của kháng chiến trước đây như Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Gia Ray, Võ Đắc, Rừng Lá... từ đó ra sức khủng bố, dồn ép nhân dân. Chúng tổ chức thành lập một số dinh điền như: dinh điền Bình Phú, dinh điền Thừa Đức... để gom đồng

bào vào các khu tập trung đồng thời bóc lột sức lao động của bà con ta. Một số nguy quân nguy quyền có thể lực ở Sài Gòn, Biên Hòa cũng lần lượt về Xuân Lộc chiếm đất lập vườn trồng cà phê, trồng cây ăn trái... ruộng và đất Xuân Lộc dần dần rơi về tay bọn địa chủ và tư sản mới. Những quyền lợi kinh tế do cách mạng đã đem lại cho nông dân Xuân Lộc trong kháng chiến chống Pháp bị xóa bỏ bằng các chính sách “cải cách điền địa” mị dân của Mỹ - Diệm với các thủ đoạn thâm độc về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa.

Trước âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, nhân dân ta không khoan tay ngồi yên mà là bước vào một thời kỳ đấu tranh mới. Nhân dân Xuân Lộc tiến hành đấu tranh theo khẩu hiệu chung của cách mạng miền Nam lúc đó là: “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ chuyển hướng đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị đòi thực hiện hiệp định đình chiến củng cố hòa bình thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất, chống khủng bố, bảo vệ những quyền lợi của quần chúng đã giành được trong kháng chiến”. Ban Cán sự huyện Xuân Lộc đã móc nối sắp xếp, tổ chức lại đội ngũ cán bộ đảng viên ở địa phương, hoạt động hợp pháp kết hợp với bí mật. Toàn bộ các đồng chí trong ban cán sự và đảng viên đều đi vào sống hợp pháp trong dân.

Tại thị trấn Xuân Lộc, trong những tháng cuối năm 1954 và đầu năm 1955, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển mạnh. Chi bộ Đảng đã lãnh đạo quần chúng liên tục đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, tổ chức rải truyền đơn, kẻ biểu ngữ, tố cáo Mỹ - Diệm vi phạm hiệp định. Phong trào đấu tranh trong các sở cao su phát triển mạnh, nhiều đồng chí cán bộ trong Huyện ủy tập trung hoạt động hợp pháp và bí mật tại Suối Tre và Bình Lộc.

Từ đầu năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu tiến hành khủng bố, càn quét, bắt và thủ tiêu một số cán bộ và quần

chúng cách mạng. Điểm đánh phá đầu tiên của chúng là thị trấn Xuân Lộc. Đến cuối 1955, chi bộ thị trấn bị đánh tan rã, hầu hết các đồng chí đảng viên bị địch bắt. Tuy nhiên, ở các sở cao su ta vẫn còn lực lượng nòng cốt và phong trào đấu tranh vẫn diễn ra quyết liệt, từ đó dần xây dựng lại cơ sở trong đô thị. Đặc biệt, lợi dụng thời điểm địch xây dựng bộ máy, ta cài cắm được một số đồng chí. Nhờ có chủ trương đúng đắn và sự lãnh đạo sâu kịp thời của Huyện ủy Xuân Lộc, chỉ trong vòng hơn 2 năm 1954-1955, Xuân Lộc từ một vùng yếu trở thành một huyện có cơ sở Đảng tương đối rộng khắp, có phong trào đấu tranh chính trị phát triển.

Giữa năm 1957, Tỉnh ủy cử một số đồng chí Tỉnh ủy viên về tăng cường cho Xuân Lộc. Cuối năm 1960, Ban Cán sự Xuân Lộc được thành lập. Một tiểu đội của lực lượng C40 được bố trí về khu vực Rừng Lá thành lập Đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc. Được đồng bào dân Chơ-ro ủng hộ vừa giúp sản xuất lương thực, thực phẩm vừa thông báo tin tức, đội làm công tác vũ trang tuyên truyền tổ chức nhiều trận diệt ác phá kìm để đưa phong trào lên và tích cực phát triển lực lượng, xây dựng cơ sở. Một số tổ Đảng cũng được thành lập ở các đồn điền cao su.

Tháng 12/1961, Ban Cán sự tỉnh Long Khánh cũng ra đời ở căn cứ Rừng Lá. Ban cán sự chủ trương thâm nhập vào quần chúng, tiếp tục móc nối số đảng viên và cơ sở thời chín năm kháng chiến chống Pháp, lấy vũ trang tuyên truyền, diệt ác làm đòn xoay để phát triển phong trào, tích cực xây dựng lực lượng, phát triển mạng lưới cơ sở Đảng rộng khắp các xã, lấy thị xã Long Khánh làm trọng điểm “khai hoang”, từ đó mở rộng diện tích ra các xã ven. Tại thị xã Long Khánh, Bảo Vinh, Bình Lộc, Tân Phong, một số cán bộ cách mạng ở các địa phương khác bị địch khủng bố trong thời kỳ 1954-1959 đã tạm lánh về Xuân Lộc sinh sống và tìm cách móc nối với nhau để hoạt động. Bước đầu các đồng chí tập hợp được một tổ công tác và đã liên lạc móc nối được với Ban Cán sự tỉnh Long Khánh.

Mở màn cho phong trào diệt ác phá kìm ở thị trấn xã, tháng 1/1962, các đồng chí đã tổ chức diệt tên Tri trưởng ấp Suối Rét ngay tại thị xã. Tiếp đó, tháng 2/1962, được cơ sở hỗ trợ, đồng chí Tư Lạc, Trưởng Ban quân sự huyện, hóa trang làm quận trưởng (ngụy) Xuân Lộc trực tiếp dẫn 1 tiểu đội đột nhập ấp Bảo Vinh B, bắt gọn 21 tên tề ngụy đang họp bàn kế hoạch gom dân lập ấp, chống phá cách mạng. Ngày 27/2/1962, một bộ phận lực lượng D500 phối hợp với lực lượng Xuân Lộc (Long Khánh) tập kích tiêu diệt gọn 1 đại đội biệt động quân đang đóng dã ngoại ở Tà Lú (Mây Tàu) để chuẩn bị đánh Bàu Lâm. Cuộc hành quân của địch bị bẻ gãy, ta thu được 43 súng (có 3 trung liên).

Tháng 3/1962, được cơ sở bên trong báo cáo tình hình địch, đội vũ trang tuyên truyền đột kích vào dinh điền Bình Phú thu 27 súng, phá đồn và rút lui an toàn. Với những thắng lợi này bước đầu ta bẻ gãy mưu đồ xây dựng và củng cố bộ máy tề ngụy của địch ở xã ấp, mở rộng thế làm chủ của ta đến các vùng ven thị xã. Từ đó phong trào đấu tranh cách mạng ở Xuân Lộc được khơi dậy mạnh mẽ với những hoạt động diệt ác phá kìm ngày càng sôi động ở khắp nơi làm thôi động mạnh bọn ngụy, quân ngụy quyền địa phương, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ đấu tranh quyết liệt chống đế quốc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai.

Thời điểm địch thực hiện các kế hoạch “bình định”, “gom dân lập ấp chiến lược”, mấy tháng liền địch liên tục tổ chức bắn phá, cản bố, xua đuổi, nhân dân các xã Bảo Chánh, Gia Ray, Cẩm Đường, Bảo Vinh, Bình Lộc và nhiều xã, ấp khác ở phía Nam lộ 1. Nhưng người dân các địa phương vẫn kiên quyết bám rẫy, bám vườn không chịu dời nhà vào ấp chiến lược. Ngày 8/3/1962, địch mở chiến dịch “Mặt trời mọc” đánh vào các đồn điền cao su để gom dân lập ấp chiến lược. Công nhân các đồn điền cao su Hàng Gòn, Suối Tre, Cẩm Mỹ, Bình Lộc, Dầu Giây... liên tục đấu tranh giành giật với địch từng tằm tòn, tằm lá, tay không chọi với báng súng của địch, chặt cây làm vật cản xe, không cho giặc cày ủi



nương vườn. Địch đưa lính tới dỡ nhà, hôm sau công nhân lợp lại. Địch đốt nhà, công nhân và đồng bào lại che chòi, dựng lán để ở... Bằng nhiều cách, dù phải đổ máu đồng bào các xã ấp cùng công nhân các sở cao su được các đội vũ trang hỗ trợ đã trì hoãn và chống lại, không để cho địch gom vào trong các ấp chiến lược. Phong trào diệt ác, chống phá địch gom dân tiếp tục lan rộng ra các xã Bảo Chánh, Bảo Bình, Bảo Vinh, Bình Lộc, Gia Ray, Gia Kiệm, Cây Gáo, Suối Tre, Dầu Giây, Cẩm Mỹ.

Đến đầu năm 1963, mặc dù bị quần chúng khắp nơi đấu tranh quyết liệt, bọn địch vẫn ra sức cưỡng bức thực hiện “quốc sách ấp chiến lược”. Ở Xuân Lộc, địch thành lập nhiều loại hình ấp chiến lược khác nhau: nông thôn, thị xã và vùng cao su. Với vùng nông thôn, địch gom dân, xúc tát dân các nơi về rồi cưỡng bức đào hào sâu 2 mét, dưới hào cắm chông nhọn; dựng rào cao 1 mét, hàng rào vừa có tre chẻ vừa cắm cọc sắt rồi căng giây kẽm gai. Ở thị xã Long Khánh, bao quanh thị xã là một vành đai ấp chiến lược dài gần 10 kilômét với hàng chục bót gác, tháp canh. Nội ô thị xã ngoài các đồn bót kiên cố còn có những lô cốt lớn, nhỏ bằng xi măng, cốt sắt nửa chìm nửa nổi. Các lối ra vào thị xã đều bị rào chặn bằng kẽm gai, xung quanh là bãi mìn, lựu đạn, chỉ chừa 2 cổng lớn dọc trên tuyến quốc lộ 1, đóng mở theo giờ quy định. Còn các ấp chiến lược ở đồn điền cao su, địch gom các gia đình công nhân vào trung tâm đồn điền để dễ kiểm soát, gia đình có thân nhân theo cách mạng thì ở ngoài sát hàng rào để “làm bia” nếu như phía cách mạng tấn công.

Cùng với gom dân lập ấp chiến lược địch tổ chức hệ thống kiểm soát, kìm kẹp với những đồn bót trạm gác khắp các trục lộ giao thông. Bọn biệt kích, thám báo lẫn lút trong các ấp chiến lược hoạt động quấy phá những vùng gần căn cứ cách mạng. Thị xã Long Khánh và vùng ven Bảo Vinh, Bình Lộc là nơi địch quy tụ mạng lưới tình báo, chỉ điểm đông đảo nhất để bắt bớ người dân và cán bộ cách mạng.

Từ khi địch tiến hành lập ấp chiến lược cuộc sống của đồng bào, cán bộ chiến sĩ Xuân Lộc gặp khó khăn nhiều mặt. Liên lạc giữa đồng bào với cán bộ, chiến sĩ nhiều nơi bị gián đoạn do địch kiểm soát gắt gao. Ban Cán sự Long Khánh đã kịp thời chỉ đạo phong trào trong toàn huyện các chủ trương kết hợp 3 mũi quân sự chính trị, binh vận phá lòng, phá rã, phá banh ấp chiến lược, đẩy mạnh diệt ác phá kìm, đánh bại âm mưu “bình định nông thôn” ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển Đảng và cơ sở quần chúng cách mạng. Phong trào diệt ác phá ấp chiến lược đã diễn ra sôi động khắp nơi.

Chỉ trong vòng 3 tháng, từ tháng 3 đến tháng 6/1963, được lực lượng vũ trang của khu hỗ trợ, lực lượng vũ trang huyện và du kích địa phương đã đồng loạt tiến công phối hợp nổi dậy của quần chúng phá banh 3 ấp chiến lược Bảo Bình 1, Bảo Bình 2, Bảo Bình 3 và các ấp chiến lược ở Tân Phong, Bàu Sao, Bàu Sen. Ở các sở cao su Cẩm Mỹ, Dầu Giây, An Lộc, phong trào diệt ác phá ấp chiến lược cũng diễn ra quyết liệt.

Kết hợp với phá ấp chiến lược, bộ đội địa phương tập kích đồn Bảo Chánh diệt một trung đội dân vệ thu 20 súng; đột kích vào đồn Túc Trung và hội đồng xã bắt sống 1 trung đội dân vệ, thu 51 súng các loại, 2 máy may và nhiều quân trang, quân dụng. Tại thị xã Long Khánh, đội vũ trang tuyên truyền Long Khánh đã đánh vào trụ sở Hội đồng xã Xuân Lộc. Tháng 2/1964, lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh phối hợp với lực lượng địa phương tấn công vào sở cao su Hàng Gòn, qua trận này hầu hết các chủ sở cao su ở Xuân Lộc đều đóng thuế cho mặt trận, số tiền thu được hơn 52 triệu đồng, một số ta nhận tại chỗ, còn phần lớn ta cho phép các chủ sở được nộp qua đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở Pháp.

Tháng 3/1964, Mỹ đưa ra kế hoạch mới Johnson - McNamara, tuyên bố sẽ “bình định miền Nam trong vòng 2 năm”, tăng thêm viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn để đánh phá phong trào cách

mạng miền Nam. Ở Xuân Lộc, địch củng cố lại bộ máy kim kẹp, lập thêm đồn bót, tăng thêm đến 48 trung đội dân vệ, thêm 3 đại đội bảo an và một đại đội biệt kích cho các ấp.

Huyện ủy Xuân Lộc chủ trương: tiếp tục đẩy mạnh hoạt động vũ trang, diệt ác, phá kim, phá rã, phá banh ấp chiến lược bẻ gãy âm mưu “bình định” của giặc, tạo thế thuận lợi cho quần chúng bung ra sản xuất. Tháng 6/1964, bộ đội Xuân Lộc đánh vào ấp chiến lược Đồng Hiệp (Túc Trưng), bắt sống trên 10 tên tề nguỵ, thu 10 súng, ấp chiến lược Đồng Hiệp bị phá banh. Trong trận này, bộ đội Xuân Lộc được tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng ba.

Từ tháng 1/1964, Xuân Lộc tích cực chuẩn bị công tác hậu cần cho chiến dịch Bình Giã. Suốt thời gian của chiến dịch, bộ chỉ huy đóng ở Xuân Lộc. Đảng bộ, quân và dân Xuân Lộc đã làm hết sức mình để bảo đảm cho công tác vận tải vũ khí, đạn dược, cung cấp lương thực, góp phần cùng hậu cần miền phục vụ bộ đội ăn no đánh thắng.

Phối hợp mũi tiến công chặn địch ở chiến trường Long Khánh, ngay từ ngày đầu chiến dịch (5/12/1964) được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tỉnh và khu, quân dân Xuân Lộc đã liên tục tiến công địch trên dọc tuyến quốc lộ 1, giải phóng Cẩm Đường và dinh điền Thừa Đức, Bình Phú, thu hơn 200 súng, 13 thùng đạn, 1 máy PRC10 bắt sống nhiều tên địch. Đội vũ trang tuyên truyền của huyện phối hợp với du kích và dân địa phương đã xây dựng Thừa Đức thành xã chiến đấu. Bộ đội địa phương Xuân Lộc cũng bao vây bức rút 1 trung đội dân vệ ở đồn Bảo Chánh, thu được nhiều lương thực và quân dụng. Đây là lần thứ 3 đồn này bị đánh phá sau khi chúng mới vừa củng cố lại. Việc bức rút đồn và phá ấp chiến lược Bảo Chánh đã mở được thế kim kẹp cho dân. Cán bộ chiến sĩ ra vào hoạt động dễ dàng. Với chiến công này, bộ đội địa phương Xuân Lộc được thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba. Cuối tháng 12/1964, trong trận phục kích Rừng

Lá, bộ đội địa phương Xuân Lộc chặn bắt được 11 xe gạo trên 100 tấn của địch chở từ Xuân Lộc đi Phan Thiết.

Ngày 3/1/1965, chiến dịch Bình Giã kết thúc đợt 2, thắng lợi to lớn đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần quân dân Xuân Lộc. Được sự hỗ trợ của trung đoàn 271, 272 (Miền), Đội vũ trang tuyên truyền, du kích địa phương và đồng bào nổi dậy phá tan các ấp chiến lược Phò Tri, Cẩm Mỹ, Bảo Định, Suối Cát... Du kích các xã ven như Bảo Vinh, Bình Lộc cũng tiến công đánh địch diệt nhiều tên ác ôn, đưa phong trào đấu tranh của các xã này thành những xã tranh chấp mạnh giữa ta và địch. Địch ở thị xã Long Khánh bị ta uy hiếp nặng.

Ngày 8/5/1965, ngay giữa nội ô thị xã Long Khánh, bộ đội địa phương Xuân Lộc đã đặt mìn đánh sập một phần tòa hành chính tỉnh Long Khánh và cũng là “bản doanh” của bọn chỉ huy Trung đoàn 43 (sư đoàn 10).

Từ đêm 7/5 đến ngày 14/5/1965, các mũi tiến quân của Trung đoàn 4 của Xuân Lộc liên tiếp giành thắng lợi ở Tà Lài, Ba Sa, chi khu Định Quán, phá hồng nặng và giành quyền làm chủ quốc lộ 20, buộc địch phải lập “cầu không vận Sài Gòn - Đà Lạt”. Tiểu khu Long Khánh hốt hoảng báo động và tức tốc chuyển quân ứng cứu. Trung đoàn 4 phục kích diệt địch trên đoạn cây số 109 - 111 quốc lộ 20 gần cầu La Ngà. Ngày 15/5/1965, toàn bộ quân cứu viện của địch từ Long Khánh lên lọt vào thế trận của các chiến sĩ Trung đoàn 4. Cả tiểu đoàn biệt động quân và 1 đại đội bảo an lần lượt bị tiêu diệt, chỉ còn 20 tên hàng binh trong đó có tên tiểu đoàn phó biệt động quân. Trên tuyến đường dài 2 km xác giặc la liệt, 26 xe quân sự gồm cả xe tăng, xe thiết giáp bị bắn cháy, lật đổ. Ta thu hơn 100 súng các loại. Các chiến sĩ miền Đông gọi đây là “Chiến thắng La Ngà 2”. Bộ Tư lệnh Miền đã tặng Bộ Chỉ huy chiến dịch Huân chương Quân công hạng Ba. Trung đoàn 4 được Bộ Tư lệnh quân khu gọi điện khen.

Ngày 2/6/1965, Trung đoàn 4 phối hợp với công binh phục

kích đoàn xe lửa quân sự trên đoạn Gia Huỳnh - Trảng Táo, diệt và làm bị thương hơn 1 trung đội địch thu 50 súng. Tại Xuân Lộc, phối hợp với mũi tiến công trong chiến dịch Đồng Xoài, quân và dân Xuân Lộc đã liên tiếp đánh địch ở khắp các chiến trường, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy giải phóng nhiều xã ấp trên quốc lộ 1 từ Đá Mài (Bình Tuy) tới Gia Ray, Rừng Lá, Suối Cát, các ấp Trà Tân 1, Trà Tân 2 (ở lộ 3), Bảo Bình (lộ 2) và các sở nhỏ như Xà Bang, Bảo Chánh ... Đặc biệt trận tập kích vào yếu khu Gia Ray đêm 8 rạng ngày 9/6/1965, Trung đoàn 4, bộ đội Xuân Lộc và du kích địa phương đã tiêu diệt 3 đại đội nguy và khung huấn luyện 1 đại đội bảo an, 1 trung đội dân vệ, 30 tên bị bắt sống. Ta tịch thu 150 súng và 5 tấn đạn các loại, 3 toa xe lửa chiến lợi phẩm; đồng thời chiếm lĩnh một yếu khu quan trọng của địch trên quốc lộ 1, giải phóng hơn 7.000 dân. Tháng 10/1965 được cấp trên hỗ trợ, quân và dân Bảo Chánh, Bình Lộc đã nổi dậy tiến công địch, giải phóng xã, giành quyền làm chủ.

Mặc dù cuộc chiến đấu còn gay go khốc liệt, nhưng vào lúc này từ Bàu Lâm, Phước Bửu lên tới Xà Bang giáp Cẩm Mỹ là một tuyến giải phóng hoàn toàn. Con đường tiếp tế từ biển vào Lộc An về tới Khu đều vận chuyển bằng ô tô. Riêng trên đoạn đường dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Cát ra đến Rừng Lá, đội vũ trang tuyên truyền đã đón có ngày hàng 300-400 lượt xe đò để tuyên truyền thắng lợi của cách mạng. Hai cửa khẩu Bàu Hàm và Bảo Bình ở Xuân Lộc trở thành trung tâm tiếp tế hậu cần trọng yếu, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men, đồ quân dụng cho cả tỉnh và quân khu.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đến cuối năm 1965, quân và dân Xuân Lộc đã đánh bại “Quốc sách áp chiến lược” và kế hoạch “bình định nông thôn” của địch, giải phóng phần lớn nông thôn trong huyện. Quân đội Mỹ và quân một số nước chư hầu đã tăng cường ồ ạt vào miền Nam, đồng thời Mỹ sử dụng không quân và hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc ác liệt trên quy mô lớn. Ở Xuân Lộc, Mỹ đưa tiểu đoàn pháo binh 33 đóng tại

căn cứ Hoàng Diệu, đưa trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 chốt ở Suối Râm, lữ đoàn dù 173 Mỹ đặt căn cứ ở Biên Hòa, nhiều lần đổ quân xuống Xuân Lộc đóng tại Suối Râm. Mỹ xây dựng thị xã Long Khánh thành căn cứ quân sự, xây dựng sở chỉ huy khu chiến thuật 33. Sĩ quan chỉ huy tham mưu, nhân viên CIA Mỹ dày đặc. Lực lượng quân nguy ở Xuân Lộc trước đã có sư đoàn 10, 13 đại đội bảo an, 48 trung đội dân vệ địa phương.

Tỉnh ủy Long Khánh định hướng: xây dựng địa bàn đứng chân vững chắc, bám trụ lại chống càn. Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, chính trị, đẩy mạnh tấn công bằng “2 chân, 3 mũi”, thọc sâu đánh các chỉ huy sở, bộ chỉ huy hành quân, các căn cứ, làm rối loạn hậu phương địch, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị. Kiên quyết đánh bại âm mưu tìm diệt bên ngoài của địch, bẻ gãy âm mưu bình định vùng ven, thọc sâu diệt ác phá kìm, tạo điều kiện để quần chúng bung ra sản xuất. Tỉnh ủy cũng coi trọng xây dựng cơ sở mật, tự vệ mật, đảng viên mật cùng lực lượng vũ trang của thị xã.

Tháng 8/1965, đội biệt động thị xã thành lập tại Rừng Tre thuộc thị xã, với 8 đội viên, trang bị 4 súng. Đến năm 1966, đội hành chóng tăng cường, chọn các chiến sĩ trung thành, gan dạ, mưu trí, lanh lẹ phát triển thành 2 tiểu đội 14 người. Tháng 10/1965, đội dùng lựu đạn diệt 2 sĩ quan thiết giáp Mỹ cùng một số sĩ quan nguy. Tháng 11/1965, Đội đặt mìn ngay cạnh xe Mỹ diệt gần 60 tên địch phần lớn là lính Mỹ, phá hủy 4 xe thiết giáp và thông tin. Chỉ trong 2 tháng cuối năm 1965, đội biệt động đã đánh 6 trận diệt 120 tên địch, hầu hết là Mỹ. Trong năm 1966, đội biệt động đã đánh 7 trận đáng kể vào quân Mỹ, quân nguy diệt 180 tên địch, như diệt bọn cảnh sát dã chiến, tập kích vào tòa hành chính nguy, tập kích vào cơ quan tình báo CIA Mỹ tại Xuân Lộc, đánh vào xe địch khi chúng tập trung đi càn quét...

Bộ đội địa phương Xuân Lộc cùng đại đội 203 Long Khánh cũng tổ chức đánh trả nhiều trận càn lớn của quân Mỹ, gây nhiều

thiệt hại cho địch, như: ngày 27/2/1966, Trung đoàn 4 diệt tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 15 sư 10 ngự ở Võ Đắc; ngày 30/6/1966, trung đoàn 5 cùng đại đội địa phương Xuân Lộc, du kích Gia Ray phục kích đánh một chiến đoàn quân ngự của sư đoàn 10 tại ngã ba Ông Đồn, Suối Cát, tiêu diệt gọn quân địch gồm 1 tiểu đoàn bộ binh, 1 chi đoàn 16 xe M113, thu toàn bộ vũ khí; ngày 16/11/1966, đội đặc công huyện Xuân Lộc cùng Đội du kích cao su Hàng Gòn đưa tiểu đoàn pháo của sư đoàn bộ binh 5 pháo kích hậu cứ trung đoàn kỵ binh của địch, phá hủy 140 xe vừa vận tải, vừa thiết giáp, diệt 150 tên Mỹ...

Trong năm 1967, đội biệt động đánh 14 trận diệt 650 tên địch; vào cuối năm 1967, đội biệt động thị xã Long Khánh đã phát triển lên 23 đồng chí. Ngày 21/7/1967, trung đoàn 5 phục kích một đoàn xe cơ giới của trung đoàn kỵ binh thiết giáp Mỹ cột số 95 trên quốc lộ 20, cách cầu La Ngà 6km, phá hủy 45 xe M-113 và M41, bắn rơi 3 máy bay, thu nhiều súng đạn và đồ dùng quân sự. Với chiến công oanh liệt diệt 1 đoàn cơ giới 48 xe tăng và thiết giáp ở Nam cầu La Ngà, trận này được nêu danh là “La Ngà 3” và được tặng thưởng Huân chương Quân công.

Ngày 2/4/1967, được du kích Hàng Gòn báo cáo tin tức tình hình về căn cứ địch ở Suối Râm, trung đoàn 274 ĐKB Quân khu đã tổ chức pháo kích vào căn cứ Suối Râm - nơi có trung đoàn kỵ binh thiết giáp 11 Mỹ và lữ dù 173. Ta diệt và làm bị thương hàng trăm lính Mỹ, phá hủy cả trăm xe quân sự (phần lớn là xe tăng, thiết giáp) phá hủy 34 máy bay lên thẳng, 30 khẩu đại bác. Đây là đòn nặng nề đánh vào quân Mỹ ở căn cứ Suối Râm.

Nhân dân thị xã Long Khánh và các vùng ven lộ 1, lộ 2, lộ 3 cũng phối hợp, liên tục tổ chức các đợt đấu tranh chính trị chống Mỹ. Công tác binh vận dựa trên cơ sở nhân dân thị xã và vùng ven, được tác động của các hoạt động quân sự và đấu tranh chính trị của nhân dân, của thanh niên học sinh đã làm cho quân ngự hoang mang đảo rã ngũ. Ta tạo được nhiều nòng cốt trong lòng

địch. Cuối năm 1967, Đảng ủy Cao Su qua kiểm điểm tình hình, đã đánh giá hoạt động của các Chi bộ Cẩm Mỹ, Suối Tre, Ông Quế, Hàng Gòn, Dầu Giây đều giữ vững và phát triển. Bộ đội và du kích Cao Su lớn mạnh hơn trước.

Đầu năm 1968, quyết định tổng tiến công và nổi dậy mới được phổ biến đến cán bộ phụ trách thị xã Long Khánh và các địa phương, đơn vị. Công tác chuẩn bị hết sức khẩn trương. Lực lượng tiến công thị xã gồm tiểu đoàn 2, đội biệt động, tự vệ du kích mật cùng lực lượng chính trị quần chúng. 2 giờ sáng mùng 2 Tết Mậu Thân, cuộc tiến công của quân và dân Xuân Lộc vào thị xã Long Khánh bắt đầu. Một mũi đánh vào khu chiến thuật 33, trụ sở CIA, tiểu khu diệt một loạt sĩ quan Mỹ. Một mũi khác đánh vào khu thông tin, nhà tên tỉnh trưởng và nhà tên tư lệnh sư đoàn 10 nguy. Đại đội pháo cối thì dồn dập nã vào tiểu đoàn pháo binh nguy ở sát sân bay, diệt cả 2 đại đội pháo, phá hỏng nặng 6 khẩu pháo địch. Đồng thời ta pháo kích vào khu thiết giáp, kiểm chế xe cơ giới nguy không cho xuất kích. Đồng loạt cùng thị xã, bộ đội và du kích cao su kết hợp với tự vệ mật, có nhân mỗi binh vận trong các bảo an, dân vệ và tề, tiến công và nổi dậy chiếm các sở cao su. Kết hợp trong ngoài, ngay đêm đầu ta chiếm các sở Ông Quế, Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Tre.

Lần đầu tiên chỉ với bộ đội địa phương và lực lượng chính trị quần chúng ta đã đánh chiếm phần lớn thị xã, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ nguy. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân Xuân Lộc đã giành thắng lợi lớn, góp phần vào cơ bản lớn của cả cuộc tổng tiến công và nổi dậy toàn miền, làm lung lay cao độ ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải thay đổi chiến lược chiến tranh, và vào bàn hội nghị Paris.

Đầu năm 1968, Đảng bộ Xuân Lộc, Long Khánh quyết định tổ chức đội trinh sát vũ trang thuộc ban an ninh thị xã. Hàng trăm thanh niên trong thị xã và vùng ven thoát ly tham gia cách mạng



vào bộ đội địa phương và chủ lực. Cuộc tiến công của quân và dân Xuân Lộc tiếp diễn liên tục trong nội ô thị xã và vùng ven. Tháng 8/1968, cùng một lúc ta tiến công nhiều nơi ở thị xã Long Khánh làm tê liệt hoàn toàn tiểu khu trong một ngày, đồng thời bao vây căn cứ trung đoàn kỵ binh thiết giáp Mỹ ở Suối Râm. Tiếp đó, ta lại tiếp tục tiến công, đánh thiệt hại hậu cứ trung đoàn 43 sư đoàn 18 nguy cùng bộ chỉ huy quân Mỹ ở thị xã. Ta tiêu diệt lần thứ 2 trường huấn luyện Gia Ray và diệt nhiều đồn bảo an, dân vệ ở các nơi khác. Ngày 1/10/1968, 6 chiến sĩ biệt động tập kích vào khu pháo binh 181 nguy vừa xây dựng lại sau Tết Mậu Thân, với ĐH10 ta đã phá hủy cả 6 khẩu pháo 155 và 105 ly, tiêu diệt gần hết cả 2 đại đội 150 tên địch gồm lính và sĩ quan. Đêm 5 rạng 6/10/1968, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp cùng du kích tiến công san bằng 2 đồn diệt gọn 75 tên địch tại Bình Lộc. Đội biệt động thị xã cũng đánh 38 trận, diệt và làm bị thương 713 tên địch trong đó có 27 sĩ quan, 25 Mỹ, 19 cảnh sát ác ôn.

Tháng 2/1969, đội biệt động thị xã Long Khánh đã đột áp Tân Phú (nội ô) đánh rã bọn tề ấp và phòng vệ dân sự, thu 21 súng. Tháng 3/1969, du kích Lê A ở Bình Lộc đã ném 2 tạc đạn vào bọn sĩ quan nguy ở quán Ngọc Hương, giết chết và bị thương hơn 40 tên. Đêm 19/4/1969, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã phối hợp với Sư 5 (Miền) tấn công đồn Hoàng Diệu, phá hư các khẩu pháo lớn, gây thiệt hại nặng cho địch. Ngày 25/5/1969, sư đoàn 5 tập kích vào chi khu Gia Ray, bắn cháy 4 xe tăng, diệt 30 tên địch. Liên tiếp từ ngày 8 đến 30/5/1969 Trung đoàn 5, 9, 10 và 174 (sư 5) chủ lực Miền tiến công địch ở Tầm Bung, Suối Cát, ngã ba Ông Đồn... tiêu diệt chiến đoàn 45 (sư 10 nguy), 1 đại đội của chiến đoàn 52, đánh tiêu hao 1 tiểu đoàn khác.

Tại các xã Bảo Chánh, Suối Cát, Tân Phong, Bảo Vinh, Bảo Liệt... được sự hỗ trợ của lực lượng trên bộ đội địa phương Xuân Lộc và du kích các xã đã liên tiếp tiến công địch phá hàng rào “ấp chiến lược” bức rút một đại đội bảo an, giải tán nhiều toán “phòng vệ dân sự”, giặc Mỹ càn vào Bình Lộc, đội du kích đã anh dũng

đánh trả, diệt gần 1 trung đội. Du kích xã Bảo Chánh cùng ĐH -10 đánh rơi 1 máy bay HUIS của Mỹ.

Đầu năm 1970, địch liên tục mở các cuộc càn quét để “bình định cấp tốc”, nhằm đánh bật lực lượng ta ra ngoài. Hướng Bắc lộ 1, từ Xuân Lộc đến Mây Tàu (giáp Bình Thuận) là đường Mỹ rút quân, chúng sử dụng phi pháo đánh phá dữ dội, rải chất độc hóa học xuống các căn cứ của ta, đồng thời tiến hành “chiến tranh tâm lý” chiêu hồi, chiêu hàng.

Ngày 2/3/1970, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bà Rịa Long Khánh và sự giúp đỡ của công trường huyện, công binh xưởng thị xã Long Khánh được thành lập. Nhiệm vụ ban đầu của xưởng là chế tạo mìn ĐH cung cấp cho các đội trinh sát, đội biệt động thị xã. Sự ra đời của công binh xưởng thị xã đã sôi nổi đẩy lên phong trào truy tìm đạn pháo lép của địch đưa về cho xưởng. Từ mìn ĐH, xưởng đã phát triển làm thêm bộ phóng pháo và sản xuất hàng loạt cung cấp rộng rãi ra nhiều xã trong huyện.

Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh đã kịp cử một đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Xuân Lộc để bám sát địa phương chỉ đạo phong trào. Một số đơn vị vũ trang của Miền, Khu cũng nhanh chóng được điều về đứng chân phối hợp hoạt động với lực lượng vũ trang địa phương huyện, xã. Ở các lùm Tân Phú, Phú Thạnh (nội ô) ta đã nhanh chóng đưa lực lượng vào trụ trong thị xã Long Khánh, vận động quần chúng tiếp tế, tích trữ lương thực, thuốc men, xây hầm đưa vũ khí vào nội ô chuẩn bị thời cơ đánh địch. Các đội trinh sát vũ trang, đội biệt động thị xã, du kích vừa chiến đấu vừa củng cố lực lượng.

Đêm 25/4/1970, 3 du kích mật Bình Lộc đánh tạc đạn vào tiệm ăn Ba Thế (nội ô thị xã) làm chết và bị thương hơn 40 tên sĩ quan Mỹ nguy, trong đó có 2 đại úy Mỹ, 5 tên chỉ huy “bình định”. Đội du kích Bình Lộc được thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì. Ba chiến sĩ du kích tham gia trận đánh được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Đêm 30/4/1970, du kích và hàng

trăm đồng bào Suối Cát đã nổi dậy đốt vỏ xe, làm vật chướng ngại chặn giao thông, đốt đuốc, bao vây đồn do một trung đội bảo an đóng giữ, tuyên truyền binh vận, cô lập địch bên trong. Phối hợp với mũi đấu tranh chính trị và binh vận từ tháng 4 đến tháng 7/1970, được sự hỗ trợ của trên, du kích các xã, bộ đội địa phương và trinh sát vũ trang thị xã đã tiến công, kết hợp với đồng bào bên trong phá lỏng rã hàng ngàn mét rào và hàng trăm cọc sắt áp chiến lược ở Bảo Bình, Suối Tre, Tân Phong, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chôn, Gia Ray, Suối Cát diệt một số tên điệp ác ôn. Tại Bình Lộc, Trung đoàn 4 (khu) phối hợp với du kích đã tiến công đồn dân vệ. Sau đó áp dụng chiến thuật “công đồn”, chặn đánh viện binh địch liên tiếp nhiều đợt trong ngày từ 9 giờ tối đến 9 giờ sáng hôm sau diệt gần một tiểu đoàn gồm lính bộ (sư 18) và biệt động quân, ngoài ra còn bắt được nhiều tù binh thu một số súng, Trung đoàn 4 được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba.

Đêm 5/11/1970, Đội biệt động thị xã Long Khánh đánh vào quán Ly Ly (nội ô thị xã) diệt 11 tên Mỹ, 1 tên tinh đoàn trưởng binh định kiêm phó ty chiêu hồi tỉnh Long Khánh, 1 tên phó chỉ huy cảnh sát Xuân Lộc, đại úy tinh báo khu 33 chiến thuật và 3 tên cảnh sát đặc biệt. Hai đội viên Ngọc, Xuân hy sinh trong trận này được truy tặng Huân chương Chiến công hạng Hai, còn đội viên Thọ được tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Ba. Hai tuần lễ sau, đội biệt động thị xã Long Khánh đánh vào Bộ Chỉ huy hành quân Việt - Mỹ ở phía Đông Nam nội ô thị xã. Kết quả, ta diệt 13 sĩ quan Mỹ, nguy từ đại úy đến đại tá, ít nhất 5 tên khác bị thương, 2 máy bay lên thẳng hỏng nặng, nhiều cơ sở bị hư hại.

Đến tháng 7/1971, trên toàn huyện ta đã giành quyền làm chủ (có mức độ) ở nhiều ấp: Bảo Bình 1, Bảo Bình 2, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Cát, Trung Lương, Trung Nghĩa, Tân Thủy, Bình Lộc, 110, 116, 125 (Định Quán). Nâng ấp tranh chấp mạnh lên 16 ấp với 14.708 dân, trong đó có 1.054 cơ sở, 6 chi bộ (39 đảng viên), có 15 ấp tranh chấp ngang với 18.587 dân, 272 cơ sở, 1 chi bộ (8 đảng viên). Chỉ còn lại 25 ấp loại yếu trong đó có 159 cơ

sở, 6 đảng viên lẻ. Các chi bộ Bảo Vinh, Bảo Liệt đã nhanh chóng vận động đưa nhiều đồng bào về đất cũ sản xuất. Tại các vùng cao su trong huyện, sau khi quân Mỹ rút đi, công nhân các đồn điền Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Dầu Giây... đã chớp thời cơ đấu tranh, ra khỏi các trại tập trung, phá rào áp chiến lược, diệt một số tên ác ôn. Phong trào đấu tranh của công nhân được phục hồi nhanh chóng. Các cơ sở bên trong cũng như bên ngoài được móc nối lại.

Đề gây sức ép buộc địch phải đàm phán tại Hội nghị Paris, đêm 30 rạng 31/3/1972, các xã ở phía Nam - Bắc lộ 1, lộ 20 Xuân Lộc - Định Quán và một số xã vùng đồn điền cao su đã kết hợp 3 mũi giáp công đánh địch, phá đồn, bót, phá áp chiến lược. Đồng bào 6 xã điếm trên quốc lộ 1 đã nổi dậy đánh mõ, gióng chuông nhà thờ, đốt lửa, xây vật chướng ngại, xuống đường, trưng băng cờ, hô khẩu hiệu, phát loa tuyên truyền 10 chính sách của Mặt trận. Hàng trăm đồng bào các ấp Việt Kiều, Suối Cát nổi dậy bắt tề ấp, cảnh sát ác ôn. Du kích và đồng bào chia thành nhiều toán bao vây đồn địch, làm binh vận, Bọn địch hoảng loạn bỏ chạy, nhiều toán phòng vệ dân sự vất vả tan rã. Đồng bào và du kích ở lộ 20 đã tranh thủ phát loa tuyên truyền thắng lợi của cách mạng.

Trong khi đó, trên mặt trận vũ trang ngay ngày đầu ta bức rút 4 vị trí của địch, Trường Sơn, Cầu Mới, Bảo Bình, Gia Lào và cầu Nam Hà, đồng thời hỗ trợ quần chúng ở các nơi này nổi dậy giải phóng các ấp Nam Hà, Bảo Liệt, Bảo Bình 2, thanh niên hăng hái tình nguyện thoát ly tham gia chiến đấu. Trung đoàn 33 trên trục lộ 1 đánh tiêu hao nặng liên đội bảo an ở đồn Lạc Sơn, bức rút đồn Gia Lào. Tại thị xã Long Khánh, K8 và biệt động đã phối hợp đánh vào nhiều cơ quan đầu não địch, phá nổ kho đạn của sư đoàn 18 ngụy. Đến tháng 11/1972, ta giải phóng 4 ấp Bảo Bình 1, Bảo Bình 2, Bình Lộc và Bảo Vinh. Vận động đưa hơn 8.000 đồng bào Bình Phú, Suối Cát, Bảo Bình, Bình Lộc bung về đất cũ sản xuất, mở rộng thêm trên 300 hécta và xây dựng lực lượng du kích bảo vệ ấp giải phóng. Tại các vùng cao su, du kích địa phương đã diệt ác phá kìm, mở thế hoạt động trên tuyến dài từ Dầu Giây, Hàng

Gòn, tới Tân Lập, Cẩm Mỹ.

Khi địch vi phạm Hiệp định Paris, Huyện uỷ Xuân Lộc chủ trương: dựa vào pháp lý của hiệp định, nắm vững chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam bằng mọi biện pháp tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ đảng viên, chiến sĩ và nhân dân, nghiêm chỉnh thi hành hiệp định Paris nhưng không mơ hồ ảo tưởng... Kiên quyết trừng trị địch vi phạm hiệp định, lấn chiếm vùng giải phóng. Kết hợp 3 mũi giáp công, 3 lực lượng. Đẩy mạnh đấu tranh chính trị, trên cơ sở pháp lý của hiệp định, buộc địch phải thi hành. Lực lượng vũ trang hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị, sẵn sàng giáng trả địch những đòn quyết định, giữ vững vùng giải phóng ở thế “da beo”.

Ở Gia Ray, du kích phối hợp với một tiểu đội bộ đội địa phương K8, với 24 tay súng chống lại 2 tiểu đoàn bảo an lấn chiếm. Ở Bình Lộc, chưa đầy một tháng quân và dân ta đánh 15 trận, diệt 81 tên, tiêu hao nặng đại đội bảo an 872 và một trung đội cảnh sát, thu nhiều súng đạn và các trang bị khác. Công tác binh vận lúc này càng được đẩy mạnh phát triển. Nhân dân, cán bộ dựa vào chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng và thắng lợi của cách mạng đẩy mạnh tuyên truyền vận động. Tác dụng rõ rệt nhất là vận động các gia đình binh nguy, từ đó tác động, bắt mỗi đưa hàng trăm binh lính về với nhân dân, hoặc đào rã ngũ, làm tan rã nhiều tổ chức dân vệ, phòng vệ dân sự.

Ngày 26/3/1974, tại cánh rừng cao su phía Đông xã Cẩm Mỹ, Sở Chỉ huy tiền phương Quân khu 7 tấn công đồn Kim Long khởi đầu cho Chiến dịch lộ 2 gồm có các đơn vị: Trung đoàn 33, Trung đoàn 4, Tiểu đoàn 18 đặc công, Tiểu đoàn 24 cao xạ, Tiểu đoàn 22 pháo mặt đất và bộ đội địa phương huyện Cao Su, huyện Xuân Lộc, du kích xã Cẩm Mỹ. Hơn 10 ngày chiến đấu quyết liệt, ta giải phóng đoạn lộ 2 (từ Kim Long đến sở Bà Cùi) diệt hơn 600 địch trong đó có tên đại tá, bắt sống 17 tên thu trên 200 súng, bắn cháy 16 xe tăng, 17 máy bay, đánh thiệt hại nặng các tiểu đoàn

bảo an 326, 372, 324.

Hiệp đồng chi viện cho lộ 2, đêm 27 tháng 3, biệt động đội trình sát vũ trang Long Khánh đồng loạt tiến công nhiều mục tiêu trong thị xã diệt 22 sĩ quan cảnh sát, 1 trưởng ấp ác ôn. Song song đó, các đồng chí cán bộ binh vận tuyên truyền thuyết phục, nhiều binh sĩ địch từ lộ 2 chạy về Long Khánh, giác ngộ, đưa tin tức làm nội ứng cho ta, đồng thời vận động 110 lính nguy đào, rã ngũ. Chiến dịch lộ 2 đã thực hiện “mở mảng” trên vùng “tam giác sắt” (lộ 1 - lộ 2 - lộ 15), vùng giải phóng Bà Rịa - Long Khánh được nối liền.

Tháng 5/1974, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 quyết định mở đợt hoạt động phía nam lộ 1 để phối hợp với chiến trường toàn miền. Huyện Xuân Lộc tập trung lực lượng phối hợp chiến đấu. Rạng sáng ngày 23/5, mũi tấn công chủ yếu của đợt hoạt động phía Nam lộ 1 bắt đầu. Một bộ phận Trung đoàn 4 tiến công vào giải phóng Bảo Bình 2. Cuối tháng 5/1974, ấp 2 và ấp 3 xã Bảo Bình được giải phóng cho đến ngày toàn thắng. Đêm 10 rạng ngày 11/12/1974, du kích và nhân dân xã Bảo Chánh, K8 huyện đội, bằng 3 mũi giáp công đã bức hàng đồn Bảo Chánh, mở đầu cho phong trào địa phương tự lực tự cường giải phóng xã ấp. Thắng lợi đó đã được phổ biến rút kinh nghiệm trong lực lượng vũ trang toàn khu.

Đầu năm 1975, bộ đội địa phương và du kích Xuân Lộc đồng loạt tiến công địch ở nhiều nơi. Những trận đánh liên tiếp diễn ra ở trung tâm thị xã Long Khánh, ở phía tây bắc, đông nam thị xã. 1 giờ sáng ngày 17/3/1975, Chiến dịch lộ 3 mở màn với sự tham chiến của Sư đoàn 6 bộ binh có 2 Trung đoàn (C33 và C4), các tiểu đoàn đặc công, pháo binh của quân khu và lực lượng vũ trang Xuân Lộc. Ba mục tiêu chính của chiến dịch (đồi 52, ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan) đồng loạt bị tấn công. 5 giờ 30 sáng ngày 17/3, ta đã làm chủ đồi 52.

K8 huyện cùng du kích giải phóng Suối Cát và cùng tiểu đoàn

3, trung đoàn 4 đánh chặn viện. Ngày 17/3, ta diệt gọn 1 đại đội của tiểu đoàn bảo an 324. Ngày 20 tháng 3, K8 cùng Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 4 lại tiêu diệt 2 đại đội tiểu đoàn bảo an 332 từ Bình Phú lên tiếp viện cho ngã ba Ông Đồn. Đêm 20 rạng 21/3, ta đồng loạt tiến công quét sạch địch giải phóng ngã ba Ông Đồn và núi Chứa Chan. Sau 4 ngày đêm chiến đấu (từ 17 đến 21 tháng 3). Ta giải phóng lộ 3 (từ ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2). Ngày 21/3, tiểu đoàn 445 của tỉnh cùng lực lượng huyện Cao Su giải phóng xã Ông Quế. Cũng thời gian này du kích Bảo Bình cùng 50 quần chúng bức rút một chốt địch ở ấp Nam Hà. Du kích Bảo Định cùng 40 đồng bào bức rút địch ở Mai Thọ Bích, tua Mã Tráng. Từ 21/3 đến ngày 2/4, nhân dân và du kích các xã dọc đường số 1 từ ngã ba Ông Đồn đến căn cứ 5 phối hợp với bộ đội sư đoàn 6, quét sạch địch trên tuyến đường này, giải phóng toàn bộ xã ấp.

5 giờ 30 sáng 9/4/1975, chiến dịch tiến công tuyến phòng thủ Long Khánh bắt đầu với sự tham gia của các lực lượng bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang Bà Rịa - Long Khánh và K8 Xuân Lộc, Đội trinh sát vũ trang Long Khánh và lực lượng đồng bào hỗ trợ. Các chiến sĩ nữ tự vệ Long Khánh dẫn đường cho bộ binh sư đoàn 1 lần lượt đánh chiếm các mục tiêu: Tòa hành chính, dinh tỉnh trưởng, tiểu khu... Sau 1 ngày đồng loạt tấn công từ các hướng, ta đã tiêu diệt, đánh thiệt hại nhiều sinh lực của địch ở hầu hết các mục tiêu; phá hủy một số hệ thống bố phòng quan trọng của địch. Cờ giải phóng đã phất phới bay trên các toà nhà: ty cảnh sát, dinh tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, trụ sở tình báo CIA. Ngày 10/4, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 33, Sư đoàn 6 cùng du kích ấp Trần Hưng Đạo tiến công phân chi khu quân sự Dầu Giây, đến 17 giờ ta hoàn toàn làm chủ mục tiêu và giữ vững trận địa. Tiểu đội súng cối Xuân Lộc liên tục pháo kích vào Chi huy sở hành quân của Tiểu đoàn 3 chiến đoàn 48 ở Tân Phong và các tiểu đoàn bảo an ở Bình Phú, Suối Cát.

Ngày 11/4, địch tổ chức phản công. Quân đoàn 3 nguy tăng viện cho Long Khánh một chiến đoàn bộ binh (chiến đoàn 8 sư

5 từ Lai Khê về Bàu Cá) và lữ đoàn kỵ binh số 3 gồm 3 thiết đoàn. Công tác sơ tán nhân dân được Đội biệt động vũ trang Long Khánh triển khai, nhưng hàng trăm thanh niên thị xã tình nguyện ở lại tham gia chiến đấu.

14 giờ ngày 12/4, nguy quyền Sài Gòn đã sử dụng 2 quả bom CBU 55 ném xuống Xuân Lộc cách thị xã 800 mét về hướng Bắc. Với loại vũ khí tàn bạo này, quân nguy đã gây cho hàng trăm chiến sĩ, đồng bào ta bị thương vong, song các mũi tiến công vẫn phát triển. Các đội sơ phẫu của ta được đặt ngay tại nhà đồng bào trong thị xã. Thương binh được băng bó rồi được lực lượng tự vệ, du kích, thanh niên cõng đưa trở về tuyến sau. Từ tuyến sau, đạn, lương thực, thực phẩm lại theo thanh niên tự vệ Xuân Lộc ra trận địa.

3 giờ sáng 13/4, toàn bộ lực lượng bộ đội chủ lực rút ra ngoài thị xã để đón đánh quân chi viện của địch. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang địa phương Xuân Lộc càng nặng nề, ác liệt hơn, tiếp tục làm nhiệm vụ chiến đấu trong thị xã. Hướng nam thị xã, ngay khi lữ đoàn 2 dù nguy đổ xuống nam sân bay, những trận pháo kích của Đội nữ pháo binh Xuân Lộc K8 đã dội xuống đầu chúng diệt nhiều tên địch. Liên tiếp từ ngày 9 đến ngày 13/4, tiểu đoàn 445, đại đội 41 và K8 chiến đấu giải phóng Bảo Hòa, Bảo Toàn, cầu Gia Liêu, Bảo Thị; bắt 117 tù binh, thu 13 máy thông tin và hàng chục khẩu súng các loại.

16 giờ ngày 14/4, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95b đã phối hợp với du kích các ấp: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thái Học, Kiệm Tân, Hưng Lộc tấn công, đập tan chiến đoàn 52 sư 18 nguy, diệt gọn 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn cơ giới, 2 tiểu đoàn bộ binh, thu 12 khẩu pháo 105 ly, 155 ly, bắt hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Tên đại tá Dũng, chiến đoàn trưởng chiến đoàn 52 và số tàn quân sống sót chạy về Biên Hòa. Ngày 17/4, bộ đội sư đoàn 6 cùng du kích địa phương đã đánh tan chiến đoàn 8 và thiết đoàn 315 diệt gọn 1 tiểu đoàn, tiêu hao nặng 1 tiểu đoàn khác, bắn



cháy nhiều xe tăng, thu gần 100 súng.

Huyện ủy Cao Su thực hiện chủ trương: tranh thủ thời cơ, du kích, tự vệ hỗ trợ công nhân chiến đấu và nổi dậy giải phóng các sở, ấp cao su. Bằng mọi biện pháp thu hồi, bảo quản tốt trang thiết bị, vật tư máy móc, nhất là những phương tiện vật tư quan trọng. Ngày 16/4, ta giải phóng sở Bình Lộc. Ngày 19/4, giải phóng ấp Suối Tre. Ngày 20/4, giải phóng Cốc Rang và An Lộc.

2 giờ sáng ngày 21/4, đoàn xe 70 chiếc của quân nguy ở Long Khánh tháo chạy qua lộ 2, bị lực lượng thị xã địa phương Bà Rịa - Long Khánh chặn đánh. 2 chiếc xe GMC bị cháy. Ta bắt sống trên 100 tù binh. Sau đó 1 tiếng, đoàn xe 60 chiếc của địch lại chạy qua đoạn đường phục kích của ta, bị tiểu đoàn 445 và K8 chặn đánh, bắt sống nhiều tù binh trong đó có đại tá Phúc tỉnh trưởng Long Khánh cùng bọn sĩ quan phụ tá. Đến 8 giờ sáng, lực lượng nguy quân, nguy quyền Long Khánh tháo chạy và tan rã hoàn toàn, Xuân Lộc hoàn toàn giải phóng. Chiến thắng Xuân Lộc đã được Chính phủ tặng Huân chương Thành đồng hạng Ba.

Sau khi giải phóng Xuân Lộc, các chiến sĩ biệt động, cơ sở mật thị xã Long Khánh, lại cùng các chiến sĩ giải phóng Quân đoàn 4 tiến về Biên Hòa và Sài Gòn, quét sạch kẻ thù nơi sào huyệt cuối cùng, kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Với những chiến công xuất sắc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Xuân Lộc đã được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 203KT/CTN do Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký ngày 11/6/1999.



PHẦN 2

**CÁ NHÂN ANH HÙNG  
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**







## Nguyễn Văn Quang

Đồng chí Nguyễn Văn Quang<sup>(1)</sup> tự Sơn, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Kinh, sinh năm 1944, quê xã Phước Lai, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khi được tặng danh hiệu anh hùng, đồng chí là tiểu đội trưởng Đại liên Đại đội 1, Tiểu đoàn 445 Bà Rịa - Long Khánh.

Sinh trưởng trong 1 gia đình bần nông có mối thù sâu sắc với thực dân, địa chủ, năm 1964 đồng chí xung phong gia nhập lực lượng vũ trang. Trong vòng 3 năm (từ năm 1964 đến năm 1967), đồng chí Nguyễn Văn Quang đã tham gia 20 trận đánh, diệt 180 tên địch (trong đó có 73 tên Mỹ, 25 tên Úc), diệt 1 xe tăng M41, 1 xe Jeep, thu 27 súng các loại và 2 máy thông tin. Đặc biệt trận đánh đầu tiên vào tháng 5/1965 tại An Ngãi<sup>(2)</sup>, đồng chí đã diệt 4 tên, thu 1 trọng liên và 1 máy thông tin của địch. Trong trận Đá Giăng<sup>(3)</sup> diễn ra vào tháng 1/1966, đồng chí diệt 15 tên, lấy 3 trung liên. Trong trận sông Cầu<sup>(4)</sup> vào tháng 5/1966, dù một mình bị địch bao vây nhưng đồng chí vẫn kiên cường đánh lui 8 đợt xung phong của địch...

Trong chiến đấu, đồng chí Nguyễn Văn Quang là chiến sĩ kiên cường, cực kỳ gan dạ, chủ động tiến công mãnh liệt, tiêu diệt địch, thu vũ khí, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong mọi mặt công tác, đồng chí luôn luôn cần mẫn đi đầu, đoàn kết thương yêu tận tình giúp đỡ đồng đội, được toàn thể cán bộ, chiến sĩ quý mến.

---

(1) Hồ Sơn Đài - *Trần Quang Toại (chủ biên)*, Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

(2) An Ngãi nay thuộc huyện Long Điền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(3) Đá Giăng nay thuộc thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(4) Sông Cầu thuộc xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đồng chí đã được khen thưởng 1 huân chương chiến công giải phóng hạng ba, 3 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú, 1 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt cơ giới. Ngày 17/9/1967, đồng chí Nguyễn Văn Quang đã được ủy Ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1967<sup>(5)</sup>.



---

(5) Nguồn: Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, NXB Đồng Nai, 1998.



## Nguyễn Quyết Chiến

Đồng chí Nguyễn Quyết Chiến<sup>(1)</sup>, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh năm 1942, quê xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Khi được tặng danh hiệu anh hùng, đồng chí là xã đội trưởng Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch.

Vào lực lượng dân quân xã năm 1965, đồng chí Nguyễn Quyết Chiến đã liên tục chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, mưu trí trực tiếp đánh và chỉ huy dân quân xã đánh hơn 100 trận, diệt hàng trăm tên địch và thu trên 20 súng các loại. Đặc biệt trận đánh ngày 5/6/1967, đồng chí thu được 8 súng và diệt gần 1 trung đội Mỹ. Trong 1 trận đánh vào tháng 12/1967, đồng chí lấy được 4 súng, diệt 20 tên. Trận ngày 20/8/1968, một mình đồng chí lấy được 1 khẩu đại liên của địch và cùng đồng đội diệt 40 tên Mỹ.

Trưởng thành từ một dân quân lên xã đội trưởng, đồng chí luôn luôn là tấm gương sáng chói về ý chí tiến công cách mạng, về tinh thần chiến đấu cực kỳ dũng cảm, mưu trí, táo bạo; luôn nêu cao trách nhiệm xây dựng lực lượng dân quân địa phương, góp phần đẩy mạnh phong trào toàn dân đánh giặc, phục vụ đắc lực cho bộ đội chủ lực đứng chân hoạt động ở địa bàn phía đông Sài Gòn.

Đồng chí đã được khen thưởng 3 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng Nhất, 1 hạng Nhì, 1 hạng Ba). Ngày 20/12/1969, đồng chí Nguyễn Quyết Chiến được Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1969<sup>(2)</sup>.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

(2) Nguồn: Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, NXB Đồng Nai, 1998.



## Bùi Văn Hòa

Anh hùng liệt sĩ Bùi Văn Hòa<sup>(1)</sup> sinh năm 1940 có tên khai sinh là Bùi Văn Đực, quê ở huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Xuất thân từ một gia đình nghèo ở xã Nhị Bình, quận Châu Thành (tỉnh Tiền Giang), sớm mồ côi mẹ nên Đực phải đi giữ trâu mướn từ thuở 15 tuổi. Năm 1961, khi 21 tuổi, Bùi Văn Đực đầu quân vào bộ đội miền Đông, đổi tên thành Bùi Văn Hòa, lúc đầu ở đơn vị U50, Hậu cần Miền, sau được điều lên đơn vị chiến đấu, ở đơn vị chốt 2 (đại đội 2) đặc công do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng chỉ huy. Tại đây, ông được huấn luyện kỹ thuật đặc công.

Có một thân hình cao lớn, rắn chắc, sức lực dẻo dai, tính tình vui vẻ, sống chan hòa, đoàn kết yêu thương đồng đội; Bùi Văn Hòa còn là người hăng hái, dũng cảm, gan dạ phi thường không nề hà khó khăn, nguy hiểm, nhiệm vụ nào cũng quyết tâm hoàn thành.

Bùi Văn Hòa nhanh chóng được chọn vào Đội trinh sát đặc công Biên Hòa. Ngay từ đầu năm 1966, sau khi Mỹ vừa xây dựng xong Tổng kho liên hợp quân sự Long Bình “bất khả xâm phạm”, Bùi Văn Hòa là một trong những chiến sĩ đặc công đầu tiên nhận lệnh của Tỉnh đội trưởng Trần Công An đột nhập vào để trinh sát. Bùi Văn Hòa đã khôn khéo, gan dạ vượt qua nhiều lớp hàng rào, bãi mìn và cả một hệ thống tuần tra rất hiện đại của quân đội Mỹ, tự tay gỡ từng loại nhãn hiệu, mã số của các loại vũ khí chứa ở từng kho đạn mang về báo cáo cho Tỉnh đội trưởng Hai Cà.

Liên tiếp trong nhiều trận đánh vào căn cứ Long Bình, Bùi Văn Hòa đều là một trong những mũi nhọn chủ công. Đặc biệt Bùi Văn Hòa là luôn sáng tạo, ứng biến kịp thời trong những tình huống phức tạp khác nhau, trong đó có việc kịp thời đề xuất phương án luôn ra

(1) Nguồn: website Thư viện tỉnh Đồng Nai (<http://www.thuviendongnai.gov.vn/>).



phía sau lưng địch, đặt mìn xen kẽ giữa các kho để hình thành thế nổ dây chuyền tạo hiệu quả lớn...

Ông đã tham gia chiến đấu nhiều trận, lập được nhiều chiến công. Đặc biệt, trong đội hình đặc công, ông đã cùng đồng đội trực tiếp tham gia 3 trận đánh lập chiến công lớn:

Ngày 16/6/1966, nghiệp đoàn Nhà máy giấy Cogido đã lãnh đạo toàn thể 700 công nhân đình công chiếm xưởng. Chủ Nhà máy Cogido cùng Tỉnh trưởng tỉnh Biên Hòa thuộc chính quyền Sài Gòn Trần Văn Hai đến tận nơi điều đình, nhưng thất bại. Ngay sau đó, Ty cảnh sát Biên Hòa đưa 2 đại đội cảnh sát dã chiến có xe vòi rồng đi theo để đàn áp cuộc đấu tranh. Cuộc đình công kéo dài nhiều ngày. Báo chí tiến bộ ở Sài Gòn đồng loạt đưa tin, gây tiếng vang lớn.

Để hỗ trợ phong trào đấu tranh của công nhân Biên Hòa, Tỉnh đội U1 quyết định tấn công vào Tổng kho Long Bình. Đêm 22/6/1966, một tổ đặc công của đại đội 2 thị xã Biên Hòa gồm 6 đồng chí: Nguyễn Tấn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Nguyễn Văn Hóa, Trịnh Văn Thoàn, Phạm Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô. Trong đó, đồng chí Nguyễn Tấn Vàng làm mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái làm mũi phó. Tổ chia làm 3 nhóm được Bùi Văn Hòa dẫn đường, từ bàn đạp Hưng Lộc đã bí mật đã vượt qua 3 lớp hàng rào kẽm gai, đột nhập vào cao điểm 50, kho Long Bình. 8 quả mìn hẹn giờ được đặt vào 8 kho đạn pháo 105 ly gồm 8 cụm chứa các loại đạn pháo, rốc-két, bom; hẹn 20 giờ cho điểm hỏa.

Đúng giờ, một tiếng nổ dậy đất vang lên, tiếp theo là nhiều loạt tiếng nổ lớn liên tục làm rung chuyển cả thị xã Biên Hòa và đô thành Sài Gòn. Những cụm khói đen khổng lồ xen kẽ với những chùm lửa xanh đỏ bao phủ cả khu vực Long Bình. Không một máy bay lên thẳng hay xe cứu hỏa nào dám đến cứu chữa. 8 kho bom đạn của Mỹ bị nổ tung. 125 ngàn quả đạn pháo, rốc-két, bom bị phá hủy, 3 dãy nhà kho bị sập, 250 tên Mỹ gác kho bị chết.

Ngay sáng sớm hôm sau, ngày 23/6/1966, đích thân Nguyễn Ngọc Loan, Tổng giám đốc cảnh sát quốc gia chế độ Sài Gòn cùng

với Tỉnh trưởng Biên Hòa phải đến Nhà máy Cogido để “dàn xếp” cuộc đấu tranh. Hầu hết yêu sách của công nhân được giải quyết. Bộ Tư lệnh Miền ra quyết định tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba cho đại đội 2 đặc công U1. 4 chiến sĩ được thưởng Huân chương Chiến công, trong đó có trinh sát đặc công Bùi Văn Hòa (khi ấy 26 tuổi).

Trận đánh đã gây chấn động dư luận trong nước và thế giới. Báo *Nhân dân* số ra ngày 29/10/1966 đã ca ngợi chiến thắng Long Bình, cho đây là trận đánh táo bạo, tài tình, đánh thẳng vào “dạ dày” của Mỹ. Bác Hồ đã gửi thư khen ngợi.

Trận tiếp theo diễn ra vào đêm 17/11/1966, tổ đặc công gồm 6 chiến sĩ do đồng chí Tư Già chỉ huy, trong đó có đồng chí Bùi Văn Hòa, đã vượt qua các hàng rào kiên cố và các chốt gác của Mỹ lọt vào khu kho đồi 53.

Các chiến sĩ có sáng kiến cứ cách một kho đặt 1 quả mìn hẹn giờ. 4 quả mìn hẹn giờ đã được đặt vào 4 dãy kho lớn nhất. Đúng 24 giờ, khu kho Long Bình lại nổ đò trời. Toàn bộ khu kho đồi 53 bị sụp đổ. 154 ngàn quả đạn pháo 105 ly, 155 ly, 175 ly bị nổ tung, cả trung đội Mỹ bảo vệ tan xác.

Trận thứ ba diễn ra vào đêm 9 rạng sáng 10/12/1966, đồng chí Bùi Văn Hòa lại tham gia đội hình đặc công U1, tấn công vào khu kho Long Bình. Quân ta phá hủy 2 dãy nhà kho, làm nổ tung 74 ngàn 6 trăm quả đạn pháo của địch.

Năm 1969, Bùi Văn Hòa được đi dự Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn miền Nam lần thứ nhất.

Một ngày mùa khô năm 1970, Bùi Văn Hòa được giao nhiệm vụ dẫn đường cho đơn vị pháo 120 ly của Trung đoàn pháo binh 75 Biên Hòa tập kích vào Tổng kho Long Bình. Tới trạm Cờ Đỏ, các đồng chí đã bị địch phục kích. Bùi Văn Hòa và đồng đội hy sinh.

Theo thống kê, trong khoảng thời gian Bùi Văn Hòa tham gia chiến đấu, ông đã có 9 lần cùng đồng đội đánh vào căn cứ Tổng kho Long Bình. Bùi Văn Hòa và lực lượng đặc công Biên Hòa đã phá hủy

hơn 1,2 triệu quả bom, đạn các loại, 3.500 thùng thuốc nổ, 47 xe cơ giới, tiêu diệt 705 tên lính Mỹ và lính của quân đội Sài Gòn.

Với những chiến công và những cống hiến của ông cho cách mạng, ngày 10/2/1970<sup>(2)</sup>, Bùi Văn Hòa được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Bùi Văn Hòa, liệt sĩ cách mạng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên bộ đội đặc công Biên Hòa trong kháng chiến chống Mỹ, người con đất Đồng Nai đã anh dũng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, nhưng những chiến công của ông, tinh thần chiến đấu bất diệt của ông đã để lại niềm tiếc thương vô cùng đối với đồng đội, đồng bào, thế hệ trẻ tương lai luôn ghi nhớ công ơn của ông và quyết tâm học tập noi gương ông, sống và chiến đấu xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

Sau năm 1975, tên Bùi Văn Hòa được đặt tên cho một con đường nối từ đường Nguyễn Văn Trị với đường Cách mạng tháng Tám. Sau đó, năm 2007, theo quy hoạch tên đường của thành phố Biên Hòa, UBND thành phố Biên Hòa đã quyết định lấy tên Bùi Văn Hòa đặt tên cho một con đường thuộc Khu công nghiệp Biên Hòa 2 (khu vực thuộc Tổng kho Long Bình trước đây, dài 5km, nối đường Võ Nguyên Giáp với xa lộ Hà Nội), nơi in đậm dấu ấn chiến công năm xưa của anh hùng liệt sĩ Bùi Văn Hòa.

---

(2) Nguồn: Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, NXB Đồng Nai, 1998. Có tài liệu ghi: 1978.



### Trần Văn Chín

Đồng chí Trần Văn Chín<sup>(1)</sup>, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Kinh, sinh năm 1946, quê xã Hàm Liên, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận. Khi được tặng danh hiệu Anh hùng, đồng chí là Đại đội phó, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 4 Đồng Nai.

Gia nhập quân đội năm 1966, đến năm 1971 đồng chí đã tham gia 63 trận, phụ trách đơn vị diệt hàng ngàn tên địch. Riêng đồng chí diệt 95 tên (trong đó có 51 tên Mỹ), bắn rơi 1 máy bay, thu 4 súng và nhiều đồ dùng quân sự. Đặc biệt ở trận đánh Tầm Bo tháng 6/1966, đồng chí bị thương, tự băng bó, tiếp tục chiến đấu, diệt gần chục tên địch. Trong trận Kim Long vào tháng 4/1967, đồng chí diệt gần 30 tên địch. Trận đánh sân bay Biên Hòa, bị lạc nên phải nhịn đói 4 ngày, đồng chí vẫn cõng thương binh tìm về đơn vị. Trận ngày 6/6/1970, đồng chí chiến đấu bẻ gãy 4 đợt tiến công của địch, bắn rơi 1 máy bay bằng súng bộ binh.

Trong hoàn cảnh nào, đồng chí Trần Văn Chín vẫn luôn luôn tỏ ra là một cán bộ có bản lĩnh, gan dạ, kiên quyết tiến công và tiến công địch mãnh liệt giàu lòng nhân ái thương yêu đồng chí, đồng đội, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Đồng chí đã được khen thưởng 3 Huân chương Chiến công Giải phóng (1 hạng Nhì, 2 hạng Ba), 3 lần được bầu là Chiến sĩ Thi đua, 55 Bằng và Giấy khen. Ngày 19/5/1972, đồng chí Trần Văn Chín được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.



## Phạm Văn Cán

Anh hùng Phạm Văn Cán<sup>(1)</sup> sinh năm 1952, dân tộc Kinh, quê ở xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. Khi được tuyên dương anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung sĩ, chiến sĩ lái xe dốt, đại đội 11, Đoàn 26, Phòng kỹ thuật Bộ Tư lệnh Thiết giáp Miền.

Tháng 9/1972, Phạm Văn Cán cùng đơn vị hành quân 2.000km vào chiến trường Đông Nam bộ, anh không ngại khó khăn, gian khổ, hy sinh, vượt qua bom đạn ác liệt do máy bay địch bắn phá, cứu kéo được 73 lượt chiếc xe tăng, xe thiết giáp sa lầy, đổ hoặc chết máy trên đường hành quân. Từ tháng 5/1973 đến tháng 4/1975, Phạm Văn Cán làm nhiệm vụ dốt xe tăng, xe thiết giáp trong chiến đấu. Anh đã tham gia 3 chiến dịch, cứu kéo được 40 chiếc xe về tới nơi an toàn. Trong chiến dịch Bến Cát từ tháng 5 đến tháng 9/1974, trời mưa nhiều, đường lầy lội, địch bắn phá ác liệt, Phạm Văn Cán vẫn bất chấp gian nguy để hoàn thành nhiệm vụ. Có lần, giữa hỏa lực dày đặc của địch, anh vẫn bình tĩnh lái xe vào sát căn cứ địch (100m), cứu kéo được một xe tăng ra ngoài. Cả chiến dịch, anh cứu kéo được 18 chiếc xe tăng về sửa chữa, khôi phục lại, tiếp tục chiến đấu. Trận đánh quận lỵ Chơn Thành (Bình Long) tháng 4/1975, có 2 xe tăng của ta bị hỏng nằm sát trận địa địch, nguy cơ sẽ bị chúng cướp xe hoặc phá hủy, Phạm Văn Cán dũng cảm mở nắp xe, nhô ra ngoài vừa lái vừa quan sát tránh bãi mìn, thà hy sinh chứ không để xe và đồng đội bị thương, anh đã cứu được 2 xe tăng về an toàn, cổ vũ cho đồng đội xông lên tiêu diệt địch.

Trong thành tích nổi bật của Phạm Văn Cán, đồng đội gọi anh là người chiến sĩ cứu hộ tăng thiết giáp gắn liền với những câu chuyện về các trận đánh thắng bằng xe tăng trên chiến trường

(1) Nguồn: Những anh hùng đất Đồng Nai, tập I, Nhà xuất bản Đồng Nai, 2000.

miền Đông oanh liệt.

Tháng 5/1971, học xong năm thứ ba khoa Chế tạo máy Trường đại học Bách khoa Hà Nội loại giỏi, Phạm Văn Cán được tuyển vào bộ đội tăng - thiết giáp ở tuổi 21.

Suốt chặng hành quân dài 5 tháng từ Bắc vào Nam, anh cứu kéo, sửa chữa được nhiều xe hỏng hóc. Vì vậy anh được bầu chiến sĩ thi đua, dự hội nghị thi đua bình chủng ở Lộc Ninh. Sau đó các đơn vị tăng thiết giáp B.2...

Cuối năm 1973, Cán tham gia trận đánh Bù Bông. Trận đánh diễn ra rất ác liệt. Một mình lái xe đặc chủng, Cán kéo được chiếc xe tăng K63 và T56 bị hư hỏng về nơi an toàn, thu 7 xe thiết giáp M113 của địch.

Kiểm điểm bình xét thành tích sau chiến dịch, anh Cán được đề nghị cấp trên thưởng Huân chương Chiến công giải phóng.

Đầu tháng 12/1972, Tiểu đoàn 21 và đại đội 6 (của Tiểu đoàn 20) thiết giáp B.2 phối thuộc trung đoàn bộ binh đánh sân bay Nhân Cơ gần thị xã Gia Nghĩa (tỉnh lỵ tỉnh Quảng Đức). 19 giờ ngày 4/12 từ khu tập kết Bù Bông khá xa, xe đặc chủng theo công binh dẫn đường, xuyên cánh rừng le tiến vào cửa mở. Le mọc dày đặc xò ra cào sạt vào thước ngắm khẩu trọng liên 12.8 ly làm trầy tróc lớp mạ.

Tăng thiết giáp ta tiến công theo 2 mũi. Đại đội 6 có khoảng 10 xe đánh từ phía Đông, tức là hướng Đà Lạt tới.

Xe đặc chủng đi với mũi Tiểu đoàn 21 tăng thiết giáp (do anh Khuê chỉ huy). Lúc bộ đội đặc công nổ súng, địch bắn pháo sáng, cả bầu trời khu vực trắng lóa, mọi vật nhìn rõ như ban ngày. Vừa từ rừng ra, xe anh Cán đụng bãi be toàn các khúc gỗ tròn chờ vận chuyển về Sài Gòn chế biến. Anh Cán nghe tiếng nổ lụp bụp trên trời, chớp chớp xanh lét.

Từ trong xe, anh Cán thấy một xe K.63 cháy. Thêm một chiếc T.54 bị bắn đứt xích. Xe Cán quay vào móc cáp vào xe và móc sợi cáp thứ nhì vào bộ xích đứt. Kéo xe đứt xích rất khó, bên không

còn xích, dàn bánh đỡ lún sâu xuống, bụng xe cà trịt mặt đất, lực ma sát cực lớn. Bình thường, chỉ cần vài phút đã giải quyết xong, nhưng anh phải đánh vật với chiếc T.54 này mấy giờ liền mới đưa ra được ven rừng. Một số chiến sĩ bộ binh hy sinh, anh Cán và anh em đưa lên thùng xe mang ra, đúng chính sách và kỷ luật chiến trường.

Chỉ trong đêm nay, bộ đội ta dứt điểm Nhân Cơ vì ở đây địch phòng thủ yếu hơn Bù Bông. Ta mất 2 xe, xe đặc chủng rút vào rừng kéo theo xe hỏng để sửa tạm. Chiếc T.54 không có xích dự trữ, thiếu một số mắt xích hỏng vì trúng đạn. Anh Cán và đồng đội sáng tạo: chỉ gắn xích vào ba bánh đỡ (đáng lẽ đủ thì xích gắn trên 5 bánh). Giáo trình đã học không cho phép làm như vậy: xe sẽ đi lệch, hai bên lún không đều nhau... Nhưng cứ đúng bài bản thì chỉ có cách vớt xe đi, mà chúng ta thì đang rất thiếu quả đấm thép.

Khoảng tháng 5/1974, đầu mùa mưa, Tiểu đoàn 22 tăng thiết giáp B.2 (mới từ miền Bắc vào) phối thuộc Sư đoàn 9 mở chiến dịch lộ 7 ngang ở khu vực Bến Cát - Rạch Bắp. Trung ương Cục và Quân ủy Miền chủ trương phá vỡ tuyến phòng ngự trung gian, kìm chân lực chủ lực nguy tại Sài Gòn, ngăn chặn ý đồ địch đưa quân bình định vùng ven Sài Gòn và lấn chiếm Lộc Ninh - vùng giải phóng của ta.

Trong trận đánh này, Cán cùng xe đặc chủng đã cứu kéo được nhiều xe tăng và chiến sĩ chiến đấu trong trận.

Ban Chỉ huy chiến dịch đánh giá tổ cán bộ, chiến sĩ xe đặc chủng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Anh Cán được thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì.

Là đối tượng Đảng đã lâu, nay Đảng bộ Phòng kỹ thuật Cục Hậu cần B.2 gửi hồ sơ lý lịch anh Cán xuống đề Đảng bộ Tiểu đoàn 22 kết nạp. Anh được vinh dự đứng trong đội ngũ tiên phong của giai cấp và dân tộc ngày 6/6/1974.

Mùa khô 1974-1975, tổ xe đặc chủng của Cán tham gia nhiều chiến dịch, trận đánh lớn ở Dầu Giây, Chơn Thành, sau chuyển

qua bộ phận kỹ thuật chuyên sửa xe thiết giáp của Bộ Tư lệnh Miền.

Thiếu úy Phạm Văn Cán trực tiếp chiến đấu ở chiến trường B.2 khoảng một năm rưỡi, cứu kéo khoảng 20 xe của ta thu được hàng chục tăng thiết giáp của địch trong mưa bom bão đạn. Chiến công anh lập được có phần đóng góp xương máu của nhiều đồng đội: trinh sát dẫn đường tiếp cận, công binh gỡ sạch mìn, cán bộ cấp trên chỉ huy đúng...

Với những thành tích đạt được, đồng chí đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, được tặng 4 Bằng khen và Giấy khen. Ngày 15/1/1976, Phạm Văn Cán được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.







## Trần Văn Trung

Anh hùng Trần Văn Trung (còn có tên là Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thành, Phạm Xuân Ân) dân tộc Kinh, quê ở thị xã Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, sinh năm 1927 tại Nhà thương điên Biên Hòa (nay là Bệnh viện Tâm thần Trung ương II). Khi được tuyên dương Anh hùng, anh là đảng viên, trung tá, cán bộ tình báo thuộc Bộ Tham mưu Miền.

Trần Văn Trung<sup>(1)</sup> nhập ngũ tháng 10/1945, ở Rạch Giá, tái ngũ đầu năm 1952. Kể từ năm 1952-1975, suốt 23 năm đồng chí chiến đấu trong mặt trận thâm lặng giữa hang ổ kẻ địch, nhiều gian nan hiểm nguy, đã chiến thắng trong mọi tình huống, góp công lớn lao trên mặt trận tình báo trong sự nghiệp kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong vỏ bọc ký giả, Phạm Xuân Ân đã cung cấp kịp thời nhiều tài liệu nguyên bản của địch có giá trị lớn cho cách mạng, lập nhiều thành tích xuất sắc. Để có ngày chiến thắng, bên những chiến công vẻ vang của đồng đội cầm súng chiến đấu, còn có biết bao chiến công thâm lặng của những người con ưu tú như Trần Văn Trung - những cán bộ tình báo. Đồng chí luôn giữ nếp sống giản dị, trong sạch, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Sống và làm việc với địch, Trần Văn Trung vẫn luôn luôn giữ vững lòng trung thành với Đảng, kiên định tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, tin tưởng vào tương lai ngày mai của đất nước.

Với thành tích ấy, Trần Văn Trung được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng Nhất, 2 hạng Nhì, 1 hạng Ba), Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến thắng hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ Vẻ vang hạng Nhất,

(1) Nguồn: Những anh hùng đất Đồng Nai, tập I, NXB Đồng Nai, 2000.

Nhì, Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; 6 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 15/1/1976.

Trần Văn Trung với tên là Phạm Xuân Ân được xem là người anh hùng huyền thoại trên mặt trận không có tiếng súng. Các ký giả nổi tiếng của hãng thông tấn Reuters và các tờ báo tên tuổi như tuần báo *Times*, nhật báo *New York Herald Tribune*, nhật báo *The Christian Science Monitor* đều nhìn nhận như vậy. Các nhà đầu tư Pháp, Mỹ, Đài Loan, Nhật, Hàn tỏ ra “mê tín” vị cựu ký giả Phạm Xuân Ân vốn có sở trường đưa ra những dự đoán chính xác về thời thế của chế độ Sài Gòn. Sau ngày 30/4/1975 người ta mới thực sự biết được ký giả lỗi lạc Phạm Xuân Ân chính là nhà tình báo chiến lược “Cộng sản nằm vùng”. Những CIA “gộc” như Frank Snepp và các chính khách, học giả nổi tiếng như: Edward G. Landel, William Colby, Zalin Grant... đều có mối quan hệ thân tình hoặc có nhiều trang viết trân trọng đối với ký giả Phạm Xuân Ân. Thomas A. Bass (*Báo Người New York*) nhận xét: “Anh là một người bị xẻ đôi có lòng trung chính cao độ, một người sống với sự giả dối nhưng lại nói toàn sự thật”. Mai Chí Thọ đánh giá: “Phạm Xuân Ân là người đầu tiên chúng tôi gửi anh sang Mỹ để học biết cái văn hóa của những người thay thế Pháp làm kẻ thù của chúng tôi... Phạm Xuân Ân là một người hoàn hảo cho công tác này. Đó là một việc làm thành công lớn của chúng tôi... Phạm Xuân Ân có được những nguồn tin tốt nhất và được phép tiếp cận các thông tin mật. Sau chiến tranh, chúng tôi phong tướng cho Phạm Xuân Ân và danh hiệu Anh hùng Quân đội Nhân dân. Không cần phải nói thêm những chi tiết gì nữa, chỉ điều ấy thôi cũng đủ nói lên tầm quan trọng của những gì Phạm Xuân Ân đã làm cho quê hương của anh”.

Trong hồ sơ đề nghị phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Phạm Xuân Ân, lãnh đạo Tổng cục II - Bộ Quốc phòng có ghi: “Đồng chí Trần Văn Trung (tên hoạt động ký giả là Phạm Xuân Ân), Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, liên tục hoạt động trong vùng địch kiểm soát, luôn luôn nêu cao tấm gương về

lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, lạc quan tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Trong những tình huống hết sức khó khăn, phức tạp, đồng chí vẫn tích cực chủ động tiến công địch, bám chắc địa bàn, mưu trí sáng tạo. Đồng chí đã thu thập phân tích chiến lược và cung cấp kịp thời kế hoạch quân sự và tài liệu quan trọng khác phục vụ đắc lực cho việc nắm địch về chiến lược và trong các chiến dịch lớn tạo điều kiện cho lực lượng của ta đánh bại mọi mưu đồ, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù”.

Vào giữa năm 1999, nhân kỷ niệm ngày Nhà báo Việt Nam, Anh hùng Trần Văn Trung được mời về Biên Hòa để nói chuyện về kỷ niệm làm báo trong lòng địch với những đồng nghiệp trẻ ở quê hương. Khi được hỏi về nỗi niềm nghề nghiệp, ký giả lồi lạc trả lời hóm hỉnh: “Có hai thứ “tình” khó kể trong lúc làm nhiệm vụ, đó là công tác tình báo và... tình yêu!”. Đúng là, về công tác tình báo, phải bảo mật tuyệt đối; về tình yêu cũng phải kín tiếng để tránh bị khai thác. Ít ai biết, chuyện tình của ông đối với người bạn đời Hoàng Thị Thu Nhạn cũng đượm màu “đặc biệt” như công tác của ông. Sau kết hôn, cô gái xứ lụa Hà Đông chỉ được chung sống với chồng 5 ngày rồi ngậm ngùi chia tay, mỗi người về với nhiệm vụ thảm lặng của mình.

Cởi mở với các nhà báo trẻ, Anh hùng Trần Văn Trung mới vui miệng kể về người cha của mình và thời gian sống ở Biên Hòa. Cha ông là một công chức trắc địa người Việt Nam xông xáo và tận tâm với công việc, lại giao du rộng nên rất được quan chủ tỉnh và các công chức Pháp ở Biên Hòa nể trọng. Trắc địa sư là công chức được giao phụ trách việc đo đạc, định hạng ruộng đất, đồn điền, thời ấy, đất đai cả một vùng miền Đông màu mỡ đang được khai phá nên ai cũng muốn cầu cạnh, làm thân. Khi biết vợ của viên trắc địa sư sắp đến ngày sinh nở, vị giám đốc của Nhà thương điên Biên Hòa có lời mời bà vào nơi mà nhà cầm quyền thực dân Pháp tự hào là khu điều trị bệnh tâm thần lớn nhất Đông Dương có bác sĩ người Pháp trực tiếp đỡ đẻ. Chào đời ở một nơi như vậy, nên tấm giấy khai sinh của Trần Văn Trung cũng khác thường vì những người chứng sinh toàn là các quan đốc tờ Tây. Cái giấy khai sinh độc đáo này cùng với bản

lý lịch “ngon lành” có cha là trác địa sư, công chức cao cấp của Pháp, trở thành loại “thông hành” có giá trị để sau này Trần Văn Trung được thuận lợi trong bước đầu đến với nghề báo và tình báo.

Cách mạng tháng Tám thành công, như bao thanh niên Việt Nam yêu nước khác, chàng trai 18 tuổi Trần Văn Trung háo hức tham gia vào thanh niên Tiền Phong. Trung vốn được theo cha đi khắp Nam Bộ, cảm cảnh dân lành bị áp bức bóc lột, bất nhẫn với cảnh bất công nên mặc dù được học trường Tây, mức sống kiểu Tây nhưng Trung quyết không để bị Tây hóa. Khi tắm mình trong không khí độc lập tự do, Trung hiểu ra con đường phải chọn, nghe lời hiệu triệu của Việt Minh, đem hết nhiệt huyết tuổi thanh xuân phục vụ kháng chiến.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đội viên thanh niên Tiền Phong tinh Cần Thơ Nguyễn Văn Trung được chọn đi đào tạo ở Trường Quân sự Thanh Trị. Kết thúc khóa huấn luyện quân sự đầu tiên với loại xuất sắc, Nguyễn Văn Trung trở thành một chiến sĩ Vệ quốc đoàn tham gia đánh giặc khắp bưng biển miền Tây Nam Bộ.

Với bản lý lịch thuận lợi, năm 1946 anh bộ đội Nguyễn Văn Trung được lệnh trả lại súng để về Sài Gòn làm nhiệm vụ khác. Tổ chức giao cho Trung về thành và tìm mọi cách xin vào làm ở Sở Quan thuế Sài Gòn, đây là nơi rất thuận tiện để anh có thể nắm được và kịp thời báo cho cách mạng về tình hình vận chuyển hàng hóa, khí tài quân sự và quân đội viễn chinh do Pháp đưa từ mẫu quốc sang Việt Nam và từ Việt Nam về Pháp. Nguyễn Văn Trung không khó khăn gì để trở thành một công chức trong sở quan thuế Sài Gòn. Từ đây, mọi thứ hàng hóa, khí tài được nhập từ Pháp qua đều có báo cáo đưa về Bộ Chỉ huy Quân sự Miền. Tín hiệu mà người chiến sĩ quân báo Nguyễn Văn Trung đang hoạt động lặng lẽ, âm thầm ở Sài Gòn nhận lại được là những trận công đồn, những trận giao thông chiến mà bộ đội miền Tây và miền Đông đã đốt phá, tịch thu, hủy diệt nhiều sinh lực, vũ khí của địch.

Nhận thấy công việc của mình tầm lặng quá, trong khi khắp các chiến trường đang âm vang tiếng súng đuổi giặc năm 1951, Nguyễn

Văn Trung làm đơn gửi về đơn vị xin cho mình được ra chiến trường cầm súng. Nguyên vọng của Trung là được chiến đấu ngay trên mảnh đất quê hương mình. Trung khao khát được tham gia Vệ quốc đoàn của Huỳnh Văn Nghệ lừng danh đang làm cho giặc Pháp điên đảo. Đầu năm 1952, Nguyễn Văn Trung nhận được thư của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - nguyên là thủ lĩnh thanh niên Tiền Phong trước đây, đang là Ủy viên của Ủy ban hành chính kháng chiến Nam Bộ trực tiếp mời ra chiến khu đang tạm đóng tại Đất Cuốc. Lần này, Nguyễn Văn Trung cũng không được phân công cầm súng chiến đấu mà được động viên để nhận một nhiệm vụ thâm nhập trung tâm đầu não quân sự của giặc ở Sài Gòn. Nhiệm vụ của Nguyễn Văn Trung là phải bằng mọi cách khai thác các mối quan hệ sẵn có để tiếp cận cho được Bộ Tổng hành dinh quân đội liên hiệp Pháp. Cái “mác” học trường Tây, giấy khai sinh do Tây cấp, con của một cựu trác địa sư tên tuổi, đã tạo nhịp cầu cho người chiến sĩ quân báo trở thành nhân viên tham mưu tin cậy trong Bộ Chỉ huy quân đội liên hiệp Pháp.

Quân Pháp liên tục thất bại trên chiến trường Đông Dương, Mỹ từ viện trợ quân sự ban đầu cho Pháp đã trực tiếp can thiệp vào Việt Nam với ý đồ thay chân thực dân Pháp. Anh nhân viên tham mưu người Việt Nam có cái nhìn chiến lược về quân sự Nguyễn Văn Trung đã lọt vào cặp mắt xanh của trung tướng Edwar G.Lansdale, Trưởng nhiệm sở CIA và Trưởng phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ (US. MAAG) ở Sài Gòn. Đã nắm được ý đồ can thiệp của Mỹ vào Việt Nam, nên sau khi được báo cáo của Nguyễn Văn Trung, các đồng chí Mười Hương, Năm Xuân, Tư Hùng ... quyết định giao cho anh nhiệm vụ mới: bám sát nhóm cố vấn Mỹ MAAG. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đường dây hoạt động tình báo chiến lược đơn tuyến này, tổ chức bố trí cho Nguyễn Văn Trung một “hòm thư sống” mà anh chỉ được biết với tên là một phụ nữ gốc Long An gọi “chị Ba”. Thông qua chị Ba, Trung nhận chỉ thị của cấp trên và báo cáo phân tích của ngành tình báo chiến lược căn cứ trên mọi tin tức mà mình thu thập được.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết, giữa lúc cán bộ, bộ đội

chuẩn bị xuống tàu tập kết ra miền Bắc, thì Nguyễn Văn Trung lại trở thành người cộng sự của phái bộ quân sự Mỹ tại Sài Gòn (Sài Gòn Military Mission) thường xuyên đến văn phòng hoặc nhà riêng để gặp gỡ Đại tá CIA Ed Lansdale, Thiếu tá Lou Conien, Trung úy Rufus Philyes chỉ huy một nhóm tình báo Mỹ ở Sài Gòn đang tìm cách củng cố chế độ Ngô Đình Diệm, tiêu diệt các giáo phái đối lập cùng các thế lực ảnh hưởng Pháp.

Năm 1955, phái bộ cố vấn quân sự Mỹ chính thức thay Pháp để đứng ra huấn luyện và xây dựng “Quân đội Quốc gia Việt Nam”, Nguyễn Văn Trung được cố vấn Mỹ đề nghị tham gia soạn thảo các tài liệu về tham mưu, tổ chức, tác chiến, huấn luyện, hậu cần. Đặc biệt, Nguyễn Văn Trung được Mỹ và Bộ Tổng tham mưu “Quân đội Việt Nam Cộng hòa” tham gia phái bộ thành lập bộ khung của 6 sư đoàn bộ binh đầu tiên của “Quân đội Việt Nam Cộng hòa” vốn thành phần nhân sự ban đầu là sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính người Việt trong quân đội liên hiệp Pháp trước đó, để lại. Nguyễn Văn Trung còn được giao hợp tác với Mỹ chọn lựa sĩ quan trẻ có “tinh thần quốc gia”, có triển vọng rồi kiểm tra trình độ Anh ngữ để đưa sang Mỹ đào tạo. Trong số 25 sĩ quan người Việt được đưa qua Trường tham mưu và chỉ huy (Command and General Staff ở căn cứ Fort Leavenworth, Kansas City) để dự khóa huấn luyện tham mưu và chỉ huy trong 10 tháng, có Nguyễn Văn Thiệu (sau này là Trung tướng, Tổng thống chế độ Sài Gòn), Trần Ngọc Châu (sau đó là Trung tá Tỉnh trưởng Kiến Hòa, dân biểu quốc hội Sài Gòn) ...

Thực hiện một chủ trương chiến lược hoàn toàn mới mẻ trong toàn bộ các cuộc chiến tranh xâm lược trước đây ở Việt Nam của nhà tình báo lão luyện Ed Lansdale vốn cũng xuất thân là nhà báo; đầu năm 1957, được giải ngũ, Nguyễn Văn Trung chuẩn bị mọi thủ tục giấy tờ đi Mỹ học làm nghề báo chí, đồng thời học hỏi văn hóa Mỹ, hiểu tâm lý người Mỹ ...

Trước ngày lên đường sang Mỹ, Nguyễn Văn Trung được các đồng chí cấp trên căn dặn là phải cố gắng học cho thật giỏi. Đây cũng

là cơ hội hiếm có để có điều kiện phát triển kiến thức, mà quan hệ với cấp trên, tiếp xúc với các cơ quan đầu não của địch thực hiện nhiệm vụ tình báo chiến lược.

Sau 2 năm du học ở Mỹ, Nguyễn Văn Trung về Việt Nam và được mời làm thông tấn viên cho Hãng Thông tấn *Reuters*. Ký giả Phạm Xuân Ẩn được Mỹ đưa đi đào tạo về nước lại làm cho hãng thông tấn của Anh và về sau là các báo Mỹ và giao du khá rộng rãi với các cơ quan quân sự, tình báo, thông tin Mỹ cùng quan chức cao cấp Phủ Tổng thống, cơ quan Đặc ủy tình báo, Tổng nha cảnh sát quốc gia, Bộ tổng tham mưu nên các chính khách, tướng tá của chế độ Sài Gòn hết sức quý trọng, đều nghi Phạm Xuân Ẩn là người của CIA. Cũng cần biết là các phe phái quân nhân cầm quyền ở Sài Gòn, tuy đều “thần phục” dưới bàn tay đạo diễn của Mỹ nhưng luôn học hặc, tìm cách hắt cẳng nhau... do đó, “ông nhà báo gốc CIA” trở thành nhân vật đáng nể mà phe phái nào trên chính trường Sài Gòn cũng muốn tranh thủ để vừa đón được ý đồ của quan thầy Mỹ vừa nghe ngóng địch tình. Nhờ vậy, các buổi tiệc ngoại giao của chính giới Sài Gòn đều luôn có mặt Phạm Xuân Ẩn. Vị ký giả diễm đạm này còn là khách mời của các chính khách tên tuổi ở Sài Gòn trong những buổi họp mặt ở các khách sạn Cravelle, Majestic... và được các cấp chỉ huy an ninh tình báo cũng như các tướng tư lệnh quân nhảy dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân, tư lệnh vùng tiếp đón nông hậu, lê la khắp các vũ trường tráng lệ nhất Sài Gòn lúc bấy giờ như QueenBee, Tụ Do, Rite, Đêm Màu Hồng...

Qua những môi giao du đó, ký giả Phạm Xuân Ẩn lại càng nổi tiếng về những tin tức nóng hổi tính thời sự của tình hình miền Nam Việt Nam. Đặc biệt Phạm Xuân Ẩn còn có những bài báo chính xác các diễn biến thuộc nội tình chính giới Sài Gòn - nơi mà báo chí phương Tây cho rằng “Đảo chính xảy ra như ăn cơm bữa”, nên rất được các đồng nghiệp nước ngoài kính nể. Một loạt các tờ báo tên tuổi trên thế giới như như tuần báo *Times*, nhật báo *New York Herald Tribune*, *Người hướng dẫn Thiên Chúa giáo*... mời Phạm Xuân Ẩn làm đặc phái viên tại Sài Gòn. Các nguồn tin thu thập được càng mở

rộng cũng có nghĩa là những bản báo cáo và phân tích tuyệt mật của Nguyễn Văn Trung qua hòm thư “chị Ba” được chuyển vào R càng phong phú, kịp thời. Với một khả năng phân tích, phán đoán nhạy bén, sắc sảo để kịp đưa ra trước công luận những bài báo ẩn tượng, tạo thành tên tuổi cho ký giả huyền thoại Phạm Xuân Ẩn, người chiến sĩ tình báo chiến lược cũng đã có những lần bị “tai nạn nghề nghiệp” suýt làm ảnh hưởng đến chuyện lớn.

Theo lời kể của Phạm Xuân Ẩn, có một lần đại sứ Mỹ Federic Nolting đến khánh thành một đường băng mới trong phi trường Tân Sơn Nhất. Trước đó, Phạm Xuân Ẩn đã được một cô bạn người Mỹ làm thư ký ở Tòa Đại sứ Mỹ cung cấp cho bài phát biểu đã được ngài Đại sứ sửa tay hẵn hoi. Yên chí, Ẩn đưa tin trước đề qua mặt các đồng nghiệp. Không ngờ hôm đó, Nolting không đọc nguyên văn bài phát biểu đã sửa và sáng hôm sau lại nghe tin đưa qua đài VOA khác đi, ông ta nổi giận lệnh cho bộ phận an ninh ở Tòa Đại sứ Mỹ phải tìm cho ra “lỗ rò rỉ tin nội bộ” này. Bộ tay chân của an ninh Mỹ tìm tới điều tra rất dữ, nhưng Phạm Xuân Ẩn vẫn khôn khéo bảo vệ được nguồn tin của mình.

Cũng theo lời kể của thiếu tướng anh hùng, một lần khác, có tin đồn là Henry Cabot Lodge sắp qua thay Đại sứ Federic Nolting. Phạm Xuân Ẩn liền đến một nhà hàng sang trọng “La Cigale” mà các quan chức Mỹ và các nhà ngoại giao cũng như ký giả nước ngoài hay đến để moi tin thăm tra lời đồn đoán này. Ngồi được một lát thì ký giả thấy ông bí thư trẻ của Đại sứ Nolting thường ngày ăn mặc rất chỉnh tề, nhưng hôm ấy mặc áo chim cò dẫn một cô gái người Việt đi ăn. Ẩn lên tiếng hỏi, được trả lời: Chỉ còn một tuần lễ nữa hán ta sẽ trở về nước, hôm nay đi xả hơi một chút. Với kinh nghiệm nghề nghiệp Phạm Xuân Ẩn nhanh chóng về văn phòng đưa tin Đại sứ Federic có thể được thay thế trong vòng một tuần lễ nữa. Tin này làm Nolting bực tức, còn Ngô Đình Nhu thì dùng dùng nổi giận lệnh cho Đặng Đức Khôi làm ở Phủ Tổng thống Diệm cho bác sĩ Trần Kim Tuyên gọi Phạm Xuân Ẩn đến để điều tra. Biết là sẽ có chuyện rầy rà với Nhu, Phạm Xuân Ẩn liền đến gặp bác sĩ Trần Kim Tuyên để



nhờ “bảo vệ nguồn tin”.

Đề hoạt động tình báo giữa hang hùm miệng rắn suốt 23 năm mà vẫn không lộ, thậm chí đến ngay sau những ngày đất nước vừa giải phóng, chính quyền địa phương đã khẩn cấp báo với Ủy ban quân quản là phải bắt ngay “tay CIA gộc còn nằm lại để thực hiện kế hoạch hậu chiến”, đồng chí Nguyễn Văn Trung đã tuân thủ phương pháp bảo mật hết sức chặt chẽ, đến mức phải chịu đựng sự hoài nghi, phân biệt ứng xử của “đồng mình”. Câu hỏi Phạm Xuân Ân - Anh là ai? Mãi đến khi Nhà nước công bố Quyết định phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho ông vào năm 1976, câu hỏi ấy mới được trả lời minh bạch. Trần Văn Trung mất ngày 20/6/2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh hùng, Thiếu tướng Trần Văn Trung là nhà tình báo tài năng và bản lĩnh nhưng lại vô cùng khiêm nhường, bình dị, có quan hệ rộng mở với bạn bè, đồng nghiệp, có đời sống chan hòa trong gia đình và cộng đồng. Thành tích và cuộc sống của ông đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, theo đó đi vào lòng người. Cuốn sách *Điệp viên hoàn hảo* của Larry Berman gây chấn động dư luận là một trong những tác phẩm nói về Anh hùng Trần Văn Trung.



## Điêu Văn Cải

Liệt sĩ Diêu Văn Cải<sup>(1)</sup>, dân tộc Chơ-ro, sinh năm 1948, trong một gia đình bần nông tại ấp Đức Thắng, xã Túc Trung (nay là xã Phú Túc) huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Khi hy sinh, Diêu Văn Cải là Xã đội trưởng xã Túc Trung.

Điêu Văn Cải có biệt danh là “Kòn Trô” (du kích trẻ con). Tuổi thơ của anh gắn liền vùng quê miền núi mà người dân Chơ-ro luôn trong cảnh đói nghèo, sợ hãi với kinh hoàng của tiếng súng, của những vụ khủng bố ác liệt, nổi khổ nhục trong những năm tháng quê hương bị xâm lược.

Năm 6 tuổi, anh đã theo cha lên nương tria bắp trồng đậu. Hàng ngày, anh phải đi qua những lô cốt đen ngòm, trước cặp mắt dò xét của bọn lính gác. Đêm về, phải chui vào trong căn nhà tôn nóng hầm hập. Năm lên 8 tuổi, anh được cha giao cho việc chăn bò, ở đây anh cùng đám bạn trong làng chơi trò đánh trận giả, chia thành 2 phe, phe ta và phe giặc để cho quen sau này lớn lên ra trận tham gia chiến đấu như những người anh, người chị. Trong lúc tham gia chơi, anh gặp một người anh làm cách mạng giao cho nhiệm vụ mang một ống trúc bên trong có đựng tài liệu quan trọng gửi cho một cán bộ đang hoạt động trong làng. Với sự nhanh trí và lòng dũng cảm, anh đã vượt qua được sự lục xét của bọn lính địa phương khi kiểm tra người về ấp qua cổng làng, đó là nhiệm vụ đầu tiên trong đời mình được anh hoàn thành xuất sắc.

Là người dân tộc ít người sống trong thời buổi chiến tranh, cuộc sống khổ cực nên Diêu Cải không được đi học. Tuy nhiên, sau ngày hoàn thành nhiệm vụ được giao, anh được các đồng chí cách mạng đến nhà động viên đi học chữ.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985 và website Thư viện tỉnh Đồng Nai. (<http://www.thuviendongnai.gov.vn/>).

Quá trình lớn lên, nhìn thấy cảnh đàn áp, phá hoại, dân lành và cha mẹ mình bị bắt bớ nên anh đã xin vào đội du kích để trực tiếp cầm súng đánh giặc.

Năm 1965 anh chính thức tham gia hoạt động cách mạng tại Túc Trung và là thành viên của đội du kích địa phương.

Ngày 27/2/1966, anh được kết nạp Đảng nhân dân Cách mạng (Đảng Cộng sản Việt Nam). Trong thời kỳ bám đất, bám dân hoạt động, Điều Cải luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Là Xã đội trưởng đội du kích Bình Hòa, anh cùng với đội du kích Túc Trung tổ chức nhiều trận đánh vào quân thù, gây cho chúng nhiều tổn thất. Tiêu biểu là các trận đánh:

Trận thứ nhất diễn ra vào đầu năm 1968, địch phát hiện được căn cứ của đội du kích nên nã pháo bắn phá để dọn đường cho bộ binh Mỹ càn quét. Điều Cải (lúc này đang là Xã đội trưởng) được giao phụ trách cùng 6 du kích phối hợp với đơn vị bộ đội phục kích tại khu rừng Suối Nho. Cuộc giao tranh quyết liệt từ sáng đến tối, lực lượng của ta đã tiêu diệt được 30 tên lính Mỹ và lính quân đội Sài Gòn, làm bị thương 20 tên khác.

Trận thứ hai diễn ra vào tháng 6/1968, một mình anh Cải với khẩu AK đã bắn rơi một máy bay đi thám thính trên trục quốc lộ 20 làm chết 2 lính Mỹ; tháng 11/1968 anh lại bắn rơi 1 máy bay khác tại cây số 91, rơi xuống Gia Kiệm làm chết 5 tên Mỹ.

Trận thứ ba diễn ra tháng 9/1968, anh Điều Cải tự xung phong một mình (trong nhóm du kích 3 người) cài 3 trái mìn chống tăng khi biết kế hoạch hành quân của địch qua khu vực này. Đúng như nhận định, lần lượt 3 xe thiết giáp M113 hành quân qua khu vực trên trúng mìn và nổ tung làm chết 24 lính Mỹ lính quân đội Sài Gòn.

Trận thứ tư, Điều Cải cải trang, 3 lần trà trộn vào áp chiến lược Cây Xăng, dùng lựu đạn và súng AK tự tay tiêu diệt 24 tên lính...

Trận thứ năm vào tháng 6/1969, phát hiện địch dùng mìn mìn mìn cài trên đường lộ đá từ xã Túc Trung đi vào Tam Bung nên anh đã bí mật cho du kích cảnh giới, còn mình tự bò vào gỡ bỏ, cài hướng

khác. Đến hôm sau, bọn Mỹ và tay sai đi kiểm tra, anh đã chập điện cho nổ mìn, làm chết tại chỗ 12 tên, bị thương 7 tên, thu được 2 súng.

Sau đợt này, anh được chọn cử tham dự Đại hội chiến sĩ thi đua cấp miền. Tại Đại hội anh tiếp tục được bầu chọn vào phái đoàn Những đứa con ưu tú của miền Nam ra thăm quê Bác Hồ và miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Nhưng ngày 22/10/1969, trong một trận đánh với kẻ thù tại địa phương, anh Cải đã hy sinh anh dũng sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Đồng chí Điều Văn Cải tham gia cách mạng năm 17 tuổi, phấn đấu từ chiến sĩ du kích trở thành xã đội trưởng. Qua 4 năm chiến đấu (từ năm 1965 đến 1969), Điều Cải đã tham gia 125 trận đánh lớn nhỏ, bắn chết 142 tên Mỹ và tay sai, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng của địch bằng súng K44, bắn cháy 3 xe thiết giáp M113. Ngoài ra, anh còn tìm được bom đạn địch, tự chế tạo thành vũ khí để đánh lại địch; phát động phong trào quần chúng xây cơ sở để nắm tin tức và giải quyết lương thực cho đơn vị; động viên 22 thanh niên địa phương tham gia lực lượng du kích chiến đấu.

Với những thành tích ấy, anh đã được thưởng 4 Huân chương Chiến công Giải phóng (1 hạng Nhất, 1 hạng Nhì, 2 hạng Ba), 4 lần là Chiến sĩ thi đua và nhiều bằng khen, giấy khen. Liệt sĩ Điều Văn Cải được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 587/KT-CTN ngày 30/8/1995<sup>(2)</sup>.

Để tưởng nhớ người anh hùng dân tộc của quê hương, tên anh được chọn đặt cho một trường THPT ở huyện Định Quán. Năm 2014, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Định Quán cũng đã nhờ họa sĩ Võ Tấn Thành tạo dựng lại chân dung anh theo lời kể và mô tả của những người đã từng quen biết anh. Viết về anh hùng Điều Văn Cải, nhà văn Nguyễn Một có tác phẩm truyện ngắn *Điều Cải - Người anh hùng của dân tộc Chợ-ro*.

---

(2) Có tài liệu khác ghi: Ngày 6/11/1978.



## Lê A

Lê A<sup>(1)</sup> là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh năm 1953 trong một gia đình nông dân ở huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Khi hy sinh, đồng chí là Xã đội trưởng đội du kích xã Bình Lộc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa-Long Khánh (nay là tỉnh Đồng Nai).

Đầu năm 1963, nằm trong kế hoạch chống cộng, chính quyền Ngô Đình Diệm đưa hàng vạn dân vào vùng Đức Linh (Bình Thuận). Gia đình Lê A ở trong số đó. Đầu năm 1965, huyện Đức Linh được giải phóng nhưng ngay cuối năm đó, địch mở cuộc hành quân tái chiếm, gia đình Lê A lại dạt vào xã Bình Lộc (Long Khánh), là nơi có phong trào phát triển mạnh trong kháng chiến chống Mỹ.

Vào Bình Lộc với hai bàn tay trắng, hầu hết các gia đình mới đến đều phải đi làm thuê cho những chủ rẫy. Nhà nghèo, đông anh em, nên ngay từ sớm Lê A phải đi làm phụ giúp cha mẹ nuôi các em. Người còi cọc đen đúa, A không nề hà nơi đầu vườn cuối rẫy, làm mọi việc chủ thuê mướn: Dọn cỏ, đốt cây, tưới bắp, hái trái...

Thời gian sống trong vùng giải phóng tuy ngắn ngủi và dù còn ít tuổi nhưng những ý nghĩ và tình cảm tốt đẹp về chính quyền giải phóng đã thấm đậm vào anh. Anh còn thuộc những bài hát các anh giải phóng dạy cho những buổi sinh hoạt thiếu nhi “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn các em nhi đồng...”. Chỉ biết Bác Hồ qua tấm ảnh trong cuốn sổ của anh chỉ huy đơn vị giải phóng quân trong ấp, Lê A mong sẽ được gặp Bác, sẽ được đi học, không phải chạy bom chạy đạn, làm thuê làm mướn nữa. Gia đình sẽ có cái ăn cái mặc, cha mẹ thành thời tuổi già. Anh nghĩ, “Nhưng muốn tới ngày đó thì phải đánh đuổi Mỹ, đánh đổ tay sai. Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985 và tư liệu do Thị xã Long Khánh cung cấp.

của mình. Ai cũng đóng góp được phần mình cho cách mạng...”. Các anh bộ đội ngày xưa trong vùng giải phóng Thuận Hải và anh Ba Mai bây giờ khi gặp A đi làm cỏ thuê ở các rẫy cũng nói như vậy.

Năm 1969, khi tròn 16 tuổi, Lê A giác ngộ cách mạng và tham gia vào đội du kích xã Bình Lộc. Lê A trở thành một trong những cơ sở mật trẻ nhất của đội. Dò la hoạt động phòng bố của địch đóng trong 3 đồn ở xã, phát hiện những toán tuần tiễu của chúng, đem tin của cán bộ xã đến các cơ sở, đến các tiểu đội du kích... là việc làm của Lê A những năm tháng ấy.

Nơi đội du kích trú quân là một khu rừng thưa, pháo đập nham nhỏ, cách xóm nhà dân chừng 3-4km đường chim bay. Những chiếc võng mắc rải rác dưới những lùm cây rậm. Những buổi chiều, luồng khói nghi ngút từ những thân cây bị đốt cháy đổ ngổ ngang quỵện vào màn sương chiều sậm sậm đem lại vẻ lãng mạn bí ẩn. Ủy ban, chi bộ xã cùng đóng trong cứ, “Quân đâu thì dân đấy”. Xã còn có hàng chục cái cứ dự trữ. Thấy động là di chuyển rất lẹ. Bữa ăn trưa của cán bộ, du kích thường là phần cơm của bà con đi làm rẫy để dưới đáy giỏ hoặc đầu đó theo địa chỉ đã định. Gạo muối, thuốc men và những vật dụng tiếp tế khác cũng vậy. Bọn địch trong ấp kiểm soát rất gắt gao. Rẫy xa, trưa đồng bào không về mà làm thông tầm đến chiều, bọn chúng cho phép mang cơm đi nhưng không được mang quá tiêu chuẩn của mình, vì ngăn ngừa bà con tiếp tế cho du kích.

Tháng 3/1969, trận đánh tiệm kem Ba Thê (tức quán Ngọc Hương, nơi bọn sĩ quan Mỹ và tay sai ưa đến ăn chơi) là trận đầu tiên của cuộc đời du kích của Lê A. Năm đó, Lê A mới 16 tuổi, người ốm nhom, đen đúa nên trông anh chỉ bằng đứa trẻ 13-14. Để điều nghiên kỹ càng, những ngày trước khi tác chiến, Lê A cùng với Tiết - 1 đồng đội của anh - lên nhà người cậu của Tiết ở gần đó, lén la theo dõi tiệm kem. Đường tấn công, đường rút lui đã trù liệu sẵn. 19 giờ, màn đêm Xuân Lộc sánh đặc màu cà phê đen. Lê A và Tiết, mỗi người cầm một ổ bánh mì vừa đi vừa ăn, men theo đường đi đến phía sau tiệm

kem Ba Thê. Hai người đi đảo một vòng, chờ cho người dân ra khỏi tiệm kem, Lê A và Tiết liệng trái lựu đạn M26 vô tiệm. Hai tiếng nổ vang lên. Hơn 40 tên sĩ quan Mỹ và tay sai thương vong. Lê A và Tiết chạy ra đến đầu đường thì bị cảnh sát bắt. 1 ngày 1 đêm bị giam trong bốt, bọn cảnh sát hết dụ dỗ đến dọa nạt, hai người nhất quyết không nhận. Không có chứng cứ, bọn chúng phải thả hai anh.

Cuối năm 1970 sau khi đánh tiệm kem Ba Thê, thấy địch bắt đầu đề ý theo dõi, cấp ủy xã quyết định rút anh về bộ phận du kích mật. Anh trở thành một đội viên xuất sắc của đội du kích, nổi bật về sự mưu trí, dũng cảm. Đúng một năm sau (tháng 10/1971), Lê A được đề bạt là Xã đội phó xã Bình Lộc. Khi ấy, anh vừa tròn 17 tuổi. Đội du kích do Luyên làm xã đội trưởng và Lê A là xã đội phó của Bình Lộc rất trẻ, lớn nhất là Luyên mới 20, còn lại khoảng 16, 17 tuổi; nhỏ nhất là mấy em ở bộ phận mật 13, 14 tuổi. Ngày ít nhất đội đánh 4 trận. Ngày nhiều nhất đánh hàng chục trận. Bọn giặc ở Bình Lộc bị phục kích liên miên, chúng rất sợ và căm thù đội du kích. Cái đầu của đội trưởng, đội phó đội du kích được chúng treo giá đến hàng chục ngàn đồng.

Khó mà kể hết những chiến công của Lê A và đội du kích xã Bình Lộc. Cùng với Luyên, Một và một số đội viên du kích can trường khác, Lê A đã tung hoành trong hang ổ địch, đánh nhiều trận táo bạo khiến kẻ thù vừa tức tối, vừa run sợ khi nghe đến đội du kích. Những năm ấy, thị xã Long Khánh, xã Bình Lộc, xã Bảo Vinh và cả huyện Xuân Lộc, vòng trong vòng ngoài nhan nhản các sắc lính của Sài Gòn, thế mà ở Bình Lộc - nơi chỉ cách thị xã Long Khánh chưa đầy 3km vẫn tồn tại một đội du kích hiên ngang hoạt động, làm kẻ thù kinh hoàng, bạt vía.

Tháng 8/1971, anh Lê A chỉ huy một tổ du kích phục kích đánh địch cách bốt Bình Lộc khoảng 50m, dùng mìn định hướng phá hủy 1 xe địch, diệt tại chỗ 6 tên lính, làm bị thương 3 tên và thu 6 súng các loại.

Sau khi xã đội trưởng Luyên hy sinh, tháng 4/1972, Lê A được

đề bạt Xã đội trưởng. Trong một trận đột kích vô áp anh bị thương, cánh tay trái dính đạn được chữa lành nhưng để lại dị tật. Lê A vẫn xông pha chiến đấu. Trận thắng giòn giã và cũng là trận cuối cùng trong cuộc đời Lê A là trận phục kích trước cửa đồn lớn sáng sớm 30/6/1972<sup>(2)</sup>. Thời điểm này, đại đội bộ đội địa phương huyện vừa được thành lập, muốn có một trận thắng mở đầu để lấy khí thế. Ban Chỉ huy Huyện đội giao cho đồng chí Sáu Quân - Huyện đội phó kiêm Đại đội trưởng bộ đội địa phương cùng với Ban Chỉ huy xã đội Bình Lộc trực tiếp điều nghiên, lên kế hoạch tác chiến. Lực lượng tham gia nòng cốt là đội du kích Bình Lộc. Bảy giờ ở Bình Lộc, bọn lính Sài Gòn đóng đồn ở 3 vị trí, lớn nhất là đồn trung tâm với một đại đội bảo an trấn giữ. Hàng ngày cứ đúng 5 giờ sáng, địch cho một trung đội đi từ cổng đồn ra vườn xoài bà Bảy lùng sục và nghỉ tại đó tới sẩm tối mới về. Kế hoạch lúc đầu tổ du kích định phục kích ở vườn xoài, sau thấy nên chọn thời điểm chúng vừa từ đồn ra, mắt nhắm mắt mở chủ quan không đề phòng là tấn công hiệu quả nhất; vậy là, chọn điểm phục kích ở đoạn đầu của con đường từ đồn qua trạm thông tin.

Ngay từ tối hôm trước, du kích và bộ đội địa phương chia thành 4 mũi đã ém sẵn vào các vị trí trên bờ đê. Mờ sáng hôm sau, khi cả trung đội địch đã lọt hẳn vào nơi phục kích, 2 trái ĐH ở mũi khóa đầu do Xã đội trưởng Lê A phát hỏa. Tiếp theo là 2 trái mìn Claymo của mũi khóa cuối của Xã đội phó Một chỉ huy cũng nổ chặn đường rút về của địch. Bọn giặc dạt về bên đường. Đội du kích từ trong hàng rào bùng nhùng bắn đứt dây kềm nhào ra. AK, tiểu liên cực nhanh, M79 thủ pháo nổ dồn dập. Đội du kích tấn công và làm chủ được đồn Bình Lộc, diệt 14 tên, thu 6 súng<sup>(3)</sup>. Bọn giặc đóng trong đồn cách đó chỉ hơn trăm mét dồn cả vào trong lô cốt, không dám ra ứng cứu.

---

(2) Có tài liệu ghi là ngày 26/6/1972.

(3) Có tài liệu ghi là tiêu diệt 21 lính ngụy trong đó có tên trung đội phó, thu 17 súng các loại.



Từ Long Khánh, địch chi viện, tấn công giành lại đồn. Trước tình thế hiểm nguy, Lê A tình nguyện trụ lại cản địch để đồng đội rút lui, bảo toàn lực lượng. Khi lệnh rút được phát ra, xã đội phó Một nhào về chỗ Lê A thì anh không còn nữa. Trên vầng trán thanh xuân của tuổi 19 một mảnh đạn cắm ngập còn rỉ máu. Anh là người hy sinh duy nhất của trận đánh.

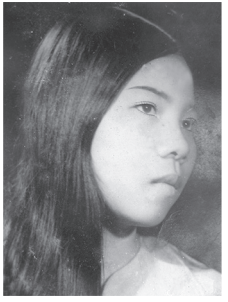
Lê A là một chiến sĩ cách mạng xuất sắc. Anh tham gia chiến đấu trực tiếp và chỉ huy 113 trận đánh địch và lập nhiều thành tích xuất sắc. Riêng trong chiến đấu, một mình Lê A đã tiêu diệt 143 tên địch, trong đó có 46 sĩ quan và bọn ác ôn khét tiếng, 13 lính Mỹ, thu 7 súng, phá hủy 4 xe quân sự địch, gỡ 167 quả mìn và lựu đạn gài trong đồn địch.

Đồng chí Lê A là biểu tượng của tinh thần chiến đấu và chiến đấu với hiệu quả cao, hết lòng vì mọi người, đoàn kết khiêm tốn, được đồng đội và nhân dân tin yêu, mến phục. Trong 2 năm, Lê A được thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 3 Bằng khen, 11 Giấy khen và 2 năm liền là Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Một thành tích đáng tự hào trong những năm anh tham gia kháng chiến chống Mỹ trên quê hương Bình Lộc, Long Khánh.

Liệt sĩ Lê A được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 587/KT-CTN ngày 30/8/1995<sup>(4)</sup>.

---

(4) Có nhiều tài liệu khác ghi: Ngày 6/11/1978.



## Hồ Thị Hương

Hồ Thị Hương<sup>(1)</sup> là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh ngày 20/7/1954 tại xã Bình An, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, trong một gia đình nghèo đông em nên phải vất vả từ nhỏ. Khi hy sinh, đồng chí là đội viên đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh (nay thuộc tỉnh Đồng Nai).

Năm 1963, khi Hồ Thị Hương lên 9 tuổi, ông Hồ Ngâm - cha của Hồ Thị Hương đưa gia đình vào Long Khánh lập nghiệp. Hàng ngày, Hương một buổi đi học, còn một buổi giúp mẹ buôn gánh, bán bưng kiếm sống. Do bệnh tật, mẹ Hương qua đời, cô thay mẹ phụ cha nuôi gia đình. Khi chiến tranh đến hồi khốc liệt nhất, cả miền Nam sục sôi khí thế đánh giặc. Lính Mỹ và lính Sài Gòn nhan nhản trên đường phố Long Khánh. Những cuộc bắt bớ, giết người và gương hy sinh của chiến sĩ, nhân dân ngày một khắc sâu trong lòng căm thù giặc của cô gái trẻ. Đầu tháng 8/1970, tròn 16 tuổi, Hồ Thị Hương xin tham gia hoạt động cách mạng, trở thành đội viên đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh. Bất kỳ nhiệm vụ nào, dù gian khổ, khó khăn đến đâu, Hồ Thị Hương cũng hoàn thành xuất sắc.

Thị xã Long Khánh những năm đầu thập niên 70 của thế kỷ XX là tinh lỵ của tỉnh Long Khánh, nơi mà quân địch xem là cửa ngõ có vị trí chiến lược phía Đông Bắc để bảo vệ các căn cứ quân sự quan trọng ở vùng 3 - đô thị Biên Hòa và thủ phủ Sài Gòn. Tại Long Khánh, ngoài những căn cứ quân sự, địch bố trí hệ thống đồn bót, các sắc lính khá nhiều để bảo vệ cửa ngõ chiến lược và ngăn chặn sức tiến công của quân cách mạng tại địa phương Bà Rịa - Long Khánh.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985, và tư liệu do Ban Tuyên giáo Thị ủy Long Khánh cung cấp.

Trong bối cảnh, nhiều cơ sở cách mạng trong nội ô hầu như bị mất trắng, cán bộ nội thành phải rút ra căn cứ, Hồ Thị Hương trong 2 năm đã xây dựng được 16 cơ sở cách mạng hoạt động hiệu quả và phát triển được phong trào thanh niên phụ nữ, góp phần tích cực trong việc diệt ác, phá kim ở địa phương. Từ những cơ sở cách mạng xây dựng và thực tế điều nghiên của mình, Hồ Thị Hương đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh và tham gia các trận đánh địch táo bạo trong lòng thị xã khiến chúng tổn thất nặng nề.

Năm 1973, Hương đã tổ chức 1 cuộc biểu tình lớn có trên 1.800 người tham gia đấu tranh quyết liệt với tên tỉnh trưởng Long Khánh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Cuối năm 1973, Hồ Thị Hương được điều về đội trinh sát vũ trang. Với mật danh H25, Hồ Thị Hương đã dũng cảm cùng các đội viên đặt mìn tiêu diệt hàng loạt sĩ quan, cố vấn và cảnh sát, lính địa phương tại các nhà hàng, quán bar trong thị xã Long Khánh khiến cho bọn giặc hoảng vía, kinh hồn.

Nổi bật là trận đánh vào quán ăn Hoàng Diệu ngày 13/12/1974, nơi bọn thám báo sư đoàn 18 thường tụ tập. Quán Hoàng Diệu ở ngay sát sư đoàn 18, lại được canh phòng rất nghiêm ngặt, nhưng nhiều lần đi lại làm quen với chủ quán, Hương cùng đồng chí Thọ đến quán ăn kem, Thọ giả vờ đùa cợt với bọn thám báo, còn Hương mưu trí lên vào quán đặt mìn định giờ dưới gầm 1 bàn ăn. Sau 15 phút, mìn nổ, diệt tại chỗ 32 tên và làm bị thương nhiều tên khác. Tiếng la hét, khói lửa làm chấn động một góc trời thị xã Long Khánh.

Đầu năm 1975, Thị ủy chỉ thị tiếp tục đánh mạnh diệt ác, phá kim. Đội trinh sát vũ trang lại nghiên cứu cách đánh mới có hiệu quả mà bảo toàn được lực lượng. Ngày 7/1/1975, được các đồng chí trong đội trinh sát hỗ trợ, Hồ Thị Hương đem mìn đặt vào quán bar Ngọc Hương, nơi bọn tình báo Phủ Đặc ủy, và cảnh sát thường tụ tập ăn nhậu. Khi bọn địch đến chập quán bar thì mìn nổ, diệt tại chỗ tên quận phó ác ôn và 40 tên cảnh sát đặc biệt, cảnh sát dã chiến.

## SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG

Đêm 29 rạng sáng 30/1/1975, Hương được phân công cùng nữ đồng chí Thận đánh bọn cảnh sát đặc biệt tại quán ăn Song Nga, do 1 tên an ninh quân đội Sài Gòn kinh doanh. Sau khi kiểm tra vũ khí, thực tập phương án tác chiến thận trọng, Hồ Thị Hương và đồng chí Thận hành động. Trận đánh này diệt và làm bị thương một số tên cảnh sát đặc biệt; Hồ Thị Hương anh hùng hy sinh.

Ngày 11/6/1978<sup>(2)</sup>, Hồ Thị Hương được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày nay, trên Tượng đài chiến thắng Long Khánh nằm uy nghi và sừng sững bên vệ đường quốc lộ 1 ngang qua trung tâm thị xã, có hình tượng Anh hùng, liệt sĩ Hồ Thị Hương đang cầm súng, một cánh tay chỉ hướng về Sài Gòn.



---

(2) Có tài liệu ghi ngày 12/8/1980.



## Trần Văn Nuôi

Trần Văn Nuôi<sup>(1)</sup>, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh năm 1938, quê xã Ngũ Lạc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Cửu Long (nay thuộc tỉnh Trà Vinh). Khi hy sinh, anh là Đại đội phó Đại đội, Tiểu đoàn 525, Công binh bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

Gia nhập quân đội từ năm 1962 đến trước lúc hy sinh, Trần Văn Nuôi đã tham gia chiến đấu và chỉ huy chiến đấu trên 100 trận. Riêng đồng chí đã diệt 293 tên địch (trong đó 127 tên Mỹ, Úc), bắn rơi 4 máy bay, bắn cháy 24 xe (có 9 xe tăng), đánh sập 4 lô cốt. Đặc biệt là trận tháng 2/1968 cùng đơn vị diệt 30 tên, bắt 4 tên, thu súng, phá hủy 7 xe tăng. Đồng chí còn tìm nhặt được 5 quả bom 1.500kg, 137 đầu đạn đại bác, gỡ 257 quả mìn của địch để chế tạo mìn, lựu đạn trang bị cho bộ đội đánh giặc. Đồng chí đã anh dũng hy sinh trong trận chiến đấu ngày 20/12/1970.

Đồng chí Trần Văn Nuôi luôn luôn nêu cao tinh thần tích cực tiến công địch, chủ động, mưu trí sáng tạo, là tấm gương sáng về chấp hành kỷ luật, đoàn kết thương yêu đồng đội hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Đồng chí đã được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng Nhất, 5 hạng Nhì, 1 hạng Ba) và nhiều Bằng khen, Giấy khen. Ngày 6/11/1978 liệt sĩ Trần Văn Nuôi được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.



## Dương Văn Thi

Dương Văn Thi<sup>(1)</sup> sinh năm 1936, là người con thứ bảy trong một gia đình nông dân ở xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Em trai thứ tám của ông là Dương Văn Thôi, tham gia du kích tại xã nhà, là liệt sĩ.

Năm 1959, Dương Văn Thi vào du kích, hoạt động bí mật ở địa phương. Trong bối cảnh chính quyền Diệm đàn áp, khủng bố gắt gao người kháng chiến, Dương Văn Thi vượt qua mọi kìm kẹp của bọn tề điệp do thám, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nắm tình hình địch, phục vụ cho cấp ủy địa phương, lãnh đạo Đồng khởi 1960 làm thất bại cuộc chiến tranh cảnh sát đơn phương của bè lũ Mỹ - Diệm. Trong những ngày bùng bùng khí thế cách mạng ấy, đồng chí đã vận động nhân dân và 9 thanh niên vào lực lượng vũ trang, đóng góp trên 500 giạ lúa và tiền bạc để mua sắm dụng cụ cho công trường chế tạo vũ khí đánh giặc. Để hạ uy thế của địch trong chủ trương diệt ác, phá kìm, Dương Văn Thi đã diệt được 2 tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân.

Tháng 4/1966, Dương Văn Thi nhập ngũ, vào bộ đội địa phương huyện Thủ Đức, chiến đấu trên mảnh đất ven đô hướng Đông Bắc Sài Gòn. Cùng với đồng đội, đồng chí được giao nhiệm vụ kiên trì bám trụ địa bàn, xây dựng lực lượng, cùng với anh em du kích và các đơn vị tập trung của cấp trên phối hợp chiến đấu giữ được vùng căn cứ Bung 6 xã, nỗ lực duy trì thế áp sát trung tâm chỉ huy chiến tranh xâm lược của giặc Mỹ và tay sai ở Sài Gòn, luôn chủ động tấn công theo yêu cầu chung của Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

(1) Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Nhơn Trạch.

Trong những tình huống gay go, Dương Văn Thì luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, mưu trí đối phó với kẻ thù. Một lần trên đường công tác, bị máy bay địch phát hiện quần đảo bám sát, đồng chí xử trí nhạy bén, kịp thời bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay do thám, bảo vệ an toàn cho 2 đồng chí Huyện ủy Thủ Đức trước khi các máy bay địch đến đánh phá.

Năm Mậu Thân 1968, trong 2 đợt tập kích chiến lược, Dương Văn Thì lúc bấy giờ là trung đội trưởng bộ đội địa phương đã liên tục đánh mìn chặn các xe địch trên xa lộ, chuẩn bị chiến trường, nắm các mục tiêu phục vụ các đơn vị cấp trên tấn công địch.

Sau đợt 2 Tết Mậu Thân 1968, địch phản kích dữ dội trên các hướng ven đô. Thủ Đức là trọng điểm cần quét, bắn phá của Mỹ và quân chủ lực của chế độ Sài Gòn; theo đó bọn bảo an, dân vệ ra sức cần quét, tạo nhiều khó khăn cho việc bám trụ, hậu cần, tiếp tế của ta. Trong tình hình đó, Dương Văn Thì có nhiều tháng tạm đứt liên lạc với quân khu, vẫn động viên anh em nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, vừa vận động nhân dân thu mua lương thực giúp cho các đơn vị bạn nuôi quân trên 30 đồng chí, vừa tích cực thu gom bom pháo lép tự tạo ra các loại mìn trái, lựu đạn, cạm bẫy, vừa cùng với du kích chiến đấu tiêu hao sinh lực địch, bảo vệ địa hình, ổn định thế đóng quân, phát triển không ngừng các lõm du kích bao vây cô lập và vô hiệu hóa các đồn chốt địch rải khắp vùng Bung 6 xã.

Tháng 4/1970, so sánh lực lượng giữa ta với địch, Dương Văn Thì tổ chức một trận đánh giữa ban ngày, chỉ huy 1 tổ thọc sâu ra xa lộ, lợi dụng tâm lý chủ quan của giặc, bắn cháy 1 xe bọc thép M.113, tiêu diệt 5 tên Mỹ.

Khi địch điều xe ủi đất, ủi phá vườn tược, cây trái của đồng bào để xây dựng khu thương phé binh Sài Gòn, Dương Văn Thì đã chỉ huy 7 đồng chí bí mật luồn đánh bại Đại đội địch đóng sâu trong ấp Tây Hòa thu được một máy thông tin PRC.10. Sau đó, đồng chí dẫn 1 tổ mang mìn vào giữa đội hình địch từ giữa cụm đóng quân

của chúng đánh ra. Địch bắt ngờ, bị động. Ta diệt được 12 tên và làm bị thương nhiều tên khác; tuy không thu được súng nhưng anh em rút lui an toàn, gieo cho địch nỗi khiếp sợ, hoang mang.

Tháng 4/1971, địch chủ trương đánh rộng ra, tiến hành một cuộc càn về hướng Bung 6 xã, rìa ấp phía Nam Phước Long. Những trái mìn du kích cài đặt đều không nổ. Dương Văn Thi quả cảm lên kiểm tra và thay kíp nổ. Cuối cùng trái nổ làm 13 lính địa phương chết và bị thương.

Trong một trận đánh khác, đến giờ nổ súng thì bị lộ, tình huống xấu đi và nguy hiểm, Dương Văn Thi cương quyết vẫn đánh và đích thân mang lựu đạn xông lên trước, một mình tập kích để động viên đơn vị vào trận. Trận ấy diệt 7 tên địch, thu được 1 quả mìn claymore (định hướng).

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, đồng chí Dương Văn Thi nhận lệnh đưa Đại đội 2 bộ đội địa phương của huyện về nhập với công binh, đặc công nước, đặc công bộ và D4, hình thành lực lượng tấn công chiếm giữ cầu Sài Gòn. Suốt ngày 28/4/1975, địch phản kích dữ dội với trực thăng, tàu FOM, bộ binh và thiết giáp. Trận đánh diễn ra ác liệt, từ 3 giờ đến 19 giờ. Quân ta có 6 chiến sĩ hy sinh và 8 chiến sĩ bị thương. Dương Văn Thi bị thương, hết đạn, địch lại tăng viện 1 đại đội tập kích từ phía sau, tiến hành 9 đợt tấn công, tình thế thật ngặt nghèo. Dương Văn Thi bình tĩnh, cho gom hết đạn của địch, dùng lần lượt 5 khẩu đại liên thu được của chúng, giữ vững trận địa, diệt 13 tên địch, bắt giữ 2 tù binh.

Suốt quá trình chiến đấu, Dương Văn Thi đã trực tiếp chỉ huy và tham gia chiến đấu 125 trận, diệt và làm bị thương 258 tên, trong đó có 7 tên ác ôn, bắn rơi và phá hủy 3 máy bay lên thẳng, bắn cháy 5 xe quân sự (có 2 thiết giáp M113), bắn chìm 2 tàu xuồng chiến đấu, thu 3 máy VTĐ (2PRC 25, 1PRC 10) và 45 súng các loại. Riêng Dương Văn Thi đã diệt 63 tên địch (trong đó có 25 tên Mỹ, 2 tên ác ôn), đánh cháy 1 xe M113 và xe ủi đất địa hình.

Đồng chí Dương Văn Thi được trao Huân chương Kháng chiến



hạng Nhất; Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy hiệu Hồ Chí Minh; Huy hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh; 2 Huy chương Toàn thắng; 4 lần đạt danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng cấp 2, cấp 3; Danh hiệu dũng sĩ xung kích; 9 Bằng khen và 1 Giấy khen; Chiến sĩ thi đua Quân khu Sài Gòn - Gia Định năm 1969.

Đồng chí Dương Văn Thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vào ngày 6/11/1978. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, đồng chí Thì là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, cấp bậc Trung úy, Đại đội trưởng bộ đội địa phương Thủ Đức. Ngày 27/8/1988, đồng chí từ trần, cấp bậc lúc này là Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.





## Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Thanh Tùng<sup>(1)</sup> sinh năm 1933, dân tộc Kinh, quê ở xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Trung tá, Chỉ huy phó Đoàn đặc công 429, Quân khu 7.

Năm 1948, mới 15 tuổi, đồng chí đã hăng hái tham gia hoạt động cách mạng, sau đó đi bộ đội Sivôtha Lào kháng chiến chống Pháp. Năm 1954, đồng chí tập kết ra miền Bắc và làm Tiểu đội trưởng Trinh sát của Tiểu đoàn 196 Sư đoàn 338. Năm 1959, đồng chí chuyển về Tiểu đoàn Trinh sát 74, Cục 2 Bộ Tổng tham mưu và được cử đi học Trường sĩ quan Lục quân.

Tháng 4/1961, Nguyễn Thanh Tùng nhận nhiệm vụ đi B (về miền Nam), công tác tại Đại đội 21 của Trung đoàn 2, một trong số rất ít đơn vị chủ lực đầu tiên của miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Tháng 10/1964 do yêu cầu của chiến trường, Phòng Quân báo của Bộ Tham mưu Miền đóng ở R (căn cứ Trung ương Cục) Tiểu đoàn Trinh sát số 46 được thành lập. Nguyễn Thanh Tùng được giao làm chính trị viên phó, sau đó là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 46. Đồng chí đã chỉ huy tiểu đoàn tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Chiến dịch Bình Giã, Đồng Xoài, Bàu Bàng, đánh bại cuộc hành quân Junction City... đến cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Đơn vị do Nguyễn Thanh Tùng chỉ huy luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trong chiến dịch Đồng Xoài, Nguyễn Thanh Tùng chỉ huy đơn vị luôn sâu đánh bất ngờ tiêu diệt đồn tiền tiêu, là một trung tâm truyền tin của địch trên đỉnh núi Bà Rá (cao 824m). Đồng thời, tiêu diệt lực lượng của địch đến chi viện. Quan trọng nhất là quân ta đã chiếm cao điểm Bà Rá và đặt đài quan sát, theo dõi điều tra

(1) Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai (<https://www.dongnai.gov.vn>)

tình hình hoạt động quân sự của địch trong cuộc chiến tranh.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, Tiểu đoàn Trinh sát 46 đã tổ chức chiến đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo vệ an toàn cho sở chỉ huy và các đồng chí lãnh đạo của Bộ Tư lệnh Miền ở tiền phương. Đơn vị có nhiệm vụ điều tra khảo sát đặt Sở Chỉ huy tiền phương ở vùng ven Sài Gòn (Rạch Tra, Gò Môn); truyền đạt mệnh lệnh của Tư lệnh tiền phương cho chỉ huy các đơn vị thọc sâu vào hậu cứ của quân địch.

Năm 1969, Nguyễn Thanh Tùng được điều về làm Phó phòng Đặc công Miền. Đồng chí xây dựng kế hoạch và trực tiếp chỉ huy bộ đội đặc công đánh thắng 2 trận liên tiếp vào căn cứ Tách-ních, Bình Long là Sở Chỉ huy tiền phương của Sư đoàn 1 “Anh Cả đỏ” và căn cứ đóng quân của Lữ đoàn 1 kỵ binh bay của Mỹ.

Trận thứ nhất vào đêm 12/5/1969, quân ta diệt 1.106 tên Mỹ, phá hủy 21 máy bay, 105 xe quân sự, 20 khẩu pháo và quân ta đánh nhồi vào đêm 6/6/1969 tiêu diệt trên 1 ngàn tên Mỹ, phá hủy 12 máy bay, san bằng 30 lô cốt, 50 hầm ngầm, đốt cháy 3 nhà kho chứa quân trang, quân dụng.

Tháng 6/1972, Nguyễn Thanh Tùng được cấp trên giao nhiệm vụ Trung đoàn trưởng Trung đoàn Đặc công 113 (Đoàn 113). Đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh hai trận lớn, lập chiến công oanh liệt làm chấn động trong nước và thế giới. Đêm 2/8/1972 đơn vị đã bí mật, bất ngờ tập kích vào sân bay Biên Hòa phá hủy 74 máy bay, 2 dàn ra đa, 1 kho bom, diệt hàng trăm tên lính Mỹ và tay sai. Đặc biệt, ông đã nhận chỉ thị của đồng chí Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam: “Dù trường hợp nào cũng phải đánh cho được Tổng kho Long Bình... Cắt được dạ dày của chúng thì chúng phải ký hiệp định Paris”. Và đêm 13/8/1972, Trung đoàn do ông chỉ huy đã tấn công Tổng kho Long Bình phá hủy 150 ngàn tấn bom đạn, gần 1 triệu lít xăng, diệt trên 100 tên địch.

Từ năm 1973-1996, Nguyễn Thanh Tùng được cấp trên giao đảm nhận các trọng trách như: Phó Tư lệnh đoàn Đặc công 27, Sư

đoàn trưởng Sư đoàn 5, Sư đoàn 310 Quân khu 7..., được phong hàm Thiếu tướng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai, đại biểu Quốc hội khóa VIII và IX. Năm 1997, ông được nghỉ hưu và sau đó nhiều năm làm Chủ tịch Hội Cựu chiến tỉnh Đồng Nai.

Với các thành tích xuất sắc, dũng cảm, mưu trí lập được nhiều chiến công oanh liệt trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Thanh Tùng được tặng thưởng 5 Huân chương Chiến công Giải phóng, 3 lần là Dũng sĩ. Ngày 6/11/1978, Nguyễn Thanh Tùng được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





## Lê Duy Chín

Lê Duy Chín<sup>(1)</sup>, bí danh Thúy Sơn, đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đồng chí sinh năm 1930, trong 1 gia đình nông dân tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ Tĩnh. Khi được tuyên dương anh hùng, đồng chí là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 76 Công binh bộ đội địa phương tỉnh Đồng Nai.

Tình nguyện gia nhập quân đội năm 1951, đồng chí đã anh dũng trực tiếp chiến đấu chống thực dân Pháp trên nhiều vùng chiến trường miền Bắc và chiến trường bạn. Trong 7 năm, đồng chí đã tham gia đánh 16 trận lớn nhỏ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, từ năm 1964 đến năm 1975, đồng chí đã chiến đấu và chỉ huy chiến đấu trên chiến trường Biên Hòa. Chỉ tính riêng năm 1969 và nửa năm 1970, tiểu đoàn 76 công binh do đồng chí phụ trách đã diệt 2 ngàn tên địch (có 1.400 tên Mỹ và chư hầu), phá 320 xe quân sự (có hơn 200 xe tăng, bọc thép), 18 đôn bót, 36 cầu, 9 ngàn mét đường sắt, 540 mét đường bộ, bắn rơi 2 máy bay. Hơn 20 năm, đồng chí đã tham gia chiến đấu nhiều trận, trong đó có các trận đánh lớn như: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Gần 30 năm tại ngũ, đồng chí Lê Duy Chín luôn luôn là tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức cách mạng, kiên định vững vàng trong mọi gian khổ, cam go, hăng hái chiến đấu và chiến đấu cực kỳ dũng cảm, lập được nhiều thành tích xuất sắc.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

Tính đến năm 1975, đồng chí đã được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công Giải phóng (1 hạng Nhất, 3 hạng Ba), 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, 1 danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng, 1 danh hiệu Dũng sĩ diệt xe cơ giới, 10 lần đạt danh hiệu là Chiến sĩ thi đua, 9 Bằng, Giấy khen. Ngày 6/11/1978, đồng chí Lê Duy Chín được vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân do Nhà nước phong tặng.





## Nguyễn Văn Huệ

Nguyễn Văn Huệ<sup>(1)</sup>, tự Bông, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh năm 1935 trong một gia đình nông dân tại ấp Bình Đa, xã Tam Hiệp, nay là phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Khi tuyên dương, đồng chí là Thượng úy, Trưởng ban hậu cần thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai.

Nhập ngũ từ năm 1960, đồng chí Nguyễn Văn Huệ, liên tục hoạt động trong lĩnh vực quân giới, làm nhiệm vụ sản xuất mìn, lựu đạn, thủ pháo phục vụ cho các lực lượng vũ trang chiến đấu. Tính đến năm 1975, đồng chí đã đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau, như: Trưởng ban Hóa chất Xưởng Quân giới quân khu miền Đông, Xưởng trưởng Xưởng Quân giới Quân khu 5, Xưởng trưởng Xưởng Quân giới phòng hậu cần Quân khu 7. Đồng chí đã cùng đồng đội lấy được 12 tấn thuốc nổ, 120 tấn kim loại từ vũ khí địch để sản xuất mìn, lựu đạn, vận chuyển 300 tấn vũ khí phục vụ chiến trường.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, ở cương vị công tác nào, đồng chí vẫn luôn luôn nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, chủ động, vượt mọi khó khăn gian khổ để lao động sáng tạo với tinh thần anh dũng quên mình. Đồng chí đã khắc phục mọi thiếu thốn về nguyên vật liệu cũng như điều kiện làm việc, tìm kiếm tận dụng những phương tiện của địch để chế tạo vũ khí, nghiên cứu tìm tòi chế tạo thành công nhiều vũ khí tự tạo đáp ứng tốt nhu cầu chiến trường. Đồng chí còn đào tạo nhiều cán bộ quân giới, ổn định đời sống, bảo vệ xưởng an toàn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

---

(1) Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba, 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng, 10 danh hiệu Dũng sĩ, 7 danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 15 Bằng, Giấy khen. Ngày 6/11/1978 đồng chí Nguyễn Văn Huệ vinh dự được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.







## Trương Văn Hải

Trương Văn Hải<sup>(1)</sup> sinh năm 1947, dân tộc kinh, quê ở xã Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đồng chí nhập ngũ vào tháng 2/1966. Khi hy sinh đồng chí là thiếu úy đội trưởng K17, biệt động Sài Gòn, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1966 đến năm 1974, Trương Văn Hải hoạt động ở vùng ven Sài Gòn. Trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ đại đội, đồng chí đã tham gia 30 trận đánh, chỉ huy đơn vị diệt nhiều địch, có trận diệt gọn 1 trung đội. Riêng đồng chí diệt 65 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Trận đánh ngày 1/1/1973, Trương Văn Hải chỉ huy 1 tổ đánh vào trận địa pháo Liên Trường, phá hủy 2 khẩu pháo, 1 hầm đạn, 1 dàn ra-đa, diệt 40 tên (có 1 thiếu tá quân đội Sài Gòn).

Trận đánh ngày 10/1/1973, Trương Văn Hải chỉ huy đội đánh vào trận địa pháo Liên Trường lần thứ 2, diệt 60 tên địch.

Tháng 8/1973, địch cho 1 tiểu đoàn vào xã Tăng Nhơn Phú, tuy địch đông gấp nhiều lần nhưng đồng chí vẫn bình tĩnh chỉ huy đội dùng súng bộ binh bố trí trận địa mìn đánh địch, diệt hơn 30 tên, bẻ gãy cuộc càn, hạn chế được nhiều thiệt hại cho xã. Ngày 18/3/1974, Trương Văn Hải đã hy sinh trong khi đang làm nhiệm vụ.

Đồng chí có phẩm chất tốt, hết lòng yêu thương đồng đội. Có lần tuy bản thân bị thương, vết thương bị nhiễm trùng nhưng đồng chí vẫn cố diu một đồng chí bị thương khác về tới đơn vị.

(1) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, tập 5, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, năm 1995.

## SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG

Trương Văn Hải đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba.

Ngày 6/11/2018, Trương Văn Hải được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





## Trần Đồi

Trần Đồi (còn có tên là Khoa), sinh năm 1933, tại xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Khi được tuyên dương anh hùng, đồng chí là đảng viên, cấp bậc trung tá, chức vụ trung đoàn trưởng eBB24, sư đoàn BB5, Quân khu 7.

Từ tháng 9/1963 đến cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, đồng chí chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên và Nam Bộ. Đồng chí đã trải qua các cương vị từ đại đội trưởng đến trung đoàn trưởng. Trong chiến dịch sông Sa Thầy (hè năm 1967) Trần Đồi chỉ huy hai tiểu đoàn, diệt và làm bị thương gần 1.000 tên địch chủ yếu là lính Mỹ. Tháng 11/1967, trong chiến dịch Đắk Tô, Trần Đồi là trung đoàn phó trực tiếp chỉ huy một tiểu đoàn đã diệt gọn hai đại đội Mỹ và góp phần cùng đơn vị bạn diệt hai tiểu đoàn Mỹ khác.

Xuân 1968, là Trung đoàn trưởng, Trần Đồi chỉ huy đơn vị vận động tấn công kết hợp chốt, diệt gọn hai đại đội Mỹ trong các trận đánh Chư Tăng Kra, Ngọc Kam Liệt. Tháng 4/1972, vừa mới vào chiến trường Nam Bộ, Trần Đồi đã chỉ huy đơn vị tấn công tiêu diệt căn cứ địch ở Xa Mát và cùng đơn vị bạn vây ép buộc địch ở căn cứ Thiện Ngôn phải tháo chạy. Đơn vị do Trần Đồi chỉ huy đã góp phần diệt chiến đoàn 49 Sài Gòn, chọc thủng tuyến phòng thủ của địch ở phía Tây Sài Gòn. Hai năm 1973 và 1974, Trần Đồi chỉ huy trung đoàn đánh địch ở Mỹ Tho diệt 4 tiểu đoàn địch, san bằng hơn 30 đồn bốt, mở ra vùng giải phóng Bắc Cái Bè, sau đó Trần Đồi đưa trung đoàn thọc sâu đánh địch ở Gò Công gây cho địch nhiều tổn thất.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công Giải phóng hạng Ba, 1 huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì, 2 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba.

Ngày 6/11/1978 Trần Đồi được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Trịnh Xuân Thiều

Trịnh Xuân Thiều<sup>(1)</sup> sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê ở xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Khi được tuyên dương anh hùng, đồng chí là đảng viên, chính trị viên đại đội đặc công, Đại đội 11, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 316, Quân khu 7.

Năm 1967, Trịnh Xuân Thiều 21 tuổi, đang học Trường trung cấp thủy lợi Thanh Hóa sơ tán ở huyện Thiệu Hóa. Ty Thủy lợi Thanh Hóa còn thiếu 6 chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự. Qua tuyển chọn, Trịnh Xuân Thiều và các chiến sĩ mới trúng tuyển gia nhập Sư đoàn 338. Đơn vị hành quân đêm từ Thiệu Hóa lên Ngọc Lạc. Vai đeo chiếc ba lô nặng trang cảnh lá chát mấy viên gạch, lần đầu tiên họ hiểu thế nào là rèn luyện chuẩn bị đi chiến đấu. Tại đây, mọi người học điều lệnh trong 1 tuần rồi nhằm thẳng phương Nam vào chiến trường. Hành trang của người lính hồi đó rất đơn giản: Chiếc mũ cối, 2 bộ kaki Tô Châu, tăng, võng, 1 khẩu AK và vài băng đạn, 1 ruột tượng gạo... Ngày nghỉ, đêm đi để tránh máy bay địch trên đoạn đầu đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại, Thiều và đồng đội lần lượt đặt chân qua các địa danh nổi tiếng: Ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), phà Long Đại (Quảng Bình), Bến Hải... Càng đi về phía Nam, mức độ ác liệt của chiến tranh càng phơi bày rõ. Không xóm làng nào nguyên vẹn, không cánh đồng nào không có vết tích hố đạn bom. Nhiều địa điểm hố bom chồng lên nhau ken dày như mắt sàng. Máy bay địch đêm ngày vẫn vũ quần đảo không chế hòng làm chủ bầu trời.

Từ tháng 3/1968 đến cuối năm 1974, Trịnh Xuân Thiều làm nhiệm vụ đánh tàu địch ở Trị Thiên, Nam Bộ và giúp cách mạng Campuchia. Đồng chí đã chỉ huy đánh chìm 7 tàu, có 1 tàu trọng tải 8.000 tấn.

(1) Nguồn: Công thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai (<https://www.dongnai.gov.vn>).

Đêm 18/5/1972, Trịnh Xuân Thiều và 1 đồng chí nữa đánh tàu tại cảng Phnôm Pênh (Campuchia). Ở đây địch phòng thủ rất chặt chẽ, tuần tiễu, bắn pháo sáng liên tục, anh vẫn động viên đồng đội cùng mình tìm cách lọt vào cảng, lựa thế đặt khối thuốc nổ đánh chìm 2 tàu địch (1 tàu vận tải, 1 tàu tuần tiễu).

Ngày 4/8/1972, Trịnh Xuân Thiều đánh cảng Phnôm Pênh lần thứ hai, tuy gặp khó khăn hơn lần trước vì địch tăng cường phòng thủ, phải bơi xa 20km mới tới mục tiêu. Anh đã đưa cả tổ vào đúng như phương án, riêng Thiều cùng 1 đồng đội đánh chìm chiếc tàu 8.000 tấn.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến năm 1978, Trịnh Xuân Thiều là Chính trị viên đại đội 11, anh đã góp phần tích cực xây dựng đơn vị làm tốt công tác truy quét tàn binh địch, bảo vệ trị an, tuyên truyền vận động quần chúng chấp hành nghiêm túc các chính sách, kỷ luật được nhân dân tín nhiệm.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì, 2 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba, nhiều Bằng và Giấy khen. Ngày 6/11/1978, Trịnh Xuân Thiều được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Tòng Viêt Dương

Tòng Viêt Dương<sup>(1)</sup>, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Kinh, sinh năm 1924 trong một gia đình nông dân, quê xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải (nay thuộc tỉnh Cà Mau). Khi được tặng danh hiệu anh hùng đồng chí là Trung tá tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng chí nguyên là Đại tá phó chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai.

Tham gia cách mạng từ năm 1954, đồng chí liên tục công tác trong các đơn vị tình báo, đặc công, biệt động trên các chiến trường Nam Bộ và chiến trường bạn.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh nhiều trận thu được nhiều thắng lợi to lớn. Tiêu biểu là:

Trận đánh sân bay và trường huấn luyện cảnh sát, bình định Vũng Tàu từ ngày 13/6/1966, đồng chí Tòng Viêt Dương cùng đồng đội đã phá hủy 37 chiếc máy bay, diệt 500 tên địch;

Ở trận đánh sân bay Bô-chen-tông (Campuchia) vào đêm 21/1/1971, đồng chí Tòng Viêt Dương cùng đồng đội đã phá hủy toàn bộ sân bay với 105 máy bay các loại, 10 ngàn tấn bom đạn và diệt trên 1 ngàn tên địch; trận đánh phá toàn bộ căn cứ Cầu Nước.

Trong đêm 25/4/1974, đồng chí cùng đồng đội diệt 200 tên.

Trận đánh hậu cứ trung đoàn 13 sư 18 của địch vào đêm 21/8/1974, đồng chí cùng đồng đội diệt trên 500 tên và phá hủy 8 xe tăng.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tòng Viêt Dương Phó tư lệnh Sư đoàn 27 đặc công, chỉ huy đơn vị đánh chiếm đầu cầu xa lộ Đồng Nai rồi cùng với đoàn xe tăng Lữ đoàn 203 thiết giáp tiến thẳng vào dinh Độc Lập lúc 11 giờ 25 phút ngày 30/4/1975.

---

(1) Nguồn: Hồ Sơn Đài - Trần Quang Toại (chủ biên), Đồng Nai những đơn vị anh hùng, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1985.

Chiến đấu nhiều năm trên chiến trường Nam Bộ, lúc bí mật, lúc công khai, đồng chí luôn luôn là tấm gương sáng ngời về tinh thần tích cực tiến công địch, gan dạ, mưu trí, dũng cảm, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành và hoàn thành cực kỳ xuất sắc.

Với thành tích trên, Tổng Viêt Dương đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, 1 Huy hiệu thành đồng Tổ quốc, 2 danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ và phi cơ, 3 danh hiệu Dũng sĩ quyết thắng và nhiều Bằng, Giấy khen. Ngày 6/11/1978, đồng chí vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





## Lương Văn Xuân

Lương Văn Xuân<sup>(1)</sup> sinh năm 1959, dân tộc Thái, quê ở xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, nhập ngũ tháng 4/1978. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Thượng sĩ, Trung đội phó bộ binh Đại đội 7, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 209, Sư đoàn 7 Bộ binh, Quân đoàn 4, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Từ tháng 8/1978 đến tháng 8/1980, Lương Văn Xuân chiến đấu ở chiến trường Tây Nam, tham gia đánh 30 trận. Trong chiến đấu đồng chí nêu cao tinh thần tích cực tấn công địch, dũng cảm, ngoan cường, có tính quyết đoán trong những tình huống khó khăn. Bản thân đồng chí diệt 27 tên địch, bắt 3 tên, thu 14 súng các loại, đặc biệt, trận đánh ngày 20/11/1978, đơn vị Lương Văn Xuân bị địch bắn mạnh không phát triển tấn công được, một số bị thương vong. Trước tình huống khó khăn, đồng chí chủ động đề xuất ý kiến vượt qua cánh đồng trồng chiêm địa hình có lợi để kiểm chế và thu hút hỏa lực địch, tạo thuận lợi cho đơn vị xung phong diệt gọn địch. Riêng đồng chí diệt 3 tên, thu 2 súng.

Trận đánh ngày 20/2/1979, khi đánh địch ở khu vực Đông - Nam thị xã Kông Pông Xpư, đơn vị bị thương vong một số; Lương Văn Xuân đã bình tĩnh điều thương binh xuống chiến hào rồi xông ra chặn địch. Đồng chí linh hoạt luôn di chuyển vị trí, sử dụng nhiều loại vũ khí diệt địch. Hành động dũng cảm của Lương Văn Xuân đã cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu. Kết quả trận này ta đã bẻ gãy 5 đợt tấn công của địch giữ vững trận địa, bảo vệ an toàn thương binh. Riêng đồng chí đã diệt 14 tên, thu 4 súng.

(1) Nguồn: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Tập 6, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996.



## CÁ NHÂN ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Đồng chí Lương Văn Xuân luôn khiêm tốn, gương mẫu chấp hành chính sách, kỷ luật chiến trường tốt, được đồng đội tin yêu. Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 6 Bằng và Giấy khen, 2 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ giữ nước.

Ngày 28/8/1981, Lương Văn Xuân được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





## Bùi Văn Bình

Bùi Văn Bình<sup>(1)</sup> sinh năm 1955, dân tộc Kinh, quê ở xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé (cũ) nay là tỉnh Bình Dương, nhập ngũ tháng 10/1978. Khi hy sinh, đồng chí là Thiếu úy, Trợ lý tham mưu Tiểu đoàn 14 Bộ binh, Đoàn 7701, Mặt trận 779, Quân khu 7, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1965, khi Bùi Văn Bình 10 tuổi, cha là Bùi Văn Thôn mất trong đêm đánh sân bay Biên Hòa. Là con út trong gia đình, Bùi Văn Bình càng được cả nhà thương yêu nhiều hơn. Những năm đầu đi học, Bùi Văn Bình học Trường Tiểu học Nguyễn Du, đến năm gần giải phóng, cậu học sinh Trường Trung học Ngô Quyền - Bùi Văn Bình đã cao lớn và mạnh mẽ như một chàng trai độ tuổi bẻ gãy sừng trâu.

Về bối cảnh chính trị từ giữa năm 1976, giới cầm quyền PonPot Iengsari ngày càng bộc lộ rõ bản chất hiếu sát, thực hiện chính sách chia rẽ, gây hận thù dân tộc và đối đầu với Việt Nam, chúng ngang nhiên tiến hành các hoạt động xâm lấn chủ quyền Việt Nam ở biên giới Tây Nam, ngay sau khi miền Nam vừa hoàn toàn giải phóng. Quân Ponpot đã đẩy mạnh các hoạt động khiêu khích thăm dò, dọn đường cho cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới bằng cuộc đột nhập vào kho vũ khí của ta ở Tây Ninh, tăng cường trinh sát, tuần tiễu dọc theo biên giới, đồng thời cho lực lượng nhỏ (cấp tiểu đội, trung đội) bí mật thọc sâu vào đất ta để gài mìn, lừa bắt trộm trâu bò, giết hại cán bộ, chiến sĩ ta.

Thậm chí quân Ponpot còn đào và dời cả cột mốc biên giới tại các khu vực Gò Dầu, Cà Tum, rồi đưa dân Campuchia sang xâm

---

(1) Nguồn: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, tập 6, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996.

canh tại các vùng Mộc Bài, Khuốt, Vát Xa, Tà Nốt, Tà Đạt (thuộc tỉnh Tây Ninh). Nghiêm trọng hơn trong hai ngày 25/2 và 3/3/1976, quân Ponpot bất ngờ tấn công vào đồn biên phòng số 7 và số 8 ở Buphtrăng. Số vụ xâm lấn ngày càng tăng trên địa bàn Quân khu 7, năm 1975 diễn ra 18 vụ, năm 1976 tăng gấp 9 lần, 171 vụ trên 82 điểm vào sâu trong lãnh thổ của ta đối diện với quân khu 203, còn gọi là Quân khu Đông của Pôn-pốt!

Năm 1978, Bùi Văn Bình 23 tuổi, là cán bộ Đoàn Thanh niên, đối tượng Đảng ở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai. Tháng 10/1978, anh nhập ngũ và được đơn vị bổ sung cho Quân khu 7, tham gia thành lập Tiểu đoàn 14, bộ đội địa phương Tây Ninh. Trong đơn vị có nhiều chiến sĩ mang tên Bình nên đồng đội yêu quý Bùi Văn Bình gọi anh là Bình méo, Bình lực sĩ... Anh to con, rất khỏe, nhưng rất hiền, vui tính đến độ hài hước.

Bùi Văn Bình về mặt trận 779, đúng vào dịp Quân khu 7 đã tham gia 15 tháng chiến đấu lập chiến công rực rỡ (25/9/1977 đến 20/12/1978) đẩy lui quân Ponpot-Iengsari sang bên kia biên giới hàng chục km, giải phóng hoàn toàn 3 huyện Tà Nung, Mimét, Snoul thuộc Kông Pông Chàm mở ra vùng giải phóng đầu tiên của “Mặt trận giải phóng dân tộc cứu nước Campuchia” rộng 1.300km<sup>2</sup> làm điểm tựa cho bước phát triển mới của cách mạng Campuchia.

6 năm làm lính tình nguyện giúp bạn Campuchia, từ năm 1979 đến ngày 25/1/1984 (lúc hy sinh), Bùi Văn Bình đã nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí, dù khó khăn ác liệt thế nào cũng kiên quyết hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng chí đã tham gia 5 chiến dịch, trận đánh nào đồng chí cũng đi trước điều tra nắm tình hình địch, đề xuất phương án tác chiến tốt, giúp cho tiểu đoàn hạ quyết tâm, giành thắng lợi. Có nhiều trận đánh tiêu biểu đáng nhớ của Bùi Văn Bình.

Trận đánh ở Sông Pốt diễn ra vào tháng 5/1980, Bùi Văn Bình cùng 15 chiến sĩ tham gia truy đuổi và tiêu diệt một trung đội lính Pôn-pốt. Trang bị của tiểu đội Bùi Văn Bình gồm 1B40, 1M79, 15 khẩu AK, và lựu đạn. Trận này đã bắn hết 2 thùng đạn M.79 (120

quả), 4 quả B. 40. Khi đến đúng tọa độ ven sông báo có địch, lại chẳng có ai. Nóng quá, lính phóng xuống sông. Từ những bụi cây trên bờ, AK nổ ran tăng tăng hai phát một điểm xạ. Đồng chí Bùi Văn Bình hô đồng đội nằm xuống, ra lệnh đánh võ măt, thọc sườn xé tan đội hình địch. Truy đuổi bọn chúng khoảng 2km, trời sụp tối rất nhanh, Bùi Văn Bình cho anh em làm công sự qua đêm mai đánh tiếp. Sáng hôm sau theo hướng cũ sục tìm, 9 giờ quân ta gặp địch, cãi rãng lược đánh nhau đến 13 giờ. Khí thế tiến công hăng hái, lính ta nổ súng như bấp rang. Bùi Văn Bình cùng đồng đội phá kho gạo, muối rồi rút theo bờ sông về căn cứ. Ở trận này, ta diệt 20 tên và làm 60 tên bị thương.

Trận đánh ngày 25/1/1984 tại Phum Bông Sang Khao (giáp ranh huyện Ba Rài và San Túc), đồng chí Bùi Văn Bình khi đó là trợ lý tham mưu tác chiến của tiểu đoàn 14. Anh nhận nhiệm vụ chỉ huy một bộ phận gồm 12 chiến sĩ Việt Nam và 5 dân quân Campuchia đi về nhánh sông bên phải để bám sát địch.

Không phát hiện ra địch, Bùi Văn Bình cho bộ đội đi tiếp 500 mét nữa thì phát hiện dấu vết 6 người rẽ lên bờ vô rừng. Anh nhanh chóng ra lệnh tấn công, ngay phát đầu tiên gặp địch các anh đã tiêu diệt 3 tên. Bọn địch cụm lại, bắn rất mạnh bằng nhiều loại vũ khí. Lúc này một nửa đơn vị đã hy sinh và bị thương. Lợi dụng các gò mồi, các cây đổ, Bùi Văn Bình và đồng đội tiếp cận địch, bằng điểm xạ chính xác Bùi Văn Bình tiêu diệt thêm 3 tên nữa. Khi đồng chí Bùi Văn Bình quay lại, đạn đại liên, B40 của địch đã đốt cháy phát quang cả vạt rừng. Phía sau anh chỉ còn duy nhất chiến sĩ bộ đàm bị thương nặng đang lết theo anh. Bùi Văn Bình ném liên tiếp 3 trái lựu đạn, tiến lên sau gò mồi, bình tĩnh sử dụng 3 loại vũ khí: B40, AK, RPD và ném lựu đạn về phía hàng trăm tên địch đang xông tới. Biết chỉ còn một mình Bùi Văn Bình, bọn địch đợi anh bắn hết đạn và kêu gọi đầu hàng bằng tiếng Việt. Bùi Văn Bình đứng dậy khỏi gò mồi, với khẩu AK đã giương lê, rồi từng bước tiến về phía địch.

Nhiều tên lính Pôn-pôt buông vũ khí bỏ chạy, chỉ có tên chỉ huy

mặc áo bà ba đen khăn rằn quấn trên đầu, đoạt khẩu AK bắn chết những tên lính bỏ chạy, rồi hướng nòng súng về phía đồng chí Bùi Văn Bình nhắm mắt sợ hãi ghé cò cho nổ những viên đạn còn lại...

Đồng chí Bùi Văn Bình khựng người lại, lưỡi lê khẩu AK cắm xuống đất, một tay anh nắm băng đạn đã hết đạn, tay kia đặt trong vòng cò súng, lồng ngực đầm máu tưa trên băng súng. Bọn địch bỏ chạy. Những đồng đội đi tìm anh vẫn thấy anh đứng vững trong tư thế ấy...

Gương chiến đấu dũng cảm của đồng chí có tác dụng động viên cổ vũ mọi người hăng hái noi theo. Nhân dân 18 xã của huyện Ba Rài (nơi đồng chí Bình công tác), vô cùng thương tiếc, đã làm lễ cầu phước (theo phong tục tập quán địa phương) để tưởng nhớ đến người chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã anh dũng hy sinh vì nghĩa vụ quốc tế.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 29/8/1985, Bùi Văn Bình được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nguyễn Trọng Tâm

Nguyễn Trọng Tâm<sup>(1)</sup> sinh năm 1927, dân tộc Kinh, quê ở xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Khi được tuyên dương anh hùng, đồng chí là đảng viên, cán bộ nghỉ hưu.

Trong kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Trọng Tâm là Trưởng Ban binh vận thành phố Nam Định. Năm 1954, đồng chí được điều vào Nam hoạt động hợp pháp, làm công tác binh vận. Đồng chí góp công lớn trong công tác địch vận, vận động Tiểu đoàn 3 (Bình Xuyên) do Võ Văn Môn chỉ huy ở Rừng Sác, từng bước đưa lực lượng này về Mã Đà Chiến khu Đ, chuyển hóa thành lực lượng cách mạng. Tháng 10/1955, Nguyễn Trọng Tâm bị địch bắt, chúng tra tấn rất dã man, nhưng Nguyễn Trọng Tâm vẫn giữ vững ý chí cách mạng.

Trong tù, đồng chí đã móc nối với bên ngoài để hoạt động, đã tổ chức, chỉ huy anh em cướp súng, phá nhà tù Tân Hiệp - Biên Hòa giành thắng lợi, giải thoát được gần 500 cán bộ ta bị địch bắt. Nguyễn Trọng Tâm đã góp phần xây dựng lực lượng vũ trang đầu tiên của miền Đông Nam Bộ. Đồng chí đã chiến đấu và chỉ huy chiến đấu nhiều trận, diệt được nhiều địch, thu nhiều vũ khí đạn dược và phương tiện chiến tranh của chúng.

Trận đánh đầu tiên của đơn vị tiêu diệt chi khu Hiếu Lâm đã diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, thu gần 100 súng, trên 20 máy bộ đàm và hơn 10 tấn đạn. Đồng chí còn xây dựng cơ sở đầu tiên cho phong trào binh vận miền Đông Nam Bộ và chỉ đạo thí điểm thành công phá ấp chiến lược bằng 3 mũi giáp công. Công tác binh vận đã phục vụ cho việc xây dựng cơ sở ém

(1) Nguồn: Thư viện tỉnh Đồng Nai, mục Danh nhân anh hùng trên đất Đồng Nai (<http://www.thuviendongnai.gov.vn>).

lực lượng vũ trang xuống vùng sâu hoạt động sau Tết Mậu Thân năm 1968. Tháng 3/1974, Nguyễn Trọng Tâm là Ủy viên Kinh tài phụ trách thương nghiệp khu miền Đông.

Ngày 30/8/1995, đồng chí Nguyễn Trọng Tâm được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





## Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Văn Bình<sup>(1)</sup> sinh năm 1959, dân tộc Kinh, quê ở xã Hòa Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, nhập ngũ tháng 9/1978. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Trung úy, Đại đội trưởng Đại đội 4 bộ binh, tiểu đoàn 3 đoàn 7701, mặt trận 779, Quân khu 7, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1979 đến năm 1985, Nguyễn Văn Bình liên tục hoạt động trên đất Campuchia. Đồng chí đã chiến đấu 35 trận, chỉ huy đơn vị diệt hàng trăm tên địch. Riêng đồng chí diệt 10 tên, bắt 3 tên, thu 15 súng.

Tháng 5/1981, được tin báo 150 tên địch đi cướp thóc gạo của nhân dân, Nguyễn Văn Bình chỉ huy tiểu đội nhanh chóng vận động 5 km bao vây bóm sát địch. Thấy lực lượng ta ít, địch vừa chống trả quyết liệt vừa rút vào rừng. Đồng chí dẫn đầu đơn vị đuổi đánh, diệt được một số tên. Riêng Nguyễn Văn Bình bắt 1 tên, thu 1 súng AK và 100 viên đạn. Bọn địch hoảng sợ bỏ chạy. Trận đánh thắng, đã bảo vệ an toàn tính mạng tài sản của nhân dân.

Tháng 7/1981, Nguyễn Văn Bình chỉ huy 1 tổ 5 người phục kích địch. Mặc dù đã 6 ngày dưới trời mưa không thấy địch, một số anh em đề nghị cho rút, đồng chí đã động viên mọi người kiên trì chờ đợi. Đến ngày thứ 7, 15 tên địch chia làm 2 tốp, tốp đi đầu 5 tên, tốp sau 10 tên mò vào trận địa phục kích của Nguyễn Văn Bình. Đồng chí chờ địch đến gần mới nổ súng. Thấy lực lượng ta ít, chúng bắn lại dữ dội Nguyễn Văn Bình chỉ huy đơn vị kiên quyết đánh trả. Trận này tổ Nguyễn Văn Bình diệt 4 tên, số địch còn lại bỏ chạy.

(1) Nguồn: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, tập 6, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1996.



Sau đó ít ngày, Nguyễn Văn Bình chỉ huy 10 người phối hợp với 15 bộ đội Campuchia bao vây truy quét địch, 10 ngày liền trên hành lang biên giới Campuchia - Thái Lan. Đồng chí luôn dẫn đầu đơn vị lùng sục địch ở từng gốc cây, bụi rậm, diệt 5 tên, bắn bị thương nhiều tên, thu 5 súng và một số đồ dùng quân sự. Riêng đồng chí diệt 2 tên, thu 2 súng, địch hoảng sợ bỏ chạy về bên kia biên giới Thái Lan.

Trong những lần chiến đấu phối hợp với bạn, đồng chí luôn nhận khó khăn về mình, nhường thuận lợi cho bạn. Chấp hành tốt kỷ luật chiến trường, được bạn tin yêu.

Nguyễn Văn Bình được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công. Ngày 29/8/1985, Nguyễn Văn Bình được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





## Trần Công An

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Đông Nam Bộ nói chung và Đồng Nai nói riêng là một chiến trường rất khốc liệt. Trên mảnh đất thân yêu này, cuộc đọ sức của quân dân ta với quân thù xâm lược diễn ra ác liệt từng ngày. Trong cuộc chiến đấu vệ quốc gian khổ ấy, đã xuất hiện nhiều anh hùng sẵn sàng xả thân để bảo vệ quê hương, trong đó có Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trần Công An, một trong những tấm gương tiêu biểu của vùng đất Đồng Nai, người đã để lại nhiều tình cảm đặc biệt trong lòng cán bộ và nhân dân địa phương, đặc biệt ông là tấm gương chiến đấu dũng cảm và sáng tạo ra cách đánh đặc công đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ.

Trần Công An<sup>(1)</sup>, tên khai sinh là Trần Văn Kìa, sinh năm 1920, ông còn có bí danh khác là Hai Cà. Ông là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, thoát ly theo cách mạng từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, người con ưu tú của vùng đất Tân Uyên (tỉnh Bình Dương), luôn nung nấu trong lòng một ý chí giải phóng quê hương.

Vốn là một nông dân cày ruộng, nhà nghèo, căm thù bọn giặc Pháp chiếm đóng, khủng bố cướp tài sản của nhân dân, chúng đã bắn gãy tay mẹ của đồng chí, lòng căm thù lại bốc cao, nhất định phải tìm cách diệt địch để trả thù cho gia đình, bà con thôn xóm. Trần Công An đã tập luyện đêm ngày, nghiên cứu cách đánh thế nào mà quật ngã được bọn Tây to béo hơn mình.

Ngày 24/12/1946, tên giặc Pháp từ đồn Tân Ba xuống Thạnh Hội, Trần Công An bí mật, bắt ngờ lườn ra phía sau ôm giò tên Pháp quật ngã xuống đất, dùng 2 sợi dây thừng trói thúc kè và trói cổ tên giặc, lấy khẩu súng trường với 200 viên đạn giao cho khu quân sự huyện

(1) Nguồn: Những anh hùng đất Đồng Nai, tập 1, Nhà xuất bản Đồng Nai, 2000.

Tân Uyên. Hai Cà khởi đầu đánh Tây bằng việc tay không bắt địch, lấy súng địch, thắng lợi làm cho chàng trai trẻ thêm tự tin, hăng hái.

Những tháng đầu năm 1948<sup>(2)</sup>, sau thất bại trong chiến dịch Việt Bắc), thực dân Pháp chuyển hướng chiến lược từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài và tiến hành bình định ráo riết ở Nam bộ. Ngoài âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh và dùng người Việt giết người Việt”, Pháp đẩy mạnh càn quét vùng căn cứ kháng chiến. Lúc đó, Pháp xây dựng một loạt hệ thống phòng thủ bằng tháp canh, đồn bót dọc theo các lộ giao thông nhằm chia cắt, khống chế liên lạc đường bộ của ta; dùng tháp canh như một biện pháp để lấn sâu vào các vùng căn cứ kháng chiến. Thực dân Pháp thường gọi đó là chiến thuật De la Tour.

Hệ thống tháp canh gây cho kháng chiến rất nhiều khó khăn, đặc biệt về giao liên, vận chuyển. Tường tháp dày, chiến trường miền Đông Nam Bộ bấy giờ lại chưa có vũ khí phá tường tháp từ xa, việc tiếp cận vào tháp cũng khó khăn bởi xung quanh tháp địch phát trồng địa hình, khi phát hiện có sự biến thì dùng lựu đạn ném từ trên xuống. Bộ Chỉ huy Khu 7 xác định phá tháp canh, đánh bại chiến thuật De la Tour là nhiệm vụ quan trọng của lực lượng vũ trang miền Đông. Nhiệm vụ này được triển khai trong toàn lực lượng vũ trang các tỉnh thuộc Khu 7 trong đó có Tỉnh đội Biên Hòa. Mặc dù vô cùng khó khăn, phức tạp như vậy, nhưng khi nhận lệnh của Ban Chỉ huy Huyện đội Tân Uyên giao phải đánh thắng tháp canh cầu Bà Kiên để mở đầu cho các trận đánh tháp canh tiếp theo, Trần Công An nhận nhiệm vụ chỉ huy một tổ đánh bót cầu Bà Kiên trên lộ 16 - ấp Mỹ Chánh, xã Phước Thành (nay là xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên).

Với quyết tâm cao, đội du kích huyện Tân Uyên được nhân dân giúp đỡ đã tiến hành nghiên cứu tháp canh cầu Bà Kiên, nghiên cứu quy luật giờ giấc canh gác của bọn lính, cách bố phòng và địa hình chung quanh. Đội du kích đã xây dựng mô hình tháp canh trong căn

---

(2) Nguồn: Báo Bình Dương điện tử, 19/3/2013.

cứ, tiến hành thực tập nhiều lần cách đột nhập vào tường tháp mà địch không hay biết. Về cách đánh, lãnh đạo đội du kích đề ra: Sau khi bí mật tiếp cận tường tháp canh, áp chiếc thang cây (mượn được từ người dân) leo lên rồi dùng lựu đạn ném vào các lỗ châu mai ở cả 3 tầng để diệt địch.

Đêm 18, rạng sáng 19/3/1948, lần đầu tiên dân quân du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy cùng các du kích Trần Văn Nguyên, Hồ Văn Lung đã bí mật tiến công tháp canh cầu Bà Kiên. Nhờ luyện tập thuần thục nên việc tiếp cận tháp hoàn toàn bí mật, địch trong tháp không phát hiện được gì. Cả 3 đồng chí leo lên thang ném lựu đạn vào trong tháp, diệt 10 tên địch, thu 8 súng. Với chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên, qua rèn luyện và thử thách, ngày 7/5/1948 Trần Công An vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trận đánh đầu tiên vào tháp canh cầu Bà Kiên là một bước ngoặt cho cách đánh mới trên chiến trường lúc bấy giờ. Nó thể hiện tinh thần ý chí quyết tâm của du kích Tân Uyên, những chiến sĩ xuất thân từ nhân dân; thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa quân và dân địa phương trong việc chuẩn bị trận đánh. Điều này cho thấy cách đánh đặc công là sự sáng tạo trong chiến tranh nhân dân Việt Nam. Trận đánh này mở đầu cho một cách đánh mới trên chiến trường, đó là cách đánh bí mật tiếp cận mục tiêu, phát triển thành cách đánh đặc công bộ, đặc công thủy, đặc công biệt động, một cách đánh độc đáo của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Ngày 19/3/1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập binh chủng đặc công. Chiến thắng cầu Bà Kiên ngày 19/3 được chọn làm ngày truyền thống của binh chủng đặc công. Bác Hồ tặng cho Binh chủng Đặc công 4 câu:

*“Đặc biệt tinh nhuệ  
Anh dũng tuyệt vời  
Mưu trí táo bạo  
Đánh hiểm thắng lớn”*

Năm 1950, Trần Công An cùng với các đồng chí trong Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa đánh diệt tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ 2 và chỉ huy đánh sập tháp canh Vàm Vá. Sau đó, cách đánh đặc công được phổ biến, vận dụng, chiến thắng khắp nơi liên tục bay về trên mọi miền Tổ quốc.

Từ năm 1954 đến năm 1961, đồng chí Trần Công An tập kết ra Bắc, từ Tiểu đoàn trưởng đồng chí lên làm Trung đoàn trưởng 656, đưa trung đoàn về huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tổ chức đơn vị sản xuất. Trở về miền Nam năm 1960, đồng chí Trần Công An được Bộ Tư lệnh Miền quyết định sang làm đoàn phó U50 - đơn vị chịu trách nhiệm sản xuất đảm bảo hậu cần, bảo vệ Chiến khu A (Chiến khu Đ mở rộng). Trong ba năm, đoàn hậu cần U50 đã cung cấp đầy đủ lương thực thực phẩm bảo đảm cho chiến dịch Đồng Xoài và Bình Giã toàn thắng.

Đồng chí Trần Công An đã lãnh đạo U50 phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng, quân số từ 500 chỉ trong năm đã lên đến 5 ngàn cán bộ, chiến sĩ. Diện tích U50 quản lý tổ chức sản xuất gần 1.500 hécta ở các khu vực Mã Đà, suối Dạt, Bà Túc, Bàu Đá. Các đơn vị thuộc U50 vươn đến các chốt Đồng Xoài, Bù Đăng, Tà Lài, bờ Sông Bé, Bù Khiêu, từ Bù Na đi Bù Cháp nối liền với căn cứ Tây Nguyên. Đường thứ 2 từ Mã Đà đi qua suối dạt đi Long An, mở rộng lên Tây Ninh và nối tiếp Tây Nam Bộ.

Đồng chí Trần Công An đã lãnh đạo U50 tổ chức sản xuất, bảo vệ và quản lý khối lượng lương thực lớn, thường xuyên có trong kho dự trữ trên 1 ngàn tấn gạo, phát động phong trào thi đua trong cán bộ chiến sĩ trồng 1 ngàn hécta mì. Đồng chí cùng với Ban Chỉ huy đoàn tổ chức chỉ huy 1 mô hình liên hoàn giữa rừng, có đủ các bộ phận quân nhu, quân y, quân khí, vận tải... Đoàn đã dựa vào sức dân là chính, thường xuyên tổ chức thu mua gạo từ vùng yếu lên bờ sông, huy động trên 100 chiếc xe bò chở lương thực thực phẩm phục vụ bộ đội, có 1 đoàn ô tô tải mạnh, số người vận chuyển hàng bằng xe thô và các phương tiện thô sơ khác đông đúc, liên tục. Ngoài phục vụ

cho các trung đoàn chủ lực miền, còn đảm bảo cung cấp lương thực hơn 20 ngàn người, trên 7 tuyến trạm giao liên trong năm. Đoàn hậu cần U50 đã cung cấp đầy đủ lương thực thực phẩm bảo đảm cho chiến dịch Đồng Xoài, Bình Giã toàn thắng.

U50 là đơn vị hậu cần có quy mô lớn, sản xuất chiến đấu ở căn cứ rộng lớn, địch đánh phá liên tục, dội bom đêm ngày, phục kích liên miên, nhưng không làm cán bộ chiến sĩ lùi bước.

Tại hội nghị sơ kết công tác cục hậu cần miền tháng 12/1964, các đồng chí Trần Văn Trà và Lê Đức Anh chỉ thị cho các đơn vị trong toàn miền học tập và làm theo đồng chí Trần Công An, tên “Hai Cà” (do đồng đội đặt) - cũng xuất hiện từ đó mà 5000 chiến sĩ hậu cần U50 tỏa ra khắp các nẻo đường chiến đấu và công tác, cũng rất vinh dự mang tên thân mật, ấm cúng là “Bộ đội Hai Cà”.

Tháng 2/1965, Bộ Tư lệnh Miền điều động ông Hai Cà (lúc ấy là Đoàn trưởng Đoàn U50, đơn vị hậu cần Miền) về Biên Hòa giữ chức Thị đội trưởng Biên Hòa.

Địch bị thất bại nặng nề trong Chiến tranh đặc biệt, đầu tháng 5/1965, Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam Việt Nam. Vào đêm 23 rạng 24/8/1965, đồng chí Hai Cà và đồng chí Trần Mân đã chỉ huy đánh đòn phủ đầu lần thứ 2 vào sân bay quân sự ở Biên Hòa.

Tháng 9/1965, Trung ương Cục quyết định sáp nhập Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu thành một đơn vị chiến trường ngang cấp tỉnh gọi là U1 và chỉ định đồng chí Hai Cà làm Tỉnh đội trưởng U1. Ngay sau khi được thành lập, Đặc công U1 chọn tổ chức trận đánh mở màn vào Tổng kho Long Bình.

Đêm 22/6/1966, ông Hai Cà đã trực tiếp chỉ huy 2 đại đội đặc công, tự cải tiến và sử dụng mìn hẹn giờ đánh vào khu kho liên hợp Long Bình, phá hủy trên 40 ngàn tấn bom đạn của Mỹ và chế độ Sài Gòn, khiến Nhà Trắng và Lầu Năm Góc rúng động.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12/1966, Đại đội 2 Đặc công U1 đã 3 lần liên tiếp đánh vào khu kho Long Bình, phá hủy hàng trăm ngàn tấn bom đạn của chúng.

Bước vào chuẩn bị chiến dịch Xuân Mậu Thân năm 1968, Tỉnh đội trưởng U1, Phó tư lệnh mặt trận Trần Công An và đồng chí Phan Văn Trang nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa U1, phó chính ủy mặt trận cùng với các đồng chí khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đã đưa 250 thương binh ra khỏi vòng vây của địch.

Vào năm 1968, người con trai trưởng của ông Hai Cà là Đại đội trưởng Trần Văn Cao nhận lệnh ông đột nhập vào sân bay Biên Hòa điều nghiên tổ chức trận đánh bị vướng mìn, mất hết một chân. Chưa hết nỗi đau vì thương tật của con, ông Hai Cà nhận tiếp hung tin người con trai thứ mới 16 tuổi Trần Văn Mùm đã hy sinh mất xác khi được giao nhiệm vụ đưa tổ thông tin điện đài đến sở chỉ huy tiền phương, lúc trở về bị lọt vào ổ phục kích của địch. Trong thời gian này, mẹ của ông ở quê nhà mỗi morn trông ngóng tin con, cháu đã qua đời. Nhưng vượt qua những nỗi đau mất mát ấy, ông vẫn hoàn thành xuất sắc trọng trách của một người lính, người chỉ huy nơi chiến trận.

Nói về công trạng chỉ huy chiến đấu của ông trong những chiến công oanh liệt ở sân bay Biên Hòa, khu tổng kho Long Bình, chống càn và bám dân xây dựng cơ sở thì rất nhiều. Chỉ riêng trận tháng 9/1972, đơn vị ông phối hợp với lực lượng bạn bí mật vượt 20 lớp rào các loại, đột nhập tận đường băng và trong tích tắc cho nổ tung 127 máy bay các loại. Với những chiến công xuất sắc đó, đơn vị đã được tặng thưởng nhiều huân chương quân công và chiến công các hạng.

Tháng 6/1972, đồng chí Hai Cà là cố vấn trung đoàn đặc công 113 đứng chân hoạt động ở Biên Hòa. Năm 1973,

Những năm tiếp theo, đồng chí Trần Công An được phân công trở lại hậu cần với cương vị tư lệnh đoàn 600, chỉ huy góp phần bảo đảm cho toàn chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng trên mảnh đất miền Đông đầy hào khí Đồng Nai này.

Đồng chí Trần Công An được Chủ tịch Nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 23/10/1996.

Cuộc đời của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trần Công

An vô cùng phong phú, một con người cách mạng luôn đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, đạp bằng mọi khó khăn, gian khổ để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Đảng và tổ chức giao cho. Sau màu áo vinh quang bao năm cống hiến sức người, tuổi đời cho sự nghiệp cách mạng, ở thời bình ông cũng không ngơi nghỉ, tận tình lo nhà ở cho hàng chục người có công với nước, hàng chục căn nhà tình nghĩa và hàng trăm đồng chí có việc làm ổn định. Ông có một cuộc sống giản dị, đơn sơ, có nghĩa có tình, luôn luôn quan tâm giúp đỡ bà con làng xóm.

Ông mất năm 2008, sau đó UBND tỉnh Đồng Nai đã quyết định đặt tên đường tại nơi ông sinh sống Khu A42, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai là đường Trần Công An nhằm để tưởng nhớ người anh hùng của quê hương Đồng Nai, một thời vinh quang, một thời lẫy lừng. Việc đặt con đường mang tên ông cũng đồng thời góp phần thiết thực trong công tác giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam để tưởng nhớ về một tấm gương dũng cảm, sáng tạo trong lối đánh, mưu trí trong đấu tranh, sống hết mình vì đồng chí, đồng đội.





## Huỳnh Tấn Minh

Đại tá Huỳnh Tấn Minh<sup>(1)</sup>, tên thường gọi là Tư Minh, dân tộc Kinh, sinh năm 1940, quê quán xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Sinh ra và lớn lên trên quê hương có truyền thống cách mạng, từ nhỏ, đồng chí đã tham gia làm chiến sĩ giao liên của huyện đội Bến Cát, chuyên làm nhiệm vụ dẫn đường cho lực lượng vũ trang hành quân trong rừng, nắm tình hình hoạt động của địch, vận động nhân dân tham gia phong trào cách mạng ở địa phương.

Năm 1960, đồng chí chỉ huy một tổ trinh sát diệt 2 tên trưởng ấp ác ôn khét tiếng ở xã Long Xuyên. Với thành tích chiến đấu này, Huỳnh Tấn Minh vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam và được đề bạt làm chính trị viên liên đội du kích xã.

Năm 1961, đồng chí cùng 2 du kích xã bắn rơi 1 máy bay HU-1B của Mỹ, diệt 11 tên địch. Năm 1963, đồng chí được đề bạt làm Phó ban an ninh huyện Bến Cát, phụ trách 5 xã. Đây là vùng căn cứ cách mạng, nơi đứng chân của các đơn vị chủ lực nên địch tập trung đánh phá ác liệt bằng phi cơ, phi pháo và liên tục tổ chức những cuộc càn quét với quy mô lớn. Đồng chí đã chỉ đạo ban an ninh các xã phát hiện, xử lý hàng chục tên mật báo viên của địch.

Cuối năm 1963, Tư Minh cùng đoàn công tác cơ sở phối hợp với tiểu đoàn 800 quân chủ lực miền Đông chiến đấu, tiêu diệt 2 đơn vị bảo an huyện Long Thành, 1 liên đội dân vệ địch gồm 100 tên, giúp các địa phương củng cố lực lượng nòng cốt của cách mạng.

---

(1) Nguồn: Những đơn vị, cá nhân anh hùng công an nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.

Năm 1965, Huỳnh Tân Minh được phân công làm Phó Ban An ninh thị xã Biên Hòa, sau đó là Ủy viên Ban An ninh tỉnh Biên Hòa kiêm Trưởng ban An ninh thị xã Biên Hòa. Dù thời kỳ này, tình hình an ninh chính trị thị xã Biên Hòa hết sức phức tạp, nhưng đồng chí đã chỉ huy lực lượng an ninh bám trụ kiên cường, bảo vệ an toàn khu căn cứ và một số vùng giải phóng. Do nắm chắc địa bàn, đồng chí đã đề xuất cấp trên đặt một số súng cối 81, kết hợp với lực lượng của miền, pháo kích về phía sân bay Biên Hòa. Kết quả đã phá hủy được 68 máy bay, 8 giàn hỏa tiễn, 22 bồn xăng dầu, 40 xe ô tô và diệt gần 300 tên địch.

Năm 1967, đồng chí đã chỉ huy lực lượng an ninh vũ trang chiến đấu diệt 15 tên địch, chặn đứng 1 đội quân Thái Lan đang tổ chức càn quét tại xã Phước Hòa.

Cuối năm 1970, trong lúc cơ quan Thị ủy đang họp thì một đơn vị bộ binh Mỹ bao vây, tấn công. Đồng chí đã chỉ huy đơn vị phối hợp với lực lượng biệt động chiến đấu diệt 150 tên địch, bắn cháy 2 trực thăng. Lực lượng ta không bị tổn thất, đặc biệt đã bảo vệ an toàn cuộc họp Thị ủy.

Sau giải phóng, trong khoảng thời gian từ năm 1978-1979, trên cương vị là Phó công an thành phố Biên Hòa, phụ trách an ninh, đồng chí đã chỉ đạo các lực lượng trinh sát mở nhiều đợt tấn công chính trị bắt đưa đi cải tạo 1 ngàn tên đang lẫn trốn, cải tạo tại chỗ 2.300 tên khác. Đặc biệt đã khám phá 7 tổ chức phản động, thu nhiều bạc giả và 10 lạng vàng, chặn đứng được ý đồ phá hoại của chúng.

Trong 2 năm 1979-1980, mặc dù bị xử oan trong vụ án Mười Vân, đồng chí vẫn kiên trì đấu tranh cho lẽ phải, viết 9 bản kiến nghị Trung ương và các cấp kêu oan, yêu cầu làm rõ. Cuối cùng, lẽ phải đã chiến thắng, đồng chí được phục hồi quyền lợi.

Năm 1989, đồng chí được đề bạt làm Trưởng Công an thành phố Biên Hòa, trong tình hình nội bộ có nhiều phức tạp, đơn vị nhiều năm yếu kém, một số cán bộ bi quan xin chuyển đi nơi

khác. Trước tình hình trên, bằng sự kiên trì, đi sâu nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân yếu kém và tìm biện pháp khắc phục, củng cố tổ chức, quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ, xử lý kỷ luật và động viên, khen thưởng kịp thời... đồng chí Huỳnh Tấn Minh dần dần đã đưa đơn vị đi vào nề nếp, hoàn thành vượt bậc, từ nhiều năm yếu kém đến luôn dẫn đầu toàn tỉnh về thành tích các mặt chiến đấu công tác và xây dựng đơn vị.

Về an ninh chính trị, đồng chí đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thành phố hàng năm ra chỉ thị, nghị quyết về công tác an ninh, tổ chức đối thoại với các tổ chức tôn giáo, từng bước làm chuyển biến cơ bản tình hình an ninh trật tự trong vùng tôn giáo. Vì vậy, từ chỗ vốn là một trong những địa bàn phức tạp nhất các tỉnh phía Nam về tôn giáo, dần dần tình hình thành phố Biên Hòa khá ổn định. Công tác an ninh đã phục vụ đắc lực và có hiệu quả cho khu công nghiệp Biên Hòa phát triển.

Trên cương vị là thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 135/HĐBT, đồng chí đã có nhiều đóng góp trong việc huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Công an thành phố đã liên tục mở các cuộc tấn công truy quét tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, hầu hết các địa bàn trọng điểm này đã trở thành địa bàn ổn định và an toàn.

Là một cán bộ chỉ huy có tính quyết đoán cao, có tác phong sâu sát, cụ thể nên nhiều vụ án hình sự phức tạp, đồng chí Huỳnh Tấn Minh đều tham gia chỉ huy. Trước năm 1989, tỷ lệ khám phá án đạt 50% nay lên tới 75%, riêng trọng án đạt 90%, nhiều băng cướp và ổ nhóm chuyên nghiệp bị xóa sổ.

Trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đồng chí đã cùng tập thể chỉ huy, đầu tư nhiều công sức xây dựng, củng cố và phát động phong trào quần chúng, đặc biệt là ở vùng tôn giáo. Một số cơ quan, xí nghiệp, phường xã trước đây có phong trào yếu, nay đã trở thành khá, có phường được đi báo cáo điển hình toàn quốc.

Huỳnh Tấn Minh phụ trách Công an thành phố 6 năm liền (1989-1994) đạt danh hiệu Quyết thắng, 5 năm liền (1989-1993) giữ vững lá cờ đầu phong trào Vì An ninh Tổ quốc khối huyện, thị; 89 lượt đơn vị - cá nhân đạt Quyết thắng; 129 lượt đơn vị, 291 lượt cá nhân được Chính phủ, Bộ Nội vụ, UBND tỉnh tặng bằng khen.

Với những thành tích xuất sắc nêu trên, Huỳnh Tấn Minh đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 1 Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, 1 Huy chương Vì thế hệ trẻ, 6 năm liền là Chiến sĩ Quyết thắng, 4 Bằng khen của Bộ Nội vụ và UBND tỉnh. Ngày 19/1/1996<sup>(2)</sup>, đồng chí Huỳnh Tấn Minh được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



---

(2) Có tài liệu khác ghi: 29/1/1996.



## Đỗ Văn Thi

Đỗ Văn Thi<sup>(1)</sup> (tức Út Một) sinh năm 1921, dân tộc Kinh, quê ở xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Khi hy sinh, đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng Công an thị xã Biên Hòa (nay là thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai.

Đỗ Văn Thi được giao nhiệm vụ chỉ huy lực lượng bảo vệ nội bộ, trừ gian và đánh địch khi có thời cơ. Đội bảo vệ do Đỗ Văn Thi chỉ huy đã nhiều lần mưu trí, dũng cảm đánh nhiều trận và diệt nhiều tên địch.

Vào ngày lễ Quốc khánh nước Pháp 14/7/1941<sup>(2)</sup>, chính quyền tỉnh Biên Hòa có tổ chức nhiều trò vui và đua tài ở khu nhà mát đối diện với Tòa Bó (vị trí tại khu vực Trụ sở khối Nhà nước hiện nay). Người đoạt được giải nhất bơi lội là một thanh niên cao lớn tên Đỗ Văn Thi. Tên tỉnh trưởng người Pháp vừa trao giải thưởng, Thi ngậm vào miệng phóng cái ào xuống sông Đồng Nai lội luôn một hơi về nhà ở Cù lao Hiệp Hòa. Đỗ Văn Thi là người bơi lội giỏi có tiếng ở Biên Hòa mà cho đến nay chưa ai thực hiện được. Không chỉ nổi tiếng vì lội giỏi, cậu con trai út của gia đình ông Cả Nhượng giàu có nhất nhì ở ấp Bình Tụ trên Cù lao Phố, Hiệp Hòa còn là người “có học” và sớm tỏ ra là bậc đàn anh, thủ lĩnh đối với đám trai trẻ trong làng.

Có đến 12 anh chị em, Đỗ Văn Thi là con thứ 11 nên được gọi là út Một và được cho sang Bình Trước để học ở trường duy nhất thời bấy giờ tại Biên Hòa là Ecole Primaire Complementar (nay là

(1) Nguồn: Những đơn vị, cá nhân anh hùng công an nhân dân, *Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.*

(2) Theo Bùi Thuận, Ký ức về anh hùng Đỗ Văn Thi, *Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai* (<https://www.dongnai.gov.vn/>)

Trường tiểu học Nguyễn Du). Cha của Thi, ông Đỗ Văn Nhượng, tuy đứng ra làm Hương Cả trong làng nhưng rất thương người nghèo và tích cực ủng hộ Việt Minh bằng cách giao trâu bò đưa vào vùng kháng chiến. Bà Cả (Nguyễn Thị Giàu) mẹ của Thi thì tiếp tế gạo, nếp... Riêng Út Thi lại tập hợp nam nữ thanh niên trong làng để dạy chữ Quốc ngữ và truyền bá lối sống mới lành mạnh.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân Biên Hòa đứng lên giành chính quyền, được sự dìu dắt của các đồng chí Ba Ký (Nguyễn Văn Ký), Ba Thu (Phạm Văn Thuận), Đỗ Văn Thi tham gia vào lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc. Nhờ có uy tín của một đàn anh thủ lĩnh, tổ chức Quốc gia tự vệ cuộc do Một Thi lãnh đạo đã thu hút đông đảo thanh niên hăng hái tham gia. Đỗ Văn Thi nhanh chóng trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở xã Hiệp Hòa rồi lan nhanh ra khắp quận Châu Thành (lúc ấy gồm một phần Biên Hòa, Tân Uyên, Dĩ An ngày nay).

Sau khi Pháp tái chiếm Biên Hòa, được sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Kỳ, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, các lực lượng cách mạng của tỉnh tạm thời rút dần ra chiến khu Bình Đa và Tân Uyên. Riêng các lực lượng cách mạng của quận Châu Thành vẫn đứng chân tại Hiệp Hòa. Quận ủy và Ủy ban cách mạng lâm thời quận Châu Thành họp bàn và giao Đỗ Văn Thi đứng ra tổ chức đội tự vệ để làm nhiệm vụ bảo vệ các đoàn thể kháng chiến, đồng thời diệt ác trừ gian, ngăn cản kế hoạch lập tề của giặc.

Thế là ngay trên đất Cù lao Phố, nơi giặc Pháp vừa tái chiếm xong thị xã Biên Hòa và đang mở rộng việc chiếm đóng các vùng phụ cận, một tiểu đội tự vệ gồm toàn những thanh niên dũng cảm, sục sôi lòng yêu nước ra đời, thực hiện mệnh lệnh của Trung ương là gây rối địch, kìm chân chúng, để đồng bào miền Bắc, miền Trung có đủ thời gian chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến.

Đồng chí Nguyễn Bình - Khu bộ trưởng khu 7 đưa ra chủ trương: Mở đợt hoạt động quân sự ngay tại nội ô thị xã Biên Hòa để khích lệ tinh thần kháng chiến của nhân dân. Đêm 1 rạng sáng

ngày 2/1/1946, tiểu đội tự vệ của Đỗ Văn Thi phối hợp cùng lực lượng quốc vệ đoàn bí mật lội qua sông Đồng Nai tràn lên thị xã Biên Hòa đồng loạt nổ súng vào các chốt lính, tháp canh... đặc biệt bắn cháy trạm thông tin ở chợ Biên Hòa.

Trận đầu tiên đánh Pháp ở Nam Bộ sau khi chúng tái chiếm Việt Nam tuy không gây cho bọn xâm lược sự thương vong đáng kể nhưng đã làm nức lòng đồng bào cả nước và tên tuổi của tiểu đội tự vệ “ông Một” nổi lên như tấm gương sáng về lòng gan dạ, dũng cảm. Và nhờ thế “đội tự vệ ông Một” được vinh dự chọn bảo vệ cuộc bầu cử Quốc hội của chế độ nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lần đầu tiên được tổ chức tại vùng giải phóng tỉnh Biên Hòa vào ngày 6/1/1946. Còn những tên tay sai của giặc Pháp rất sợ “tự vệ ông Một” sẽ bất ngờ xuất hiện, nên chúng có phần co cụm hoạt động.

Thực hiện sắc lệnh số 23/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Nha Công an vụ, tháng 4/1946, quốc vệ cuộc Biên Hòa được đổi tên thành Ty Công an Biên Hòa. Đồng chí Nguyễn Văn Ký được Khu ủy miền Đông chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng Ty Công an. Ty Công an Biên Hòa rút đồng chí Đỗ Văn Thi về giao nhiệm vụ thành lập đại đội Quốc vệ đội (tức công an võ trang).

Đội “Quốc vệ đội” của Một Thi quy tụ được 30 thanh niên dũng cảm, nhưng chỉ có 4 súng mót và một ít lựu đạn, còn lại là gậy gộc, dây thừng... Đơn vị được đưa về đóng quân ở ngọn sông Buông trong chiến khu Bình Đa. Thế nhưng, bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ các đoàn thể kháng chiến, bảo vệ chiến khu... Một Thi còn chỉ huy Quốc vệ đội đi diệt ác trừ gian bằng những hành động xuất quỷ nhập thần, làm cho địch không còn dám ra vùng tự do. Cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Ký, Đinh Văn Nay, Một Thi đã vận động được một thân binh Pháp ở bót Tân Vạn đem khẩu trung liên FM đầu bạc ra hàng...

Vào cuối năm 1946, trong một lần đi về Cù lao Phố, Một Thi

bị bọn lính ở bót Hiệp Hòa bắt được. Mừng rỡ, bọn giặc liền đưa “ông Một” ra bờ sông Đồng Nai định bắn chết rồi thả trôi sông. Không ngờ, Một Thi nhảy xuống sông trốn thoát.

Tiếp đó, bằng mưu trí hết sức độc đáo của mình, Một Thi đã phối hợp với Chi đội 16 biên 2 hàng binh người Đức giả làm 2 sĩ quan Pháp (vừa bị Việt Minh bắt được) đem giao cho sếp bót Đờ La ở Tam An (huyện Long Thành), rồi bắt ngờ không chế bắt sống cả 12 tên giặc trong bót, tịch thu 13 khẩu súng trang bị thêm cho Quốc vệ đội đoàn.

Giữa năm 1947, nhận được lệnh của lãnh đạo Ty Công an Biên Hòa là phải trừng trị bọn thân binh Cao Đài ở đồn Bến Gỗ, thường giả dân chài để đi cướp bóc, Một Thi cho Quốc vệ đội phục kích tại ngã ba Tắc Mậu. Lọt vào ổ phục kích của Quốc vệ đội, bọn thân binh Cao Đài phải bỏ xuống nhảy xuống sông trốn đi. Quốc vệ đội lại thu được 12 khẩu súng, trong đó có 3 tiểu liên Militel.

Có thêm vũ khí, quân số Quốc vệ đội nhanh chóng tăng lên đến 50 người, nên phải chia thành 2 trung đội. Trung đội 1 do Một Thi chỉ huy lại nhận thêm nhiệm vụ nặng nề hơn là phối hợp với bộ đội Lam Sơn và bộ đội Chi Lăng đánh địch trên địa bàn trải rộng: Biên Hòa, Vĩnh Cửu và Xuân Lộc. Lính “ông Một” đánh đâu thắng đó. Giặc Pháp thua đau, giận dữ tung bọn mật thám, tề điệp truy lùng Đỗ Văn Thi ráo riết, chúng còn tăng cường khủng bố gia đình “ông Một” đang sinh sống tại Cù lao Phố. Sau khi biết Một Thi lại vừa đánh bót Helena và uy hiếp bót ngã ba Máy cưa - trung tâm đóng quân của bọn Pháp ở thị xã Biên Hòa, bọn giặc qua Cù lao Hiệp Hòa bắt người anh thứ tám của Một Thi là Tám Ní (tên thật là Đỗ Văn Phú - vốn cũng là công an mật nằm vùng) để tra khảo tung tích Một Thi. Người chiến sĩ công an này không một lời khai báo, nên bị bọn giặc giận dữ đem nhốt trong bót miếu Thành Hưng rồi nửa đêm 8/12/1947 đâm anh lòi ruột, quăng xác xuống sông Đồng Nai.

Thêm nổi thù nhà, Một Thi càng đánh hăng. Quốc vệ đội của



“Ông Một” hết phá đồn Bến Gỗ lại đánh bót Tân Ba, diệt cả tên trung úy sếp bót người Pháp và 4 tên thân binh người Miên nổi tiếng hung ác.

Đêm 30 Tết năm 1948, tên Nhái - người Pháp lai sếp bót Hiệp Hòa đóng ở cạnh cầu Rạch Cát dẫn lính tuần tra đến nhà mẹ Một Thi. Vừa hỏi, tên Nhái vừa xông vào nhà và kêu người anh thứ mười của Một Thi là Đỗ Văn Danh mà tên sếp bót này biết rõ không có làm gì khác ngoài việc cày bừa, trông tía nuôi cha mẹ già. Tên Nhái lấy giấy tờ của Đỗ Văn Danh, bảo ngày mai ra trình diện ở bót.

Ông Danh lấy cứ là mừng 1, mừng 2 Tết không ai làm việc, nên đến sáng mừng 3, mới ra bót Hiệp Hòa trình diện. Tên Nhái giận dữ bắt ông Danh nhốt luôn, không ngờ đêm ấy có nhóm du kích về Cù lao bán phá, sếp Nhái nói là “ông Một” về cứu anh trai nên đem ông Danh, đang ở tuổi 30, chưa có vợ con, ra sân đồn cắt cổ rồi thả xác xuống sông Đồng Nai.

Lo sợ, bà Cả Nhượng liền tìm cách cho đưa cháu nội trai duy nhất là Đỗ Văn Tiên (con trai ông Đỗ Văn Phú) trốn vào chiến khu.

Tháng 3/1952, được cơ sở giúp đỡ, Đỗ Văn Thi cùng Lê Văn Cơ chỉ huy đơn vị, dùng bộc phá làm nổ tung kho xăng hơn 1 triệu lít, gây thiệt hại nặng cho địch.

Vào đầu những năm 50, giặc Pháp được tăng viện phản kích ác liệt. Một số cán bộ lãnh đạo của thị xã Biên Hòa dao động tinh thần ra hàng giặc. Trong đó có Trưởng công an thị xã Nguyễn Trung Chánh. Tên Ba Chánh đã khai báo và chỉ đường cho giặc bắt rất nhiều cán bộ và ép làm cho nhiều người khác phải ra đầu hàng. Bọn Pháp đã tập hợp những tên phản bội lại thành toán biệt kích đồ đen (Groupe Noir) và giao cho tên Hoàng - nguyên là xạ thủ súng máy của bộ đội Lam Sơn làm trưởng toán.

Bọn Groupe Noir bám sát “ông Một” hướng đến 5.000 đồng tiền Đông Dương treo thưởng cho ai bắt hoặc giết Đỗ Văn Thi.

Tháng 10/1952, Đỗ Văn Thi đã bị bọn chỉ điểm và biệt kích bắn chết trong khi anh đang làm nhiệm vụ tại cơ sở nay thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa. Gương chiến đấu mưu trí, dũng cảm của Đỗ Văn Thi đang giữ chức vụ Đoàn trưởng đoàn vũ trang tuyên truyền của thị xã Biên Hòa (gọi tắt là VT3), đã để lại cho đồng bào, đồng đội lòng khâm phục và niềm tiếc thương vô hạn.

Đỗ Văn Thi được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 587/KT-CTN ngày 30/8/1995<sup>(3)</sup>.



(3) Có tài liệu khác ghi: Ngày 22/7/1998.



## Nguyễn Văn Huệ

Nguyễn Văn Huệ<sup>(1)</sup> sinh năm 1931, dân tộc Kinh, quê ở xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Khi hy sinh, đồng chí là chiến sĩ đặc công thuộc đơn vị 250 đặc công chủ lực Miền.

Ngày 7/7/1959, một phân đội đặc nhiệm gồm 6 người, trong đó có Nguyễn Văn Huệ, nhận nhiệm vụ đánh Mỹ đầu tiên tại Nhà Xanh ở Biên Hòa.

Nhà Xanh là trụ sở được quân Pháp sử dụng làm Sở Chỉ huy tiểu khu Biên Hòa. Chính quyền Sài Gòn sử dụng biệt thự Nhà Xanh làm cư xá cho đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG: Mission Army American Group) tại Biên Hòa vì chúng cho rằng đây là địa điểm được bảo vệ cẩn thận. Khu vực Nhà Xanh lúc bấy giờ rộng hơn 1 hécta, được rào chắn bảo vệ bởi nhiều lớp dây kẽm gai, nằm trong thế bảo vệ nghiêm ngặt, được địch đánh giá là địa điểm an toàn lý tưởng. Phía Đông, cách 5km là trại lính Trần Quốc Toàn; phía Bắc và Tây Bắc, cách 1km là Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 và sân bay quân sự Biên Hòa; phía Tây, cách hơn 1km là Ty cảnh sát, tòa Hành chánh tỉnh, bót cầu Rạch Cát... phía Nam là xóm Gò Me và sông Đồng Nai. Khu Nhà Xanh có 2 cổng sắt lớn, lính bảo an thay nhau canh gác liên tục. Bên phải cổng, địch bố trí kho súng. Kế cận những lớp hàng rào bảo vệ phía tây là trại gia binh của đơn vị lính bảo vệ.

Với sự yểm trợ của một số tổ tự vệ mật, đơn vị nghiên cứu tình hình địch, chọn đúng ngày Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên ghế Thủ tướng (7/7/1959) thực hiện nhiệm vụ. Tổ chiến đấu cải trang như một toán lính tuần tiểu từ Gò Me đi thẳng vào cư xá, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng áp sát cư xá đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG). Tổ của Nguyễn Văn Huệ chia thành 3 nhóm; Huệ và 1 đồng đội

(1) Nguồn: Thư viện tỉnh Đồng Nai, (<http://www.thuviendongnai.gov.vn/>)

mang mình theo lối cửa hông, đặt vào phòng chính. Đột nhiên, đèn bật sáng, sợ lộ, các anh phải hành động gấp. Không để địch kịp phản ứng, đối phó, Nguyễn Văn Huệ đã dũng cảm chấp nhận hy sinh, lệnh cho đồng đội “kích nổ”. Tiếng nổ mạnh làm rung chuyển khu vực cư xá, diệt 2 cố vấn Mỹ là: thiếu tá Bael Buis và trung sĩ Chester Ovmand tại chỗ, bắn bị thương đại úy Howard B. Boston. Đó là 2 người lính Mỹ “đầu tiên chết trận trong kỷ nguyên Việt Nam”<sup>(2)</sup>.

Nguyễn Văn Huệ hy sinh, 5 đồng đội của anh quét tiểu liên vào chỗ có tiếng kêu gào rên la của Mỹ, rồi rút an toàn. Phối hợp nhịp nhàng với tổ đánh cư xá, bên ngoài các đồng chí khác nổ súng kìm chân địch, bảo vệ các chiến sĩ đặc công rút ra. Trận đánh diễn ra không đầy 15 phút, làm địch không kịp trở tay.

Tiếng súng diệt Mỹ nơi đây đã cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển rộng khắp. Đồng thời, đây là đòn cảnh báo bọn can thiệp Mỹ nếu chúng lấn sâu can thiệp vào miền Nam Việt Nam. Người dân Biên Hòa vô cùng tiếc thương và cảm phục hành động quả cảm của người chiến sĩ đặc công Nguyễn Văn Huệ.

Ngày 28/4/2000, Nguyễn Văn Huệ được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

---

(2) Từ dùng của nhà báo Staley Karnod đăng trên Tạp chí Tribune Internationale Hevald ngày 11/7/1983



## Phạm Hạnh Phúc

Thượng tá Phạm Hạnh Phúc<sup>(1)</sup> sinh ngày 6/10/1947, quê quán tại xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Đồng chí nguyên là Trung đội trưởng D6 Đặc công, chiến đấu tại chiến trường B2, miền Đông Nam Bộ.

Những năm 1965, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson phát động chiến lược Chiến tranh cục bộ tại Việt Nam với mục đích tiêu diệt chủ lực đối phương, bình định miền Nam, đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc với quy mô lớn.

Trong bối cảnh ấy, miền Bắc mỗi người làm việc bằng 2, thanh niên 3 sẵn sàng, phụ nữ 3 đảm đang, dốc sức chi viện miền Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ý thức được trách nhiệm trước lịch sử dân tộc, năm 1967, chàng trai Phạm Hạnh Phúc đang là sinh viên năm thứ 3 ngành kiến trúc đã xếp bút nghiên, đèn sách để nhập ngũ.

Từ tháng 6/1967 đến tháng 10/1967, đồng chí Phạm Hạnh Phúc là hạ sĩ, tiểu đội trưởng C3 - D3 - F338. Từ tháng 10/1967 đến tháng 12/1967, đồng chí là Trung sĩ, tiểu đội trưởng D3 - Đoàn 2265. Nhắm thẳng chiến trường xóc tới, Phạm Hạnh Phúc cùng đồng đội ngược dòng sông Gianh - Quảng Bình đổ bộ lên biên giới Việt - Lào, xuyên suốt đường Trường Sơn về căn cứ Miền, xuống chiến trường B2 - miền Đông Nam Bộ. Sau hơn 3 tháng đi bộ, leo đồi, vượt sông suối, vượt đèo, vượt trọng điểm đầy gian khổ, hy sinh nhưng đầy khí phách vẻ vang.

Từ tháng 1/1968 đến tháng 5/1971, Phạm Hạnh Phúc là Thượng sĩ, D6 đặc công B2 miền Đông Nam Bộ. Thời điểm năm 1969, đồng chí được cử đi tập huấn kỹ thuật đặc công ở B2 tỉnh Long - Bà - Biên. Sau khi hoàn thành khóa tập huấn, đến tháng 1/1972, đồng chí được

(1) Nguồn: Thông tin do nhân vật cung cấp.

giao nhiệm vụ trung đội phó, mũi phó trung đội trinh sát D6 đặc công B2 miền Đông Nam Bộ. Một tháng sau, đồng chí trở thành Trung đội trưởng của đơn vị này. Từ tháng 3/1973 đến 30/4/1975, đồng chí Phạm Hạnh Phúc là Trung đội trưởng Trung đội trinh sát D6 đặc công Biên Hòa B2, miền Đông Nam Bộ.

Những năm tháng hoạt động, công tác, chiến đấu trên địa bàn Long - Bà - Biên, đồng chí Phạm Hạnh Phúc đã tham gia ba chiến dịch lớn trên Chiến trường B2 miền Đông Nam Bộ: chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968, chiến dịch Nguyễn Huệ - mùa hè đỏ lửa năm 1972 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Xuất phát từ những căn cứ: Chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác - Nhơn Trạch, Suối Tre, Bàu Cạn, Suối Cả, Bình Sơn, đến căn cứ núi Minh Đạm, Châu Đức (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)... đồng chí Phạm Hạnh Phúc đã tham gia hàng chục trận đánh lớn, nhỏ, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ chiến đấu của một mũi trưởng trinh sát đặc công - Tiểu đoàn 6 đặc công, góp phần cống hiến vào những chiến công của đơn vị. Vào ngày 17/12/1972, đồng chí vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trải qua những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh, lạt muối đói cơm, nắng nui, mưa ngàn, đồng chí Phạm Hạnh Phúc luôn khắc ghi sâu đậm về kỷ ức, cuộc đời của những người lính máu xương pha trộn tình người, tình đồng chí, đồng đội. Chính vì thế, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đảm nhận nhiệm vụ trợ lý chính sách, phụ trách về công tác chính sách đối với liệt sĩ và mồ mả liệt sĩ thuộc Phòng Chính trị, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai, Phạm Hạnh Phúc luôn xem đó là vinh dự và là nhiệm vụ thiêng liêng. Đồng chí nghỉ hưu năm 2007, nhưng trái tim người lính “Bộ đội Cụ Hồ” không ngơi nghỉ.

Cụ thể, riêng năm 1989, đồng chí tham gia quy tập 237 hài cốt liệt sĩ ở Chiến khu Đ, 193 mộ liệt sĩ hy sinh trên tuyến biên

giới Tây Nam. Từ năm 1990 đến năm 1997, đồng chí góp phần hoàn thành cơ bản việc quy tập hài cốt tất cả liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trên địa bàn tỉnh (500 mộ) và liệt sĩ làm nghĩa vụ quốc tế hy sinh ở Campuchia (467 mộ).

Với những thành tích đạt được, đồng chí Phạm Hạnh Phúc được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công hạng Ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba, 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba, 1 Huy hiệu Dũng sĩ diệt xe tăng cấp hai, và nhiều Huy hiệu khác. Đồng chí Phạm Hạnh Phúc được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân theo quyết định số 396/QĐ.CTN do Chủ tịch Nước ký ngày 2/7/2002.





## Lê Bá Ước

Đại tá Lê Bá Ước<sup>(1)</sup> nguyên quán ở Quảng Bình, sinh quán ở Gò Quao, Rạch Giá vào năm 1931; tham gia cách mạng từ năm 14 tuổi, góp sức thiếu niên trong Cách mạng tháng Tám 1945, tham gia kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc, rồi vượt Trường Sơn về Nam. Đồng chí từng là Chính ủy, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 10 Đặc công Rừng Sác anh hùng; tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh với cương vị Chính ủy Sư đoàn 2 Đặc công. Từ năm 1976, đồng chí được giao nhiệm vụ Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa III và IV. Năm 1994, đồng chí hưởng chế độ nghỉ hưu, nhưng hoạt động vẫn còn “máu lửa” với tâm huyết của một cựu chiến binh, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai.

Cuộc đời của Lê Bá Ước<sup>(2)</sup> có thể cô đọng trong hai chữ “người lính”. Nhưng là người lính đời thường ở cung bậc phi thường. Phi thường không phải ở thành tích nhiều Huân, Huy chương Chiến công rộn ràng ngực áo, ở Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; mà ở phẩm giá của một người lính - bộ đội Cụ Hồ với ý chí, tấm lòng và nghĩa cử được đồng chí, đồng đội và nhân dân yêu quý.

Đời lính của Lê Bá Ước như huyền thoại: Chiến công nổi chiến công, vào sinh ra tử; tiếp nối sự sống của liệt sĩ; hạnh phúc riêng gắn với nỗi đau chung; chan hòa rượu lạt tình nồng; giặc sợ, dân tin; tên gọi “Bầy Rừng Sác” thân thương, nồng ấm.

---

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

(2) Theo: Người hùng tử, anh hùng bất tử, Báo Đồng Nai, 19/10/2016



Nhắc đến Đại tá Lê Bá Ước (Bá Ước) không thể không nhắc đến những chiến công vang dội đã làm nên lịch sử - người được mệnh danh là “pho sử sống”, từng là “linh hồn” của đặc công Rừng Sác anh hùng.

Ngày 15/4/1966, Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác ra đời. Rừng Sác là một vị trí chiến lược quan trọng, bàn đạp hiểm yếu tiến công vào sào huyệt, đầu não Mỹ và tay sai tại Sài Gòn từ hướng Đông Nam. Sau trận Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta vào mùa xuân năm 1968, địch bao vây, đánh phá ác liệt Rừng Sác vào những năm 1969 - 1970 - 1971. Chính thời gian này, Lê Bá Ước là Trung đoàn trưởng kiêm Chính ủy Trung đoàn 10 đặc công, được các đồng chí thương yêu xem là “Anh cả Rừng Sác”. Đồng chí tham gia chỉ huy đánh thắng nhiều trận vang dội như đánh kho bom thành Tuy Hạ, đốt cháy kho xăng Nhà Bè, pháo kích kiêu đánh đặc công 70 trận vào dinh Độc lập, Tòa Đại sứ Mỹ, Bộ Tư lệnh Hải quân Sài Gòn. Tính từ năm 1966-1973, Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã tổ chức đánh 740 trận lớn nhỏ, tiêu diệt 6.200 tên địch. Đánh cháy và chìm 356 tàu, thuyền chiến đấu; đánh chìm tại các bến cảng 145 tàu vận tải quân sự và bắn cháy, chìm trên sông Lòng Tàu hơn 100 chiếc vận tải quân sự khác và bắn rơi 23 máy bay lên thẳng. Với những chiến công vang dội đó, Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 23/9/1973.

Đầu năm 1974, Lê Bá Ước được thăng quân hàm Trung tá, là Chính ủy Sư đoàn 2 đặc công. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Sư đoàn 2 đặc công Miền đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm giữ những đầu cầu trọng yếu và mở cửa cho 5 Quân đoàn chủ lực tiến vào giải phóng Sài Gòn.

Năm 1978, ông chỉ huy đơn vị bộ đội địa phương tham gia chiến đấu đánh Pôn Pốt bảo vệ nhân dân ở tuyến biên giới Lộc Ninh - Bù Đốp...

Hoàn thành nhiệm vụ trở về, Đại tá Lê Bá Ước tham gia lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang Đồng Nai và nhiều công tác ở địa phương.

Tâm tình của một cựu chiến binh thời bình: son sắt, thủy chung, nặng nghĩa tình đồng đội; lập bàn thờ hương khói cho hơn 800 liệt sĩ đặc công Rừng Sác, bốn ba khắp nơi tìm hài cốt liệt sĩ; kết nối nghĩa tình, chăm lo đời sống cho gia đình đồng đội đã hy sinh. Niềm thương nhớ và lòng tự hào về đơn vị, về đồng đội thôi thúc ông đúc kết kinh nghiệm, kết tinh giá trị để giáo dục truyền thống cho đời sau. Các công trình: Đền liệt sĩ Nhơn Trạch, di tích Căn cứ Cần Giờ, di tích Địa đạo Phước An và nhiều công trình đền ơn đáp nghĩa khác đều in đậm dấu ấn của Đại tá Lê Bá Ước. Hình ảnh cựu binh đặc công Rừng Sác Lê Bá Ước với bộ quân phục rực rỡ huân, huy chương và chất giọng Nam bộ hào sảng đã gieo hạt, đốt lửa truyền thống trong lòng biết bao lớp người, nhất là với thanh thiếu niên.

Đại tá cũng tham gia sáng tác nhiều thơ, văn, hồi ký... và là hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật Đồng Nai. Đặc biệt Hồi ký *Một thời Rừng Sác* ra đời như một lời tri ân, một nén tâm nhang mà Đại tá tưởng nhớ đến những chiến sĩ đặc công đã anh dũng chiến đấu hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tại chiến khu Rừng Sác. Những trang viết *Một thời Rừng Sác* (trọn bộ 2 tập) làm rõ thêm giá trị hy sinh của hai ngàn liệt sĩ, trong đó có đến 860 liệt sĩ là cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 10.

Đại tá Lê Bá Ước nguyên là Tỉnh ủy viên; Đại biểu HĐND tỉnh khóa III, IV; nguyên Chỉ huy phó Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai. Ông đã được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước: Huân chương Quân công hạng Nhì; Huân chương Chiến thắng hạng Ba; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Ba; Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Chiến sĩ vẻ vang Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Quân kỳ Quyết thắng; Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng. Đại tá Lê Bá Ước được Chủ tịch Nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2012.



## Phạm Văn Lạc

Phạm Văn Lạc<sup>(1)</sup>, tên thường gọi Tư Lạc, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng chí sinh năm 1915, quê quán tại Hùng Cường, Kim Động, tỉnh Hải Hưng. Cấp bậc, chức vụ khi từ trần vào năm 1989 là Đại tá, Phó chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.

Đồng chí Phạm Văn Lạc đã góp nhiều công lao cho phong trào cách mạng ở Bà Rịa - Long Khánh. Trong 2 cuộc kháng chiến, đồng chí luôn bám sát cơ sở. Có những thời điểm phong trào và cơ sở cách mạng ở Xuân Lộc - Long Khánh bị đánh phá, khủng bố ác liệt, song với bản lĩnh kiên trì, đồng chí đã trực tiếp xuống các sở cao su, các vùng nông thôn, bản làng người dân tộc từ Túc Trưng, Định Quán, Bình Lộc cho đến Gia Ray, Gia Huynh, Trảng Táo, Mây Tàu để móc nối xây dựng lại cơ sở, vận động thanh niên đi bộ đội, du kích. Nhờ thế, phong trào cách mạng từng bước đi lên. Đồng chí có độ dày thành tích trong kháng chiến, từ một chiến sĩ anh nuôi của Chi đội 10, trong kháng chiến chống Pháp là Đại đội trưởng Đại đội La Nha (sau trận đánh La Ngà 1/3/1948). Trong kháng chiến chống Mỹ, đồng chí tham gia đoàn mở đường Trường Sơn (559), về làm Bí thư Ban cán sự Long Khánh, Tỉnh đội trưởng Long Khánh, Tỉnh đội phó tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, Phó tư lệnh phân khu Bà Rịa, Tỉnh đội trưởng tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

Đồng chí Tư Lạc đã vận dụng hết sức tài tình về chiến thuật, cách đánh, nhất là hóa trang đánh địch, đây là cách đánh sở trường của đồng chí Tư Lạc. Thực tiễn các trận đánh do đồng chí Tư Lạc chỉ huy, như: ấp Bảo Vinh B; Hội đồng tề Xuân Lộc; ấp chiến lược Hưng Nghĩa... khi sử dụng cách hóa trang đánh địch đã mang lại hiệu suất chiến đấu rất cao, giải quyết chiến trường nhanh gọn, cầm chắc phần

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cung cấp thông tin.

thắng trong tay, tỷ lệ hy sinh, thương vong của ta rất ít. Trong đánh đế quốc Mỹ, đồng chí luôn vận dụng tốt 3 mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận nên đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí đã chiến đấu và chỉ huy chiến đấu trên 450 trận lớn nhỏ, kết quả diệt và bị thương 4.200 tên, thu 2.995 súng các loại và phương tiện quân sự khác; phá banh, làm rã 52 đồn, 11 ấp chiến lược của địch, kêu gọi 1.520 binh lính đào bỏ ngũ, xây dựng 66 cơ sở binh địch vận, giải phóng một vùng rộng lớn với 42 ngàn dân, phát triển được trên 200 đảng viên và 1.200 cơ sở cách mạng. Đồng chí đã quan tâm chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang từ một lực lượng nhỏ bé ban đầu, sau này trở thành một lực lượng hùng mạnh (cả bộ đội địa phương và du kích) đủ sức để đánh thắng kẻ thù. Đồng chí còn vận động đóng góp cho cách mạng trên 55 triệu đồng, 425 tấn gạo góp phần bảo đảm công tác hậu cần kháng chiến.

Đồng chí Tư Lạc còn có công lớn trong việc mở đường đưa đoàn đi B bất liên lạc với Chiến khu Đ. Vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, song đồng chí đã đưa đoàn đến vị trí an toàn, những thành viên của đoàn sau này trở thành những hạt nhân phong trào cách mạng ở chiến trường miền Nam.

Đồng chí Phạm Văn Lạc đã được tặng Huân chương Độc lập hạng Ba; Huân chương Quân công hạng Nhì; Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Quyết thắng hạng Nhì; Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc; Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Tháng 9/2014, đồng chí Phạm Văn Lạc được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nguyễn Tấn Vàng

Nguyễn Tấn Vàng<sup>(1)</sup> sinh năm 1934; quê quán ở xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; thường trú tại phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đồng chí nguyên là Chuẩn úy, Chốt trưởng Chốt 2, Tiểu đoàn 2, Đặc công U1 Biên Hòa.

Đồng chí tham gia cách mạng năm 1947. Tháng 10/1954, đồng chí được phân công tập kết ra Bắc tham gia các lớp đào tạo văn hóa, nghiệp vụ, kết nạp Đảng năm 1955. Tháng 8/1964, đồng chí cùng Đoàn 623 vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu; trải qua các chức vụ tiểu đội trưởng, trung đội trưởng; luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Cụ thể, đồng chí Nguyễn Tấn Vàng đã góp nhiều công lao cho phong trào cách mạng ở thị xã Biên Hòa, vận dụng hết sức tài tình về chiến thuật, cách đánh, nhất là cách đánh đặc công, mưu trí sáng tạo, có những sách kiến cải tiến kỹ thuật, như: Tự tạo đồng hồ hẹn giờ nổ chậm, cải tiến kết hợp một số bộ phận ĐH 10 và thủ pháo dù để đánh hủy diệt kho... Đây là cách đánh sở trường của đồng chí, qua đó nói lên được tính gan dạ, mưu trí, dũng cảm, táo bạo và cũng chính là một trong những điểm thể hiện chất anh hùng của đồng chí Nguyễn Tấn Vàng.

Trong suốt giai đoạn 1965 - 1972 của kháng chiến chống Mỹ, đồng chí đã chiến đấu và chỉ huy chiến đấu cùng Chốt 2, Tiểu đoàn 2, Đặc công U1 Biên Hòa, góp sức chung với cả nước bằng nhiều thành tích xuất sắc.

Tiêu biểu là trận đánh đêm 28/10/1966, đồng chí đã chỉ huy và trực tiếp tiến công 3 lần (lần 2 tháng 11, lần 3 tháng 12) vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353 ngàn đạn pháo và các loại bom của địch.

(1) Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1, được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Đáng chú ý, trong trận đánh đêm 3/2/1967, đồng chí lại đột nhập kho kho đò 53 đặt mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 sáng 4/2/1967, quả mìn hẹn giờ đầu tiên nổ, sau đó là tiếng nổ 3 quả mìn còn lại, mỗi quả nổ cách nhau 3 phút. Tiếng nổ vang rền suốt 30 tiếng đồng hồ, kích thích dây chuyền làm nổ tung 40 dây kho bom đạn rốc-kết, đại bác, phá hủy 80 ngàn quả đạn pháo các loại khác của Mỹ. Hiệu quả của trận đánh rất lớn; theo tin tình báo: Do thiệt hại ở kho Long Bình, bọn Mỹ đã bỏ dở 2 cuộc hành quân ở miền Tây Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (trung bình mỗi cuộc hành quân, địch dùng đến 21 ngàn quả pháo). Đài BBC nhận định : “Việt cộng đã đánh thủng dạ dày của quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam”.

2 trận đánh năm 1966-1967 đồng chí đã được Bác Hồ điện trực tiếp khen ngợi, bằng khen cấp U, Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú (250 tên Mỹ); sau giải phóng được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân Huy chương cao quý khác.

Vào tháng 9/2014, đồng chí Nguyễn Tấn Vàng được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



## Nguyễn Văn Lân

Đồng chí Nguyễn Văn Lân sinh năm 1938 tại Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội; hiện thường trú tại phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai; nhập ngũ tháng 2/1960, nghỉ hưu tháng 12/1988, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1966, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

Với 28 tuổi quân, đồng chí đã trải qua nhiều cương vị công tác, từ cán bộ tiểu đội trưởng, đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, tiểu đoàn trưởng, phó Tham mưu trưởng Trung đoàn và đã trực tiếp tham gia 6 chiến dịch lớn: Chiến dịch đánh bại cuộc hành quân Junction City của Mỹ trên địa bàn Đông Nam Bộ (từ tháng 2/1967 đến tháng 4/1967); Chiến dịch Mậu Thân năm 1968; Chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, Chiến dịch Nam Tây Nguyên năm 1973, Chiến dịch Phước Long năm 1974, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Trong các chiến dịch trên Nguyễn Văn Lân đã chỉ huy đánh nhiều trận, trong đó có 3 trận tiêu biểu.

Tháng 11/1973, trên cương vị Tiểu đoàn phó tiểu đoàn 14, đồng chí đã chỉ huy trực tiếp đánh trận Nội ở Yếu khu Bù Bông, tiêu diệt và bắt sống hơn 700 tên địch, thu nhiều vũ khí trang bị, chiến lợi phẩm, làm chủ trận địa góp phần mở rộng hành lang chiến lược trong Chiến dịch Nam Tây Nguyên ngày 4/11/1973.

Tháng 1/1975, trên cương vị Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 78, đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh trận Bù Na (tỉnh Phước Long), tiêu diệt hơn 300 tên địch, làm chủ trận địa và giải phóng hơn 20km Quốc lộ 14 từ Đồng Xoài đến Bù Đăng góp phần giải phóng tỉnh Phước Long ngày 6/1/1975.

Trên cương vị Phó Tham mưu trưởng, Trung đoàn 429 (nay là Lữ đoàn Đặc công 429), Binh chủng Đặc công, đồng chí đã chỉ huy chiến đấu 4 ngày đêm ở hướng Nam Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Kết quả đã tiêu diệt Chi khu cảnh sát Quận 8 (Ký Thúc Ôn)

đánh chiếm cầu Nhị Thiên Đường, cùng với lực lượng địa phương giải phóng quận 8 vào lúc 10 giờ ngày 30/4/1975.

Từ năm 1977-1988, đồng chí công tác tại Học viện Lục quân với cương vị là Phó khoa Hóa học, sau đó là cán bộ tác chiến Quân đoàn 5 tại Lạng Sơn trong chiến tranh biên giới phía Bắc. Tháng 12/1988 đồng chí được nghỉ hưu với quân hàm Trung tá, nguyên Phó Tham mưu trưởng Trung đoàn 429 (nay là Lữ đoàn 429), Binh chủng Đặc công đứng chân tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Khi về với đời thường, đồng chí tiếp tục tham gia công tác tại địa phương, với cương vị là Bí thư Đảng bộ bộ phận Khu phố; Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phường Long Bình Tân. Trên cương vị nào đồng chí cũng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng bảo vệ Tổ quốc, đồng chí đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng; 3 lần Dũng sĩ Quyết thắng; 2 danh hiệu Chiến sĩ thi đua; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; 4 Bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai.

Đồng chí Nguyễn Văn Lân vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được Chủ tịch Nước ký ngày 30/8/2018.



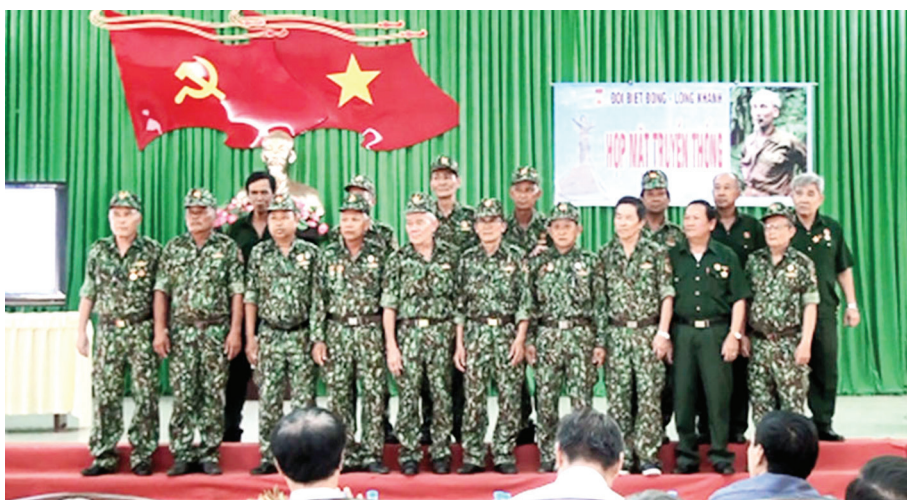
PHỤ LỤC ẢNH  
**ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG  
NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**







*Đội viên nữ  
Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh.*



*Cựu Chiến binh Đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh  
trong màu áo lính, 19/5/2018.*



*Đội viên du kích xã Phú Hội.*



*Quyết định phong danh hiệu AHLLVTND cho Nhân dân và LLVTND thị xã Biên Hòa (Số 368/KT - CTN ngày 22/12/1994).*



*Thành phố Biên Hòa đón nhận danh hiệu AHLLVTND, ngày 29/12/1994 (Có đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư TW Đảng tham dự).*



*Đồng chí Võ Chí Công, Đại tướng Võ Nguyên Giáp  
thăm di tích lịch sử cách mạng Chiến khu Đ  
trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, 1997.*



*Huyện Vĩnh  
Cửu đón nhận  
danh hiệu  
AHLTVTND,  
1996.*



*Đồng bào Chợ-ro xã Lý Lịch giã gạo nuôi quân,  
chuẩn bị Tết Mậu Thân 1968.*



*Đồng chí Lê  
Minh Trí,  
điện báo viên.*



*Đồng chí Giang Thanh Trà, Trưởng ban Thông tin T1 báo cáo  
Tổng kết năm 1974.*



*Đội công binh xưởng quân giới thị đội Long Khánh  
sản xuất vũ khí tự tạo.*





*Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng thăm già làng Năm Nổi -  
Bí thư Chi bộ Đảng đầu tiên của xã Lý Lịch, Chiến khu Đ,  
31/8/2008.*



*Đồng chí Đỗ Mười, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam cùng lãnh đạo thị xã Long Khánh chụp ảnh lưu niệm tại tượng đài chiến thắng Xuân Lộc, năm 2002.*



*Thị xã Long Khánh đón nhận danh hiệu AHLLVTND, năm 1994.*



*Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Long Khánh trước giờ ra trận.*



*Xã Tà Lài đón mừng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 6/11/1998.*



*Đồng chí Trương Mỹ Hoa, Phó Chủ tịch Nước gắn huy hiệu Anh hùng LLVTND lên lá cờ truyền thống của tỉnh Đồng Nai.*



*Tỉnh Đồng Nai đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND, (tháng 12/2000).*



*Tiểu đoàn 240 đón danh hiệu AHLLVTND, 18/12/2012.*



*Tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ Tiểu đoàn 240 tại tượng đài Bình Sơn, 18/12/2012.*



*Cán bộ, chiến sĩ Đại đội Lam Sơn họp mặt truyền thống tại huyện Vĩnh Cửu, 1997.*



*Tri ân anh hùng, liệt sĩ Đại đội Lam Sơn tại bia tường niệm Khu công nghiệp Biên Hòa 1, 27/3/2013.*



*Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Đặc công U1 đón nhận danh hiệu AHLLVTND, 8/4/2016.*



*Ký ức truyền thống Chi đội 10.*





*Đội cối Xuân Lộc đón nhận danh hiệu AHLTVTND, 31/8/2012.*



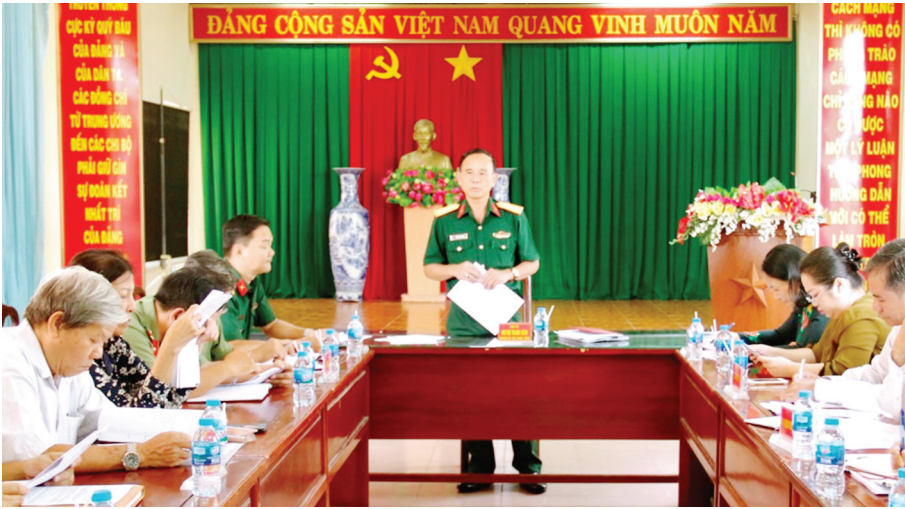
*Niềm vui của đội viên và người thân của  
Đội cối Xuân Lộc anh hùng.*



*Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu đón danh hiệu  
AHLTVTND, 1/9/2012.*



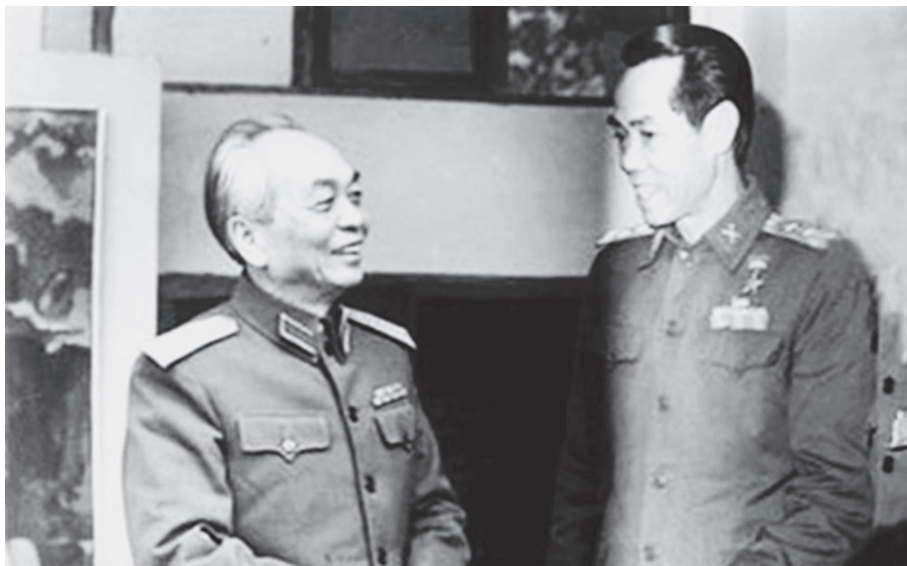
*Đồng chí Trương Mỹ Hoa, nguyên Phó Chủ tịch Nước dự kỷ niệm 60 năm ngày phá khám Nhà lao Tân Hiệp, 2016.*



*Ngày 8/10/2018, Đại tá Huỳnh Thanh Liêm triển khai Kế hoạch “Lễ đón nhận danh hiệu AHLLVTND” của tập thể chiến sĩ cách mạng Nhà lao Tân Hiệp, dự kiến vào ngày 2/12/2018.*



*Ký giả Phạm Xuân Ân (Trần Văn Trung) phỏng vấn tướng 3 sao, Tư lệnh vùng 3, năm 1968.*



Trần Văn Trung (Phạm Xuân Ân) tiếp kiến Đại tướng  
Võ Nguyên Giáp, năm 2004.



Quyết định tặng danh hiệu AHLLVTND cho liệt sĩ Liệu Cải,  
số 587/KT-CTN ngày 30/8/1995.



Quyết định tặng danh hiệu AHLTVTND cho liệt sĩ Lê A, số 587/KT-CTN ngày 30/8/1995.



Quyết định tặng danh hiệu AHLTVTND cho Đỗ Văn Thi, số 587/KT-CTN ngày 30/8/1995.



*Chân dung Điểu Cải do Võ Tấn Thành phục hiện theo lời kể của nhân chứng.*



*Lê Bá Ước chỉ huy chiến sĩ đặc công Rừng Sác.*



*Đại tá Lê Bá Ước thăm lại cơ sở năm xưa tham gia trận đánh đốt cháy kho bom Thành Tuy Hạ, 1972.*



*Phó Chủ tịch Nước Nguyễn Thị Bình trao danh hiệu AHELLVTND cho đồng chí Huỳnh Tấn Minh.*





*Đồng chí Huỳnh Văn Tới - Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai cùng lãnh đạo huyện Vĩnh Cửu thăm Anh hùng LLVTND Lê Duy Chín, 7/11/2018.*

## DANH SÁCH

# TẬP THỂ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên tập thể anh hùng	Năm phong tặng	Trang
1	Đội biệt động thị trấn Long Khánh	1976	13
2	Đại đội dân quân du kích xã Bình Lộc	1976	16
3	Đội trinh sát võ trang thị xã Long Khánh	1976	20
4	Đội dân quân du kích xã Bảo Vinh	1978	23
5	Đội du kích cao su Bình Sơn	1978	28
6	Đội dân quân du kích xã Tam An	1978	33
7	Đội dân quân du kích xã Hưng Lộc	1978	38
8	Đội dân quân du kích xã Phước An	1978	43
9	Đội dân quân du kích xã Phú Hội	1978	48
10	Đội dân quân du kích xã Thiện Tân	1978	52
11	Bệnh xá k20 - phân khu 4		56
12	Trại quản lý cải tạo phạm nhân k4 công an tỉnh Đồng Nai	1985	57
13	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Long Khánh	1994	61
14	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Biên Hòa	1994	102
15	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hiệp Hòa	1994	114
16	Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Đồng Nai	1995	126
17	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Hữu	1994	129
18	Công an thành phố Biên Hòa	1995	131
20	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Nhơn Trạch	1996	135
21	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Quán	1996	147

## TẬP THỂ ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

22	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Vĩnh Cửu	1996	173
23	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Lý	1996	192
24	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Lợi	1996	201
25	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Trị An	1996	209
26	Nhân dân và lực Lượng vũ trang nhân dân phường Thống Nhất	1996	220
27	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Thọ	1966	224
28	Cán bộ, công nhân viên lực lượng tự vệ Đồn điền cao su Bình Lộc	1996	234
28	Phòng Bảo vệ chính trị IV (PA38) công an tỉnh Đồng Nai	1998	237
30	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Long Thành	1998	241
31	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Trảng Bom	1998	263
32	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân An	1998	272
33	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Bình	1998	281
34	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Xuân Tân	1998	292
35	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Xuân Lập	1998	304
36	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tà Lài	1998	316
37	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thạnh Phú	1999	332
38	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phước Khánh	2000	343
39	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Tân	2000	354

## SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG

40	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đông	2000	365
41	Lực lượng Giao bưu Thông tin liên lạc tỉnh Đồng Nai	2000	372
42	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai	2000	386
43	Tiểu đoàn 240	2012	415
44	Đại đội Lam Sơn, Trung đoàn 310	8/2013	419
45	Tiểu đoàn 1, Đặc công U1	9/2014	430
46	Tiểu đoàn 2, Đặc công U1	9/2014	445
47	Chi Đội 10, tỉnh Biên Hòa	9/2014	455
48	Đội cối huyện Xuân Lộc	1/1996	472
49	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thiện Tân	2012	476
50	Chiến sĩ cách mạng Nhà lao Tân Hiệp	2018	486
51	Đội Công binh xưởng quân giới thị đội Long Khánh	2012	498
52	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bàu Hàm 2	1999	508
53	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long An	2000	511
54	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Long Phước	1994	521
55	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Túc	1998	531
56	Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Xuân Lộc	1999	537

## DANH SÁCH

# CÁ NHÂN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Họ và tên	Năm phong tặng	Trang
1	Nguyễn Văn Quang	1967	573
2	Nguyễn Quyết Chiến	1969	575
3	Bùi Văn Hòa	10/2 /1970	576
4	Trần Văn Chín	19/5/1972	580
5	Phạm Văn Cán	12/1975	581
6	Trần Văn Trung	1976	585
7	Điền Cải	6/11/1978	594
8	Lê A	6/11/1978	597
9	Hồ Thị Hương	6/11/1978	602
10	Trần Văn Nuôi	6/11/1978	605
11	Dương Văn Thị	6/11/1978	606
12	Nguyễn Thanh Tùng	6/11/1978	610
13	Lê Duy Chín	6/11/1978	613
14	Nguyễn Văn Huệ	6/11/1978	615
15	Trương Văn Hải	6/11/1978	617
16	Trần Đồi	6/11/1978	619
17	Trịnh Xuân Thiều	6/11/1978	620
18	Tổng Viết Dương	6/11/1978	622
19	Lương Văn Xuân	6/11/1981	624
20	Bùi Văn Bình	29/8/1985	626
21	Nguyễn Trọng Tâm	30/8/1985	630
22	Nguyễn Văn Bình	29/8/1985	632
23	Trần Công An	23/10/1996	634
24	Huỳnh Tấn Minh	19/1/1996	641
25	Đỗ Văn Thi	22/7/1998	645
26	Nguyễn Văn Huệ	24/8/2000	651

## SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG

27	Phạm Hạnh Phúc	2/7/2002	653
28	Lê Bá Ước	2012	656
29	Phạm Văn Lạc	2014	659
30	Nguyễn Tấn Vàng	2014	661
31	Nguyễn Văn Lân	30/8/2018	663



## MỤC LỤC

- Lời mở	5
- Phần 1: Tập thể Anh hùng LLVT nhân dân	11
- Phần 2: Cá nhân Anh hùng LLVT nhân dân	573
- Phần 3: Phụ lục ảnh	665



**SÁNG NGÒI CHẤT NGỌC ANH HÙNG**  
**Tập 1: ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG**  
**NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai,  
Sở Thông tin và Truyền thông Đồng Nai,  
Huỳnh Văn Tới - Nguyễn Minh Hùng  
(chủ biên)

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
GD-TBT. BÙI THỊ LÂM NGỌC  
Chịu trách nhiệm bản thảo:  
PGĐ. TRƯƠNG VĂN TUẤN

Biên tập: Võ Thị Thanh Hiếu  
Biên tập kỹ thuật: Nguyễn Văn Lừng  
Trình bày: Nguyễn Hoàng  
Sửa bản in: Thanh Hiếu  
Bìa: Hồ Giáo

---

In: 1.000 bản. Khổ: 16 x 24 cm. In tại: Công ty Thiên Ngôn - 134/8  
Hoàng Hoa Thám, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM.

Số XNKHXB: 4365-2018/CXBIPH/1- 445/ĐoN, Cục Xuất bản, In  
và Phát hành xác nhận ngày: 26/11/2018, Quyết định xuất bản số: 28/  
QĐA-ĐoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày: 07/12/2018.

In xong và nộp lưu chiểu: quý 1/2019.